Phần I. LỊCH SỬ THẾ GIỚI

Chương I. BỐI CẢNH QUỐC TẾ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

Bài 1. TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI SAU CHIẾN TRANH

I. CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Trình bày hoàn cảnh dẫn đến Hội nghị I-an-ta? Những quyết nghị của Hội nghị?

- Khi Chiến tranh thế giới lần thứ hai bước vào giai đoạn sắp kết thúc, một số vấn đề cấp thiết đặt ra cho các nước Đồng minh:

+ Kết thúc nhanh chiến tranh ở châu Âu, châu Á – Thái Bình Dương.

+ Tổ chức lại trật tự thế giới mới sau chiến tranh.

+ Phân chia khu vực đóng quân, phân chia phạm vi ảnh hưởng.

- Trong bối cảnh đó, hội nghị cấp cao của 3 cường quốc: Liên Xô, Mĩ, Anh diễn ra tại I-an-ta từ ngày 04 đến 12 - 02 - 1945.

- Hội nghị đã đi đến những quyết định sau đây:

+ Về việc kết thúc Chiến tranh thế giới thứ hai: Hội nghị thống nhất là tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật. Để nhanh chóng kết thúc chiến tranh, Liên Xô sẽ tham chiến chống Nhật sau khi chiến tranh đã kết thúc ở châu Âu.

+ Phân chia khu vực đóng quân để giải giáp quân phát xít và phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Âu và châu Á.

- Những quyết định của Hội nghị I-an-ta đã dẫn tới sự hình thành một trật tự thế giới mới, được gọi là : "Trật tự hai cực I-an-ta".

Câu 2: Hoàn cảnh ra đời, mục đích hoạt động và nguyên tắc của tổ chức Liên Hiệp Quốc?

** Hoàn cảnh ra đời:*

- Đầu 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai sắp bước vào giai đoạn kết thúc; các nước Đồng minh và nhân dân thế giới có nguyện vọng gìn giữ hòa bình, ngăn chặn nguy cơ chiến tranh thế giới mới.

- Tại Hội nghị I-an-ta (02 - 1945) các vị đứng đầu 3 cường quốc: Liên Xô, Mĩ, Anh đã thống nhất thành lập một tổ chức quốc tế mang tên Liên Hiệp Quốc để gìn giữ hòa bình, an ninh và trật tự thế giới sau chiến tranh.

- Từ 25 - 4 đến 26 - 6 - 1945, hội nghị đại biểu của 50 nước đã họp tại Xan-phơ-răng-xi-cô để thông qua hiến chương Liên Hiệp Quốc, thành lập tổ chức Liên Hiệp Quốc. Ngày thành lập Liên Hiệp Quốc 24 - 10 - 1945 và là ngày Hiến chương có hiệu lực.

** Mục đích hoạt động:*

- Duy trì hòa bình và an ninh thế giới.

- Thúc đẩy quan hệ, hữu nghị và hợp tác giữa các nước trên cơ sở tôn trọng quyền dân tộc tự quyết và quyền bình đẳng giữa các quốc gia.

** Nguyên tắc:*

- Quyền bình đẳng giữa quốc gia và các quyền dân tộc tự quyết.
- Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của tất cả các nước.
- Giải quyết quyết tranh chấp quốc tế bằng phương pháp hòa bình.
- Phải có sự nhất trí giữa 05 cường quốc : Liên Xô, Mĩ, Anh, Pháp, Trung Quốc.
- Liên Hiệp Quốc không can thiệp vào công việc nội bộ của bất cứ nước nào.

Câu 3. Từ tháng 5 năm 1945 đến tháng 10 năm 1949, tình hình nước Đức được giải quyết như thế nào?

- Vào ngày 9 – 5 – 1945, nước Đức phát xít bị Đồng minh đánh bại ở Béc-lin. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc ở mặt trận châu Âu.
- Sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, vấn đề nước Đức trở thành vấn đề trung tâm trong nhiều cuộc gặp gỡ giữa các nguyên thủ ba cường quốc Liên Xô, Mĩ và Anh.
- Tại Hội nghị Pốt-xđam (7 – 1945), ba cường quốc đã khẳng định:
  + Nước Đức phải trở thành một quốc gia thống nhất, hòa bình, dân chủ.
  + Tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít.
  + Thoả thuận việc phân chia các khu vực chiếm đóng và kiểm soát nước Đức sau chiến tranh.
- Tháng 12 – 1946, Mĩ và Anh đã tiến hành riêng rẽ việc hợp nhất hai khu vực chiếm đóng của mình nhằm chia cắt lâu dài nước Đức. Cuối cùng, tháng 9 – 1949, Mĩ, Anh, Pháp đã hợp nhất các vùng chiếm đóng và lập ra Nhà nước Cộng hòa Liên bang Đức.
- Ở Đông Đức, với sự giúp đỡ của Liên Xô, các lực lượng dân chủ đã thành lập Nhà nước Cộng hòa Dân chủ Đức vào tháng 10 – 1949.
- Như vậy, từ năm 1949 trên lãnh thổ nước Đức đã xuất hiện hai nhà nước Đức với chế độ chính trị và con đường phát triển khác nhau.

Câu 4. Sự hình thành hai hệ thống xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa sau Chiến tranh thế giới thứ hai như thế nào?

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Đông Âu đã tiến hành nhiều cải cách dân chủ quan trọng để cải tạo xã hội chủ nghĩa.

Đồng thời, Liên Xô đã cùng các nước Đông Âu kí kết nhiều hiệp ước tay đôi về kinh tế như trao đổi buôn bán, viện trợ lương thực, thực phẩm, mối quan hệ giữa Liên Xô và các nước Đông Âu ngày càng củng cố, từng bước hình thành hệ thống các nước dân chủ nhân dân – xã hội chủ nghĩa. Như thế, chủ nghĩa xã hội đã vượt ra khỏi phạm vi một nước và trở thành hệ thống thế giới.

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Tây Âu bị chiến tranh tàn phá nặng nề. Các nước này đều rất cần tiền vốn, thiết bị máy móc và hàng tiêu dùng, lương thực, thực phẩm nhằm khôi phục nền kinh tế và giải quyết khó khăn trong đời sống nhân dân.

- Vào lúc đó, Mĩ đề ra "Kế hoạch phục hưng châu Âu" nhằm viện trợ cho các nước Tây Âu khôi phục kinh tế, đồng thời tăng cường ảnh hưởng và sự khống chế của Mĩ đối với các nước này.
- Các nước Tây Âu khi nhận viện trợ của Mĩ đã trở thành đồng minh của Mĩ, từ đó hình thành hệ thống tư bản chủ nghĩa do Mĩ đứng đầu.

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Hội nghị cấp cao của ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh từ ngày 4 đến ngày 12 - 2 - 1945 tại đâu?

A. Tại Oa-sinh-tơn (Mĩ)
B. Tại I-an-ta (Liên Xô)
C. Tại Pốt-xđam (Đức)
D. Tại Luân Đôn (Anh).

Câu 2. Ghi tên người đứng đầu ba nước tham dự Hội nghị cấp cao của ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh.

Ba cường quốc	*Tên đại biểu dự Hội nghị*
1) Liên Xô	A..
2) Mĩ	B..
3) Anh	C..

Câu 3. Để kết thúc nhanh chiến tranh ở châu Âu và châu Á - Thái Bình Dương, ba cường quốc đã thống nhất mục đích gì?

A. Sử dụng bom nguyên tử để tiêu diệt phát xít Nhật.
B. Hồng quân Liên Xô nhanh chóng tấn công vào tận sào huyệt của phát xít Đức ở Béc-lin.
C. Tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và quân phiệt Nhật.
D. Tất cả các mục đích trên.

Câu 4. Hãy điền vào chỗ trống các câu sau đây:

A. Để nhanh chóng kết thúc chiến tranh ở châu Âu và châu Á - Thái Bình Dương và .... số tham chiến chống Nhật ở châu Á - Thái Bình Dương.
B. Ba cường quốc thống nhất thành lập tổ chức ....dựa trên sự nhất trí của 5 cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh, Pháp và Trung Quốc.
C. Hội nghị tiến đến thỏa thuận việc đóng quân tại các nước nhằm giải giáp quân đội phát xít và phân chia phạm vi ảnh hưởng ở ....

Câu 5. Theo quy định của Hội nghị I-an-ta, quân đội nước nào sẽ chiếm đóng các vùng lãnh thổ Tây Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản, Nam Triều Tiên sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Liên Xô
B. Anh
C. Mĩ
D. Pháp

Câu 6. Theo quy định của Hội nghị I-an-ta, quân đội nước nào sẽ chiếm đóng các vùng Đông Đức, Đông Âu, Đông Bắc Triều Tiên sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Liên Xô
B. Anh
C. Mĩ
D. Pháp

Câu 7. Ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh thống nhất thành lập tổ chức Liên Hợp Quốc tại hội nghị nào?

A. Hội nghị I-an-ta (Liên Xô) : 9-2-1945
B. Hội nghị Xan-phơ-răng-xi-cô (Mĩ) : 4-6-1945
C. Hội nghị Pốt-xđam (Đức) : 7-8-1945
D. A, B đúng

Câu 8. Nhiệm vụ chính là duy trì hòa bình và an ninh thế giới, phát triển mối quan hệ giữa các dân tộc trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền của các dân tộc và thực hiện hợp tác quốc tế về kinh tế, văn hóa, xã hội và nhân đạo là nhiệm vụ chính của:

A. Liên minh châu Âu
B. Hội nghị I-an-ta
C. ASEAN
D. Liên Hợp Quốc

Câu 9. Hãy nối nội dung dưới đây cho phù hợp với mục đích và nguyên tắc hoạt động của tổ chức Liên Hợp Quốc.

	Nội dung
1. Mục đích	A. Quyền bình đẳng giữa các quốc gia và quyền dân tộc tự quyết.
	B. Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của tất cả các nước.
2. Nguyên tắc	C. Duy trì nền hòa bình và an ninh thế giới.
	D. Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng phương pháp hòa bình.
	E. Thúc đẩy quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa các nước trên cơ sở tôn trọng quyền bình đẳng giữa các quốc gia và nguyên tắc dân tộc tự quyết.
	F. Không can thiệp vào công việc nội bộ của bất cứ nước nào.

Câu 10. Ghi đúng (Đ) hoặc sai (S) vào các ô đặt trước những câu sau đây về việc giải quyết vấn đề các nước phát xít chiến bại sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

☐ A. Nội dung và tinh thần cơ bản của việc giải quyết vấn đề nước Đức là quy định những nguyên tắc và biện pháp nhằm dân chủ hóa và hòa bình hóa nước Đức.

☐ B. Ở Đông Đức và Tây Đức, Mỹ, Anh, Pháp đã dung túng, nuôi dưỡng lực lượng quân phiệt dưới nhiều hình thức khác nhau.

☐ C. Liên Xô đã giúp đỡ các lực lượng dân chủ ở Đông Đức tiến hành những cải cách dân chủ.

☐ D. Chủ quyền của Nhật Bản giới hạn trên đất Nhật chính thống.

☐ E. Nhật Bản không được phát triển công nghiệp hòa bình.

☐ F. Mĩ và các nước Đồng minh đã phải tổ chức tòa án Tô-ki-ô xét xử tội phạm chiến tranh.

☐ G. Từ sau hội nghị cấp cao I-an-ta đến Hòa ước Pa-ri, các nước Đồng minh đã thiết lập một trật tự thế giới mới sau chiến tranh.

Câu 11. Trật tự thế giới mới theo khuôn khổ thỏa thuận I-an-ta của những nước nào ?

A. Liên Xô, Anh, Pháp, Mĩ
B. Liên Xô, Mĩ, Anh
C. Liên Xô, Anh, Pháp, Mĩ, Trung Quốc
D. Anh, Pháp, Mĩ

Câu 12. Tháng 3-1947, Tổng thống Tơ-ru-man của Mĩ chính thức phát động cuộc "Chiến tranh lạnh" nhằm mục đích gì ?

A. Chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.
B. Giữ vững nền hòa bình, an ninh thế giới sau chiến tranh.
C. Xoa dịu tinh thần đấu tranh của công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa.
D. Chống phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ La-tinh.

Câu 13. Thế nào là "Chiến tranh lạnh" do Mĩ phát động theo phương thức đầy đủ nhất?

A. Chuẩn bị gây ra một cuộc chiến tranh thế giới mới.
B. Dùng sức mạnh quân sự để đe dọa đối phương.

C. Thực tế chưa gây chiến tranh, nhưng chạy đua vũ trang làm cho nhân loại "luôn luôn ở trong tình trạng chiến tranh" thực hiện "chính sách đu đưa bên miệng hố chiến tranh".
D. Chưa gây chiến tranh nhưng dùng chính sách viện trợ để khống chế các nước.

Câu 14. Sự kiện nào dẫn đến sự tan vỡ mối quan hệ Đồng minh chống phát xít giữa Liên Xô và Mĩ?

A. Sự hình thành hệ thống XHCN sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
B. Sự ra đời của "Chủ nghĩa Tơ-ru-man" và "Chiến tranh lạnh" (03-1947)
C. Việc Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử (1949).
D. Sự ra đời của khối NATO (9-1949).

Câu 15. Hội nghị Pốt-xđam được triệu tập vào thời gian nào? Ở đâu?

A. Tháng 7 năm 1945. Ở Liên Xô.
B. Tháng 7 năm 1945. Ở Đức.
C. Tháng 8 năm 1945. Ở Mĩ.
D. Tháng 10 năm 1945. Ở Đức.

Câu 16. Theo tinh thần của Hội nghị Pốt-xđam, quân đội Liên Xô chiếm đóng vùng nào ở nước Đức?

A. Vùng lãnh thổ phía Đông nước Đức.
B. Vùng lãnh thổ phía Tây nước Đức.
C. Vùng lãnh thổ phía Nam nước Đức.
D. Vùng lãnh thổ phía Bắc nước Đức.

Câu 17. Theo tinh thần Hội nghị Pốt-xđam, vùng Tây Bắc và vùng phía Nam nước Đức do nước nào chiếm đóng?

A. Anh chiếm vùng Tây Bắc, Mĩ chiếm vùng phía Nam.
B. Trung Quốc chiếm vùng Tây Bắc, Mĩ chiếm vùng phía Nam.
C. Liên Xô chiếm vùng Tây Bắc, Pháp chiếm vùng phía Nam.
D. Pháp chiếm vùng Tây Bắc, Liên Xô chiếm vùng phía Nam.

Câu 18. Nước Cộng hòa Liên bang Đức được thành lập vào thời gian:

A. Tháng 8 năm 1948.
B. Tháng 12 năm 1948.
C. Tháng 9 năm 1949.
D. Tháng 10 năm 1949.

Câu 19. Sự kiện nào dẫn đến thành lập nước Cộng hòa Liên bang Đức?

A. Nước Đức được hoàn toàn thống nhất.
B. Nước Đức đã tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít.
C. Mĩ, Anh, Pháp hợp nhất các vùng chiếm đóng.
D. Tất cả các sự kiện trên.

Câu 20. Nhà nước Cộng hòa Dân chủ Đức được thành lập vào thời gian nào?

A. Tháng 9 năm 1949.
B. Tháng 10 năm 1949.
C. Tháng 12 năm 1949.
D. Tháng 1 năm 1950.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 1

1. B
2. 1) Liên Xô: Xta-lin. 2) Mĩ : F. Ru-dơ-ven 3) Anh : Sớc-xin
3. C
4. A. Liên Xô. B. Liên Hợp Quốc C. châu Âu và châu Á.
5.C 6.A 7. A 8.D 9. 1) C, E; 2) A, B, D, F.
10 A, C, D, F, G : Đúng. B, E : Sai.
11. B 12. A 13. C 14. B 15. B 16. A 17. A 18. C 19. C
20. B

Chương II. LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU (1945 – 1991) LIÊN BANG NGA

Bài 2. LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU (1945 – 1991) LIÊN BANG NGA

I. CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Những thành tựu chủ yếu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến giữa những năm 1970?

- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai với tư thế của người chiến thắng, uy tín chính trị và địa vị quốc tế của Liên Xô được nâng cao.

- Tuy nhiên chiến tranh đã tàn phá đất nước với những tổn thất nặng nề, to lớn:

  + 20 triệu người chết.

  + 1710 thành phố và hơn 70.000 làng mạc bị tiêu huỷ, gần 32.000 nhà máy, xí nghiệp bị tàn phá.

  + Đời sống gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn.

- Thêm vào đó, các nước phương Tây (do Mĩ cầm đầu) đã thực hiện chính sách thù địch với Liên Xô: Tiến hành "chiến tranh lạnh", ráo riết chạy đua vũ trang và bao vây kinh tế nhằm chuẩn bị chiến tranh tổng lực để tiêu diệt Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

- Ngoài ra, Liên Xô còn phải làm nghĩa vụ giúp đỡ các nước xã hội chủ nghĩa và ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

- Để đưa đất nước vượt qua khó khăn, nhân dân Liên Xô đã khẩn trương tiến hành hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng lại đất nước, hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm khôi phục kinh tế (1946 – 1950) trong vòng 4 năm 3 tháng.

- Từ năm 1950, Liên Xô thực hiện nhiều kế hoạch dài hạn nhằm tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội và đã thu được nhiều thành tựu to lớn.

- *Về công nghiệp:* Đến giữa những năm 1970, Liên Xô trở thành cường quốc công nghiệp đứng thứ hai trên thế giới (sau Mĩ) chiếm khoảng 20% tổng sản lượng công nghiệp thế giới.

- *Về nông nghiệp:* Riêng 1970, Liên Xô đạt được sản lượng và năng suất ngũ cốc chưa từng có với 186 triệu tấn ngũ cốc và năng suất trung bình 15,6 tạ/hécta.

- *Về khoa học - kĩ thuật:* Liên Xô đạt nhiều đỉnh cao ở các lĩnh vực vật lý, hóa học, điện tử, điều khiển học, khoa học vũ trụ.... Năm 1957 là nước đầu tiên phóng thành công vệ tinh nhân tạo của Trái đất, mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người. Năm 1960 đưa nhà du hành vũ trụ Ga-ga-rin bay vòng quanh Trái Đất.

- Liên Xô đứng đầu thế giới về trình độ học vấn của nhân dân với 3/4 dân số có trình độ đại học và trung học, trên 30 triệu người làm việc trí óc, công nhân chiếm hơn 1/2 số người lao động trong cả nước.

- Đầu năm 1970, bằng việc kí kết với Mĩ các hiệp ước về hạn chế hệ thống phòng chống tên lửa và về một số biện pháp nhằm hạn chế vũ khí tiến công chiến lược, Liên Xô đã đạt được thế cân bằng chiến lược về sức mạnh quân sự nói chung và sức mạnh lực lượng hạt nhân nói riêng với các nước phương Tây.

Câu 2: Tình hình kinh tế - xã hội ở Liên Xô từ nửa sau những năm 1970 đến 1985 như thế nào?

- Năm 1973 cuộc khủng hoảng dầu mỏ nghiêm trọng đã nổ ra khởi đầu cuộc khủng hoảng chung của toàn thế giới trên nhiều mặt kinh tế, chính trị, tài chính... đặt ra cho nhân loại nhiều vấn đề cấp thiết cần giải quyết:

  + Sự bùng nổ dân số và hiểm họa vơi cạn dần các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

  + Sự phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật, đòi hỏi các quốc gia phải có những điều chỉnh lớn về mọi mặt để thích ứng với tình hình, sự giao lưu, hợp tác quốc tế ngày càng phát triển theo xu hướng quốc tế hoá cao.

- Song những người lãnh đạo Đảng và Nhà nước Liên Xô chủ quan cho rằng: quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa không chịu sự tác động của cuộc khủng hoảng toàn thế giới, do đó chậm thích ứng, chậm sửa đổi. Trên thực tế mô hình và cơ chế cũ của chủ nghĩa xã hội về kinh tế, chính trị, xã hội được hình thành trước đó vốn đã tích tụ những thiếu sót và sai lầm nên không phù hợp và cản trở sự phát triển của xã hội Xô viết. Mặt khác cùng với cơ chế tập trung quan liêu bao cấp là tình trạng thiếu dân chủ, thiếu công bằng vi phạm nghiêm trọng pháp chế xã hội chủ nghĩa và nhiều tệ nạn khác đã gây nên sự bất mãn trong nhân dân, đất nước lâm vào tình trạng "trì trệ" kéo dài, lương thực thực phẩm phải nhập từ các nước phương Tây. Đời sống nhân dân càng giảm sút.

Câu 3: Công cuộc cải tổ ở Liên Xô từ năm 1985 đến 1991 như thế nào? Hậu quả của nó?

Đầu 1985, Goóc-ba-chốp lên nắm quyền lãnh đạo Đảng và Nhà nước Liên Xô đã tiến hành công cuộc cải tổ.

- Cuộc cải tổ được tiến hành trên các mặt chính trị, xã hội như: thiết lập chế độ tổng thống tập trung nắm mọi quyền lực, thực hiện đa nguyên, đa đảng về chính trị, đề cao dân chủ và công khai về kinh tế: Chính phủ Liên Xô đưa ra nhiều phương án nhằm chuyển biến nền kinh tế Xô viết sang cơ chế thị trường nhưng chưa thực hiện được gì, trong khi đó quan hệ kinh tế cũ bị phá vỡ mà các quan hệ kinh tế mới chưa hình thành.

- Trong gần 6 tháng tiến hành, công cuộc cải tổ ngày càng lún sâu vào bế tắc do vấp phải nhiều khó khăn, trở ngại: Sự suy sụp về kinh tế kéo theo những khó khăn về chính trị và những tệ nạn xã hội, mâu thuẫn và xung đột giữa các dân tộc dẫn đến hiện tượng li khai của một số nước cộng hòa ra khỏi Liên bang Xô viết: Lít-va, Es-tô-ni-a, Lát-vi-a; sự chia rẽ và hình thành các phe phái trong nội bộ Đảng Cộng sản Liên Xô cùng sự xuất hiện một loạt đảng phái với nhiều xu hướng chính trị khác nhau trong xã hội; sự ngóc đầu dậy của các thế lực chống chủ nghĩa xã hội.

Tất cả đã đặt đất nước Xô viết trước những khó khăn và thử thách nghiêm trọng, đặc biệt vào đầu thập niên 90.

- Ngày 19 - 8 - 1991, một số người lãnh đạo Đảng, Nhà nước Xô viết đã tiến hành cuộc đảo chính lật đổ Goóc-ba-chốp. Cuộc đảo chính thất bại nhanh chóng (21 - 8). Sau đó, Goóc-ba-chốp từ chức Tổng bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô.

Đảng Cộng sản Liên Xô bị đình chỉ hoạt động trong toàn liên bang; chính quyền Xô viết bị giải thể. Mười một nước Cộng hoà tuyên bố độc lập.

Một làn sóng chống Đảng, chống chủ nghĩa xã hội dấy lên trong nước.

- Ngày 21 - 12- 1991, tại thủ đô An-ma-ta (Ca-dắc-xtan) những người lãnh đạo 11 nước cộng hoà kí Hiệp định về giải tán Liên bang Xô viết và thành lập Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG).

- Ngày 25 - 12 - 1991, Tổng thống Goóc-ba-chốp phải tuyên bố từ chức và cùng ngày lá cờ đỏ búa liềm trên nóc điện Krem-li bị hạ xuống, đánh dấu sự sụp đổ của mô hình chế độ xã hội chủ nghĩa xô viết và sự tan vỡ của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết.

Câu 4: Sự khủng hoảng rồi sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu diễn ra như thế nào?

- Vào những năm 1970, nền kinh tế các nước Đông Âu suy giảm về nhịp độ tăng trưởng.

- Sang những năm 1980, Đông Âu đề ra chiến lược phát triển kinh tế - xã hội với chỗ dựa là thành tựu khoa học kĩ thuật nhưng chưa đạt được kết quả gì.

- Đến năm 1985, khi Liên Xô tiến hành cải tổ thì các nước Đông Âu vẫn chưa chuyển biến mạnh để thích ứng:

+ An-ba-ni vẫn giữ nguyên cơ chế cũ.

+ Cộng hòa Dân chủ Đức và Ru-ma-ni cho rằng mình không có gì sai sót phải cải tổ cải cách.

+ Ba Lan: tình hình kinh tế, chính trị xã hội trở nên căng thẳng và phức tạp. Sự bất bình của nhân dân trước sự độc đoán hoặc lạm dụng quyền lực cùng những đặc quyền đặc lợi của một số người lãnh đạo quan chức cấp cao Nhà nước.

- Lợi dụng tình hình đó, các thế lực chống chủ nghĩa xã hội ra sức kích động công nhân bãi công, quần chúng biểu tình, đấu tranh đòi Đảng và Nhà nước các nước Đông Âu phải cải cách kinh tế, chính trị thực hiện chế độ đa nguyên về chính trị, xoá bỏ độc quyền lãnh đạo của Đảng Cộng sản, tiến hành cuộc tổng tuyển cử tự do. Những hoạt động trên làm tê liệt mọi sinh hoạt của đất nước đẩy chế độ xã hội chủ nghĩa vào cuộc khủng hoảng toàn diện và trầm trọng. Ban lãnh đạo Đảng và Nhà nước Đông Âu lần lượt buộc phải chấp nhận xoá bỏ độc quyền lãnh đạo của Đảng Cộng sản, thừa nhận chế độ đa nguyên về chính trị và tiến hành tổng tuyển cử tự do.

- Như vậy, trong những năm 1989 - 1991, chế độ xã hội chủ nghĩa đã bị sụp đổ ở hầu hết các nước Đông Âu và chế độ mới được dựng lên với những nét chung nổi bật là :

+ Tuyên bố từ bỏ Chủ nghĩa Mác – Lê-nin và chủ nghĩa xã hội, thực hiện đa nguyên về chính trị và chế độ đa đảng.

+ Xây dựng Nhà nước pháp quyền đại nghị và kinh tế thị trường.

+ Giai cấp công nhân chia rẽ thành nhiều phe phái.

+ Tên nước, quốc kì, quốc huy và ngày quốc khánh đều thay đổi theo hướng chung gọi là cộng hoà.

Câu 5. Sự sụp đổ của Liên bang Xô viết diễn ra như thế nào?

- Ngày 19 – 8 – 1991, một số người lãnh đạo Đảng, Nhà nước Xô viết đã tiến hành cuộc đảo chính lật đổ Goóc-ba-chốp. Cuộc đảo chính thất bại nhanh chóng (21 – 8).

- Sau khi trở lại nắm chính quyền, Goóc-ba-chốp từ chức Tổng bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô, yêu cầu giải tán Uỷ ban Trung ương Đảng (24 – 8- 1991). Đảng Cộng sản Liên Xô bị đình chỉ hoạt động (29-8-1991). Chính quyền Xô viết trong toàn liên bang bị tê liệt.

- Ngày 6 – 9 – 1991, Quốc hội bãi bỏ Hiệp ước Liên bang năm 1922, trao quyền cho các cơ quan lâm thời.

- Ngày 21 - 12- 1991, tại thủ đô An-ma ta (Ca-dắc-xtan) 11 nước cộng hòa kí Hiệp định về giải tán Liên bang Xô viết và thành lập Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG).

- Ngày 25 - 12 – 1991, Tổng thống Goóc-ba-chốp phải tuyên bố từ chức và cùng ngày lá cờ đỏ búa liềm trên nóc Điện Krem-li bị hạ xuống, đánh dấu sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa và sự tan vỡ của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết.

Câu 6. Sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu diễn ra như thế nào?

- Cuối năm 1988, cuộc khủng hoảng nổ ra ở Ba Lan sau đó lan sang các nước Hung-ga-ri, Tiệp Khắc, Cộng hòa Dân chủ Đức, Ru-ma-ni, Bun-ga-ri, An-ba-ni.

- Nhiều cuộc mít tinh, biểu tình, tuần hành diễn ra dồn dập, đòi cải cách kinh tế, thực hiện đa nguyên về chính trị, tiến hành tổng tuyển cử tự do.

- Các thế lực chống phá chủ nghĩa xã hội trong và ngoài nước kích động quần chúng, thúc đẩy các hoạt động lật đổ chính quyền.

- Những hoạt động trên làm tê liệt mọi sinh hoạt của đất nước, đẩy chủ nghĩa xội lâm vào khủng hoảng toàn diện.

- Như vậy, trong những năm 1988 - 1991, chế độ xã hội chủ nghĩa đã bị sụp đổ ở hầu hết các nước Đông Âu.

- Cùng với sự khủng hoảng và sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu, ngày 28 – 6 – 1991, Hội đồng Tương trợ Kinh tế tuyên bố giải thể, ngày 1 – 7 – 1991 tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va chấm dứt hoạt động.

Câu 7. Nguyên nhân dẫn đến sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu?

- Thiếu tôn trọng đầy đủ các quy luật phát triển khách quan về kinh tế - xã hội, chủ quan duy ý chí, thực hiện cơ chế tập trung quan liêu bao cấp thay cho cơ chế thị trường.

- Không bắt kịp sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại, đưa tới sự khủng hoảng về kinh tế - xã hội.

- Khi tiến hành cải tổ lại phạm sai lầm trên nhiều mặt, làm cho khủng hoảng ngày càng thêm nặng nề.

- Hoạt động chống phá của các thế lực chống chủ nghĩa xã hội trong và ngoài nước.

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước đế quốc do Mĩ cầm đầu đã thực hiện âm mưu cơ bản gì để chống lại Liên Xô?

A. Tiến hành bao vây kinh tế.

B. Gây cuộc "chiến tranh lạnh".

C. Đẩy mạnh chiến tranh tổng lực.

D. Lôi kéo các nước đồng minh chống lại Liên Xô.

Câu 2. Từ năm 1946 – 1950, Liên Xô đã đạt được thắng lợi to lớn gì trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội?

A. Hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm khôi phục kinh tế.
B. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo của Trái đất.
C. Xây dựng cơ sở vật chất - kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội
D. Thành lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết.

Câu 3. Năm 1949 đã ghi dấu ấn vào lịch sử Liên Xô bằng sự kiện nổi bật nào?

A. Liên Xô phóng thành công vệ tinh nhân tạo.
B. Liên Xô đập tan âm mưu thực hiện cuộc "chiến tranh lạnh" của Mĩ.
C. Liên Xô thực hiện được nhiều kế hoạch dài hạn
D. Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử.

Câu 4. Trong các câu dưới đây, câu nào đúng (Đ), câu nào (S) khi nói đến thành tựu xây dựng CNXH ở Liên Xô (từ 1945 đến nửa đầu những năm 70)?

TT	*Nội dung*	*Đ*	*S*
1	Năm 1960, tổng sản lượng công nghiệp tăng 72% so với trước chiến tranh.		
2	Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết được thành lập vào năm 1922.		
3	Trong những năm 1946 - 1950, Liên Xô trở thành cường quốc công nghiệp đứng thứ hai trên thế giới (sau Mĩ).		
4	Liên Xô là nước đi đầu trong một số ngành công nghiệp mới: Công nghiệp vũ trụ, công nghiệp điện nguyên tử.		
5	Năm 1957, Liên Xô phóng con tàu vũ trụ đưa nhà du hành vũ trụ Ga-ga-rin bay vòng quanh Trái đất.		

Câu 5. Nối thời gian ở cột A cho phù hợp với sự kiện ở cột B sau đây khi nói về sự thành lập các nước dân chủ nhân dân Đông Âu:

A	B
1) 22 - 7 - 1944	A. Cộng hòa Nhân dân Bun-ga-ri
2) 23 - 8 - 1944	B. Cộng hòa Nhân dân An-ba-ni
3) 4 - 4 - 1945	C. Cộng hòa Nhân dân Ba Lan
4) 9 - 5 - 1945	D. Cộng hòa Nhân dân Ru-ma-ni
5) 29 - 11 - 1945	E. Cộng hòa dân chủ Đức
6) 11 - 12 - 1945	F. Cộng hòa Nhân dân Hung-ga-ri
7) 15 - 9 - 1946	G. Cộng hòa liên bang nhân dân Nam Tư
8) 7 - 10 - 1949	H. Cộng hòa Tiệp Khắc

Câu 6. Vào khoảng thời gian nào các nước Đông Âu lần lượt hoàn thành cách mạng dân chủ nhân dân và bước vào thời kì xây dựng CNXH ?

A. Khoảng những năm 1945 - 1946 B. Khoảng những năm 1946 - 1947
C. Khoảng những năm 1947 - 1948 D. Khoảng những năm 1948 - 1949

Câu 7. Hãy điền tên nước ở Đông Âu vào chỗ trống các câu sau đây:

A. Năm 1970, ... đã hoàn thành công cuộc điện khí hóa cả nước.
B. Gần nửa dân số .... sống trong những ngôi nhà mới xây dưới chính quyền nhân dân.
C. Ở ....., tổng sản phẩm công nông nghiệp năm 1975 tăng 55 lần so với năm 1939.
D. Sau 20 năm xây dựng chế độ mới, ... đã trở thành một nước công nông nghiệp, có văn hóa và khoa học - kĩ thuật tiên tiến.
E. .... đã được xếp vào hàng các nước công nghiệp trên thế giới; năm 1970, sản lượng công nghiệp chiếm 1,75% tổng sản lượng công nghiệp toàn thế giới.

Câu 8. Năm 1973 diễn ra sự biến gì có ảnh hưởng rất lớn đối với các nước?

A. Khủng hoảng kinh tế B. Khủng hoảng năng lượng
C. Khủng hoảng chính trị D. Tất cả các sự biến trên

Câu 9. Vào khoảng những năm 70 của thế kỷ XX, trên thế giới đã diễn ra sự kiện gì bất lợi và có lợi cho các nước?

A. Cuộc khủng hoảng năng lượng và sự phát triển vượt bậc của cách mạng khoa học - kĩ thuật.
B. Cuộc khủng hoảng năng lượng và sự bùng nổ dân số.
C. Sự bùng nổ dân số và tài nguyên thiên nhiên ngày càng phong phú.
D. Sự bùng nổ dân số và sự đổi mới kinh tế, chính trị của các nước.

Câu 10. Trước những biến đổi của tình hình thế giới trong những năm 70, những người lãnh đạo Đảng, nhà nước Liên Xô đã làm gì ?

A. Ứng dụng thành tựu khoa học - kĩ thuật vào sản xuất.
B. Chậm thích ứng, chậm sửa đổi.
C. Chuyển đổi cơ cấu kinh tế cho phù hợp với tình hình thế giới.
D. Giao lưu, hợp tác với các nước.

Câu 11. Dưới đây là một số biểu hiện của cuộc khủng hoảng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô từ nửa sau những năm 70 đến 1991. Hãy xác định đâu là công cuộc cải tổ, đâu là hậu quả của nó.

Nội dung	*Công cuộc cải tổ*	*Hậu quả*
1. Thực hiện đa nguyên, đa đảng		
2. Đất nước Liên Xô đứng trước những khó khăn và thử thách nghiêm trọng chưa từng có.		
3. Sự xung đột giữa các dân tộc, sắc tộc		
4. Chuyển nền kinh tế từ bao cấp sang cơ chế thị trường nhưng chưa làm được gì.		
5. Cuộc đảo chính lật đổ Tổng thống Góoc-ba-chốp vào ngày 19 - 8 - 1991		
6. Thành lập Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG).		

Câu 12. Ba nước cộng hòa đầu tiên li khai khỏi Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết là:

A. U-crai-na, Ban tích, Môn-đô-va B. Ban tích, Gru-di-a, Môn-đô-va
C. Ban tích, Ác-mê-ni-a, Môn-đô-va D. Bê-la-rút, Ca-dắc-xtan, Ác-mê-ni-a.

Câu 13. Đảng Cộng sản Liên Xô bị đình chỉ hoạt động trong toàn liên bang vào thời điểm nào?

A. Sau cuộc đảo chính lật đổ Goóc-ba-chốp

B. Khi Goóc-ba-chốp lên làm tổng thống

C. Khi Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết bị giải tán

D. Khi 11 nước cộng hòa tuyên bố độc lập.

Câu 14. Hãy nối sự kiện ở cột B cho phù hợp với thời gian ở cột A sau đây:

A	B
1) 19 - 8 - 1991	A. 11 nước cộng hòa trong Liên bang Xô viết cũ thành lập Cộng đồng các quốc gia độc lập.
2) 21 - 8 - 1991	B. Cuộc đảo chính lật đổ Tổng thống Goóc-ba-chốp.
3) 21 - 12 - 1991	C. Cuộc đảo chính bị thất bại.
4) 25 - 12 - 1991	D. Tổng thống Goóc-ba-chốp từ chức.

Câu 15. Cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu diễn ra sớm nhất ở nước nào?

A. Ru-ma-ni B. Hung-ga-ri C. Ba Lan D. Tiệp Khắc

Câu 16. Nguyên nhân nào dưới đây làm cho Liên Xô và các nước Đông Âu bị "trì trệ", khủng hoảng rồi đi đến sụp đổ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội?

A. Do xây dựng mô hình chủ nghĩa xã hội chưa khoa học, chưa nhân văn.

B. Do chậm sửa chữa, thay đổi trước những biến động của tình hình thế giới.

C. Do hoạt động chống phá của các thế lực chống chủ nghĩa xã hội.

D. Tất cả các nguyên nhân trên.

Câu 17. Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) được thành lập vào thời gian nào ?

A. Ngày 8 - 1 - 1949. B. Ngày 1 - 8 - 1949.

C. Ngày 18 - 1 - 1950. D. Ngày 14 - 5 - 1955.

Câu 18. Mục đích của việc thành lập Hội đồng tương trợ kinh tế là gì ?

A. Tạo ra mối quan hệ chặt chẽ về kinh tế giữa các nước Đông Âu với nhau

B. Thúc đẩy sự hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau chặt chẽ hơn nữa về kinh tế, văn hóa và khoa học - kĩ thuật giữa Liên Xô với các nước Đông Âu và các nước XHCN khác.

C. Tạo ra một cộng đồng kinh tế của các nước xã hội chủ nghĩa giàu mạnh.

D. Tất cả các mục đích trên.

Câu 19. Ghi tên các nước gia nhập vào Hội đồng tương trợ kinh tế theo thời gian sau đây:

Năm	Các nước gia nhập
1) 1949	A..
2) 1950	B..
3) 1962	C..
4) 1972	D..
5) 1978	E..

Câu 20. Từ lúc thành lập đến khi chấm dứt hoạt động, Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) tồn tại được bao nhiêu năm?

A. 43 năm B. 45 năm C. 55 năm D. 60 năm

Câu 21. Nguyên nhân nào là cơ bản nhất làm cho Hội đồng tương trợ kinh tế chấm dứt hoạt động?

A. Hoạt động "khép kín cửa".

B. Bị Mĩ và Tây Âu chèn ép.

C. Sự hợp tác không toàn diện.

D. Sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu.

Câu 22. Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va được thành lập vào thời gian nào?

A. Ngày 8 - 1 - 1949 B. Ngày 14 - 5 - 1955

C. Ngày 15 - 4 - 1955 D. Ngày 16 - 7 - 1954

Câu 23. Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va mang tính chất gì?

A. Là một liên minh phòng thủ về quân sự - chính trị của Liên Xô và các nước Đông Âu nhằm chống lại âm mưu gây chiến của Mĩ và Tây Âu.

B. Là một liên minh quân sự của các nước xã hội chủ nghĩa nhằm chống lại cuộc "chiến tranh lạnh" của Mĩ.

C. Là một tổ chức quân sự - chính trị, kinh tế để bảo vệ thành trì chủ nghĩa xã hội.

D. Tất cả đều đúng.

Câu 24. Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va trở thành một đối trọng với khối quân sự nào của Mĩ?

A. Khối SEATO B. Khối CENTO C. Khối NATO D. Khối Mác-san

Câu 25. Hãy điền vào chỗ trống mệnh đề sau đây:

"Sau những biến động chính trị lớn ở các nước .....(A)..... và sau khi những người đứng đầu hai nhà nước ......(B)....... đã thỏa thuận với nhau về việc chấm dứt cuộc .....(C)..... việc tiếp tục tồn tại của tổ chức .....(D)..... không còn thích hợp với tình hình mới nữa".

Câu 26. "Hiệp ước hữu nghị liên minh tương trợ Xô-Trung" được ký kết vào thời gian nào?

A. Ngày 1 - 10 - 1949 B. Ngày 16 - 12 - 1949

C. Ngày 14 - 2 - 1950 D. Ngày 12 - 4 - 1950

Câu 27. Hãy nối các niên đại ỏ cột A phù hợp với sự kiện ở cột B

A	B
1/ 1949	A. Hội đồng tương trợ kinh tế giải thể
2/ 1957	B. Công cuộc cải tổ ở Liên Xô bắt đầu
3/ 1991	C. Liên Xô phóng thành công vệ tinh nhân tạo
4/ 1985	D. Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử
5/ 1955	E. Thành lập tổ chức Hiệp ước phòng thủ Vác-sa-va

Câu 28. Hãy ghi đúng (Đ) hoặc sai (S) vào các câu dưới đây:

A. Ju-ri Ga-ga-rin là người đầu tiên đặt chân lên mặt trăng.

B. Sau chiến tranh thế giới, các nước Đông Âu xây dựng chế độ chủ nghĩa tư bản.

THƯ VIỆN TỈNH BÌNH THUẬN

C. Tổ chức Hiệp ước phòng thủ Vác-sa-va là tổ chức đối lập với khối Bắc Đại Tây Dương (NATO).

D. Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết tồn tại trong 73 năm.

E. Liên Xô là nước đầu tiên phóng thành công vệ tinh nhân tạo của Trái đất (1957).

G. Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) thành lập để hợp tác với các nước chủ nghĩa tư bản.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 2

1. B 2. A 3. D 4. 2, 4: Đ; 1,3,5:S
5. 1: C; 2: D; 3: F; 4: 5:H; G; 6: B; 7: A; 8: E.
6. D
7. A. An-ba-ni; B. Ba lan. C. Bun-ga-ri;
D. Hung-ga-ri. E. Tiệp khắc
8. B 9. A 10. B
11. 1, 4: Công cuộc cải tổ. 2, 3, 5, 6: Hậu quả.
12. B 13. A
14. 1: B; 2: C; 3: A; 4: D
15. C 16. B 17. A 18. B
19. A. Liên Xô, An-ba-ni, Ba Lan, Bun-ga-ri, Hung-ga-ri
B. Cộng hòa Dân chủ Đức
C. Cộng hòa Nhân dân Mông Cổ
D. Cộng hòa Cu-Ba
E. Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
20. A 21. D 22. C 23. A 24. C
25. A. Đông Âu B. Xô, Mĩ
C. "chiến tranh lạnh" D. Hiệp ước Vác-sa-va
26. C
27. 1 : D, 2 : C, 3 : A, 4 : B, 5: E
28. A, B, G: Sai. C, D, E: Đúng

Chương III. CÁC NƯỚC Á, PHI, MĨ LA-TINH (1945 – 2000)

Bài 3. TRUNG QUỐC VÀ BÁN ĐẢO TRIỀU TIÊN

I. CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Hãy trình bày cuộc nội chiến ở Trung Quốc (1946 – 1949).

a. Hoàn cảnh dẫn đến nội chiến.

- Sau cuộc chiến tranh chống Nhật thắng lợi, cục diện cách mạng do Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo có nhiều biến động quan trọng khác trước :

+ Lực lượng quân chủ lực lên tới 120 vạn người.

+ Lực lượng dân quân lên tới 200 vạn người.

+ Vùng giải phóng mở rộng gồm 19 khu căn cứ chiếm 1/4 đất đai và 1/3 dân số cả nước.

- Trung Quốc được Liên Xô chuyển giao vùng Đông Bắc. Đây là vùng công nghiệp có vị trí chiến lược quan trọng, giao toàn bộ vũ khí tước được của hơn 1 triệu quân Quan Đông Nhật cho quân giải phóng và nhân dân Trung Quốc.

Tất cả đã tạo thêm điều kiện thuận lợi dẫn tới sự phát triển và thắng lợi của cách mạng dân tộc dân chủ Trung Quốc.

- Trước tình hình đó, Tưởng Giới Thạch âm mưu phát động cuộc nội chiến nhằm tiêu diệt Đảng Cộng sản Trung Quốc và phong trào cách mạng Trung Quốc.

- Được sự giúp đỡ của Mĩ (trong 2 năm, Mĩ đã viện trợ cho Tưởng 4 tỉ 430 triệu đô la trong đó chủ yếu là viện trợ quân sự) và chuẩn bị đầy đủ về mọi mặt. Vì vậy, ngày 20 - 7 - 1946, Tưởng Giới Thạch đã huy động toàn bộ lực lượng quân đội chính quy, tấn công vào vùng giải phóng do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Cuộc nội chiến bùng nổ.

b. Diễn biến cuộc nội chiến:

Qua 2 giai đoạn :

- Giai đoạn phòng ngự tích cực: (7 - 1946 - 6-1947). Do tương quan lực lượng chênh lệch, quân cách mạng chủ trương lấy tiêu diệt địch và phát triển lực lượng cách mạng làm mục tiêu chủ yếu.

Kết quả: Trong vòng 1 năm đã tiêu diệt của 1.920.000 quân Quốc dân Đảng của Tưởng Giới Thạch, buộc Tưởng phải chuyển từ thế tấn công sang phòng ngự.

- Giai đoạn phản công (7 - 1947 đến 10 - 1949), quân cách mạng tăng cường tiêu diệt quân chủ lực của đối phương, giải phóng các vùng do Quốc dân Đảng thống trị.

- Tháng 4-1949, quân cách mạng vượt sông Trường Giang, giải phóng Nam Kinh (23-4) nền thống trị của Tưởng Giới Thạch bị sụp đổ.

c. Kết quả:

Quân giải phóng đã tiêu diệt được 1 triệu 54 vạn quân chủ lực của Tưởng.

- Ngày 1-10-1949, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Quốc được thành lập, cách mạng dân tộc dân chủ Trung Quốc đã hoàn thành.

d. Ý nghĩa: Với thắng lợi của cách mạng Trung Quốc 1949 :

- Kết thúc 100 năm bị đế quốc, phong kiến, tư sản mại bản nô dịch thống trị và mở ra một kỉ nguyên mới: Kỉ nguyên độc lập tự do và tiến lên chủ nghĩa xã hội trong lịch sử Trung Quốc.

- Đã tăng cường lực lượng xã hội chủ nghĩa trên phạm vi thế giới.

- Có ảnh hưởng sâu sắc đến sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc châu Á, đặc biệt là Đông Nam Á.

Câu 2: Tình hình Trung Quốc từ sau cách mạng dân tộc dân chủ (1949 đến nay)

a. Giai đoạn (1949 - 1959) mười năm xây dựng chế độ mới:

- Từ 1950, Trung Quốc tiến hành những cải cách quan trọng về kinh tế, chính trị, văn hóa nhằm xây dựng đất nước theo con đường chủ nghĩa xã hội... Nhờ sự nỗ lực của nhân dân Trung Quốc và sự giúp đỡ của Liên Xô, kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1953 – 1957) đã hoàn thành thắng lợi đưa nền kinh tế, văn hóa, giáo dục Trung Quốc đạt được những tiến bộ vượt bậc.
- Trong những năm 1949 – 1959, Trung Quốc thực hiện đường lối đối ngoại hòa bình, góp phần củng cố hòa bình và thúc đẩy sự phát triển của cách mạng thế giới. Nhờ đó, địa vị của Trung Quốc được nâng cao trên trường quốc tế.

b. Giai đoạn từ 1959 – 1978:

- Từ năm 1959 – 1978, tình hình kinh tế, chính trị và xã hội Trung Quốc lâm vào tình trạng không ổn định. Việc thực hiện đường lối "ba ngọn cờ hồng", "đại nhảy vọt" và xây dựng "công xã nhân dân" đã đẩy nền kinh tế Trung Quốc vào tình trạng hỗn loạn, sản xuất giảm sút, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn.
- Trong bối cảnh đó, tháng 12 - 1959, Hội nghị Trung ương Đảng Cộng sản và Nhà nước Trung Quốc đã họp, cử Lưu Thiếu Kì làm chủ tịch nước (thay thế Mao Trạch Đông) và thành lập tổ sửa sai để sửa chữa những sai lầm, khắc phục hậu quả do đường lối "ba ngọn cờ hồng" gây nên. Trong nội bộ Đảng Cộng sản và Nhà nước Trung Quốc đã diễn ra những bất đồng về đường lối và tranh chấp về quyền lực rất quyết liệt, phức tạp giữa các phe phái, đỉnh cao là cuộc: "đại cách mạng vô sản" diễn ra trong những năm 1966 – 1968.
- Những năm 1968 – 1978, trong nội bộ giới lãnh đạo Trung Quốc vẫn liên tục diễn ra nhiều cuộc thanh trừng, lật đổ lẫn nhau.

Về đối ngoại : Từ năm 1959 trở đi, giới lãnh đạo Trung Quốc đã thực hiện đường lối đối ngoại bất lợi cho cách mạng Trung Quốc và cách mạng thế giới chống Liên Xô, gây những vụ xung đột vũ trang tranh chấp biên giới với các nước láng giềng, thực hiện nhiều chính sách làm tổn thất nghiêm trọng cho sự nghiệp cách mạng các nước Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia.

c. Giai đoạn 1978 đến nay:

- Tháng 12 - 1978, Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc họp, vạch ra đường lối đổi mới, mở đầu cho cuộc cải cách kinh tế xã hội ở Trung Quốc hiện nay. Đến cuối năm 1987, tại Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần XIII, đường lối này được nâng lên thành đường lối chung của Đảng và Nhà nước Trung Quốc: trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội sẽ xây dựng mang màu sắc Trung Quốc, lấy xây dựng kinh tế làm nhiệm vụ trung tâm, kiên trì 4 nguyên tắc cơ bản (con đường xã hội chủ nghĩa, Chuyên chính dân chủ nhân dân; Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc, Chủ nghĩa Mác Lê-nin – Tư tưởng Mao Trạch Đông) thực hiện cải cách mở cửa phấn đấu xây dựng Trung Quốc thành nước xã hội chủ nghĩa hiện đại hóa, giàu mạnh, dân chủ và văn minh.

Về đối ngoại : Từ đầu những năm 1980, Đảng và Nhà nước Trung Quốc đề ra nhiều chính sách đối ngoại tiến bộ, bình thường hóa quan hệ với Liên Xô, Mông Cổ, Lào, In-đô-nê-xi-a, Việt Nam... mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước trên thế giới.

Từ sau khi thực hiện có cải cách, Trung Quốc đạt được nhiều thành tựu về kinh tế, ổn định tình hình chính trị và xã hội, địa vị trên trường quốc tế được nâng cao.

Câu 3. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Triều Tiên như thế nào?

- Sau chiến tranh, nhân dân miền Bắc đã tiến hành công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Sau khi hoàn thành trước thời hạn kế hoạch ba năm khôi phục kinh tế (1954-1956), CHDCND Triều Tiên đã thực hiện nhiều kế hoạch dài hạn và thu được nhiều thành tựu lớn: hoàn thành điện khí hoá trong cả nước, nền công nghiệp nặng. Cơ sở hạ tầng phát triển, thủ đô Bình Nhưỡng có hệ thống tàu điện ngầm, giao thông thuận tiện và nhiều toà nhà chọc trời với ba bốn chục tầng...
- Nền kinh tế của CHDCND Triều Tiên mang tính kế hoạch hoá tập trung cao độ. Đất nông nghiệp được tập thể hoá, các ngành công nghiệp do nhà nước quản lí. Công nghiệp nặng được chú trọng, đặc biệt là công nghiệp quốc phòng. Mặc dù việc mở cửa thị trường đã được tuyên bố từ năm 1995, nhưng nền kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn.
- Văn hoá giáo dục có bước tiến đáng kể. Năm 1999, Triều Tiên hoàn thành xoá nạn mù chữ. Chính phủ thi hành chương trình giáo dục 10 năm bắt buộc và miễn phí.

Câu 4. Tình hình phát triển kinh tế và văn hoá của Hàn Quốc từ thập niên 60 đến thập niên 90 của thế kỉ XX.

- Từ thập niên 60 trở đi, kinh tế Hàn Quốc từng bước có những thay đổi lớn: từ nước nghèo nàn, lạc hậu, sau ba thập niên phát triển, Hàn Quốc trở thành một trong bốn "con rồng kinh tế" ở châu Á với tỉ lệ tăng trưởng hằng năm đạt từ 8% trở lên.
- Hàn Quốc có nền công nghiệp phát triển với tỉ lệ tăng trưởng là 22% (1999), nền nông nghiệp tiên tiến, hệ thống cơ sở hạ tầng hiện đại, xã hội thông tin cao.
- Từ năm 1993, Hàn Quốc bắt đầu thực hiện kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế nhằm mục tiêu sớm tham gia vào câu lạc bộ các nước công nghiệp phát triển. Năm 1997, cùng với một số nước Đông Nam Á, Hàn Quốc phải trải qua một cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ rất nặng nề. Tuy vậy, nền kinh tế của Hàn Quốc được xếp vào thứ 11 trên thế giới, đã tiếp cận với các quốc gia phát triển.
- Giáo dục là lĩnh vực được đánh giá cao trong nền văn hoá Hàn Quốc, được coi là chìa khoá của sự thành công. Hàn Quốc thực hiện chế độ học tập bắt buộc trong 6 năm, từ 6 đến 12 tuổi.

Câu 5. Quan hệ giữa hai miền Nam - Bắc bán đảo Triều Tiên từ thập niên 50 đến năm 2000 diễn ra như thế nào?

- Sau chiến tranh Triều Tiên, vào những thập kỉ 50 và 60, Nam - Bắc bán đảo Triều Tiên ở trong tình trạng đối đầu.
- Từ những năm 70 trở đi, quan hệ giữa hai miền có sự thay đổi, chuyển sang đối ngoại.
- Năm 1990, vấn đề đối ngoại Nam - Bắc có bước đột phá mới: sau nhiều cuộc gặp gỡ, các nhà lãnh đạo cấp cao của hai bên đã đi đến nhất trí: "xoá bỏ tình trạng đối lập về chính trị và quân sự giữa hai miền Nam - Bắc, tiến hành giao lưu và hợp tác nhiều mặt".

- Ngày 13-6-2000, hai nhà lãnh đạo cao nhất là Tổng thống Kim Tê Chung (Hàn Quốc) và Chủ tịch Kim Jong Il (CHDCND Triều Tiên) đã gặp gỡ ở Bình Nhưỡng và kí hiệp định hòa hợp giữa hai quốc gia, mở ra một trang mới trong quan hệ giữa hai miền. Tuy nhiên, quá trình hòa hợp và thống nhất bán đảo Triều Tiên còn lâu dài, khó khăn và phức tạp.

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, yếu tố nào là cơ bản nhất giúp cách mạng Trung Quốc có nhiều biến động khác trước?

A. Sự giúp đỡ của Liên Xô.

B. Lực lượng cách mạnh lớn mạnh nhanh chóng.

C. Ảnh hưởng của phong trào cách mạnh thế giới.

D. Vùng giải phóng được mở rộng.

Câu 2. Trước sự lớn mạnh của cách mạng Trung Quốc, tập đoàn Tưởng Giới Thạch thực hiện âm mưu gì?

A. Phát động cuộc nội chiến nhằm tiêu diệt Đảng Cộng sản và phong trào cách mạng Trung Quốc.

B. Cấu kết với đế quốc Mĩ để tiêu diệt cách mạng Trung Quốc.

C. Đưa 50 vạn quân sang Mĩ để huấn luyện quân sự.

D. Huy động toàn bộ lực lượng quân đội chính quy tấn công vào vùng giải phóng do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Câu 3. Nối sự kiện ở cột B cho đúng với thời gian ở cột A về diễn biến của cuộc nội chiến ở Trung Quốc.

A	B
1) 20 - 7 - 1946	A. Quân giải phóng và nhân dân Trung Quốc thực hiện chiến lược phòng ngự tích cực.
2) Từ 7 - 1946 đến 6 - 1947	B. Quân giải phóng vượt sông Trường Giang, giải phóng Nam Kinh.
3) Từ 6 - 1947 đến 9 - 1948	C. Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa tuyên bố chính thức thành lập.
4) 4 - 1949	D. Quân giải phóng chuyển sang thế phản công.
5) 1 - 10 - 1949	E. Tưởng Giới Thạch huy động toàn bộ lực lượng chính quy tấn công vào vùng giải phóng do Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo.

Câu 4: Dưới đây là ý nghĩa lịch sử thắng lợi của cách mạng Trung Quốc. Hãy xác định đâu là ý nghĩa đối với cách mạng Trung quốc và đâu là ý nghĩa đối với cách mạng thế giới.

TT	Ý nghĩa	Đối với CMTQ	Đối với CMTG
1)	Chấm dứt thời kì Trung Quốc bị đế quốc phong kiến và tư sản mại bản nô dịch thống trị.		
2)	Tăng cường lực lượng của chủ nghĩa xã hội trên phạm vi thế giới.		
3)	Mở ra kỷ nguyên độc lập, tự do và tiến lên chủ nghĩa xã hội.		
4)	Ảnh hưởng sâu sắc đến phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.		

Câu 5. Từ năm 1950, Trung Quốc tiến hành những cải cách quan trọng về kinh tế, chính trị, văn hóa nhằm mục đích gì?

A. Thực hiện đường lối "ba ngọn cờ hồng".

B. Thực hiện cuộc "đại nhảy vọt" đưa Trung Quốc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

C. Xây dựng đất nước đi lên con đường xã hội chủ nghĩa.

D. Phát triển kinh tế, ổn định chính trị, xây dựng nền văn hóa mới.

Câu 6. Ghi đúng (Đ) hoặc sai (S) vào các câu sau đây:

A. Dựa vào sự giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1953-1957) giành được thắng lợi.

B. Sau 10 năm xây dựng chế độ mới, nền kinh tế Trung Quốc gặp nhiều khó khăn to lớn do hậu quả chiến tranh để lại.

C. Vào tháng 7 - 1950, Trung Quốc ký kết với Liên Xô "Hiệp ước phòng thủ chung Xô-Trung".

D. Sau thập niên đầu sau khi cách mạng thắng lợi, địa vị Trung Quốc đã được nâng cao trên trường quốc tế.

E. Việc thực hiện đường lối "ba ngọn cờ hồng" đã tạo điều kiện đưa nền kinh tế Trung Quốc phát triển nhanh chóng .

F. Đường lối "ba ngọn cờ hồng" chủ trương xây dựng chủ nghĩa xã hội theo phương châm "nhiều, nhanh, tốt, rẻ".

G. Từ năm 1966 - 1968, Trung Quốc thực hiện cuộc "đại cách mạng văn hóa vô sản".

H. Từ năm 1968 - 1978, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc giành được thắng lợi to lớn.

I. Tháng 12 - 1978, diễn ra Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, vạch ra đường lối đổi mới.

Câu 7. Đại hội lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Trung Quốc họp vào thời gian nào?

A. Tháng 12 - 1978
B. Cuối năm 1978
C. Đầu năm 1980
D. Tháng 12 - 1989

Câu 8. Từ năm 1987 trở đi, trong chính sách đối ngoại của mình, Trung Quốc bình thường hóa quan hệ với các nước nào?

A. Mĩ, Liên Xô, Mông Cổ.

B. Liên Xô, Mông Cổ, Lào, In-đô-nê-xi-a, Việt Nam.

C. Liên Xô, Mông Cổ, Việt Nam, Cu-ba.

D. Liên Xô, Anh, Pháp, Mĩ.

Câu 9. Tháng 2 năm 1972 diễn ra sự kiện gì có liên quan đến chính sách đối ngoại của Trung Quốc?

A. Sự xung đột biên giới giữa Ấn Độ và Trung Quốc.

B. Trung Quốc tiếp tục đặt quan hệ ngoại giao với Việt Nam.

C. Tổng thống Mĩ Ních-xơn sang thăm Trung Quốc.

D. Cuộc xung đột giữa Trung Quốc và Liên Xô.

Câu 10. Đại hội lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Trung Quốc họp vào thời gian nào?

A. Tháng 10 năm 1978. C. Tháng 12-1987.

B. Đầu năm 1980. D. Tháng 12-1989.

Câu 11. Lấy phát triển kinh tế làm trung tâm và kiên trì bốn nguyên tắc được đề ra trong đại hội lần thứ mấy của Đảng Cộng sản Trung Quốc?

A. Đại hội lần thứ VIII. C. Đại hội lần thứ XIII.

B. Đại hội lần thứ X. D. Đại hội lần thứ XV.

Câu 12. Trong những năm 60, nền kinh tế Đài Loan phát triển theo hướng chiến lược nào?

A. "Hướng về xuất khẩu". B. "Hướng về phát triển kinh tế nội địa".

C. "Hướng về xuất và nhập khẩu". D. "Hướng về nhập khẩu".

Câu 13. Một trong những nguyên nhân sâu xa thúc đẩy sự phát triển kinh tế ở Đài Loan là:

A. Đầu tư chủ yếu vào ngành công nghiệp nặng.

B. Giáo dục và khoa học – kĩ thuật rất được chú trọng.

C. Hàng xuất khẩu và nhập khẩu rất được chú trọng.

D. Thực hiện chính sách mở cửa, giao lưu với các nước.

Câu 14. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, theo sự thoả thuận của Hội nghị I-an-ta, phía Bắc Triều Tiên do quân đội của nước nào đóng?

A. Mĩ. B. Liên Xô. C. Anh. D. Pháp.

Câu 15. Tháng 5 – 1948 diễn ra sự kiện gì ở Nam Triều Tiên?

A. Nhà nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Triều Tiên được thành lập.

B. Mĩ tiến hành viện trợ kinh tế cho Nam Triều Tiên.

C. Nhà nước Đại Hàn Dân Quốc được thành lập.

D. Nhà nước Nam Triều Tiên được thành lập.

Câu 16. Nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Triều Tiên được thành lập vào thời gian nào?

A. Tháng 5 năm 1948. C. Tháng 12 năm 1948.

B. Tháng 9 năm 1948. D. Tháng 7 năm 1949.

Câu 17. Ngày 25 – 6 – 1950 diễn ra sự biến gì ở hai miền Bắc và Nam Triều Tiên?

A. Mĩ và Liên Xô rút khỏi Nam, Bắc Triều Tiên.

B. Mĩ tìm cách hất Liên Xô khỏi Bắc Triều Tiên.

C. Liên Xô tuyên bố không can thiệp vào nội bộ của Nam, Bắc Triều Tiên.

D. Cuộc chiến tranh giữa hai miền Nam, Bắc Triều Tiên bùng nổ.

Câu 18. Đặc điểm kinh tế của Cộng hòa Dân chủ nhân dân Triều Tiên là:

A. Kinh tế phát triển theo cơ chế thị trường.

B. Kinh tế phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá.

C. Sự tập trung cao độ của nhà nước.

D. Tất cả các đặc điểm trên.

Câu 19. Từ thập niên 60 của thế kỉ XX trở đi, ở châu Á xuất hiện bốn "con rồng kinh tế", đó là:

A. Hàn Quốc, Đài Loan, Xin-ga-po và Ma-lai-xi-a.

B. Hàn Quốc, Đài Loan, Xin-ga-po và Hồng Công.

C. Hàn Quốc, Đài Loan, In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a.

D. Hàn Quốc, Đài Loan, Xin-ga-po và Mi-an-ma.

Câu 20. Năm 1997, diễn ra sự kiện gì có liên quan đến nền kinh tế và tài chính ở Hàn Quốc?

A. Hàn Quốc trở thành một trong bốn "con rồng kinh tế" ở châu Á.

B. Hàn Quốc bắt đầu thực hiện kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế, tài chính.

C. Hàn Quốc trải qua một cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ nặng nề.

D. Hàn Quốc có nền công nghiệp phát triển với tỉ lệ tăng trưởng 22%.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 3

1. B 2. A 3. 1: E; 2: A; 3: D; 4: B; 5: C

4. 1, 3: Đối với CMTQ; 2, 4: Đối với CMTG.

5. C 6. A, D, F, G, I: Đúng; B, C, E, H: Sai.

7. B 8. B 9. C 10. A 11. C 12. A 13. B 14. B 15. C

16. B 17. D 18. C 19. B 20. C

Bài 4. CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á

I. CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1. Trình bày khái quát về quá trình giành độc lập của nhân dân Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

- Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, hầu hết các nước trong khu vực (trừ Thái Lan) đều là thuộc địa của đế quốc Âu - Mĩ. Khi Chiến tranh Thái Bình Dương bùng nổ, Nhật Bản xâm chiếm cả vùng Đông Nam Á và thiết lập trật tự phát xít. Từ cuộc đấu tranh chống thực dân Âu-Mĩ, nhân dân Đông Nam Á chuyển sang đấu tranh chống quân phiệt Nhật, giải phóng đất nước. Ngay sau khi Nhật đầu hàng lực lượng Đồng minh, một số quốc gia tuyên bố độc lập.

- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước thực dân Âu-Mĩ (Pháp, Hà Lan, Anh...) quay trở lại xâm lược Đông Nam Á. Nhân dân Đông Nam Á lại phải tiếp tục cuộc đấu tranh chống xâm lược. Trải qua cuộc kháng chiến kiên cường và gian khổ, vào giữa những năm 50, nhân dân In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia đã lần lượt đánh đuổi bọn thực dân ra khỏi đất nước. Cũng vào thời gian đó, các đế quốc Âu - Mĩ công nhận độc lập của Phi-líp-pin, Miến Điện, Mã Lai, Xin-ga-po.

- Sau khi cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi (1954), nhân dân Việt Nam và Lào, tiếp đó là Cam-pu-chia phải trải qua một cuộc kháng chiến chống chủ nghĩa thực dân mới của Mĩ, đến năm 1975 mới giành được thắng lợi hoàn toàn. Còn Bru-nây, tới tháng 1-1984 tuyên bố là quốc gia độc lập nằm trong khối Liên hiệp Anh. Sau cuộc trưng cầu dân ý tháng 8-1999 tách khỏi In-đô-nê-xi-a, ngày 20-5-2002, Đông Ti-mo trở thành một quốc gia độc lập.

Trong bối cảnh của cuộc chiến tranh lạnh, đồng thời để ngăn chặn ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội và hạn chế thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc, tháng 9-1954, Mĩ cùng Anh, Pháp và một số nước đã thành lập khối quân sự mang tên Tổ chức Hiệp ước Đông Nam Á (viết tắt theo tiếng Anh là SEATO). Nhưng sau thắng lợi của cách mạng ba nước Đông Dương vào giữa năm 1975, khối SEATO phải giải thể (tháng 6-1976).

Câu 2. Những nét chính về cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân In-đô-nê-xi-a sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

- Ngày 17-8-1945, sau khi quân phiệt Nhật đầu hàng trước khí thế cách mạng của quần chúng, Xu-các-nô đã đọc Tuyên ngôn Độc lập, tuyên bố thành lập nước Cộng hoà In-đô-nê-xi-a.

- Ngày 18-8-1945, lãnh tụ các chính đảng và các đoàn thể mở hội nghị của Uỷ ban trù bị độc lập In-đô-nê-xi-a, thông qua bản Hiến pháp, bầu Xu-các-nô làm Tổng thống nước Cộng hoà In-đô-nê-xi-a.

- Tháng 11-1945, với sự giúp đỡ của quân Anh, Hà Lan quay trở lại xâm lược In-đô-nê-xi-a. Cuộc kháng chiến chống thực dân Hà Lan, bảo vệ độc lập của nhân dân In-đô-nê-xi-a bùng nổ. Tháng 5-1949, Hà Lan và In-đô-nê-xi-a kí hiệp định đình chiến tại Gia-các-ta. Tháng 11 năm đó, hai bên kí Hiệp ước La Hay, theo đó In-đô-nê-xi-a nằm trong khối Liên hiệp Hà Lan - In-đô-nê-xi-a và phụ thuộc nhiều mặt vào Hà Lan. Do cuộc đấu tranh của nhân dân đòi độc lập thật sự và thống nhất, ngày 15-8-1950, nước Cộng hoà In-đô-nê-xi-a thống nhất được thành lập.

Câu 3. Cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ của nhân dân Lào diễn ra như thế nào?

** Kháng chiến chống Pháp:*

- Giữa tháng 8-1945, Nhật Bản đầu hàng vô điều kiện. Nắm thời cơ thuận lợi, ngày 23-8-1945, nhân dân Lào nổi dậy giành chính quyền. Ngày 12-10, chính phủ Lào ra mắt quốc dân và tuyên bố độc lập.

- Tháng 3-1946, thực dân Pháp trở lại tái chiếm Lào. Nhân dân Lào một lần nữa phải cầm súng kháng chiến bảo vệ nền độc lập của mình.

- Từ năm 1947, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương và sự giúp đỡ của quân tình nguyện Việt Nam, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Lào ngày càng phát triển, lực lượng cách mạng ngày càng trưởng thành.

- Trong những năm 1953-1954, quân dân Lào đã phối hợp cùng với quân tình nguyện Việt Nam mở các chiến dịch Trung Lào, Hạ Lào, Thượng Lào..., giành thắng lợi to lớn. Những cuộc tấn công này đã phối hợp chặt chẽ với chiến trường Việt Nam, đặc biệt là chiến dịch Điện Biên Phủ, góp phần vào chiến thắng chung của nhân dân ba nước Đông Dương. Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương (tháng 7-1954) đã thừa nhận độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Lào, công nhận địa vị hợp pháp của các lực lượng kháng chiến Lào.

** Cuộc kháng chiến chống Mĩ:*

- Ngay sau khi Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương vừa kí kết, Mĩ đã lập tức hất cẳng Pháp, âm mưu biến Lào thành thuộc địa kiểu mới. Từ đây, nhân dân Lào lại phải cầm súng chống kẻ thù mới là đế quốc Mĩ.

- Dưới sự lãnh đạo của Đảng Nhân dân cách mạng Lào (thành lập ngày 22-3-1955), cuộc đấu tranh của nhân dân Lào diễn ra cả trên ba mặt trận: quân sự - chính trị - ngoại giao, đã đánh bại các cuộc tấn công quân sự của Mĩ và tay sai. Đến đầu những năm 60 đã giải phóng 2/3 lãnh thổ, hơn 1/3 dân số cả nước.

- Tháng 2-1973, Hiệp định Viêng Chăn về lập lại hoà bình và thực hiện hoà hợp dân tộc ở Lào được kí kết giữa Mặt trận Lào yêu nước và phái hữu Viêng Chăn. Chính phủ Liên hiệp dân tộc lâm thời và Hội đồng Quốc gia chính trị liên hiệp được thành lập.

- Mùa xuân năm 1975, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy của quân dân Việt Nam thắng lợi đã cổ cũ và tạo điều kiện cho cách mạng Lào tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn. Từ tháng 5 đến tháng 12-1975, quần dân Lào dưới sự lãnh đạo của Đảng Nhân dân cách mạng đã nổi dậy giành chính quyền trong cả nước.

- Ngày 2-12-1975, nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào chính thức thành lập. Từ đó, nước Lào bước sang thời kì mới - xây dựng đất nước và phát triển kinh tế - xã hội.

Câu 4. Nêu những nét chính về cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Cam-pu-chia.

- Đầu tháng 10-1945, thực dân Pháp quay trở lại xâm lược và thống trị Cam-pu-chia. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, từ năm 1951 là Đảng nhân dân cách mạng Cam-pu-chia, nhân dân Cam-pu-chia tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Lực lượng kháng chiến ngày càng trưởng thành.

- Ngày 9-11-1953, do cuộc vận động ngoại giao của vua Xi-ha-núc, chính phủ Pháp đã kí hiệp ước "trao trả độc lập cho Cam-pu-chia". Tuy vậy, quân đội Pháp vẫn chiếm đóng Cam-pu-chia.

- Sau thất bại ở Điện Biên Phủ, thực dân Pháp phải kí Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương, công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Cam-pu-chia, Lào và Việt Nam.

Câu 5. Những nét cơ bản về cuộc kháng chiến chống Mĩ của nhân dân Cam-pu-chia.

- Sau cuộc đảo chính lật đổ Xi-ha-núc ngày 18-3-1970 của thế lực tay sai Mĩ, Cam-pu-chia bị kéo vào quỹ đạo của cuộc chiến tranh thực dân kiểu mới của Mĩ trên bán đảo Đông Dương.

- Cuộc kháng chiến chống Mĩ và tay sai của nhân dân Cam-pu-chia, với sự giúp đỡ của bộ đội tình nguyện Việt Nam, đã và phát triển nhanh chóng.

- Từ tháng 9-1973, lực lượng vũ trang Cam-pu-chia đã chuyển sang tấn công, bao vây thủ đô Phnôm Pênh và các thành phố khác. Mùa xuân năm 1975, quân dân Cam-pu-chia mở cuộc tấn công vào sào huyệt cuối cùng của địch. Ngày 17-4-1975, thủ đô Phnôm Pênh được giải phóng, cuộc kháng chiến chống Mĩ của nhân dân Cam-pu-chia kết thúc thắng lợi.

Câu 6. So sánh các chiến lược kinh tế hướng nội và hướng ngoại của nhóm sáng lập ASEAN. Nội dung, thành tựu và hạn chế của từng chiến lược.

Tiêu chí so sánh	Chiến lược kinh tế hướng nội	Chiến lược kinh tế hướng ngoại
1. Thời gian bắt đầu	Những năm 60 của thế kỉ XX.	Những năm 60 – 70 của thế kỉ XX.
2. Mục tiêu	Nhanh chóng xoá bỏ nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng nền kinh tế tự chủ.	Thực hiện công nghiệp hoá lấy xuất khẩu làm chủ đạo.
3. Nội dung	Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng nội địa thay thế hàng nhập khẩu, lấy thị trường trong nước làm chỗ dựa để phát triển sản xuất.	Thực hiện "mở cửa" nền kinh tế, thu hút vốn và kĩ thuật của nước ngoài, tập trung sản xuất hàng hoá để xuất khẩu, phát triển ngoại thương.
4. Thành tựu	Thực hiện chiến lược công nghiệp hoá thay thế nhập khẩu, các nước đã đạt được một số thành tựu đáng kể, đáp ứng được nhu cầu của nhân dân, phát triển một số ngành chế biến, chế tạo giải quyết nạn thất nghiệp, ...	Tỉ trọng công nghiệp trong nền kinh tế quốc dân đã lớn hơn nông nghiệp, mậu dịch đối ngoại tăng trưởng nhanh.
5. Hạn chế	Thiếu nguồn vốn nguyên liệu và công nghệ, chi phí cao dẫn tới làm ăn thua lỗ, tệ tham nhũng quan liêu phát triển, đời sống lao động còn khó khăn, chưa giải quyết được vấn đề tăng trưởng với công bằng xã hội.	Phụ thuộc vốn và thị trường bên ngoài quá lớn, đầu tư bất hợp lí.

Câu 7. Vì sao tổ chức ASEAN được thành lập? Nội dung của Hiệp ước Ba-li nói lên điều gì?

** Vì sao:*

- Bước vào thập niên 60 của thế kỉ XX, tình hình Đông Nam Á và thế giới có nhiều chuyển biến tác động tới các nước và khu vực.

- Hơn 20 năm đấu tranh giành độc lập cũng như xây dựng kinh tế, nhiều nước trong khu vực bước vào thời kì ổn định. Các nước ở Đông Nam Á thấy rằng cần phải hợp tác với nhau để cùng phát triển, đồng thời hạn chế ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài.

- Trên thế giới đã xuất hiện nhiều tổ chức hợp tác mang tính khu vực, nhất là Khối thị trường chung châu Âu (EEC) đã cổ vũ rất lớn đối với các nước Đông Nam Á.

** Nội dung Hiệp ước Ba-li:*

- Hiệp ước Ba-li xác định những nguyên tắc cơ bản trong quan hệ giữa các nước ở Đông Nam Á:

+ Tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của các nước.

+ Không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

+ Không sử dụng vũ lực hoặc đe doạ bằng vũ lực đối với nhau.

+ Giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hoà bình.

+ Hợp tác phát triển có hiệu quả trong lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội.

Câu 8. Sự thành lập và hoạt động của tổ chức ASEAN.

- Ngày 8-8-1967, Hiệp hội các nước Đông Nam Á (viết tắt theo tiếng Anh là ASEAN) được thành lập tại Băng Cốc (Thái Lan) với sự tham gia của 5 nước: In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po, Thái Lan và Phi-líp-pin.

- Trong giai đoạn đầu (1967-1975), ASEAN là một tổ chức non yếu, sự hợp tác trong khu vực còn trong trạng thái khởi đầu, chưa có vị trí trên trường quốc tế. Từ giữa những năm 70, ASEAN có những bước tiến mới. Sự phát triển này được đánh dấu bằng Hội nghị cấp cao lần thứ nhất họp tại Ba-li (In-đô-nê-xi-a) tháng 2-1976 với việc kí Hiệp ước hữu nghị và hợp tác ở Đông Nam Á (gọi tắt là Hiệp ước Ba-li).

- Vào thời điểm này, quan hệ giữa các nước Đông Dương và ASEAN bước đầu được cải thiện. Hai nhóm nước đã thiết lập quan hệ ngoại giao và bắt đầu có các chuyến đi thăm lẫn nhau của các nhà lãnh đạo cấp cao.

- Năm 1984, sau khi giành được độc lập, Bru-nây gia nhập và trở thành thành viên thứ 6 của ASEAN.

- Từ đầu những năm 90, chiến tranh lạnh chấm dứt và "vấn đề Cam-pu-chia" được giải quyết, tình hình chính trị khu vực được cải thiện căn bản, ASEAN có điều kiện mở rộng tổ chức, kết nạp thành viên mới.

- Ngày 22-7-1992, Việt Nam và Lào tham gia Hiệp ước Ba-li. Tiếp đó, tháng 7-1995, Việt Nam trở thành thành viên thứ 7 của ASEAN. Tháng 7-1997, Lào và Mi-an-ma gia nhập ASEAN, và tháng 4-1999, Cam-pu-chia được kết nạp vào tổ chức này.

- Như vậy, từ 5 nước sáng lập ban đầu, ASEAN đã phát triển thành 10 năm thành viên. Từ đấy, ASEAN đẩy mạnh hoạt động hợp tác kinh tế, xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hoà bình, ổn định để cùng phát triển.

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, hầu hết các nước trong khu vực Đông Nam Á là thuộc địa của:

A. Các đế quốc Tây Âu.
B. Các đế quốc Âu – Mĩ.
C. Các đế quốc Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha
D. Các đế quốc Anh, Pháp.

Câu 2. Vào thời điểm nào Nhật Bản xâm chiếm cả vùng Đông Nam Á?

A. Khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ.
B. Khi Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn sắp kết thúc.
C. Khi Chiến tranh Thái Bình Dương bùng nổ.
D. Khi Nhật đánh chiếm xong các nước ở Tây Á.

Câu 3. Khi Chiến tranh Thái Bình Dương bùng nổ, nhân dân các nước Đông Nam Á đứng lên đấu tranh chống kẻ thù nào để giải phóng dân tộc?

A. Thực dân Pháp.
B. Thực dân Pháp và đế quốc Mĩ.
C. Quân phiệt Nhật.
D. Chủ nghĩa phát xít và đế quốc Pháp - Nhật.

Câu 4. Nối sự kiện ở cột B cho phù hợp với thời gian ở cột A về In-đô-nê-xi-a sau Chiến tranh thế giới thứ hai sau đây:

A	B
1) 17-8-1945	A. Chính phủ In-đô-nê-xi-a đã kí với Hà Lan hiệp định La Hay, biến In-đô-nê-xi-a thành nước nửa thuộc địa của Hà Lan.
2) 18-8-1945	B. In-đô-nê-xi-a thông qua Tuyên ngôn Độc lập.
3) 11-1945	C. Cuộc đảo chính của quân đội lật đổ tổng thống bị thất bại.

4) 1949	D. Hội nghị "Ủy ban trù bị độc lập In-đô-nê-xi-a" thông qua hiến pháp và bầu Xu-các-nô làm tổng thống.
5) 30-9-1965	E. Hà Lan xâm lược In-đô-nê-xi-a.

Câu 5. Hãy đánh dấu (X) vào ô cột dọc sao cho phù hợp với thời gian giành độc lập của một số nước ở Đông Nam Á dưới đây:

Thời gian giành độc lập	In-đô-nê-xi-a	Mã Lai	Xin-ga-po	Miến Điện	Phi-líp-pin
1) 6-1946					
2) 10-1947					
3) 17-8-1945					
4) 31-8-1957					
5) 3-6-1959					

Câu 6. Mĩ và các nước đồng minh của Mĩ đã kí kết thành lập "Tổ chức Hiệp ước phòng thủ tập thể Đông Nam Á (SEATO)" tại đâu?

A. Tại Gia-các-ta (In-đô-nê-xi-a). B. Tại Ma-ni-la (Phi-líp-pin).

C. Tại Băng Cốc (Thái Lan). D. Tại Oa-sinh-tơn (Mĩ).

Câu 7. Sự thất bại nặng nề của Mĩ ở đâu làm cho khối quân sự SEATO bị giải thể?

A. Thất bại ở khu vực Trung Đông. B. Thất bại ở Triều Tiên.

C. Thất bại ở Đông Dương. D. Thất bại ở Việt Nam.

Câu 8. Tháng 11 – 1945 đã diễn ra sự kiện lịch sử gì ở In-đô-nê-xi-a?

A. Xu-các-nô đọc Tuyên ngôn Độc lập, tuyên bố thành lập nước Cộng hòa In-đô-nê-xi-a.

B. Hà Lan quay trở lại xâm lược In-đô-nê-xi-a.

C. Nước Cộng hòa In-đô-nê-xi-a thống nhất được thành lập.

D. Xu-các-nô được bầu làm tổng thống của In-đô-nê-xi-a.

Câu 9. Ngày 15 – 8 – 1950 đi vào lịch sử In-đô-nê-xi-a đó là ngày:

A. Xu-các-nô đọc Tuyên ngôn Độc lập, tuyên bố thành lập nước Cộng hòa In-đô-nê-xi-a.

B. Xu-các-nô được bầu làm tổng thống của In-đô-nê-xi-a.

C. Nước Cộng hòa In-đô-nê-xi-a thống nhất được thành lập.

D. Hiến pháp của nước Cộng hòa In-đô-nê-xi-a được thông qua.

Câu 10. Ghi thời gian vào cột A cho phù hợp với sự kiện cho sẵn ở cột B về In-đô-nê-xi-a từ năm 1945 đến năm 1967 ở bảng dưới đây:

A	B
1)	A. Xu-các-nô được bầu làm tổng thống của In-đô-nê-xi-a.
2)......................................	B. Hà Lan và In-đô-nê-xi-a kí Hiệp ước đình chiến tại Gia-các-ta.
3)......................................	C. Hà Lan và In-đô-nê-xi-a kí Hiệp ước La Hay.
4)......................................	D. Cuộc đảo chính ở Phủ tổng thống In-đô-nê-xi-a.
5)......................................	E. Xu-hác-tô lên làm tổng thống ở In-đô-nê-xi-a.
6)......................................	F. Nước Cộng hòa In-đô-nê-xi-a thống nhất được thành lập.

Câu 11. Ngày 12 – 10 – 1945, diễn ra sự kiện lịch sử gì ở Lào?

A. Nhân dân Lào nổi dậy giành chính quyền.

B. Chính phủ Lào ra mắt trước quốc dân và tuyên bố độc lập.

C. Thực dân Pháp trở lại xâm lược Lào.

D. Quân tình nguyện Việt Nam sang giúp lại kháng chiến chống Pháp.

Câu 12. Bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược Lào, các chiến khu giải phóng lần lượt được thành lập ở:

A. Trung Lào và Thượng Lào.

B. Tây Lào và Đông Bắc Lào.

C. Tây Lào, Thượng Lào và Đông Bắc Lào.

D.Trung Lào, Thượng Lào và Tây Bắc Lào.

Câu 13. Hãy nối sự kiện ở cột B cho đúng với thời gian ở cột A về quá trình kháng chiến chống Pháp của nhân dân Lào.

A	B
1) 23 - 8- 1945	A. Quân giải phóng Lào chính thức được thành lập.
2) 3 - 1946	B. Mặt trận Lào tự do và chính phủ kháng chiến Lào ra đời.
3) 20 - 1 - 1949	C. Thực dân Pháp trở lại xâm lược Lào.
4) 13 - 8 - 1950	D. Thực dân Pháp công nhận độc lập Lào.
5) 7 - 1954	E. Nhân dân Lào nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền.

Câu 14. Ngày 22-3-1955 ghi dấu ấn vào lịch sử Lào bằng sự kiện nổi bật nào?

A. Quân giải phóng Lào được thành lập.

B. Đại hội toàn quốc kháng chiến Lào triệu tập.

C. Mĩ thông qua chính sách "viện trợ" kinh tế đối với Lào.

D. Đảng Nhân dân Cách mạng Lào thành lập.

Câu 15. Năm 1946, Mĩ chính thức thực hiện loại hình chiến tranh gì ở Lào?

A. "Chiến tranh đơn phương". B. "Chiến tranh đặc biệt".

C. "Chiến tranh cục bộ". D. "Đông Dương hóa" chiến tranh.

Câu 16. Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào chính thức thành lập vào thời gian nào?

A. Ngày 21 - 2 - 1975. B. Ngày 30 - 4 - 1975.

C. Ngày 2 - 12 - 1975. D. Ngày 12 - 2 - 1976.

Câu 17. Ghi sự kiện ở cột B cho đúng với thời gian ở cột A về cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Cam-pu-chia:

A	B
1) 10 - 1945	A)..
2) 7- 4 - 1946	B)..
3) Từ 17 đến 19-4-1950	C)..
4) 9-11-1953	D)..

Câu 18. Ngày 18-3-1970, diễn ra sự kiện gì làm cho Cam-pu-chia rơi vào qũy đạo cuộc chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới của Mĩ?

A. Thế lực tay sai Mĩ đảo chính lật đổ Xi-ha-núc.

B. Mĩ mang quân xâm lược Cam-pu-chia.

C. Mĩ dựng nên chế độ độc tài Pôn Pốt ở Cam-pu-chia.

D. Mĩ hất cẳng Pháp để xâm lược Cam-pu-chia.

Câu 19. Cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân Cam-pu-chia kết thúc thắng lợi vào thời gian nào?

A. Ngày 18-3-1975. B. Ngày 17-4-1975.

C. Ngày 30-4-1975. D. Ngày 2-12-1975.

Câu 20. Hãy đánh dấu (X) vào ô cột dọc sao cho phù hợp với các sự kiện diễn ra ở Trung Quốc, Lào và Cam-pu-chia sau Chiến tranh thế giới thứ hai:

Nội dung sự kiện	Trung Quốc	Lào	Cam-pu-chia
1. Thành lập Đảng Nhân dân Cách mạng vào năm 1951.			
2. Sau khi kết thúc cuộc chiến tranh chống Nhật, đất nước diễn ra cuộc nội chiến.			
3. Quân giải phóng được thành lập vào năm 1949.			
4. Sau khi giành được thắng lợi đã đưa đất nước tiến lên xây dựng CNXH.			
5. Sau khi đánh bại đế quốc Mĩ xâm lược, đất nước rơi vào cuộc nội chiến đau thương.			
6. Nước cộng hòa dân chủ nhân dân chính thức được thành lập vào ngày 2-12-1975.			

Câu 21. Vào những năm 80 – 90 thế kỉ XX, tình hình kinh tế các nước ở Đông Dương như thế nào?

A. Từng bước chuyển sang nền kinh tế thị trường.

B. Từng bước ổn định nền kinh tế tập trung quan liêu bao cấp.

C. Phát triển nền kinh tế theo theo hướng tư bản chủ nghĩa.

D. Phát triển nền kinh tế phong kiến nông nghiệp.

Câu 22. Lào thực hiện công cuộc đổi mới kinh tế vào thời gian:

A. Những năm 70 của thế kỉ XX. B. Những năm 80 của thế kỉ XX.

C. Những năm 90 của thế kỉ XX. D. Những năm đầu thế kỉ XXI.

Câu 23. Năm nước nào ở Đông Nam Á được gọi là nhóm sáng lập ra khối ASEAN?

A. In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po, Phi-líp-pin, Thái Lan .

B. Mi-an-ma, Xin-ga-po, Phi-líp-pin, Thái Lan, Bru-nây.

C. Việt Nam, Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po, Phi-líp-pin, Thái Lan.

D. In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Lào, Phi-líp-pin, Thái Lan.

Câu 24. Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập vào thời gian nào? Tại đâu?

A. Tháng 8-1967. Tại Gia-các-ta (In-đô-nê-xi-a).

B. Tháng 8-1967. Tại Băng Cốc (Thái Lan).

C. Tháng 10-1967. Tại Ba-li (In-đô-nê-xi-a).

D. Tháng 9-1968. Tại Băng Cốc (Thái Lan).

Câu 25. Nối thời gian ở cột A cho phù hợp với sự kiện ở cột B về quá trình gia nhập tổ chức ASEAN của các nước Đông Nam Á.

A	B
1) Tháng 8 - 1967	A. Bru-nây.
2) Ngày 7 - 1 - 1984	B. In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Xin-ga-po, Thái Lan.
3) Ngày 28 - 7 - 1995	C. Lào, Mi-an-ma.
4) Ngày 23 - 7 - 1997	D. Cam-pu-chia.
5) Ngày 30 - 4 - 1999	E. Việt Nam.

Câu 26. Ghi đúng (Đ) hoặc sai (S) vào ô dưới đây để xác định mục tiêu của "Hiệp hội các nước Đông Nam Á".

A. Xây dựng mối quan hệ hợp tác giữa các nước trong khu vực.

B. Xây dựng một cộng đồng Đông Nam Á hùng mạnh trên cơ sở tự cường khu vực và thiết lập một khu vực hòa bình, tự do, trung lập.

C. Phát triển nhanh chóng nền kinh tế, ứng dụng thành tựu khoa học kĩ thuật hiện đại vào sản xuất nhằm biến Đông Nam Á thành trung tâm kinh tế - tài chính đủ sức cạnh tranh với Mĩ, Tây Âu và Nhật Bản.

D. Đây là một tổ chức liên minh chính trị - kinh tế của khu vực Đông Nam Á.

Câu 27. Nối tên nước ở cột A cho phù hợp với tên thủ đô của các nước Đông Nam Á ở cột B dưới đây:

A (Tên nước)	B (Tên thủ đô)
1. Việt Nam	A. Phnôm Pênh
2. Lào	B. Hà Nội
3. Cam-pu-chia	C. Gia-các-ta
4. Thái Lan	D. Viêng Chăn
5. In-đô-nê-xi-a	E. Ban-đa-xê-ri Bê-ga-oan
6. Ma-lai-xi-a	F. Ma-ni-la
7. Xin-ga-po	G. Xin-ga-po
8. Mi-an-ma	H. Đê-li
9. Phi-líp-pin	I. Răng-gun
10. Bru-nây	K. Cu-la-lam-pua
11. Đông Ti-mo	L. Băng Cốc

Câu 28. Hiệp ước Ba-li (2-1976) đã nêu ra nguyên tắc cơ bản trong quan hệ các nước ASEAN là gì?

A. Cùng nhau tôn trọng chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ.

B. Không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

C. Giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.

D. Hợp tác phát triển có kết quả.

E. Cả bốn nguyên tắc nói trên.

Câu 29. Từ 1979 đến cuối những năm 80 của thế kỉ XX quan hệ giữa Việt Nam với ASEAN như thế nào?

A. Quan hệ hợp tác song phương.

B. Quan hệ đối thoại.

C. Quan hệ đối đầu do bất đồng về quan hệ kinh tế.
D. Quan hệ đối đầu do vấn đề Cam-pu-chia.

Câu 30. Năm 1997, ASEAN đã kết nạp thêm các thành viên nào?

A. Lào,Việt Nam — B. Cam-pu-chia, Lào
C. Lào, Mi-an-ma — D. Mi-an-ma, Việt Nam

Câu 31. Từ những năm 90 của thế kỉ XX đến nay, ASEAN đã chuyển trọng tâm hoạt động sang lĩnh vực nào?

A. Hợp tác trên lĩnh vực du lịch. — B. Hợp tác trên lĩnh vực kinh tế.
C. Hợp tác trên lĩnh vực quân sự. — D. Hợp tác trên lĩnh vực giáo dục.

Câu 32. Năm 1996, Hội nghị lần thứ nhất của tổ chức Diễn đàn hợp tác Á – Âu họp tại:

A. Băng Cốc (Thái Lan). — B. Hà Nội (Việt Nam).
C. Viêng Chăn (Lào). — D. Gia-các-ta (In-đô-nê-xi-a).

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 4

1. B 2. C 3. C 4. 1: B; 2: D; 3: E; 4: A; 5: C
5 1: Phi-líp-pin; 2: Miến Điện; 3: In-đô-nê-xi-a; 4: Mã Lai; 5: Xin-ga-po.
6. B 7. C 8. B 9. C
10 1) Ngày 18 – 8 – 1945. 2) Tháng 5 – 1949. 3) Tháng 11 – 1949.
4) Ngày 30 – 9 – 1965. 5) Năm 1967. 6) Ngày 15 – 8 – 1950.
11. B 12. C 13 1: E; 2: C; 3: A; 4: B; 5: D 14. B 15. B 16. C
17 A. Thực dân Pháp quay lại xâm lược Cam-pu-chia.
B. Triều đình phong kiến Cam-pu-chia kí với Pháp hiệp định công nhận sự thống trị của Pháp.
C. Thành lập Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng Cam-pu-chia.
D. Pháp kí hiệp ước "trao trả độc lập cho Cam-pu-chia".
18. A 19. B
20. 2,4: Trung Quốc, 3,6: Lào; 1,5: Cam-pu-chia.
21.A 22. B 23. A 24. B
25. 1: B; 2: A; 3: E; 4: C; 5: D. 26. A ,B, D: Đúng, C: Sai
27. 1: B; 2: D; 3: A; 4: L; 5: C; 6: K; 7: G; 8: I; 9: F; 10: E; 11: H.
28 E 29. D 30. C 31. B 32. A

BÀI 5. ẤN ĐỘ VÀ KHU VỰC TRUNG ĐÔNG

I. CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1. Phong trào đấu tranh giành độc lập ở Ấn Độ sau Chiến tranh thế giới thứ hai diễn ra như thế nào?

- Trong những năm 1945 - 1947, cuộc đấu tranh đòi độc lập của nhân dân Ấn Độ dưới sự lãnh đạo của Đảng Quốc đại bùng lên mạnh mẽ.

- Quy mô rộng lớn và khí thế của phong trào đấu tranh đã làm cho chính quyền thực dân Anh không thể tiếp tục thống trị Ấn Độ theo hình thức thực dân kiểu cũ được nữa, phải nhượng bộ, hứa sẽ trao quyền tự trị cho Ấn Độ và người Anh sẽ rời khỏi Ấn Độ trước tháng 7-1948.

- Trên cơ sở thoả thuận này, ngày 15-8-1947, Ấn Độ đã tách thành hai quốc gia: Ấn Độ và Pa-ki-xtan.

- Không thoả mãn với quy chế tự trị, Đảng Quốc đại đã lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành độc lập dân tộc hoàn toàn trong những năm 1948-1950. Trước sức ép của phong trào quần chúng, thực dân Anh buộc phải công nhận độc lập hoàn toàn của Ấn Độ. Ngày 26-1-1950, Ấn Độ tuyên bố độc lập và thành lập nước cộng hoà.

Câu 2. Công cuộc xây dựng đất nước Ấn Độ từ những năm 70 đến cuối thế kỉ XX như thế nào?

- Trong thời kì xây dựng đất nước, Ấn Độ đã thực hiện những kế hoạch dài hạn nhằm phát triển kinh tế - xã hội và văn hoá. Nhờ thành tựu của cuộc "cách mạng xanh" trong nông nghiệp, từ giữa những năm 70 của thế kỉ XX, Ấn Độ đã tự túc được lương thực cho gần 1 tỉ người và bắt đầu xuất khẩu. Sản xuất công nghiệp tăng, đặc biệt là công nghiệp nặng, chế tạo máy, xây dựng cơ sở hạ tầng hiện đại.

- Trong ba thập kỉ cuối thế kỷ XX, Ấn Độ đầu tư nhiều vào lĩnh vực công nghệ cao, trước hết là công nghệ thông tin và viễn thông, và đang cố gắng vươn lên hàng các cường quốc và công nghệ phần mềm, công nghệ hạt nhân, công nghệ vũ trụ... Cuộc "cách mạng chất xám" bắt đầu từ những năm 90 đã đưa Ấn Độ thành một trong những nước sản xuất phần mềm lớn nhất thế giới. Trong các lĩnh vực văn hoá, giáo dục và khoa học - kĩ thuật, Ấn Độ có những bước tiến nhanh chóng.

Câu 3. Lập bảng biên niên về tiến trình đấu tranh giải phóng của nhân dân Pa-le-xtin từ năm 1947 đến nay.

Thời gian	*Sự kiện lịch sử*
Ngày 29-11-1947	Theo Nghị quyết 181 của Liên Hợp Quốc, sự đô hộ của Anh bị huỷ bỏ và lãnh thổ Pa-le-xtin bị chia làm hai quốc gia: một của người A Rập Pa-le-xtin, một của người Do Thái.
Ngày 15-5-1948	Bảy nước A Rập đã tấn công I-xra-en. Từ đó, xung đột giữa I-xra-en và Pa-le-xtin diễn ra liên miên.
Ngày 28-5-1964	Tại Giê-ru-xa-lem, Tổ chức giải phóng Pa-le-xtin (PLO) được thành lập, đã đoàn kết rộng rãi các lực lượng yêu nước đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng Pa-le-xtin.
Ngày 15-11-1988	Nhà nước Pa-le-xtin ra đời. Tháng 3-1989, Y. A-ra-phát được bầu là tổng thống đầu tiên của nhà nước này.
Ngày 26-8-1993	I-xra-en chấp nhận đàm phán với PLO trên nguyên tắc "đổi đất lấy hoà bình", I-xra-en tuyên bố sẵn sàng trao trả cho người Pa-le-xtin vùng Ga-da và Giê-ri-cô. Tuyên bố này đã khai thông bế tắc trong đàm phán giữa hai phía I-xra-en và Pa-le-xtin.
Ngày 28-9-1995	Dưới sự chứng kiến của Tổng thống Mĩ B. Clin-tơn, tại Nhà Trắng (Mĩ), Chủ tịch PLO A-ra-phát và Thủ tướng I-xra-en Ra-bin đã chính thức kí hiệp định mở rộng quyền tự trị của người Pa-le-xtin ở bờ Tây sông Gioóc-đan.
Ngày 23-10-1998	Bản ghi nhớ Oai Ri-vơ được I-xra-en và Pa-le-xtin kí kết, theo đó I-xra-en sẽ chuyển giao 27,2% lãnh thổ bờ Tây sông Gioóc-đan cho Pa-le-xtin trong vòng 12 tuần.

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Trong những năm 1945 – 1947, cuộc đấu tranh đòi độc lập của nhân dân Ấn Độ đặt dưới sự lãnh đạo của:

A. Đảng Dân chủ tư sản Ấn Độ. B. Đảng Cộng sản Ấn Độ.
C. Đảng Quốc đại. D. Đảng Ôn hòa.

Câu 2. Ngày 19 -2 – 1946, ở Ấn Độ diễn ra sự kiện lịch sử tiêu biểu nào gắn với phong trào đấu tranh chống thực dân Anh?

A. Cuộc khởi nghĩa của hai vạn thuỷ binh ở Can-cút-ta.
B. Cuộc khởi nghĩa của hai vạn thuỷ binh ở Bom-bay.
C. Cuộc bãi công, tuần hành của 20 vạn quần chúng ở Bom-bay.
D. Cuộc bãi công của hơn 40 vạn công nhân ở Can-cút-ta.

Câu 3. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào giải phóng dân tộc ở Ấn Độ do giai cấp nào lãnh đạo?

A. Giai cấp tư sản. B. Giai cấp vô sản.
C. Giai cấp địa chủ phong kiến. D. Giai cấp nông dân.

Câu 4. Phong trào Tebhaga của nông dân Ấn Độ nổ ra ở nhiều địa phương, tiêu biểu nhất là ở:

A. Can-cút-ta. B. Bom-bay. C. Ma-đrát. D. Ben-gan.

Câu 5. Tháng 4 – 1947, Phó vương cuối cùng của Anh là Mao-bát-tơn đến Ấn Độ để thương lượng với tổ chức nào đề ra phương án độc lập cho Ấn Độ?

A. Với Đảng Quốc đại và Liên đoàn Hồi giáo.
B. Với Đảng Quốc đại và Đảng Cộng sản Ấn Độ.
C. Với Liên đoàn Hồi giáo và Pa-ki-xtan.
D. Với Đảng Quốc đại, Liên đoàn Hồi giáo và Đảng Cộng sản Ấn Độ.

Câu 6. Theo "phương án Mao-bát-tơn", Ấn Độ chia thành hai nước tự trị dựa trên cơ sở tôn giáo, đó là:

A. Ấn Độ của người theo Ấn Độ giáo và Ấn Độ của người theo Hồi giáo.
B. Ấn Độ của người theo Hồi giáo và Pa-ki-xtan của những người Anh.
C. Ấn Độ của người theo Ấn Độ giáo và Pa-ki-xtan của người theo Hồi giáo.
D. Ấn Độ của người theo Ấn Độ giáo và Pa-ki-xtan của người theo Anh giáo.

Câu 7. Cho đến ngày 15 – 8 – 1947, tình hình lãnh thổ của Ấn Độ như thế nào?

A. Đã hoàn toàn độc lập.
B. Trở thành một nước thuộc địa nửa phong kiến.
C. Tách thành hai nước Ấn Độ và Pa-ki-xtan.
D. Vẫn còn là một nước thuộc địa của Anh.

Câu 8. Ấn Độ tuyên bố độc lập vào thời gian nào?

A. Ngày 26 – 1 – 1950. C. Ngày 25 – 12 – 1950.
B. Ngày 23 – 2 – 1950. D. Ngày 26 - 1 - 1951.

Câu 9. Nhờ đâu đến giữa những năm 70 của thế kỉ XX, Ấn Độ tự túc được lương thực để nuôi dân số gần một tỉ người và bắt đầu xuất khẩu?

A. Nhờ cải tiến kĩ thuật sản xuất nông nghiệp.
B. Nhờ cuộc "cách mạng xanh" trong nông nghiệp.

C. Nhờ sự viện trợ của nước ngoài, nhất là Liên Xô.
D. Nhờ công tác khai hoang và tái sản xuất.

Câu 10. Trong ba thập niên cuối thế kỉ XX, Ấn Độ đầu tư nhiều vào lĩnh vực công nghệ, mà trước tiên là:

A. Công nghệ thông tin và viễn thông.
B. Công nghệ điện tử và viễn thông.
C. Công nghệ sản xuất và chế biến nông sản.
D. Tất cả đều đúng.

Câu 11. Sự kiện gì diễn ra trong năm 1974 đánh dấu bước phát triển trên lĩnh vực khoa học – kĩ thuật ở Ấn Độ?

A. Ấn Độ phóng thành công vệ tinh nhân tạo lên quỹ đạo Trái đất.
B. Ấn Độ thử thành công bom nguyên tử.
C. Ấn Độ có 7 vệ tinh nhân tạo đang hoạt động trong vũ trụ.
D. Ấn Độ trở thành một trong sáu nước có khả năng phóng thành công vệ tinh địa tĩnh.

Câu 12. Ấn Độ thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam vào thời gian nào?

A. Ngày 17 tháng 1 năm 1972. B. Ngày 11 tháng 7 năm 1974.
C. Ngày 17 tháng 1 năm 1975. D. Ngày 17 tháng 1 năm 1972.

Câu 13. Hãy điền vào chỗ trống ở các câu dưới đây:

A. Ngày 19-2-1946, 2 vạn thủy binh khởi nghĩa ở cảng ....
B. Các hình thức đấu tranh đầu tiên của các tầng lớp nhân dân Ấn Độ ....
C. Các thành phố đã bãi công hưởng ứng cuộc khởi nghĩa ở Bom-bay ....
D. Ở nông thôn Ấn Độ diễn ra phong trào ....
E. Tháng 2-1947, diễn ra cuộc bãi công của công nhân thành phố ....
F. Trước sự lớn mạnh của phong trào cách mạng Ấn Độ buộc thực dân Anh phải thương lượng với hai Đảng Quốc đại và Liên đoàn Hồi giáo chia Ấn Độ thành hai quốc gia.

Câu 14. Khu vực Trung Đông là nơi tiếp giáp giữa:

A. ChâuÁ, châu Âu và châu Mĩ La-tinh. B. Tây Á, Tây Âu và châu Phi.
C. Châu Á, châu Âu và châu Phi. D. Tây Á, châu Âu và Tây Phi.

Câu 15. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ lợi dụng mâu thuẫn nào để can thiệp vào khu vực Trung Đông?

A. Mâu thuẫn giữa người A Rập và người Do Thái.
B. Mâu thuẫn giữa thực dân Anh và các dân tộc Trung Đông.
C. Mâu thuẫn giữa các dân tộc ở Trung Đông.
D. Mâu thuẫn giữa người Do Thái và người Anh.

Câu 16. Theo Nghị quyết 181 nước ngày 29 – 11 – 1947 của Liên Hiệp Quốc, lãnh thổ Pa-le-xtin bị chia thành hai quốc gia, đó là:

A. Một của A Rập Pa-le-xtin, một của người Anh.
B. Một của người Do Thái, một của người Anh.
C. Một của người A Rập, một của người I-xra-en.
D. Một của người A Rập Pa-le-xtin, một của người Do Thái.

Câu 17. Nhà nước Do Thái được thành lập lấy tên là I-xra-en vào thời gian nào?

A. Ngày 29 tháng 11 năm 1947. C. Ngày 14 tháng 5 năm 1948.
B. Ngày 15 tháng 4 năm 1948. D. Ngày 15 tháng 5 năm 1948.

Câu 18. Ngày 28 – 5 – 1964, tại Giê-ru-xa-lem diễn ra sự kiện gì?

A. Tổ chức đoàn kết Pa-le-xtin được thành lập.
B. Tổ chức giải phóng Pa-le-xtin được thành lập.
C. Nhà nước Pa-le-xtin ra đời.
D. Y. A-ra-phát được bầu làm tổng thống nước Pa-le-xtin.

Câu 19. Nguồn gốc của sự xung đột giữa hai dân tộc Do Thái và A Rập Pa-le-xtin là do:

A. Do sự xung đột giữa hai dân tộc này đã có mầm mống từ lâu.
B. Do sự can thiệp của các đế quốc phương Tây.
C. Do sự tranh chấp của chủ nghĩa đế quốc Anh và Mĩ.
D. Tất cả các lí do trên.

Câu 20. Biến đổi to lớn nhất của khu vực Trung Đông sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

A. Nhiều nước trở nên trù phú về kinh tế.
B. Hầu hết các nước Trung Đông giành lại độc lập (trừ Pa-let-xtin).
C. Các nước ở Trung Đông luôn trong tình trạng căng thẳng phức tạp.
D. Chiến tranh đã tàn phá nặng nề và gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 5

1. B 2. C 3. A 4. D 5. A 6. C 7. C 8. A
9. B 10. A 11. B 12. D
13. A. Bom-bay B. Biểu tình, tuần hành
C. Can-cút-ta, Ca-ra-si, Ma-đơ-rát D. "Tê-pha-ra"
E. Can-cút-ta
F. Ấn Độ của những người theo Ấn Độ giáo và Pa-ki-xtan của những người theo Hồi giáo.
14. C 15. A 16. D 17. C 18. B 19. C 20. B

Bài 6. CÁC NƯỚC CHÂU PHI VÀ MĨ LA-TINH

I. CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1. Trình bày những điều kiện quốc tế có tác động đến phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

- Sự kết thúc Chiến tranh thế giới thứ hai cũng như những thay đổi về tình hình quốc tế sau chiến tranh có tác dụng thúc đẩy phong trào độc lập dân tộc tại châu Phi.

+ Thất bại của chủ nghĩa phát xít, sự suy yếu của Anh và Pháp, hai quốc gia thống trị nhiều vùng thuộc địa tại châu Phi, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân châu Phi.

+ Thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, trước hết là của Việt Nam và Trung Quốc đã cổ vũ các cuộc đấu tranh của nhân dân châu Phi.

- Phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân đã diễn ra sôi nổi trên lục địa này.

Câu 2. Vì sao thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp lại cổ vũ, thúc đẩy phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi?

- Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 – 1954), nhân dân Việt Nam đã chiến đấu kiên cường, anh dũng, đánh bại chủ nghĩa thực dân cũ của đế quốc Pháp (một đế quốc đang thống trị nhiều nước ở châu Phi).

- Thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp đã chứng minh một chân lí của thời đại: Một dân tộc dù nhỏ nhưng có tinh thần đứng lên đấu tranh chống ngoại xâm thì dân tộc ấy nhất định sẽ giành thắng lợi. Chân lí này được nhân dân các nước châu Phi học tập và noi theo.

- Hơn nữa, trong chiến dịch Điện Biên Phủ và trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp nói chung, những tấm gương chiến đấu anh dũng của các chiến sĩ cách mạng Việt Nam đã có tác động trực tiếp tới những người lính Phi trong quân đội Pháp ở Đông Dương. Chính những người lính này khi về nước đã phát động cuộc kháng chiến chống Pháp theo gương của nhân dân Việt Nam.

Câu 3. Nêu diễn biến chính của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi từ năm 1945 đến năm 1994.

- Phong trào đấu tranh bùng nổ sớm nhất ở Bắc Phi, sau đó lan ra các vùng khác. Mở đầu là cuộc binh biến của sĩ quan và binh lính yêu nước Ai Cập (3-7-1952) lật đổ vương triều Pha-rúc, chỗ dựa của thực dân Anh, lập nên nước Cộng hoà Ai Cập. Cùng năm 1952, nhân dân Li-bi giành được độc lập. Sau 8 năm kháng chiến kiên cường chống Pháp (1954-1962), nhân dân An-giê-ri đã giành được thắng lợi.

- Từ nửa sau thập niên 50, hệ thống thuộc địa của thực dân châu Âu ở châu Phi nối tiếp nhau tan rã, các quốc gia độc lập lần lượt xuất hiện như Tuy-ni-di, Ma-rốc, Xu-đăng (1956); Ga-na (1957); Ghi-nê (1958)... Đặc biệt, lịch sử ghi nhận năm 1960 là "Năm châu Phi" với 17 nước được trao trả độc lập. Năm 1975, thắng lợi của nhân dân Mô-dăm-bích và Ăng-gô-la trong cuộc đấu tranh chống thực dân Bồ Đào Nha, về cơ bản đã chấm dứt chủ nghĩa thực dân cũ ở châu Phi cùng hệ thống thuộc địa của nó.

- Từ sau năm 1975, nhân dân các thuộc địa còn lại ở châu Phi hoàn thành cuộc đấu tranh đánh đổ nền thống trị thực dân cũ, giành độc lập dân tộc và quyền sống của con người.

- Sau nhiều thập kỉ đấu tranh, nhân dân Nam Rô-đê-di-a đã tuyên bố thành lập nước Cộng hoà Dim-ba-bu-ê (18-4-1980). Trước sức ép của nhân dân và Liên Hợp Quốc, chính quyền Nam Phi đã phải trao trả độc lập cho Na-mi-bi-a; tháng 3-1990, Na-mi-bi-a tuyên bố độc lập. Ngay chính tại Nam Phi, trước áp lực đấu tranh của người da màu, tháng 2-1990, chính quyền Nam Phi đã tuyên bố từ bỏ chính sách phân biệt chủng tộc (gọi là A-pác-thai). Sau đó, với thắng lợi của cuộc bầu cử dân chủ đa chủng tộc lần đầu tiên ở Nam Phi (tháng 4-1994) ông Nen-xơn Man-đê-la trở thành tổng thống da đen đầu tiên của Cộng hoà Nam Phi. Sự kiện đó đã đánh dấu sự chấm dứt chết độ phân biệt chủng tộc dã man, đầy bất công, một biểu hiện của chủ nghĩa thực dân.

Câu 4. Trình bày những khó khăn của các nước châu Phi trên bước đường xây dựng đất nước sau khi giành độc lập và biện pháp khắc phục những khó khăn đó.

- Sau khi giành được độc lập, các nước châu Phi bắt tay vào công cuộc xây dựng đất nước, phát triển kinh tế - xã hội, đã dặt hái được những thành tựu bước đầu nhưng chưa đủ để thay đổi căn bản bộ mặt của châu lục này.

- Mặc dù vậy, nhiều nước châu Phi còn nằm trong tình trạng lạc hậu, không ổn định và khó khăn do xung đột, đảo chính, nội chiến diễn ra liên miên; đói nghèo, bệnh tật và mù chữ; sự bùng nổ về dân số; nợ nần và sự phụ thuộc vào nước ngoài v.v... Tất cả những khó khăn đó đã và đang là thách thức lớn đối với nhân dân các nước châu Phi. Chẳng hạn:

+ Từ năm 1952 đến năm 1985, tại châu Phi xảy ra 241 lần đảo chính quân sự.

+ Từ năm 1987 đến năm 1997, châu Phi có tới 14 cuộc xung đột, nội chiến.

+ Trong số 43 quốc gia mà Liên Hiệp Quốc xác định nghèo nhất thế giới (năm 1997), thì ở châu Phi có 29 nước.

- Các nước châu Phi cùng cộng đồng quốc tế đang tìm nhiều giải pháp tháo gỡ những khó khăn: giải quyết xung đột, khắc phục đói nghèo, ngăn ngừa bệnh dịch. Tổ chức thống nhất châu Phi (OAU) thành lập tháng 5-1963, đến năm 2002 đổi thành Liên minh châu Phi (AU), Liên minh châu Phi đang triển khai nhiều chương trình chiến lược vì sự phát triển của châu lục.

Câu 5. Những nét chính về quá trình giành và bảo vệ độc lập ở châu Mĩ La-tinh từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

- Khác với châu Á và châu Phi, nhiều nước ở Mĩ La-tinh sớm giành được độc lập từ đầu thế kỉ XIX sau khi thoát khỏi ách thống trị của thực dân Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha. Nhưng, ngay sau đó, họ lại bị lệ thuộc vào Mĩ, trở thành thuộc địa kiểu mới của Mĩ. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, với ưu thế về kinh tế và quân sự, Mĩ tìm cách biến Mĩ La-tinh thành "sân sau" của mình và xây dựng các chế độ độc tài thân Mĩ.

- Cũng vì thế, cuộc đấu tranh chống chế độ độc tài thân Mĩ bùng nổ và phát triển. Tiêu biểu là thắng lợi của cách mạng Cu-ba dưới sự lãnh đạo của Phi-đen Cát-xtơ-rô.

- Tháng 3-1952, với sự giúp đỡ của Mĩ, Ba-ti-xta đã thiết lập chế độ độc tài quân sự ở Cu-ba. Chính quyền Ba-ti-xta xoá bỏ hiến pháp tiến bộ, cấm các đảng phái chính trị hoạt động, bắt giam và tàn sát nhiều người yêu nước. Trong bối cảnh đó, nhân dân Cu-ba đã đứng lên đấu tranh chống chế độ độc tài. Ngày 1-1-1959 chế độ Ba-ti-xta sụp đổ, nước Cộng hoà Cu-ba ra đời do Phi-đen Cát-xtơ-rô đứng đầu.

- Nhằm ngăn chặn ảnh hưởng của cách mạng Cu-ba, vào tháng 8-1961, Mĩ đề xướng việc tổ chức "Liên minh vì tiến bộ" để lôi kéo các nước Mĩ La-tinh. Cũng vì thế, từ thập niên 60-70, phong trào đấu tranh chống Mĩ và chế độ độc tài thân Mĩ ở khu vực càng phát triển và thu nhiều thắng lợi.

- Cùng với những hình thức bất công của công nhân, nổi dậy của nông dân đòi ruộng đất, đấu tranh nghị trường để thành lập các chính phủ tiến bộ, cao trào đấu tranh vũ trang bùng nổ mạnh mẽ ở Mĩ La-tinh nên khu vực này được gọi là "lục địa bùng cháy". Phong trào đấu tranh vũ trang chống chế độ độc tài ở các nước Vê-nê-xu-ê-la, Goa-tê-ma-la, Cô-lôm-bi-a, Pê-ru, Ni-ca-ra-goa, Chi-lê, En Xan-va-đo... đã diễn ra liên tục.

Câu 6. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội của châu Mĩ La-tinh sau khi giành độc lập diễn ra như thế nào?

- Sau khi khôi phục độc lập, giành được chủ quyền, các nước Mĩ La-tinh bước vào thời kì xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, đạt được nhiều thành tựu đáng khích lệ. Một số nước trở thành nước công nghiệp mới (viết tắt theo tiếng Anh là NICs) như Bra-xin, Ác-hen-ti-na, Mê-hi-cô.

- Trong thập niên 80 của thế kỉ XX, nhiều nước Mĩ La-tinh rơi vào tình trạng suy thoái kinh tế nặng nề, lạm phát tăng nhanh, khủng hoảng trầm trọng, nợ nước ngoài chồng chất, dẫn đến những biến động về chính trị.

- Sau thất bại trong vụ tranh chấp chủ quyền quần đảo Man-vi-nát với Anh (tháng 4-1982), chế độ độc tài bị lật đổ ở Ác-hen-ti-na, mở đầu quá trình dân sự hoá chính quyền ở hàng loạt nước Mĩ La-tinh khác: Bô-li-vi-a (1982), Bra-xin (1985), Ha-i-ti (1986), Chi-lê (1988), En Xan-va-đo (1989) và U-ru-goay (1989).

- Bước sang thập niên 90, nền kinh tế Mĩ La-tinh có chuyển biến tích cực hơn. Tỉ lệ lạm phát được hạ xuống còn dưới 30%/năm, một số nước đạt mức lí tưởng như Mê-hi-cô: 4,4%, Bô-li-vi-a: 4,45%, Chi-lê 4,6%,... đầu tư nước ngoài vào Mĩ La-tinh với khối lượng lớn: 68 tỉ USD (1993) và trên 70 tỉ USD (1994), đứng hàng thứ hai sau Đông Á. Tuy nhiên, tình hình kinh tế của nhiều nước Mĩ La-tinh còn gặp không ít khó khăn, mâu thuẫn xã hội là vấn đề nổi bật, tham nhũng đã trở thành quốc nạn và ngăn cản sự phát triển kinh tế.

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước đế quốc nào thống trị nhiều nhất ở châu Phi?

A. Đế quốc Anh và đế quốc Mĩ. B. Đế quốc Anh và đế quốc Pháp.

C. Đế quốc Anh, Pháp và Mĩ. D. Tất cả các đế quốc trên.

Câu 2. Thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc của nước nào ở châu Á đã cổ vũ các cuộc đấu tranh của nhân dân châu Phi?

A. Của Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia.

B. Của Trung Quốc, Ấn Độ.

C. Của Việt Nam, Trung Quốc.

D. Của Trung Quốc, Ấn Độ và các nước Đông Nam Á.

Câu 3. Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở châu Phi sau Chiến tranh thế giới thứ nhất diễn ra sớm nhất ở vùng nào?

A. Tây Phi. B. Bắc Phi. C. Nam Phi. D. Đông Phi.

Câu 4. Ngày 3 – 7 – 1952, diễn ra sự kiện lịch sử tiêu biểu nào ở châu Phi?

A. 17 nước châu Phi giành được độc lập.

B. Nhân dân An-giê-ri giành được độc lập.

C. Nhân dân Li-bi giành được độc lập.

D. Cuộc binh biến của sĩ quan và binh lính Ai Cập lật đổ vương triều Pha-rúc.

Câu 5. Vì sao năm 1960 đã đi vào lịch sử với tên gọi là "Năm châu Phi"?

A. Có nhiều nước ở châu Phi được trao trả độc lập.

B. Châu Phi là châu lục có phong trào giải phóng dân tộc phát triển sớm nhất, mạnh nhất.

C. Có 17 nước ở châu Phi tuyên bố độc lập.

D. Châu Phi là "Lục địa mới trỗi dậy".

Câu 6. Từ cuối những năm 70 của thế kỉ XX, chủ nghĩa thực dân chỉ còn tồn tại dưới hình thức nào?

A. Chủ nghĩa thực dân kiểu cũ. B. Chủ nghĩa thực dân kiểu mới.

C. Chế độ phân biệt chủng tộc. D. Chế độ thực dân.

Câu 7. Sự kiện nào dưới đây gắn với tên tuổi của Nen-xơn Man-đê-la?

A. Chiến sĩ nổi tiếng chống ách thống trị của bọn thực dân.

B. Lãnh tụ của phong trào giải phóng dân tộc ở An-giê-ri.

C. Lãnh tụ của phong trào giải phóng dân tộc ở Ăng-gô-la.

D. Lãnh tụ của phong trào đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi.

Câu 8. Vì sao cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc ở châu Phi được xếp vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc?

A. Chế độ phân biệt chủng tộc do thực dân xây dựng và nuôi dưỡng.

B. Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc là một hình thái của chủ nghĩa thực dân.

C. Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc là con đẻ của chủ nghĩa thực dân.

D. Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc có quan hệ mật thiết với chủ nghĩa thực dân.

Câu 9. Năm 1994, ở châu Phi diễn ra sự kiện gì bi thảm nhất trong cuộc xung đột và nội chiến?

A. Cuộc nội chiến ở Nam Phi. B. Cuộc nội chiến ở Nam-bi-a.

B. Cuộc xung đột ở An-giê-ri. D. Cuộc nội chiến ở Ru-an-đa.

Câu 10. Trong số 43 quốc gia mà Liên Hiệp Quốc xác định là nghèo nhất thế giới năm 1997, thì ở châu Phi có bao nhiêu quốc gia?

A. 20 quốc gia. B. 19 quốc gia. C. 29 quốc gia. D. 34 quốc gia.

Câu 11. Các nước châu Phi cùng cộng đồng quốc tế đang tìm nhiều giải pháp để tháo gỡ những khó khăn gì ở châu Phi?

A. Xung đột, nghèo đói, bệnh dịch.

B. Bùng nổ dân số, mù chữ, bệnh dịch.

C. Phụ thuộc nước ngoài, bệnh dịch, nghèo đói.

D. Bùng nổ dân số, bệnh dịch, phụ thuộc nước ngoài.

Câu 12. Hãy nối sự kiện ở cột B cho phù hợp với thời gian ở cột A về phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi sau Chiến tranh thế giới thứ hai:

A	B
1) 18 - 6 - 1953	A. Cộng hòa nhân dân Ăng-gô-la thành lập.
2) 1956	B. Pháp kí Hiệp định Ê-vi-ăng, công nhận độc lập của An-giê-ri.
3) 1957	C. Tuy-ni-di giành lại độc lập.
4) 1958	D. Ga-na giành lại độc lập.
5) 3 - 1962	E. Ma-rốc, Xu-đăng giành độc lập.
6) 11 - 11 - 1975	F. Ghi-nê giành độc lập.
	G. Cộng hòa Ai Cập được thành lập.

Câu 13. Thắng lợi to lớn và gây ảnh hưởng sâu rộng đối với phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi trong giai đoạn 1960 - 1975 là thắng lợi của nhân dân nước nào?

A. Thắng lợi của nhân dân An-giê-ri. B. Thắng lợi của nhân dân Mô-dăm-bích.

C. Thắng lợi của nhân dân Ăng-gô-la. D. Thắng lợi của nhân dân Nam Phi.

Câu 14. Dưới đây là các giai đoạn phát triển của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi, Hãy đánh dấu (X) vào các cột dọc cho phù hợp với từng giai đoạn.

Nội dung	1945-1954	1954-1960	1960-1975	1975-nay
1) 17 nước châu Phi giành độc lập, gọi là "Năm châu Phi".				
2) Hầu hết các nước ở Bắc Phi và Tây Phi giành được độc lập.				
3) Phong trào giải phóng dân tộc nổ ra sớm nhất ở Bắc Phi với thắng lợi mở đầu của cách mạng Ai Cập.				
4) Hoàn thành cuộc đấu tranh đánh đổ nền thống trị thực dân cũ.				

Câu 15. Ghi đúng (Đ) hoặc sai (S) vào các ☐ sau đây nói về những khó khăn của châu Phi.

☐ A. Sự xâm nhập của chủ nghĩa thực dân mới và sự vơ vét bóc lột về kinh tế của các cường quốc phát triển phương Tây.

☐ B. Lãnh đạo phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc hầu hết là do giai cấp tư sả

☐ C. Nợ nước ngoài, đói rét, bệnh tật, mù chữ.

☐ D. Sự bùng nổ về dân số .

☐ E. Sự phát triển không đồng đều giữa các nước sau khi giành được độc lập.

☐ F. Sự xung đột giữa các bộ tộc và phe phái khác nhau gây nên cục diện không ổn định.

Câu 16. Xác định các sự kiện có liên quan đến phong trào cách mạng ở An-giê-ri và Nam Phi theo yêu cầu sau đây:

Tên nước	Sự kiện
1) An-giê-ri	A. Tháng 8 - 1954, mặt trận dân tộc giải phóng được thành lập.
2) Nam Phi	B. Ngày 1 - 11 - 1954, mặt trận phát động nhân dân tiến hành cuộc khởi nghĩa vũ trang ở vùng rừng núi miền Đông Nam.
	C. Mục tiêu đấu tranh nhằm chống lại chủ nghĩa A-pác-thai.
	D. Lãnh đạo phong trào là Đại hội dân tộc Phi (ANC).
	E. Thực dân Pháp phải kí Hiệp định Ê-vi-ăng công nhận độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.
	F. Sau khi giành độc lập đã thi hành nhiều chính sách đối nội và đối ngoại tiến bộ.

Câu 17. Trước khi bị lệ thuộc vào Mĩ, các nước châu Mĩ La-tinh là thuộc địa của:

A. Anh và Pháp. B. Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha.
C. Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha và Anh. D. Hà Lan, Anh và Pháp.

Câu 18. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ dùng ưu thế gì để biến châu Mĩ La-tinh thành "sân sau" êm đềm của mình?

A. Dùng ưu thế về nước láng giềng. B. Dùng ưu thế về vũ khí hạt nhân.
C. Dùng ưu thế về kinh tế và quân sự. D. Dùng ưu thế kinh tế và tài chính.

Câu 19. Để đặt ách thống trị ở các nước Mĩ La-tinh, Mĩ đã làm gì?

A. Xây dựng các căn cứ quân sự khắp các nước Mĩ La-tinh.
B. Thực hiện chính sách viện trợ cho các nước Mĩ La-tinh.
C. Xây dựng chế độ tự trị ở các nước Mĩ La-tinh.
D. Xây dựng chế độ độc tài thân Mĩ.

Câu 20. Sự kiện nào được đánh giá là tiêu biểu nhất và là lá cờ đầu trong phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ La-tinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Thắng lợi của cách mạng Mê-hi-cô. B. Thắng lợi của cách mạng Ê-cua-đo.
C. Thắng lợi của cách mạng Cu-ba. D. Tất cả các sự kiện trên.

Câu 21. Kẻ thù chủ yếu của nhân dân các nước Mĩ La-tinh là ai?

A. Chế độ phân biệt chủng tộc.
B. Chủ nghĩa thực dân cũ.
C. Chế độ tay sai phản động của chủ nghĩa thực dân mới.
D. Giai cấp địa chủ phong kiến.

Câu 22. Từ những năm 60 đến những năm 80 của thế kỉ XX, phong trào đấu tranh của nhân dân các nước Mĩ La-tinh diễn ra dưới hình thức nào?

A. Bãi công của công nhân. B. Đấu tranh chính trị.
C. Đấu tranh vũ trang. D. Sự nổi dậy của người dân.

Câu 23. Sự kiện lịch sử nào mở đầu cho cách mạng Cu-ba?

A. Cuộc đổ bộ của tàu "Gran-ma" lên đất Cu-ba (1956).
B. Cuộc tấn công vào trại lính Môn-ca-đa (26-7-1953).
C. Nghĩa quân Cu-ba mở cuộc tấn công (1958).
D. Nghĩa quân Cu-ba chiếm lĩnh thủ đô La-ha-ba-na (1-1-1959).

Câu 24. Trong thời kì xây dựng và phát triển kinh tế, các nước nào ở Mĩ La-tinh trở thành nước công nghiệp mới?

A. Bra-xin, Ác-hen-ti-na, Mê-hi-cô, Cu-ba.
B. Bra-xin, Ác-hen-ti-na, Mê-hi-cô.
C. Bra-xin, Cô-lôm-bi-a, Mê-hi-cô.
D. Bra-xin, Ác-hen-ti-na, Goa-tê-ma-la.

Câu 25. Hãy nối tên các nước ở Mĩ La-tinh gắn với hình thức đấu tranh giải phóng dân tộc trong thời gian từ 1945 đến 1959 cho phù hợp.

Tên nước	*Hình thức đấu tranh*
1) Cu-ba	A) Khởi nghĩa vũ trang
2) Pê-ru	B) Nổi dậy của nông dân
3) Ê-cua-đo	C) Đấu tranh nghị viện
4) Mê-hi-cô	D) Bãi công của công nhân
5) Bra-xin	
6) Vê-nê-xu-ê-la	
7) Pa-na-ma	
8) Bô-li-vi-a	
9) Goa-tê-ma-la	
10) Ác-hen-ti-na	
11) Chi-lê	

Câu 26. Ghi đúng (Đ) hoặc sai (S) vào các ☐ đứng trước các câu sau đây nói về cách mạng Cu-ba 1959.

☐ A. Để thực hiện âm mưu chủ nghĩa thực dân mới của mình, Mĩ đã thiết lập chế độ độc tài quân sự Ba-ti-xta ở Cu-ba.

☐ B. Lãnh đạo phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở Cu-ba là Đảng Cộng sản Cu-ba do Phiđen Cátxtơrô đứng đầu.

☐ C. Cuộc tấn công vào trại lính Môn-ca-đa đã mở đầu một giai đoạn phát triển mới của cách mạng Cu-ba.

☐ D. Năm 1955, Phiđen Cátxtơrô được trả tự do và bị trục xuất sang Ác-hen-ti-na.

☐ E. Ngày 30-12-1958, Ba-ti-xta bỏ chạy ra nước ngoài.

☐ F. Cách mạng Cu-ba là "lá cờ đầu của phong trào giải phóng dân tộc" ở Mĩ La-tinh.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 6

1. B 2. C 3. B 4. D 5. C 6. C 7. D 8. B
9. D 10. C 11. A 12. 1: G; 2: C, E; 3: D; 4: F; 5: B; 6: A.
13. A 14. 1: 1964-1975; 2: 1954-1960; 3: 1945-1954; 4: 1975 – nay.
15. A, C, D, F : Đúng; E : Sai
16. 1) An-giê-ri: A, B, E, F.
2) Nam Phi: C, D
17. B 18. C 19. D 20. C 21. C 22. C 23. B 24. B
25. 1, 7, 8 với A; 2, 3, 4, 5, 6 với B; 9, 10 với C; 11 với D.
26. A, C, E, F : Đúng; B, D : Sai

Chương IV. MĨ, TÂY ÂU, NHẬT BẢN (1945 – 2000)

Bài 7. NƯỚC MĨ

I. CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1. Hãy trình bày sự phát triển kinh tế của Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Nguyên nhân của sự phát triển đó.

- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nền kinh tế Mĩ phát triển mạnh mẽ. Biểu hiện:

+ Tổng sản phẩm quốc dân tăng bình quân hàng năm là 9%.

+ Sản lượng công nghiệp chiếm hơn một nửa sản lượng toàn thế giới.

+ Sản lượng nông nghiệp tăng 27% so với trước chiến tranh.

+ Mĩ có hơn 50% tàu bè đi lại trên biển, chiếm 3/4 trữ lượng vàng thế giới...

- Trong khoảng 20 năm sau chiến tranh, Mĩ trở thành trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất thế giới.

- Sở dĩ kinh tế Mĩ có được sự phát triển và sức mạnh to lớn như vậy là do một số yếu tố sau:

+ Lãnh thổ Mĩ rộng lớn, tài nguyên thiên nhiên phong phú, khí hậu khá thuận lợi.

+ Mĩ có nguồn nhân lực dồi dào, trình độ kĩ thuật cao, năng động, sáng tạo.

+ Mĩ tham gia Chiến tranh thế giới thứ hai muộn hơn, tổn thất ít hơn so với nhiều nước khác. Hơn nữa, Mĩ còn lợi dụng chiến tranh để làm giàu, thu lợi nhuận từ buôn bán vũ khí.

+ Mĩ là nước khởi đầu cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại của thế giới. Việc áp dụng thành công những thành tựu của cuộc cách mạng này đã cho phép Mĩ nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm và điều chỉnh hợp lí cơ cấu sản xuất.

+ Trình độ tập trung tư bản và sản xuất ở Mĩ rất cao. Các tổ hợp công nghiệp - quân sự, các công ty và tập đoàn tư bản lũng đoạn Mĩ (như Giê-nê-ran Mô-tô, Pho, Rốc-pheo-lơ...) có sức sản xuất, cạnh tranh lớn và hiệu quả ở cả trong và ngoài nước.

+ Các chính sách và hoạt động điều tiết của Nhà nước cũng có vai trò quan trọng thúc đẩy kinh tế Mĩ phát triển.

Câu 2. Nêu những nét chính về những thành tựu khoa học - kĩ thuật của Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

- Mĩ đã đạt được nhiều thành tựu lớn trong cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại.

- Trong và sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nhiều nhà khoa học nổi tiếng của thế giới đã di cư sang Mĩ. Đầu tư cho giáo dục và nghiên cứu khoa học ở Mĩ rất lớn.

- Mĩ là một trong những nước đi đầu trong các lĩnh vực chế tạo công cụ sản xuất mới (máy tính điện tử, máy tự động), vật liệu mới (pô-li-me, vật liệu tổng hợp); năng lượng mới (năng lượng nguyên tử, nhiệt hạch); sản xuất vũ khí (bom nguyên tử, bom khinh khí, tên lửa đạn đạo); chinh phục vũ trụ (đưa người lên Mặt trăng năm 1969, thám hiểm sao Hoả), và đi đầu cuộc "cách mạng xanh" trong nông nghiệp v.v...

- Những thành tựu đó không chỉ thúc đẩy kinh tế Mĩ phát triển, mà còn có ảnh hưởng lớn trên toàn thế giới.

Câu 3. Nêu những nét chính về chính sách đối ngoại của Mĩ từ năm 1945 đến năm 1973.

- Với tiềm lực về kinh tế, và quân sự to lớn, từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ đã triển khai chiến lược toàn cầu với tham vọng bá chủ thế giới. Tháng 3-1947, trong diễn văn đọc trước Quốc hội Mĩ, Tổng thống H.Tru-man đã công khai nêu lên "Sứ mệnh lãnh đạo thế giới tự do chống lại sự bành trướng của chủ nghĩa cộng sản". Chiến lược toàn cầu của Mĩ được triển khai qua nhiều học thuyết của các đời tổng thống Mĩ.

- Mặc dù các chiến lược cụ thể mang những tên gọi khác nhau, nhưng chiến lược toàn cầu của Mĩ nhằm thực hiện 3 mục tiêu chủ yếu:

+ Một là, ngăn chặn, đẩy lùi và tiến tới tiêu diệt hoàn toàn chủ nghĩa xã hội trên thế giới.

+ Hai là, đàn áp phong trào chống chiến tranh, vì hoà bình, dân chủ trên thế giới.

+ Ba là, khống chế, chi phối các nước tư bản đồng minh phụ thuộc vào Mĩ. Để thực hiện các mục tiêu chiến lược trên đây, chính sách cơ bản của Mĩ là dựa vào sức mạnh, trước hết là sức mạnh quân sự và kinh tế.

- Mĩ đã khởi xướng "chiến tranh lạnh" trên phạm vi thế giới và trực tiếp hoặc gián tiếp gây ra nhiều cuộc chiến tranh bạo loạn ở nhiều nơi trên thế giới.

Câu 4. Hãy trình bày sự phát triển không ổn định về kinh tế và chính trị - xã hội Mĩ thời kì 1973 – 1991.

- *Về kinh tế:*

+ Năm 1973, do tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới, kinh tế Mĩ lâm vào một cuộc khủng hoảng và suy thoái, kéo dài tới năm 1982.

+ Từ năm 1983 trở đi, kinh tế Mĩ phục hồi và phát triển trở lại, nhưng cũng chỉ ở tốc độ trung bình so với Tây Âu và Nhật Bản. Tuy vẫn là nước đứng đầu thế giới về sức mạnh kinh tế - tài chính, nhưng tỉ trọng của kinh tế Mĩ giảm sút nhiều so với trước.

+ Khoa học - kĩ thuật Mĩ tiếp tục sự phát triển, nhưng ngày càng bị cạnh tranh ráo riết bởi Tây Âu, Nhật Bản.

- *Về chính trị - xã hội:*

+ Từ năm 1974 đến năm 1991, nước Mĩ đã trải qua 4 đời tổng thống, từ G.Pho đến G.Bu-sơ (cha). Sự thất bại trong cuộc chiến tranh Việt Nam đã tác động lớn đến nước Mĩ.

+ Tháng 9-1974, Tổng thống G.Pho đã ra lệnh ân xá cho cựu Tổng thống Ních-xơn (vì tụ Oa-tơ-ghết), khoan hồng đối với những người đào ngũ và trốn tránh quân dịch trong thời kì chiến tranh Việt Nam.

+ Trong thập niên 80, Mĩ thực hiện học thuyết kinh tế Ri-gân, đạt được một số kết quả nhất định, nhưng nước Mĩ vẫn tiếp tục vấp phải nhiều khó khăn.

Câu 5. Nêu những nét cơ bản về chính sách đối ngoại của Mĩ từ năm 1975 đến 1991.

- Sau khi bị thất bại ở Việt Nam (1975), các chính quyền Mĩ vẫn tiếp tục triển khai chiến lược toàn cầu và theo đuổi "Chiến tranh lạnh". Đặc biệt với học thuyết Ri-gân và chiến lược "Đối đầu trực tiếp", Mĩ tăng cường chạy đua vũ trang, can thiệp vào các công việc quốc tế ở hầu hết các địa bàn chiến lược và điểm nóng trên thế giới.

- Từ giữa những năm 80, Mĩ và Liên Xô đều điều chỉnh chính sách đối ngoại. Xu hướng đối ngoại và hòa hoãn ngày càng chiếm ưu thế trên thế giới.

- Tháng 12-1989, Mĩ và Liên Xô đã chính thức tuyên bố chấm dứt "Chiến tranh lạnh", mở ra thời kì mới trên trường quốc tế. Cùng với điều đó, Mĩ và các nước phương Tây cũng ra sức tác động vào quá trình khủng hoảng, dẫn đến sự sụp đổ của CNXH ở các nước Đông Âu và Liên Xô (1989-1991). Mĩ cũng đã giành được thắng lợi trong cuộc Chiến tranh vùng Vịnh chống I-rắc (1990-1991).

Câu 6. Nêu những nét chính về tình hình kinh tế, khoa học – kĩ thuật của Mĩ từ năm 1991 đến năm 2000.

- *Tình hình kinh tế:*

+ Bước vào những năm đầu tiên của thập niên 90, kinh tế Mĩ lại lâm vào một đợt suy thoái nặng nề.

+ Tuy nhiên, trong hai nhiệm kì cầm quyền của Tổng thống B. Clin-tơn (từ tháng 1-1993 đến tháng 1-2001), kinh tế Mĩ đã có sự phục hồi và phát triển trở lại. Mĩ vẫn là nước có nền kinh tế hàng đầu thế giới.

- *Khoa học - kĩ thuật:*

+ Mĩ vẫn tiếp tục phát triển với đội ngũ các chuyên gia đông nhất thế giới.

+ Mĩ chiếm 1/3 số lượng bản quyền phát minh sáng chế của toàn thế giới.

Câu 7. Chính sách đối ngoại của Mĩ thời kì B. Clin-tơn diễn ra như thế nào?

- Chính quyền B. Clin-tơn "cố gắng ứng dụng ba giá trị: cơ hội, trách nhiệm và cộng đồng để vượt qua những thử thách". Theo đó, chính quyền cố gắng tạo cơ hội thêm nhiều việc làm, mở rộng thị trường và tập trung đầu tư cho con người; đồng thời đòi hỏi việc nâng cao trách nhiệm của mỗi cá nhân, của chính phủ và của toàn xã hội trên cơ sở đoàn kết cộng đồng gia đình, láng giềng, dân tộc.

- Trong bối cảnh chiến tranh lạnh kết thúc, trật tự thế giới mới chưa định hình, ở thập niên 90, Mĩ đã triển khai chiến lược "Cam kết và mở rộng" với ba trụ cột chính là:

+ Bảo đảm an ninh với một lực lượng quân sự mạnh và sẵn sàng chiến đấu cao.

+ Tăng cường khôi phục và phát triển tính năng động và sức mạnh nền kinh tế Mĩ.

+ Sử dụng khẩu hiệu "dân chủ" ở nước ngoài như một công cụ can thiệp vào công việc nội bộ của các nước khác.

- Với sức mạnh kinh tế, quân sự, khoa học - kĩ thuật của mình, trong bối cảnh Liên Xô ran rã, Mĩ có tham vọng thiết lập một trật tự thế giới "đơn cực" trong đó Mĩ là siêu cường duy nhất đóng vai trò chi phối và lãnh đạo.

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Trong khoảng hai thập niên đầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai, đã xuất hiện trung tâm kinh tế, tài chính nào?

A. Trung tâm kinh tế, tài chính Mĩ, Tây Âu.
B. Trung tâm kinh tế, tài chính Mĩ, Nhật Bản.
C. Trung tâm kinh tế, tài chính Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản.
D. Mĩ là trung tâm kinh tế, tài chính duy nhất của thế giới.

Câu 2. Nguyên nhân nào dưới đây là cơ bản nhất đưa nền kinh tế của Mĩ phát triển mạnh mẽ sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Dựa vào những thành tựu khoa học - kĩ thuật của thế giới.
B. Nhờ tài nguyên thiên nhiên phong phú.
C. Nhờ trình độ tập trung sản xuất và tập trung tư bản cao.
D. Nhờ quân sự hóa nền kinh tế, thu được nhiều lợi nhuận trong chiến tranh.

Câu 3. Đặc điểm nổi bật nhất của nền kinh tế Mĩ sau chiến tranh thế giới là gì?

A. Vị trí kinh tế của Mĩ ngày càng giảm sút trên toàn thế giới.
B. Mĩ bị các nước Tây Âu và Nhật Bản cạnh tranh quyết liệt.
C. Kinh tế phát triển nhanh, nhưng không ổn định vì thường xuyên xảy ra nhiều cuộc suy thoái.
D. Sự chênh lệch giàu nghèo ngày càng lớn.

Câu 4. Nhờ đâu sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ có đội ngũ các nhà khoa học đông đảo và nổi tiếng?

A. Nhờ bắt cóc từ các nước trong chiến tranh.
B. Nhờ các nhà khoa học di cư từ các nước đến Mĩ.
C. Nhờ quá trình tự đào tạo tại Mĩ.
D. Nhờ Mĩ là nước khởi đầu cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật.

Câu 5. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ đầu tư rất lớn cho lĩnh vực nào?

A. Giáo dục và nghiên cứu khoa học.
B. Khoa học – kĩ thuật.
C. Công nghiệp chế tạo các loại vũ khí phục vụ chiến tranh.
D. Tất cả các lĩnh vực trên.

Câu 6. Mĩ trở thành trung tâm kinh tế - tài chính duy nhất trong thời gian nào?

A. Từ 1918 đến 1945. C. Từ 1945 đến 1975.
B. Từ 1945 đến 1950. D. Từ 1950 đến 1980.

Câu 7. Trong lĩnh vực chinh phục vũ trụ, Mĩ đưa người lên Mặt trăng vào năm nào?

A. Năm 1961. B. Năm 1967. C. Năm 1969. D. Năm 1970.

Câu 8. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, hai đảng nào thay nhau cầm quyền ở Mĩ?

A. Đảng Tự do và Đảng Dân chủ. B. Đảng Cộng hòa và Đảng Bảo thủ.
C. Đảng Xã hội và Đảng Cộng hòa. D. Đảng Dân chủ và Đảng Cộng hòa.

Câu 9. Từ năm 1945 đến những năm đầu 70, nước Mĩ trải qua mấy đời tổng thống? Đó là những tổng thống nào?

A. Năm đời tổng thống. Đó là Tơ-ru-man, Ai-xen-hao, Ken-nơ-đi, Giôn-xơn, Ních-xơn.
B. Bốn đời tổng thống. Đó là Tơ-ru-man, Ai-xen-hao, Ken-nơ-đi, Giôn-xơn.
C. Sáu đời tổng thống. Đó là Tơ-ru-man, Ai-xen-hao, Ken-nơ-đi, Giôn-xơn, Ních-xơn, Pho.
D. Năm đời tổng thống. Đó là Tơ-ru-man, Ai-xen-hao, Ken-nơ-đi, Giôn-xơn, Ri-gân.

Câu 10. Đời tổng thống nào của Mĩ gắn liền với "Chiến lược toàn cầu" phản cách mạng?

A. Tơ-ru-man B. Ken-nơ-đi C. Ai-xen-hao D. Giôn-xơn

Câu 11. Mĩ đã ban hành hàng loạt đạo luật phản động trong đó có đạo luật Táp - Hác-lây nhằm mục đích gì?

A. Thực hiện chế độ phân biệt chủng tộc.
B. Chống phong trào công nhân và Đảng Cộng sản Mĩ hoạt động.
C. Chống sự nổi loạn của thế hệ trẻ.
D. Đối phó với phong trào đấu tranh của người da đen.

Câu 12. Điểm giống nhau trong chính đối ngoại của các đời tổng thống Mĩ là gì?

A. Chuẩn bị tiến hành "Chiến tranh tổng lực".
B. "Chiến lược toàn cầu hóa".
C. Xác lập một trật tự thế giới có lợi cho Mĩ.
D. "Chủ nghĩa lấp chỗ trống".

Câu 13. Nội dung "Chiến lược toàn cầu" của Mĩ nhằm mục tiêu cơ bản nào?

A. Ngăn chặn, đẩy lùy rồi tiến tới tiêu diệt các nước xã hội chủ nghĩa.
B. Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, khống chế các nước đồng minh của Mĩ.
C. Thiết lập sự thống trị trên toàn thế giới.
D. A, B, C đúng

Câu 14. "Chính sách thực lực" của Mĩ là gì?

A. Chính sách xâm lược thuộc địa.
B. Chạy đua vũ trang với Liên Xô.
C. Chính sách dựa vào sức mạnh của Mĩ.
D. Thành lập các khối quân sự.

Câu 15. Chiến lược “Phản ứng linh hoạt ” và “Ngăn đe thực tế ” là hai chiến lược của hai đời tổng thống nào ở Mĩ?

A. “Phản ứng linh hoạt” của Ai-xen-hao và “Ngăn đe thực tế” của Giôn-xơn.
B. “Phản ứng linh hoạt” của Ai-xen-hao và “Ngăn đe thực tế” của Ních-xơn.
C. “Phản ứng linh hoạt” của Ken-nơ-đi và “Ngăn đe thực tế” của Ních-xơn.
D. “Phản ứng linh hoạt” Giôn-xơn và “Ngăn đe thực tế”của Ních-xơn.

Câu 16. Trong chiến lược toàn cầu của mình, Mĩ đã làm gì đối với các nước đồng minh?

A. Ngăn chặn sự cạnh tranh của các nước đồng minh không cho vượt qua Mĩ.
B. Đàn áp các nước đồng minh để độc quyền.
C. Chi phối các nước đồng minh phụ thuộc vào Mĩ.
D. Cạnh tranh quyết liệt đối với các nước đồng minh.

Câu 17. Ngoài những thành tựu đạt được, trong những năm từ 1945 đến 1973, tình hình kinh tế nước Mĩ như thế nào?

A. Trải qua ít nhất 10 lần khủng hoảng và suy thoái.
B. Liên tiếp bị lạm phát và khủng hoảng.
C. Trải qua ít nhất 9 lần khủng hoảng và suy thoái.
D. Trải qua ít nhất 7 lần khủng hoảng và suy thoái.

Câu 18. Năm 1973, khi cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới bùng nổ thì tình hình kinh tế của Mĩ như thế nào?

A. Kinh tế Mĩ vẫn ổn định và phát triển bình thường.
B. Kinh tế Mĩ lâm vào cuộc khủng hoảng và suy thoái.
C. Kinh tế Mĩ chỉ giảm sút một phần không đáng kể.
D. Kinh tế Mĩ có điều kiện phát triển hơn trước.

Câu 19. Năm 1981, ở Mĩ diễn ra sự kiện gì có liên quan đến tổng thống?

A. Mưu sát Tổng thống Pho. B. Mưu sát Tổng thống Ri-gân.
C. Mưu sát Tổng thông Bu-sơ. D. Lật đổ Tổng thống B. Clin-tơn.

Câu 20. Ghi thời gian diễn ra những vụ bê bối về chính trị và kinh tế ở Mĩ trong những năm 1960-1980 vào bảng dưới đây:

Thời gian	*Những vụ bê bối*
1)........................	A) Tổng thống Ken-nơ-đi bị ám sát.
2)........................	B) Tài liệu mật lầu Năm góc, vụ Oa-tơ-ghết buộc Ních-xơn phải từ chức.
3)...........	C) Vụ Công-tơ-ra-ghết và I-ran-ghết.

Câu 21. Ghi đúng (Đ) hoặc sai (S) vào các ô ☐ dưới đây nói về mục tiêu “Chiến lược toàn cầu” của Mĩ.

☐ A. Lôi kéo các nước trong thế giới tư bản để chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.
☐ B. Ngăn chặn, đẩy lùi, rồi tiến tới tiêu diệt các nước xã hội chủ nghĩa.
☐ C. Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, phong trào công nhân và phong trào hòa bình dân chủ thế giới.
☐ D. Thành lập các khối quân sự ở khắp thế giới để chuẩn bị chiến tranh tổng lực, tiêu diệt các nước xã hội chủ nghĩa.
☐ E. Khống chế, nô dịch các nước đồng minh của Mĩ.

Câu 22. Đời tổng thống nào của Mĩ thực hiện chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở Việt Nam?

A. Tổng thống Giôn-xơn. B. Tổng thống Ních-xơn.
C. Tổng thống Ken-nơ-đi. D. Tổng thống Ai-xen-hao.

Câu 23. Thất bại nặng nề nhất của đế quốc Mĩ trong quá trình thực hiện “Chiến lược toàn cầu” bởi:

A. Thắng lợi của cách mạng Trung Quốc năm 1949.
B. Thắng lợi của cách mạng Cu-ba năm 1959.
C. Thắng lợi của cách mạng Hồi giáo I-ran năm 1979.
D. Thắng lợi của cách mạng Việt Nam năm 1975.

Câu 24. Thời điểm nào nền kinh tế Mĩ không còn chiếm ưu thế tuyệt đối trong nền kinh tế thế giới?

A. Những năm 60 (thế kỉ XX). B. Những năm 70 (thế kỉ XX).
C. Những năm 80 (thế kỉ XX). D. Những năm 90 (thế kỉ XX).

Câu 25. Nguyên nhân nào không tạo điều kiện cho nền kinh tế Mĩ phát triển trong và sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Không bị chiến tranh tàn phá.
B. Được yên ổn sản xuất và bán vũ khí cho các nước tham chiến.
C. Tập trung sản xuất và tư bản cao.
D. Tiến hành chiến tranh xâm lược và nô dịch các nước.

Câu 26. Nước nào khởi đầu cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai?

A. Anh B. Pháp C. Mĩ D. Nhật

Câu 27. Trong các liên minh quân sự dưới đây, liên minh nào không phải do Mĩ lập nên?

A. Khối NATO B. Khối Vacsava C. Khối SEATO D. A, B, C đúng

Câu 28. Khối quân sự NATO do Mĩ cầm đầu còn gọi là khối gì?

A. Khối Nam Đại Tây Dương.
B. Khối Bắc Đại Tây Dương.
C. Khối Đông Đại Tây Dương.
D. Khối Tây Nam Đại Tây Dương.

Câu 29. Hãy sắp xếp các đời tổng thống Mĩ theo đúng trình tự thời gian:

A. Tơ-ru-man B. Ri-gân C. Ních-xơn D. Ai-xen-hao
E. Ken-nơ-đi G. Giôn-xơn F. Bu-sơ H. B. Clin-tơn.

Câu 30. Mĩ và Liên Xô điều chỉnh chính sách đối ngoại theo xu hướng đối thoại và hòa hoãn trong thời gian nào?

A. Từ những năm 70 của thế kỉ XX.
B. Từ sau thất bại của Mĩ trong chiến tranh xâm lược Việt Nam.
C. Từ những năm 80 của thế kỉ XX.
D. Từ những năm 90 của thế kỉ XX.

Câu 31. Tháng 12 – 1989, diễn ra sự kiện gì trong chính sách đối ngoại giữa Mĩ và Liên Xô?

A. Mĩ và Liên Xô kí Hiệp ước Xô- Mĩ để chấm dứt chạy đua vũ trang.
B. Mĩ và Liên Xô hợp tác với nhau để chống lại Tây Âu và Nhật Bản.
C. Mĩ và Liên Xô tuyên bố không can thiệp vào lãnh thổ của nhau.
D. Mĩ và Liên Xô chính thức tuyên bố chấm dứt chiến tranh lạnh.

Câu 32. Từ tháng 1 – 1993 đến tháng 1 – 2001, tổng thống nào cầm quyền ở Mĩ?

A. Bu-sơ. B. B. Clin-tơn. C. Pho. D. Ri-gân.

Câu 33. Trong lĩnh vực đối nội của Mĩ, Tổng thống B. Clin-tơn "cố gắng áp dụng ba giá trị", đó là gì?

A. Cơ hội, trách nhiệm và cộng đồng. B. Cơ hội, trách nhiệm và quyền hành.
C. Cơ hội, quyền hành và thực lực. D. Thực lực, hiệu quả và cơ hội.

Câu 34. Vào thập niên 90, Mĩ sử dụng khẩu hiệu "dân chủ" ở nước ngoài nhằm mục đích gì?

A. Làm công cụ để thống trị các nước khác.
B. Làm bình phong để xâm lược các nước khác.
C. Làm công cụ can thiệp vào công việc nội bộ của các nước khác.
D. Làm chỗ dựa để xâm lược các nước khác.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 7

1. D 2. A 3. C 4. B 5. A 6. B 7. C 8. D
9. A 10. A 11. B 12. B 13. D 14. C 15. B 16. C
17. D 18. B 19. B
20. 1: 1963; 2: 1974; Những năm 80.
21. B, C, E: Đúng; A, D: Sai.
22. A 23. D 24. A 25. D 26. C 27. B 28. B
29. 1: A, 2: D, 3: E, 4: G, 5: C, 6: B, 7: F, 8: H
30. C 31. D 32. B 33. A 34. C

Bài 8. TÂY ÂU

I. CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1. Khái quát về tình hình kinh tế và chính trị và chính sách đối ngoại ở Tây Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945 – 1950).

- Về kinh tế, Chiến tranh thế giới thứ hai đã để lại cho các nước Tây Âu nhiều hậu quả nặng nề.

+ Nhiều thành phố, nhà máy, bến cảng, khu công nghiệp, đường giao thông bị tàn phá. Hàng triệu người chết, mất tích hoặc bị tàn phế. Nước Đức còn bị lực lượng Đồng minh chiếm đóng và chia cắt. Ở Pháp, năm 1945, sản xuất công nghiệp chỉ bằng 38% và nông nghiệp chỉ bằng 50% so với năm 1938; I-ta-li-a tổn thất khoảng 1/3 của cải quốc gia.

+ Tuy nhiên, với sự cố gắng của từng bước và viện trợ của Mĩ trong khuôn khổ "Kế hoạch Mác-san", đến khoảng năm 1950, nền kinh tế của hầu hết các nước tư bản Tây Âu đã cơ bản phục hồi, đạt mức trước chiến tranh.

- Về mặt chính trị, tuy các nước Tây Âu có những thể chế khác nhau nhưng đều theo chế độ đại nghị (một viện hoặc hai viện), đều là nền chuyên chính của giai cấp tư sản. Ưu tiên hàng đầu trong chính sách đối nội và đối ngoại của các nước Tây Âu khi đó là củng cố chính quyền của giai cấp tư sản, ổn định tình hình chính trị - xã hội, hàn gắn vết thương chiến tranh, phục hồi nền kinh tế.

- Về mặt đối ngoại, các nước Tây Âu liên minh chặt chẽ với Mĩ trong cuộc chiến tranh lạnh đối đầu với Liên Xô và các nước XHCN, đồng thời tìm cách quay trở lại cai trị các thuộc địa cũ của mình.

+ Nhiều nước Tây Âu như Anh, Pháp, I-ta-li-a, Bồ Đào Nha, Bỉ, Hà Lan v.v... đã tham gia khối quân sự NATO (thành lập năm 1949) do Mĩ đứng đầu.

+ Pháp đã tiến hành xâm lược trở lại Đông Dương; Anh trở lại Miến Điện, Mã Lai; Hà Lan trở lại In-đô-nê-xi-a v.v...

+ Trên phần lãnh thổ Tây Đức đã thành lập Nhà nước CHLB Đức (tháng 9-1949). Tây Đức và Tây Béc-lin trở thành một tâm điểm đối đầu ở châu Âu giữa hai cực Xô - Mĩ.

Câu 2. Sự phát triển kinh tế của Tây Âu từ năm 1950 đến 1973 như thế nào? Nguyên nhân của sự phát triển đó.

- *Sự phát triển kinh tế:*

+ Sau giai đoạn phục hồi (1945-1950), từ thập niên 50 đến đầu những năm 70, nền kinh tế của các nước tư bản chủ yếu ở Tây Âu đều có sự phát triển nhanh.

+ Điều đáng chú ý là quá trình liên kết khu vực ở Tây Âu ngày càng diễn ra mạnh mẽ với sự hình thành Cộng đồng kinh tế châu Âu (EEC - 1957), sau trở thành Cộng đồng châu Âu (EC-1967).

+ Từ đầu thập niên 70 trở đi, Tây Âu đã trở thành một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới (cùng với Mĩ và Nhật Bản). Các nước tư bản chủ yếu ở Tây Âu như Anh, Pháp, CHLB Đức, I-ta-li-a, Thụy Điển, Phần Lan v.v... đều có nền khoa học - kĩ thuật phát triển cao, hiện đại.

- *Nguyên nhân phát triển:*

+ Các nước này đã phát triển và áp dụng thành công các thành tựu của cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại để tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm.

+ Nhà nước đóng vai trò lớn trong việc quản lí, điều tiết, thúc đẩy nền kinh tế.

+ Các nước tư bản ở Tây Âu đã tận dụng tốt các cơ hội bên ngoài để phát triển như nguồn viện trợ của Mĩ, tranh thủ được giá nguyên liệu rẻ từ các nước thuộc thế giới thứ ba, hợp tác có hiệu quả trong khuôn khổ của Cộng đồng châu Âu (EC) v.v...

+ Sự nỗ lực lao động của các tầng lớp nhân dân.

Câu 3. Khái quát về tình hình chính trị và chính sách đối ngoại ở Tây Âu giai đoạn 1950 – 1973.

- Về chính trị, giai đoạn 1950-1973 đánh dấu sự tiếp tục phát triển của nền dân chủ tư sản ở Tây Âu, đồng thời cũng ghi nhận những biến động đáng chú ý trên chính trường nhiều nước trong khu vực.

- Về mặt đối ngoại, trong khuôn khổ của chiến tranh lạnh và trật tự thế giới hai cực I-an-ta, từ năm 1950 đến năm 1973, nhiều nước tư bản Tây Âu một mặt vẫn tiếp tục chính sách liên minh chặt chẽ với Mĩ, mặt khác đã nỗ lực mở rộng hơn nữa quan hệ đối ngoại.

Giai đoạn 1950-1973 cũng chứng kiến sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ của Anh, Pháp, Hà Lan, Bồ Đào Nha... trên phạm vi toàn thế giới.

Câu 4. Tình hình kinh tế ở Tây Âu từ năm 1973 đến 1991 như thế nào?

- Do tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới, cũng như Mĩ và Nhật Bản, từ 1973, nhiều nước tư bản chủ yếu ở Tây Âu bị lâm vào khủng hoảng và suy thoái hoặc phát triển không ổn định kéo dài đến đầu thập niên 90.

- Tuy vẫn là một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới, nhưng kinh tế tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu gặp không ít khó khăn.

+ Sự phát triển thường diễn ra xen kẽ với khủng hoảng, suy thoái và lạm phát, thất nghiệp.

+ Tây Âu luôn gặp phải sự cạnh tranh quyết liệt từ phía Mĩ, Nhật Bản và các nước công nghiệp mới (NICs). Quá trình "liên hợp hoá" Tây Âu trong khuôn khổ của cộng đồng châu Âu (EC) vẫn còn nhiều khó khăn và trở ngại.

Câu 5. Nêu những nét chính về tình hình chính trị - xã hội ở Tây Âu trong giai đoạn 1973 – 1991.

- Chính trường Tây Âu có phần ổn định hơn so với giai đoạn 1945-1973. Nhưng bên cạnh sự phát triển, xã hội Tây Âu vẫn bộc lộc những mặt trái của nó. Sự phân hoá giàu nghèo ngày càng lớn.

- Các tệ nạn xã hội như hối lộ, tham nhũng, bạo lực, ma tuý, mại dâm vẫn thường xuyên xảy ra, trong đó tội phạm ma-phi-a là rất điển hình ở I-ta-li-a. Còn ở CHLB Đức, tinh thần bài ngoại, bài Do Thái và các tổ chức phát xít mới vẫn tồn tại và hoạt động; các vấn đề sắc tộc và tôn giáo lại nảy sinh rất phức tạp ở Anh liên quan đến đạo Thiên Chúa và đạo Tin Lành cũng như phong trào đòi độc lập ở Bắc Ai-len.

- Về mặt đối ngoại, tháng 11-1972, hai nước Đức kí "Hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức", theo đó, CHLB Đức và CHDC Đức cam kết tôn trọng độc lập và quyền tự quyết của nhau, không đe doạ và xâm phạm lẫn nhau. Tiếp đó về việc các nước Tây Âu tham gia Định ước Hen-xin-ki (1975)

về An ninh và Hợp tác châu Âu. Tháng 11-1989, bức tường Béc-lin bị phá bỏ, sau đó không lâu, nước Đức đã tái thống nhất (3-10-1990). Sự kiện này góp phần làm tan rã CHXH ở Đông Âu là Liên Xô. Trong năm 1991, 12 nước thành viên EC đã kí Hiệp ước Ma-a-xtrich đánh dấu bước chuyển từ Cộng đồng châu Âu (EC) sang Liên minh châu Âu (EU).

Câu 6. Sự phục hồi và phát triển kinh tế của Tây Âu trong thập niên cuối cùng của thế kỉ XX thể hiện như thế nào?

- Bước vào đầu thập niên 90, nền kinh tế nhiều nước Tây Âu đã trải qua một đợt suy thoái ngắn.

- Từ khoảng 1994 trở đi kinh tế Tây Âu đã bắt đầu phục hồi và phát triển trở lại. Năm 2000, mức tăng trưởng của kinh tế Pháp là 3,4%, Anh là 3,1%, Đức là 3,0% là I-ta-li-a là 2,9%. Tây Âu vẫn là một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất thế giới. Đến giữa thập niên 90, chỉ riêng 15 nước thành viên EU có số dân tổng cộng 375 triệu người, GDP hơn 7000 tỉ USD, chiếm khoảng 1/3 tổng sản phẩm công nghiệp của thế giới vẫn gần 50% giá trị xuất khẩu và hơn 50% các nguồn tư bản.

Câu 7. Chính sách đối ngoại của Tây Âu từ năm 1991 đến năm 2000 như thế nào?

- Chính sách đối ngoại của các nước Tây Âu có sự điều chỉnh quan trọng trong bối cảnh chiến tranh lạnh đã kết thúc, trật tự thế giới hai cực I-an-ta tan rã.

- Quá trình liên kết của các thành viên EU trở nên chặt chẽ hơn. Nếu như Anh vẫn duy trì liên minh chặt chẽ với Mĩ, thì Pháp và Đức đã trở thành những đối trọng với Mĩ trong nhiều vấn đề quốc tế quan trọng. Tuy nhiên, tất cả các nước Tây Âu đều chú ý mở rộng quan hệ không chỉ với các nước tư bản phát triển khác mà còn cả với các nước đang phát triển ở Á, Phi, Mĩ La-tinh cũng như với các nước Đông Âu và Liên Xô cũ.

Câu 8. Quá trình hình thành và phát triển của Liên minh châu Âu (EU) diễn ra như thế nào? Mối quan hệ giữa Việt Nam với EU.

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, cùng với xu thế toàn cầu hoá, khuynh hướng liên kết khu vực cũng diễn ra mạnh mẽ trên thế giới, mà tiêu biểu là quá trình hình thành và phát triển của Liên minh châu Âu (EU).

- Ngày 18 – 4 – 1951, Hiệp ước Pa-ri được kí kết giữa 6 nước Pháp, Đức, I-ta-li-a, Bỉ, Hà Lan, Lúc-xăm-bua để thành lập Cộng đồng Than – Thép châu Âu.

- Ngày 25-3-1957, sáu nước kí Hiệp ước Rô-ma thành lập "Cộng đồng kinh tế châu Âu" (EEC).

- Năm 1975, phát triển thành 9 nước với sự tham gia của Anh, Ai-len, Đan Mạch.

- Năm 1981 thành 10 nước với sự tham gia của Hi Lạp.

- Năm 1986 thành 12 nước với sự tham gia của Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha.

- Đến ngày 7-12-1991 các nước thành viên EEC đã kí tại Hà Lan bản Hiệp ước Ma-a-xtrích (Hà Lan), có hiệu lực từ 1-1-1993, đổi tên thành Liên minh châu Âu (EU).

- Năm 1994, kết nạp thêm ba thành viên mới là Áo, Phần Lan, Thụy Điển.

- Ngày 1 – 5 – 2004, kết nạp thêm 10 thành viên Đông Âu, nâng tổng số thành viên EU lên 25 nước.

- EU ra đời không chỉ nhằm hợp tác giữa các nước thành viên trong lĩnh vực kinh tế, tiền tệ mà còn liên minh trong lĩnh vực chính trị (như xác định luật công dân châu Âu, chính sách đối ngoại và an ninh chung, Hiến pháp chung v.v...).

- Mối quan hệ giữa Việt Nam với EU được biểu hiện:

+ Tháng 10 – 1990, EU thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam.

+ Tháng 7 – 1995, EU và Việt Nam kí Hiệp định Hợp tác toàn diện.

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Nguyên nhân khách quan nào giúp các nước Tây Âu hồi phục kinh tế, đạt mức trước Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Nhờ sự tập trung sản xuất và tập trung tư bản.
B. Nhờ sự viện trợ của Mĩ trong khuôn khổ "Kế hoạch Mác-san".
C. Nhờ sự hợp tác tương trợ giữa các nước Tây Âu.
D. Nhờ cố gắng vươn lên của từng nước Tây Âu.

Câu 2. Thể chế chính trị theo kiểu vương quốc ở các nước Tây Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai gồm những nước nào dưới đây?

A. Anh, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Pháp. B. Pháp, Đức, I-ta-li-a, Hà Lan.
C. Anh, Tây Ban Nha, Hà Lan. D. Anh, Pháp, Tây Ban Nha, Bỉ.

Câu 3. Điểm nào dưới đây không thuộc diện ưu tiên hàng đầu trong chính sách đối nội và đối ngoại ở các nước Tây Âu từ năm 1945 đến 1950?

A. Củng cố chính quyền của giai cấp tư sản.
B. Ổn định tình hình chính trị - xã hội, hàn gắn vết thương chiến tranh.
C. Gây chiến tranh xâm lược các nước để mở rộng thị trường.
D. Phục hồi kinh tế sau chiến tranh.

Câu 4. Điểm nào dưới đây là điểm nổi bật trong chính sách đối ngoại của các nước Tây Âu từ năm 1945 đến 1950?

A. Liên minh chặt chẽ với Mĩ trong việc thực hiện chiến tranh lạnh.
B. Liên kết chặt chẽ với nhau để chống lại Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.
C. Thành lập các khối quân sự ở các nước thuộc địa cũ.
D. Mở rộng quan hệ ngoại giao với Mĩ để nhận viện trợ của Mĩ.

Câu 5. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, vùng nào trở thành tâm điểm đối đầu ở châu Âu giữa hai cực Xô – Mĩ?

A. Đông Đức và Đông Béc-lin. B. Tây Đức và Tây Béc-lin.
C. Tây Âu và Đông Âu. D. Tất cả các vùng trên.

Câu 6. Từ năm 1845 đến 1950, đối trọng của các nước Tây Âu là:

A. Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.
B. Các nước thuộc địa ở Á, Phi, Mĩ La-tinh.
C. Các nước trong khối xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu.
D. Mĩ, Nhật và các nước trong khối NATO.

Câu 7. Đến đầu thập niên 70 của thế kỉ XX, tình hình kinh tế nước Pháp như thế nào?

A. Mới được phục hồi và đạt mức trước chiến tranh.
B. Trở thành cường quốc công nghiệp đứng thứ 5 trên thế giới.
C. Trở thành cường quốc công nghiệp đứng thứ 2 trên thế giới.
D. Đứng đầu châu Âu về sản xuất và nhập khẩu các mặt hàng công nghiệp.

Câu 8. Năm 1957, sự liên kết khu vực ở Tây Âu diễn ra mạnh mẽ dưới hình thức:

A. Cộng đồng kinh tế châu Âu. B. Cộng đồng tương trợ kinh tế Tây Âu.
C. Cộng đồng châuÂu. D. Liên minh kinh tế châuÂu.

Câu 9. Vào thời điểm nào Tây Âu trở thành một trong ba trung tâm kinh tế tài chính của thế giới?

A. Từ đầu thập niên 60 của thế kỉ XX trở đi.
B. Từ đầu thập niên 70 của thế kỉ XX trở đi.
C. Từ đầu thập niên 80 của thế kỉ XX trở đi.
D. Từ đầu thập niên 90 của thế kỉ XX trở đi.

Câu 10. Yếu tố nào dưới đây không phải là nguyên nhân thúc đẩy kinh tế các nước Tây Âu phát triển?

A. Áp dụng những thành tựu khoa học – kĩ thuật hiện đại vào trong sản xuất.
B. Nhà nước đóng vai trò lớn trong việc quản lí, điều tiết, thúc đẩy nền kinh tế.
C. Tận dụng các cơ hội bên ngoài để phát triển kinh tế.
D. Sự nỗ lực bóc lột của các nhà tư bản đối với công nhân trong nước và nước ngoài.

Câu 11. Các nước trong thế giới thứ ba đã góp một phần trong sự phát triển kinh tế ở Tây Âu từ năm 1950 đến 1973, đó là:

A. Là thị trường tiêu thụ hàng hoá của các nước Tây Âu.
B. Là nơi cung cấp nguyên liệu rẻ tiền cho các nước Tây Âu.
C. Là nơi cung cấp nguồn nhân công rẻ mạt cho các nước Tây Âu.
D. Là nơi thí điểm các mặt hàng của các nước Tây Âu.

Câu 12. Thể chế chính trị của nước Pháp từ năm 1950 đến 1973 là:

A. Cộng hòa đại nghị. B. Cộng hòa liên bang.
C. Quân chủ lập hiến. D. Cộng hòa dân chủ tư sản.

Câu 13. Nước Cộng hòa Liên bang Đức chính thức gia nhập và khối NATO và thời gian nào?

A. Tháng 5 năm 1955. B. Tháng 7 năm 1955.
C. Tháng 8 năm 1955. D. Tháng 5 năm 1956.

Câu 14. Khối quân sự NATO đối lập với khối nào trên thế giới?

A. Khối Cộng đồng châu Âu.
B. Khối Hiệp ước Vác-sa-va.
C. Khối quân sự CENTO.
D. Khối Hiệp ước phòng thủ chung Đông Nam Á.

Câu 15. Xu hướng đối ngoại phụ thuộc chặt chẽ vào Mĩ của các nước Tây Âu từ năm 1950 đến năm 1973 gồm những nước:

A. Pháp, Thụy Điển, Phần Lan.
B. Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Anh, Tây Đức.
C. Anh, Tây Đức, I-ta-li-a.
D. Tất cả các nước ở Tây Âu.

Câu 16. Xu hướng đối ngoại khẳng định ý thức độc lập của các nước Tây Âu từ năm 1950 đến năm 1973 gồm những nước:

A. Pháp, Thụy Điển, Phần Lan. B. Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Anh, Tây Đứ
C. Anh, Tây Đức, I-ta-li-a, Pháp D. Pháp, Tây Ban Nha, Anh.

Câu 17. Từ năm 1973 đến trước thập niên 90 của thế kỉ XX, tình hình kinh tế ở Tây Âu như thế nào?

A. Ổn định và phát triển nhanh chóng.
B. Lâm vào khủng hoảng và suy thoái.
C. Phát triển bình thường.
D. Lâm vào khủng hoảng và suy thoái hoặc phát triển không ổn định.

Câu 18. Từ năm 1973 đến đầu thập niên 90 của thế kỉ XX, các nước Tây Âu luôn cạnh tranh với:

A. Mĩ, Nhật Bản.
B. Mĩ, Nhật Bản và các nước trong thế giới thứ ba.
C. Mĩ, Nhật Bản và các nước công nghiệp mới.
D. Không cạnh tranh với nước nào cả,

Câu 19. Ngày 3 – 10 – 1990 đã diễn ra sự kiện gì đối với nước Đức?

A. Bức tường Béc-lin ngăn cách giữa Đông Đức và Tây Đức bãi bỏ.
B. Nước Đức được tái thống nhất.
C. Hai nước Đức kí “Hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức”.
D. Hiệp ước tôn trọng độc lập chủ quyền giữa hai nước Đức được kí kết.

Câu 20. Trong năm 1991, 12 nước thành viên EC đã kí Hiệp ước Ma-a-xtrích đánh dấu bước chuyển biến gì?

A. Chuyển từ Cộng đồng châu Âu sang Liên minh châu Âu.
B. Chuyển từ Cộng đồng châu Âu sang Hội đồng tương trợ kinh tế châu Âu.
C. Chuyển từ Liên minh châu Âu sang Cộng đồng châu Âu.
D. Chuyển từ Cộng đồng châu Âu sang Cộng đồng kinh tế châu Âu.

Câu 21. Khối thị trường chung châu Âu (EEC) ra đời vào năm nào?

A.1954 B.1955 C.1956 D.1957

Câu 22. Các thành viên đầu tiên của Khối thị trường chung châu Âu (EEC) gồm:

A. Anh, Pháp, Đức, Bỉ, I-ta-li-a, Hà Lan
B. Anh, Pháp, Đức, Hà Lan, Bỉ, Tây Ban Nha
C. Pháp, Tây Đức, I-ta-li-a, Bỉ, Hà Lan, Lúc-xem-bua
D. Pháp, Đức, Bỉ, Hà Lan, I-ta-li-a, Bồ Đào Nha

Câu 23. Năm 1973, Khối thị trường chung châu Âu có thêm những nước nào?

A. Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha và Anh. B. Anh, Ai-len, Đan Mạch.
C. Áo, Phần Lan, Thụy Điển. D. Áo, Anh, Tây Ban Nha.

Câu 24. Ghi đúng (Đ) hoặc sai (S) vào các ô ☐ dưới đây về nguyên nhân phát triển kinh tế của Pháp sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nhất là từ năm 1950 đến 1973.

☐ A. Nhờ thu lợi nhuận trong Chiến tranh thế giới thứ hai.
☐ B. Nhờ cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai.
☐ C. Giá nhập nguyên liệu từ các nước Tây Âu rẻ.
☐ D. Chính sách mở cửa của nhà nước ra thị trường châu Âu và thế giới.
☐ E. Nhờ tài nguyên, thiên nhiên phong phú.
☐ F. Vai trò điều tiết nền kinh tế của nhà nước có hiệu quả.

Câu 25. Hãy nối sự kiện ở cột B cho phù hợp với thời gian ở cột A sau đây:

A	B
1) 9 - 1946	A. Quốc hội Pháp chuyển giao chính quyền vào tay tướng Đờ-gôn.
2) 5 - 1947	B. Hiến pháp của nền Cộng hòa thứ năm ở Pháp được ban hành.
3) 5 - 1958	C. Nền Cộng hòa thứ tư của Pháp được thiết lập.
4) 1 - 6 - 1958	D. Những thế lực cứng rắn đã tiến hành cuộc đảo chính ở An-giê-ri, đòi thành lập ở Pháp một “chính quyền vững mạnh”.
5) 10 - 1958	E. Những người cộng sản Pháp bị gạt ra khỏi chính phủ.

Câu 26. Đánh dấu (X) vào cột dọc dưới đây cho phù hợp với các nước Pháp, Anh, Đức sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Nội dung	Pháp	Anh	Đức
1) Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, hệ thống thuộc địa rộng lớn bị sụp đổ.			
2) Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, đất nước bị chia cắt thành hai quốc gia đi theo chế độ kinh tế - xã hội khác nhau.			
3) Sau chiến tranh thế giới thứ hai, nhận “viện trợ” kinh tế của Mĩ, đưa kinh tế phát triển nhanh.			
4) Tháng 9 - 1946, Quốc hội lập hiến thông qua hiến pháp mới, thiết lập nền Cộng hòa thứ tư.			
5) Thực hiện chính sách đối ngoại theo Mĩ như “hình và bóng”.			
6) Cùng với Mĩ và Tây Âu thành lập khối liên minh chính trị - quân sự chống lại Liên Xô, các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và phong trào công nhân châu Âu.			

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 8

1. B 2. C 3. C 4. A 5. B 6. C 7. B 8. A
9. B 10. D 11. B 12. A 13. A 14. B 15. C 16. A
17. D 18. C 19 .B 20. A 21. D 22. C 23.B
24. A, C, E: Sai; B, D, F: Đúng. 25. 1:C, 2:E, 3:D, 4: A, 5: B.
26. 1: Anh, 2: Đức, 3: Anh, Pháp, Đức, 4: Pháp, 5: Anh, 6: Đức.

Bài 9. NHẬT BẢN

I. CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1. Hãy trình bày những hậu quả nặng nề mà Nhật Bản phải gánh chịu sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Sự thất bại trong Chiến tranh thế giới thứ hai đã để lại cho Nhật Bản những hậu quả hết sức nặng nề.

- Nước Nhật bị kiệt quệ hoàn toàn, tan nát vì chiến tranh.
- Toàn bộ của cải tích lũy trong 10 năm (1935 – 1945) bị tiêu huỷ.
- Tổng số người chết, bị thương và mất tích lên đến 2,35 triệu người.

- Tổng số người không có công ăn việc làm lên đến 13,1 triệu.

- Thảm họa đói rét đe dọa toàn Nhật Bản.

- Nạn lạm phát nghiêm trọng bùng nổ từ giữa năm 1945 và kéo dài đến năm 1949.

Câu 2. Trình bày những cải cách dân chủ ở Nhật Bản trong giai đoạn bị chiếm đóng.

Trước những khó khăn vô cùng to lớn, Nhật Bản tiến hành những cải cách khẩn trương:

- Về kinh tế, trong thời kì bị chiếm đóng (1945-1952), Nhật Bản đã thực hiện ba cuộc cải cách lớn:

+ Một là, thủ tiêu chế độ kinh tế tập trung, trước hết là giải tán các "Dai-bat-xu" (các tập đoàn, công ti độc quyền còn mang nhiều tính chất dòng tộc).

+ Hai là, cải cách ruộng đất (quy định địa chủ chỉ được có không quá 3 héc-ta ruộng, số còn lại chính phủ đem bán cho nông dân).

+ Ba là, dân chủ hoá lao động (thông qua và thực hiện các đạo luật về lao động). Dựa vào nỗ lực của bản thân và viện trợ của Mĩ, đến khoảng những năm 1950-1951, Nhật đã khôi phục được nền kinh tế, đạt mức trước chiến tranh.

- Về xã hội:

+ Thông qua Luật Công đoàn năm 1945.

Ban hành Hiến pháp mới 1947 thay cho Hiến pháp Minh Trị 1898. Đặc điểm nổi bật của Hiến pháp này là “Tuyên ngôn Hoà bình”.

+ Tiến hành cải cách giáo dục trên nhiều mặt, năm 1947 ban hành Luật Giáo dục. Nội dung giáo dục thay đổi cơ bản: phủ nhận vai trò thiêng liêng của Thiên hoàng, khuyến khích phát triển văn hoá và truyền bá tư tưởng hoà bình, quy định hệ thống giáo dục 6-3-3-4. Chế độ giáo dục bắt buộc là 9 năm.

Câu 3. Sự phát triển kinh tế của Nhật Bản từ năm 1960 đến 1973 như thế nào? Nguyên nhân của sự phát triển đó.

Sau khi nền kinh tế phục hồi đạt mức trước chiến tranh, từ năm 1952 đến năm 1960, Nhật có bước phát triển nhanh. Từ năm 1960 đến năm 1973, kinh tế Nhật bước vào giai đoạn phát triển "thần kì".

- Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm của Nhật từ năm 1960 đến năm 1969 là 10,8%, từ năm 1970 đến năm 1973 tuy có giảm đi nhưng vẫn đạt bình quân 7,8%.

- Năm 1968, kinh tế Nhật đã vượt Anh, Pháp, CHLB Đức, vươn lên đứng thứ hai trong thế giới tư bản chủ nghĩa.

- Nhật Bản trở thành một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính của thế giới (cùng với Mĩ và Tây Âu).

Từ một nước bại trận, chịu hậu quả chiến tranh rất nặng nề, chỉ sau một thời gian ngắn, Nhật Bản đã vươn lên thành một siêu cường kinh tế (sau Mĩ) là do một số yếu tố sau:

- Người dân Nhật Bản với truyền thống văn hoá, giáo dục, đạo đức lao động tốt, tiết kiệm, tay nghề cao và có nhiều khả năng sáng tạo là nhân tố hàng đầu của sự phát triển kinh tế. Con người được coi là vốn quý nhất, đồng thời là "công nghệ cao nhất".

- Nhà nước Nhật đã quản lý kinh tế một cách hiệu quả, có vai trò rất lớn trong việc phát triển nền kinh tế ở tầm vĩ mô.

- Các công ti Nhật Bản năng động, có tầm nhìn xa, quản lý tốt nên có tiềm lực và sức cạnh tranh cao.

- Nhật Bản luôn áp dụng các thành tựu khoa học - kĩ thuật hiện đại, không ngừng nâng cao năng suất, cải tiến mẫu mã, hạ giá thành sản phẩm.

- Chi phí cho quốc phòng của Nhật ít (Hiến pháp quy định không vượt quá 1% GDP), nên có điều kiện tập trung vốn đầu tư cho kinh tế.

- Nhật Bản biết tận dụng các yếu tố bên ngoài như tranh thủ các nguồn viện trợ của Mĩ sau chiến tranh, dựa vào Mĩ về mặt quân sự để giảm chi phí quốc phòng, lợi dụng các cuộc chiến tranh ở Triều Tiên (1950-1953) và Việt Nam (1954-1975) để làm giàu.

Câu 4. Những thách thức của kinh tế Nhật Bản trong những năm từ 1945 đến 1973.

Tuy nhiên, nền kinh tế Nhật Bản vẫn phải đối mặt với những thách thức:

- Lãnh thổ Nhật Bản không lớn, dân số đông, tài nguyên khoáng sản rất nghèo nàn, thường xảy ra thiên tai (động đất, núi lửa..), nền công nghiệp hầu như phụ thuộc hoàn toàn vào các nguồn nguyên liệu nhập khẩu. Mặc dù nông nghiệp có trình độ phát triển cao, nhưng Nhật Bản vẫn phải nhập khẩu lương thực, thực phẩm.

- Cơ cấu vùng kinh tế của Nhật Bản thiếu cân đối, tập trung chủ yếu vào ba trung tâm là Tô-ki-ô, Ô-xa-ca và Na-gôi-a, trong khi các các vùng khác được đầu tư phát triển rất ít, giữa công nghiệp và nông nghiệp có sự mất cân đối.

- Là một trong những trung tâm kinh tế - tài chính thế giới, Nhật Bản luôn gặp sự cạnh tranh quyết liệt của Mĩ, Tây Âu, các nước công nghiệp mới (NICs), Trung Quốc... và tâm lý e ngại ở nước ngoài về một *“đế quốc kinh tế”* Nhật Bản.

- Cũng như kinh tế Mĩ, Nhật Bản không thể giải quyết được những mâu thuẫn cơ bản nằm ngay trong bản thân nền kinh tế tư bản chủ nghĩa.

Câu 5. Trình bày khái quát tình hình kinh tế, chính trị và chính sách đối ngoại của Nhật Bản từ năm 1973 đến năm 1991.

- Về kinh tế, sau giai đoạn phát triển thần kì, do tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới, từ năm 1973 trở đi, sự phát triển kinh tế của Nhật Bản thường xen kẽ với những giai đoạn suy thoái. Tuy nhiên, nền kinh tế Nhật Bản vẫn đứng hàng thứ hai trong thế giới tư bản (sau Mĩ). Từ nữa năm sau những năm 80, Nhật đã vươn lên thành siêu cường tài chính số một thế giới với dự trữ vàng ngoại tệ gấp 3 lần Mĩ, 1,5 lần CHLB Đức. Nhật Bản cũng là chủ nợ lớn nhất thế giới.

- Về chính trị, từ năm 1973 đến năm 1993, Đảng Dân chủ Tự do tiếp tục cầm quyền (từ Thủ tướng Ta-na-ca đến Thủ tướng Mi-ya-da-oa) đưa Nhật Bản vượt qua khó khăn để tiếp tục phát triển.

Trong bối cảnh của chiến tranh lạnh căng thẳng trong những năm 70- đầu những năm 80, lực lượng phòng vệ của Nhật được tăng cường. Theo Hiến pháp, Nhật Bản không có quân đội thường trực, chí có lực lượng phòng vệ quân đội để duy trì trật tự an ninh trong nước.

- Về đối ngoại, với sức mạnh kinh tế - tài chính ngày càng lớn, từ nửa năm sau những năm 70, Nhật Bản cố gắng đưa ra chính sách đối ngoại riêng của mình.

Sự ra đời của “Học thuyết Phu-cu-đa” tháng 8-1977 được coi như là mốc đánh dấu sự “trở về” châu Á của Nhật Bản, trong khi vẫn coi trọng quan hệ Nhật - Mĩ, Nhật-Tây Âu. "Học thuyết Kai-phu" do Thủ tướng Kai-phu đưa ra năm 1991 là sự phát triển tiếp tục "Học tuyết Phu-cu-da" trong điều kiện lịch sử mới.

Nhật Bản thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam ngày 21-9-1973.

Câu 6. Những nét chính về chính sách đối ngoại của Nhật Bản trong thập niên 90.

- Nhật tiếp tục duy trì liên minh chặt chẽ với Mĩ. Tháng 4-1996 trong chuyến thăm của Tổng thống Mĩ B. Clin-tơn đến Nhật, hai bên đã ra tuyên bố khẳng định việc kéo dài vĩnh viễn Hiệp ước An ninh Nhật - Mĩ. Mặt khác, với các "Học tuyết Mi-ya-da-oa"(tháng 1-1993), "Học tuyết Ha-si-mô-tô" (tháng 1-1977), Nhật Bản vẫn coi trọng quan hệ với Tây Âu và mở rộng hoạt động đối ngoại với các đối tác khác trên phạm vi toàn cầu.

- Với khu vực châu Á - Thái Bình Dương, kể từ đầu thập niên 90 đến nay, các quan hệ hợp tác kinh tế giữa Nhật Bản với các nước NICs và ASEAN tiếp tục gia tăng với tốc độ ngày càng mạnh mẽ.

Như vậy, vai trò, vị trí và ảnh hưởng của Nhật Bản ngày càng lớn trên thị trường quốc tế cả về kinh tế và chính trị.

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Theo quy định của Hội nghị Pốt-xđam, sau Chiến tranh thế giới thứ hai Nhật Bản bị Đồng minh, thực tế là Mĩ chiếm đóng trong khoảng thời gian nào?

A. Từ năm 1945 đến 1955. B. Từ năm 1945 đến 1950.
C. Từ năm 1945 đến năm 1952. C. Từ năm 1945 đến năm 1954.

Câu 2. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, toà án quân sự Viễn Đông được lập ra để xét xử tội phạm chiến tranh Nhật Bản. Số liệu nào dưới đây không đúng?

A. Kết án 7 tên tử hình, 16 tên tù chung thân.
B. Các đảng phái quân phiệt bị giải tán.
C. Khoảng 290.000 người liên quan đến chế độ quân phiệt trước đây bị loại ra khỏi bộ máy nhà nước.
D. Nhật phải bồi thường chiến phí cho các nước ở khu vực Viễn Đông.

Câu 3. Theo Hiến pháp ngày 3 – 5- 1947, Nhật Bản theo thể chế nào?

A. Theo thể chế quân chủ lập hiến.
B. Theo thể chế cộng hòa dân chủ.
C. Theo thể chế quân chủ lập hiến nhưng trên thực tế là chế độ dân chủ đại nghị tư sản.
D. Theo thể chế quân chủ chuyên chế.

Câu 4. Trong thời kì bị chiếm đóng, Bộ tối cao lực lượng Đồng minh (SCAP) đã thủ tiêu chế độ kinh tế tập trung, mà trước hết là

A. Giải tán các "Dai-bát-xư". B. Cải cách ruộng đất.
C. Dân chủ hóa lao động. C. Quốc hữu hóa các xí nghiệp, nhà máy.

Câu 5. Nhật Bản ban hành "Luật chống độc quyền" nhằm mục đích gì?

A. Ngăn chặn sự phục hồi của tài phiệt.
B. Khuyến khích sự phát triển của kinh tế tự do cạnh tranh.

C. Xoá bỏ mọi tàn dư của chế độ quân chủ chuyên chế ở Nhật.
D. Câu A và B đúng.

Câu 6. Với Hiệp ước hòa bình Xan Phran-xi-cô năm 1951, Nhật Bản đã kí tay đôi với nước nào?

A. Nước Mĩ. B. Nước Pháp. C. Nước Đức. D. Nước Anh.

Câu7. Ngày 8 – 9 - 1951, diễn ra sự kiện gì có liên quan đến chính sách đối ngoại của Nhật Bản?

A. Nhật kí Hiệp ước Hòa bình với Mĩ.
B. Nhật kí Hiệp ước An ninh với Mĩ.
C. Nhật chính thức gia nhập vào khối NATO của Mĩ.
D. Tất cả các sự kiện trên.

Câu 8. Sự phát triển "thần kì" của nền kinh tế Nhật Bản bắt đầu trong khoảng thời gian nào?

A. Những năm 50 của thế kỉ XX. B. Những năm 60 của thế kỉ XX.
C. Những năm 70 của thế kỉ XX. D. Những năm 80 của thế kỉXX.

Câu 9. Năm 1968, kinh tế Nhật Bản đã vượt qua các nước nào ở Tây Âu để vươn lên đứng thứ hai trên thế giới?

A. Anh, Pháp, Tây Đức. B. Anh, Pháp, Hà Lan.
C. Tây Đức, Bỉ, Lúc-xăm-bua. D. Anh, Pháp.

Câu 10. Từ đầu những năm 70 trở đi, Nhật Bản rất coi trọng phát triển lĩnh vực nào?

A. Văn hoá và khoa học – kĩ thuật. B. Giáo dục và khoa học – kĩ thuật.
C. Giáo dục và công nghệ thông tin. D. Công nghiệp nặng và nông nghiệp.

Câu 11. Nguyên nhân cơ bản nhất đưa nền kinh tế Nhật Bản phát triển "thần kì" trong những năm 60-70 của thế kỉ XX là gì?

A. Biết lợi dụng vốn của nước ngoài để đầu tư vào những ngành công nghiệp then chốt.
B. Biết lợi dụng thành tựu khoa học - kĩ thuật để tăng năng suất, cải tiến kĩ thuật và hạ giá thành hàng hóa.
C. Biết "len lách" xâm nhập thị trường các nước.
D. Nhờ những cải cách dân chủ.

Câu 12. Nguyên nhân chung của sự phát triển kinh tế Mĩ, Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

A. Áp dụng thành tựu khoa học - kĩ thuật vào trong sản xuất.
B. Biết thâm nhập vào thị trường các nước.
C. Nhờ quân sự hóa nền kinh tế.
D. Tất cả các nguyên nhân trên.

Câu 13. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai Nhật Bản đã gặp khó khăn gì lớn nhất?

A. Bị quân đội Mĩ chiếm đóng theo chế độ quân quản.
B. Bị các nước đế quốc bao vây kinh tế.
C. Nạn thất nghiệp,thiếu lương thực,thực phẩm.
D. Bị mất hết thuộc địa, kinh tế bị tàn phá nặng nề.

Câu 14. Sau chiến tranh, Nhật Bản có khó khăn gì mà các nước tư bản Đồng minh chống phát xít không có?

A. Sự tàn phá nặng nề của chiến tranh.

B. Là nước bại trận, nước Nhật mất hết thuộc địa.

C. Thiếu thốn gay gắt lương thực, thực phẩm.

D. Phải dựa vào viện trợ của Mĩ dưới hình thức vay nợ.

Câu 15. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản tiến hành nhiều cải cách trong đó cải cách nào là quan trọng nhất?

A. Cải cách hiến pháp. B. Cải cách ruộng đất.

C. Cải cách giáo dục. D. Cải cách văn hóa.

Câu 16. Sang những năm 50 của thế kỉ XX, kinh tế Nhật phát triển được do nguyên nhân cơ bản nào?

A. Nhờ những đơn đặt hàng của Mĩ khi Mĩ phát động chiến tranh xâm lược Triều Tiên và Việt Nam.

B. Nhật áp dụng những thành tựu khoa học - kĩ thuật.

C. Vươn lên cạnh tranh với Tây Âu.

D. "Len lách" xâm nhập thị trường các nước.

Câu 17. Năm 1968, tổng sản phẩm quốc dân của Nhật đạt được:

A. 180 tỉ USD. B.181 tỉ USD. C. 182 tỉ USD. D.183 tỉ USD.

Câu 18. Năm 1961- 1970, tốc độ tăng trưởng bình quân về công nghiệp của Nhật hằng năm là bao nhiêu?

A. 12,5%. B. 13,5%. C. 14,5%. D. 15,5%.

Câu 19. Những năm 1967-1969, sản lượng lương thực của Nhật cung cấp:

A. 50% nhu cầu trong nước. C. 70% nhu cầu trong nước.

B. 60% nhu cầu trong nước. D. 80% nhu cầu trong nước.

Câu 20. Sự phát triển “thần kì” của Nhật Bản được biểu hiện rõ nhất ở điểm nào?

A. Năm 1968, tổng sản phẩm quốc dân đứng hàng thứ 2 trên thế giới sau Mĩ. (Nhật 183 tỉ USD, Mĩ 830 tỉ USD).

B. Trong khoảng hơn 20 năm (1950 - 1973), tổng sản phẩm quốc dân của Nhật Bản tăng 20 lần.

C. Từ thập niên 70 (thế kỉ XX) Nhật Bản trở thành 1 trong 3 trung tâm kinh tế tài chính của thế giới tư bản. (Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản).

D. Từ nước chiến bại, hết sức khó khăn thiếu thốn, Nhật Bản vươn lên thành siêu cường kinh tế.

Câu 21. Trong sự phát triển "thần kì" của Nhật Bản có nguyên nhân nào giống với nguyên nhân phát triển kinh tế của các nước tư bản khác?

A. Lợi dụng vốn nước ngoài, tập trung đầu tư vào các ngành kĩ thuật then chốt.

B. Biết tận dụng và khai thác những thành tựu khoa học - kĩ thuật.

C. "Len lách" xâm nhập vào thị trường các nước, thực hiện cải cách dân chủ.

D. Phát huy truyền thống tự lực tự cường của nhân dân Nhật Bản.

Câu 22. Trong những nguyên nhân sau đây, nguyên nhân nào là nguyên nhân khách quan làm cho kinh tế Nhật Bản phát triển?

A. Truyền thống văn hóa tốt đẹp, con người Nhật Bản có ý chí vươn lên, được đào tạo chu đáo, cần cù lao động.

B. Nhờ cải cách ruộng đất.

C. Vai trò quan trọng của Nhà nước trong việc đề ra chiến lược phát triển, hệ thống quản lí có hiệu quả của các xí nghiệp, công ti.

D. Biết tận dụng thành tựu khoa học - kĩ thuật thế giới.

Câu 23. Để phát triển khoa học - kĩ thuật, ở Nhật Bản có hiện tượng gì ít thấy ở các nước khác?

A. Coi trọng và phát triển nền giáo dục quốc dân, khoa học - kĩ thuật.

B. Đi sâu vào các ngành công nghiệp dân dụng.

C. Xây dựng nhiều công trình hiện đại trên mặt biển và dưới đáy biển.

D. Coi trọng việc nhập kĩ thuật hiện đại,mua bằng phát minh của nước ngoài.

Câu 24. Từ đầu năm 90 của thế kỉ XX, nền kinh tế Nhật Bản như thế nào?

A. Tiếp tục tăng trưởng với tốc độ cao.

B. Bị cạnh tranh gay gắt bởi các nước có nền công nghiệp mới.

C. Lâm vào tình trạng suy thoái kéo dài.

D. Nước có nền kinh tế phát triển nhất.

Câu 25. Hiệp ước An ninh Mĩ - Nhật được kí kết nhằm mục đích gì?

A. Nhật Bản muốn lợi dụng vốn kĩ thuật của Mĩ để phát triển kinh tế.

B. Nhật Bản trở thành căn cứ chiến lược của Mĩ.

C. Hình thành một liên minh Mĩ - Nhật chống lại các nước XHCN và phong trào giải phóng dân tộc vùng Viễn Đông.

D. Tạo thế cân bằng giữa Mĩ và Nhật.

Câu 26. Đặc điểm nào sau đây là đặc điểm nổi bật trong quan hệ đối ngoại của Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Không đưa quân đi tham chiến ở nước ngoài.

B. Kí Hiệp ước An ninh Mĩ - Nhật (08-09-1951).

C. Cạnh tranh gay gắt với Mĩ và các nước Tây Âu.

D. Phát triển kinh tế đối ngoại, xâm nhập và mở rộng phạm vi thế lực bằng kinh tế ở khắp mọi nơi, đặc biệt là Đông Nam Á.

Câu 27. Nhật Bản bắt đầu đặt quan hệ ngoại giao với Việt Nam vào năm nào?

A.1973. B.1976. C. 1978. D. 1979

Câu 28. Đến năm 1992, Nhật Bản hợp tác có hiệu quả với các nước nào trong các chương trình vũ trụ quốc tế?

A. Anh, Pháp, Đức. B. Mĩ, Nga. C. Anh, Pháp, Mĩ. D. Mĩ, Đức.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 9

1. C 2. D 3. C 4. A 5. D 6. A 7. B 8. B
9. A 10. B 11. B 12. D 13. D 14. D 15. A 16. A
17. D 18. B 19. D 20. D 21. B 22. D 23. D 24. C
25. C 26. B 27. A 28. B

Chương V. QUAN HỆ QUỐC TẾ (1945 – 2000)

Bài 10. QUAN HỆ QUỐC TẾ TRONG VÀ SAU THỜI KÌ CHIẾN TRANH LẠNH

I. CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1. Hãy trình bày nội dung chính của học thuyết Tru-man.

- Củng cố chính quyền phản động và đẩy lùi phong trào đấu tranh yêu nước ở Hi Lạp và Thổ Nhĩ Kì.

- Biến hai nước Hi Lạp và Thổ Nhĩ Kì thành những căn cứ tiền phương chống Liên Xô và các nước dân chủ nhân dân Đông Âu.

- Gạt bỏ những ảnh hưởng của Anh có từ trước ở Hi Lạp và Thổ Nhĩ Kì.

Như vậy, học thuyết Tru-man là một sự tập hợp lực lượng của Mĩ nhằm phản ứng trước những thắng lợi và ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội ở châu Âu.

Câu 2. Sự ra đời của "Kế hoạch Mác-san" và sự thành lập khối quân sự NATO đã tạo nên sự phân chia đối lập về kinh tế, chính trị và quân sự giữa các nước Tây Âu tư bản chủ nghĩa và Đông Âu xã hội chủ nghĩa như thế nào?

- Nhưng cũng sau chiến tranh, Mĩ đã vươn lên thành một nước tư bản giàu mạnh nhất, vượt xa các nước tư bản khác, nắm độc quyền vũ khí nguyên tử. Mĩ tự cho mình có quyền lãnh đạo thế giới - như Tổng thống Tru-man công khai tuyên bố: "Ngày nay Hoa Kì là một đế quốc gia mạnh, không có một quốc gia nào mạnh hơn... Điều đó có nghĩa là với sức mạnh như thế, chúng ta có nghĩa vụ nắm quyền lãnh đạo thế giới".

- Sự kiện được xem là khởi đầu cho chính sách chống Liên Xô gây nên tình trạng chiến tranh lạnh của Mĩ là bản thông điệp của Tổng thống Tru-man gửi Quốc hội Mĩ ngày 12-3-1947. Trong đó, Tổng thống Mĩ khẳng định: sự tồn tại của Liên Xô là nguy cơ lớn đối với nước Mĩ và đề nghị viện trợ khẩn cấp 400 triệu USD cho hai nước Hi Lạp và Thổ Nhĩ Kì. Đó là học thuyết Tru-man.

- Nhưng học thuyết Tru-man vừa ra đời đã vấp phải sự phản đối của thế giới vì bản chất chống cộng của nó.

- Vào đầu tháng 6-1947, Mĩ đề ra "Kế hoạch Mác-san" với khoản viện trợ khoảng 17 tỉ USD để giúp các nước Tây Âu phục hồi nền kinh tế bị tàn phá sau chiến tranh. Ngày 4-4-1949, Mĩ thành lập khối quân sự - tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO). Đây là liên minh quân sự lớn nhất của các nước tư bản phương Tây do Mĩ cầm đầu nhằm chống lại Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu.

Như vậy, "Kế hoạch Mác-san" và khối quân sự NATO đã tạo nên sự phân chia đối lập về kinh tế, chính trị và quân sự giữa các nước Tây Âu tư bản chủ nghĩa và Đông Âu xã hội chủ nghĩa.

Câu 3. Nêu tóm tắt nội dung các cuộc chiến tranh cục bộ đã xảy ra từ năm 1945 đến năm 1975.

* *Cuộc chiến tranh chống thực dân Pháp ở Đông Dương (1945-1954)*

- Ngay sau Chiến tranh thế giới thứ hai, thực dân Pháp đã quay lại tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược ba nước Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia. Tới tháng 12-1946, cuộc chiến đã lan rộng trên toàn cõi Đông Dương.

- Từ năm 1950, Mĩ viện trợ cho Pháp và can thiệp ngày càng sâu vào cuộc chiến tranh Đông Dương. Từ đó, cuộc chiến tranh Đông Dương ngày càng chịu sự tác động của hai phe.

- Sau chiến thắng Điện Biên Phủ lịch sử (7-5-1954), Hội nghị Giơ-ne-vơ về Đông Dương đã được triệu tập. Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương (21-7-1954) đã công nhận độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia. Cuộc chiến ở Đông Dương đã chấm dứt, nhưng Việt Nam tạm thời bị chia cắt làm hai miền, lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới quân sự.

* *Cuộc chiến tranh Triều Tiên (1950-1953)*

- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, theo thỏa thuận giữa các Đồng minh, quân đội Liên Xô chiếm đóng miền Bắc, quân đội Mĩ chiếm đóng miền Nam, lấy vĩ tuyến 38 làm giới tuyến phân chia tạm thời. Tới cuối năm 1948, hai chính quyền được thành lập riêng rẽ là Cộng hòa Dân chủ của nhân dân Triều Tiên ở phía bắc và Đại Hàn Dân Quốc (Hàn Quốc) ở phía nam được Liên Xô và Mĩ bảo trợ cho mỗi bên.

- Sau hơn ba năm chiến tranh, với những tổn thất nặng nề của cả hai bên, ngày 27-7-1953, Hiệp định đình chiến được kí kết giữa Trung Quốc - Triều Tiên với Mĩ-Hàn Quốc. Theo đó, vĩ tuyến 38 vẫn là ranh giới quân sự giữa hai miền Bắc, Nam Triều Tiên. Cuộc chiến tranh Triều Tiên là sự đụng đầu đầu tiên giữa hai phe, không phân thắng bại.

* *Cuộc khủng hoảng Ca-ri-bê (1962)*

Sau khi cách mạng Cu-ba thắng lợi, Mĩ không ngừng chống phá công cuộc xây dựng đất nước của nhân dân Cu-ba. Tháng 10-1962, tình hình trở nên căng thẳng nghiêm trọng do "cuộc khủng hoảng Ca-ri-bê".

* *Cuộc chiến tranh chống Mĩ xâm lược Việt Nam (1954-1975).*

- Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 về Đông Dương, Mĩ đã nhanh chóng hất cẳng Pháp, dựng lên chính quyền Ngô Đình Diệm, âm mưu chia cắt lâu dài Việt Nam, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mĩ.

- Chiến tranh Việt Nam đã trở thành cuộc chiến tranh cục bộ lớn nhất phản ánh mâu thuẫn giữa hai phe. Nhưng cuối cùng, mọi chiến lược chiến tranh của Mĩ đều bị phá sản. Tháng 1-1973, Hiệp định Pa-ri được kí kết. Theo đó, Mĩ cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản là độc lập, chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, rút quân khỏi Việt Nam, cam kết không dính líu hoặc can thiệp về quân sự đối với nước ta.

Câu 4. Trình bày xu thế hoà hoãn Đông – Tây và chiến tranh chấm dứt.

- Mặc dù chiến tranh lạnh vẫn tiếp diễn, nhưng từ đầu những năm 70 xu hướng hòa hoãn Đông-Tây đã xuất hiện với những cuộc gặp gỡ thương lượng Xô - Mĩ.

- Đó là, trên cơ sở những thỏa thuận Xô-Mĩ, ngày 9-11-1972 hai nước Đức-Cộng hòa Dân chủ và Cộng hòa Liên bang đã kí kết tại Bon. Hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức.

- Cũng trong năm 1972, hai siêu cường Liên Xô, Mĩ đã thỏa thuận về việc hạn chế vũ khí chiến lược và ngày 26-5 kí Hiệp ước về việc hạn chế thống phòng chống tên lửa (ABM), sau đó là Hiệp định hạn chế vũ khí tiến công chiến lược (1) (gọi tắt là SALT-1).

- Đầu tháng 8-1975, 35 nước châu Âu và Mĩ, Ca-na-đa đã kí kết Định ước Hen-xin-ki, khẳng định những nguyên tắc trong quan hệ giữa các quốc gia như bình đẳng, chủ quyền, sự bền vững của đường biên giới, giải quyết hòa bình các tranh chấp... nhằm đảm bảo an ninh châu Âu và sự hợp tác giữa các nước về kinh tế, khoa học và kỹ thuật, bảo vệ môi trường.

- Cùng với các sự kiện trên, từ đầu những năm 70, hai siêu cường Xô - Mĩ đã tiến hành những cuộc gặp cấp cao, nhất là từ năm 1985 khi Goóc-ba-chốp lên cầm quyền ở Liên Xô. Hầu như hằng năm đều diễn ra các cuộc gặp gỡ giữa nguyên thủ hai nước Goóc-ba-chốp và Ri-gân, sau là Goóc-ba-chốp và Bu-sơ (cha). Nhiều văn kiện hợp tác về kinh tế và khoa học - kĩ thuật đã được kí kết giữa hai nước, nhưng trọng tâm là những thỏa thuận về thủ tiêu các tên lửa tầm trung ở châu Âu, cắt giảm vũ khí chiến lược cũng như hạn chế cuộc chạy đua vũ trang giữa hai nước.

- Tháng 12-1989, trong cuộc gặp không chính thức tại đảo Man-ta (Địa Trung Hải). Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô Goóc-ba-chốp và Tổng thống Mĩ Bu-sơ đã chính thức cùng tuyên bố chấm dứt "chiến tranh lạnh".

- Chiến tranh lạnh chấm dứt đã mở ra nhiều hướng và những điều kiện giải quyết hòa bình các vụ tranh chấp, xung đột đang diễn ra ở nhiều khu vực trên thế giới.

Câu 5. Nêu những biến đổi chính của tình hình thế giới sau khi chiến tranh lạnh chấm dứt?

- Sau khi chiến tranh lạnh chấm dứt, chế độ xã hội chủ nghĩa đã bị tan rã ở các nước Đông Âu và Liên bang Xô viết. Ngày 28-6-1991, Hội đồng Tương trợ kinh tế (SEV) tuyên bố giải thể và sau đó ngày 1-7-1991, tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va chấm dứt hoạt động. Với "cực" Liên Xô tan rã, hệ thống thế giới của các nước xã hội chủ nghĩa không còn tồn tại và trật tự thế giới hai cực I-ran-ta đã sụp đổ.

- Từ sau năm 1991 đầy biến động, tình hình thế giới đã diễn ra những thay đổi to lớn và phức tạp. Trật tự thế giới hai cực đã sụp đổ nhưng trật tự thế giới mới lại đang trong quá trình hình thành.

- Sau chiến tranh lạnh, hòa bình thế giới được củng cố, nhưng ở nhiều khu vực tình hình lại không ổn định với những cuộc nội chiến, xung đột quân sự đẫm máu kéo dài.

- Bước sang thế kỉ XXI, với sự tiến triển của xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển, các dân tộc hi vọng về một tương lai tốt đẹp của loài người.

- Với xu thế của thế giới từ cuối thế kỉ XX - đầu thế kỉ XXI, ngày nay các quốc gia - dân tộc vừa đứng trước những thời cơ phát triển thuận lợi, vừa phải đối mặt với những thách thức vô cùng gay gắt.

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Liên Xô và Mĩ trở thành hai thế lực đối đầu nhau rồi đi đến "chiến tranh lạnh" vào thời điểm nào?

A. Trước Chiến tranh thế giới thứ hai.
B. Trong Chiến tranh thế giới thứ hai.
C. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
D. Trong và sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Câu 2. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai mưu đồ bao quát của Mĩ là:

A. Tiêu diệt Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.
B. Tiêu diệt phong trào giải phóng dân tộc ở Á, Phi, Mĩ La-tinh.
C. Tiêu diệt phong trào công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa.
D. Làm bá chủ toàn thế giới.

Câu 3. Để thực hiện mưu đồ làm bá chủ thế giới, trước hết Mĩ lo ngại đến vấn đề gì?

A. Ảnh hưởng của Liên Xô cùng những thắng lợi của cuộc cách mạng dân chủ nhân dân các nước Đông Âu.
B. Thắng lợi của cách mạng Trung Quốc và sự ra đời của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.
C. Chủ nghĩa xã hội trở thành hệ thống thế giới.
D. Tất cả cùng đúng.

Câu 4. Bản thông điệp mà Tổng thống Tru-man gửi Quốc hội Mĩ ngày 12 - 3 - 1947 được xem là sự khởi đầu cho:

A. Chính sách thực lực của Mĩ sau chiến tranh.
B. Mưu đồ làm bá chủ thế giới của Mĩ.
C. Chính sách chống Liên Xô gây nên tình trạng chiến tranh lạnh.
D. Chính sách chống các nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 5. Vì sao học thuyết Tru-man vừa mới ra đời đã vấp phải sự phản kháng của thế giới?

A. Vì bản chất phi nghĩa của nó.
B. Vì bản chất chống cộng của nó.
C. Vì bản chất bành trướng của nó.
D. Vì bản chất đe doạ nền hòa bình của nó đối với nhân loại.

Câu 6. Tháng 6 – 1947, diễn ra sự kiện gì ở Mĩ có liên quân đến các nước Tây Âu?

A. Mĩ thành lập khối quân sự NATO. B. Mĩ thành lập khối CENTO.
B. Mĩ thành lập khối SEATO. D. Mĩ đề ra "Kế hoạch Mác-san"

Câu 7. Nước nào dưới đây không có trong 11 nước gia nhập khối NATO năm 1949 do Mĩ cầm đầu?

A. Đan Mạch, Na Uy, Bồ Đào Nha. B. Anh, Pháp, Hà Lan.
C. Đức, Tây Ban Nha, Hy Lạp. C. I-ta-li-a, Bỉ, Lúc-xăm-bua.

Câu 8. Sự phân chia đối lập về kinh tế, chính trị và quân sự giữa các nước Tây Âu tư bản chủ nghĩa và Đông Âu xã hội chủ nghĩa được tạo nên bởi:

A. Học thuyết Tru-man của Mĩ.
B. "Kế hoạch Mác-san" và sự ra đời của khối quân sự NATO.
C. Chiến lược toàn cầu phản cách mạng của Mĩ.
D. Sự thành lập khối quân sự NATO.

Câu 9. Hiệp ước Vác-sa-va, một liên minh chính trị - quân sự giữa Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu được thành lập vào thời gian nào và mang tính chất gì?

A. Thành lập vào tháng 5 – 1950, mang tính chất phòng thủ của các nước xã hội chủ nghĩa.

B. Thành lập vào tháng 5 – 1955, mang tính chất phòng thủ của các nước xã hội chủ nghĩa.
C. Thành lập vào tháng 5 – 1955, mang tính chất cạnh tranh về quân sự với Mĩ và Tây Âu.
D. Thành lập vào tháng 7 – 1955, mang tính chất chạy đua vũ trang với Mĩ và Tây Âu.

Câu 10. Sự kiện nào chứng tỏ rằng đã đến lúc chiến tranh lạnh bao trùm cả thế giới?

A. Mĩ thông qua “Kế hoạch Mác-san”.
B. “Kế hoạch Mác-san” và sự ra đời của khối quân sự NATO.
C. Sự ra đời của khối quân sự NATO và Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va.
D. Sự ra đời và hoạt động của Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va.

Câu 10. Sau khi cách mạng Trung Quốc thành công (10 – 1949), cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam có những điều kiện thuận lợi gì?

A. Được sự ủng hộ và giúp đỡ của Trung Quốc.
B. Được sự ủng hộ và giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.
C. Được sự ủng hộ và giúp đỡ của Trung Quốc và các nước châu Á.
D. Buộc Pháp phải chấm dứt chiến tranh xâm lược ở Việt Nam.

Câu 11. Thực dân Pháp buộc phải công nhận độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Đông Dương vào thời gian nào?

A. Ngày 5 – 7 – 1954.
B. Ngày 21 – 7 – 1954.
C. Ngày 20 – 9 – 1954.
D. Ngày 21 – 9 – 1954.

Câu 12. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, theo thỏa thuận của các nước Đồng minh, quân đội nước nào chiếm đóng ở Triều Tiên?

A. Liên Xô ở miền Bắc Triều Tiên, Mĩ ở Nam Triều Tiên.
B. Mĩ ở miền Bắc Triều Tiên, Liên Xô ở Nam Triều Tiên.
C. Anh, Mĩ ở miền Bắc Triều Tiên, Liên Xô ở Nam Triều Tiên.
D. Liên Xô các nước xã hội chủ nghĩa ở Bắc Triều Tiên, Mĩ và các nước Tây Âu ở Nam Triều Tiên.

Câu 13. Cuối năm 1948, diễn ra sự kiện gì ở Nam - Bắc Triều Tiên?

A. Nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Triều Tiên được thành lập ở phía bắc.
B. Nước Đại Hàn Dân Quốc được thành lập ở phía nam.
C. Quân đội Triều Tiên vượt vĩ tuyến 38 mở cuộc tấn công xuống phía nam.
D. Câu A và B là phương án đúng.

Câu 14. Tháng 10 – 1950, Quân tình nguyện Trung Quốc tiến vào Triều Tiên để làm gì?

A. Xâm lược Triều Tiên.
B. Kháng Mĩ, viện Triều Tiên.
C. Cùng với Mĩ xâm lược Triều Tiên.
D. Tranh chấp vùng đất Triều Tiên với Mĩ.

Câu 15. Ngày 17 – 7 – 1953 Hiệp định đình chiến được kí kết giữa các thế lực nào để giải quyết vấn đề về Triều Tiên và Hàn Quốc?

A. Giữa Trung Quốc – Triều Tiên với Mĩ – Hàn Quốc.
B. Giữa Nam Triều Tiên với Bắc Triều Tiên.
C. Giữa Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên với Đại Hàn Dân Quốc.
D. Giữa Liên Xô với Mĩ để phân chia khu vực ảnh hưởng ở Nam - Bắc Triều Tiên.

Câu 16. Trước sự đe doạ của Mĩ đối với Cu-ba, mùa hè năm 1962, chính phủ Liên Xô và Cu-ba đã thoả thuận điều gì?

A. Liên Xô đưa quân đội sang Cu-ba, giúp nhân dân Cu-ba chống Mĩ.
B. Liên Xô và Cu-ba thoả thuận hợp tác chống Mĩ đến cùng.
C. Liên Xô xây dựng căn cứ tên lửa đạn đạo tầm trung trên lãnh thổ Cu-ba.
D. Tất cả các thoả thuận trên.

Câu 17. Lấy cớ gì mà ngày 22 – 10 – 1962, Tổng thống Mĩ Ken-nơ-đi lên án những hoạt động quân sự của Liên Xô tại Cu-ba?

A. Lấy cớ Liên Xô xâm lược Cu-ba.
B. Lấy cớ an ninh nước Mĩ bị đe dọa.
C. Lấy cớ châu Mĩ là của người Mĩ.
D. Lấy cớ Cu-ba là sân sau êm đềm của Mĩ.

Câu 18. Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 về Đông Dương, Mĩ đã nhanh chóng hất cẳng Pháp dựng nên chính quyền tay sai ở miền Nam, đó là:

A. Chính quyền Bảo Đại
B. Chính quyền Nguyễn Văn Thiệu.
C. Chính quyền Ngô Đình Diệm.
D. Chính phủ Trần Trọng Kim.

Câu 19. Âm mưu của Mĩ trong việc xâm chiếm miền Nam Việt Nam là:

A. Chia cắt lâu dài Việt Nam.
B. Biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mĩ.
C. Biến miền Nam Việt Nam thành trung tâm của chiến lược toàn cầu cầu của Mĩ.
D. Câu A và B đúng.

Câu 20. Hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức vào thời gian nào?

A. Ngày 28 – 2 – 1972.
B. Ngày 9 – 11 - 1972.
C. Ngày 20 – 1 – 1973.
D. Ngày 27 – 1 – 1973.

Câu 21. Hiệp ước hạn chế vũ khí tiến công chiến lược Liên Xô và Mĩ kí vào thời gian nào? gọi tắt là gì?

A. Vào ngày 15 – 5 – 1972, gọi tắt là ABM.
B. Vào ngày 26 – 5 – 1972, gọi tắt là SALT-1.
C. vào ngày 26 – 3 – 1973, gọi tắt là ABM1.
D. Vào ngày 25 – 6 – 1974, gọi tắt là SALT-2.

Câu 22. Đầu tháng 8 – 1975, 35 nước châu Âu cùng với những nước nào kí kết Định ước Hen-xin-ki?

A. Cùng với Mĩ và Liên Xô.
B. Cùng với Mĩ và Pháp.
C. Cùng với Mĩ và Anh.
D. Cùng với Mĩ và Ca-na-đa.

Câu 23. Đầu tháng 12 – 1989, trong cuộc gặp gỡ không chính thức giữa Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô và Tổng thống Mĩ Bu-sơ ở đâu?

A. Ở Luân Đôn (Anh).
B. Ở I-an-ta (Liên Xô).
C. Ở Man-ta (Địa Trung Hải).
D. Ở Oa-sinh-tơn (Mĩ).

Câu 24. Trong cuộc gặp gỡ không chính thức giữa Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô và Tổng thống Mĩ Bu-sơ đã cùng tuyên bố vấn đề gì?

A. Vấn đề chấm dứt việc chạy đua vũ trang.
B. Vấn đề hạn chế vũ khí hạt nhân hủy diệt.
C. Vấn đề chấm dứt chiến tranh lạnh.
D. Vấn đề giữ gìn hòa bình, an ninh cho nhân loại.

Câu 25. Những năm 1989 – 1991, diễn ra sự kiện gì gắn với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu?

A. Liên Xô và các nước Đông Âu cắt đứt quan hệ với nhau.

B. Liên Xô và các nước Đông Âu lâm vào tình trạng trì trệ.

C. Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu bước vào thời kì ổn định.

D. Chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu và Liên bang Xô viết bị tan rã.

Câu 26. Ngày 28 – 6 – 1991, diễn ra sự kiện gì gắn với các nước xã hội chủ nghĩa?

A. Liên Xô và các nước Đông Âu bị sụp đổ trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

B. Hội đồng Tương trợ Kinh tế tuyên bố giải thể.

C. Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va tuyên bố chấm dứt hoạt động.

D. Liên Xô tuyên bố cắt đứt quan hệ với các nước Đông Âu.

Câu 27. Năm 1991, diễn ra sự kiện gì có liên quan đến quan hệ quốc tế?

A. Mĩ và Liên Xô chấm dứt chiến tranh lạnh.

B. Trật tự hai cực I-an-ta bị xói mòn.

C. Trật tự hai cực I-an-ta bị sụp đổ.

D. Xô – Mĩ tuyên bố hợp tác trên mọi phương diện.

Câu 28. Hãy nối thời gian ở cột A cho phù hợp với sự kiện ở cột B về quan hệ quốc tế (1945 – 2000) theo yêu cầu sau đây:

A	B
1) 6 - 1947	A. Hiệp định đình chiến chiến lược được kí kết giữa Trung Quốc - Triều Tiên với Mĩ - Hàn Quốc.
2) 4 - 4 - 1949	B. Liên Xô và các nước Đông Âu thành lập Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va.
3) 5 - 1955	C. Mĩ đề ra "Kế hoạch Mác-san".
4) 12 - 1946	D. Hiệp định Giơ-ne-vơ về vấn đề Đông Dương được kí kết.
5) 21 – 7 - 1954	E. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp lan rộng trên toàn cõi Đông Dương.
6) 25 – 6 - 1950	F. Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va chấm dứt hoạt động.
7) 27 – 7 - 1953	G. Cuộc gặp gỡ không chính thức giữa Tổng Bí thư Liên Xô Góoc-ba-chốp và Tổng thống Mĩ Bu-sơ.
8) 9 – 11 - 1972	H. Mĩ thành lập khối quân sự NATO.
9) 12 - 1989	I. Quân đội Triều Tiên vượt vĩ tuyến 38 tấn công xuống phía nam.
10) 1 – 7 - 1991	K. Cộng hòa Dân chủ Đức và Cộng hòa Liên bang Đức kí Hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 10

1. C	2. D	3. D	4. C	5. B	6. D	7. C	8. B
9. B	10. B	11. D	12. C	13. D	14. B	15. A	16. C
17. B	18. C	19. D	20. B	21. B	22. D	23. C	24. C
25. D	26. B	27. C					

28. 1: C, 2: H, 3: B, 4: E, 5: D, 6: I, 7: A, 8: K, 9: G, 10: F.

Chương VI. CÁCH MẠNG KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HOÁ

Bài 11. CÁCH MẠNG KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HOÁ NỬA SAU THẾ KỈ XIX

I. TỰ LUẬN

Câu 1: Hãy trình bày nguồn gốc, nội dung, đặc điểm của cách mạng khoa học kĩ thuật sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai?

* *Nguồn gốc:*

- Nhân loại đã trải qua hai cuộc cách mạng lớn trong các lĩnh vực khoa học – kĩ thuật. Đó là cuộc cách mạng công nghiệp (thế kỉ XVIII – XIX) và cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật đang diễn ra từ những năm 1940 trở lại đây.

- Cũng như cuộc cách mạng công nghiệp ở thế kỉ XVIII, cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện nay diễn ra là do những đòi hỏi của cuộc sống con người, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của con người.

- Do nhu cầu phục vụ chiến tranh, cần có sự ứng dụng khoa học - kĩ thuật do nhu cầu vật chất ngày càng cao của con người, nhất là trong tình hình bùng nổ dân số, tài nguyên thiên nhiên đang cạn kiệt.

* *Nội dung:*

- Nếu cách mạng công nghiệp có nội dung chủ yếu là cơ khí thì cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật ngày nay có nội dung phong phú hơn, phạm vi rộng lớn hơn nhiều, trong đó nội dung chủ yếu là tự động hóa cao độ.

- Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật ngày nay diễn ra trên mọi ngành, mọi lĩnh vực.

+ Khoa học cơ bản: Toán học, Vật lý, Hóa học, Sinh học.

+ Nhiều ngành khoa học mới: Khoa học vũ trụ, khoa học du hành vũ trụ.

+ Những ngành khoa học mới kết hợp khoa học tự nhiên với khoa học - kĩ thuật như điều khiển học, sinh vật học, phân tử.

+ Hiện nay các nhà khoa học đang nghiên cứu giải quyết những vấn đề cấp bách về khoa học và kĩ thuật phục vụ cuộc sống con người như vấn đề năng lượng, công cụ sản xuất, vật liệu mới, chống ô nhiễm môi trường, lương thực – thực phẩm.

* *Đặc điểm:* Cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật ngày nay nổi bật ba đặc điểm:

- Được gọi là cách mạng khoa học - kĩ thuật bởi vì mọi phát minh về kĩ thuật đều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học. Khoa học gắn liền với kĩ thuật, khoa học đi trước mở đường cho kĩ thuật... Vì vậy, khoa học đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật còn được gọi là cách mạng khoa học - công nghệ.

- Thời gian từ phát minh khoa học đến ứng dụng vào sản xuất ngày càng rút ngắn.

- Hiệu quả kinh tế của công tác nghiên cứu khoa học ngày càng cao. Đầu tư vào khoa học cho lãi cao hơn so với đầu tư vào các lĩnh vực khác.

Câu 2: Những thành tựu của cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai? Tác động của nó đối với sự phát triển của nhân loại?

* *Thành tựu:*

Trải qua nửa thế kỉ, đặc biệt là từ thập niên 70, cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật đã thu được nhiều thành tựu to lớn và kì diệu

- Trong lĩnh vực khoa học cơ bản: Toán, Lý, Hóa, Sinh ... đã đạt những những thành tựu hết sức to lớn, đánh dấu bước nhảy vọt chưa từng thấy.

- Các phát minh lớn về công cụ sản xuất mới, trong đó có ý nghĩa quan trọng hàng đầu là sự ra đời của máy tính điện tử, máy tự động, người máy (Rôbốt) và hàng loạt những công cụ mới với chức năng hết sức hiện đại được sáng chế nhằm phục vụ cho sản xuất trong tất cả các ngành công nghiệp và xây dựng.

- Tìm ra những nguồn năng lượng mới hết sức phong phú và vô tận như: Năng lượng nguyên tử, năng lượng nhiệt hạch, năng lượng mặt trời, năng lượng thuỷ triều, năng lượng gió .... Trong đó năng lượng nguyên tử và năng lượng mặt trời đang dần dần được sử dụng một cách phổ biến và tương lai không xa sẽ thay thế dần cho nhiệt điện, thuỷ điện.

- Sáng chế ra những vật liệu mới trong tình hình vật liệu tự nhiên đang cạn kiệt, như chất Po-li-me đang giữ vị trí rất quan trọng trong đời sống hằng ngày của con người cũng như trong công nghiệp.

- Cuộc "cách mạng xanh" trong nông nghiệp là thành quả tổng hợp của nhiều ngành khoa học, đặc biệt là sinh học, hóa học, nhờ "cách mạng xanh" nhiều nước đã tự túc, khắc phục nạn thiếu lương thực, đói ăn ...

- Nhiều tiến bộ thần kì trong các lĩnh vực giao thông vận tải, thông tin liên lạc như: Máy bay siêu âm khổng lồ, tàu hoả cao tốc, vệ tinh nhân tạo ...

- Những thành tựu trong lĩnh vực chinh phục vũ trụ: Phóng thành công vệ tinh nhân tạo (1957), con người bay vào vũ trụ (1961), đặt chân lên Mặt trăng (1969), tàu con thoi.... Khoa học vũ trụ và du hành vũ trụ ngày càng phục vụ đắc lực cho cuộc sống con người.

* *Tác động:*

- Tích cực:

+ Trong cách mạng khoa học - kĩ thuật đã làm thay đổi cơ bản các yếu tố của sản xuất, tạo ra bước nhảy vọt chưa từng thấy của lực lượng sản xuất và năng suất lao động, sản xuất ra khối lượng hàng hoá đồ sộ, tiện nghi, hiện đại. Vì vậy đời sống con người không ngừng được cải thiện, mức sống ngày càng được nâng cao.

+ Đưa tới những thay đổi lớn lao về cơ cấu dân cư với xu hướng dân số lao động trong nông nghiệp giảm đi, dân số trong các ngành dịch vụ tăng lên.

+ Đưa loài người chuyển sang một nền văn minh mới: sau văn minh nông nghiệp, văn minh công nghiệp đó là "Văn minh trí tuệ" lấy vi tính, điện tử thông tin và công nghệ sinh hóa làm cơ sở.

+ Làm cho sự giao lưu kinh tế, văn hóa, khoa học – kĩ thuật ngày càng được quốc tế hóa cao. Một thị trường thế giới đang hình thành, bao gồm tất cả các nước có chế độ xã hội khác nhau, vừa hợp tác, vừa đấu tranh với nhau, cùng chung sống hòa bình.

- Hậu quả: Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật do con người làm chủ, nên được sử dụng theo những mục đích khác nhau. Nếu được sử dụng đúng hướng sẽ mang lại nguồn lực và sức mạnh to lớn. Ngược lại, nếu bị sử dụng với mục đích trái với lợi ích phát triển của nhân loại, có thể dẫn tới những sự tàn phá không lường hết được:

+ Đã tạo ra nhiều loại vũ khí huỷ diệt có số lượng rất lớn mà chỉ cần một phần rất nhỏ trong số đó đã đe dọa sự sống của cả hành tinh.

+ Tài nguyên ngày càng kiệt quệ, trái đất đang kêu cứu.

+ Môi trường bị ô nhiễm nghiêm trọng, đe doạ sự sống của loài người.

+ Sinh ra nhiều bệnh tật, tai nạn gắn liền với kĩ thuật hiện đại.

+ Đặt ra nhiều vấn đề xã hội gắn liền với kĩ thuật hiện đại.

- Những hậu quả nói trên đang đặt ra trước nhân loại nhiều vấn đề cấp bách:

+ Phải bảo vệ tài nguyên - môi trường.

+ Phải sử dụng thành tựu khoa học - kĩ thuật vào mục đích hòa bình.

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Nối các nội dung sau đây cho phù hợp với nguồn gốc và đặc điểm của cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai.

Tiểu mục	Nội dung
	A. Mọi phát minh về kĩ thuật đều được bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học .
1) Nguồn gốc	B. Cách mạng khoa học - kĩ thuật đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của con người.
	C. Khoa học - kĩ thuật trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.
2) Đặc điểm	D. Chiến tranh bùng nổ cần ứng dụng khoa học - kĩ thuật.
	E. Hiệu quả của công tác nghiên cứu khoa học ngày càng cao.
	F. Sự bùng nổ dân số, tài nguyên thiên nhiên ngày càng cạn kiệt.

Câu 2. Ghi tiếp nội dung vào chỗ trống sau đây nói về thành tựu của cách mạng khoa học - kĩ thuật sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

A. Khoa học cơ bản ....

B. Nhiều ngành khoa học mới ....

C. Những ngành khoa học mới kết hợp giữa khoa học tự nhiên với khoa học-kĩ thuật ....

D. Hiện nay các nhà khoa học đang nghiên cứu để giải quyết những vấn đề cấp bách về khoa học - kĩ thuật phục vụ cuộc sống con người như:..................

Câu 3. Ghi đúng (Đ) hoặc sai (S) vào các ô ☐ dưới đây nói về những mặt tích cực của cách mạng khoa học - kĩ thuật.

☐ A. Làm thay đổi cơ bản các yếu tố của sản xuất, tạo ra bước nhảy vọt chưa từng thấy của lực lượng sản xuất và năng suất lao động.

☐ B. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo, đưa con người bay vào vũ trụ.

☐ C. Năng lượng nguyên tử, năng lượng nhiệt hạch, năng lượng mặt trời, năng lượng thủy triều ... được sử dụng.

☐ D. Đưa tới những thay đổi lớn lao về cơ cấu dân cư với xu hướng dân số lao động trong nông nghiệp giảm đi, dân số trong các ngành dịch vụ tăng lên.

☐ E. Đưa loài người chuyển sang nền văn minh mới.

☐ F. Làm cho sự giao lưu kinh tế, văn hóa, khoa học - kĩ thuật ngày càng được quốc tế hóa cao.

☐ G. Công cụ sản xuất mới, máy tính điện tử, máy tự động, người máy (Rô-bốt) và hàng loạt những công cụ mới với chức năng hết sức hiện đại.

Câu 4. Nước khởi đầu cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai là nước nào trong hệ thống tư bản chủ nghĩa?

A. Anh B. Nhật C. Mĩ D. Liên Xô

Câu 5. Hai cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật mà nhân loại đã trải qua, đó là những cuộc cách mạng nào, vào thời gian nào ?

A. Cuộc cách mạng công nghiệp thế kỉ XVIII và cách mạng khoa học - kĩ thuật thế kỉ XX.

B. Cuộc cách mạng kĩ thuật thế kỉ XVIII và cách mạng khoa học - kĩ thuật thế kỉ XX.

C. Cuộc cách mạng kĩ thuật và cách mạng công nghiệp thế kỉ XVIII - XIX và cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật đang diễn ra từ những năm 40 của thế kỉ XX đến nay.

D. Cuộc cách mạng công nghiệp thế kỉ XVIII - XIX và cuộc cách mạng công nghệ thế kỉ XX.

Câu 6. Đặc trưng cơ bản của cách mạng kĩ thuật là gì?

A. Cải tiến việc tổ chức sản xuất.

B. Cải tiến, hoàn thiện những phương tiện sản xuất (công cụ, máy móc, vật liệu).

C. Cải tiến việc quản lí sản xuất.

D. Cải tiến việc phân công lao động.

Câu 7. Điểm khác nhau cơ bản của khoa học khác với kĩ thuật là gì?

A. Khoa học cơ bản đi trước kĩ thuật.

B. Khoa học phát minh, phát hiện các quy luật trong các lĩnh vực Toán, Lý, Hóa, Sinh.

C. Khoa học tạo điều kiện để kĩ thuật phát triển.

D. A, B, C đúng.

Câu 8. Nguồn gốc sâu xa chung của hai cuộc cách mạng: cách mạng công nghiệp thế kỉ XVIII - XIX và cách mạng khoa học - công nghệ thế kỉ XX là gì?

A. Do sự bùng nổ dân số.

B. Nhằm đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng đòi hỏi của cuộc sống con người.

C. Yêu cầu của việc cải tiến vũ khí, sáng tạo vũ khí mới.

D. Yêu cầu chuẩn bị cho một cuộc chiến tranh hạt nhân.

Câu 9. Điểm nào dưới đây không có trong cuộc khoa học - kĩ thuật lần thứ nhất và là đặc trưng của cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai?

A. Mọi phát minh về kĩ thuật đều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học.

B. Mọi phát minh về kĩ thuật đều bắt nguồn từ thực tiễn.

C. Mọi phát minh về kĩ thuật đều dựa vào các ngành khoa học cơ bản.

D. Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

Câu 10. Thời gian từ phát minh khoa học đến ứng dụng vào sản xuất ngày càng rút ngắn. Đó là đặc điểm của cuộc cách mạng nào?

A. Cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ nhất.

B. Cách mạng công nghiệp.

C. Cách mạng văn minh tin học.

D. Cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai.

Câu 11. Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai diễn ra theo những phương hướng nào?

A. Đẩy mạnh các phát minh cơ bản.

B. Đẩy mạnh tự động hóa công cụ lao động, chế tạo công cụ mới.

C. Tìm những nguồn năng lượng mới.

D. A, B, C đúng.

Câu 12. Loại công cụ lao động nào do cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai tạo nên đã được xem như "trung tâm thần kinh" kĩ thuật, thay con người trong toàn bộ quá trình sản xuất liên tục?

A. "Người máy" (Rô-bốt) B. Máy tính điện tử.

C. Hệ thống máy tự động. D. Máy tự động.

Câu 13. Phát minh khoa học trong lĩnh vực nào góp phần quan trọng trong việc sản xuất ra những công cụ mới, vật liệu mới, nguồn năng lượng mới?

A. Toán học. B. Vật lí học. C. Hóa học. D. Sinh học.

Câu 14. Thành tựu quan trọng nào của cách mạng khoa học - kĩ thuật đã tham gia tích cực vào việc giải quyết vấn đề lương thực cho loài người?

A. Phát minh sinh học. B. Phát minh hóa học.

C. "Cách mạng xanh". D. Tạo ra công cụ lao động mới.

Câu 15. Máy tính điện tử đầu tiên ra đời ở nước nào?

A. Mĩ. B. Nhật. C. Liên Xô. D. Anh.

Câu 16. Người máy rô-bốt lần đầu tiên ra đời ở nước nào?

A. Mĩ. B. Nhật C. Anh. D. Đức.

Câu 17. Cuộc "cách mạng xanh" trong nông nghiệp bắt nguồn từ nước nào?

A. Mĩ B. Ấn Độ. C. Nhật D. Mê-hi-cô.

Câu 18. Nước nào mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ ?

A. Mĩ. B. Liên Xô. C. Nhật. D. Trung Quốc.

Câu 19. Sự phát triển nhanh chóng của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại dẫn đến một hiện tượng gì ?

A. Sự đầu tư và khoa học cho lãi cao.

B. Sự bùng nổ thông tin.

C. Nhiều người đầu tư vào việc phát minh sáng chế.

D. Chảy máu chất xám.

Câu 20. Ý nghĩa then chốt, quan trọng nhất của cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai?

A. Tạo ra một khối lượng hàng hoá đồ sộ.

B. Đưa loài người chuyển sang nền văn minh trí tuệ.

C. Thay đổi một cách cơ bản các nhân tố sản xuất.

D. Sự giao lưu quốc tế ngày càng được mở rộng.

Câu 21. Hãy điền vào chỗ trống những từ thích hợp để hoàn chỉnh trích đoạn dưới đây về ý nghĩa và tác động tích cực của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai.

"Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật có ý nghĩa vô cùng to lớn như một cột mốc...(A)... của loài người, đã mang lại những tiến bộ...(B)..., ...(C)...vànhững thay đổi to lớn trong cuộc sống con người.

Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật đã cho phép con người thực hiện ...(D)...và năng suất lao động, nâng cao."

Câu 22. Đâu là hạn chế cơ bản nhất trong quá trình diễn ra cuộc cách mạng khoa học- kĩ thuật lần thứ hai ?

A. Cách mạng khoa học - kĩ thuật chế tạo vũ khí đẩy nhân loại trước một cuộc chiến tranh mới.

B. Nguy cơ của một cuộc chiến tranh hạt nhân.

C. Chế tạo các loại vũ khí và phương tiện có tính chất tàn phá, hủy diệt. Nạn ô nhiễm môi trường, tai nạn, bệnh tật.

D. Nạn khủng bố, gây nên tình hình căng thẳng.

Câu 23. Hãy nối sự kiện ở cột B phù hợp với niên đại ở cột A.

A	B
1. 1949.	A. Đặt chân lên Mặt trăng.
2. 1945.	B. Máy tính điện tử ra đời.
3. 1969.	C. Con người bay vào vũ trụ.
4. 1946.	D. Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử.
5. 1961.	E. Bom nguyên tử ra đời.
6. 1957.	F. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo đầu tiên.
7. 04/2003.	G. "Máy tính mô phỏng thế giới".
8. 03/2002.	H. "Bản đồ gen người" được giải hoàn chỉnh.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 11

1. 1: B, D, F. 2: A, C, E.
2. A. Toán học, Vật lý, Hóa học, Sinh học.
   B. Khoa học vũ trụ, khoa học du hành vũ trụ.
   C. Điều khiển học, sinh vật học, phân tử.
   D. Năng lượng, công cụ sản xuất, vật liệu mới, chống ô nhiễm môi trường, lương thực, thực phẩm.

3. A, D, E, F : Đúng; B, C, G : Sai

4. C 5. C 6. B 7. D 8. B 9. A 10. D 11. D

12. B 13. B 14. C 15. A 16. A 17. B 18. B 19. B

20. C 21. A. chói lọi trong lịch sử tiến hoá văn minh.
B. phi thường.
C. Những thành tựu kì diệu.
D. những bước nhảy vọt về sản xuất.

22. C 23. 1: D; 2:E, 3: A; 4: B; 5: C; 6: F, 7: H; 8: G.

Bài 12. TỔNG KẾT LỊCH SỬ THẾ GIỚI TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI ĐẾN NĂM 2000

I. CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1. Trình bày những nội dung chủ yếu của lịch sử thế giới từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay.

- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, một trật tự thế giới đã được xác lập. Đó là trật tự thế giới hai cực I-an-ta với đặc trưng nổi bật là thế giới như phân đôi, chia thành hai phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa do hai siêu cường Mĩ và Liên Xô đứng đầu mỗi phe.

- Với thắng lợi của các cuộc cách mạng dân chủ nhân dân ở các nước Đông Âu, chủ nghĩa xã hội đã vượt ra khỏi phạm vi một nước, trở thành một hệ thống thế giới. Thắng lợi của cách mạng Việt Nam (1945), cách mạng Trung Quốc (1949) và cách mạng Cu-ba (1959) đã mở rộng không gian địa lý của hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa-một dãi đất rộng lớn trãi dài từ phía đông châu Á qua Liên bang Xô viết tới phần phía đông châu Âu và lan sang Cu-ba ở vùng biển Ca-ri-bê của khu vực Mĩ La-Tinh.

- Ngay sau Chiến tranh thế giới thứ hai, một cao trào giải phóng dân tộc đã dấy lên mạnh mẽ ở các nước Á, Phi và Mĩ La-tinh. Dưới những đòn đả kích mãnh liệt của cao trào giải phóng, hệ thống thuộc địa và chế độ phân biệt chủng tộc A-pác-thai kéo dài từ nhiều thế kỉ đã bị sụp đổ hoàn toàn.

- Trong nửa sau thế kỉ XX, hệ thống đế quốc chủ nghĩa đã có những biến chuyển quan trọng. Mĩ đã vươn lên trở thành nước đế quốc giàu mạnh nhất. Tiếp theo đó là Nhật Bản và các nước Tây Âu, thế giới lần lượt xuất hiện ba trung tâm kinh tế, tài chính. Mặc dù có sự phát triển như thế, chủ nghĩa tư bản vẫn không thể khắc phục được những mâu thuẫn vốn có của nó.

- So với các giai đoạn lịch sử thế giới trước đây, chưa bao giờ các quan hệ quốc tế lại mở rộng và đa dạng như trong nửa sau thế kỉ XX.

+ Tình trạng đối đầu gay gắt giữa hai siêu cường, hai phe mà đỉnh cao là tình trạng *"chiến tranh lạnh"* kéo dài tới hơn bốn thập kỷ.

+ Tuy nhiên, các quốc gia vẫn *cùng tồn tại hòa bình, vừa đấu tranh, vừa hợp tác*. Cuối cùng, chiến tranh lạnh chấm dứt, thế giới chuyển dần sang xu thế hòa hoãn và hòa dịu, đối thoại và hợp tác phát triển.

- Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật khởi đầu từ nước Mĩ, đã lan nhanh ra toàn thế giới. Như một hệ quả của cách mạng khoa học - kĩ thuật, xu thế toàn cầu hóa đã diễn ra như một làn sóng lan nhanh ra thế giới. Có thể nói toàn cầu hóa đòi hỏi các quốc gia phải có lời giải đáp và sự thích ứng để vừa kịp thời vừa khôn ngoan, tránh việc bỏ lỡ cơ hội và tụt hậu hết sức nguy hiểm.

Câu 2. Nêu những nét chính về xu thế phát triển của lịch sử thế giới ngày nay.

- Một là, sau chiến tranh lạnh, hầu như tất cả các quốc gia đều ra sức điều chỉnh chiến lược phát triển lấy kinh tế làm trọng điểm, bởi ngày nay kinh tế đã trở thành nội dung căn bản trong quan hệ quốc tế. Xây dựng sức mạnh tổng hợp của quốc gia thay thế cho chạy đua vũ trang đã trở thành hình thức chủ yếu trong cuộc cạnh tranh giữa các cường quốc. Sức mạnh của mỗi quốc gia là dựa trên một nền sản xuất phồn vinh, một nền tài chính vững chắc, một nền công nghệ có trình độ cao cùng với một lực lượng quốc phòng hùng mạnh.

- Hai là, sau chiến tranh, quan hệ giữa các nước lớn theo chiều hướng đối thoại, thỏa hiệp, tránh xung đột trực tiếp nhằm tạo nên một môi trường quốc tế thuận lợi giúp họ vươn lên mạnh mẽ, xác lập một vị trí ưu thế trong trật tự thế giới mới. Mối quan hệ giữa các nước lớn ngày nay mang tính hai mặt nổi bật là: mâu thuẫn và hài hòa, cạnh tranh và hợp tác, tiếp xúc và kiềm chế.

- Ba là, tuy hòa bình và ổn định là xu thế chủ đạo của tình hình thế giới sau chiến tranh lạnh, nhưng ở nhiều khu vực vẫn diễn ra nội chiến và xung đột. Nguy cơ này càng trở nên trầm trọng khi ở nhiều nơi lại diễn ra những chủ nghĩa li khai, chủ nghĩa khủng bố... Những mâu thuẫn sắc tộc, tôn giáo và tranh chấp lãnh thổ thường có những căn nguyên lịch sử nên việc giải quyết không dễ dàng thường kéo dài.

- Bốn là, những năm 90 sau chiến tranh lạnh, thế giới đã và đang chứng kiến xu thế toàn cầu hóa diễn ra ngày càng mạnh mẽ.

Loài người đã bước sang thế kỉ XXI. Mặc dù còn gặp không ít khó khăn gian khổ và thách thức gay gắt, các dân tộc ngày càng có tiếng nói chung, đoàn kết cùng nhau đấu tranh vì một thế giới hòa bình ổn định, hợp tác phát triển vì công bằng hạnh phúc cho mỗi con người, cho mỗi dân tộc trên hành tinh.

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, một trật tự thế giới mới được xác lập gọi là:

A. Trật tự thế giới hai cực I-an-ta. B. Trật tự sau chiến tranh thế giới.
C. Trật tư Véc-xai – Oa-sinh-tơn. D. Trật tự thế giới hòa bình.

Câu 2. Đặc trưng nổi bật sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

A. Thế giới bước vào thời kì hòa bình, ổn định.
B. Thế giới chia thành hai phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.
C. Thế giới bị khống chế bởi khối quân sự NATO của Mĩ.
D. Thế giới đang chung sống hòa bình, không còn chiến tranh.

Câu 3. Với thắng lợi của các cuộc cách mạng nào tạo điều kiện cho chủ nghĩa xã hội trở thành hệ thống thế giới?

A. Cách mạng dân chủ nhân dân Trung Quốc, Việt Nam.
B. Cách mạng dân chủ nhân dân ba nước Đông Dương.
C. Cách mạng dân chủ nhân dân các nước Đông Âu.
D. Cách mạng dân chủ nhân dân Trung Quốc, Việt Nam, Cu-ba.

Câu 4. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào giải phóng dân tộc đã dấy lên mạnh mẽ ở:

A. Châu Á, châu Âu, châu Phi và châu Mĩ La-tinh.
B. Châu Á, châu Phi và châu Mĩ La-tinh.
C. Châu Á, châu Âu, châu Phi.
D. Châu Á, châu Âu, châu Mĩ La-tinh.

Câu 5. "Trật tự thế giới hai cực I-an-ta" sau Chiến tranh thế giới thứ hai bị chi phối bởi hai cường quốc nào?

A. Mĩ và Trung Quốc. B. Mĩ và Anh. C. Mĩ và Đức. D. Mĩ và Liên Xô.

Câu 6. Phong trào giải phóng dân tộc sau Chiến tranh thế giới thứ hai có tác động như thế nào đối với chủ nghĩa đế quốc?

A. Làm sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc.
B. Làm cho chủ nghĩa đế quốc ngày càng mâu thuẫn với nhau.
C. Làm cho chủ nghĩa đế quốc rơi vào tình trạng khủng hoảng triền miên.
D. Làm cho chủ nghĩa đế quốc ngày càng suy yếu nghiêm trọng.

Câu 7. Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật với những thành tựu to lớn đã dẫn tới những chuyển biến quan trọng trong cục diện thế giới. Đó là một trong những đặc điểm của thời kì nào?

A. Từ 1917 đến 1945. B. Từ 1945 đến nửa đầu những năm 70.
C. Từ nửa sau những năm 70 đến 1991. D. Tất cả các thời kì trên.

Câu 8. Hãy nối một số đặc điểm của lịch sử thế giới hiện đại cho phù hợp với từng thời kì sau đây:

Thời kì	*Đặc điểm*
1) 1917 - 1945	A. Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật với những thành tựu to lớn dẫn tới những biến chuyển quan trọng trong cục diện thế giới.
2)1945 đến nửa đầu những năm 70	B. Sau nhiều năm khủng hoảng kinh tế, chính trị các nước tư bản chủ nghĩa nhờ cải cách kinh tế, đi sâu vào cách mạng khoa học - công nghệ thích nghi về chính trị xã hội, đã đạt được bước phát triển mới về kinh tế, ổn định về chính trị và mức sống của người dân được nâng cao.
3) Nửa sau những năm 70 đến 1991	C. Chủ nghĩa tư bản đã luôn lâm vào một số cuộc khủng hoảng kinh tế, chính trị và xuất hiện chủ nghĩa phát xít đã dẫn tới Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ.

Câu 9. Liên Xô đạt được những thành tựu quan trọng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội vào khoảng thời gian nào?

A. Từ năm 1945 đến 1991.
B. Từ nửa đầu những năm 70 đến 1991.
C. Từ nửa sau những năm 70 đến 1991.
D. Từ năm 1945 đến nửa đầu những năm 70.

Câu 10. Trong những thập niên 50, 60 của thế kỉ XX nền công nghiệp ở Liên Xô như thế nào?

A. Bị giảm sút nghiêm trọng.
B. Là cường quốc công nghiệp đứng thứ hai trên thế giới.
C. Là cường quốc công nghiệp đứng thứ hai ở châu Âu.
D. Phát triển với tốc độ bình thường.

Câu 11. Các nước Đông Âu bước vào thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội vào khỏang thời gian nào?

A. Những năm 1948-1949 B. Những năm 1949-1950.
C. Từ năm 1950. D. Từ năm 1970.

Câu 12. Từ những năm 70 trở đi, tình hình kinh tế Liên Xô như thế nào?

A. Khủng hoảng trầm trọng. B. Lâm vào tình trạng "trì trệ".
C. Đang đạt mức tăng trưởng. D. Vẫn giữ mức phát triển bình thường.

Câu 13. Các nước Đông Âu lâm vào tình trạng khủng hoảng trong thời gian nào?

A. Cuối những năm 70 đến đầu những năm 80. B. Đầu năm 1980 đến 1990.
C. Cuối năm 1980 đến 1991. D. Cuối năm 1988 đến 1991.

Câu 14. Nguyên nhân chung có tính chất quyết định đến sự khủng hoảng và sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu:

A. Xây dựng một mô hình về chủ nghĩa xã hội chưa đúng đắn.
B. Chậm sửa chữa, thay đổi trước những biến động của tình hình thế giới.
C. Sự tha hóa, biến chất của một số người lãnh đạo Đảng và Nhà nước.
D. Do hoạt động chống phá của các thế lực phản cách mạng.

Câu 15. Năm 1949 gắn liền với sự nào dưới đây?

A. Khối NATO được thành lập.
B. Khối Vác-xa-va ra đời.
C. Hội đồng Tương trợ kinh tế được thành lập.
D. Liên Xô phóng thành công vệ tinh nhân tạo của Trái đất.

Câu 16. Tháng 2-1950, gắn liền với sự kiện gì nổi bật ở Trung Quốc?

A. Hiệp ước Liên minh và tương trợ Trung - Xô được kí kết.
B. Trung quốc thực hiện đường lối "ba ngọn cờ hồng".
C. Trung Quốc xây dựng chủ nghĩa xã hội theo hướng "đại nhảy vọt".
D. Trung Quốc lâm vào tình trạng hỗn loạn.

Câu 17. Công cuộc cải cách ở Trung Quốc bắt đầu vào năm nào?

A. Năm 1968. B. Năm 1978. C. Năm 1987. D. Năm 1988.

Câu 18. Sau khi giành được độc lập, nước Lào tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, đúng hay sai?

A. Đúng. B. Sai.

Câu 19. Liên minh chính trị - quân sự do Mĩ cầm đầu ở Đông Nam Á gọi là gì?

A. Khối NATO. B. Khối SEATO. C. Tổ chức ASEAN. D. Tổ chức EU.

Câu 20. Khu vực nào trên thế giới thường diễn ra tranh chấp về sắc tộc và chiến tranh?

A. Khu vực Đông Nam Á. B. Khu vực Bắc Đại Tây Dương.
C. Khu vực Trung Đông. D. Khu vực Mĩ La-tinh.

Câu 21. Nước nào ở châu Á tuyên bố độc lập và thành lập nước cộng hòa vào ngày 26-1-1950?

A. Lào. B. Cam-pu-chia. C. In-đô-nê-xi-a. C. Ấn Độ.

Câu 22. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, châu lục nào được mệnh danh là "lục địa mới trỗi dậy"?

A. Châu Á. B. Châu Mĩ La-tinh. C. Châu Âu. D. Châu Phi.

Câu 23. Nước cộng hòa nào ở châu Phi được thành lập vào ngày 18-6-1953?

A. Ai Cập. B. Tuy-ni-di. C. An-giê-ri. D. Ma-rốc.

Câu 24. Hình thức đấu tranh giành độc lập chủ yếu thông qua đấu tranh chính trị hợp pháp, đó là đặc điểm của phong trào giải phóng dân tộc ở:

A. Châu Á. B. Châu Phi.
C. Châu Mĩ La-tinh. D. Châu Á và châu Phi.

Câu 25. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, châu lục nào được mệnh danh là "lục địa bùng cháy"?

A. Châu Á. B. Châu Âu. C. Châu Phi. D. Châu Mĩ La-tinh.

Câu 26. Nước nào ở châu Mĩ La-tinh được xem là "lá cờ đầu" của phong trào giải phóng dân tộc?

A. Mê-hi-cô. B. Ác-hen-ti-na.
C. Cu-ba. D. Tất cả các nước trên.

Câu 27. Đặc điểm nào dưới đây là đặc điểm chung của nền kinh tế Mĩ, Nhật sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Là nước khởi đầu cách mạng khoa học - kĩ thuật.
B. Áp dụng thành tựu khoa học - kĩ thuật đang phát triển của thế giới.
C. Tập trung sản xuất và tập trung tư bản cao độ.
D. Đều thực hiện quân sự hóa nền kinh tế.

Câu 28. Nước nào trong những năm 60 của thế kỉ XX có tốc độ phát triển kinh tế "thần kì"?

A. Nước Mĩ. B. Nước Pháp. C. Nước Anh. D. Nước Nhật.

Câu 29. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nước nào được mệnh danh là "đế quốc kinh tế"?

A. Nước Mĩ. B. Nước Pháp. C. Nước Đức. D. Nước Nhật.

Câu 30. Trong nhiều thập niên liền, Liên minh Thiên chúa giáo cầm quyền ở nước nào?

A. Nước Đức. B. Nước Anh. C. Nước Pháp. D. Nước Hà Lan.

Câu 31. Sau cuộc chiến tranh lạnh, hầu hết các quốc gia đều ra sức điều chỉnh:

A. Nền kinh tế và quốc phòng cho phù hợp với tình hình mới.
B. Chiến lược phát triển lấy kinh tế làm trọng tâm.
C. Chiến lược lấy quốc phòng làm trọng tâm.
D. Chiến lược phát triển kinh tế, quốc phòng theo xu thế toàn cầu hoá.

Câu 32. Sau cuộc chiến tranh lạnh, quan hệ giữa các nước lớn theo chiều hướng nào?

A. Đối thoại, thoả hiệp, tránh xung đột trực tiếp.
B. Chạy đua vũ trang, đối đầu.
C. Cạnh tranh khối liệt với nhau trong việc tranh giành thị trường.
D. Có lúc đối thoại có lúc đối đầu.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 12

1. A 2. B 3. C 4. B 5. D 6. A 7. B
8. 1: C; 2: A; 3: B. 9. D 10. B 11. C 12. B 13. D 14. A
15. C 16. A 17. B 18. B 19. B 20. C 21. D 22. D 23. A
24. B 25. D 26. C 27. B 28. D 29. A 30. A 31. B 32. A

Phần II. LỊCH SỬ VIỆT NAM

Chương I. VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NĂM 1930

Bài 13. NHỮNG BIẾN CHUYỂN VỀ KINH TẾ VÀ XÃ HỘI Ở VIỆT NAM SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT

I. CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Tại sao đế quốc Pháp lại tiến hành khai thác Việt Nam ngay sau Chiến tranh thế giới thứ nhất?

- Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918), đế quốc Pháp tuy là nước thắng trận, nhưng lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề, kinh tế sa sút nghiêm trọng. Thêm vào đó, cuộc khủng hoảng kinh tế trong thế giới tư bản chủ nghĩa càng gây khó khăn cho nền kinh tế Pháp.

- Nhằm hàn gắn vết thương chiến tranh, bù đắp những thiệt hại do chiến tranh gây ra, khôi phục và củng cố địa vị trong thế giới tư bản chủ nghĩa đế quốc Pháp một mặt tăng cường bóc lột nhân dân trong nước, mặt khác đẩy mạnh khai thác bóc lột thuộc địa. Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai mà thực dân Pháp tiến hành ở Đông Dương là nằm trong ý đồ đó.

Câu 2: Chương trình khai thác Việt Nam lần thứ hai của đế quốc Pháp có điểm gì mới?

- Để tiến hành khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Việt Nam, Pháp tăng cường đầu tư vốn vào Việt Nam với quy mô và tốc độ nhanh gấp nhiều lần so với trước chiến tranh. Chỉ trong vòng 6 năm (1924-1929) tổng số vốn đầu tư vào Việt Nam tăng gấp 6 lần so với 20 năm trước chiến tranh (1898-1918).

- Với số vốn đó, Pháp tập trung khai thác các lĩnh vực sau:

+ Về nông nghiệp: thực dân Pháp đẩy mạnh việc cướp đất, lập đồn điền, chủ yếu là đồn điền cao su. Tính đến năm 1930, diện tích đồn điền do chủ người Pháp nắm giữ tới 1,2 triệu héc ta đất đai, bằng 1/4 tổng diện tích đất canh tác ở Việt Nam. Nhiều công ti lớn phục vụ cho việc khai thác cũng lần lượt ra đời : công ti Đất đỏ, công ti Mi-sơ-lanh, công ti trồng cây nhiệt đới...

+ Về công nghiệp: thực dân Pháp đẩy mạnh khai thác mỏ (chủ yếu là mỏ than). Nhiều Công ti than mới ra đời: công ti than Hạ Long, Đồng Đăng, công ti than Đông Triều...

Ngoài ra, tư bản Pháp còn mở thêm một số cơ sở công nghiệp không có khả năng cạnh tranh với công nghiệp Pháp, chủ yếu là công nghiệp chế biến.

+ Về thương nghiệp: Để nắm chặt hơn thị trường Việt Nam và Đông Dương, Pháp ban hành đạo luật đóng thuế nặng hàng ngoại nhập nhất là hàng Trung Quốc và Nhật Bản.

+ Về giao thông vận tải: Pháp tăng cường đầu tư mở thêm nhiều tuyến đường nhằm phục vụ đắc lực cho việc chuyên chở nguyên vật liệu cũng như lưu thông hàng hoá trong nội địa và với nước ngoài.

** Điểm mới trong chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai:*

- Tập trung vốn nhiều nhất vào nông nghiệp (chủ yếu là đồn điền cao su) và khai thác mỏ (chủ yếu là mỏ than).

- Pháp còn đầu tư vốn vào công nghiệp nhẹ và thương nghiệp.
- Lập ngân hàng Đông Dương để nắm quyền chỉ huy kinh tế.
- Đặt ra các thứ thuế mới như: thuế rượu, thuế muối, thuế thuốc phiện. . .

Tuy vậy, kinh tế Việt Nam về cơ bản vẫn không có gì thay đổi, Pháp hết sức hạn chế phát triển công nghiệp, nhất là công nghiệp nặng, nhằm cột chặt kinh tế Đông Dương lệ thuộc vào kinh tế Pháp và biến Đông Dương thành thị trường độc chiếm của Pháp.

Câu 3: Các thủ đoạn về chính trị, văn hoá - giáo dục của đế quốc Pháp sau Chiến tranh thế giới thứ nhất có những đặc điểm gì, và nhằm mục đích gì?

**** Các thủ đoạn:***

- Về chính trị:

+ Thực dân Pháp thi hành chính cách chuyên chế triệt để, chúng nắm mọi quyền hành, bọn vua quan Nam triều chỉ là bù nhìn tay sai.

+ Mọi quyền tự do dân chủ của nhân ta bị tước đoạt, mọi hành động yêu nước bị chúng thẳng tay đàn áp, khủng bố.

+ Thực dân Pháp còn thực hiện chính sách "chia để trị".

- Về văn hóa – giáo dục:

+ Thi hành chính sách văn hóa nô dịch, nhằm gây tâm lý tự ti, vong bản, ra sức khuyến khích các hoạt động mê tín, dị đoan.

+ Trường học chủ yếu phục vụ cho việc đào tạo đội ngũ tay sai cho thực dân Pháp.

Sách báo cũng được chúng lợi dụng vào việc tuyên truyền chính sách "khai hóa" của thực dân.

**** Mục đích của các chính sách trên:*** nhằm phục vụ cho công cuộc đẩy mạnh khai thác, bóc lột và củng cố bộ máy cai trị thuộc địa.

Câu 4: Tình hình phân hoá xã hội Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất như thế nào?

Dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp, xã hội Việt Nam bị phân hoá sâu sắc. Bên cạnh những giai cấp cũ vẫn còn, giờ đây đã xuất hiện các giai cấp mới.

a. Đối với giai cấp cũ :

- Giai cấp địa chủ phong kiến: Tiếp tục bị phân hoá và chia ra hai bộ phận, mỗi bộ phận có thái độ chính trị khác nhau trước kẻ thù và trong cuộc đấu tranh dân tộc.

Bộ phận nhỏ là đại địa chủ, giàu có lên nhờ dựa vào Pháp, chống lại cách mạng, chúng trở thành đối tượng của cách mạng.

Bộ phận lớn là trung nông và tiểu địa chủ, bị Pháp chèn ép, đụng chạm tới quyền lợi, nên ít nhiều có tinh thần chống đế quốc, tham gia phong trào yêu nước khi có điều kiện.

- Giai cấp nông dân: Nước ta vốn dĩ là một nước nông nghiệp, nên nông dân chiếm 90% dân số. Họ là nạn nhân của chính sách chiếm đoạt ruộng đất, chính sách sưu thuế, địa tô, phu phen, tạp dịch dưới chế độ phong kiến. Họ tiếp tục bị bần cùng hoá và bị phá sản trên quy mô rộng lớn.

Do bị áp bức, bóc lột nặng nề bởi thực dân và phong kiến nên nông dân Việt Nam giàu lòng yêu nước, có tinh thần chống đế quốc và phong kiến, là lực lượng hăng hái và đông đảo nhất của cách mạng.

b. Đối với các giai cấp và tầng lớp mới :

- Giai cấp tư sản: Giai cấp tư sản Việt Nam ra đời vào những năm đầu sau khi Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc. Trong quá trình phát triển, giai cấp tư sản Việt Nam phân hoá thành hai bộ phận: Một bộ phận là tư sản mại bản có quyền lợi gắn với đế quốc, nên cấu kết chặt chẽ về chính trị với chúng. Một bộ phận khác là tư sản dân tộc có khuynh hướng kinh doanh độc lập, phát triển kinh tế dân tộc, nên ít nhiều có tinh thần dân tộc, dân chủ chống đế quốc và phong kiến, nhưng lập trường của họ không kiên định, dễ dàng thoả hiệp, cải lương khi đế quốc mạnh.

- Tầng lớp tiểu tư sản: Ra đời cùng thời gian với giai cấp tư sản. Tầng lớp tiểu tư sản cũng bị đế quốc bạc đãi, khinh rẻ, đời sống bấp bênh, gặp nhiều khó khăn, dễ bị xô đẩy vào con đường phá sản và thất nghiệp. Tầng lớp tiểu tư sản nhạy bén với tình hình chính trị, có tinh thần cách mạng, hăng hái đấu tranh và là một lực lượng quan trọng cách mạng dân tộc, dân chủ ở nước ta.

- Giai cấp công nhân: Ra đời trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất và ngày càng phát triển về số lượng và chất lượng trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp: từ 14 vạn (1914) lên đến 22 vạn (1929). Công nhân Việt Nam cũng chịu nhiều tầng áp bức, bóc lột nên cuộc sống của họ vô cùng khốn khổ.

Ngoài những đặc điểm của giai cấp công nhân quốc tế, giai cấp công nhân Việt Nam còn có những đặc điểm riêng :

+ Bị áp bức bóc lột nặng nề nhất, nên có tinh thần cách mạng cao nhất.

+ Có quan hệ tự nhiên gắn bó với giai cấp nông dân.

+ Kế thừa truyền thống yêu nước anh hùng bất khuất của dân tộc.

+ Đặc biệt, vừa lớn lên, giai cấp công nhân Việt Nam đã tiếp thu ngay chủ nghĩa Mác – Lê-nin, ảnh hưởng Cách mạng tháng Mười Nga và phong trào cách mạng thế giới sau chiến tranh.

Giai cấp công nhân Việt Nam với hoàn cảnh ra đời và phát triển, cùng với những đặc điểm của mình, là giai cấp yêu nước, cách mạng, cùng với giai cấp nông dân trở thành hai lực lượng chính của cách mạng, trong đó: giai cấp công nhân Việt Nam nắm lấy ngọn cờ lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp.

Câu 5: Thái độ chính trị và khả năng cách mạng của các giai cấp trong xã hội Việt Nam sau chiến tranh?

Mỗi giai cấp và tầng lớp xã hội có địa vị và quyền lợi khác nhau, nên có thái độ chính trị khác nhau trong cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp.

- Giai cấp địa chủ phong kiến: Một bộ phận lớn cấu kết với thực dân Pháp để hưởng dặc quyền, đặc lợi, trở thành đối tượng của cách mạng. Bộ phận nhỏ (địa chủ vừa và nhỏ) có tinh thần yêu nước sẽ tham gia phong trào đấu tranh chống Pháp khi có điều kiện.

- Giai cấp tư sản: Tư sản mại bản, quyền lợi gắn liền với đế quốc vì vậy thái độ chính trị của họ là phản động, là kẻ thù của cách mạng; còn tư sản dân tộc ít nhiều có tinh thần dân tộc, dân chủ chống đế quốc và phong kiến, nhưng không kiên định, dễ thoả hiệp, cải lương.

- Tầng lớp tiểu tư sản: Có tinh thần yêu nước, tinh thần chống đế quốc, phong kiến cao, hăng hái tham gia cách mạng và là lực lượng quan trọng trong cách mạng dân tộc, dân chủ ở nước ta.

- Giai cấp nông dân: Là giai cấp bị áp bức, bóc lột nặng nề nên họ giàu lòng yêu nước, là lực lượng đông đảo nhất của cách mạng Việt Nam.

- Giai cấp công nhân: Là giai cấp yêu nước, cách mạng, là lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Câu 6: Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp có tác động như thế nào đối với nền kinh tế Việt Nam?

Quá trình khai thác thuộc địa của Pháp ở Việt Nam làm cho nền kinh tế Việt Nam có sự chuyển biến theo hướng tư bản. Chính sự thâm nhập của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa dẫn tới sự tan rã dần của nền kinh tế tự nhiên, tự cấp, tự túc ở nông thôn. Nền kinh tế hàng hoá, do đó có điều kiện để phát triển.

Tuy nhiên, do mục đích của thực dân Pháp biến Việt Nam thành thị trường cung ứng nguyên vật liệu và tiêu thụ hàng hoá, nên tác dụng của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa du nhập vào cũng chỉ hạn chế.

Mặt khác, Pháp vẫn tiếp tục duy trì quan hệ sản xuất phong kiến ở Việt Nam, tiếp tục sử dụng giai cấp địa chủ phong kiến. Vì vậy, Việt Nam không còn là nước độc lập và không thể có nền kinh tế dân tộc phát triển bình thường lên tư bản chủ nghĩa, mà trở thành một nước thuộc địa nửa phong kiến. Hay nói tóm lại, nền kinh tế Việt Nam lúc bấy giờ là nền kinh tế đan xen tồn tại phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và phương thức sản xuất phong kiến. Và suy cho cùng đó là nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, què quặt lệ thuộc vào nền kinh tế Pháp.

Câu 7: Hãy nêu các mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất? Vì sao xuất hiện những mâu thuẫn đó?

** Những mâu thuẫn cơ bản:*

Do tác động về kinh tế và những biến đổi sâu sắc về xã hội trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp làm cho xã hội Việt Nam nẩy sinh hai mâu thuẫn cơ bản:

- Mâu thuẫn dân tộc, giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp.

- Mâu thuẫn giai cấp, giữa giai cấp nông dân với bọn địa chủ phong kiến.

Hai mâu thuẫn này vừa là nguồn gốc vừa là động lực làm nảy sinh và thúc đẩy mọi phong trào yêu nước chống thực dân, phong kiến ở nước ta.

** Vì sao xuất hiện những mâu thuẫn đó:*

- Do thực dân Pháp xâm lược, đàn áp, bóc lột, chà đạp lên đời sống của toàn thể dân tộc Việt Nam. Đặc biệt trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai làm cho các giai cấp và tầng lớp trong xã hội Việt Nam bị điêu đứng về kinh tế, ngột ngạt về chính trị, ngu muội về văn hoá.

- Do bọn phong kiến cấu kết với thực dân Pháp ra sức bóc lột nông dân Việt Nam làm cho nông dân vốn đã khổ lại càng thêm khốn khổ.

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Vì sao thực dân Pháp tiến hành khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Việt Nam?

A. Bù vào những thiệt hại trong cuộc khai thác lần thứ nhất.

B. Để bù đắp những thiệt hại do Chiến tranh thế giới lần thứ nhất gây ra.

C. Để thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam.

D.Tất cả cùng đúng.

Câu 2. Tổng số vốn mà pháp đầu tư vào Đông Dương để thực hiện chương trình khai thác lần thứ hai từ (1924 - 1929) bao nhiêu?

A. Gấp 20 lần so với 20 năm trước chiến tranh.

B. Gấp 10 lần so với 6 năm trước chiến tranh.

C. Gấp 6 lần so với 20 năm trước chiến tranh.

D. Gấp 8 lần so với 20 năm trước chiến tranh.

Câu 3. Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai thực dân Pháp đầu tư vốn nhiều nhất vào các ngành nào?

A. Công nhiệp chế biến. B. Nông nghiệp và khai thác mỏ.

C. Nông nghiệp và thương nghiệp. D. Giao thông vận tải.

Câu 4. Diện tích trồng cao su của Pháp ở Việt Nam từ năm 1918-1930 tăng lên bao nhiêu?

A. Từ 20 ngàn héc ta tăng lên 120 ngàn héc ta.

B. Từ 15 ngàn héc ta tăng lên 150 ngàn héc ta.

C. Từ 15 ngàn héc ta tăng lên 140 ngàn héc ta.

D. Từ 15 ngàn héc ta tăng lên 120 ngàn héc ta.

Câu 5. Thủ đoạn thâm độc nhất của thực dân Pháp trong lĩnh vực nông nghiệp ở Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất là gì?

A. Đánh thuế nặng vào các mặt hàng nông sản.

B. Tước đoạt ruộng đất của nông dân.

C. Bắt nông dân đi phu phen, tạp dịch.

D. Không cho nông dân tham gia sản xuất.

Câu 6. Vì sao tư bản Pháp chú trọng đến việc khai thác mỏ than ở Việt Nam?

A. Ở Việt Nam có trữ lượng than lớn.

B. Than là nguyên liệu chủ yếu phục vụ cho công nghiệp chính quốc.

C. Để phục vụ cho nhu cầu công nghiệp chính quốc.

D. Tất cả cùng đúng.

Câu 7. Vì sao trong quá trình khai thác thuộc địa lần thứ hai, tư bản Pháp hạn chế phát triển công nghiệp nặng ở Việt Nam?

A. Cột chặt nền kinh tế Việt Nam lệ thuộc vào kinh tế Pháp.

B. Biến Việt Nam thành thị trường tiêu thụ hàng hóa do nền công nghiệp Pháp sản xuất.

C. Biến Việt Nam thành căn cứ quân sự và chính trị của Pháp.

D. Câu A và B đều đúng.

Câu 8. Để độc chiếm thị trường Đông Dương, Pháp đóng thuế rất nặng vào hàng hóa của các nước nào khi nhập vào thị trường Đông Dương?

A. Hàng hóa của Ấn Độ. B. Hàng hóa củaTrung Quốc, Nhật Bản.

C. Hàng hóa của Thái Lan, Xin-ga-po. D. Hàng hóa của Triều Tiên, Mông Cổ.

Câu 9. Chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp ở Việt Nam làm cho nền kinh tế Việt Nam có những chuyển biến như thế nào?

A. Nền kinh tế phát triển theo hướng tư bản chủ nghĩa.

B. Nền kinh tế mở cửa.

C. Nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, què quẹt, lệ thuộc vào pháp.

D. Nền kinh tế thương nghiệp và công nghiệp phát triển.

Câu 10. Thực dân Pháp thi hành chính sách chuyên chế triệt để ở Việt Nam, chính sách đó được biểu hiện như thế nào?

A. Mọi quyền hành nắm trong tay người Pháp.

B. Mọi quyền hành nắm trong tay vua quan Nam triều.

C. Mọi quyền hành vừa nắm trong tay người Pháp vừa nắm trong tay vua quan Nam triều.

D. Tất cả các câu trên đều đúng.

Câu 11. Những thủ đoạn nào của thực dân Pháp về chính trị và văn hóa giáo dục nhằm nô dịch lâu dài nhân dân ta sau Chiến tranh thế giới thứ nhất?

A. Lôi kéo, mua chuộc người Việt Nam thuộc tầng lớp trên của xã hội.

B. Thâu tóm quyền lực vào tay người Pháp.

C. “Chia để trị” và thực hiện có văn hóa nô dịch, ngu dân.

D. Mở trường dạy tiếng Pháp để đào tạo bọn tay sai.

Câu 12. Chính sách “chia để trị”mà bọn thực dân Pháp áp dụng ở Việt Nam được biểu hiện như thế nào?

A. Nam Kì: thuộc Pháp, Trung Kì: nửa bảo hộ, Bắc Kì: bảo hộ.

B. Nam Kì: bảo hộ, Trung Kì: thuộc Pháp, Bắc Kì: nửa bảo hộ.

C. Nam Kì: nửa bảo hộ, Trung Kì: bảo hộ, Bắc Kì: thuộc Pháp.

D. Tất cả các câu trên đều sai.

Câu 13. Chính sách văn hóa, giáo dục mà Pháp thực hiện ở Việt Nam nhằm mục đích gì?

A. Đào tạo đội ngũ trí thức ở Việt Nam để đưa sang Pháp.

B. "Khai hóa” văn minh cho dân tộc ta.

C. Nô dịch, đầu độc nhân dân ta.

D. Tất cả các câu trên đều sai.

Câu 14. Những giai cấp cũ trong xã hội Việt Nam, có từ trước cuộc khai thác thuộc địa của Pháp, đó là giai cấp nào?

A. Nông dân, địa chủ phong kiến.

B. Nông dân, địa chủ phong kiến, thợ thủ công.

C. Nông dân, địa chủ phong kiến, tư sản dân tộc.

D. Nông dân, địa chủ phong kiến, công nhân.

Câu 15. Giai cấp nào mới ra đời do hậu quả của việc khai thác của Pháp sau chiến tranh?

A. Công nhân, nông dân, tư sản dân tộc.

B. Công nhân, tiểu tư sản, tư sản dân tộc.

C. Công nhân, tư sản dân tộc, địa chủ phong kiến.

D. Công nhân, nông dân, tư sản dân tộc, tiểu tư sản, địa chủ phong kiến.

Câu 16. Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp, thái độ chính trị của giai cấp đại địa chủ phong kiến như thế nào?

A. Sẵn sàng thỏa hiệp với nông dân để chống tư sản dân tộc.

B. Sẵn sàng phối hợp với tư sản dân tộc để chống Pháp.

C. Sẵn sàng thỏa hiệp với Pháp để hưởng quyền lợi.

D. Sẵn sàng đứng lên chống thực dân để giải phóng dân tộc.

Câu 17. Thực dân Pháp đã đối xử với giai cấp tư sản Việt Nam như thế nào?

A. Được thực dân Pháp dung dưỡng.

B. Bị thực dân pháp chèn ép, kìm hãm.

C. Bị thực dân Pháp bóc lột nặng nề nhất.

D. Được thực dận Pháp cho hưởng đặc quyền, đặc lợi.

Câu 18. Sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, ngoài thực dân Pháp, còn có giai cấp nào trở thành đối tượng của cách mạng Việt Nam ?

A. Giai cấp nông dân.   B. Giai cấp công nhân.

C. Giai cấp đại địa chủ phong kiến.   D. Giai cấp tư sản dân tộc.

Câu 19. Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp ở Việt Nam, giai cấp tư sản phân hóa như thế nào?

A. Tư sản dân tộc và tư sản thương nghiệp.

B. Tư sản dân tộc và tư sản công nghiệp.

C. Tư sản dân tộc và tư sản mại bản.

D. Tư sản dân tộc và tư sản công thương.

Câu 20. Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp ở Việt Nam, thái độ chính trị của giai cấp tư sản dân tộc như thế nào?

A. Có thái độ kiên quyết trong việc đấu tranh chống Pháp.

B. Có thái độ không kiên định, dễ thỏa hiệp, cải lương khi đế quốc mạnh.

C. Có tinh thần đấu tranh cách mạng triệt để trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.

D. Tất cả các câu trên đều đúng.

Câu 21. Vì sao tầng lớp tiểu tư sản trở thành những bộ phận quan trọng của cách mạng dân tộc, dân chủ ở nước ta?

A. Bị thực dân Pháp chèn ép, bạc đãi, khinh rẻ.

B. Đời sống bấp bênh, dễ bị xô đẩy vào con đường phá sản thất nghiệp.

C. Câu A đúng, câu B sai.

D. Cả câu A, B đều đúng.

Câu 22. Giai cấp nào có số lượng tăng nhanh nhất trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai?

A. Nông dân.   B. Tư sản dân tộc. C. Địa chủ.   D. Công nhân.

Câu 23. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, lực lượng nào hăng hái và đông đảo nhất của cách mạng Việt Nam?

A. Công nhân.   B. Nông dân.   C. Tiểu tư sản.   D. Tư sản dân tộc.

Câu 24. Trong các đặc điểm sau đây, đặc điểm nào là cơ bản nhất của giai cấp công nhân Việt Nam?

A. Bị ba tầng áp bức bóc lột của đế quốc, phong kiến, tư sản dân tộc.

B. Có quan hệ tự nhiên gắn bó với giai cấp nông dân.

C. Kế thừa truyền thống yêu nước anh hùng và bất khuất của dân tộc.

D. Vừa lớn lên đã tiếp thu ngay được ảnh hưởng mạnh mẽ của phong trào cách mạng thế giới, nhất là Cách mạng tháng mười Nga và chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Câu 25. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, giai cấp hoặc tầng lớp nào có đủ khả năng nắm lấy ngọn cờ lãnh đạo cách mạng Việt Nam?

A. Giai cấp nông dân.   B. Giai cấp tư sản dân tộc.

C. Giai cấp công nhân.   D. Tầng lớp tiểu tư sản.

Câu 26. Giai cấp công nhân Việt Nam xuất thân chủ yếu từ đâu?

A. Giai cấp tư sản bị phá sản.

B. Giai cấp nông dân bị tước đoạt ruộng đất.

C. Tầng lớp tiểu tư sản bị chèn ép.

D. Thợ thủ công bị thất nghiệp.

Câu 27. Sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, mâu thuẫn nào trở thành mâu thuẫn cơ bản, cấp bách hàng đầu của cách mạng Việt Nam?

A. Giữa công nhân và tư sản.

B. Giữa nông dân và địa chủ.

C. Giữa nhân dân Việt Nam với chủ nghĩa thực dân Pháp.

D. Tất cả các câu trên đều đúng.

Câu 28. Trong cuộc khai thác thuộc địa lần hai của thực dân Pháp ở Việt Nam, mâu thuẫn nào là mâu thuẫn giai cấp cơ bản của cách mạng Việt Nam?

A. Mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân với giai cấp tư sản.

B. Mâu thuẫn giữa giai cấp nông dân với địa chủ.

C. Mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân với đế quốc Pháp.

D. Mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân, nông dân với đế quốc Pháp.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 13

1. B   2. C   3. B   4. D   5. B   6. D   7. D   8. B

9. C   10. A   11. C   12. A   13. C   14. A   15. B   16. C

17. B   18. C   19. C   20. D   21. D   22. D   23. B   24. D

25. C   26. B   27. C   28. B

Bài 14. PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM TỪ 1919 – 1925

I. CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Trình bày hoạt động của Phan Bội Châu và một số thanh niên Việt Nam trên đất Trung Quốc trong những năm 1919 - 1925.

** Hoạt động của Phan Bội Châu:*

- Năm 1917, Cách mạng tháng Mười Nga thắng lợi, ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười và sự ra đời của nước Nga Xô viết đã bắt đầu đến với Phan Bội Châu như một ánh sáng mới. Cảm tình với nước Nga Xô viết, cuối năm 1920, Phan Bội Châu dịch ra chữ Hán cuốn *Điều tra chân tướng* Nga La-tư của một tác giả Nhật Bản, viết truyện Phạm Hồng Thái, ngợi ca tinh thần yêu nước, hi sinh anh dũng của người thanh niên họ Phạm.

- Tháng 6-1925, trong khi chưa thể thay đổi được tổ chức, thay đổi phương lược đấu tranh thích hợp với biến chuyển mới của đất nước và thời đại thì Phan Bội Châu bị thực dân Pháp bắt tại Hàng Châu (Trung Quốc) đưa về nước, bị kết án tù rồi đưa về an trí ở Huế. Từ đó trở đi, Phan Bội Châu không thể tiến theo nhịp sống đấu tranh mới của dân tộc.

** Hoạt động của một số thanh niên Việt Nam:*

- Vào giữa những năm 20 đã có nhiều thanh niên yêu nước sang Quảng Châu (Trung Quốc) tìm đường cứu nước, trong đó có Lê Hồng Sơn, Hồ Tùng Mậu, Nguyễn Công Viễn...

- Năm 1923, họ lập ra tổ chức *Tâm Tâm xã.* Để phát huy ảnh hưởng, gây tiếng vang thức tỉnh đồng bào trong nước, Tâm tâm xã cử Phạm Hồng Thái thực hiện mưu sát toàn quyền Méc-lanh ở Sa Diện (Quảng Châu) ngày 19-6-1924. Sự việc không thành, Phạm Hồng Thái đã anh dũng hi sinh trên dòng Châu Giang.

- Tiếng bom Phạm Hồng Thái đã nhóm lại ngọn lửa chiến đấu, khích lệ tinh thần đấu tranh của nhân dân ta, nhất là thanh niên. Sự kiện lịch sử đó tuy nhỏ nhưng nó *"như chim én nhỏ báo hiệu mùa xuân".*

Câu 2: Trình bày hoạt động của Phan Châu Trinh và một số người Việt Nam trên đất Pháp.

** Hoạt động của Phan Châu Trinh:*

- Vào đầu năm 1922, Phan Châu Trinh đến Mác-xây. Nhân dịp vua Khải Định sang dự cuộc triển lãm thuộc địa khuyếch trương cái gọi là "công lao khai hóa" của Pháp, Phan Châu Trinh viết *Thất điều thư* vạch ra 7 tội đáng chém của Khải Định. Phan Châu Trinh còn tổ chức diễn thuyết lên án chế độ quân chủ và quan trường ở Việt Nam, tiếp tục hô hào *"Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân khí"*...

- Tháng 6 - 1925, Phan Châu Trinh về nước. Mặc dù sức khỏe đã yếu ông vẫn tiếp tục hoạt động, đả phá chế độ quân chủ, đề cao dân quyền. Nhiều tầng lớp nhân dân, nhất là thanh niên rất mến mộ và hưởng ứng hoạt động của Phan Châu Trinh.

** Hoạt động của một số thanh niên:*

- Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, nhiều Việt kiều tại Pháp đã tham gia hoạt động yêu nước, chuyển tài liệu, sách báo tiến bộ về nước. Một số thủy thủ Việt Nam đã hoạt động trong Hội Liên hiệp thuộc địa. Nhiều trí thức và lao động Việt Nam ở Pháp đã đoàn kết tập hợp trong các tổ chức yêu nước. Năm 1925, Hội những người lao động trí óc ở Đông Dương ra đời.

- Một số thanh niên, sinh viên yêu nước xuất thân trong các gia đình địa chủ, tư sản lập ra Đảng Việt Nam độc lập, xuất bản báo *Tái sinh.* Đảng có một số chi bộ ở Pa-ri và các tỉnh lân cận, còn ở trong nước thì không có chỗ dựa.

Câu 3: Mục tiêu và tính chất đấu tranh trong phong trào yêu nước dân chủ công khai những năm 1919- 1925?

** Phong trào giai của cấp tư sản dân tộc:* Cuộc đấu tranh nhằm các mục tiêu:

- Đòi một số quyền lợi về kinh tế: Giai cấp tư sản dân tộc nhân đà làm ăn thuận lợi, muốn vươn lên giành lấy vị trí khá hơn trong kinh tế Việt Nam sau chiến tranh.

- Đòi các quyền tự do dân chủ: Cùng với hoạt động kinh tế, giai cấp tư sản dân tộc đã dùng báo chí để bênh vực quyền lợi của mình. Một số tư sản và địa chủ lớn Nam Kì (đại biểu là Bùi Quang Chiêu, Nguyễn Phan Long....) đứng ra tổ chức Đảng Lập hiến để tập hợp lực lượng, rồi đưa ra một số khẩu hiệu: Đòi tự do dân chủ để tranh thủ sự ủng hộ của quần chúng, làm áp lực đối với Pháp.

- Các phong trào của giai cấp tư sản dân tộc thể hiện tính chất: Đấu tranh theo khuynh hướng dân chủ tư sản, các hoạt động của họ mang tính chất cải lương, thoả hiệp.

**Phong trào của các tầng lớp tiểu tư sản:* Thể hiện các mục tiêu:

- Chống cường quyền, áp bức, đòi các quyền tự do dân chủ.

- Các tầng lớp tiểu tư sản đã thể hiện lòng yêu nước của mình bằng nhiều cách. Ngoài việc tham gia vào các phong trào yêu nước, dân chủ công khai lúc bấy giờ, họ đã tập hợp nhau lại trong những tổ chức yêu nước mới, tiến hành đấu tranh có tổ chức.

- Nhiều tổ chức chính trị yêu nước của tri thức nhà văn, nhà báo, nhà giáo, học sinh, sinh viên... đã ra đời như ; Tân Việt Thanh niên đoàn (1923) Việt Nam Nghĩa đoàn (1925) Hội Phục Việt (1925) Đảng Thanh niên (1926)...

- Các tổ chức đã cho ra đời những tờ báo tiến bộ, như Chuông rè, An Nam trẻ, Người nhà quê... lập ra những nhà xuất bản tiến bộ, như Cường học thư xã (Sài Gòn), Nam Đồng thư xã (Hà Nội)... Họ dùng sách báo làm phương tiện truyền bá tư tưởng yêu nước, tiến bộ, nêu quan điểm lập trường chính trị của mình.

- Trong cao trào yêu nước lúc bấy giờ có ba sự kiện tiêu biểu nhất: vụ Phạm Hồng Thái mưu sát toàn quyền Méc-lanh, vụ đòi thả Phan Bội Châu và vụ để tang Phan Chu Trinh.

+ Tháng 6-1924, toàn quyền Đông Dương là Méc-lanh sang Nhật và Trung Hoa, âm mưu cấu kết với chính quyền phản động hai nước này để phá hoại cách mạng Việt Nam. Tâm Tâm xã giao cho Phạm Hồng Thái nhiệm vụ trừ khử tên thực dân đầu sỏ. Cuộc mưu sát không thành, nhưng hành động của Phạm Hồng Thái đã gây tiếng vang lớn ở trong và ngoài nước, giống như "cánh chim báo hiệu mùa xuân" vừa có tác dụng cổ vũ vừa thúc đẩy phong trào yêu nước.

+ Phan Bội Châu là nhà yêu nước, hoạt động cách mạng từ đầu thế kỉ XX. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, Phan Bội Châu tiếp tục hoạt động ở Trung Quốc. Giữa năm 1925, ông bị thực dân Pháp bắt ở Thượng Hải và bí mật đưa về nước giam ở Hoả Lò (Hà Nội) với âm mưu sát hại cụ. Nhân dân cả nước đấu tranh buộc thực dân Pháp đưa cụ ra xét xử công khai, tha bổng và giam lỏng ở Huế cho đến khi mất (1940).

+ Cùng hoạt động với Phan Bội Châu, đầu thế kỉ XX có Phan Châu Trinh. Khi vụ chống thuế ở Nam Kì xảy ra (1908), Phan Châu Trinh bị bắt và bị đày đi Côn Đảo ba năm. Đến ngày 24-3-1926, cụ Phan Châu Trinh qua đời sau một thời gian ốm nặng tại Sài Gòn. 14 vạn người đã xuống đưa cụ về nơi an nghỉ cuối cùng. Sau đám tang, khắp Bắc, Trung, Nam đều tổ chức lễ truy điệu.

- *Tính chất:* Theo khuynh hướng dân chủ tư sản, mang tính chất yêu nước, dân chủ rõ rệt.

Nhìn chung, phong trào đấu tranh của giai cấp tư sản dân tộc tuy thể hiện lòng yêu nước nhưng mang tính chất thoả hiệp, cải lương và ngày xa rời đi đến chỗ đối lập với quần chúng. Tiếng nói và hoạt động của tiểu tư sản mạnh mẽ hơn nhiều, chứa đựng nhiều yếu tố tiến bộ, được quần chúng ủng hộ, song cũng không thể đưa cuộc đấu tranh đến thắng lợi, do thiếu đường lối chính trị đúng đắn.

Câu 4: Những mặt tích cực và hạn chế của phong trào yêu nước dân chủ công khai những năm 1919- 1925.

- *Phong trào của giai cấp tư sản dân tộc:*

+ Tích cực: Giai cấp tư sản dân tộc Việt Nam đã có cố gắng trong việc đấu tranh chống sự cạnh tranh, chèn ép của tư sản nước ngoài.

+ Hạn chế: Các hoạt động của họ chỉ mang tính chất cải lương, giới hạn trong khuôn khổ của chế độ thực dân, phục vụ quyền lợi của các tầng lớp trên và nhanh chóng bị phong trào quần chúng vượt qua.

- *Phong trào của tầng lớp tiểu tư sản:*

+ Tích cực: Có tác dụng thức tỉnh lòng yêu nước, truyền bá tư tưởng tự do dân chủ trong nhân dân, truyền bá những tư tưởng cách mạng mới.

+ Hạn chế: Họ chưa tổ chức thành chính đảng nên đấu tranh mang tính chất xốc nổi, ấu trĩ.

Câu 5: Tại sao lại cho rằng cuộc bãi công Ba Son (8 - 1925) là một cái mốc quan trọng trên con đường phát triển của phong trào công nhân nước ta sau chiến tranh?

- Tạo điều kiện cho tư tưởng Cách mạng tháng Mười Nga thấm sâu vào công nhân Việt Nam để công nhân Việt Nam hành động có ý thức hơn.

- Sự trưởng thành của công nhân Việt Nam: Là cuộc đấu tranh quan trọng đầu tiên của công nhân có tổ chức, lãnh đạo; đấu tranh không chỉ nhằm mục đích kinh tế mà còn vì mục tiêu chính trị; họ đã tỏ rõ sức mạnh giai cấp và tinh thần quốc tế vô sản; đánh dấu công nhân Việt Nam bắt đầu đi vào đấu tranh tự giác.

Câu 6: Con đường tìm chân lí của Nguyễn Ái Quốc có gì là độc đáo, khác với con đường truyền thống của lớp người trước?

- Các bậc tiền bối mà tiêu biểu là Phan Bội Châu đã chọn con đường cứu nước đó là đi sang phương Đông chủ yếu là Nhật, vì ở đó đã từng diễn ra cuộc cải cách Minh Trị 1868 làm cho Nhật thoát khỏi số phận một nước thuộc địa; vì Nhật đã đánh bại đế quốc Nga trong cuộc chiến tranh Nga – Nhật (1904-1905) và Nhật còn là nước “đồng văn đồng chủng” với Việt Nam. Đối tượng của Phan Bội Châu gặp gỡ là những chính khách Nhật để xin họ giúp Việt Nam đánh Pháp. Phương pháp của cụ là vận động, tổ chức giai cấp, cùng các tầng lớp trên để huy động lực lượng đấu tranh bạo động.

- Còn Nguyễn Ái Quốc lựa chọn hướng đi sang phương Tây, nơi được mệnh danh có tư tưởng tự do, bình đẳng bác ái, có khoa học kĩ thuật, có nền văn minh phát triển. Cách đi của Nguyễn Ái Quốc là đi vào tất cả các giai cấp, tầng lớp, đi vào phong trào quần chúng giác ngộ, đoàn kết họ đứng lên đấu tranh giành độc lập thật sự, bằng sức mạnh của mình là chính. Người luôn đề cao học tập, nghiên cứu lí luận và kinh nghiệm cách mạng mới nhất của thời đại để trên cơ sở đó bắt gặp chân lí Cách mạng tháng Mười Nga. Đây là con đường cứu nước duy nhất đúng đắn đối với dân tộc ta, cũng như đối với các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc khác, vì nó phù hợp với sự phát triển của lịch sử.

Câu 7: Tại sao lại nói Nguyễn Ái Quốc đã trực tiếp chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời chính đảng vô sản ở Việt Nam?

- Sau khi tiếp nhận Chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tìm ra con đường cứu nước đúng đắn, Nguyễn Ái Quốc tích cực hoạt động nhằm truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào trong nước. Quá trình này trải qua các thời kì sau :

a. Thời kì ở Pháp (1920 - 1923)

- Nguyễn Ái Quốc tích cực hoạt động trong phong trào công nhân Pháp, tranh thủ sự ủng hộ của giai cấp công nhân Pháp đối với Việt Nam.

- Người tham gia Hội “Những người yêu nước tại Pháp” vận động Kiều bào ủng hộ đấu tranh giải phóng dân tộc.

- Người cùng một số nhà yêu nước ở các thuộc địa Pháp, sáng lập hội “Liên hiệp các dân tộc thuộc địa” (1921) để gây tình đoàn kết giữa cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới.

- Người tham gia xây dựng báo “Le Paria” tức “Người cùng khổ” vào năm 1922. Người còn viết nhiều bài đăng trên báo “Nhân đạo”, “Đời sống công nhân”. Tiêu biểu nhất là cuốn “Bản án chế độ thực dân Pháp”.

- Những sách báo do Người viết, một mặt tố cáo tội ác của bọn đế quốc, nhất là đế quốc Pháp ở Đông Dương; mặt khác khích lệ lòng yêu nước cho đồng bào, tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lê-nin vận động quần chúng đấu tranh.

b. Thời kì ở Liên Xô (1923 – 1924)

- Giữa 1923, Nguyễn Ái Quốc bí mật rời Pháp sang Liên Xô dự hội nghị Quốc tế nông dân (10-1923). Sau đó, Người ở Liên Xô một thời gian ngắn để hoạt động trong Quốc tế Cộng sản, học tập thêm về lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và thực tiễn về cách mạng tháng Mười Nga.

- Trong thời gian này, Người viết nhiều bài đăng trên báo “Sự thật” - cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng sản Liên Xô, “Thư tín quốc tế” - cơ quan ngôn luận của Quốc tế Cộng sản.

- Tháng 7 - 1924, Người dự Đại hội V của Quốc tế Cộng sản và đọc tham luận tại Đại hội, trình bày quan điểm của mình về vị trí chiến lược của cách mạng thuộc địa, mối quan hệ giữa phong trào công nhân ở các nước đế quốc với phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa, về vai trò và sức mạnh to lớn của giai cấp nông dân ở các nước thuộc địa.

- Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong thời gian này chủ yếu trên mặt trận tư tưởng - chính trị nhằm truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào nước ta.

c. Thời kì ở Trung Quốc (1924 - 1927)

- Tháng 11 - 1924, Nguyễn Ái Quốc từ Liên Xô về Quảng Châu (Trung Quốc) để tập hợp những người yêu nước ở Việt Nam, truyền bá giáo dục cho họ chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

- Đầu tiên Người tìm hiểu và cải tổ Tâm Tâm xã thành "Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên" (6-1925). Người sáng lập báo "Thanh niên" (1925). Cùng với nhiều nhà cách mạng các nước, Người tham gia sáng lập "Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông" để gây tình đoàn kết giữa cách mạng các nước trong khu vực.

- Tại Quảng Châu (Trung Quốc), Người đã mở nhiều lớp huấn luyện và đã đào tạo được 75 cán bộ cho cách mạng Việt Nam. Những bài giảng của Người sau này tập hợp lại trong cuốn "Đường kách mệnh" được xuất bản ở Trung Quốc vào năm 1927.

Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc đã có tác dụng quyết định trong việc chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập chính đảng của giai cấp vô sản ở Việt Nam.

Câu 8: Hãy trình bày cuộc đấu các cuộc đấu tranh của công nhân Việt Nam trong giai đoạn 1919 -1925. Đặc điểm của phong trào đấu tranh của công nhân trong thời kì này.

- Phòng trào công nhân trong giai đoạn 1919 – 1925.

+ Mở đầu là cuộc bãi công của công nhân thuỷ thủ Hải Phòng, Sài Gòn đòi phụ cấp giá sinh hoạt lên cao (1919).

+ Năm 1922 công nhân viên chức các sở Công thương của tư nhân ở Bắc Kì bãi công đòi nghỉ ngày chủ nhật có lương.

+ Sang năm 1924, nổ ra nhiều cuộc bãi công của công nhân các nhà máy dệt, rượu, xay gạo ở Nam Định, Hà Nội, Hải Dương.

+ Đáng chú ý nhất là cuộc bãi công của hơn 1.000 công nhân xưởng máy Ba Son (sửa chữa và đóng tàu thuỷ của hải quân Pháp) ở cảng Sài Gòn, tháng 8-1925, cuộc bãi công với mục đích ngăn chặn không cho tàu chiến Pháp đưa lính sang đàn áp cách mạng ở Trung Quốc và thuộc địa Pháp ở châu Phi.

+ Cuộc bãi công của công nhân Ba Son thắng lợi đánh dấu bước tiến mới của phong trào công nhân Việt Nam, mở đầu thời kì giai cấp công nhân công nghiệp đi vào đấu tranh tự giác và tạo điều kiện cho tư tưởng cách mạng tháng Mười Nga thấm sâu vào Việt Nam.

- Trong những năm 1919 - 1925, ở nước ta đã nổ ra 25 cuộc đấu tranh riêng lẻ của công nhân, có quy mô tương đối lớn. Trong các cuộc đấu tranh ấy của công nhân đã sử dụng một hình thức đấu tranh mang đặc trưng của mình là bãi công và dần dần đi vào tổ chức .

- Nhìn chung phong trào công nhân trong thời kì này còn mang nặng tính chất tự phát. Tuy vậy, phong trào công nhân cũng đã giữ một vị trí quan trọng trong phong trào yêu nước.

- Đặc điểm của phong trào công nhân trong thời kì 1919 –1925.

+ Phong trào đấu tranh của công nhân chủ yếu đòi quyền lợi về kinh tế nên còn mang tính tự phát.

+ Phong trào còn diễn ra lẻ tẻ, rời rạc chưa thống nhất mục tiêu đấu tranh chung.

+ Phong trào chưa chịu ảnh hưởng sâu rộng của chủ nghĩa Mác – Lê-nin.

Câu 9: Nêu những cống hiến của Nguyễn Ái Quốc đối với cách mạng Việt Nam trong thời gian từ 1911 đến 1930.

- Đến với chủ nghĩa Mác- Lê-nin, tìm ra con đường cứu nước đúng đắn (kết hợp độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới).

- Chuẩn bị về chính trị tư tưởng và tổ chức cho sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam ngày 3-2-1930.

- Chủ trì Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản để thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Viết và thông qua Cương lĩnh trị đầu tiên của Đảng. Xác định đường lối đúng cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Câu 10: Những nội dung cơ bản của tác phẩm "Đường kách mệnh" của Nguyễn Ái Quốc.

- Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng gồm sĩ , nông, công, thương trong đó công – nông là gốc cách mạng còn học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ là bầu bạn của công - nông.

- Cách mạng phải có đảng theo chủ nghĩa Mác – Lê-nin lãnh đạo. Đảng có vững mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy.

- Cách mạng của mỗi nước là một bộ phận của cách mạng quốc tế. Cần phải đoàn kết và tranh thủ sự giúp đỡ của giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức trên thế giới, song trước hết phải dựa vào sức mạnh của chính mình.

- Cách mạng giải phóng dân tộc là một bộ phận của cách mạng thời đại – cách mạng vô sản. Cách mạng dân tộc phải gắn liền với giải phóng nhân dân lao động, giải phóng giai cấp công nhân. Đó là sự nghiệp to lớn, lâu dài. Chỉ có giải phóng giai cấp vô sản mới giải phóng được dân tộc. Cả hai cuộc cách mạng này là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và cách mạng thế giới.

- Sách nêu rõ mọi người phải đồng tâm, hiệp lực, phải có tổ chức và phương pháp đấu tranh đúng để đánh đổ giai cấp thống trị chứ không phải là ám sát cá nhân.

Tác phẩm "Đường kách mệnh" đã vũ trang lí luận cách mạng cho cán bộ của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên tuyên truyền vào giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân Việt Nam, chuẩn bị kĩ về tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM.

Câu 1. Những sự kiện nào trên thế giới có ảnh hưởng lớn đến cách mạng Việt Nam từ sau Chiến tranh thế giới nhất?

A. Sự thành công của Cách mạng tháng Mười Nga (11 - 1917).

B. Nguyễn Ái Quốc đưa yêu sách đến Hội nghị Véc-xai (6 - 1919).

C.Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội Tua của Đảng Xã hội Pháp (12 - 1920).

D. Nước Pháp bị khủng hoảng kinh tế.

Câu 2. Khi Đệ tam Quốc tế (Quốc tế Cộng sản) thành lập ở Mát-xcơ-va vào tháng 2 - 1919. Lúc đó, Nguyễn Ái Quốc đang ở đâu?

A. Ở Anh. B. Ở Pháp. C. Ở Liên Xô. D. Ở Trung Quốc.

Câu 3. Những sự kiện nào sau đây tạo điều kiện thuận lợi cho sự truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào Việt Nam?

A. Quốc tế Cộng sản được thành lập (2 - 1919).

B. Đảng Cộng sản Pháp ra đời (1920).

C. Đảng Cộng sản Trung Quốc ra đời (1921).

D. Tất cả các sự kiện trên.

Câu 4. Vì sao sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản phát triển mạnh mẽ?

A. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin được truyền bá sâu rộng vào Việt Nam.
B. Do ảnh hưởng tư tưởng Tam dân của Tôn Trung Sơn.
C. Giai cấp công nhân đã chuyển sang đấu tranh tự giác.
D. Thực dân Pháp đang trên đà suy yếu.

Câu 5. Phong trào đấu tranh đầu tiên do giai cấp tư sản dân tộc khởi xướng, đó là:

A. Chống độc quyền cảng Sài Gòn.
B. Chống độc quyền xuất khẩu lúa gạo ở Nam Kì.
C. Phong trào "Chấn hưng nội hóa", "Bài trừ ngoại hóa".
D. Thành lập Đảng Lập Hiến để tập hợp lực lượng quần chúng.

Câu 6. Ai là người đứng ra thành lập Đảng Lập hiến ở Việt Nam năm 1923?

A. Nguyễn Phan Long, Bùi Quang Chiêu. B. Nguyễn Thái Học, Phạm Tuấn Tài.
C. Nguyễn Khắc Nhu, Phó Đức Chính. D. Bùi Quang Chiêu, Phạm Hồng Thái.

Câu 7. Những tổ chức chính trị như: Việt Nam Nghĩa đoàn, Hội Phục Việt, Hội Hưng Nam, Đảng Thanh niên là tiền thân của tổ chức nào?

A. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên. B. Việt Nam Quốc dân đảng.
C. Tân việt Cách mạng đảng. D. Đông Dương Cộng sản đảng.

Câu 8. Những tờ báo tiến bộ của tầng lớp tiểu tư sản trí thức xuất bản trong phong trào yêu nước dân chủ công khai (1919 - 1926) là:

A. "Chuông rè", "An Nam trẻ", "Nhành lúa"....
B. "Tin tức", "Thời mới", "Tiếng dân".....
C. "Chuông rè", "Tin tức", "Nhành lúa"....
D. "Chuông rè", "An Nam trẻ", "Người nhà quê"...

Câu 9. Trong phong trào yêu nước dân chủ công khai (1919 - 1925) có hai sự kiện trong nước tiêu biểu nhất, đó là sự kiện nào?

A. Phong trào đấu tranh của công nhân Ba Son và công nhân Phú Riềng.
B. Cuộc đấu tranh đòi nhà cầm quyền pháp thả Phan Bội Châu và đám tang Phan Châu Trinh.
C. Tiếng bom của Phạm Hồng Thái vang nổ tại Sa Diện và Nguyễn Ái Quốc gởi yêu sách đến Hội nghị Véc-xai.
D. Tất cả các câu trên đều đúng.

Câu 10. Trần Dân Tiên viết: "việc đó tuy nhỏ nhưng nó báo hiệu bắt đầu thời đại đấu tranh dân tộc như chim én nhỏ báo hiệu mùa xuân". Sự kiện nào sau đây phản ánh điều đó?

A. Cuộc bãi công của công nhân Ba Son.
B. Cuộc đấu tranh đòi nhà cầm quyền Pháp thả Phan Bội Châu (1925).
C. Phong trào để tang Phan Châu Trinh (1926).
D. Tiếng bom Phạm Hồng Thái tại Sa Diện - Quảng Châu (6 - 1924).

Câu 11. Trong những nguyên nhân sau đây, nguyên nhân nào là nguyên nhân chủ quan làm cho phong trào yêu nước dân chủ công khai (1919 - 1925) cuối cùng bị thất bại?

A. Hệ tư tưởng dân chủ tư sản đã trở nên lỗi thời, lạc hậu.
B. Thực dân Pháp còn mạnh đủ khả năng đàn áp phong trào.

C. Giai cấp tư sản dân tộc do yếu kém về kinh tế nên ươn hèn về chính trị; tầng lớp tiểu tư sản do điều kiện kinh tế bấp bênh nên không thể lãnh đạo phong trào cách mạng.
D. Do chủ nghĩa Mác - Lê-nin chưa được truyền bá sâu rộng vào Việt Nam.

Câu 12. Mục tiêu đấu tranh của phong trào công nhân trong những năm 1919 - 1924 chủ yếu là:

A. Đòi quyền lợi về kinh tế. B. Đòi quyền lợi về chính trị.
C. Đòi quyền lợi về kinh tế và chính trị.
D. Chống thực dân Pháp để giải phóng dân tộc.

Câu 13. Chọn địa danh đúng để điền vào câu sau đây:

Sang năm 1924, có nhiều cuộc bãi công của công nhân các nhà máy dệt, rượu, xay gạo ở ....

A. Hà Nội, Huế, Sài Gòn. B. Nam Định, Hà Nội, Hải Dương.
C. Hải Phòng, Nam Định, Vinh. D. Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hoá.

Câu 14. Sự kiện nào đánh dấu giai cấp công nhân Việt Nam đi vào đấu tranh tự giác?

A. Cuộc bãi công của công nhân thợ nhuộm ở Chợ Lớn (1922).
B. Cuộc tổng bãi công của công nhân Bắc Kì (1922).
C. Bãi công của thợ máy xưởng Ba Son cảng Sài Gòn ngăn tàu chiến Pháp đi đàn áp cách mạng ở Trung Quốc (8 - 1925).
D. Cuộc bãi công của 1000 công nhân nhà máy sợi Nam Định (1926).

Câu 15. Sự kiện nào thể hiện: "Tư tưởng Cách mạng tháng Mười Nga đã thấm sâu hơn vào giai cấp công nhân và bắt đầu biến thành hành động của giai cấp công nhân Việt Nam".

A. Bãi công của thợ máy xưởng Ba Son cảng Sài Gòn (8 - 1925).
B. Nguyễn Ái Quốc đọc sơ thảo Luận cương của Lê-nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa (7 - 1920).
C. Tiếng bom của Phạm Hồng Thái vang dội ở Sa Diện - Quảng Châu (6 - 1924).
D. Nguyễn Ái Quốc gởi yêu sách đến Hội nghị Véc-xai (1919)

Câu 16. Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước vào ngày tháng năm nào? Tại đâu? Đầu tiên Bác đến nước nào?

A. Ngày 6 - 5 - 1911, tại Sài Gòn, đầu tiên Bác đến nước Trung Quốc.
B. Ngày 5 - 6 - 1911, tại Phan Thiết, đầu tiên bác đến nước Pháp.
C. Ngày 5 - 6 - 1911, tại Sài Gòn, đầu tiên Bác đến nước Pháp.
D. Tất cả các câu trên đều đúng.

Câu 17. Vì sao Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành Quốc tế thứ III?

A. Quốc tế này bênh vực cho quyền lợi của các nước thuộc địa.
B. Quốc tế này giúp nhân dân ta đấu tranh chống thực dân Pháp.
C. Quốc tế này đề ra đường lối cho cách mạng Việt Nam.
D. Quốc tế này chủ trương thành lập Mặt trận giải phóng dân tộc ở Việt Nam.

Câu 18. Cách mạng tháng Mười Nga thành công (1917), Bác Hồ đi từ nước nào đến nước nào để nghiên cứu, học tập Cách mạng tháng Mười Nga.

A. Từ Mĩ sang Nga. B. Từ Pháp sang Trung Quốc.
C. Từ Anh sang Nga. D. Từ Anh sang Pháp.

Câu 19. Sự kiện nào đánh dấu Nguyễn Ái Quốc bước đầu tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn?

A. Nguyễn Aí Quốc đưa yêu sách đến Hội nghị Véc-xai (18-6-1919).

B. Nguyyễn Ái Quốc tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp (12-1920).

C. Nguyễn Ái Quốc đọc Sơ thảo Luận cương của Lê-nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa (7-1920).

D. Nguyễn Ái Quốc thành lập tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên (6-1925).

Câu 20. Để nghiên cứu, học tập chủ nghĩa Mác- Lê-nin và Cách mạng tháng Mười Nga, từ năm 1920 đến 1923, Nguyễn Ái Quốc hoạt động chủ yếu ở nước nào?

A. Ở Liên Xô. B. Ở Pháp. C. Ở Trung Quốc. D. Ở Anh.

Câu 21. Đứng trước chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc, quyền lợi của chúng ta là thống nhất, các bạn hãy nhớ lời kêu gọi của Các Mác: "Vô sản tất cả các nước đoàn kết lại". Hãy cho biết đoạn văn trên của ai, viết trong tác phẩm nào?

A. Của Lê-nin trong sơ thảo Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa.

B. Của Mác- Ănghen trong Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản.

C. Của Nguyễn Ái Quốc trong Tuyên ngôn của Hội Liên hiệp thuộc địa.

D. Tất cả đều sai.

Câu 22. Vào thời gian nào, Nguyễn Ái Quốc rời Pa-ri đi Liên Xô, đất nước mà từ lâu Người mơ ước đặt chân tới?

A. Tháng 6 - 1922. B. Tháng 6 - 1923. C. Tháng 12 - 1923. D. Tháng 6 - 1924.

Câu 23. Sự kiện ngày 17- 6 - 1924, gắn với hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở Liên Xô, đó là:

A. Người dự Đại hội Nông dân Quốc tế.

B. Người dự Đại hội lần thứ V của Quốc tế Cộng sản.

C. Người dự Đại hội Quốc tế Phụ nữ.

D. Người dự Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản.

Câu 24. Tác dụng trong quá trình hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1919 đến năm 1925 là gì?

A. Quá trình chuẩn bị về tư tưởng chính trị và tổ chức cho sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2- 1930).

B. Quá trình truyền bá chủ nghĩa Mác- Lê-nin vào Việt Nam.

C. Quá trình thành lập ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam.

D. Quá trình chuẩn bị thực hiện chủ trương "vô sản hóa" để truyền bá chủ nghĩa Mác- Lê-nin vào Việt Nam.

Câu 25. Từ năm 1920 đến 1925, Nguyễn Ái Quốc hoạt động chủ yếu ở các nước.

A. Pháp, Liên Xô, Trung Quốc. C. Pháp, Liên Xô, Trung Quốc, Thái Lan.

B. Pháp, Thái Lan, Trung Quốc. D. Câu A và câu C đúng.

Câu 26. Trong những năm 1919 - 1925 có sự kiện lịch sử nào tiêu biểu gắn với hoạt động của Nguyễn Ái Quốc?

A. Nguyễn Ái Quốc tìm đến Cách mạng tháng Mười Nga

B. Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác – Lê-nin tìm ra con đường cứu nước đúng đắn.

C. Nguyễn Ái Quốc đưa yêu sách đến Hội nghị Vec-xai.

D. Nguyễn Ái quốc thành lập Hội Liên hiệp thuộc địa.

Câu 27. Sự kiện nào dưới đây gắn liền với hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở Liên Xô trong những năm 1923-1924?

A. Tham dự Đại hội lần thứ V của Quốc tế Cộng sản.

B. Thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

C. Thành lập Hội Liên hiệp thuộc địa.

D. Viết "Bản án chế độ thực dân Pháp".

Câu 28. Công lao đầu tiên to lớn nhất của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1911 - 1930 là gì?

A. Từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác – Lê-nin, tìm ra con đường cứu nước đúng đắn.

B. Thành lập Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên.

C. Hợp nhất ba tổ chức cộng sản.

D. Khởi thảo Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 29. Chọn sự kiện ở cột A cho phù hợp với cột B sau đây:

A	***B***
1. Phan Bội Châu	A. Bản án chế độ thực dân Pháp.
2. Phan Châu Trinh	B. Mưu sát tên toàn quyền Méc-lanh
3. Phạm Hồng Thái	C. Khởi xướng phong trào Đông du.
4. Nguyễn Ái Quốc	D. Thực hiện chủ trương cải cách dân chủ. E. Lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Yên Bái. G. Tìm con đường cứu nước sang phương Tây. H. Bị bắt ở Trung Quốc.

Câu 30. Xác định mối quan hệ cặp đôi giữa các niên đại và sự kiện sau đây:

Niên đại	***Sự kiện***
1/ 5 - 6 - 1911	A. Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên
2/ 7 - 1920	B. Nguyễn Ái Quốc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
3/ 6 - 1925	C. Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước.
4/ 3 - 2 - 1930	D. Nguyễn Ái Quốc đọc Sơ thảo luận cương của Lê-nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 14

1. A 2. B 3. D 4. B 5. C 6. A 7. C 8. D
9. B 10. D 11. C 12. A 13. B 14. C 15. A 16. C
17. A 18. D 19. C 20. B 21. C 22. B 23. B 24. A
25. A 26. B 27. A 28. A 29. 1: C, H. 2: D, H, 3: B. 4: A, G, H.
30. 1:C, 2: D, 3: A, 4: B.

Bài 15. PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1925 ĐẾN NĂM 1930

I. CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu1: Hoàn cảnh ra đời, hoạt động của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên và vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong việc thành lập Hội?

- Hoàn cảnh ra đời:

+ Tháng 11 - 1924, Nguyễn Ái Quốc rời Liên Xô đi Quảng Châu (Trung Quốc). Người tiếp xúc với nhiều nhà cách mạng Việt Nam có mặt ở đây, cùng một số thanh niên hăng hái thành lập "Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên" với hạt nhân Cộng sản đoàn (6 - 1925) chuẩn bị điều kiện để thành lập chính đảng của giai cấp vô sản ở Việt Nam.

- Hoạt động:

+ Hoạt động quan trọng đầu tiên của Hội là mở lớp huấn luyện chính trị do Nguyễn Ái Quốc trực tiếp phụ trách để đào tạo thanh niên yêu nước Việt Nam trở thành cán bộ cách mạng. Từ năm 1925 đến năm 1927 có 75 người dự các lớp huấn luyện này. Một số được chọn đi học tiếp tại trường Đại học Phương Đông ở Liên Xô hoặc trường Quân sự Hoàng Phố ở Trung Quốc, còn phần lớn trở về nước hoạt động.

+ Những bài giảng trong các lớp đào tạo của cán bộ ở Quảng Châu, được tập hợp lại in thành sách "Đường kách mệnh" (1927).

- Vai trò của Nguyễn Ái Quốc:

+ Sáng lập và lãnh đạo Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên, lựa chọn thanh niên yêu nước đưa và Hội, vạch ra mục đích, chương trình của Hội.

+ Mở lớp huấn luyện chính trị, trực tiếp viết bài dạy, ra báo Thanh niên.

+ Qua hoạt động của Hội, Người thực hiện mục đích đào tạo những cán bộ cách mạng đem chủ nghĩa Mác – Lê-nin truyền bá vào trong nước. Đây chính là quá trình chuẩn bị cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3 - 2 - 1930).

Câu 2: Tân Việt Cách mạng đảng đã phân hóa như thế nào dưới tác động của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên?

- Sự hoạt động mạnh mẽ của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên do Nguyễn Ái Quốc sáng lập, lí luận và tư tưởng cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin có ảnh hưởng mạnh mẽ, lôi cuốn nhiều đảng viên tiên tiến đi theo Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên.

- Quá trình hoạt động của Tân Việt Cách mạng đảng phân hóa theo hai khuynh hướng:

+ Một bộ phận tiên tiến của Tân Việt chuyển sang Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên.

+ Một bộ phận tiên tiến còn lại tích cực chuẩn bị tiến tới thành lập một đảng kiểu mới theo chủ nghĩa Mác – Lê-nin, đó là Đông Dương Cộng sản đảng.

Câu 3: Các điều kiện dẫn tới việc thành lập Việt Nam Quốc dân đảng và những non yếu của tổ chức đó về chính trị, tư tưởng tổ chức và phương thức hoạt động.

- Điều kiện thành lập:

+ Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, tư tưởng cách mạng tư sản tiếp tục dội vào Việt Nam, tiêu biểu là ảnh hưởng chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn.

+ Ảnh hưởng của chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai, giai cấp tư sản ra đời và ngày càng phát triển.

+ Phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản những năm 1919 – 1925 phát triển mạnh mẽ.

- Những non yếu:

+ Về chính trị, tư tưởng: Lấy chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn, một trào lưu dân chủ tư sản thịnh hành ở Trung Quốc làm nền tảng chính trị, tư tưởng; nhưng những nguyên tắc, chính sách có tính cách mạng đã bị loại bỏ (Khẩu hiệu Bình quân địa quyền, chính sách Liên Nga, liên Cộng phù trợ công nông).

+ Tôn chỉ, mục đích: Còn chung chung không rõ ràng (nhằm đánh đuổi giặc Pháp, đánh đổ ngôi vua, sau cùng thiết lập dân quyền).

+ Về tổ chức:

Đây là đảng cách mạng theo khuynh hướng dân chủ tư sản, tiêu biểu cho bộ phận tư sản dân tộc do Nguyễn Thái Học, Phạm Tuấn Tài, Nguyễn Khắc Nhu và Phó Đức Chính sáng lập, chủ trương xây dựng thành 4 cấp từ trung ương: Tổng bộ, Kì bộ, Tỉnh bộ đến Chi bộ cơ sở nhưng chưa bao giờ trở thành hệ thống trong cả nước.

Thành phần đảng viên trong Việt Nam Quốc dân đảng phức tạp, kết nạp học sinh, sinh viên, công chức, tư sản dân tộc, phú nông, thân hào địa chủ và cả một số binh lính người Việt trong quân đội Pháp.

Là một đảng hoạt động bí mật nhưng tổ chức lỏng lẻo, kỉ luật thiếu nghiêm minh, kết nạp đảng viên bừa bãi, thực dân Pháp lợi dụng sơ hở này đưa tay chân vào đảng, theo dõi nắm bắt mọi hoạt động của đảng và chờ dịp ra tay đàn áp.

+ Phương thức hoạt động: Chủ trương bạo động vũ trang, ít chú ý đến tuyên truyền vận động quần chúng. Không có cơ quan ngôn luận hoặc tài liệu văn kiện chính thức để giải thích tôn chỉ, mục đích. Không có lí luận làm cơ sở cho đường lối và phương pháp đấu tranh nên hoạt động thiên về quân sự, nặng về ám sát cá nhân.

Câu 4: Nguyên nhân thất bại và ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của cuộc khởi nghĩa Yên Bái?

- Nguyên nhân thất bại:

+ Khách quan: Lúc này thực dân Pháp còn đủ mạnh để đàn áp mộ cuộc khởi nghĩa vừa cô độc vừa non kém như khời nghĩa Yên Bái.

+ Về chủ quan: Việt Nam Quốc dân đảng còn non yếu về tổ chức và lãnh đạo, cuộc khởi nghĩa lại nổ ra trong tình thế bị động, phong trào dân tộc, dân chủ theo khuynh hướng dân chủ tư sản, không đáp ứng được yêu cầu khách quan của sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam.

- Ý nghĩa lịch sử:

+ Cuộc khởi nghĩa Yên Bái tuy thất bại, nhưng đã góp phần cổ vũ lòng yêu nước và ý chí căm thù của nhân dân ta đối với bè lũ cướp nước và bè lũ bán nước; được nhân dân trong nước và các lực lượng ngoài nước ủng hộ.

+ Cuộc khởi nghĩa Yên Bái thất bại kéo theo sự tan rã của Việt Nam Quốc dân đảng, đánh dấu sự phá sản hoàn toàn của đường lối chính trị tư sản.

- Bài học kinh nghiệm:

+ Bài học về việc vận động, tổ chức và tập hợp quần chúng đấu tranh.

+ Bài học về thời cơ khởi nghĩa.

+ Bài học về kết nạp đảng viên phải thận trọng.

Câu 5: Tại sao có sự đấu tranh giữa hai khuynh hướng khác nhau xung quanh vấn đề thành lập Đảng Cộng sản vào năm 1930?

- Hai khuynh hướng khác nhau xung quanh vấn đề thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam vào năm 1930 đó là: Một khuynh hướng cấp tiến, thấy cần thiết phải thành lập Đảng và một khuynh hướng cho rằng chưa cần thiết phải thành lập Đảng. Sở dĩ có hai khuynh hướng này vì:

+ Do nhận thức khác nhau của các hội viên Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên về vấn đề thành lập đảng (Hội viên ở Bắc Kì thấy cần thiết phải thành lập ngay một Đảng Cộng sản, đại biểu các nơi khác thấy chưa cần thiết).

+ Có những nhận thức khác nhau đó là do thực tế phong trào cách mạng đặc biệt là phong trào công nhân ở từng miền khác nhau (miền Bắc phong trào phát triển hơn nên các đại biểu Bắc Kì nhận thức được yêu cầu có Đảng sớm hơn để lãnh đạo cách mạng Việt Nam đang trên đà phát triển).

Câu 6: Ý nghĩa của việc thành lập ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam.

- Sự ra đời của ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam là một xu thế tất yếu khách quan của lịch sử, đánh dấu sự trưởng thành của giai cấp công nhân Việt Nam. Khẳng định bước nhảy vọt của cách mạng nước ta, chứng tỏ tư tưởng cộng sản đã giành được ưu thế trong phong trào dân tộc.

- Đây là bước chuẩn bị trực tiếp cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam ngày 3-2-1930.

Câu 7: Lập bảng so sánh ba tổ chức yêu nước cách mạng (Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên, Tân Việt Cách mạng đảng, Việt Nam Quốc dân đảng) theo yêu cầy sau đây:

Nội dung	***Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên***	***Tân Việt Cách mạng đảng***	***Việt Nam Quốc dân đảng***
Thời gian	6 - 1925 đến 7 - 1929	7-1927 đến cuối 1929	12 - 1927 đến đầu 1930
Lãnh đạo	Nguyễn Ái Quốc	Tầng lớp trí thức tư sản: Đặng Thai Mai, Tôn Quang Phiệt.	Nguyễn Thái Học, Phạm Tuấn Tài, Nguyễn Khắc Nhu, Phó Đức Chính.
Lực lượng	Công nhân, trí thức, thanh niên yêu nước.	Nhiều tầng lớp gồm tiểu tư sản, học sinh, sinh viên...	Phức tạp: tư sản, tiểu tư sản, địa chủ, công chức, binh lính...
Nhiệm vụ	Truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê-nin, đào tạo cán bộ làm cách mạng vô sản.	Đánh đuổi thực dân Pháp nhưng chưa rõ rệt.	Đánh đuổi đế quốc, xoá bỏ ngôi vua, thiết lập dân quyền.
Xu hướng	Làm cách mạng dân chủ, làm cách mạng vô sản.	Phân hoá theo hai hướng.	Đi theo con đường tư bản chủ nghĩa nhưng bế tắc, tan rã.

Câu 8: Từ sự chuyển hóa của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên, sự phân hóa của Tân Việt, sự thất bại của Việt Nam Quốc dân đảng. Hãy tìm ra nguyên nhân chung dẫn đến quá trình đó?

- Từ nửa sau những năm 20 của thế kỉ XX ở Việt Nam diễn ra một thực tế lịch sử:

+ Quá trình truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê-nin và những quan điểm của Nguyễn Ái Quốc về đường lối cách mạng trên lập trường vô sản ở Việt Nam do Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên tiến hành. Nhưng chính sự phát triển đó lại vượt quá tầm lãnh đạo của Hội. Để đáp ứng yêu cầu thực tiễn cách mạng Việt Nam lúc này, Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên đã chuyển hóa thành hai tổ chức cộng sản: Đông Dương Cộng sản đảng (6 -1929) và An Nam Cộng sản đảng (7 - 1929).

+ Cũng chịu ảnh hưởng ngày càng sâu sắc của con đường cách mạng vô sản, nên Tân Việt Cách mạng đảng cũng có sự phân hóa: Một bộ phận tiên tiến của Tân Việt đã gia nhập vào Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên; một bộ phận còn lại sau này tiến đến thành lập Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

+ Tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng theo xu hướng cách mạng dân chủ tư sản. Đường lối cách mạng không đáp ứng yêu cầu của dân tộc, do vậy Việt Nam Quốc dân đảng không xây dựng được cơ sở của mình trong các giai cấp cơ bản, không được quần chúng ủng hộ. Đó là nguyên nhân dẫn đến sự thất bại của khởi nghĩa Yên Bái do Việt Nam Quốc dân đảng khởi xướng và lãnh đạo. Khởi nghĩa Yên Bái thất bại kéo theo sự tan rã của Việt Nam Quốc dân đảng.

- Từ thực tế đó, ta có thể rút ra nguyên nhân chung dẫn đến sự chuyển hóa của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên, sự phân hóa của Tân Việt và sự thất bại rồi tan rã của Việt Nam Quốc dân đảng là: quá trình truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê-nin vào Việt Nam, cũng là quá trình tuyên truyền những quan điểm của Nguyễn Ái Quốc về con đường giải phóng dân tộc trên lập trường vô sản ở Việt Nam. Con đường cách mạng trên lập trường vô sản đáp ứng được yêu cầu cơ bản của dân tộc và của nhân dân Việt Nam. Vì vậy, con đường cách mạng vô sản, các tổ chức cách mạng trên lập trường vô sản được quần chúng nhân dân hậu thuẫn ngày càng chiếm ưu thế và đã giữ vai trò chủ đạo trong phong trào cách mạng Việt Nam.

Câu 9: Hãy nêu những ảnh hưởng làm cho phong trào công nhân Việt Nam phát triển mạnh mẽ trong những năm 1925 –1929? Đặc điểm của phong trào công nhân trong thời kì này? Vị trí của phong trào công nhân đối với sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam?

- *Ảnh hưởng đến phong trào:*

+ Hoạt động truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin về nước của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên được đẩy mạnh, nhất là phong trào "vô sản hoá" có tác động mạnh đến phong trào của quần chúng trong những năm 1925 - 1929, trước hết đến phong trào công nhân, chuyển dần sang tự giác, để đến năm 1930 thì hoàn toàn tự giác.

+ Ảnh hưởng đến phong trào đấu tranh của nhân dân ta trong thời kì này còn có những sự kiện bên ngoài:

Đại hội lần thứ V Quốc tế Cộng sản (6 -1924) ở Mát-xcơ-va đề ra những nghị quyết quan trọng về phong trào cách mạng của các nước thuộc địa.

Cách mạng dân tộc dân chủ ở Trung Quốc phát triển mạnh mẽ với trung tâm ở Quảng Châu.

Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc cùng với những nhà cách mạng Việt Nam tại Quảng Châu từ năm 1925 đến năm 1927, chuẩn bị trực tiếp và toàn diện cho một chính đảng của giai cấp vô sản ra đời ở Việt Nam.

Tình hình trên đã tác động mạnh đến bộ phận tiên tiến trong lực lượng cách mạng nước ta, qua đó tác động đến sự giác ngộ chính trị của giai cấp công nhân, làm cho phong trào đấu tranh của công nhân phát triển lên bước cao hơn.

Trong những năm 1926 - 1927 liên tiếp nổ ra nhiều cuộc bãi công của công nhân. Lớn nhất là cuộc bãi công của 1.000 công nhân nhà máy Sợi Nam Định, của 500 công nhân đồn điền cao su Cam Tiên.

Trong hai năm 1928 - 1929 phong trào cách mạng phát triển mạnh, mang tính thống nhất toàn quốc. Có tới 40 cuộc đấu tranh của công nhân các miền, lớn nhất là cuộc bãi công của công nhân ở nhà máy xi măng và nhà máy sợi Hải Phòng, nhà máy sợi Nam Định, nhà máy diêm và cưa Bến Thuỷ, nhà máy xe lửa Trường Thi (Vinh), nhà máy đá Sài Gòn, đồn điền cao su Lộc Ninh.....

- Đặc điểm của phong trào đấu tranh của công nhân trong thời kì này là:

+ Các cuộc đấu tranh của công nhân nổ ra liên tục, rộng khắp, mang tính chính trị, bước đầu đã liên kết được nhiều ngành, nhiều địa phương.

+ Cuộc đấu tranh có sự lãnh đạo và phối hợp khá chặt chẽ. Khẩu hiệu đấu tranh ngày càng nâng dần lên: từ đấu tranh đòi quyền lợi kinh tế chuyển sang đấu tranh đòi quyền lợi chính trị.

+ Trình độ chính trị của giai cấp công nhân đã được nâng lên rõ rệt. Giai cấp công nhân đã trở thành một lực lượng chính trị độc lập.

- Vị trí của phong trào công nhân:

+ Phong trào công nhân phát triển mạnh mẽ, có ý thức chính trị rõ rệt (cùng với phong trào yêu nước) đòi hỏi có sự lãnh đạo của tổ chức đảng cách mạng tiên phong. Các tổ chức cộng sản lần lượt ra đời và sau đó thống nhất thành Đảng Cộng sản Việt Nam (3 - 2 - 1930).

+ Phong trào công nhân là điều kiện bên trong, là mảnh đất màu mỡ để đón nhận chủ nghĩa Mác – Lê-nin từ ngoài truyền bá vào Việt Nam.

+ Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác – Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước của nhân dân Việt Nam. Phong trào công nhân là một nhân tố để hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 10: Sự phát triển của phong trào công nhân Việt Nam (từ 1926 đến 1930) và ý nghĩa của nó đối với việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Từ 1926 -1930: Trong điều kiện mới, sự ra đời của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên, hoạt động sôi nổi của nó, chủ nghĩa Mác –Lê-nin được truyền bá rộng rãi vào Việt Nam. Phong trào công nhân Việt Nam phát triển hơn về số lượng và chất lượng. Năm 1926 đến 1927 có 10 cuộc bãi công của công nhân; từ năm 1928 đến 1930, có khoảng 40 cuộc bãi công của công nhân.

+ Cùng với sư tăng tiến của các cuộc bãi công, chủ nghĩa Mác – Lê-nin được truyền bá vào Việt Nam qua hoạt động của các tổ chức thanh niên và nhất là khi có phong trào "vô sản hoá", phong trào công nhân càng lên cao ý thức giai cấp

biểu hiện rõ rệt. Công nhân Việt Nam đã vươn lên trình độ tự giác và trưởng thành nhanh chóng khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đầu năm 1930.

- Ý nghĩa:

+ Phong trào công nhân phát triển mạnh mẽ có ảnh hưởng rộng lớn trong toàn quốc và thực sự trở thành một lực lượng chính trị độc lập, có sức thu hút các lực lượng xã hội khác.

+ Sự phát triển của phong trào công nhân đã thúc đẩy nhanh chóng việc hình thành các tổ chức cộng sản: Đông Dương Cộng sản đảng; An Nam Cộng sản đảng và Đông Dương Cộng sản liên đoàn để đến đầu năm 1930 thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 11: Nguyên nhân bùng nổ và diễn biến của khởi nghĩa Yên Bái?

** Nguyên nhân bùng nổ:*

Ngày 9 - 2 - 1929, tại Hà Nội xảy ra vụ ám sát tên trùm mộ phu Ba-danh. Thực dân Pháp tổ chức nhiều cuộc bắt bớ, tù đày, cả những người tình nghi có liên quan thuộc bất cứ tổ chức cách mạng nào, gây ra biết bao tổn thất cho phong trào cách mạng đang trên đà tiến lên. Việt Nam Quốc dân đảng bị thiệt hại rất nặng, có tới 1000 đảng viên bị bắt, cơ sở ở nhiều nơi bị phá vỡ, cán bộ của đảng từ trung ương đến địa phương hầu hết bị sa lưới giặc. Đứng trước tình hình đó, các yếu nhân còn lại của đảng quyết định, dốc hết lực lượng còn lại cho một cuộc bạo động, với tinh thần "không thành công cũng thành nhân".

** Diễn biến :*

Đêm 9 - 2 - 1930, khởi nghĩa nổ ra trước tiên ở Yên Bái sau đó ở Phú Thọ, Hải Dương, Thái Bình, ở Hà Nội cũng có ném bom phối hợp.

Tại Yên Bái, quân khởi nghĩa chiếm được trại lính, giết và làm bị thương một số sĩ quan, hạ sĩ quan Pháp, nhưng không làm chủ được tỉnh lỵ nên hôm sau quân Pháp phản công và tiêu diệt. Ở các nơi khác, nghĩa quân chỉ tạm thời làm chủ mấy huyện nhỏ, sau đó đã nhanh chóng bị Pháp chiếm lại. Cuộc khởi nghĩa bị thất bại nhanh chóng, Nguyễn Thái Học và 12 đồng chí của ông ta bị thực dân Pháp kết án tử hình, trước khi lên máy chém các ông đã hiên ngang hô to: "Việt Nam vạn tuế".

Câu 12: Hãy trình bày những nét chính về quá trình thành lập ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam nửa sau 1929.

- Cuối tháng 3 - 1929, một số hội viên tiên tiến của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên ở Bắc Kì đã họp ở nhà số 5D phố Hàm Long (Hà Nội) lập ra Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Việt Nam gồm 7 người, tích cực chuẩn bị tiến tới thành lập một Đảng Cộng sản thay thế cho Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên.

- Tại Đại hội lần thứ nhất của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên họp trong tháng 5 - 1929, ở Hương Cảng (Trung Quốc) khi kiến nghị của mình đưa ra về việc thành lập Đảng Cộng sản không được chấp nhận, đoàn đại biểu Bắc Kì lập tức bỏ về nước.

- Ngày 17- 6 - 1929, nhóm trung kiên cộng sản Bắc Kì họp và quyết định thành lập Đông Dương Cộng sản đảng, bầu Ban chấp hành Trung ương lâm thời, thảo chương trình, điều lệ, dựa theo chương trình điều lệ của Quốc tế Cộng sản, ra báo Búa liềm.

- Sự ra đời và hoạt động của Đông Dương Cộng sản đảng có ảnh hưởng tích cực đến bộ phận còn lại của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên. Tháng 7 -

1929, nhiều hội viên tiên tiến ở Nam Kì, Nam - Trung Kì và ở Trung Quốc giải thể tổ chức cũ để thành lập An Nam Cộng sản đảng.

- Sự ra đời của Đông Dương Cộng sản đảng và An Nam Cộng sản đảng đã có tác động mạnh đến sự phân hoá của Tân Việt Cách mạng đảng các đảng viên tiên tiến của Tân Việt đứng ra thành lập Đông Dương Cộng sản liên đoàn (9 - 1929) ở Trung Kì.

Câu 13: Tại sao lại có Hội nghị thành lập Đảng 3 –2 –1930?

** Hoàn cảnh lịch sử:*

- Năm 1929, do tác động của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, phong trào công nhân phát triển mạnh, ý thức giai cấp, ý thức chính trị ngày càng rõ rệt. Cùng với các phong trào đấu tranh yêu nước khác, kết thành một làn sóng cách mạng dân tộc, dân chủ mạnh mẽ, trong đó giai cấp công nhân đã thực sự trở thành lực lượng tiên phong. Thực tiễn đó đòi hỏi cấp thiết sự lãnh đạo thống nhất, chặt chẽ của một chính đảng của giai cấp vô sản.

- Trong khi đó, ở Việt Nam đã xuất hiện ba tổ chức cộng sản, ba tổ chức này lại nảy sinh mâu thuẫn, như tranh giành đảng viên, tranh giành quần chúng, tranh giành ảnh hưởng, thậm chí còn bài xích lẫn nhau làm cho quần chúng không biết theo sự lãnh đạo của tổ chức nào. Tình hình ngày càng kéo dài, càng bất lợi cho cách mạng.

- Trước tình hình ấy, được sự uỷ nhiệm của Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đã triệu tập hội nghị gồm các đại biểu của các tổ chức cộng sản để bàn việc hợp nhất thành một Đảng, tại Cửu Long, cạnh Hương Cảng (Trung Quốc) từ ngày 3 đến ngày 7 - 2 - 1930.

** Nội dung Hội nghị :*

- Nguyễn Ái Quốc đã phân tích tình hình trong và ngoài nước, phê phán những hành động thiếu thống nhất, nhận thức hẹp hòi giữa các tổ chức cộng sản và đề nghị các tổ chức cộng sản thống nhất thành một Đảng duy nhất.

- Nhờ có trình độ và uy tín cao của Nguyễn Ái Quốc, các đại biểu dự hội nghị đã nhất trí xoá bỏ mọi thành kiến, xung đột cũ, thống nhất các tổ chức cộng sản thành một Đảng duy nhất: Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Hội nghị đã thảo luận và thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt của Đảng do đồng chí Nguyễn Ái Quốc khởi thảo.

- Hội nghị cũng đã vạch ra kế hoạch về nước tiến hành hợp nhất các tổ chức cộng sản và cử ra Ban chấp hành Trung ương lâm thời.

Sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam là công lao to lớn của Nguyễn Ái Quốc đối với dân tộc và giai cấp.

Câu 14: Căn cứ vào đâu để khẳng định Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam là đúng đắn và sáng tạo?

Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, tuy còn sơ lược, nhưng đã vạch ra vấn đề cơ bản về đường lối cách mạng Việt Nam, đó là :

- Con đường phát triển tất yếu của cách mạng Việt Nam trước tiên làm cách mạng tư sản dân quyền sau làm cách mạng xã hội chủ nghĩa. Hai giai đoạn cách mạng đó liên tiếp nhau.

- Nhiệm vụ của cách mạng: đánh đổ ách thống trị của đế quốc, phong kiến, tư sản phản cách mạng. Làm cho Việt Nam hoàn toàn độc lập, dựng nên chính phủ nông công binh, tổ chức ra quân đội công nông, tịch thu hết sản nghiệp lớn của đế quốc, lấy ruộng đất của bọn đế quốc và bọn phản cách mạng chia cho dân cày nghèo.

- Lực lượng cách mạng là công nhân và nông dân. Công nông là gốc của cách mạng, phải liên minh với tiểu tư sản, lợi dụng hoặc trung lập phú nông, trong tiểu địa chủ và tư sản dân tộc nếu họ chưa ra mặt phản cách mạng.

- Vai trò lãnh đạo cách mạng là Đảng Cộng sản Việt Nam, đội tiên phong của giai cấp vô sản Việt Nam. Đảng lấy chủ nghĩa Mác – Lê-nin làm nền tảng tư tưởng, là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng.

- Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới, phải đoàn kết chặt chẽ với các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản quốc tế, nhất là giai cấp công nhân Pháp.

- Tính khoa học và đúng đắn thể hiện: những nội dung của Cương lĩnh rất đúng với các quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê-nin và thực tiễn Việt Nam. Ngay từ đầu, Đảng ta đã thấu suốt con đường phát triển tất yếu của cách mạng Việt Nam, đó là con đường kết hợp và giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Chính vì vậy, đường lối này đã đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác và thắng lợi hoàn toàn.

- Tính sáng tạo thể hiện: những quan điểm của chủ nghĩa Mác –Lê-nin được Nguyễn Ái Quốc vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh Việt Nam, ví như Cương lĩnh kết hợp đúng đắn vấn đề dân tộc và giai cấp, trong đó độc lập dân tộc là tư tưởng chủ yếu. Về lực lượng cách mạng, Cương lĩnh đã thể hiện được vấn đề đoàn kết dân tộc rộng rãi để đánh đuổi kẻ thù. Điều này rất đúng với hoàn cảnh một nước thuộc địa như Việt Nam.

Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt là cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. Tuy còn vắn tắt nhưng nó là cương lĩnh cách mạng giải phóng dân tộc đúng đắn và sáng tạo, nhuần nhuyễn về quan điểm giai cấp, thấm đượm tính dân tộc và nhân văn. Độc lập tự do là tư tưởng cốt lõi của cương lĩnh này.

Câu 15: Những quan điểm chủ yếu trong nội dung Luận cương chính trị tháng 10 - 1930 của Đảng Cộng sản Đông Dương? Trong nội dung Luận cương đó có một số nhược điểm hạn chế gì?

** Những quan điểm chủ yếu:*

- Các giai đoạn của cách mạng Việt Nam: lúc đầu là cách mạng tư sản dân quyền (cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân) sau đó là cách mạng xã hội chủ nghĩa.

- Nhiệm vụ cốt yếu của cách mạng tư sản dân quyền: đánh đổ phong kiến và đế quốc, hai nhiệm vụ này quan hệ khăng khít với nhau.

- Động lực chính của cách mạng tư sản dân quyền: công nhân và nông dân, trong đó công nhân lãnh đạo.

- Phương pháp đấu tranh: tập hợp lãnh đạo quần chúng đấu tranh, võ trang bạo động, đánh đổ chính quyền của giai cấp thống trị.

- Vị trí của cách mạng Việt Nam: là một bộ phận của cách mạng thế giới, quan hệ mật thiết với cách mạng thế giới.

- Điều cốt yếu cho sự thắng lợi của cách mạng: sự lãnh đạo của một đảng cộng sản.

** Một số nhược điểm:*

- Luận cương chính trị (10 - 1930) của Đảng đã xác định được những vấn đề chiến lược trong đấu tranh đòi các quyền lợi trước mắt và lâu dài. Tuy nhiên, Luận cương còn có một số hạn chế nhất định, như chưa xác định mâu thuẫn chủ yếu của xã hội thuộc địa, nên không nêu được vấn đề dân tộc lên hàng đầu mà nặng về vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp. Không đánh giá đúng khả năng cách mạng, lòng yêu nước chống Pháp của tư sản dân tộc và tiểu tư sản. Những hạn chế đó mang tính chất "tả khuynh" giáo điều. Trải qua quá trình đấu tranh cách mạng những nhược điểm đó mới dần dần được khắc phục.

Câu 16: Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3 - 2 - 1930).

- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (3 - 2 - 1930) là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp trong thời đại mới. Đảng là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác – Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam trong những thập niên đầu của thế kỉ XX. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời có ý nghĩa vô cùng to lớn.
- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, là một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Nó chứng tỏ rằng, giai cấp công nhân Việt Nam đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng.
- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, đã chấm dứt thời kì khủng hoảng về vai trò lãnh đạo trong phong trào cách mạng Việt Nam, mở đầu thời kì cách mạng nước ta có Đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo tuyệt đối. Từ đây cách mạng Việt Nam thực sự trở thành một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới. Cách mạng Việt Nam nhận được sự ủng hộ của cách mạng thế giới, đồng thời cũng góp phần mình cho cách mạng thế giới.
- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sự chuẩn bị tất yếu đầu tiên có tính chất quyết định cho những bước phát triển nhảy vọt về sau của dân tộc Việt Nam, đó là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Câu 17: So sánh một số điểm chủ yếu trong nội dung Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng với Luận cương chính trị năm 1930 để thấy rõ sự đúng đắn của văn kiện trước và sự hạn chế của văn kiện sau?

NỘI DUNG	CƯƠNG LĨNH	LUẬN CƯƠNG
Hai giai đoạn của cách mạng Việt Nam	Cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng xã hội chủ nghĩa.	Cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng xã hội chủ nghĩa.
Nhiệm vụ cách mạng	Chống đế quốc, chống phong kiến.	Đánh đổ phong kiến, đánh đổ đế quốc.
Lực lượng cách mạng	Công – nông, liên lạc với trí thức, tiểu tư sản, trung nông.	Công- nông.
Vai trò lãnh đạo của Đảng	Nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.	Nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.
Vị trí của cách mạng	Là một bộ phận của cách mạng thế giới.	Quan hệ mật thiết với cách mạng thế giới.
Phương pháp cách mạng		Tập hợp tổ chức quần chúng đấu tranh.

Qua bảng so sánh chúng ta thấy, Luận cương chính trị tiếp thu những vấn đề cơ bản của văn kiện thành lập Đảng và bổ sung thêm phương pháp cách mạng, song hai vấn đề nhiệm vụ và lực lượng của cách mạng tư sản dân quyền còn hạn chế: đặt nhiệm vụ chống phong kiến lên trên chống đế quốc và không thấy khả năng cách mạng của các tầng lớp khác trong xã hội Việt Nam. Những hạn chế này phải trải qua một quá trình đấu tranh trong thực tiễn mới khắc phục được.

Câu 18: Vì sao nói rằng, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời mở ra một bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sử dân tộc Việt Nam?

- Đảng ra đời đã vạch ra đường lối chiến lược cho cách mạng. Đường lối đó là: trước làm cách mạng dan tộc dân chủ rồi sau tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển chế độ tư bản chủ nghĩa. Từ nay cách mạng Việt Nam chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối và có sự lãnh đạo đúng đắn để đi đến thắng lợi.
- Đảng ra đời, xây dựng được một lực lượng mới cho cách mạng mà chủ yếu là liên minh công nông. Đảng ra đời đề ra hai khẩu hiệu chiến lược là : "Độc lập dân tộc" và "Ruộng đất dân cày". Hai khẩu hiệu này đáp ứng được nguyện vọng của đa số nhân dân, nhất là nông dân. Do đó, lôi cuốn được đông đảo nông dân di theo cách mạng, xây dựng được khối liên minh công nông, tạo ra được một nhân tố cơ bản nữa, đảm bảo thắng lợi cho cách mạng Việt Nam.
- Đảng ra đời vạch ra được phương pháp cách mạng đúng đắn. Đó là dùng phương pháp đấu tranh cách mạng bằng bạo lực của quần chúng theo quan điểm chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Nhờ đó ta biết xây dựng và sử dụng hai lực lượng chính trị, vũ trang để tiến hành khởi nghĩa.
- Đảng ra đời xây dựng được bạn đồng minh mới. Đảng ra đời làm cho cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận khăng khít của thế giới. Nhờ vậy, từ đó đến nay, ta đã tranh thủ được sự đồng tình và ủng hộ to lớn của các lực lượng cách mạng thế giới, tạo nên sức mạnh tổng hợp để chiến thắng mọi kẻ thù.

Vì những lẽ đó, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã mở ra một bước ngoặt lịch sử vĩ đại cho cách mạng Việt Nam.

Câu 19: Tại sao nói Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là một tất yếu lịch sử? Vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong Hội nghị thành lập Đảng như thế nào?

** Tại sao:*

- Trước năm 1930, phong trào yêu nước ở Việt Nam nổ ra mạnh mẽ nhưng đều bị thất bại, do bị khủng hoảng về đường lối cách mạng. Tình hình đang đặt ra yêu cầu phải có đảng của giai cấp tiên tiến nhất với đường lối đúng đắn để lãnh đạo cách mạng Việt Nam.
- Từ năm 1919 đến 1929, thông qua hoạt động của Nguyễn Ái Quốc đã chuẩn bị các điều kiện về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho sự thành lập Đảng. Nguyễn Ái Quốc đã ra sức tuyên truyền chủ nghĩa Mác – Lê-nin vào Việt Nam, chuẩn bị về tư tưởng chính trị. Thành lập Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên để thông qua tổ chức này truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê-nin vào Việt Nam.
- Những năm 1928 –1929, chủ nghĩa Mác –Lê-nin được truyền bá sâu rộng và Việt Nam, làm cho phong trào công nhân và phong trào yêu nước phát triển mạnh mẽ. Một yêu cầu cấp thiết đặt ra là phải có đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo. Đáp ứng yêu cầu đó ở Việt Nam lần lượt xuất hiện ba tổ chức cộng sản. Sự

hoạt động riêng rẽ của ba tổ chức cộng sản gây ảnh hưởng không tốt đến tiến trình cách mạng Việt Nam, cần phải hợp nhất ba tổ chức cộng sản thành một đảng duy nhất.

- Trước tình đó, được sự ủy nhiệm của Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc về Hương Cảng (Trung Quốc) chủ trì Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3 - 2- 1930).

* Vai trò của Nguyễn Ái Quốc:

- Trực tiếp tổ chức và chủ trì Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam tại Hương Cảng - Trung Quốc vào ngày 3 - 2 - 1930.
- Phê phán những hành động thiếu thống nhất của các tổ chức cộng sản trong nước trong việc tranh giành quyền lãnh đạo, tranh giành quần chúng, tranh giành đảng viên.
- Đặt ra yêu cầu cấp thiết phải hợp nhất các tổ chức cộng sản để đi đến thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Viết và thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt. Đó chính là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng đã vạch ra những nét cơ bản về đường lối chiến lược và sách lược cho cách mạng Việt Nam.
- Đề ra kế hoạch để các tổ chức cộng sản về nước xúc tiến việc hợp nhất, rồi đi đến thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên được thành lập vào thời gian nào? Ở đâu?

A. Tháng 5 - 1925 ở Quảng Châu (Trung Quốc).

B. Tháng 6 - 1925 ở Hương Cảng (Trung Quốc).

C. Tháng 7 - 1925 ở Quảng Châu (Trung Quốc).

D. Tháng 6 - 1925 ở Quảng Châu (Trung Quốc).

Câu 2. Cơ quan ngôn luận của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên là:

A. Báo Thanh niên. B. Tác phẩm “Đường kách mệnh”.

C “Bản án chế độ thực dân Pháp”. D. Báo “Người cùng khổ”.

Câu 3. Ba tư tưởng sau đây được trình bày trong tác phẩm nào của Nguyễn Ái Quốc?

- Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng.
- Cách mạng phải do đảng theo chủ nghĩa Mác- Lê-nin lãnh đạo.
- Cách mạng Việt Nam phải gắn bó và đoàn kết với cách mạng thế giới.

A. Tạp chí Thư tín quốc tế. B. “Bản án chế độ thực dân Pháp”.

C. “Đường kách mệnh”. D. Tất cả cùng đúng.

Câu 4. Vừa về tới Quảng Châu (Trung Quốc) và trước khi thành lập Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên, Nguyễn Ái Quốc đã thành lập tổ chức chính trị nào?

A. Hội Liên hiệp thuộc địa.

B. Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông.

C. Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam.

D. Tất cả cùng đúng.

Câu 5. Hãy nêu rõ thành phần và địa bàn hoạt động của Tân Việt Cách mạng đảng?

A. Công nhân và nông dân, hoạt động ở Trung Kì.

B. Tư sản dân tộc, công nhân, hoạt động ở Bắc Kì.

C. Trí thức trẻ và thanh niên tiểu tư sản, hoạt động ở Trung Kì.

D. Tất cả các giai cấp và tầng lớp, hoạt động ở Nam Kì.

Câu 6. Tân Việt Cách mạng đảng đã phân hóa như thế nào dưới tác động của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên?

A. Một số đảng viên tiên tiến chuyển sang Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên.

B. Một số tiên tiến còn lại tích cực chuẩn bị tiến tới thành lập một chính đảng kiểu mới theo chủ nghĩa Mác- Lê-nin.

C. Một số gia nhập vào Việt Nam Quốc dân đảng.

D. Câu A và B đều đúng.

Câu 7. Việt Nam Quốc dân đảng được thành lập vào năm nào? Địa bàn hoạt động chính ở đâu?

A. 25 - 12 - 1925- Địa bàn hoạt động chủ yếu ở Bắc Kì

B. 25 - 12 - 1926- Địa bàn hoạt động chủ yếu ở Trung Kì.

C. 25 - 12 - 1927- Địa bàn hoạt động chủ yếu ở Bắc Kì.

D. 25 - 12 - 1927- địa bàn hoạt động chủ yếu ở Trung Kì.

Câu 8. Việt Nam Quốc dân đảng là một đảng chính trị theo xu hướng nào?

A. Dân chủ vô sản. B. Dân chủ tư sản.

C. Dân chủ tiểu tư sản. D. Dân chủ vô sản và tư sản.

Câu 9. Mục tiêu của Việt Nam Quốc dân đảng là gì?

A. Đánh đuổi thực dân Pháp, xóa bỏ ngôi vua.

B. Đánh đuổi thực dân Pháp, thiết lập dân quyền.

C. Đánh đuổi giặc Pháp, đánh đổ ngôi vua, thiết lập dân quyền.

D. Đánh đổ ngôi vua, đánh đuổi giặc Pháp, lập nên nước Việt Nam độc lập.

Câu 10. Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quốc dân đảng nổ ra đêm 9-2-1930 ở Yên Bái, sau đó nổ ra ở các tỉnh nào?

A. Ở Phú Thọ, Hải Dương, Hà Tĩnh. B. Ở Hòa Bình, Lai Châu, Sơn La.

C. Ở Vĩnh Yên, Phúc Yên, Yên Thế. D. Ở Phú Thọ, Hải Dương, Thái Bình.

Câu 11. Khởi nghĩa Yên Bái (9 - 2 - 1930) thất bại, do nguyên nhân khách quan nào?

A. Giai cấp tư sản dân tộc lãnh đạo.

B. Tổ chức Việt Nam quốc dân đảng còn non yếu.

C. Khởi nghĩa nổ ra hoàn toàn bị động.

D. Đế quốc Pháp còn mạnh.

Câu 12. Quá trình phân hóa của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên đã dẫn đến sự thành lập các tổ chức cộng sản nào trong năm 1929?

A. Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng.

B. Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng và Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

C. Đông Dương Cộng sản đảng, Đông Dương Cộng sản liên đoàn.
D. Tất cả đều sai.

Câu 13. Báo "Búa liềm" là cơ quan ngôn luận của tổ chức cộng sản nào được thành lập năm 1929 ở Việt Nam?

A. Đông Dương Cộng sản liên đoàn.
B. Đông Dương Cộng sản đảng.
C. An Nam Cộng sản đảng.
D. Đông Dương Cộng sản đảng và An Nam Cộng sản đảng.

Câu 14. Sự phân hóa của Tân Việt Cách mạng đảng đã dẫn đến thành lập tổ chức cộng sản nào ở Việt Nam năm 1929?

A. Đông Dương Cộng sản đảng.
B. An Nam Cộng sản đảng.
C. Đông Dương Cộng sản liên đoàn.
D. Đông Dương Cộng sản đảng và Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

Câu 15. Bằng cách đánh số thứ tự, hãy sắp xếp các sự kiện lịch sử sau đây theo thứ tự biên niên sử.

Số thứ tự	***Các sự kiện lịch sử***
1	A.Thành lập Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên
2	B. Nguyễn Ái Quốc đưa yêu sách đến Hội nghị Véc-xai
3	C. Thành lập Tân Việt Cách mạng đảng.
4	D. An Nam Cộng sản đảng được thành lập.
5	E. Nguyễn Ái Quốc đọc sơ thảo Luận cương của Lê-nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa.
6	G. Đông Dương Cộng sản đảng ra đời.
7	H. Việt Nam Quốc dân đảng thành lập.
8	I. Tác phẩm "Đường kách mệnh" của Nguyễn Ái Quốc xuất bản ở Trung Quốc.
9	K. Đông Dương Cộng sản liên đoàn thành lập.
10	L. Khởi nghĩa Yên Bái của Việt Nam Quốc dân đảng.

Câu 16. Các yếu nhân trong tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng:

A. Nguyễn Thái Học, Phạm Tuấn Tài, Nguyễn Khắc Nhu, Tôn Trung Sơn.
B. Nguyễn Thái Học, Phạm Tuấn Tài, Nguyễn Khắc Nhu, Phó Đức Chính.
C. Nguyễn Thái Học, Phạm Tuấn Tài, Nguyễn Khắc Nhu, Nguyễn Phan Long.
D. Nguyễn Thái Học, Nguyễn Phan Long, Bùi Quang Chiêu, Phó Đức Chính.

Câu 17. Các sách báo nào sau đây gắn liền với hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1919 đến1925?

A. "An nam trẻ", "Người cùng khổ", "Thanh niên", "Bản án chế độ thực dân Pháp", "Đường kách mệnh".
B. " Người cùng khổ", "Người nhà quê", "Thanh niên", "Bản án chế độ thực dân Pháp".
C. "Người cùng khổ", "Thanh niên", "Bản án chế độ thực dân Pháp", "Đường kách mệnh", "Nhân đạo".
D. Tất cả đều đúng.

Câu 18. Câu nào dưới đây là ý nghĩa của sự thành lập ba tổ chức cộng sản năm 1929?

A. Chấm dứt thời kì khủng hoảng về đường lối của cách mạng Việt Nam.
B. Mở ra một bước ngoặt lịch sử vô cùng to lớn cho cách mạng Việt Nam.
C. Là bước chuẩn bị trực tiếp cho sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
D. Là kết quả tất yếu của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác – Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở Việt Nam.

Câu 19. Nối các cột A, B, C cho phù hợp với tên tổ chức, khuynh hướng tư tưởng và hướng phát triển của các tổ chức chính trị trước khi thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

A	B	C
1. Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên.	A. Cách mạng dân tộc, dân chủ- cải lương.	D. Cách mạng vô sản – thành lập đảng cộng sản.
2. Tân Việt Cách mạng đảng.	B. Cách mạng vô sản.	E. Thành lập đảng cộng sản.
3. Việt Nam Quốc dân đảng	C. Cách mạng dân chủ tư sản.	F. Phá sản.

Câu 20. Nối tên các tổ chức cộng sản gắn với các địa danh cho sẵn sau đây:

Các tổ chức cộng sản	***Địa danh***
1. Đông Dương Cộng sản đảng.	A. Nam Kì.
2. An Nam Cộng sản đảng.	B. Trung Kì.
3. Đông Dương Cộng sản liên đoàn.	C. Bắc Kì.
	D. Quảng Châu - Trung Quốc.

Câu 21. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sự kết hợp giữa các yếu tố nào?

A. Chủ nghĩa Mác Lê-nin với phong trào công nhân.
B. Chủ nghĩa Mác Lê-nin với tư tưởng Hồ Chí Minh.
C. Chủ nghĩa Mác Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước.
D. Chủ nghĩa Mác Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào tư sản yêu nước.

Câu 22. Từ ngày 3 đến ngày 7- 2 - 1930, Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản đã họp ở đâu?

A. Quảng Châu (Trung Quốc) .
B. Ma Cao (Trung Quốc).
C. Cửu Long – Hương Cảng (Trung Quốc).
D. Câu A và B cùng đúng.

Câu 23. Tại Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản, có sự tham gia của các tổ chức cộng sản nào?

A. Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng.
B. Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng, Đông Dương Cộng sản liên đoàn.
C. Đông Dương Cộng sản đảng, Đông Dương Cộng sản liên đoàn.
D. An Nam Cộng sản đảng, Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

Câu 24. Vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản (3- 2- 1930) thể hiện như thế nào?

A.Thống nhất các tổ chức cộng sản để thành lập một đảng duy nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam.

B. Soạn thảo Cương lĩnh chính trị đầu tiên để Hội nghị thông qua.

C. Truyền bá chủ nghĩa Mác- Lê-nin vào Việt Nam

D. Câu A và B đúng.

Câu 25. Con đường cách mạng Việt Nam được xác định trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên do đồng chí Nguyễn Ái Quốc khởi thảo, đó là:

A. Làm cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng ruộng đất để tiến lên chủ nghĩa cộng sản.

B. Thực hiện cách mạng ruộng đất cho triệt để.

C. Tịch thu hết sản nghiệp của bọn đế quốc.

D. Đánh đổ địa chủ phong kiến, làm cách mạng thổ địa sau đó làm cách mạng dân tộc.

Câu 26. Lực lượng cách mạng để đánh đổ đế quốc và phong kiến được nêu trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do đồng chí Nguyễn Ái Quốc khởi thảo là lực lượng nào?

A. Công nhân và nông dân.

B. Công nhân, nông dân và các tầng lớp tiểu tư sản, trí thức, trung nông.

C. Công nhân, nông dân,tiểu tư sản, tư sản và địa chủ phong kiến.

D. Tất cả đều đúng

Câu 27. Điểm giống nhau giữa Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do đồng chí Nguyễn Ái Quốc khởi thảo và Luận cương chính trị do đồng chí Trần Phú soạn thảo?

A. Cách mạng Việt Nam trải qua hai giai đoạn:cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng xã hội chủ nghĩa.

B. Nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam là Đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo.

C. Nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam là đánh đế quốc trước, đánh phong kiến sau.

D. Câu A và B đúng.

Câu 28. Sách giáo khoa lịch sử lớp 12, trang 25, có viết: "Nhiệm vụ của cách mạng tư sản dân quyền ở nước ta là đánh đổ bọn đế quốc, bọn phong kiến và giai cấp tư sản phản cách mạng, làm cho nước Việt Nam độc lập...". Đó là một trong những nội dung của văn kiện nào?

A. Luận cương chính trị tháng 10 năm 1930 của Đảng do đồng chí Trần Phú soạn thảo.

B. Lời kêu gọi Hội nghị hợp nhất thành lập Đảng (2 - 1930).

C. Cương lĩnh chính trị của Đảng do đồng chí Nguyễn Ái Quốc khởi thảo.

D. Câu A và B đều đúng.

Câu 29. Ban chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng Cộng sản Việt Nam đã họp Hội nghị toàn thể lần thứ nhất vào thời gian nào? Ở đâu?

A. 2 - 3 - 1930, tại Hương Cảng (Trung Quốc).

B. 10 - 1930, tại Hương Cảng (Trung Quốc).

C. 10 - 1930, tại Quảng Châu (Trung Quốc).

D. 3 - 1935, tại Ma Cao (Trung Quốc).

Câu 30. Trong các nội dung sau đây, nội dung nào không thuộc Luận cương chính trị tháng 10 - 1930?

A. Cách mạng Việt Nam phải trải qua hai giai đoạn: cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng xã hội chủ nghĩa.

B. Cách mạng do Đảng của giai cấp vô sản theo chủ nghĩa Mác Lê-nin lãnh đạo.

C. Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới.

D. Lực lượng để đánh đuổi đế quốc và phong kiến là công - nông. Đồng thời "phải biết liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông... để kéo họ vào phe vô sản giai cấp".

Câu 31: Đảng Cộng sản Việt Nam đổi tên thành Đảng Cộng sản Đông Dương vào thời gian nào?

A. Tháng 3 năm 1930. B. Tháng 5 năm 1930.

C. Tháng 10 năm 1930. D. Tháng 12 năm 1930.

Câu 32: Ý nghĩa lớn nhất về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là gì?

A. Là sự kết hợp tất yếu của quá trình đấu tranh dân tộc và giai cấp ở Việt Nam.

B. Mở ra một bước ngoặt lịch sử vô cùng quan trọng trong lịch sử Việt Nam.

C. Chấm dứt thời kì khủng hoảng đường lối của cách mạng Việt Nam.

D. Là bước chuẩn bị đầu tiên cho thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 15

1. D 2. A 3. C 4. B 5. C 6. D 7. C 8. B
9. C 10. D 11. D 12. A 13. B 14. C
15. 1B; 2E; 3A; 4I; 5H; 6C; 7G; 8D; 9K; 10L
16. B 17. C 18.C
19. 1 với B, E; 2 với A, D; 3 với C, F.
20. Nối 1 với C; 2 với A, D; 3 với B.
21. C 22. C 23. A 24. D 25. A 26. B 27. D 28. C
29. B 30. D 31. C 32. B

Chương II. VIỆT NAM TỪ NĂM 1930 ĐẾN NĂM 1945

Bài 16. PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930 – 1935

I. CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 –1933) đã tác động đến tình hình kinh tế và xã hội Việt Nam ra sao?

Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 –1933) diễn ra đầu tiên tại Mĩ sau đó lan rộng đến các nước tư bản chủ nghĩa, Pháp cũng bị thiệt hại nặng nề do khủng hoảng gây ra. Gánh nặng của khủng hoảng, thực dân Pháp đã trút lên đầu nhân dân ta, làm cho tình hình kinh tế và xã hội ở Việt Nam có nhiều biến đổi.

- Về kinh tế: Do Pháp tìm mọi cách trút gánh nặng của khủng hoảng lên vai nhân dân thuộc địa, kinh tế Việt Nam vốn phụ thuộc vào kinh tế Pháp đã phải chịu đựng những hậu quả nặng nề:

+ Về nông nghiệp: Giá lúa, nông sản hạ, ruộng đất bỏ hoang nhiều.

+ Về công nghiệp: Bị suy sụp.

+ Về thương nghiệp: Xuất khẩu bị đình đốn, hàng hóa khan hiếm, giá cả đắc đỏ.

- Xã hội: Đời sống của mọi giai cấp, tầng lớp ở Việt Nam đặc biệt là tầng lớp công nông hết sức khổ cực.

+ Nông dân: Mức thu nhập thấp do lúa gạo sụt giá, trong khi đó sưu thuế không ngừng tăng, tiếp tục bị bần cùng hóa và bị phá sản.

+ Công nhân: Thất nghiệp ngày càng đông, tiền lương giảm sút.

+ Tiểu tư sản thành thị: Điêu đứng vì các nghề thủ công bị phá sản, viên chức bị sa thải, học sinh ra trường không có việc làm.

+ Số đông tư sản dân tộc cũng gặp nhiều khó khăn.

Như vậy, cuộc khủng hoảng kinh tế và chính sách của đế quốc Pháp đã tác động đến tất cả các tầng lớp, giai cấp trong xã hội Việt Nam.

Câu 2: Vì sao phong trào cách mạng trong nửa đầu năm 1930 của toàn quốc và riêng ở Nghệ Tĩnh đã lên cao như vậy?

- Nguyên nhân làm phong trào cách mạng bùng nổ mạnh mẽ trong toàn quốc:

** Về kinh tế :*

Do bị đế quốc và phong kiến áp bức bóc lột nặng nề, thêm vào đó từ 1929-1933 thế giới lại diễn ra cuộc khủng hoảng kinh tế của CNTB, làm cho đời sống của nhân dân ta vốn đã khổn khổ càng thêm khốn khổ. Mâu thuẫn xã hội càng gay gắt, khiến cho nhân dân ta nhận thấy chỉ còn một con đường vùng lên đấu tranh chống ách áp bức bóc lột của thực dân, phong kiến, thoát khỏi cuộc đời trâu ngựa.

** Về chính trị :*

Đầu năm 1930, cuộc khởi nghĩa Yên Bái của Việt Nam Quốc dân đảng bùng nổ và thất bại. Lợi dụng cơ hội này bọn đế quốc tiến hành khủng bố trắng đối với cách mạng. Hàng nghìn người bị bắt, tra tấn, tù đày. Tình hình đó làm cho không khí chính trị ở Đông Dương vốn đã căng thẳng lại càng thêm căng thẳng.

** Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời:*

Cũng vào đầu năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, đề ta hai khẩu hiệu chiến lược: "Độc lập dân tộc"và "Ruộng đất dân cày". Hai khẩu hiệu này đã đáp ứng nguyện vọng đại đa số nhân dân, nhất là nông dân. Đảng đã kịp thời lãnh đạo nhân dân ta đấu tranh chống đế quốc Pháp và phong kiến tay sai giành độc lập, tự do.

Từ ba nguyên nhân ấy dẫn tới sự bùng nổ phong trào cách mạng 1930 – 1931 ở nước ta. Trong ba nguyên nhân trên Đảng ra đời và lãnh đạo là nguyên nhân cơ bản nhất, quyết định sự bùng nổ phong trào.

- Tại sao phong trào ở Nghệ Tĩnh lên cao:

Bên cạnh những nét chung, Nghệ Tĩnh có những nét riêng:

+ Chịu ách thống trị của đế quốc và phong kiến rất nặng nề và lại vùng đất nghèo.

+ Nhân dân Nghệ Tĩnh có truyền thống cách mạng.

+ Cơ sở công nghiệp Vinh- Bến Thủy là trung tâm kĩ nghệ lớn nhất Trung Kì, là điều kiện thuận lợi cho liên minh công nông.

+ Các tổ chức cộng sản và cơ sở đảng ở đây khá mạnh.

Câu 3: Căn cứ vào đâu để khẳng định rằng Xô viết Nghệ Tĩnh là hình thức sơ khai của chính quyền công nông ở nước ta, và đó thực sự là chính quyền cách mạng của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng?

Mặc dầu chỉ tồn tại trong thời gian ngắn nhưng chính quyền Xô viết Nghệ Tĩnh đã tỏ rõ bản chất cách mạng của mình. Đó là chính quyền của dân, do dân, vì dân. Bản chất cách mạng đó được thể hiện:

- Tổ chức chính quyền: Khi chính quyền địch ta rã ở nhiều địa phương, thì các chi bộ Đảng, Nông hội đỏ đã đứng ra quản lí đời sống nhân dân. Đây là kiểu chính quyền Xô viết Nga, do nông dân bầu ra các đại biểu của mình và có đại biểu của cong nhân làm cố vấn.

- Chính sách về chính trị: Thành lập chính quyền cách mạng do giai cấp công nhân lãnh đạo. Thực hiện các quyền tự do, dân chủ, lập các tổ chức quần chúng: Hội tương tế, Công hội, Nông hội, Hội phụ nữ giải phóng.... tổ chức các cuộc mít tinh, hội nghị để tuyên truyền giáo dục ý thức chính trị cho quần chúng.

- Chính sách về kinh tế: Chia ruộng đất công cho nông dân, giảm tô, xoá nợ, bãi bỏ các thứ thuế vô lí, thực hiện giảm tô xóa nợ.

- Chính sách về quân sự: Mỗi làng có một đội tự vệ vũ trang.

- Chính sách về văn hóa – xã hội: Phát động phong trào thực hiện đời sống mới, bài trừ mê tín dị đoan. Trật tự xã hội được đảm bảo, nạn trộm cướp không còn.

Câu 4: Cao trào cách mạng 1930 – 1931 với đỉnh cao là Xô viết Nghệ Tĩnh đã cho ta những bài học kinh nghiệm gì?

- Bài học về sự lãnh đạo của Đảng: Qua phong trào, giai cấp vô sản Việt Nam mà đại biểu là Đảng Cộng sản Đông Dương đã khẳng định quyền lãnh đạo và năng lực lãnh đạo của mình. Thực tiễn cho thấy tính chất đúng đắn của đường lối chiiến lược mà Đảng đề ra.

- Bài học về xây dựng liên minh công – nông: Qua phong trào khối liên minh công nông được hình thành. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, công nông đoàn kết với các tầng lớp nhân dân khác có khả năng lật đổ ách thống trị của đế quốc, phong kiến xây dựng một cuộc sống mới.

- Bài học về phương pháp giành chính quyền và giữ chính quyền bằng bạo lực cách mạng: Phong trào cho thấy rằng, khi quần chúng đã sục sôi căm thù đế quốc và phong kiến sẽ đứng lên dùng bạo lực cách mạng để đấu tranh giành chính quyền.

- Bài học về xây dựng chính quyền nhân dân, một hình thức chính quyền kiểu mới: Vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng là chính quyền nhà nước. Phong trào sau khi đấu tranh giành thắng lợi ở một số địa phương thuộc Nghệ An và Hà Tĩnh đã xây dựng chính quyền theo kiểu Xô viết ở Nga.

- Bài học về xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất: Trong thời kì này chưa có mặt trận dân tộc thống nhất nên chưa tập hợp được đông đảo các giai cấp và tầng lớp nhân dân nhằm đấu tranh chống thực dân và phong kiến. Đây là bài học mà Đảng ta rút ra để sau này đến thời kì cách mạng 1936 –1939 chủ trương thành lập Mặt trận Nhân dân thống nhất phản đế Đông Dương.

Câu 5: Căn cứ vào đâu để khẳng định rằng phong trào cách mạng nước ta từ năm 1933 đã phát triển trở lại ?

- Trước sự lớn mạnh của phong trào cách mạng 1930 –1931, thực dân Pháp tiến hành đàn áp khủng bố làm cho phong trào tạm thời lắng xuống, Đảng ta phải rút vào hoạt động bí mật để củng cố lực lượng chuẩn bị cho thời kì các mạng tiếp theo.

- Khi địch khủng bố, các cơ quan lãnh đạo của Đảng ở Trung ương và địa phương bị phá vỡ. Song ở các nhà tù, các đảng viên cộng sản và những người yêu nước tiếp tục đấu tranh, những đảng viên còn lại ở bên ngoài tìm cách dựng lại các tổ chức cơ sở Đảng và quần chúng. Năm 1932 theo chỉ thị của quốc tế cộng sản, đồng chí Lê Hồng Phong cùng với một số đảng viên cộng sản hoạt động ở trong nước và nước ngoài đã tổ chức ra Ban lãnh đạo của Đảng. Một chương trình hành động của Đảng được đề ra với nội dung chủ yếu là đòi các quyền dân sinh, dân chủ, trả tự do tù chính trị, cấp thiết phải củng cố, phát triển các tổ chức Đảng, tổ chức quần chúng.

- Từ năm 1933 phong trào phát triển trở lại, điều này được thể hiện:

+ Phong trào đấu tranh của quần chúng gồm: công nhân, nông dân, tiểu thương, tiểu chủ nối tiếp nổ ra ở Nam Kì, Tây Nguyên. . .

+ Cuối năm 1933, các tổ chức Đảng được xây dựng và củng cố.

+ Cuối năm 1934 đầu năm 1935, các xứ ủy Bắc Kì, Trung Kì, Nam Kì lần lượt được lập lại.

+ Tháng 3 - 1935, Đại hội lần thứ nhất của Đảng họp ở Ma Cao (Trung Quốc) đã thông qua Nghị quyết chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết về vận động quần chúng, bầu ra Ban chấp hành Trung ương để chuẩn bị cho cao trào cách mạng mới.

Câu 6: Qua thời kì cao trào cũng như thoái trào, vai trò lãnh đạo của Đảng thể hiện như thế nào?

- Thời kì cao trào: Đảng là người phát động và lãnh đạo phong trào:

+ Phong trào được sự chỉ đạo thống nhất của Đảng nổ ra từ Bắc chí Nam, ở cả công nhân, nông dân và các tầng lớp lao động khác, trong đó giai cấp công nhân là lực lượng đi đầu.

+ Mục tiêu đấu tranh: Không chỉ đòi quyền lợi cho công nhân, nông dân, các tầng lớp khác mà còn tỏ rõ dấu hiệu đoàn kết với vô sản thế giới. Tiêu biểu là cuộc biểu tình ngày 1-5-1930.

+ Dưới sự lãnh đạo của Đảng, cao trào đấu tranh đã nhằm vào hai kẻ thù chính của dân tộc là đế quốc Pháp và bọn phong kiến.

+ Hình thức đấu tranh: Kết hợp đấu tranh chính trị với vũ trang, trong đó đấu tranh chính trị là chủ yếu.

- *Thời kì thoái trào:*

Tuy bị thực dân Pháp đàn áp khủng bố dã man, phong trào tạm lắng xuống, các cơ sở đảng bị phá vỡ, song sức sống của Đảng không thể bị tiêu diệt. Vai trò lãnh đạo của Đảng vẫn được giữ vững và luôn đi đầu trong chống khủng bố, tuyên truyền giác ngộ, gây dựng lại cơ sở của Đảng và quần chúng.

+ Đấu tranh ở trong tù của các đảng viên cộng sản.

+ Gây dựng lại cơ sở và phong trào quần chúng.

+ Lợi dụng các diễn đàn công khai để tuyên truyền cổ động quần chúng theo các khẩu hiệu của Đảng.

+ Thành lập Ban lãnh đạo của Đảng và ra chương trình hành động để phát động quần chúng đấu tranh.

Câu 7: Nêu diễn biến và ý nghĩa của phong trào cách mạng 1930 -1931.

* *Diễn biến:*

- Phong trào trên toàn quốc.

+ Tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế và chính sách khủng bố của thực dân Pháp đã làm bùng lên phong trào đấu tranh mạnh mẽ của quần chúng do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

+ Mở đầu là cuộc bãi công của 3.000 công nhân đồn điền cao su Phú Riềng (2 - 1930), tiếp đó là cuộc bãi công của công nhân Nhà máy sợi Nam Định, Nhà máy diêm và cưa Bến Thuỷ, Nhà máy xi măng Hải Phòng (3 - 1930); hãng dầu Nhà Bè (Sài Gòn), đồn điền cao su Dầu Tiếng, xưởng đóng tàu Ba Son (4 - 1930).

+ Phong trào đấu tranh của nông dân nổ ra nhiều nơi, ở Thái Bình, Nam Hà, Nghệ An, Hà Tĩnh... Điểm mới là truyền đơn, cờ đỏ búa liềm của Đảng xuất hiện trên các đường phố Hà Nội và một số địa phương khác.

+ Phong trào đặc biệt mạnh mẽ từ tháng 5. Nhân ngày Quốc tế lao động 1 - 5 - 1930 lần đầu tiên giai cấp công nhân và nhân dân lao động nước ta dưới sự lãnh đạo của Đảng đã tỏ rõ sức mạnh đoàn kết của mình và đoàn kết với vô sản thế giới. Trên khắp cả nước xuất hiện cờ Đảng, truyền đơn tố cáo kẻ thù, khẩu hiệu kêu gọi quần chúng đấu tranh, diễn ra các cuộc mít tinh, biểu tình, tuần hành.

+ Từ ngày 1 - 5 - 1930 làn sóng đấu tranh tiếp tục dâng cao. Riêng tháng 5 có đến 16 cuộc đấu tranh của công nhân, 34 cuộc đấu tranh của nông dân, 4 cuộc đấu tranh của học sinh và dân nghèo thành thị.

- *Phong trào ở Nghệ Tĩnh:*

+ Nghệ Tĩnh là nơi có truyền thống đấu tranh cách mạng, Vinh – Bến Thuỷ có cơ sở Đảng, Công hội mạnh. Vì vậy phong trào nổ ra mạnh mẽ nhất. Ngày 1 - 5 - 1930 dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Nghệ An, công nhân Vinh – Bến Thuỷ và nông dân các vùng lân cận biểu tình thị uy giương cao cờ đỏ búa liềm và khẩu hiệu đòi tăng lương, giảm giờ làm, giảm sưu thuế xuất hiện nhiều nơi. Cùng ngày 1-5 - 1930, 3000 nông dân huyện Thanh Chương biểu tình phá đồn điền Trí Viễn lấy ruộng đất chia cho nông dân.

+ Ngày 1 - 8 - 1930, ngày kỉ niệm Quốc tế chống chiến tranh đế quốc, công nhân khu công nghiệp Vinh, Bến Thuỷ tổng bãi công, đánh dấu "Thời kì đấu tranh kịch liệt đã đến".

Từ ngày 1- 5 đến tháng 9 - 1930 ở nông thôn Nghệ Tĩnh đã nổ ra hàng loạt cuộc đấu tranh của nông dân dưới hình thức biểu tình có vũ trang tự vệ.

+ Ngày 12 - 9 - 1930, để hưởng ứng cuộc đấu tranh của nông dân các huyện và bãi công của công nhân Vinh – Bến Thuỷ, một cuộc biểu tình khổng lồ với 2 vạn người tham gia đã nổ ra ở Hưng Nguyên (Nam Đàn – Nghệ An) rồi định kéo về Vinh để đưa yêu sách. Thực dân Pháp đàn áp dã man làm 217 người chết, 126 người bị thương. Nhân dân vô cùng căm phẫn và đẩy mạnh đấu tranh.

Trong suốt tháng 9 và 10 - 1930 các huyện Thanh Chương, Diễn Châu, Hương Sơn... nông dân đã vũ trang khởi nghĩa. Công nhân Vinh, Bến Thuỷ đã bãi công lần thứ 3 trong hai tháng để ủng hộ phong trào nông dân.

+ Trước khí thế đấu tranh của quần chúng, bộ máy chính quyền địch ở nông thôn hai tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh hầu như tan rã. Ở những nơi đó, các ban chấp hành Nông hội dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng đứng ra quản lý mọi mặt đời sống chính trị, xã hội.

+ Ở nông thôn chính quyền cách mạng được thành lập theo kiểu Xô viết, Xô viết Nghệ Tĩnh duy trì được 4 đến 5 tháng thì bị đế quốc và phong kiến tay sai đàn áp.

+ Phong trào cách mạng của quần chúng, khoảng giữa 1931, thực dân Pháp tập trung lực lượng đàn áp các Xô viết. Chúng giết hại hàng ngàn người, chúng dìm Xô viết trong bể máu. Vì thế phong trào lắng dần và chuyển sang một giai đoạn mới.

+ Tất cả những sự kiện trên chứng tỏ rằng: Phong trào cách mạng 1930 – 1931 diễn ra với quy mô rộng lớn, mang tính chất cách mạng triệt để và có hình thức đấu tranh quyết liệt.

* *Ý nghĩa:*

- Phong trào cách mạng 1930 – 1931 với đỉnh cao Xô viết Nghệ Tĩnh là một sự kiện lịch sử trọng đại trong lịch sử cách mạng nước ta. Lần đầu tiên giai cấp công nhân và nhân dân lao động nước ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, đã vùng lên với một khí thế tấn công cách mạng chưa từng thấy, giáng một đòn quyết liệt vào bè lũ đế quốc và phong kiến tay sai.

- Thực tiễn của phong trào cho thấy: Dưới sự lãnh đạo của Đảng, giai cấp công nhân và nông dân đoàn kết với các tầng lớp nhân dân khác có khả năng lật đổ nền thống trị của đế quốc và phong kiến để xây dựng một cuộc sống mới.

- Đó là cuộc diễn tập lần đầu tiên chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám của nhân dân ta vì :

+ Lần đầu tiên Đảng được tập dượt lãnh đạo quần chúng đấu tranh.

+ Lần đầu tiên quần chúng được tập dượt đấu tranh dưới sự lãnh đạo của Đảng.

- Phong trào đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm quí báu cho Cách mạng tháng Tám sau này.

Câu 8: Chứng ninh rằng phong trào cách mạng 1930 –1931 với đỉnh cao là Xô viết Nghệ Tĩnh diễn ra với quy mô rộng khắp, mang tính chất cách mạng triệt để và sử dụng hình thức đấu tranh quyết liệt?

Ngay từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã phát động quần chúng đấu tranh chống thực dân, phong kiến để đòi độc lập dân tộc và ruộng đất dân cày.

Thực hiện mục tiêu đó, phong trào đã diễn ra với quy mô rộng khắp, mang tính chất cách mạng triệt để và sử dụng hình thức đấu tranh quyết liệt.

- *Tính quy mô rộng khắp:*

+ Phong trào đã phát triển trên quy mô cả nước, kéo dài suốt gần hai năm (từ đầu năm 1930 đến cuối năm 1931).

+ Phong trào đã thu hút được sự tham gia đông đảo các tầng lớp nhân dân, chủ yếu là quần chúng công nông, với hàng trăm cuộc đấu tranh lớn nhỏ, tiêu biểu là cuộc đấu tranh của 5.000 công nhân và nông dân Vinh – Bến Thủy vào ngày 1 - 5 -1930, cuộc biểu tình của hơn 2 vạn nông dân Thanh Chương ngày 1 - 9 - 1930 và cuộc biểu tình tuần hành của 6 vạn nông dân huyện Hưng Nguyên ngày 12 - 9 - 1930.

- *Tính cách mạng triệt để:*

+ Phong trào đã nhằm vào hai kẻ thù cơ bản của nhân dân ta là bọn đế quốc và phong kiến tay sai.

+ Tại một số nơi thuộc hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh, trước sức mạnh đấu tranh của quần chúng, hệ thống chính quyền địch bị tan rã từng mảng, bọn quan lại và cường hào bỏ trốn, chính quyền công nông binh thành lập dưới hình thức Xô viết.

- *Sử dụng hình thức đấu tranh quyết liệt:*

+ Phong trào sử dụng hình thức đấu tranh từ thấp đến cao, từ mít tinh biểu tình đến đốt huyện đường, phá nhà lao, kết hợp biểu tình thị uy với hoạt động nửa vũ trang để tiến công địch.

+ Trong tháng 9 và tháng 10 - 1930 phong trào đã sử dụng hình thức vũ trang khởi nghĩa cướp chính quyền địch thành lập chính quyền cách mạng.

Như vậy, phong trào cách mạng 1930 - 1931 mà đỉnh cao là Xô viết Nghệ Tĩnh là phong trào cách mạng rộng lớn đầu tiên của quần chúng công nông ở nước ta do Đảng lãnh đạo. Tính quy mô rộng lớn, tính chất cách mạng triệt để và hình thức đấu tranh quyết liệt của phong trào đã chứng minh bước phát triển nhảy vọt về chất của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở nước ta một khi có Đảng lãnh đạo.

Câu 9: Tại sao nói phong trào cách mạng 1930 –1931 mà đỉnh cao là Xô viết Nghệ Tĩnh là cuộc diễn tập đầu tiên chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám 1945?

- Mặc dầu cuối cùng bị thất bại, song phong trào cách mạng 1930 -1930 mà đỉnh cao là Xô viết Nghệ Tĩnh là thắng lợi đầu tiên có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ tiến trình phát triển tiếp theo của cách mạng nước ta. Phong trào đã tạo ra những nhân tố đầu tiên bảo đảm cho thắng lợi hoàn toàn của sự nghiệp cách mạng.

- Phong trào đã khẳng định trên thực tế vai trò lãnh đạo của Đảng. Qua phong trào này, uy tín của Đảng được xác lập trong quần chúng. Phong trào chứng tỏ đường lối cách mạng của Đảng là đúng đắn, đáp ứng được nguyện vọng cơ bản của quần chúng nhân dân đó "Độc lập dân tộc" và " Ruộng đất dân cày".

- Một kết quả to lớn nữa là, phong trào đã xây dựng được trong thực tế khối liên minh công nông.

- Qua phong trào lần đầu tiên quần chúng đã sáng tạo ra một hình thức chính quyền mới, một mô hình xã hội mới ở nước ta.

- Phong trào đã để lại những bài học kinh nghiệm quý giá: Bài học về vai trò lãnh đạo của Đảng; Bài học về thực hiện liên minh công nông; Bài học về sử dụng bạo lực cách mạng; Bài học về xây dựng chính quyền . . .

Chính vì những lẽ trên, phong trào cách mạng 1930 - 1931 mà đỉnh cao là Xô viết Nghệ Tĩnh là cuộc diễn tập đầu tiên chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám 1945.

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Trong các nguyên nhân sau đây, nguyên nhân nào là cơ bản nhất, quyết định sự bùng nổ phong trào cách mạng 1930 - 1931?

A. Ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933.

B. Thực dân Pháp tiến hành khủng bố trắng sau khởi nghĩa Yên Bái.

C. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, kịp thời lãnh đạo công nhân và nông dân đứng lên chống đế quốc và phong kiến.

D. Địa chủ phong kiến cấu kết với thực dân Pháp đàn áp, bóc lột thậm tệ đối với nông dân.

Câu 2. Hai khẩu hiệu mà Đảng ta vận dụng trong phong trào cách mạng 1930 - 1931 là khẩu hiệu nào?

A. “Độc lập dân tộc” và “Ruộng đất dân cày”.

B. “Tự do dân chủ”và “Cơm áo hòa bình”.

C. “Tịch thu ruộng đất của đế quốc Việt gian” và “Tịch thu ruộng đất của địa chủ phong kiến”

D. " Chống đế quốc", "Chống phát xít".

Câu 3. Từ tháng 2 đến tháng 4 năm 1930, phong trào nổ ra mạnh nhất ở đâu?

A. Ở Trung Kì. B. Ở Bắc Kì. C. Ở Nam Kì. D. Trong cả nước.

Câu 4. Các số liệu sau đây, số liệu nào đúng nhất:

A. Riêng trong tháng 5 - 1930, cả nước có 50 cuộc đấu tranh của nông dân, 20 cuộc đấu tranh của nông dân, 8 cuộc đấu tranh của học sinh và dân nghèo thành thị.

B. Riêng trong tháng 5 - 1930, cả nước có 30 cuộc đấu tranh của nông dân, 40 cuộc đấu thanh của công nhân, 4 cuộc đấu tranh của học sinh và dân nghèo thành thị.

C. Riêng trong tháng 5 - 1930, cả nước có 34 cuộc đấu tranh của nông dân, 16 cuộc đấu tranh của công nhân và 4 cuộc đấu tranh của học sinh và dân nghèo thành thị.

D. Riêng trong tháng 5 - 1930, cả nước có 16 cuộc đấu tranh của nông dân, 34 cuộc đấu tranh của công nhân và 4 cuộc đấu tranh của học sinh và dân nghèo thành thị.

Câu 5. Từ tháng 5 đến tháng 8 - 1930, trung tâm của phong trào cách mạng chủ yếu diễn ra ở đâu?

A. Ở miền Trung. B. Ở miền Bắc. C. Ở miền Nam. D.Trong cả nước.

Câu 6. Điều gì đã chứng tỏ rằng: Từ tháng 9 - 1930 trở đi phong trào cách mạng 1930 - 1931 dần dần đạt tới đỉnh cao?

A. Phong trào diễn ra khắp cả nước.

B. Sử dụng hình thức vũ trang khởi nghĩa và thành lập chính quyền Xô viết Nghệ Tĩnh.

C. Vấn đề ruộng đất của nông dân được giải quyết triệt để.

D. Đã thực hiện liên minh công- nông vững chắc.

Câu 7. Các sự kiện sau đây, sự kiện nào đúng?

A. Tháng 2 - 1930, 3000 công nhân đồn điền Phú Riềng bãi công.

B. Ngày 1 - 5 - 1930, 3000 công nhân huyện Thanh Chương nổi dậy phá đồn điền Trí Viễn.

C. Ngày 12 - 9 - 1930, hơn 2 vạn nông dân Hưng Nguyên, Nam Đàn, Nghệ An nổi dậy biểu tình.

D. Tất cả các sự kiện trên đều đúng.

Câu 8. Chính quyền Xô viết Nghệ Tĩnh đã tỏ rõ bản chất cách mạng của mình. Đó là chính quyền của dân, do dân và vì dân. Tính chất đó được thể hiện ở những điểm cơ bản nào?

A. Thực hiện các quyền tự do dân chủ.

B. Chia ruộng đất cho dân nghèo, bãi bỏ các thứ thuế vô lý.

C. Xóa bỏ các tập tục lạc hậu, xây dựng đời sống mới.

D. Tất cả đều đúng.

Câu 9. Hãy chọn cụm từ thích hợp để điền vào chỗ trống câu sau đây: “Phong trào cách mạng 1930-1931 với đỉnh cao là Xô viết Nghệ Tĩnh là một sự kiện lịch sử trọng đại trong lịch sử cách mạng nước ta. Phong trào đã..............”.

A. Đánh bại hoàn toàn bọn thực dân Pháp và bọn phong kiến.

B. Giáng một đòn quyết liệt vào bè lũ đế quốc, phong kiến tay sai

C. Để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho Cách mạng thángTám năm1945.

D. Làm lung lay tận gốc chế độ phong kiến ở nông thôn.

Câu 10. Qua thực tế lãnh đạo phong trào cách mạng 1930 - 1931, Đảng ta được trưởng thành nhanh chóng. Do đó, tháng 4 - 1931, Đảng ta được Quốc tế Cộng sản công nhận:

A. Là một chi bộ của Quốc tế Cộng sản.

B. Là một Đảng trong sạch vững mạnh.

C. Là một Đảng đủ khả năng lãnh đạo cách mạng.

D. Là một Đảng của giai cấp công nhân Việt Nam.

Câu 11. Trong thời kì đấu tranh để phục hồi lực lượng cách mạng, tại nhà tù Hỏa Lò (Hà Nội) các chi bộ đã ra những tờ báo nào để bồi dưỡng lý luận chủ nghĩa Mác - Lê-nin cho đảng viên.

A. “Ý kiến chung”, “Đuốc đưa đường”.

B. “Đuốc đưa đường”, “Con đường chính nghĩa”.

C. “Tiếng dân”, “Nhành lúa”.

D. Tất cả các tờ báo trên.

Câu 12. Hệ thống tổ chức Đảng trong nước nói chung đã được khôi phục vào thời gian nào?

A. Đầu năm 1932. B. Đầu năm 1933.

C. Cuối năm 1935. D. Cuối năm 1934 đầu 1935.

Câu 13. Điểm nổi bật nhất trong phong trào cách mạng 1930 - 1931 là gì?

A. Vài trò lãnh đạo của Đảng và liên minh công- nông.

B. Thành lập được đội quân chính trị của đông đảo quần chúng.

C. Đảng được tập dượt trong thực tiễn lãnh đạo đấu tranh.

D. Quần chúng được tập dượt đấu tranh dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Câu 14. Hai khẩu hiệu "Độc lập dân tộc" và "Ruộng đất dân cày" được thể hiện rõ nét nhất trong thời kỳ cách mạng nào?

A. 1930 - 1931 B. 1932 - 1935 C. 1936 - 1939 D. 1939 - 1945

Câu 15. Tính chất cách mạng triệt để của phong trào cách mạng 1930 - 1931 được thể hiện như thế nào?

A. Phong trào thực hiện sự liên minh công – nông vững chắc.

B. Phong trào đấu tranh liên tục từ Bắc đến Nam.

C. Phong trào đã giáng một đòn quyết liệt vào bọn thực dân, phong kiến.

D. Phong trào đã sử dụng hình thức vũ trang khởi nghĩa, đã giành được chính quyền ở một số địa phương thuộc Nghệ - Tĩnh và thành lập chính quyền cách mạng Xô Viết Nghệ - Tĩnh.

Câu 16. Phong trào cách mạng 1930 -1931 đạt đến đỉnh cao trong thời điểm lịch sử nào?

A. Từ tháng 2 đến tháng 4 - 1930. B. Từ tháng 5 đến tháng 8 - 1930.

C. Từ tháng 9 đến tháng 10 - 1930. D. Từ tháng 1 đến tháng 5 - 1931.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 16

1. C	2. A	3. B	4. C	5. A	6. B	7. D	8. D
9. B	10. A	11. B	12. D	13. A	14. A	15. D	16. C

Bài 17. PHONG TRÀO DÂN CHỦ 1936 – 1939

I. CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Bối cảnh lịch sử của cao trào dân chủ 1936 - 1939?

** Tình hình thế giới:*

- Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 - 1933 đã gây nên hậu quả nghiêm trọng, nhất là các nước tư bản chủ nghĩa phát triển.

+ Tại các nước tư bản chủ nghĩa: Kinh tế suy sụp, mâu thuẫn xã hội gay gắt.

+ Một số nước tư bản đã giải quyết khủng hoảng bằng con đường phát xít hóa chế độ.

+ Chủ nghĩa phát xít Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản đã trở thành nguy cơ đe dọa nền hòa bình và an ninh thế giới.

- Trước tình hình đó, Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ VII họp ở Mát-xcơ-va (7 - 1935).

+ Xác định kẻ thù nguy hiểm, trước mắt của nhân dân thế giới là chủ nghĩa phát xít.

+ Chủ trương thành lập Mặt trận nhân dân chống chủ nghĩa phát xít ở các nước.

- Thực hiện Nghị quyết của Quốc tế Cộng sản, nhiều nước thành lập Mặt trận nhân dân. Ở Pháp, đầu năm 1936 Mặt trận Nhân dân Pháp đã giành thắng lợi trong cuộc tuyển cử và lên cầm quyền. Chính phủ của Mặt trận Nhân dân Pháp đã ban hành chính sách tiến bộ đối với các nước thuộc địa: thả tự do cho chính trị phạm; thành lập ủy ban điều tra tình hình thuộc địa, thi hành một số cải cách xã hội cho nhân dân lao động.

** Tình hình trong nước :*

- Do những chính sách về tự do dân chủ của chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp mà ở Việt Nam một số tù chính trị được trả tự do và tìm cách hoạt động trở lại.

- Do cuộc khủng hoảng kinh tế, Pháp lại tiếp tục chính sách bóc lột, khủng bố và đàn áp làm cho đời sống của mọi tầng lớp nhân dân Việt Nam đều bị sa sút.

- Đảng ta và lực lượng cách mạng đã phục hồi, cách mạng có thêm điều kiện để chuyển sang thời kì đấu tranh mới.

Câu 2: So với thời kì 1930 - 1931, chủ trương sách lược cách mạng của Đảng và hình thức đấu tranh trong thời kì này có gì khác? Vì sao?

NỘI DUNG	*1930 - 1931*	*1936 - 1939*
Kẻ thù	Đế quốc, phong kiến	Phản động Pháp và tay sai
Nhiệm vụ	Chống đế quốc, giành độc lập dân tộc Chống phong kiến, giành ruộng đất cho dân cày.	Chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, phản động tay sai, đòi tự do, dân chủ, cơm áo hòa bình.
Mặt trận		Mặt trận Nhân dân phản đế Đông Dương sau đổi thành Mặt trận Dân chủ Đông Dương.
Hình thức phương pháp cách mạng	Bí mật, bất hợp pháp Bạo động vũ trang	Hợp pháp, công khai, bán công khai.

Như vậy so với thời kì 1930 -1931, chủ trương, sách lược và hình thức đấu tranh trong thời kì này đều có nét khác. Sở dĩ có sự khác nhau như vậy là do hoàn cảnh lịch sử thay đổi so với trước. Đặc biệt, Mặt trận nhân dân Pháp đã ban hành các chính sách về tự do dân chủ và ân xá tù chính trị cho các nước thuộc địa. Lợi dụng cơ hội này Đảng ta chủ trương đấu tranh đòi các quyền dân sinh, dân chủ.

Câu 3: Trong cao trào dân chủ 1936 - 1939, có sự kiện nào tiêu biểu nhất?

Có hai sự kiện tiêu biểu nhất:

- Giữa năm 1936, Đảng chủ trương phát động phong trào đấu tranh công khai, vận động thành lập

" Uỷ ban trù bị Đại hội Đông Dương" nhằm thu thập nguyện vọng của quần chúng, tiến tới đại hội Đông Dương (6 - 1936). Hưởng ứng chủ trương trên, các "Uỷ ban hành động" nối tiếp nhau ra đời ở nhiều địa phương trong cả nước.

- Đầu năm 1937, nhân việc đón phái viên của Chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp và viên toàn quyền mới xứ Đông Dương là Gô-đa, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quần chúng khắp nơi trong nước, đông đảo và hăng hái nhất là công nhân và nông dân, biểu dương lực lượng qua các cuộc mít tinh, biểu tình đưa dân nguyện.

Câu 4: Hãy trình bày những chủ trương của Đảng trong cuộc vận động dân chủ 1936 -1939?

Căn cứ tình hình thế giới, trong nước và vận dụng đường lối của Quốc tế cộng sản. Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ nhất (7 - 1936) đã đề ra chủ trương chỉ đạo chiến lược và sách lược mới.

- Xác định kẻ thù cụ thể, trước mắt của nhân dân Đông Dương chưa phải là thực dân Pháp nói chung, mà là bọn thực dân phản động thuộc địa và tay sai của chúng, không chịu thi hành chính sách của chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp.

- Tạm gác khẩu hiệu "Đánh đổ đế quốc Pháp, Đông Dương hoàn toàn độc lập" và khẩu hiệu : "Tịch thu ruộng đất của địa chủ cho dân cày", nêu nhiệm vụ trước mắt của nhân dân Đông Dương là : Chống phát xít, chống chiến tranh, chống phản động thuộc địa và tay sai, đòi "tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình".

- Quyết định thành lập Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương (7 - 1936) sau đổi thành Mặt trận dân chủ Đông Dương (3 - 1938), nhằm tập hợp các giai cấp, tầng lớp, Đảng phái thực hiện các nhiệm vụ trên. Các tổ chức quần chúng của Mặt trận đều thay đổi cho phù hợp: Công hội, Nông hội được hay bằng Hội cứu tế, Hội Ái hữu, Đoàn Thanh niên Cộng sản được thay bằng Đoàn Thanh niên dân chủ.

- Hình thức về phương pháp đấu tranh là lợi dụng triệt để những khả năng hợp pháp và nửa hợp pháp, công khai và nửa công khai để vận động quần chúng. Bên cạnh hoạt động bí mật, lần đầu tiên Đảng điều một bộ phận ra hoạt động công khai.

Chủ trương của Đảng đáp ứng nguyện vọng bức thiết của quần chúng, làm dấy lên phong trào đấu tranh sôi nổi, mạnh mẽ.

Câu 5: Diễn biến của cuộc vận động dân chủ 1936 - 1939? Kết quả và ý nghĩa?

** Diễn biến:*

- Phong trào Đại hội Đông Dương

Giữa năm 1936, được tin chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp cử một phái đoàn sang điều tra tình hình ở Đông Dương. Đảng phát động phong trào đấu tranh công khai vận động thành lập "Ủy ban trù bị Đông Dương Đại hội" nhằm thu thập nguyện vọng của nhân dân tiến tới Đại hội Đông Dương. Hưởng ứng chủ trương, các "Ủy ban hành động" nối tiếp nhau ra đời ở nhiều địa phương trong cả nước. Quần chúng sôi nổi tổ chức của các cuộc mít tinh, hội họp diễn thuyết để thu thập "dân nguyện".

- *Phong trào đấu tranh đòi tự do, dân chủ*

+ Đầu năm 1937: có các cuộc mít tinh, biểu tình đưa dân nguyện nhân dịp phái viên của chính phủ Pháp và toàn quyền Đông Dương mới sang Việt Nam.

+ Nhiều cuộc bãi công, bãi thi, bãi khoá mít tinh, biểu tình tiếp tục diễn ra: tiêu biểu là cuộc bãi công của công nhân Công ti than Hòn Gai, ơ Nhà máy xe lửa Trường thi.

+ Vào ngày 1 - 5 - 1938, tại Quảng trường Nhà Đấu xảo Hà Nội, diễn ra cuộc mít tinh khổng lồ với hơn 2 vạn người tham gia, hô vang các khẩu hiệu: đòi tự do lập Hội ái hữu, nghiệp đoàn, thi hành luật lao động, đòi giảm thuế, chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc ủng hộ hòa bình.

- *Đấu tranh trên lĩnh vực sách báo*

+ Hàng loạt tờ báo được in và phát hành rộng rãi: "Tin tức", "Thời mới", "An Na trẻ", "Tiền phong", "Dân chúng", "Lao động". Có tờ in cả tiếng Việt và tiếng Pháp.

+ Cuốn sách "Vấn đề dân cày" của Qua Ninh và Vân Đình (Trường Chinh và Võ Nguyên Giáp) có tác dụng to lớn trong việc tuyên truyền chủ nghĩa Mác – Lê-nin và chủ trương chính sách của Đảng.

- *Đấu tranh nghị trường*

Cuộc vận động đưa người của Đảng và của Mặt trận vào Hội đồng quản hạt ở Nam Kì và Viện dân biểu ở Bắc Kì và Trung Kì đã diễn ra sôi nổi. Một số đại biểu trúng cử đã dùng tiếng nói của mình để hạn chế những chính sách phản động của bọn thực dân.

- Như vậy, tất cả những sự kiện trên chứng tỏ rằng phong trào dân chủ 1936 - 1939 là một phong trào có quy mô rộng lớn, lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia, với hình thức đấu tranh rất phong phú.

- Đến tháng 9 - 1939 khi Chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ, phong trào đấu tranh dân chủ ở Đông Dương chấm dứt hẳn để chuyển sang một thời kì đấu tranh mới.

** Kết quả và ý nghĩa:*

- Kết quả:

+ Phong trào đấu tranh công khai hợp pháp 1936 - 1939 đã làm cho trình độ chính trị và khả năng công tác của cán bộ, đảng viên được nâng cao.

+ Qua lãnh đạo phong trào quần chúng uy tín và ảnh hưởng của đảng viên mở rộng và ăn sâu.

+ Qua phong trào này, tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và chủ trương, chính sách của Đảng được phổ biến rộng rãi.

+ Đã hình thành được đội quân chính trị của quần chúng hàng triệu người, cả ở thành thị và nông thôn.

- *Ý nghĩa :*

+ Phong trào đấu tranh công khai, hợp pháp 1936 - 1939 thực sự là một cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ rộng lớn.

+ Đây là cuộc diễn tập lần thứ hai chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám 1945.

+ Phong trào đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm quí giá: Bài học về vận động tổ chức quần chúng. Bài học về hình thức đấu tranh và khẩu hiệu đấu tranh.

Câu 6: Vì sao nói phong trào cách mạng 1936 - 1939 là cuộc diễn tập lần thứ hai chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám 1945?

Nếu như phong trào cách mạng 1930 - 1931 đã tạo ra những nhân tố cơ bản đảm bảo cho thắng lợi Cách mạng tháng Tám thì phong trào 1936 - 1939 lại tiếp tục bồi bổ và phát triển những nhân tố đó lên một bước mới cao hơn.

- Thông qua phong trào này Đảng đã được trưởng thành thêm về tư tưởng và tổ chức. Nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác – Lê-nin càng ngày càng thêm thấm nhuần trong tư tưởng, hành động của các đảng viên cộng sản và ăn sâu, toả rộng trong các tầng lớp nhân dân. Đảng đã xây dựng và phát triển được một đội ngũ cán bộ có năng lực và giàu kinh nghiệm, đồng thời phát triển thêm các tổ chức cơ sở, tăng cường mối dây liên hệ với quần chúng. Qua phong trào, nghệ thuật chỉ đạo chiến lược cách mạng của Đảng, trình độ giác ngộ của đảng viên và uy tín của Đảng nâng lên một bước rõ rệt.

- Cùng với sự trưởng thành của Đảng, lực lượng cách mạng cũng lớn mạnh không ngừng. Qua thực tiễn đấu tranh, Đảng đã xây dựng một đội quân chính trị hùng hậu gồm hàng triệu người ở cả thành thị và nông thôn, tập hợp trong một mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi. Cũng qua đấu tranh mà quần chúng cách mạng được tôi luyện và thử thách dày dạn.

- Phong trào cách mạng 1936 - 1939 còn để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý giá cho giai đoạn cách mạng sau. Đó là bài học về tổ chức, tập hợp quần chúng đấu tranh; bài học về sử dụng hình thức và phương pháp đấu tranh phong phú.

- Phong trào cách mạng 1936 - 1939 đã chuẩn bị những điều kiện cần thiết để đưa Đảng và quần chúng cách mạng bước vào thời kì đấu tranh trực tiếp giành chính quyền. Vì vậy, đây là cuộc diễn tập lần thứ hai chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám 1945.

Câu 8: Hãy tìm những đặc điểm về hình thức đấu tranh, nhiệm vụ chính trị, hình thức tổ chức quần chúng, mặt trận trong thời kì 1936 - 1939?

- Về hình thức đấu tranh: Đấu tranh công khai, hợp pháp, bán công khai, bán hợp pháp, bất hợp pháp và bí mật. Đây là thời kì sử dụng hình thức đấu tranh phong phú nhất. Chủ yếu là đấu tranh chính trị.

- Về nhiệm vụ chính trị: Chống bọn phản động thuộc địa và tay sai đòi các quyền tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình.

- Về hình thức tổ chức quần chúng: Tập hợp quần chúng trong mặt trận, đã lôi kéo lực lượng chính trị của quần chúng hàng triệu người đứng về phía cách mạng.

- Về công tác mặt trận: Trước tiên thành lập Mặt trận Nhân dân thống nhất phản đế Đông Dương đến 3 - 1938 đổi thành Mặt trận Dân chủ Đông Dương cho phù hợp với mục tiêu đấu tranh.

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Sau những cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933, chủ nghĩa phát xít đã nắm được chính quyền ở đâu?

A. Ở Đức, Pháp, Nhật.
B. Ở Đức, Tây Ban Nha, Ý.
C. Ở Đức, I-ta-li-a, Nhật.
D. Ở Đức, Áo, Hung-ga-ri.

Câu 2. Chủ nghĩa phát xít có đặc điểm nào để phân biệt với chủ nghĩa tư bản?

A. Độc tài tàn bạo nhất, sô vanh nhất.
B. Bóc lột thậm tệ đối với công nhân.
C. Đế quốc chủ nghĩa nhất của bọn tư bản tài chính.
D. Câu A và C đều đúng

Câu 3. Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ VII họp vào thời gian nào? Ở đâu?

A. Tháng 6 - 1934 tại Ma Cao (Trung Quốc).
B. Tháng 7 - 1935 tại Mát-xcơ-va (Liên Xô).
C. Tháng 3 - 1935 tại Ma Cao (Trung Quốc).
D. Tháng 7 - 1935 tại I-an-ta (Liên Xô).

Câu 4. Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản đã xác định kẻ thù nguy hiểm trước mắt của nhân dân thế giới là bọn nào?

A. Chủ nghĩa đế quốc, thực dân.
B. Chủ nghĩa quân phiệt và chủ nghĩa đế quốc.
C. Không phải là chủ nghĩa đế quốc nói chung mà là chủ nghĩa phát xít.
D. Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc.

Câu 5. Tại Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản, đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Đông Dương do ai dẫn đầu đến dự Đại hội?

A. Nguyễn Ái Quốc.
B. Phạm Văn Đồng.
C. Nguyễn Văn Cừ.
D. Lê Hồng Phong.

Câu 6. Trong năm 1936, mặt trận nhân dân nước nào làm nòng cốt, thắng cử vào nghị viện và lên cầm quyền.

A. Nước Đức.
B. Nước Pháp.
C. Nước Anh.
D. Nước Tây Ban Nha.

Câu 7. Một số tù chính trị ở Việt Nam được thả ra đã nhanh chóng tìm cách hoạt động trở lại. Đó là nhờ chính sách của tổ chức nào?

A. Mặt trận Nhân dân Pháp.
B. Mặt trận Nhân dân Liên Xô.
C. Quốc tế Cộng sản.
D. Thực dân Pháp.

Câu 8. Những sự kiện nào sau đây có liên quan đến cuộc vận động dân chủ 1936 - 1939?

A. Nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản.
B. Thực dân đàn áp dã man Xô viết Nghệ Tĩnh.
C. Thắng lợi của Mặt trận Nhân dân Pháp năm 1936.
D. Câu A và C đúng.

Câu 9. Căn cứ vào tình hình thế giới, trong nước và tiếp thu đường lối của Quốc tế cộng sản, Đảng Cộng sản Đông Dương nhận định kẻ thù trước mắt của nhân dân Đông Dương là bọn nào?

A. Thực dân Pháp.
B. Bọn phản động thuộc địa cùng bè lũ tay sai không chịu thi hành chính sách của Mặt trận Nhân dân Pháp.
C. Bọn phong kiến.
D. Câu A và B đúng.

Câu 10. Nhiệm vụ cách mạng được Đảng ta xác định trong thời kì 1936 - 1939 là gì?

A. Đánh đuổi đế quốc Pháp, Đông Dương hoàn toàn độc lập.
B. Tịch thu ruộng đất của địa chủ phong kiến chia cho dân cày.
C. Chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, chống bọn phản động thuộc địa, đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình.
D. Tất cả đều đúng.

Câu 11. Ngay từ năm 1936, Đảng ta đề ra chủ trương thành lập mặt trận với tên gọi là gì?

A. Mặt trận Dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương.
B. Mặt trận Nhân dân phản đế Đông Dương.

C. Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

D. Mặt trận Việt Minh.

Câu 12. Đến tháng 3 - 1938, tên gọi của mặt trận ở Đông Dương là gì?

A. Mặt trận Dân chủ thống nhất Đông Dương.

B. Mặt trận Thống nhất phản đế Đông Dương

C. Mặt trận Nhân dân phản đế Đông Dương.

D. Mặt trận Việt Minh.

Câu 13. Về hình thức và phương pháp đấu tranh trong thời kì 1936 - 1939 diễn ra như thế nào?

A. Hợp pháp và nửa hợp pháp, công khai và nửa công khai.

B. Kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang.

C. Lợi dụng tình hình thế giới và trong nước đấu tranh công khai đối mặt với kẻ thù.

D. Đấu tranh trên lĩnh vực nghị trường là chủ yếu.

Câu 14. Phong trào Đông Dương Đại hội diễn ra trong thời gian nào?

A. Từ giữa năm 1936 đến tháng 9 năm 1936.

B. Từ cuối năm 1936 đến cuối năm 1937.

C. Từ giữa năm 1936 đến tháng 3 năm 1938.

D. Từ năm 1936 đến năm 1939.

Câu 15. Qua các cuộc mít tinh biểu tình, đưa "dân nguyện", lực lượng nào tham gia đông đảo và hăng hái nhất?

A. Công nhân và nông dân. B. Học sinh và thợ thủ công.

C. Trí thức và dân nghèo thành thị. D. Câu A và C đúng.

Câu 16. Cuộc mít tinh lớn nhất trong cuộc vận động dân chủ 1936 - 1939, diễn ra vào thời gian nào? Ở đâu?

A.Vào ngày 1 - 8 - 1936, tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội).

B. Vào ngày 1 - 5 - 1938, tại Bến Thủy, Vinh.

C. Vào ngày 1- 5 - 1939, tại Hà Nội.

D. Vào ngày 1 - 5 - 1938, tại nhà Đấu xảo – Hà Nội.

Câu 17. Tác phẩm "Vấn đề dân cày" của Qua Ninh và Vân Đình được in và phát hành rộng rãi trong cuộc vận động dân chủ 1936-1939. Vậy Qua Ninh và Vân Đình là ai?

A. Sóng Hồng và Xuân Thủy. B. Nguyễn Ái Quốc và Phạm Văn Đồng.

C. Trường Chinh và Võ Nguyên Giáp. D. Trần Phú và Hà Huy Tập.

Câu 18. Trong những năm 1937 - 1938, Đảng Cộng sản Đông Dương lợi dụng khả năng hợp pháp đưa người của Đảng và của Mặt trận vào Hội đồng Quản hạt ở Nam Kì và Viện dân biểu ở Bắc- Trung Kì nhằm mục đích gì?

A.Vận động bọn tay sai của thực dân Pháp đứng về phía cách mạng để đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ.

B. Mở rộng địa bàn hoạt động trong cả nước, gây cơ sở cách mạng trong toàn quốc.

C. Nắm bắt tình hình để đối phó với kẻ thù trong bất cứ tình huống nào đồng thời chuẩn bị tiến đến thực hiện cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

D. Tất cả cùng sai.

Câu 19. Trong cuộc vận động dân chủ 1936 - 1939, có hai sự kiện tiêu biểu nhất, đó là hai sự kiện nào?

A. Phong trào Đại hội Đông Dương và phong trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ.

B. Phong trào đấu tranh trên lĩnh vực báo chí và nghị trường.

C. Phong trào đón Gô-đa và đấu tranh nghị trường.

D. Phong trào báo chí và đòi đan sinh dân chủ.

Câu 20. Nét nổi bật nhất của cuộc vận động dân chủ 1936 - 1939 là gì?

A. Uy tín và ảnh hưởng của Đảng được mở rộng và ăn sâu trong quần chúng nhân dân.

B. Tư tưởng và chủ trương của Đảng được phổ biến, trình độ chính trị và công tác của đảng viên được nâng cao.

C. Tập hợp được một lực lượng công – nông hùng mạnh.

D. Đảng đã tập hợp được một lực lượng chính trị của quần chúng đông đảo và sử dụng hình thức, phương pháp đấu tranh phong phú.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 17

1. C	2. D	3. B	4. C	5. D	6. B	7. A	8. D
9. B	10. C	11. B	12. A	13. A	14. D	15. A	16. D
17. C	18. D	19. A	20. D				

Bài 18. PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC 1939 – 1945

I. CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Tình hình Việt Nam trong Chiến tranh thế giới thứ hai có gì mới?

- Tháng 9 - 1939 chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ, tháng 6 - 1940 phát xít Đức chiếm đóng nước Pháp, bọn phản động Pháp hoàn toàn đầu hàng và chính phủ tay sai Pê-tanh lên cầm quyền ở Pháp.

- Ở Viễn Đông, phát xít Nhật đẩy mạnh chiến tranh xâm lược Trung Quốc và tiến sát biên giới Việt – Trung.

- Đứng trước hai nguy cơ: Cách mạng Đông Dương và sự đe dọa trắng trợn của phát xít Nhật, thực dân Pháp thi hành chính sách hết sức phản động đối với nhân dân ta.

* *Về chính trị:* Thực dân Pháp thi hành chính sách thời chiến, phát xít hóa bộ máy thống trị, thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng, thủ tiêu các quyền tự do dân chủ mà nhân dân ta giành được trong thời kì vận động dân chủ, chĩa mũi nhọn vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Mặt khác, chúng thỏa hiệp với Nhật áp bức, bóc lột nhân dân Đông Dương. Đảng Cộng sản Đông Dương đã kịp thời rút vào hoạt động bí mật chuẩn bị cho cao trào cách mạng mới.

* *Về kinh tế:* Thi hành chính sách "kinh tế chỉ huy" để tăng cường vơ vét sức người sức của ném vào lò lửa chiến tranh.

Chính những việc làm đó đã gây mâu thuẫn giữa dân tộc ta với đế quốc Pháp và tay sai trở nên gay gắt.

Câu 2: Phân tích các điều kiện dẫn tới sự ra đời của Mặt trận Dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương?

- Trong điều kiện lịch sử mới, nguy cơ xâm lược của phát xít Nhật, Pháp điên cuồng đàn áp cách mạng làm cho mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với đế quốc Pháp đã sâu sắc, ngày càng sâu sắc. Đảng ta kịp thời rút vào hoạt động bí mật và triệu tập Hội nghị Trung ương Đảng lần VI (11 - 1939) để chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng Việt Nam. Hội nghị đã xác định:
- Kẻ thù cụ thể trước mắt của nhân dân Đông Dương là chủ nghĩa đế quốc, phát xít.
- Nhiệm vụ trung tâm trước mắt của cách mạng Đông Dương là đánh đổ đế quốc, phát xít Pháp – Nhật và tay sai, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập. Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu và cấp bách. Các nhiệm vụ khác (cả nhiệm vụ chống phong kiến) phải nhằm giải quyết nhiệm vụ đó.
- Hội nghị chủ trương thành lập Mặt trận Dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương thay cho Mặt trận dân chủ Đông Dương nhằm đoàn kết rộng rãi dân tộc, thực hiện những nhiệm vụ cấp bách của cách mạng.

Câu 3: Nhiệm vụ cách mạng trung tâm của thời kì này là gì? Hội nghị Trung ương lần thứ 6 đã có quyết định gì mới?

- Nhiệm vụ trung tâm của cách mạng lúc này là giải phóng dân tộc, đây là nhiệm vụ hàng đầu và cấp bách.
- Hội nghị có quyết định mới là chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng so với thời kì 1936 –1939:
- Nhiệm vụ trung tâm trước mắt của cách mạng Đông Dương là đánh đổ đế quốc, phát xít Pháp – Nhật và tay sai, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập. Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu và cấp bách. Các nhiệm vụ khác (cả nhiệm vụ chống phong kiến) phải nhằm giải quyết nhiệm vụ đó.
- Hội nghị chủ trương thành lập Mặt trận Dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương thay cho Mặt trận Dân chủ Đông Dương nhằm đoàn kết rộng rãi dân tộc, thực hiện những nhiệm vụ cấp bách của cách mạng.
- Hội nghị quyết định thay đổi hình thức và phương pháp đấu tranh cho phù hợp: Từ đấu tranh đòi dân sinh dân chủ đến đấu tranh trực tiếp đánh đổ chính quyền của đế quốc, tay sai, từ hoạt động hợp pháp sang hoạt động bí mật và bất hợp pháp, đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang và khởi nghĩa vũ trang.
- Hội nghị quyết định tạm ngát khẩu hiệu "cách mạng ruộng đất", mà chỉ đề ra khẩu hiệu: "tịch thu ruộng đất của thực dân đế quốc và địa chủ tay sai chia cho dân nghèo".

Như vậy, Hội nghị Trung ương lần 6 (11 - 1939) đánh dấu sự chuyển hướng đầu tiên nhưng vô cùng đúng đắn về chỉ đạo chiến lược cách mạng và phương pháp cách mạng của Đảng, mở đường cho thắng lợi của Cách mạng tháng Tám.

Hội nghị thể hiện sự nhạy bén chính trị và năng lực sáng tạo của Đảng trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Câu 4: Tóm tắt diễn biến cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kì và cuộc binh biến Đô Lương?

** Khởi nghĩa Bắc Sơn (27 - 9 - 1940)*

- Ngày 22 - 9 - 1940, Nhật đánh úp Lạng Sơn, Pháp thua rút chạy qua châu Bắc Sơn. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương nhân dân đã vùng dậy tước vũ khí của Pháp tự vũ trang cho mình, giải tán chính quyền địch, thành lập chính quyền cách mạng (27 - 9 - 1940).
- Mấy hôm sau, Nhật – Pháp thỏa hiệp với nhau. Pháp tập trung lực lượng đàn áp nhân dân Bắc Sơn rất dã man.
- Từ 27 - 9 đến 20 - 10 - 1940, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương, nhân dân Bắc Sơn đấu tranh chống khủng bố, trừng trị bọn tay sai địch, tịch thu tài sản của đế quốc và tay sai chia đều cho dân nghèo, đồng thời thành lập đội du kích Bắc Sơn.
- Ngày 20 - 10 - 1940, Pháp củng cố lực lượng tấn công và đàn áp cách mạng, đánh úp Vũ Lăng. Đội du kích Bắc Sơn rút vào rừng tiếp tục hoạt động. Đây là lực lượng vũ trang đầu tiên của ta.

** Khởi nghĩa Nam Kì (23 - 11 - 1940)*

Quân Thái Lan với sự giúp đỡ của Nhật. Lợi dụng cơ hội quân Pháp bại trận ở châu Âu và yếu thế ở Đông Dương, tiến hành khiêu khích xung đột biên giới Lào, Cam-pu-chia. Để chống lại, thực dân Pháp bắt lính người Việt ra mặt trận chết thay cho chúng. Nhân dân, nhất là binh lính người Việt rất bất bình và sôi sục khí thế đấu tranh.

- Tình thế cấp bách nên Đảng bộ Nam Kì phải quyết định khởi nghĩa tuy chưa có sự chuẩn bị, lệnh đình chỉ khởi nghĩa của Đảng ngoài Bắc vào chậm. Trước ngày khởi sự, một số cán bộ chỉ huy bị bắt, kế hoạch khởi nghĩa bị lộ, thực dân Pháp tìm cách đối phó.
- Tuy vậy, khởi nghĩa vẫn nổ ra theo sự dự kiến vào đêm 22 rạng sáng ngày 23-11-1940 ở hầu hết các tỉnh Nam Kì. Nghĩa quân triệt hạ nhiều đồn bót giặc, phá tan nhiều chính quyền địch, thành lập chính quyền nhân dân và tòa án cách mạng ở nhiều địa phương. Cờ đỏ sao vàng lần đầu tiên xuất hiện từ trong khởi nghĩa quần chúng.
- Thực dân Pháp dùng nhiều thủ đoạn đàn áp dã man khởi nghĩa. Chúng bắt đi đày hàng nghìn chiến sĩ yêu nước, xử bắn một số chiến sĩ ưu tú của Đảng bị bắt trước cuộc khởi nghĩa : Nguyễn Văn Cừ, Hà Huy Tập, Nguyễn Thị Minh Khai.
- Cơ sở Đảng bị tổn thất nặng, một số cán bộ và nghĩa quân bí mật rút vào rừng, chấn chỉnh đội ngũ chờ cơ hội hoạt động trở lại.

** Binh biến Đô Lương (13 - 01 - 1941):*

- Phong trào cách mạng của quần chúng đã ảnh hưởng đến tinh thần của binh lính người Việt trong quân đội Pháp. Tại Nghệ An, binh lính rất bất bình vì bị bắt sang Lào làm bia đỡ đạn cho Pháp chống Thái Lan.
- Ngày 13 - 01 - 1941 dưới sự lãnh đạo của Đội Cung (Nguyễn Văn Cung), binh lính kéo đến chợ Rạng (Đô Lương - Nghệ An) nổi dậy. Tối hôm đó, họ đánh chiếm đồn Đô Lương rồi định kéo về Vinh nhưng kế hoạch không thành. Đội Cung bị thực dân Pháp bắt và xử tử cùng 10 đồng chí của ông ta tại Vinh. Nhiều người khác bị kết án khổ sai và đem đi đày.

Câu 5: Nguyên nhân thất bại và ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa và binh biến trên?

- *Nguyên nhân thất bại:* Cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kì và cuộc binh biến Đô Lương cuối cùng bị thất bại, do thực dân Pháp lúc đó còn mạnh, khởi nghĩa nổ ra chưa chín muồi, chưa đúng thời cơ.

- *Ý nghĩa của ba sự kiện trên :*

+ Nói lên lòng yêu nước nồng nàn, thể hiện tinh thần đấu tranh bất khuất vì độc lập tự do của dân tộc ta.

+ Giáng một đòn chí tử vào thực Pháp, cảnh cáo nghiêm khắc phát xít Nhật vừa mới đặt chân lên đất nước ta. "Đó là những tiếng súng báo hiệu của cuộc khởi nghĩa toàn quốc".

+ Để lại cho cách mạng nhiều bài học kinh nghiệm quí giá, nhất bài học về thời cơ khởi nghĩa. Riêng khởi nghĩa Bắc Sơn để lại cho cách mạng đội du kích Bắc Sơn, khởi nghĩa Nam Kì để lại cho cách mạng lá cờ đỏ sao vàng năm cánh, sau này trở thành Quốc kì – một biểu tượng thiêng liêng của đất nước.

Câu 6: Thực dân Pháp đã đầu hàng rồi cấu kết từng bước với phát xít Nhật từ sau năm 1940 như thế nào?

Sau khi xâm lược Trung Quốc, Nhật đưa quân vào Đông Dương, dùng sức ép buộc Pháp phải kí một loạt các hiệp ước bất bình đẳng, rồi lần lượt dâng Đông Dương cho Nhật.

- Ngày 30 - 8 - 1940, Nhật buộc Pháp kí Hiệp định Tô-ki-ô, gồm các nội dung:

+ Nhật được sử dụng ba sân bay lớn ở Bắc Kì: Gia Lâm, Cát Bi, Phủ Lạng Thương.

+ Nhật được đóng 6.000 quân ở phía bắc Sông Hồng.

+ Nhật được sử dụng các con đường ở Bắc Kì để vận chuyển binh lính, vũ khí, lương thực....

- Sau khi đổ bộ vào Đồ Sơn, đánh Hải Phòng, Lạng Sơn (22 - 9 - 1940), đến đầu tháng 7 - 1941, Nhật buộc Pháp kí Hiệp ước "Cam kết phòng thủ Đông Dương với Nhật". Thực tế là Nhật đã chỉ huy Pháp về mặt quân sự.

- Tháng 12 - 1941, Nhật buộc Pháp kí Hiệp ước "Cam kết hợp tác toàn diện với Nhật":

+ Tạo mọi sự dễ dàng cho việc hành binh của Nhật.

+ Cung cấp lương thực, bố trí doanh trại cho quân Nhật.

+ Bảo đảm hậu phương an toàn cho quân Nhật. Như vậy, về cơ bản Nhật đã làm chủ Đông Dương. Từ đó, Pháp Nhật cấu kết chặt chẽ với nhau trong việc bóc lột nhân dân Đông Dương. Nhân dân Đông Dương phải gánh chịu hai tầng xiềng xích Nhật - Pháp.

Câu 7: Căn cứ vào tình hình như thế nào mà Đảng Cộng sản Đông Dương đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên trên hế?

** Thế giới :*

- Chiến tranh thế giới lần thứ hai đã bước sang năm thứ ba, sau khi chiếm phần lớn Châu Âu, phát xít Đức chuẩn bị tấn công Liên Xô, Nhật mở rộng xâm lược Trung Quốc, chuẩn bị chiến tranh Thái Bình Dương.

** Trong nước:*

- Nhật nhảy vào Đông Dương, Pháp đầu hàng Nhật, Nhật lấn từng bước để biến Đông Dương thành thuộc địa và căn cứ chiến tranh của chúng.

- Nhân dân Đông Dương phải chịu hai tầng áp bức, bóc lột của Pháp – Nhật, mâu thuẫn giữa các dân tộc Đông Dương với đế quốc, phát xít Pháp – Nhật phát triển gay gắt, vận mệnh các dân tộc Đông Dương nguy vong hơn bao giờ hết.

- Nhân dân Đông Dương ngày càng cách mạng hóa, nhiều cuộc đấu tranh đã nổ ra, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn (9 - 1940) Nam Kì (11 - 1940) và cuộc binh biến Đô Lương (1 - 1941).

- Trước tình hình thế giới và trong nước ngày càng khẩn trương, ngày 28 - 1 - 1941 Nguyễn Ái Quốc về nước và triệu tập Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8, họp từ ngày 10 đến 19 - 5 - 1941 tại Bắc Pó (Cao Bằng) chủ trương đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên trên hết.

Câu 8: Ý nghĩa và tầm quan trọng của Hội nghị Trung ương lần thứ 8 tháng 5 năm 1941?

- *Ý nghĩa:*

Hội nghị Trung lần thứ 8 có ý nghĩa lịch sử to lớn, đã hoàn chỉnh việc chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng của Đảng đề ra từ Hội nghị Trung ương lần thứ 6:

+ Kiên quyết giương cao hơn nữa ngọn cờ giải phóng dân tộc, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu và cấp thiết hơn bao giờ hết.

+ Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chiến lược chống đế quốc và phong kiến.

+ Đề ra phương pháp cách mạng cụ thể: tích cực chuẩn bị lực lượng để khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền, đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa.

- *Tầm quan trọng của Hội nghị:*

+ Động viên toàn Đảng, toàn dân tích cực chuẩn bị tiến tới Cách mạng tháng Tám.

+ Với chủ trương của Hội nghị, Mặt trận Việt Minh ra đời, qua đó Đảng xây dựng được khối đoàn kết toàn dân vững chắc. Tiếp đó lực lượng vũ trang lần lượt ra đời, căn cứ địa cách mạng thành lập, phong trào đấu tranh phát triển mạnh mẽ chuẩn bị tiến tới tổng khởi nghĩa trong toàn quốc.

Câu 9: Từ năm 1941 đến 1945 lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang của cách mạng đã được xây dựng và phát triển như thế nào?

** Xây dựng lực lượng chính trị :*

- Tại Bắc Sơn - Vũ Nhai: Lực lượng du kích thống nhất thành Cứu quốc quân và phát động chiến tranh du kích trong 8 tháng (từ tháng 7 - 1941 đến tháng 2 - 1942) sau đó phân tán thành nhiều bộ phận để gây cơ sở trong quần chúng.

- Tại Cao Bằng: Cao Bằng là nơi thí điểm xây dựng các Hội cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh. Đến năm 1942 khắp 9 châu đều có Hội cứu quốc, Ủy ban Việt Minh tỉnh Cao Bằng và Ủy ban Việt Minh liên tỉnh Cao – Bắc – Lạng lập ra 19 ban xung phong "Nam tiến" để phát triển lực lượng cách mạng xuống các tỉnh miền xuôi.

- Ở các nơi khác: Đảng tranh thủ tập hợp nhân dân vào Mặt trận cứu quốc, năm 1943 đưa ra "Bản đề cương văn hóa Việt Nam" và vận động thành lập "Hội văn hóa cứu quốc Việt Nam". Báo chí của Đảng phát triển rất phong phú góp phần quan trọng vào việc tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng, thu hút đông đảo quần chúng vào hàng ngũ cách mạng.

- Phong trào Việt Minh đặc biệt phát triển, lực lượng chính trị của quần chúng ngày càng củng cố khi Hội nghị Thường vụ Trung ương Đảng (2 - 1943) chủ trương tập hợp rộng rãi cac tầng lớp nhân dân khác như: Học sinh, sinh viên, trí thức, tư sản dân tộc vào mặt trận cứu quốc tăng cường vận động binh lính, tranh thủ ngoại kiều ở Đông Dương có tinh thần chống phát xít... Phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng cũng được phát triển.

- Sau chỉ thị sửa soạn khởi nghĩa (7 - 5 - 1944) và kêu gọi sắm sửa vũ khí đuổi thù chung (8 - 1944) phong trào trong các Hội cứu quốc phát triển mạnh, đặc biệt ở hai căn cứ Bắc Sơn – Vũ Nhai và Cao Bằng, quần chúng đã sẵn sàng nổi dậy.

** Xây dựng lực lượng vũ trang và chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang:*

- Tại Bắc Sơn – Vũ Nhai: Đội du kích Bắc Sơn được duy trì và lớn dần lên, đầu năm 1941, kết hợp với đội du kích Thái Nguyên thành lập đội Cứu quốc quân. Cứu quốc quân phát động chiến tranh du kích chống khủng bố, bảo vệ dân.

- Cứu qốc quân mở rộng hoạt động ra nhiều huyện thuộc các tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang, Vĩnh Yên, Phú Thọ... Tháng 2 năm 1944 phát triển thêm một trung đội nữa.

- Sau chỉ thị sửa soạn khởi nghĩa của Tổng bộ Việt Minh ở Vũ Nhai (Thái Nguyên), cuộc khởi nghĩa nổ ra quá sớm, làm cho lực lượng cách mạng ở đây bi tổn thất. Trung ương quyết định chuyển thành chiến tranh du kích để bảo toàn lực lượng.

- Tại Cao Bằng: Cuối năm 1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc thành lập đội tự vệ vũ trang làm nhiệm vụ bảo vệ cơ quan đầu não của Đảng. Tiếp đó nhiều đội tự vệ, du kích khác được thành lập.

- Ngày 22 - 12 - 1944, theo Chỉ thị của Hồ Chí Minh, đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân được thành lập và hai ngày sau đã hạ đồn Phay Khắt – Nà Ngần.

Ngày 9 - 3 - 1945, Nhật đảo chính Pháp, tiếp theo Chỉ thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" của Đảng, Mặt trận Việt Minh ra lệnh kêu gọi đồng bào toàn quốc đẩy mạnh cao trào kháng Nhật cứu nước.

- Tháng 5 - 1945, sát nhập "Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân" với "Cứu quốc quân" thành "Việt Nam Giải phóng quân".

Đến Cách mạng tháng Tám, Mặt trận Việt Minh đã phát triển rộng khắp, và đóng vai trò quan trọng trong khởi nghĩa giành chính quyền.

Câu 10: Tại sao Nhật đảo chính Pháp? Và bọn Pháp ở Đông Dương thất bại nhục nhã ra sao?

** Tại sao Nhật đảo chính Pháp?*

- Ngày 22 - 9 - 1940, Nhật chính thức nhảy vào Đông Dương, thực dân Pháp đã cấu kết với Nhật để đàn áp nhân dân Đông Dương nhưng sự cấu kết này chỉ là tạm thời. Càng về sau mâu thuẫn Nhật – Pháp càng sâu sắc vì hai tên đế quốc không thể ăn chung một miếng mồi béo bở.

- Vào đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc, phe phát xít liên tiếp thất bại trên các chiến trường, thủ đô Pa-ri – Pháp được giải phóng, chính quyền Pê-tanh đổ, chính phủ Đờ-gôn lên cầm quyền.

- Ở mặt trận Thái Bình Dương, Nhật bị khốn đốn. Ở Đông Dương, thực dân Pháp muốn nhân cơ hội đó ngóc đầu dậy. Để trừ hậu họa về sau, Nhật bất ngờ làm cuộc đảo chính vào đêm 9 - 3 - 1945.

** Thất bại của Pháp:*

- Đêm 9 - 3 - 1945, Nhật nổ súng lật đổ Pháp trên toàn cõi Đông Dương. Quân Pháp chống cự yếu ớt, chỉ sau vài giờ chống trả đã nhanh chóng đầu hàng, dâng toàn bộ Đông Dương cho Nhật .

Câu 11: Đảng Cộng sản Đông Dương đã có những chủ trương và khẩu hiệu gì để đẩy cách mạng tiến tới?

- Ngay đêm 9 - 3 - 1945 Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã họp, phân tích tình hình và nhận định cuộc đảo chính Nhật – Pháp đã đưa đến hậu quả là gây ra cuộc khủng hoảng chính trị lớn đối với Nhật, làm cho tình thế cách mạng xuất hiện. Từ đó, Hội nghị đi tới chủ trương phát động một cao trào kháng Nhật cứu nước thật mạnh mẽ trong toàn quốc, làm tiền đề cho một cuộc Tổng khởi nghĩa và sẵn sàng chuyển sang hình thức Tổng khởi nghĩa khi thời cơ đến.

- Ngày 12 - 3 - 1945, Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị: "Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta". Nội dung của chỉ thị :

+ Vạch rõ nguyên nhân và hậu quả của cuộc đảo chính Nhật – Pháp.

+ Xác định kẻ thù chính, duy nhất của nhân dân ta lúc bấy giờ là Nhật cùng bọn tay sai của chúng.

+ Kêu gọi quần chúng đứng lên kháng Nhật cứu nước, làm tiền đề cho tổng khởi nghĩa và sẵn sàng chuyển sang tổng khởi nghĩa khi thời cơ đến.

+ Phát động quần chúng nổi dậy đấu tranh dưới nhiều hình thức, kể cả hình thức khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.

+ Thay đổi mọi hình thức hoạt động, hình thức đấu tranh cho phù hợp với thời kì tiền khởi nghĩa. Thay khẩu hiệu: "Đánh đuổi Nhật – Pháp" bằng khẩu hiệu "Đánh đuổi phát xít Nhật" và đề ra khẩu hiệu "Thành lập chính quyền cách mạng của nhân dân Đông Dương".

- Ngoài ra, chỉ thị còn chỉ rõ : do tình hình tương quan lực lượng giữa ta và địch ở mỗi nơi không giống nhau, cách mạng có thể chín muồi ở các địa phương không đều nhau, nên nơi nào thấy so sánh lực lượng có lợi cho cách mạng thì tiến hành khởi nghĩa từng phần, giành chính quyền từng bộ phận, rồi tiến tới Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn quốc.

- Như vậy, chỉ thị "Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" có giá trị, ý nghĩa như một ngọn cờ dẫn dắt toàn dân ta tiến hành cao trào kháng Nhật cứu nước, tạo điều kiện cho sự sáng tạo của các địa phương trên cơ sở đường lối chung của Đảng.

- Tháng 4 - 1945, Hội nghị quân sự Bắc Kì đã quyết định thống nhất các lực lượng vũ trang thành Việt Nam giải phóng quân, thành lập Ủy ban quân sự Bắc Kì, khu giải phóng Việt Bắc cũng ra đời vào tháng 6 - 1945.

- Từ những sự kiện trên chúng ta thấy rằng, đường lối chủ trương của Đảng là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Đảng và Mặt trận, trực tiếp dẫn tới thắng lợi tổng khởi nghĩa tháng Tám.

Câu 12: Chủ trương tập hợp rộng rãi lực lượng dân tộc, xây dựng mặt trận thống nhất do Hội nghị lần thứ 6 (11 - 1939) và Hội nghị lần thứ 8 (5 - 1941) Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đề ra như thế nào?

- Để giành độc lập, phải tập hợp rộng rãi lực lượng dân tộc, xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất. Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (11 - 1939) đã chủ trương thành lập Mặt trận Dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương.

- Mặt trận Dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương đoàn kết rộng rãi các tầng lớp, các giai cấp, các dân tộc, kể cả cá nhân yêu nước ở Đông Dương, chĩa mũi nhọn vào kẻ thù chủ yếu trước mắt là chủ ngiã đế quốc - phát xít Pháp – Nhật, giành độc lập dân tộc cho các nước Đông Dương.

- Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (5 - 1941) dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc, tập hợp lực lượng, xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất cho từng nước ở Đông Dương. Ở Việt Nam, Đảng ta thành lập Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Mặt trận Việt Minh).

- Mặt trận Việt Minh liên hiệp hết thảy các giới đồng bào yêu nước, không phân biệt giàu nghèo, già trẻ, gái trai, không phân biệt tôn giáo và xu hướng chính trị, đặng cùng nhau mưu cuộc dân tộc giải phóng và sinh tồn.

Câu 13: Từ Hội nghị Trung ương lần 6 (11 - 1939) đến Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (5 - 1941), Đảng ta đề ra và hoàn chỉnh chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, sách lược cho cách mạng Việt Nam thời kì 1939 - 1945 như thế nào?

- Trước những biến chuyển của tình hình thế giới và trong nước, tháng 11-1939, Đảng họp Hội nghị Trung ương lần thứ 6, đề ra chủ trương:

+ Đặt vấn đề dân tộc lên hàng đầu và cấp bách của cách mạng Đông Dương.

+ Tạm gác khẩu hiệu cách mạng "cách mạng ruộng đất", thay bằng khẩu hiệu địa tô cao, chống cho vay nặng lãi, tịch thu ruộng đất của bọn thực dân đế quốc và địa chủ tay sai chia cho dân cày nghèo.

+ Tập hợp lực lượng yêu nước ở Đông Dương để thành lập một mặt trận chung: Mặt trận Thống nhất phản đế Đông Dương thay cho Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

+ Phát động quần chúng nổi dậy khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.

Hội nghị lần thứ 6 của Đảng là sự chuyển hướng chỉ đạo về chiến lược và phương pháp cách mạng của Đảng.

- Đến tháng 1 - 1941, Nguyễn Aí Quốc về nước triệu tập Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (từ ngày 10 đến 19 - 5 - 1941).

+ Hội nghị xác định kẻ thù của nhân dân Đông Dương lúc này là đế quốc, phát xít Pháp – Nhật và các lực lượng phản cách mạng tay sai của chúng.

+ Mâu thuẫn giữa các dân tộc Đông Dương với đế quốc – phát xít là mâu thuẫn chủ yếu nhất, vận mệnh của các dân tộc Đông Dương nguy vong không lúc nào bằng. Nguyễn Ái Quốc nói: "Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc, không đòi được độc lập tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm sau cũng không đòi được".

+ Hội nghị quyết định giương cao hơn nữa ngọn cờ giải phóng dân tộc để đánh đuổi đế quốc, phát xít Pháp – Nhật.

+ Hội nghị chủ trương tiếp tục tạm gác khẩu hiệu "cách mạng ruộng đất", chỉ tịch thu ruộng đất của bọn đế quốc và Việt gian, chia lại ruộng đất công, giảm địa tô.

+ Hội nghị khẳng định: Chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ của toàn Đảng và toàn dân ta.

+ Hội nghị quyết định đặt vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước Đông Dương, song các dân tộc phải đoàn kết, cùng nhau chống kẻ thù chung là Pháp – Nhật, phải liên hệ mật thiết với Liên Xô và các lực lượng dân chủ chống phát xít. Ở mỗi nước thành lập một mặt trận đoàn kết dân tộc. Ở Việt Nam là Việt Nam độc lập đồng minh gọi tắt là Mặt trận Việt Minh.

Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 đã hoàn chỉnh việc chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, sách lược cách mạng đã đề ra trong Hội nghị trung ương lần thứ 6 (11 - 1939). Nó có tác dụng quyết định trong việc vận động toàn Đảng, toàn dân chuẩn bị tiến tới Cách mạng tháng Tám.

Câu 14: Hoạt động của Mặt trận Việt Minh và vai trò của nó đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945 như thế nào?

a. Quá trình chuẩn bị của Mặt trận Việt Minh để tiến tới giành thắng lợi trong Cách mạng tháng Tám

** Xây dựng lực lượng chính trị:*

- Tại Bắc Sơn – Vũ Nhai: Lực lượng du kích thống nhất thành Cứu quốc quân và phát động chiến tranh du kích trong 8 tháng (từ tháng 7 - 1941 đến tháng 2 - 1942) sau đó phân tán thành nhiều bộ phận để gây cơ sở trong quần chúng.

- Tại Cao Bằng: Cao Bằng là nơi thí điểm xây dựng các Hội cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh. Đến năm 1942 khắp 9 châu đều có Hội cứu quốc, Ủy ban Việt Minh tỉnh Cao Bằng và Ủy ban Việt Minh liên tỉnh Cao – Bắc – Lạng lập ra 19 ban xung phong "Nam tiến" để phát triển lực lượng cách mạng xuống các tỉnh miền xuôi.

- Ở các nơi khác: Đảng tranh thủ tập hợp nhân dân vào Mặt trận cứu quốc, năm 1943 đưa ra "Bản đề cương văn hóa Việt Nam" và vận động thành lập "Hội văn hóa cứu quốc Việt Nam".

** Xây dựng căn cứ địa cách mạng.*

- Tháng 8 - 1942, hai căn cứ Bắc Sơn – Vũ Nhai và Cao Bằng nối liền nhau.

- Lực lượng cách mạng phát triển trong khu vực rộng lớn Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Hà Giang, Thái Nguyên, Tuyên Quang.

- Đến tháng 6 - 1945, khu giải phóng Việt Bắc ra đời, là hình ảnh thu nhỏ của một nước Việt Nam mới.

** Xây dựng lực lượng vũ trang và chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang:*

- Ngày 7 - 5 - 1944 Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị "Sửa soạn khởi nghĩa" và kêu gọi nhân dân "sắm sửa vũ khí đuổi thù chung". Không khí chuẩn bị khởi nghĩa sục sôi trong căn cứ.

- Ngày 22 - 12 - 1944, theo chỉ thị của Hồ Chí Minh, đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân được thành lập và hai ngày sau đã hạ đồn Phay Khắt – Nà Ngần.

- Ngày 9 - 3 - 1945, Nhật đảo chính Pháp, tiếp theo Chỉ thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" của Đảng, Mặt trận Việt Minh ra lệnh kêu gọi đồng bào toàn quốc đẩy mạnh cao trào kháng Nhật cứu nước.

- Tháng 5 - 1945, sát nhập "Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân" với "Cứu quốc quân" thành "Việt Nam Giải phóng quân".

- Đến Cách mạng tháng Tám, Mặt trận Việt Minh đã phát triển rộng khắp, và đóng vai trò quan trọng trong khởi nghĩa giành chính quyền.

b. Vai trò của Mặt trận Việt Minh.

- Mặt trận Việt Minh đã tập hợp đông đảo quần chúng hình thành nên lực lượng chính trị đông đảo, cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng, động viên sức mạnh của cả dân tộc, thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, phân hoá và cô lập kẻ thù.

- Trên cơ sở phát triển các đoàn thể cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh, lực lượng vũ trang cách mạng hình thành và phát triển, cùng với lực lượng quần chúng đông đảo tạo nên sức mạnh tổng hợp nổi dậy giành chính quyền.

- Mặt trận Việt Minh là sáng tạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, là một điển hình trong công tác mặt trận của Đảng.

Câu 15: Vai trò của Hồ Chí Minh đối với việc tổ chức lãnh đạo cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, chủ yếu từ năm 1941 đến năm 1945?

- Sau 30 năm bôn ba ở hải ngoại, đến ngày 28 - 1 - 1941, Nguyễn Ái Quốc về nước, tại Bắc Pó – Cao Bằng, Người đã tổ chức và chủ trì Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 (10 đến 19 - 5 - 1941) để hoàn thành chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược được đề ra trong Hội nghị Trung ương lần thứ 6. Đó là:

+ Giương cao hơn nữa ngọn cờ giải phóng dân tộc.

+ Giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước Đông Dương, thành lập Mặt trận Việt Minh.

+ Đề ra chủ trương khởi nghĩa giành chính quyền, từ khởi nghĩa từng phần phát triển lên tổng khởi nghĩa khi thời cơ thuận lợi, đặt nhiệm vụ chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là trung tâm.

- Hoạt động chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.

+ Sáng lập Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là mặt trận Việt Minh), một hình thức mặt trận có tổ chức khắp cả nước do Người đứng dầu, là một trung tâm đoàn kết đấu tranh chống Pháp – Nhật giành độc lập.

+ Ra chỉ thị thành lập đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân (22 - 12 - 1944), là đội quân chính quy cách mạng.

+ Tổ chức xây dựng căn cứ cách mạng: ban đầu là căn cứ địa Cao Bằng, đến tháng 6 - 1945 thành lập khu giải phóng Việt Bắc, bầu Ủy ban giải phóng do Người đứng đầu.

- Năm 1942 và năm 1945 Người đi Trung Quốc liên hệ tranh thủ sự ủng hộ của các lực lượng Đồng minh dân chủ chống phát xít.

- Sáng suốt dự đoán thời cơ cách mạng và khi thời cơ đến Người triệu tập Đại hội Quốc dân họp ở Tân Trào để quyết định lệnh Tổng khởi nghĩa. Sau đó Người gởi thư kêu gọi đồng bào cả nước đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền.

- Thành lập chính phủ cách mạng của nước Việt Nam mới do Người đứng đầu. Soạn thảo và công bố Tuyên ngôn Độc lập khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (2-9-1945).

Câu 16: Nêu những điểm chung và những nét khác nhau của các thời kì cách mạng từ 1930 đến 1945?

a. Những điểm chung:

- Đều khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng trong thực tiễn đấu tranh cách mạng.
- Đều tập hợp và tôi luyện quần chúng đấu tranh, nhất là quần chúng công - nông.

- Đều là những cuộc diễn tập trên con đường đi tới thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945.
- Đều để lại những bài học kinh nghiệm quý giá cho thời kì cách mạng sau.

b. Những điểm riêng:

- Thời kì 1930 - 1931: Nổi bật về vai trò của liên minh công nông; hình thức nhà nước của dân, do dân, vì dân đó là Xô viết Nghệ Tĩnh theo kiểu Nga.
- Thời kì 1932 - 1935: Nổi bật về sự vững vàng của Đảng trước chính sách khủng bố dã man của đế quốc.
- Thời kì 1936 - 1939: Nổi bật với việc kết hợp các phương pháp đấu tranh, tập hợp và xây dựng đội quân chính trị hùng hậu của quần chúng.
- Thời kì 1939 - 1945: Nổi bật với việc giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc; tập hợp lực lượng quần chúng rộng rãi trong mặt trận dân tộc thống nhất đấu tranh đánh đuổi quân xâm lược; tổ chức lực lượng vũ trang kết hợp với lực lượng chính trị nổi dậy giành chính quyền.

Trong những điểm chung và điểm riêng đó thì điểm chung là rất quan trọng vì dù trong thời kì nào cũng đều chịu sự lãnh đạo thống nhất của Đảng. Sở dĩ có những điểm riêng là do hoàn cảnh lịch sử của mỗi thời kì khác nhau.

Câu 17: Hãy lập bảng so sánh về tên gọi, nhiệm vụ và lực lượng tham gia các tổ chức mặt trận thống nhất của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn 1930 –1945?

Tên gọi	Nhiệm vụ	Lực lượng tham gia
Mặt trận Nhân dân phản đế Đông Dương. Tháng 3-1938 là Mặt trận Dân chủ Đông Dương.	Chống bọn phản động thuộc địa và tay sai, đòi các quyền tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình.	Tất cả các giai cấp, các tầng lớp nhân dân yêu nước và dân chủ trong xã hội, kể cả địa chủ yêu nước, quan lại tiến bộ, các nho sĩ, các nhà tu hành, những người Pháp dân chủ ở Đông Dương.
Mặt trận Dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương (11 - 1939).	Chống thực dân Pháp, phát xít Nhật làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập. Giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc. Tạm gác nhiệm vụ giai cấp.	Tất cả các giai cấp, tầng lớp, tôn giáo, đảng phái làm nhiệm vụ giải phóng dân tộc.
Mặt trận Việt Minh (19-5- 1941).	Tập hợp quần chúng, xây dựng, chuẩn bị lực lượng chính trị, vũ trang, căn cứ địa cách mạng. Lãnh đạo phong trào kháng Nhật cứu nước. Lãnh đạo Cách mạng tháng Tám, đánh đuổi phát xít Nhật, giành chính quyền.	Bao gồm nhiều nhiều giai cấp và tầng lớp khác nhau, không phân biệt giàu nghèo, sang hèn, tôn giáo hay chủng tộc. Tập hợp lực lượng quần chúng từ thành thị đến nông thôn.

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Đảng ta xác định kẻ thù trong giai đoạn cách mạng 1939-1945 là bọn nào?

A. Bọn phản động thuộc địa và tay sai của chúng.

B. Bọn đế quốc và phát xít.

C. Bọn thực dân và phong kiến.

D. Bọn phát xít Nhật.

Câu 2. Hội nghị lần 6 (11 - 1939) của Ban chấp hành Trung ương Đảng đã xác định nhiệm vụ của cách mạng Đông Dương lúc này là gì?

A. Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp lên hàng đầu.

B. Chống chủ nghĩa phát xít và chống chiến tranh.

C. Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu và cấp bách.

D. Tất cả các nhiệm vụ trên.

Câu 3. Đến tháng 11 - 1939, tên gọi của mặt trận ở Đông Dương là gì?

A. Mặt trận Nhân dân phản đế Đông Dương.

B. Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

C. Mặt trận Phản đế, phản phong.

D. Mặt trận Dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương.

Câu 4. Mối quan hệ giữa hai khẩu hiệu: "Độc lập dân tộc" và "Ruộng đất cho dân cày" được giải quyết như thế nào trong thời kì 1939 - 1945?

A. Tạm gác lại khẩu hiệu cách mạng ruộng đất.

B. Tạm gác lại khẩu hiệu cách mạng giải phóng dân tộc.

C. Tiếp tục thực hiện hai khẩu hiệu trên một cách đồng bộ.

D. Cả câu A và B đều đúng.

Câu 5. Hội nghị Trung ương lần 6 của Đảng ta vào ngày tháng năm nào? Tại đâu?

A. Ngày 19 - 5 - 1941 tại Bà Điểm - Hóc Môn.

B. Ngày 15 - 9 - 1939 tại Bắc Pó - Cao Bằng.

C. Ngày 6 - 11 - 1939 tại Bà Điểm - Hóc Môn.

D. Ngày 10 - 5 - 1940 tại Đình Bảng - Bắc Ninh.

Câu 6. Hội nghị Trung ương lần thứ 6 đã đánh dấu sự chuyển hướng đúng đắn và chỉ đạo chiến lược cách mạng như thế nào?

A. Kịp thời giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân .

B. Xac định đúng kẻ thù là phát xít Nhật.

C. Mở rộng vấn đề dân chủ trên toàn cõi Đông Dương.

D. Gương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc.

Câu 7. Việc nêu khẩu hiệu thành lập "Chính phủ Cộng hoà dân chủ" là khẩu hiệu của Nghị quyết nào trong thời kì cách mạng 1939 - 1945?

A. Hội nghị Trung ương Đảng lần 6. B. Hội nghị Trung ương Đảng lần 8.

C. Hội nghị quân sự Bắc Kì. D. Tất cả cùng sai.

Câu 8. Trong các sự kiện sau đây, sự kiện nào bùng nổ khởi nghĩa Bắc Sơn?

A. Ngày 22 - 9 - 1940. B. Ngày 27 - 9 - 1940.

C. Ngày 20 - 10 - 1940. D. Ngày 23 - 11 - 1940.

Câu 9. Nguyên nhân khác nhau của khởi nghĩa Bắc Sơn và khởi nghĩa Nam Kì là gì?

A. Mâu thuẫn sâu sắc giữa dân tộc ta với đế quốc Pháp và phát xít Nhật.

B. Binh lính người Việt trong quân đội Pháp bị bắt làm bia đỡ đạn ở mặt trận Thái Lan.

C. Pháp đầu hàng Nhật khi Nhật vào Đông Dương .

D. Câu B và câu C đúng.

Câu 10. Lá cờ đỏ sao vàng lần đầu tiên xuất hiện trong cuộc khởi nghĩa nào?

A. Khởi nghĩa Bắc Sơn. B. Khởi nghĩa Nam Kì.

C. Khởi nghĩa Ba Tơ. D. Binh biến Đô Lương.

Câu 11. Những người con ưu tú của Đảng như: Nguyễn Văn Cừ, Hà Huy Tập, Nguyễn Thị Minh Khai bị thực dân Pháp xử bắn sau cuộc khởi nghĩa nào?

A. Khởi nghĩa Yên Bái. B. Khởi nghĩa Bắc Sơn.

C. Khởi nghĩa Nam Kì. D. Binh biến Đô Lương.

Câu 12. Lực lượng nào tham gia vào cuộc binh biến Đô Lương (13 - 1 - 1941)?

A. Đông đảo quần chúng nhân dân.

B. Chủ yếu là công nhân và nông dân.

C. Chủ yếu là nông dân.

D. Chỉ có binh lính người Việt trong quân đội Pháp, không có quần chúng tham gia.

Câu 13. Nguyên nhân chung làm cho ba sự kiện: khởi nghĩa Bắc Sơn, khởi nghĩa Nam Kì và binh biến Đô Lương bị thất bại?

A. Quần chúng chưa được tham gia vào khởi nghĩa và binh biến.

B. Kẻ thù còn mạnh, lực lượng cách mạng chưa được tổ chức và chuẩn bị đầy đủ.

C. Lực lượng vũ trang còn non yếu.

D. Lệnh tạm hoãn khởi nghĩa về không kịp.

Câu 14. Ý nghĩa chung của ba sự kiện: khởi nghĩa Bắc Sơn, khởi nghĩa Nam Kì và binh biến Đô Lương là gì?

A. Giáng một đòn phủ đầu chí tử vào thực dân Pháp đồng thời nghiêm khắc cảnh cáo phát xít Nhật.

B. Để lại nhiều bài học kinh nghiệm về khởi nghĩa vũ trang.

C. Giáng một đòn quyết liệt vào bọn thực dân, phong kiến.

D. Câu A và B đúng.

Câu 15. Với "Hiệp ước phòng thủ chung Đông Dương" giữa Pháp và Nhật kí vào ngày 23-7-1941, Pháp đã thừa nhận cho Nhật có quyền gì ở Đông Dương?

A. Có quyền chỉ huy kinh tế.

B. Có quyền đóng quân trên toàn cõi Đông Dương.

C. Có quyền độc chiếm ba sân bay Cát Bi, Gia Lâm, Phủ Lạng Thương.

D. Có quyền đưa 6000 quân đóng ở phía Bắc sông Hồng.

Câu 16. Nguyên nhân dẫn đến hậu quả làm cho hơn 2 triệu đồng bào ta ở miền Bắc chết đói trong mấy tháng đầu năm 1945 là gì?

A.Thực dân Pháp bắt nhân dân ta bán thóc theo diện tích cày cấy.

B. Phát xít Nhật bắt nhân dân ta nhổ lúa, phá hoa màu để trồng đay, thầu dầu.

C. Ngăn chặn không cho vận chuyển lương thực từ miền Nam ra miền Bắc.
D. Tất cả các nguyên nhân trên.

Câu 17. Sách giáo khoa Lịch sử lớp 12, tập II, trang 52 có viết: "Cuộc sống của người nông dân thời đó thật sự khốn quẫn. Bị tước đoạt hết gạo mà họ nắm nắng, mười sương mới kiếm được, hay mấy mảnh vải mà họ phải thức khuya, dậy sớm mới dệt thành, họ sống cầm hơi với bát cháo cám nhạt, và trần mình chịu rét lúc đêm đông". Đó la tình cảnh của người nông dân Việt Nam được mô tả trong thời kì nào?

A. Trước khi có Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. B. Trong thời kì 1930 - 1931.
C. Trong thời kì 1936 - 1939. D. Không phải các thời kì trên.

Câu 18. Nhà thơ Tố Hữu Viết:

"Ba mươi năm chân không mỏi
Mà đến bây giờ mới tới nơi."

Đó là hai câu thơ nói về quá trình ra đi tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc và đến khi Người quay về Tổ quốc. Vậy, Nguyễn Ái Quốc về nước vào thời gian nào? Ở đâu?

A. Ngày 25 - 1- 1941, tại Bắc Pó - Cao Bằng.
B. Ngày 28 -1 - 1941, tại Tân Trào - Tuyên Quang.
C. Ngày 28 - 1 - 1941, tại Bắc Pó - Cao Bằng.
D. Ngày 28 - 2 - 1941, tại Hà Nội.

Câu 19. Từ ngày 10 đến 19 - 5 - 1941 ở Việt Nam diễn ra sự kiện lịch sử gì quan trọng có liên quan đến Cách mạng tháng Tám?

A. Đức mở cuộc tấn công vào lãnh thổ Liên Xô
B. Nguyễn Ái Quốc mới đặt chân về Tổ quốc.
C. Quá trình diễn ra Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8.
D. Câu A và C đúng.

Câu 20. Đoạn văn sau đây được Nguyễn Ái Quốc trình bày lúc nào? "Nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận giai cấp đến vạn năm sau cũng không đòi được".

A. Trong Hội nghị Trung ương Đảng lần 6 (11 - 1939).
B. Trong Hội nghị Trung ương Đảng lần 8 (5 - 1941).
C. Trong thư gửi đồng bào toàn quốc sau Hội nghị Trung ương lần 8.
D. Trong Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

Câu 21. Tại Hội nghị Trung ương Đảng lần 8, Nguyễn Ái Quốc chủ trương thành lập mặt trận nào?

A. Mặt trận Liên Việt. B. Mặt trận Đồng minh.
C. Mặt trận Việt Minh. D. Mặt trận Dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương.

Câu 22. Vì sao Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 có tầm quan trọng đặc biệt đối với Cách mạng tháng Tám 1945?

A. Chủ trương giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc.
B. Hoàn chỉnh việc chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Hội nghị Trung ương lần thứ 6.

C. Giải quyết được vấn đề ruộng đất cho nông dân.
D. Củng cố được khối đoàn kết toàn dân.

Câu 23. Trình bày xuất xứ của đoạn văn sau đây: "Trong lúc này quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy. Chúng ta hãy đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn Việt gian đặng cứu giống nòi ra khỏi nước sôi, lửa nóng".

A. Trong thư của Nguyễn Ái Quốc gửi đồng bào cả nước.
B. Trong Hội nghị Trung ương Đảng lần 8.
C. Trong lời Hịch của Mặt trận Việt Minh.
D. Trong Quân lệnh số 1 của Mặt trận Việt Minh.

Câu 24. Đội Cứu quốc quân ra đời đó là sự hợp nhất giữa hai tổ chức vũ trang nào?

A. Đội du kích Bắc Sơn và đội du kích Ba Tơ.
B. Đội du kích Bắc Sơn và đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân.
C. Đội du kích Bắc Sơn và đội Việt Nam giải phóng quân.
D. Đội du kích Bắc Sơn và đội du kích Thái Nguyên.

Câu 25. Việc gây dựng cơ sở chính trị trong quần chúng tại các tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang, Lạng Sơn là việc làm của tổ chức nào?

A. Đội du kích Bắc Sơn. B. Đội Cứu quốc quân.
C. Đội du kích Thái Nguyên. D. Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân.

Câu 26. Năm 1942, tỉnh nào được coi là nơi thí điểm của cuộc vận động xây dựng các Hội Cứu quốc quân trong mặt trận Việt Minh?

A. Cao Bằng. B. Bắc Cạn. C. Lạng Sơn. D. Tuyên Quang.

Câu 27. Những sách báo nào của Đảng trong thời kì 1939 - 1945, đã góp phần quan trọng vào việc tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng?

A."Tiếng dân", "Tin tức", "Thời mới".
B. "Giải phóng", "Cờ giải phóng", "Chặt xiềng", "Cứu quốc", "Việt Nam độc lập", "Kèn gọi lính".
C."Tin tức", "Thời mới", "Nhành lúa".
D. Câu A và C đúng.

Câu 28. Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân do ai làm đội trưởng, lúc mới thành lập có bao nhiêu người ?

A. Do đồng chí Võ Nguyên Giáp – Có 36 người.
B. Do đồng chí Trường Chinh – Có 34 người.
C. Do đồng chí Phạm Hùng - Có 35 người.
D. Do đồng chí Hoàng Sâm – Có 34 người.

Câu 29. Đội Việt Nam giải phóng quân ra đời, đó là sự hợp nhất của của các tổ chức nào?

A.Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân với đội du kích Bắc Sơn.
B. Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân với Cứu quốc quân.
C. Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân với du kích Ba Tơ.
D. Cứu quốc quân với du kích Thái Nguyên.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 18

1. B 2. C 3. D 4. A 5. C 6. D 7. A 8. B
9. B 10. B 11. C 12. D 13. B 14. D 15 .B 16. D
17. A 18. C 19. C 20. B 21. C 22. B 23. A 24. C
25. B 26. A 27. B 28. D 29. B

Bài 19. CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945
NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ ĐƯỢC THÀNH LẬP

I. CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Phân tích và chứng minh sự lãnh đạo kịp thời, sáng tạo của Đảng Cộng sản Đông Dương và lãnh tụ Hồ Chí Minh trong Cách mạng tháng Tám?

- Cách mạng tháng Tám thành công ngoài việc chuẩn bị lâu dài còn phải biết chớp thời cơ phát động quần chúng Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn quốc. Thời cơ trong Cách mạng tháng Tám được biểu hiện:

+ Về phía kẻ thù: ngày 14 - 8 - 1945, phát xít Nhật bị Đồng minh đánh bại, bọn Nhật và tay sai của Nhật ở Đông Dương hoang man đến cực độ, mất hết tinh thần chiến đấu; lúc này quân Đồng minh chưa kịp nhảy vào Đông Dương; quân Pháp ở Đông Dương chưa kịp nổi dậy.

+ Về phía quần chúng cách mạng: đã sẵn sàng nổi dậy giành chính quyền.

Đảng Cộng sản Đông Dương đã chuẩn bị đầy đủ, sãn sàng lãnh đạo quần chúng nổi dậy giành chính quyền.

- Quyết định của Đảng trong việc chớp thời cơ:

Trước những chuyển biến mau lẹ của tình hình, Đảng đã tiến hành Hội nghị toàn quốc từ ngày 13 đến ngày 15 - 8 - 1945 (tại Tân Trào – Tuyên Quang).

+ Hội nghị quyết định phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước. Thành lập lập Ủy ban khởi nghĩa và ra Quân lệnh số 1, kêu gọi toàn dân nổi dậy. Hội nghị còn đề ra ba nguyên tắc chỉ đạo khởi nghĩa: tập trung, thống nhất và kịp thời.

+ Hội nghị toàn quốc của Đảng vừa bế mạc, Tổng bộ Việt Minh triệu tập Quốc dân Đại hội Tân Trào – Tuyên Quang, trong 2 ngày 16 và 17-8-1945.

Tham dự Đại hội có 60 đại biểu đại diện cho nhân dân ba miền, Bắc – Trung – Nam, cho các dân tộc, các đảng phái, các tôn giáo dưới sự chủ trì của Hồ Chí Minh.

Đại hội đã biểu quyết tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Trung ương Đảng.

Đại hội quyết định: Quốc kì là lá cờ đỏ sao vàng, Quốc ca là bài Tiến quân ca. Đặt tên nước là nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và cử Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam do Hồ Chí Minh đứng đầu.

Đại hội đã quyết định những vấn đề hết sức quan trọng có liên quan đến vận mệnh của đất nước. Chuẩn bị những công việc cuối cùng cho Tổng khởi nghĩa.

Hội nghị toàn quốc của Đảng và Đại hội Quốc dân Tân Trào đã thể hiện sự đoàn kết, nhất trí quyết tâm giành độc lập tự do của toàn Đảng, toàn dân ta.

- Lúc này Hồ Chí Minh đã gởi thư kêu gọi đồng bào cả nước đứng lên đánh Nhật "Hởi đồng bào yêu quý! Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta... Chúng ta không thể chậm trễ. Tiến lên! Tiến lên! Dưới lá cờ Việt Minh, đồng bào hãy dũng cảm tiến lên!"

- Lãnh đạo sáng tạo của Đảng trong Tổng khởi nghĩa:

+ Chiều 16 - 8, một đội quân giải phóng do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy đã từ Tân Trào tiến về giải phóng thị xã Thái Nguyên, mở đầu cho Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn quốc. Tính đến ngày 18 - 8 đã có 4 tỉnh lỵ giành được chính quyền: Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam.

+ Giành chính quyền ở thủ đô Hà Nội: Chiều 15 - 8, mệnh lệnh khởi nghĩa về tới Hà Nội, sáng 16 - 8 truyền đơn, biểu ngữ xuất hiện khắp mọi nơi, không khí khởi nghĩa ngày thêm sôi sục.

Mờ sáng ngày 19 - 8, hàng chục vạn quần chúng ngoại thành, kéo qua các cửa ô, tiến vào nội thành, phối hợp với quần chúng nội thành, tiến hành cuộc mít tinh khổng lồ tại sân Nhà hát lớn. Một rừng cờ đỏ sao vàng mọc lên, quần chúng hô vang các khẩu hiệu "Đả đảo Chính phủ bù nhìn", "Ủng hộ Việt Minh", "Việt Nam hoàn toàn độc lập".

Khoảng 11 giờ 30 cuộc mít tinh kết thúc, quần chúng chia thành nhiều toán, dưới sự lãnh đạo của Việt Minh, toả đi đánh chiếm các cơ quan đầu não của địch như: Phủ Khâm sai, Toà Thị chính, Sở Cảnh sát ....

Trước sức mạnh của quần chúng, bọn địch chống cự yếu ớt. Chính quyền về tay nhân dân. Cuộc khởi nghĩa ở Hà Nội hoàn toàn thắng lợi.

+ Giành chính quyền ở Huế: Sáng ngày 23 - 8, hàng vạn quần chúng ngoại thành phối hợp với công nhân, thanh niên và các tầng lớp lao động khác ở nội thành tiến hành cuộc biểu dương lực lượng cướp chính quyền.

Trước khí thế vùng dậy như nước vỡ bờ của quần chúng, bọn địch ở đây không dám chống cự. Cách mạng giành thắng lợi ở Huế.

Ngày 30 - 8 - 1945, tại cửa Ngọ Môn (Huế) dưới rừng cờ đỏ sao vàng, diễn ra cuộc mít tinh của hàng vạn nhân dân chứng kiến Bảo Đại, ông vua cuối cùng của chế độ phong kiến Việt Nam đọc lời thoái vị và nộp ấn kiếm cho cách mạng.

+ Tại Sài Gòn: Mờ sáng ngày 25 - 8 - 1945, từng đoàn quân khởi nghĩa của công nhân, nông dân ngoại thành phối hợp với hàng chục vạn quần chúng nội thành có vũ trang kèm theo, tiến hành biểu tình, thị uy đánh chiếm các công sở của địch. Kẻ địch ở đây không dám chống cự. Chỉ trong ngày 25 - 8, khởi nghĩa ở Sài Gòn đã thành công.

Các nơi còn lại ở Nam Bộ, kể cả Côn Đảo đến ngày 28 - 8, khởi nghĩa đã giành chính quyền về tay nhân dân.

Thắng lợi của các cuộc khởi nghĩa Hà Nội, Huế, Sài Gòn có ý nghĩa quyết định đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám trong phạm vi cả nước. Chỉ trong vòng 15 ngày (từ 14 đến 28 - 8 - 1945) cuộc Tổng khởi nghĩa giành được thắng lợi trọn vẹn. Lần đầu tiên trong lịch sử, chính quyền cả nước về tay nhân dân.

Câu 2: Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thành công, những bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám?

** Ý nghĩa :*

- Đối với dân tộc:

+ Cách mạng tháng Tám 1945 là một biến cố vĩ đại trong lịch sử dân tộc, đã phá tan hai tầng xiềng xích nô lệ của thực dân Pháp và phát xít Nhật, lật nhào ngai vàng phong kiến tồn tại hàng ngàn năm trên đất nước ta, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á.

+ Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945, đưa nước ta từ một nước thuộc địa trở thành một nước độc lập, đưa nhân dân ta từ thân phận nô lệ lên địa vị làm chủ nước nhà, đưa Đảng ta từ một Đảng hoạt động trong bí mật trở thành một Đảng cầm quyền.

+ Cách mạng tháng Tám thành công mở ra một kỉ nguyên mới trong lịch sử dân tộc: kỉ nguyên giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

- Đối với thế giới:

+ Cách mạng tháng Tám 1945 là thắng lợi đầu tiên trong thời đại mới của một dân tộc nhỏ yếu tự đứng lên giải phóng khỏi ách đế quốc thực dân.

+ Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám đã góp phần vào chiến thắng chủ nghĩa phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai.

+ Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám đã cổ vũ mạnh mẽ tinh thần đấu tranh của nhân dân các nước thuộc địa và nửa thuộc địa trên thế giới, nhất là đối với hai nước Lào, Cam-pu-chia.

** Nguyên nhân thắng lợi:*

Thắng lợi Cách mạng tháng Tám 1945 là kết quả tổng hợp của những nhân tố khách quan và chủ quan.

- Về khách quan:

+ Cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ hai của bọn đế quốc đã làm cho chúng ngày càng thêm suy yếu. Tiếp đó là cuộc chiến đấu của nhân dân Liên Xô và lực lượng dân chủ đã từng bước làm thất bại lực lượng phát xít Đức – I-ta-li-a – Nhật Bản. Tất cả đã tác động đến quá trình cách mạng thế giới, thúc đẩy các dân tộc thuộc địa đấu tranh giải phóng.

+ Nhân dân Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, đã lợi dụng điều kiện khách quan thuận lợi đó dấy lên một phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc. Đến khi lực lượng Đồng minh và Liên Xô đánh bại phát xít Nhật ở châu Á - Thái Bình Dương vào ngày 14-8-1945 đã tạo nên thời cơ khách quan cho Cách mạng tháng Tám thắng lợi. Đó là thời cơ "ngàn năm có một" được Đảng ta triệt để lợi dụng, kịp thời chớp lấy, phát động toàn dân nổi dậy khởi nghĩa, và đã giành được thắng lợi mau lẹ ít đổ máu.

Tuy nhiên, điều kiện khách quan đó chỉ có thể được phát huy thông qua điều kiện chủ quan của ta.

- Về chủ quan:

+ Dân tộc ta vốn có truyền thống yêu nước nồng nàn, từng trải qua những cuộc đấu tranh kiên cường, bất khuất cho độc lập, tự do. Vì vậy, khi Đảng Cộng sản Đông Dương và Việt Minh phất cao ngọn cờ cứu nước thì mọi người hăng hái hưởng ứng, nhất tề đứng lên cứu nước, cứu nhà.

+ Đảng Cộng sản Đông Dương, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lãnh đạo với đường lối cách mạng đúng đắn kịp thời. Vai trò lãnh đạo của Đảng là nguyên nhân quyết định thắng lợi Cách mạng tháng Tám 1945.

+ Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám còn là thắng lợi của việc xây dựng lực lượng cách mạng, trước tiên là lực lượng chính trị của quần chúng. Trên cơ sở lực lượng chính trị, từng bước xây dựng lực lượng vũ trang. Đó là hai lực lượng hùng hậu được Đảng sử dụng hợp lý nhằm phát huy sức mạnh to lớn vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

** Bài học kinh nghiệm:*

- Biết giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến, tập hợp mọi lực lượng trong Mặt trận thống nhất rộng rãi dựa trên cơ sở công nông liên minh.

- Biết triệt để lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ địch, tập trung mũi nhọn vào kẻ thù cụ thể trước mắt.

- Biết thấu suốt tư tưởng bạo lực cách mạng, kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị, kết hợp khởi nghĩa vũ trang ở nông thôn và thành thị để giành chính quyền.

- Biết tích cực chuẩn bị lâu dài kết hợp với chớp thời cơ, dũng cảm phát động toàn dân khởi nghĩa giành chính quyền.

Câu 3: Hãy nêu sự kiện chính của Chiến tranh thế giới thứ hai từ tháng 9 năm 1939 đến tháng 6 năm 1941 và tác động của nó đối với cách mạng Việt Nam trong thời gian đó?

- Ngày 1 - 9 - 1939, Đức xâm chiếm Ba Lan; ngày 3-9-1939, Anh và Pháp tuyên chiến với Đức. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Đức nhanh chóng đánh chiếm các nước Tây Âu hầu như không bị tổn thất gì đáng kể. Tháng 6 - 1940, Đức đánh chiếm nước Pháp. Cuối năm 1940 đầu năm 1941, Đức mở rộng đánh chiếm các nước Đông và Nam Âu, vùng bán đảo Ban-Căng. Tháng 6 - 1941, phát xít Đức tấn công Liên Xô làm cho tính chất và cục diện chiến tranh thay đổi.

- Ở Viễn Đông, quân Nhật mở rộng chiến tranh xâm lược Trung Quốc. Tháng 9- 1940, phát xít Nhật nhảy vào Đông Dương, từng bước biến Đông Dương thành căn cứ chiến tranh và thuộc địa của chúng.

- Sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, thực dân Pháp ở Đông Dương đã thi hành chính sách thời chiến, phát xít hóa bộ máy thống trị, thẳng tay đàn áp Đảng Cộng sản Đông Dương và phong trào cách mạng của nhân dân ta, thực hiện chính sách "kinh tế chỉ huy", vơ vét của cải, huy động sức người phục vụ cho chiến tranh đế quốc.

- Khi Nhật vào Đông Dương, thực dân Pháp đã nhanh chóng cấu kết với Nhật đàn áp, bóc lột nhân dân Đông Dương. Mâu thuẫn giữa các dân tộc Đông Dương với đế quốc và phát xít Pháp – Nhật là mâu thuẫn chủ yếu, gay gắt nhất. Vấn đề giải phóng các dân tộc Đông Dương khỏi ách áp bức, bóc lột của Pháp – Nhật được đặt lên hàng đầu và cấp thiết.

Câu 4: Phân tích nội dung cơ bản của bản Tuyên ngôn Độc lập (02 - 9 - 1945) của Chủ tịch Hồ Chí Minh?

- Ngày 2 - 9 - 1945, tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội), trước cuộc mít tinh lớn của hàng chục vạn nhân dân đủ các tầng lớp ở Thủ đô và các vùng lân cận, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời trịnh trọng đọc Tuyên ngôn Độc lập, tuyên bố với toàn thể quốc dân và thế giới: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời.

- *Nội dung của bản:* "Tuyên ngôn Độc lập" gồm mấy điểm sau đây:

+ Nêu những quyền thiêng liêng không ai có thể xâm phạm được, đó là quyền bình đẳng giữa các dân tộc: "Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền được tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc".

+ Tố cáo tội ác của thực dân Pháp đối với nhân dân ta gần một thế kỉ, đồng thời tố cáo sự cấu kết, áp bức bóc lột của Pháp – Nhật đối với nhân dân ta.

+ Khẳng định chủ quyền của nước ta trên hai phương diện; pháp lí và thực tiễn "Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm, một dân tộc đã gan góc đứng về phía Đồng minh chống Phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do, dân tộc đó phải của độc lập !... và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập".

+ Cuối cùng Tuyên ngôn khẳng định quyết tâm bảo vệ độc lập chủ quyền của nhân dân ta: "Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy".

- Tuyên ngôn Độc lập là văn kiện lịch sử trọng đại, và ngày 2 - 9 - 1945 mãi mãi ghi vào lịch sử Việt Nam là ngày hội lớn, vẻ vang của dân tộc Việt Nam. Ngày tuyên bố thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Câu 5: Vai trò các Nghị quyết quan trọng của Đảng đối với sự phát triển của cách mạng Việt Nam trong thời kì 1939 - 1945?

Nghị quyết	Nội dung nghị quyết	Tác dụng của NQ
Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (11-1939)	- Giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu. - Thành lập Mặt trận Dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương. - Chủ trương vũ trang khởi nghĩa.	Đánh dấu sự chuyển hướng đúng đắn về chỉ đạo chiến lược cách mạng, giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc.
Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (5 - 1941)	- Giương cao hơn nữa ngọn cờ giải phóng dân tộc trong việc đánh Pháp – Nhật. - Thành lập Mặt trận Việt Minh. - Vũ trang khởi nghĩa là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân ta.	Hoàn chỉnh việc chuyển hướng chỉ đạo chiến lược được đề ra trong Hội nghị Trung ương lần thứ 6.
Chỉ thị "Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" (12 - 3 - 1945)	- Phát động Cao trào kháng Nhật cứu nước làm tiền đề cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám. - Thay khẩu hiệu "Đánh đuổi phát xít Pháp – Nhật" bằng khẩu hiệu "Đánh đuổi phát xít Nhật"	Tạo tiền đề cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945.
Nghị quyết Hội nghị toàn quốc của Đảng tại Tân Trào (13 - 8 -1945)	- Quyết định phát động Tổng khởi nghĩa, giành chính quyền trước khi Đồng minh vào Đông Dương. - Lập Uỷ ban khởi nghĩa và ra Quân lệnh số 1.	Lãnh đạo kịp thời, nắm vững thời cơ khi lực lượng được chuẩn bị cho thắng lợi của Cách mạng tháng Tám.

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Đầu năm 1945, thế trận của Chiến tranh thế giới thứ hai ở châu Âu diễn ra như thế nào?

A. Hồng quân Liên Xô đánh bại quân đội phát xít Đức giải phóng đất nước.
B. Hồng quân Liên Xô tiến đánh Béc-lin, sào huyệt cuối cùng của phát xít Đức.
C. Quân Đồng minh đánh bại hoàn toàn phe phát xít.
D. Quân Đồng minh đánh bại hoàn toàn phát xít Đức, I-ta-li-a.

Câu 2. Vì sao đến đầu năm 1945, lực lượng Pháp theo phái Đờ Gôn ráo riết chuẩn bị hoạt động, chờ thời cơ phản công Nhật?

A. Phát xít Nhật ở châu Á – Thái Bình Dương bị Đồng minh giáng cho một đòn nặng nề.
B. Pháp thấy không thể hoà hoãn với Nhật được nữa phải hành động.
C. Nhật tiếp tục buộc Pháp nhượng bộ ở Đông Dương.
D. Tất cả các lí do trên.

Câu 3. Vì sao Nhật tiến hành đảo chính lật đổ Pháp vào đêm 9-3-1945?

A. Nhật đang khốn đốn trước các đòn tấn công dồn dập của Anh – Mĩ.
B. Phe phát xít đang thua to.
C. Để tránh hậu họa khi Đồng minh vào Đông Dương Pháp sẽ dựa vào Đồng minh hất cẳng Nhật.
D. Nước Pháp đã được giải phóng.

Câu 4. Ngay trong đêm 9-3-1945, khi Nhật đảo chính Pháp, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp và nhận định tình hình như thế nào?

A. Cuộc đảo chính Nhật - Pháp gây ra một cuộc khủng hoảng chính trị đối với Nhật, làm cho tình thế cách mạng xuất hiện.
B." Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta".
C. Pháp sẽ ra sức chống lại Nhật.
D. Tất cả đều đúng.

Câu 5. Khẩu hiệu "Đánh đuổi Nhật – Pháp" được thay bằng khẩu hiệu "Đánh đuổi phát xít Nhật" được nêu ra trong:

A. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng (9-3-1945).
B. Chỉ thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta".
C. Hội nghị toàn quốc của Đảng (từ13 đến 15-8-1945).
D. Đại hội Quốc dân Tân Trào.

Câu 6. Ở địa phương nào đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân và Cứu quốc quân phối hợp với lực lượng chính trị của quần chúng giải phóng hàng loạt xã, châu, huyện ngay khi Nhật đảo chính Pháp?

A. Cao Bằng, Bắc Cạn, Tuyên Quang. B. Cao Băng, Hà Giang, Thái Nguyên.
C. Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn. D. Hà Tĩnh, Quảng Ngãi, Quảng Nam.

Câu 7. Chỉ thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" là của:

A. Tổng bộ Việt Minh.
B. Hồ Chí Minh.
C. Ban Thường vụ Trung ương Đảng.
D. Đội Việt Nam truyên truyền giải phóng quân.

Câu 8. Sau khi Nhật đảo chính Pháp, kẻ thù chính cụ thể trước mắt và duy nhất của nhân dân Đông Dương lúc này là:

A. Thực dân Pháp. B. Phát xít Nhật.
C. Phát xít Pháp - Nhật. D. Phát xít Nhật và đồng minh của Nhật.

Câu 9. Chỉ thị "Nhật- Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" có nội dung cơ bản là gì?

A. Kêu gọi sửa soạn khởi nghĩa.
B. Kêu gọi đứng dậy khởi nghĩa.
C. Phát động một cao trào "kháng Nhật cứu nước".
D. Khởi nghĩa giành chính quyền.

Câu 10. Cao trào kháng Nhật cứu nước diễn ra trong khoảng thời gian nào?

A. Từ 9-3-1945 đến 13-8-1945. B. Từ 9-3-1945 đến 30-8-1945.
C. Từ 9-3-1945 đến 2-9-1945. D. Từ14-8-1945 đến 2-9-1945.

Câu 11. Ngày 20 – 4 – 1945 diễn ra sự kiện gì có liên quan đến việc tiến tới Tổng khởi nghĩa tháng Tám?

A. Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt minh thành lập Uỷ ban khởi nghĩa toàn quốc.
B. Ban Thường vụ Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị Quân sự cách mạng Bắc Kì.
C. Việt Nam Cứu quốc quân và Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân thống nhất thành Việt Nam giải phóng quân.
D. Khu giải phóng Việt Bắc chính thức được thành lập.

Câu 12. Ngày 15 – 5 – 1945 diễn ra sự kiện gì có liên quan đến việc tiến tới Tổng khởi nghĩa tháng Tám?

A. Hồng quân Liên Xô tiêu diệt đội quân Quan Đông của Nhật ở Đông Bắc Trung Quốc.
B. Ban Thường vụ Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị Quân sự cách mạng Bắc Kì.
C. Việt Nam Cứu quốc quân và Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân thống nhất thành Việt Nam giải phóng quân.
D. Khu giải phóng Việt Bắc chính thức được thành lập.

Câu 13. Theo chỉ thị của Hồ Chí Minh, khu giải phóng Việt Bắc chính thức được thành lập vào thời gian nào?

A. Ngày 16 – 4 – 1945. B. Ngày 20 – 4 – 1945.
C. Ngày 15 – 5 – 1945. D. Ngày 4 – 6 – 1945.

Câu 14. Tháng 5 – 1945, Hồ Chí Minh rời căn cứ nào về đâu để chỉ đạo phong trào cách mạng trong cả nước?

A. Rời Việt Bắc về Tân Trào (Tuyên Quang).
B. Rời Tân Trào (Tuyên Quang) về Hà Nội.
C. Rời Bắc Pó (Cao Bằng) về Tân Trào (Tuyên Quang).
D. Rời Bắc Pó (Cao bằng) về chiến khu Việt Bắc.

Câu 15. Khu giải phóng Việt Bắc ra đời gồm hầu hết các tỉnh nào?

A. Cao Bằng, Bắc Can, Lạng Sơn, Bắc Giang, Phú Thọ.
B. Cao Bằng, Bắc Cạn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Giang.
C. Lạng Sơn, Bắc Giang, Tuyên Quang, Hà Giang, Phú Thọ, Yên Bái.
D. Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên.

Câu 16. Địa danh nào được chọn làm Thủ đô Khu giải phóng Việt Bắc?

A. Tân Trào (Tuyên Quang). B. Việt Trì (Phú Thọ).
C. Na Rì (Bắc Cạn). D. Đồng Đăng (Lạng Sơn).

Câu 17. Ngày 9 – 8 – 1945 diễn ra sự kiện lịch sử gì của thế giới có liên quan đến Tổng khởi nghĩa tháng Tám ở Việt Nam?

A. Phát xít Nhật bị Đồng minh đánh bại.
B. Hồng quân Liên Xô đánh bại quân Quan Đông của Nhật ở Đông Bắc Trung Quốc.
C. Phát xít Đức bị Đồng minh đánh bại ở Béc-lin.
D. Phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện.

Câu 18. Chiến tranh thế giới lần thứ hai kết thúc gắn với sự kiện lịch sử nào dưới đây:

A. Phát xít Đức bị Đồng minh đánh bại.
B. Phát xít Nhật rút khỏi châu Á – Thái Bình Dương.
C. Phát xít Nhật bị Đồng minh đánh bại và tuyên bố đầu hàng Đồng minh không điều kiện.
D. Tất cả các sự kiện trên.

Câu 19. Ngày 15 – 8 – 1945 đã ghi dấu ấn trong cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai, đó là:

A. Phát xít Nhật bị Đồng minh đánh bại.
B. Chính phủ Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng Đồng minh không điều kiện.
C. Mĩ thả hai quả bom nguyên tử xuống Hi-rô-si-ma và Na-ga-na-ki Nhật.
D. Hồng quân Liên Xô tấn công vào tận sào huyệt Béc-lin, đánh bại phát xít Đức.

Câu 19. Sự kiện nào được ghi dấu đó là thời cơ khách quan thuận lợi để Cách mạng tháng Tám giành được thắng lợi nhanh chóng và ít đổ máu?

A. Quân Nhật ở Đông Dương rệu rã. Chính phủ Trần Trọng Kim cùng tay sai của Nhật hoang mang.
B. Nhật đảo chính Pháp, làm cho cách mạng Việt Nam chỉ còn một kẻ thù.
C. Nhật lần lượt khỏi khu vực châu Á – Thái Bình Dương.
D. Mĩ thả hai quả bom nguyên tử xuống Hi-rô-si-ma và Na-ga-da-ki tiêu diệt phát xít Nhật.

Câu 20. Phát xít Nhật đầu hàng thì quân Nhật ở Đông Dương cũng bị tê liệt, chính phủ tay sai thân Nhật - Trần Trọng Kim hoang mang cực độ. Đây là thời cơ ngàn năm có một cho nhân dân ta giành độc lập. Đó là hoàn cảnh vô cùng thuận lợi cho việc:

A. Hưởng ứng chỉ thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động cuả chúng ta".
B. Phá kho thóc Nhật giải quyết nạn đói.
C. Cao trào kháng Nhật cứu nước.
D. Đảng ta đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh kịp thời phát lệnh Tổng khởi nghĩa trong cả nước.

Câu 21. Tháng 8-1945, điều kiện khách quan rất thuận lợi, tạo thời cơ cho nhân dân ta vùng lên giành lại độc lập, đó là:

A. Sự thất bại của phe phát xít ở chiến trường châu Âu.
B. Sự đầu hàng của phát xít I-ta-li-a và phát xít Đức.

C. Sự tan rã của phát xít Đức và sự đầu hàng vô điều kiện của phát xít Nhật.
D. Sự thắng lợi của phe Đồng minh.

Câu 22. Ngay từ ngày 13 – 8 – 1945, khi nhận được tin về việc Nhật đầu hàng Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh đã:

A. Triệu tập ngay Hội nghị toàn quốc để phát lệnh tổng khởi nghĩa.
B. Triệu tập Đại hội Quốc dân tại Tân Trào (Tuyên Quang) để bàn kế hoạch tổng khởi nghĩa.
C. Phát động quần chúng chớp thời cơ tổng khởi nghĩa.
D. Thành lập Uỷ ban khởi nghĩa toàn quốc.

Câu 23. Hội nghị toàn quốc của Đảng Cộng sản Đông Dương họp vào thời gian nào? Ở đâu?

A. Từ ngày 13 đến 15 - 8 - 1945. Ở Bắc Pó (Cao Bằng).
B. Từ ngày 14 đến 15 - 8 - 1945. Ở Tân Trào (Tuyên Quang).
C. Từ ngày 14 đến 15 - 8 - 1945. Ở Bắc Pó (Cao Bằng).
D. Từ ngày 16 đến 17 - 8 - 1945. Ở Phay Khắt (Cao Bằng).

Câu 24. Hội nghị toàn quốc của Đảng đã quyết định vấn đề gì?

A. Khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.
B. Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.
C. Khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn.
D. Tổng khởi nghĩa trong cả nước, giành lấy chính quyền trước khi quân Đồng minh vào.

Câu 25. Quyết định Tổng khởi nghĩa trong cả nước, giành chính quyền trước khi Đồng minh vào Việt Nam. Đó là nội dung thể hiện trong Nghị quyết nào của Đảng?

A. Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8.
B. Nghị quyết của Đảng tại Hội nghị toàn quốc (14 đến 15-8-1945).
C. Nghị quyết của Đại hội Quốc dân Tân Trào.
D. Nghị quyết của Ban thường vụ Trung ương Đảng họp ngay trong đêm 9-3-1945.

Câu 26. Đại hội Quốc dân được tiến hành ở Tân Trào (ngày 16-8-945) gồm những đại biểu thuộc các thành phần nào?

A. Ba xứ thuộc đủ các giới, các đoàn thể, các dân tộc tiêu biểu ý chí và nguyện vọng của toàn dân.
B. Toàn thể các tầng lớp nhân dân.
C. Giai cấp tiểu tư sản, học sinh, sinh viên, trí thức cả nước.
D. Các đảng phái đoàn thể tổ chức mặt trận trong cả nước.

Câu 27. Các đại biểu đều nhất trí tán thành quyết định Tổng khởi nghĩa, thông qua 10 sắc lệnh của Việt Minh, lập Ủy Ban dân tộc giải phóng Việt Nam (tức chính phủ lâm thời) do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu, đó là quyết định của:

A. Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào (15-8-1945).
B. Đại hội quốc dân ở Tân Trào (16-8-1945).
C. Đại hội Đảng lần thứ I ở Ma Cao (Trung Quốc) năm 1935.
D. Hội nghị Quân sự Bắc Kì (4-1945).

Câu 28. Chiều ngày 16-8-1945 theo lệnh của Ủy ban khởi nghĩa, một đội giải phóng quân do Võ Nguyên Giáp chỉ huy, xuất phát từ Tân Trào về giải phóng tỉnh nào?

A. Giải phóng thị xã Cao Bằng. B. Giải phóng thị xã Thái Nguyên.
C. Giải phóng thị xã Tuyên Quang. D. Giải phóng thị xã Lào Cai.

Câu 29. Bốn tỉnh giành được chính quyền ở tỉnh lị vào ngày 18 – 8 – 1945 là:

A. Hà Nội, Bắc Giang, Huế, Sài Gòn.
B. Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam.
C. Bắc Giang, Hải Dương, Hà Nội, Huế.
D. Hà Nội, Sài Gòn, Hà Tĩnh, Quảng Nam.

Câu 30. Ngày 14 – 8 – 1945, khởi nghĩa giành chính quyền ở tỉnh lị nào?

A. Quảng Ngãi. B. Quảng Nam. C. Khánh Hoà. D. Phú Yên.

Câu 31. Sự kiện nào dưới đây gắn với khởi nghĩa ở Hà Nội?

A. Hàng chục vạn nhân dân nội thành xuống đường biểu dương lực lượng.
B. Hàng chục vạn nhân dân nội ngoại thành kéo vào biểu tình, thị uy chiếm các công sở.
C. Khởi nghĩa nổ ra và giành được thắng lợi trong một ngày.
D. Câu A và B đúng.

Câu 32. Các đơn vị "Xung phong công đoàn", "Thanh niên tiền phong" gắn với cuộc khởi nghĩa ở đâu?

A. Khởi nghĩa ở Hà Nội. B. Khởi nghĩa ở Huế.
C. Khởi nghĩa ở Sài Gòn. D. Khởi nghĩa ở Đà Nẵng.

Câu 33. Phương pháp đấu tranh cơ bản trong Cách mạng tháng Tám 1945 là gì?

A. Đấu tranh vũ trang. B. Đấu tranh bạo lực.
C. Đấu tranh chính trị. D. Đấu tranh ngoại giao.

Câu 34. "Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến, toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta...". Đó là lời kêu gọi của?

A. Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào (15-8-1945).
B. Quân lệnh số 1 kêu gọi toàn quốc nổi dậy khởi nghĩa.
C. Đại hội Quốc dân ở Tân Trào (16-8-1945).
D. Thư Hồ Chí Minh gửi đồng bào cả nước kêu gọi nổi dậy tổng khởi nghĩa giành chính quyền

Câu 35. "Đồng bào rầm rập kéo tới Quảng trường Nhà hát lớn dự mít tinh do Mặt trận Việt Minh tổ chức. Đại biểu Việt Minh đọc tuyên ngôn, chương trình của Việt Minh và kêu gọi nhân dân giành chính quyền. Bài hát Tiến quân ca lần đầu tiên vang lên". Đây là không khí từ cuộc mít tinh chuyển thành khởi nghiã giành chính quyền ở:

A. Hà Nội (19-8-1945). B. Huế (23-8-1945).
C. Sài Gòn (25-8-1945). D. Bắc Giang, Hải Dương (18-8-1945).

Câu 36. Tổng khởi nghĩa đã nhanh chóng thành công trong cả nước, chỉ trong vòng 15 ngày:

A. Từ ngày 13 đến 27-8-1945. B. Từ ngày 14 đến 28-8-1945.
C. Từ ngày 15 đến 29-8-1945. D. Từ ngày 16 đến 30-8-1945.

Câu 37. Niên đại nào có quan hệ trực tiếp với câu văn sau đây?

"Pháp chạy Nhật đầu hàng, Vua Bảo Đại thoái vị. Nhân dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để xây dựng nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỉ mà lập nên chế độ dân chủ cộng hòa".

A. 19-8-1945 B. 23-8-1945 C. 30-8-1945 D. 2-9-1945

Câu 38. Nguyên nhân cơ bản quyết định sự thắng lợi của Cách mạng tháng Tám là gì?

A. Dân tộc Việt Nam vốn có truyền thống yêu nước, đã đấu tranh kiên cường bất khuất.
B. Có khối liên minh công nông vững chắc, tập hợp được mọi lực lượng yêu nước trong mọi mặt trận thống nhất.
C. Sự lãnh đạo tài tình của Đảng đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.
D. Có hoàn cảnh thuận lợi của Chiến tranh thế giới thứ 2: Hồng quân Liên Xô và quân Đồng minh đã đánh bại phát xít Đức - Nhật.

Câu 39. Cơ sở pháp lí về quyền tự do, độc lập của dân tộc Việt Nam được thể hiện như thế nào trong Tuyên ngôn Độc lập?

A. Nước Việt Nam thật sự trở thành một nước tự do, độc lập.
B. Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập.
C. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy.
D. Tất cả đều đúng.

Câu 40. Cách mạng tháng Tám năm 1945 của Việt Nam có ảnh hưởng trực tiếp và to lớn đến các nước nào?

A. Thái Lan, Lào. B. Lào, Cam-pu-chia.
C. Lào, Cam-pu-chia, In-đô-nê-xi-a. D. Trung Quốc, Ấn Độ.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 19

1. B	2. A	3. C	4. A	5. B	6. C	7. C	8. B
9. C	10. A	11. B	12. C	13. D	14. C	15. D	16. A
17. B	18. C	19. A	20. D	21. C	22. D	23. B	24. D
25. B	26. A	27. B	28. B	29. B	30. A	31. A	32. C
33. A	34. D	35. A	36. B	37. D	38. C	39. B	40. B

Chương III. VIỆT NAM TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1954

Bài 20. VIỆT NAM SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM

I. CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Tại sao nói Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là Nhà nước của dân, do dân và vì dân?

- Nêu những đóng góp của nhân dân đối với chính quyền Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa:

+ Tham gia tổng tuyển cử bầu Quốc hội vào 6 - 1 - 1946, với hơn 90% cử tri trong cả nước; tham gia bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp theo thể lệ phổ thông đầu phiếu.

+ Tham gia giải quyết nạn đói bằng việc thực hiện "Hũ gạo tiết kiệm", "Ngày đồng tâm" ; đặc biệt tham gia lao động sản xuất, thực hiện khẩu hiệu: "Không một tấc đất bỏ hoang !", "Tấc đất tấc vàng !"

+ Tham gia xóa nạn mù chữ bằng phong trào hành dân học vụ; tham gia ủng hộ Chính phủ với khẩu hiệu "Tuần lễ vàng", "Quĩ độc lập".

- Từ những sự kiện trên, hướng dẫn học sinh rút ra kết luận:

+ Chính quyền Nhà nước do dân bầu ra.
+ Chính quyền phục vụ cho nhân dân.
+ Nhân dân có ý thức, trách nhiệm xây dựng và bảo vệ chính quyền của mình.

Câu 2: Ý nghĩa của những kết quả đạt được trong việc giải quyết nạn đói, nạn dốt, và khó khăn về tài chính ?

- Nạn đói: Sản xuất nông nghiệp nhanh chóng được khôi phục, năng suất lao động tăng lên. Nạn đói được đẩy lùi.

- Nạn dốt: Đầu tháng 3 - 1946, Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ có 3 vạn lớp học với 81 vạn học viên. Trường tiểu học, trung học phát triển mạnh. Nội dung giáo dục đổi mới theo tinh thần dân tộc, dân chủ.

- Khó khăn tài chính: Đồng bào cả nước đã quyên góp được 20 triệu bạc và 370 kg vàng. Đến tháng 11 - 1946, Quốc hội quyết định lưu hành tiền Việt Nam trong cả nước.

- Trên cơ sở trình bày các sự kiện trên, rút ra ý nghĩa:

+ Thể hiện tinh thần yêu nước của dân tộc ta.
+ Thể hiện tính ưu việt của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
+ Tạo ra sức mạnh tổng hợp để đấu tranh chống kẻ thù.
+ Làm cho nhân dân tin tưởng vào chính quyền mới của cách mạng.

Câu 3: Vì sao cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược trước tiên nổ ra tại Nam Bộ?

- Ngày 2 - 9 - 1945, Pháp đã xả súng bắn vào nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn.

- Đặc biệt, đêm 22 rạng ngày 23 - 9 - 1945, được sự giúp sức của Anh, thực dân Pháp đánh úp trụ sở Ủy ban nhân dân Nam Bộ và cơ quan tự vệ thành phố Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai.

- Những hành động của thực dân Pháp đã trắng trợn chà đạp lên độc lập, chủ quyền của dân tộc ta mà trước hết là đụng đến đồng bào Nam Bộ. Nhân dân

Nam Bộ đã kiên quyết đứng lên chống trả những hành động xâm lược của thực dân Pháp. Vì vậy, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xảy ra trước tiên ở Nam Bộ.

Câu 4: Sách lược của Đảng và Chính phủ đối với Pháp và Tưởng trong hai thời kì trước và sau 6 - 3 - 1946 có gì khác nhau? Tại sao lại có sự khác nhau như vậy?

- Đứng trước tình thế một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù, Đảng và Chính phủ ta đã sử dụng sách lược mềm dẻo để phân hóa kẻ thù. Sách lược đó thể hiện sự khác nhau, đó là:

+ Trước 6 - 3 - 1946, hòa với Tưởng ở miền Bắc, tập trung lực lượng đánh Pháp ở Nam Bộ.

+ Sau 6 - 3 - 1946, hòa với Pháp để đuổi Tưởng ra khỏi miền Bắc.

- Sở dĩ có sự khác nhau đó vì:

+ Trước ngày 6 - 3 - 1946, ta nhân nhượng với Tưởng để tránh cùng một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù trong lúc lực lượng của ta còn non yếu.

+ Sau khi ta nhân nhượng với Tưởng để đánh Pháp ở Nam Bộ thì Pháp, Tưởng kí Hiệp ước Hoa - Pháp vào 28 - 2 - 1946, theo đó Pháp nhượng cho Tưởng một số quyền lợi ở Trung Quốc và chấp nhận cho Tưởng vận chuyển hàng hóa từ Hải Phòng sang Hoa Nam, không phải đóng thuế; còn Tưởng chấp nhận cho Pháp đưa quân ra Bắc để cùng với Tưởng giải pháp phát xít Nhật.

+ Tình hình đó, đặt nhân dân ta trước hai con đường phải lựa chọn: Hoặc cùng một lúc đánh cả Pháp lẫn Tưởng; hoặc hòa với một kẻ thù để đánh một kẻ thù. Ta đã lựa chọn con đường hòa với Pháp để dùng bàn tay của Pháp đuổi Tưởng ra khỏi miền Bắc.

Câu 5: Vì sao Chính phủ ta kí Hiệp định sơ bộ với Pháp? Tác dụng của việc kí Hiệp định sơ bộ (6-3) và Tạm ước (14 - 9) năm 1946?

- Đầu tiên ta nhân nhượng với Tưởng để đánh Pháp ở Nam Bộ, nhưng sau đó hai kẻ thù của dân tộc ta xích lại gần nhau, cấu kết với nhau, đặt nhân dân ta trước hai sự lựa chọn (xem phần trên), ta đã chọn giải pháp có lợi nhất cho cách mạng, đó là hòa với Pháp bằng cách kí Hiệp định sơ bộ (6-3-1946).

- Tác dụng của việc kí Hiệp định sơ bộ (6 - 3) và Tạm ước (19 - 4) năm 1946:

+ Dùng bàn tay của Pháp đẩy 20 vạn quân Tưởng và bọn tay sai ra khỏi miền Bắc mà không tốn viên đạn nào.

+ Tránh được cuộc chiến đấu bất lợi, vì cùng một lúc phải chống nhiều kẻ thù.

+ Tranh thủ thời gian chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp mà ta đã biết trước thế nào cũng xảy ra.

Câu 6: Vì sao thực dân Pháp không thực hiện được âm mưu mở rộng chiến tranh xâm lược cả nước ngay khi đánh chiếm Nam Bộ?

- Ngay sau Pháp xâm lược Nam Bộ, Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động phong trào ủng hộ Nam Bộ kháng chiến, đồng thời chuẩn bị đối phó với âm mưu mới của Pháp mở rộng chiến tranh ra cả nước.

- Thực hiện chủ trương đó, nhân dân Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ đã ủng hộ sức người và sức của cho đồng bào Nam Bộ kháng chiến chống Pháp.

- Tại Nam Bộ và ngay trong thành phố Sài Gòn, quân dân ta tiến hành chiến tranh du kích, kìm chân địch không cho chúng mở rộng địa bàn xâm lược ra cả nước.

- Vấp phải tinh thần đoàn kết chiến đấu của quân dân ta, quân Pháp bị chặn đứng ở nhiều nơi, như Nha Trang, Tuy Hòa, Buôn Mê Thuột và như vậy chúng không mở rộng chiến tranh xâm lược ra cả nước được.

Câu 7: Chúng ta đã đạt được những thắng lợi gì qua việc kí với Pháp Hiệp định sơ bộ (6 - 3 - 1946). Nguyên nhân của những thắng lợi đó ?

- Những thắng lợi đạt được:

+ Pháp phải công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do, có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng.

+ Pháp chấp nhận ngừng bắn ở Nam Bộ, tạo điều kiện thuận lợi để ta có thời gian hòa bình củng cố lại lực lượng.

+ Ta dùng bàn tay Pháp gạt Tưởng ra khỏi miền Bắc.

+ Ngăn chặn được cuộc chiến tranh có nguy cơ bùng nổ trên phạm vi cả nước.

- Nguyên nhân của thắng lợi đó:

+ Toàn dân ta đoàn kết một lòng, quyết tâm giữ vững thành quả của Cách mạng tháng Tám 1945.

+ Đảng, Chính phủ đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối chính trị vô cùng sáng suốt: cứng rắn về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược, phân hóa cô lập kẻ thù, đã đưa nước nhà vượt qua thời khắc nguy hiểm, củng cố bảo vệ chính quyền cách mạng, tạo điều kiện để chuẩn bị toàn quốc kháng chiến.

Câu 8: Chủ trương "cứng rắn về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược" được Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh vận dụng trong thời gian từ 9 - 1945 đến trước 19 - 12 - 1946 như thế nào ? Thắng lợi của chủ trương đó?

- Chủ trương "cứng rắn về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược":

+ Từ tháng 9 - 1945 đến trước 6 - 3 - 1946, thực hiện việc nhân nhượng với Tưởng: Nhận cung cấp lương thực, thực phẩm cho 20 vạn quân Tưởng ở miền Bắc, chấp nhận của bọn tay sai của Tưởng 70 ghế trong Quốc hội và 4 ghế trong Chính phủ, nhận tiêu tiền "Quan kim", "Quốc tệ" mất giá trị của Tưởng, Đảng phải lãnh đạo chính quyền, Hồ Chí Minh phải đứng đầu Chính phủ, độc lập, chủ quyền của đất nước phải được tôn trọng. Kiên quyết trừng trị bọn tay sai phản cách mạng.

+ Từ 6 - 3 - 1946 đến trước 19 - 12 - 1946, thực hiện việc hòa với Pháp để đuổi quân Tưởng ra khỏi miền Bắc. Ngày 28 - 02 - 1946, Pháp - Tưởng kí Hòa ước Hoa - Pháp, theo Hòa ước này Pháp nhượng cho Tưởng một số quyền lợi về kinh tế, còn Tưởng chấp nhận cho Pháp đưa quân ra khỏi miền Bắc cùng Tưởng giải giáp phát xít Nhật, nhưng thực tế mở rộng chiến tranh xâm lược nước ta. Trước tình hình đó, ta chủ động, hòa hoãn với Pháp để gạt 20 vạn quân Tưởng ra khỏi miền Bắc, tranh thủ thời gian để chuẩn bị lực lượng đối phó với cuộc chiến tranh với Pháp sau này. Việc hòa với Pháp bằng kí Hiệp định sơ bộ (6 - 3) và Tạm ước (14 - 9) năm 1946.

- Thắng lợi của chủ trương đó:

+ Chủ trương của Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện sự sáng suốt, tài tình, khôn khéo, đưa nhân dân ta vượt qua những thử thách to lớn lúc đó và sẵn sàng tiến vào cuộc đấu mà ta chắc chắn không thể tránh khỏi.

+ Tránh được cùng một lúc đối phó với nhiều kẻ thù, trong khi lực lượng của ta còn yếu.

Câu 9: Ý nghĩa thắng lợi và bài học kinh nghiệm của cuộc đấu tranh bảo vệ chính quyền thời kì từ tháng 9 - 1945 đến tháng 12 - 1946?

- Thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong thời kì từ tháng 9 - 1945 đến 12 - 1946 là thắng lợi to lớn và có ý nghiã cực kì quan trọng:

+ Trên lĩnh vực xây dựng đất nước, những kết quả trong năm đầu của chế độ dân chủ cộng hoà về kinh tế, tài chính, văn hóa, góp phần tăng thêm sức mạnh cho Nhà nước ta trong cuộc đấu tranh nhằm đánh bại âm mưu của Tưởng, chi viện tích cực cho Nam Bộ đánh thực dân Pháp và chuẩn bị thế lực cho nhân dân ta bước vào cuộc kháng chiến toàn quốc.

+ Trên lĩnh vực bảo vệ chính quyền cách mạng giữ vững nền độc lập dân tộc, những thắng lợi của toàn Đảng, toàn dân ta lại càng có ý nghiã lớn lao. Với thắng lợi này, nhân dân ta đã vượt qua những khó khăn thử thách hiểm nghèo nhất. Thắng lợi này còn chứng tỏ rằng nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng đủ khả năng giữ vững chính quyền cách mạng.

+ Thắng lợi này có ý nghiã quốc tế sâu sắc, góp phần tăng thêm sức mạnh cuả các lực lượng cách mạng thế giới trong sự nghiệp đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, đế quốc.

- Những bài học kinh nghiệm:

+ Bài học về việc biết dựa và sức mạnh của quần chúng nhân dân, biết phát huy cao độ sức mạnh sáng tạo của quần chúng nhân dân.

+ Bài học về biết lợi dụng và khai thác triệt để mâu thuẩn trong hàng ngũ kẻ thù, xác định đúng kẻ thù chủ yếu, trước mắt, cô lập và tập trung lực lượng đánh đúng kẻ thù.

+ Bài học về biết tranh thủ khả năng hòa bình và phương pháp đàm phán thương lượng để giữ vững và phát triển lực lượng cách mạng, đồng thời phải luôn chuẩn bị sẵn sàng ứng phó vơi khả năng chiến tranh lan rộng quyết liệt và kéo dài.

+ Bài học về việc kết hợp giữa nhiệm vụ kháng chiến và kiến quốc, xây dựng đi đôi với bảo vệ Tổ quốc.

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Khó khăn nào lớn nhất đưa chính quyền cách mạng nước ta sau ngày 2 - 9 - 1945 vào tình thế "ngàn cân treo sợi tóc"?

A. Các tổ chức phản cách mạng trong nước ngóc dậy chống phá cách mạng.
B. Nạn đói, nạn dốt đang đe dọa nghiêm trọng.
C. Âm mưu của Tưởng và Pháp.
D. Ngân quỹ nhà nước trống rỗng.

Câu 2. Phiên họp đầu tiên của Quốc hội nước ta được tổ chức vào thời gian nào? Ở đâu ?

B. Ngày 1 - 6 - 1946. Hà Nội.
A. Ngày 2 - 3 - 1946. Hà Nội.
C. Ngày 20 - 10 - 1946. Hà Nội.
D. Ngày 12 - 11 - 1946. Tân Trào – Tuyên Quang

Câu 3. Câu nào dưới đây thuộc lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh nhằm giải quyết nạn đó?

A. "Không một tất đất bỏ hoang"
B. "Tất đất, tất vàng"
C. "Tăng gia sản xuất, Tăng gia sản xuất ngay! Tăng gia sản xuất nữa!"
D. Tất cả các câu trên.

Câu 4. Nhằm khắc phục tình trạng trống rỗng về ngân sách của Chính phủ sau Cách mạng tháng Tám, nhân dân ta đã hưởng ứng phong trào nào?

A. "Ngày đồng tâm"　　B. "Tuần lễ vàng"
C. "Quỹ độc lập"　　D. Câu B và C đúng.

Câu 5. Chọn phương án trả lời đúng cho các câu sau đây:

A. Đến đầu tháng 3 -1946, riêng Bắc Bộ có gần 3 vạn lớp học với 81 vạn học viên.
B. Đến đầu tháng 3 - 1946, riêng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, có gần 3 vạn lớp học với 81 vạn học viên.
C. Đến đầu tháng 3 - 1946, riêng Bắc Bộ và Nam Bộ, có gần 3 vạn lớp học với 81 vạn học viên.
D. Đến đầu tháng 3 - 1946, riêng Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ, có gần 3 vạn lớp học với 81 vạn học viên.

Câu 6. Cao uỷ Pháp ở Đông Dương trong thời kì từ cuối năm 1945 đến 1947 là ai?

A. Lơ-cơ-lếc　　B. Bô-la-éc　　C. Đác-giăng-li-ơ　　D. Rơ-ve.

Câu 7. Sự kiện nào chứng tỏ thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta lần thứ hai?

A. Ngày 2 - 9 -1945, khi nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn tổ chức mít tinh chào mừng ngày độc lập, thực dân Pháp xả súng bắn làm cho 47 người chết và nhiều người bị thương.
B. Ngày 23 - 9 - 1945, thực dân Pháp đánh úp trụ sở Uỷ ban nhân dân Nam Bộ và cơ quan tự vệ thành phố Sài Gòn.
C. Ngày 17- 11- 1946, thực dân Pháp đánh chiếm Hải Phòng.
D. Ngày 18 - 12 - 1946, thực dân Pháp gởi tối hậu thư yêu cầu Chính phủ ta giải tán lực lượng vũ trang, giao quyền kiểm soát thủ đô Hà Nội cho chúng.

Câu 8. Trước ngày 6 - 3 - 1946, Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh thực hiện sách lược gì?

A. Hòa với Tưởng để đánh Pháp.
B. Hòa với Pháp để đuổi Tưởng.
C. Hòa với Pháp và Tưởng để chuẩn bị lực lượng.
D. Câu A và B đúng.

Câu 9. Nội dung đầu tiên của Hiệp định sơ bộ ngày 6 - 3 - 1946 mà Chính phủ ta kí với Pháp là gì?

A. Chính phủ Pháp công nhận nước ta là một nước độc lập, tự do nằm trong Liên hiệp pháp.
B. Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một quốc gia tự do, có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng nằm trong khối Liên hiệp Pháp.

C. Chính phủ Pháp công nhận nền độc lập, chủ quyền của Việt Nam.

D. Câu A và B đúng.

Câu 10. Tạm ước 14 - 9 - 1946, ta nhân nhượng cho Pháp quyền lợi trên nào?

A. Một số quyền lợi về kinh tế và văn hóa.

B. Chấp nhận cho Pháp đưa 15.000 quân ra Bắc.

C. Một số quyền lợi về chính trị, quân sự.

D. Một số quyền lợi về kinh tế và quân sự.

Câu 11. Chủ tịch Hồ Chí Minh kí Tạm ước 14 - 9 - 1946 với Chính phủ Pháp tại đâu?

A. Thành phố Đà Lạt. B. Phông-ten-nơ-blô.

C. Pa-ri. D. Thủ đô Hà Nội.

Câu 12. Hãy điền các từ đúng vào câu sau đây: "Bằng việc kí Hiệp định sơ bộ 6 - 3 và Tạm ước 14 - 9 - 1946, chúng ta đã đập tan âm mưu của..............để chống lại ta".

A. Đế quốc Mĩ cấu kết với Tưởng. B. Đế quốc Pháp cấu kết với Tưởng.

C. Tưởng cấu kết với Pháp. D. Đế quốc Pháp cấu kết với Anh.

Câu 13. Hãy chọn nội dung ở cột B cho phù hợp với cột A sau đây:

A	*B*
1. Giải quyết khó khăn về kinh tế	A. "Tuần lễ vàng" Quỹ độc lập". B. "Ngày đồng tâm". C. "Tăng gia sản xuất! Tăng gia sản xuất nhanh! Tăng gia sản xuất nữa!".
2. Giải quyết khó khăn về tài chính	D. Phát hành tiền giấy bạc Việt Nam (31-1-1946). E. Nhận tiêu tiền "Quan kim", "Quốc tệ" của Tưởng. G. Thực hiện giảm tô 25%. H. Khoán ruộng đất cho nông dân cày cấy. I. Lập Ngân hàng Quốc gia Việt Nam.

Câu 14. Hãy ghi nội dung của các sự kiện lịch sử cho phù hợp với thời gian cho sẵn dưới đây:

TT	*Thời gian*	*Nội dung*
1	23 - 9 - 1945	A..
2	6 - 1 - 1946	B..
3	6 - 3 - 1946	C..

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 20

1. C 2. A 3. C 4. D 5. B 6. C 7. B

8. A 9. B 10. A 11. B 12. B 13. 1: B, C, G; 2: A, D

14 A. Thực dân pháp định áp trụ sở Ủy ban nhân dân Nam Bộ và cơ quan tự vệ thành phố Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai.

B. Tổng tuyển cử bầu Quốc hội trong cả nước với 90% cử tri đi bầu và bầu được 333 đại biểu.

C. Chính phủ ta kí với đại diện chính phủ Pháp bản Hiệp định sơ bộ.

Bài 21. NHỮNG NĂM ĐẦU CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC (1946 – 1950)

I. CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Vì sao Đảng và Chính phủ ta phát động cuộc kháng chiến toàn quốc vào ngày 19 - 12 - 1946?

- Sau ngày kí Hiệp định sơ bộ (6 - 3) và Tạm ước (14 - 9) năm 1946.

+ Ta thực hiện đầy đủ những điều khoản đã kí kết.

+ Thực dân Pháp ngang nhiên xé bỏ Hiệp định và Tạm ước: ngày 27- 12 - 1946, Pháp gây ra vụ thảm sát đồng bào ta ở phố Hàng Bún (Hà Nội); đặc biệt, ngày 18 - 12 - 1946, chúng láo xược gửi tới hậu thư buộc Chính phủ ta phải giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu và giao quyền kiểm soát thủ đô cho chúng.

- Trước hành động của thực dân Pháp, nhân dân ta không còn con đường nào khác phải đứng lên cầm vũ khí chống thực dân Pháp.

- Đêm 19 - 12 - 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Đảng, Chính phủ đọc Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. Cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ.

Câu 2: Cuộc chiến đấu của quân và dân ta ở đô thị diễn ra như thế nào? Kết quả của cuộc chiến đấu đó ?

- Dựa vào SGK, nêu tóm tắt diễn biến của cuộc chiến đấu ở các đô thị.

- Tiêu biết nhất là cuộc chiến đấu ở thủ đô Hà Nội trong 60 ngày đêm .

Về phía Pháp: Tính đến tháng 12 - 1946, ở Hà Nội có 6.500 sĩ quan và binh lính Pháp ; ngoài ra còn có 13.000 Pháp kiều.

Về phía ta: Lực lượng vũ trang của ta có 5 tiểu đoàn bộ binh, 8 trung đội công an xung phong, một lực lượng tự vệ nội, ngoại thành.

Các chiến sĩ vệ quốc quân tự vệ chiến đấu nêu cao tinh thần "Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh!", chiến đấu anh dũng, kiên cường với những trận đánh nổi tiếng: Bắc Bộ Phủ, chợ Đồng Xuân, nhà Bưu điện...

Sau khi hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tiêu hao sinh lực địch, giam chân địch trong thành phố, đến ngày 17 - 2 - 1947, quân ta rút khỏi thành phố trở về hậu phương.

- *Kết quả của cuộc chiến đấu ở các đô thị:*

+ Đã đánh bại âm mưu và kế hoạch đánh úp cơ quan đầu não của ta tại Hà Nội và tiêu diệt lực lượng vũ trang của ta ở đô thị.

+ Ta đã tiêu hao một bộ phận sinh lực địch, giữ chân địch và chặn đứng âm mưu đánh nhanh thắng nhanh của Pháp, tạo điều kiện cho cả nước vào cuộc chiến đấu lâu dài.

Câu 3: Vì sao ta phải kháng chiến lâu dài ? Quân dân ta đã làm gì để tổ chức kháng chiến lâu dài ?

- Địch thực hiện âm mưu đánh nhanh thắng nhanh, để phá sản âm mưu đó, ta phải đánh lâu dài.

- So sánh lực lượng giữa ta và địch lúc đầu chênh lệch: địch mạnh hơn ta cả về quân sự, kinh tế.

- Cuộc kháng chiến của nhân dân ta là cuộc chuyển hóa lực lượng làm cho địch yếu dần, ta càng đánh càng mạnh.

- Quân và dân ta đã làm gì:

+ Di chuyển cơ quan, kho tàng, máy móc, tổ chức nhân dân tản cư và ổn định đời sống của nhân dân... Các cơ quan Trung ương rút khỏi Hà Nội để đi lên chiến khu Việt Bắc.

+ Thực hiện tiêu thổ kháng chiến như phá cầu cống, phá đường sá, đặt các chướng ngại vật ra đường phố...

+ Củng cố chính quyền dân chủ nhân dân (chia cả nước thành 14 khu hành chính, Ủy ban hành chính chuyển thành Ủy ban kháng chiến hành chính.

+ Đấu tranh kinh tế với địch bảo vệ sản xuất, xây dựng kinh tế công nghiệp, nông nghiệp và tiến hành bồi dưỡng sức dân.

+ Duy trì phong trào bình dân học vụ, xây dựng trường lớp, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

Câu 4: Thực dân Pháp mở rộng cuộc tấn công lên căn cứ địa Việt Bắc nhằm thực hiện những mưu đồ gì? Chúng đã bị quân dân ta đánh trả và đã thất bại như thế nào?

- Nêu rõ các âm mưu của thực dân Pháp đánh lên căn cứ địa Việt Bắc:

+ Tháng 3 - 1947, Pháp cử Bô-la-éc sang làm Cao ủy Pháp ở Đông Dương thay cho Đác-giăng-li-ơ, Bô-la-éc đã cho mở cuộc hành quân với quy mô lớn lên Việt Bắc nhằm:

+ Đánh phá căn cứ cách mạng, tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến, tiêu diệt bộ đội chủ lực của ta.

+ Khóa chặt biên giới Việt - Trung ngăn chặn liên lạc giữa ta với thế giới bên ngoài.

+ Giành thắng lợi quyết định về quân sự để kết thúc nhanh chiến tranh ở Đông Dương.

- Mưu đồ của thực dân Pháp bị quân dân ta đánh bại hoàn toàn:

+ Ngày 15 - 10 - 1947, Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị "Phải phá tan cuộc tấn công vào mùa đông của giặc Pháp". Trên các mặt trận, quân dân ta đánh anh dũng chiến đấu phá tan cuộc hành quân của địch. Tại Bắc Cạn, quân địch nhảy dù xuống thị xã bị quân ta bao vây truy kích; trên sông Lô quân dân ta phục kích đánh địch ở Khoan Bộ, Đoan Hùng, Khe Lau; trên đường số 14, quân ra tiêu diệt địch ở đèo Bông Lau.

+ Đến ngày 19 - 12 - 1947, đại bộ phận quân Pháp rút khỏi Việt Bắc, ta loại khỏi vùng chiến hơn 6.000 tên địch. Căn cứ địa Việt Bắc được bảo đảm an toàn, bộ đội chủ lực của ta ngày càng trưởng thành trong chiến đấu.

+ Với chiến thắng Việt Bắc thu - đông 1947, quân dân ta đã đánh bại hoàn toàn chiến lược đánh nhanh thắng nhanh của địch, buộc chúng phải chuyển sang đánh lâu dài với ta. Thắng lợi này nói lên sự trưởng thành vượt bậc của ta, khả năng của quân và dân ta có thể đẩy lùi những cuộc tấn công quân sự lớn của địch.

Câu 5: Chiến tranh du kích ở các vùng sau lưng địch đã thu được kết quả ra sao? Ý nghĩa của việc đẩy mạnh chiến tranh du kích ở vùng sau lưng địch?

- Nêu kết quả của chiến tranh du kích ở cùng sau lưng địch :

+ Thực hiện chủ trương của Đảng và Chính phủ, quân dân ta đã đẩy mạnh các hoạt động trừ gian, diệt ác, vận động ngụy binh, bao vây đồn địch.

+ Dân quân du kích còn ra sức chống càn, bảo vệ làng mạc. Quần chúng nhân dân phát huy nhiều sáng kiến đánh địch. Nhiều đội du kích dựa vào làng chiến đấu đã chống những trận càng lớn của địch như làng Cự Nẫm, Cảnh Dương (Quảng Bình), làng Việt Lại (Sơn Tây), đội du kích Lê Hồng Phong (Bình - Trị - Thiên)...

+ Cùng với việc đẩy mạnh chiến tranh du kích, bội đội chủ lực tích cực tập đánh vận động thu được nhiều thắng lợi lớn như: trận Nghĩa Lộ (18 - 3 - 1948), trận Yên Bình (1 - 6 - 1948)...

+ Phối hợp với các hoạt động quân sự, phong trào đấu tranh của quần chúng ở các thành phố và khu công nghiệp cũng phát triển như ở Hà Nội, Hải Phòng, Sài Gòn - Chợ Lớn v.v...

- Ý nghĩa của việc đẩy mạnh chiến tranh du kích ở cùng sau lưng địch :

+ Duy trì, củng cố và phát triển lực lượng kháng chiến của ta.

+ Tiếp tục xây dựng và bảo vệ hậu phương kháng chiến của ta.

+ Làm rối loạn hậu phương của địch, góp phần làm phá sản chính sách "Dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh" của thực dân Pháp.

Câu 6: Các thành tựu về kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục trong những năm 1948 - 1949 và tác dụng của nó đối với sự nghiệp kháng chiến ra sao?

- Những thành tựu :

** Về chính trị :*

+ Đảng và Chính phủ đặc biệt chú trọng tăng cường sức mạnh và hiệu lực của chính quyền dân chủ nhân dân từ trung ương đến cơ sở, kiên quyết đấu tranh chống âm mưu thành lập chính phủ bù nhìn Bảo Đại.

+ Củng cố và mở rộng khối đoàn kết toàn dân là nhiệm vụ quan trọng được Đảng hết sức quan tâm. Đến năm 1948, cả hai mặt trận Việt Minh và Liên Việt đều thu hút đông đảo quần chúng.

+ Công tác vận động đồng bào miền núi, đồng bào công giáo, bà con người Hoa, quần chúng trong vùng địch tạm chiếm, công tác vận động ngụy binh... được coi trọng.

** Về kinh tế :*

+ Đấu tranh kinh tế với địch để bảo vệ mùa màng; kiểm soát chặt chẽ việc giao lưu hàng hóa giữa vùng tự do và vùng tạm chiếm; ra sức xây dựng nền kinh tế tự cấp, tự túc.

+ Tăng cường bồi dưỡng sức dân, nhất là nông dân bằng cách giảm tô 25%, cấp ruộng đất của thực dân Pháp, Việt gian và ruộng đất vắng chủ cho nông dân. Năm 1950, có sắc lệnh giảm tức, xóa nợ, hoãn nợ của nông dân vay địa chủ.

+ Cơ sở công nghiệp quốc phòng được xây dựng khá nhiều, với quy mô vừa là nhỏ ở khắp các vùng tự do và chiến khu. Đến 1949, cả nước có 130 xưởng sản xuất vũ khí, 21 cơ sở quân dược, 20 cơ sở sản xuất quân nhu...

** Về văn hóa, giáo dục:*

+ Xây dựng nền văn hóa mới theo phương châm: dân tộc, khoa học, đại chúng.

+ Năm 1948, Hội nghị văn hóa toàn quốc được triệu tập, Hội nghị đã thông qua báo cáo của đồng chí Trường Chinh: "Chủ nghĩa Mác - Lê-nin và vấn đề văn hóa Việt Nam".

+ Phong trào chống mù chữ tiếp tục phát triển mạnh mẽ. Chương trình giáo dục phổ thông bắt đầu được cải tiến.

+ Công tác phát triển y tế, thực hiện vệ sinh phòng bệnh và chăm lo sức khỏe cho nhân dân cũng được chú trọng.

- *Tác dụng:*

+ Bộ máy chính quyền của ta ở các cấp được củng cố và xây dựng góp phần to lớn trong việc tổ chức, lãnh đạo kháng chiến thắng lợi và làm phá sản hệ thống chính quyền bù nhìn tay sai của địch.

+ Chính sách kinh tế đã góp phần cải thiện đời sống nhân dân, bảo đảm nhu cầu cho kháng chiến lâu dài.

+ Các chính sách văn hóa, giáo dục, y tế có tác dụng xây dựng cơ sở văn hóa của chế độ dân chủ nhân dân.

+ Tất cả các thành tựu đó có tác dụng củng cố và tăng cường hậu phương kháng chiến, là nhân tố quyết định thường xuyên đối với thắng lợi của cuộc kháng chiến.

Câu 7: Tại sao cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược diễn ra trước tiên ở các đô thị? Tác dụng của các cuộc chiến đấu trong các đô thị?

- *Cuộc kháng chiến chống Pháp nổ ra trước tiên ở đô thị vì:*

+ Sau khi Hiệp định sơ bộ (6 - 3) và Tạm ước (14 - 9) được kí kết, thực dân Pháp ngang nhiên xé bỏ Hiệp định và Tạm ước thực hiện âm mưu đánh nhanh thắng nhanh. Để thực hiện âm mưu đó, Pháp đã mở các cuộc tấn công trước tiên vào các đô thị nhằm đánh úp cơ quan đầu não kháng chiến của ta tại Hà Nội, tiêu diệt lực lượng vũ trang của ta ở đô thị.

+ Ta thực hiện cuộc chiến đấu ở các đô thị để tiêu hao sinh lực địch, giam chân địch trong thành phố, đảm bảo cho cơ quan đầu não kháng chiến của Đảng và Chính phủ rút về căn cứ cách mạng an toàn.

+ Đô thị là trung tâm kinh tế và chính trị, ta chiến đấu ở các đô thị chủ yếu là giam chân địch, thực hiện "vườn không nhà trống".

- *Tác dụng:*

+ Kìm chân địch lại, không cho chúng mở rộng địa bàn chiếm đóng.

+ Chặn đứng âm mưu đánh nhanh, thắng nhanh của Pháp.

+ Tạo điều kiện cho cả nước chuyển vào thời kì kháng chiến lâu dài.

Câu 8: Tại sao lại khẳng định từ chiến thắng Việt Bắc thu - đông 1947, đến chiến thắng Biên giới thu - đông 1950 là một bước phát triển của cuộc kháng chiến ?

- *Trước hết, chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947 là chiến dịch mà:*

+ Địch chủ động tấn công lên Việt Bắc để tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến của ta, tiêu diệt bộ đội chủ lực của ta nhằm giành thắng lợi quyết định về quân sự đi đến kết thúc nhanh chiến tranh. Còn ta chủ động phản công địch để "phá tan cuộc tấn công vào mùa đông của giặc Pháp lên Việt Bắc".

+ Trong chiến dịch này ta thực hiện kiểu chiến tranh du kích ngắn ngày, bao vây cô lập và chặn đánh các cuộc hành quân của địch.

+ Qua chiến dịch Việt Bắc, ta đã đánh bại chiến lược "đánh nhanh, thắng nhanh" của địch, buộc chúng phải chuyển sang đánh lâu dài với ta.

- *Tiếp đến, chiến dịch Biên giới thu - đông 1950, là chiến dịch:*

+ Ta chủ động tấn công địch nhằm tiêu diệt sinh lực địch, khai thông biên giới, củng cố và mở rộng căn cứ địa Việt Bắc, tạo đà thuận lợi mới thúc đẩy kháng chiến tiến lên.

+ Trong chiến dịch Biên giới, ta thực hiện cách đánh công kiên kết hợp với vận động dài ngày.

+ Qua chiến dịch Biên giới ta giành được quyền chủ động về chiến lược trên chiến trường chính (Bắc Bộ), địch bị đẩy vào thế bị động đối phó.

Từ đó có thể khẳng định từ chiến thắng Việt Bắc (1947) đến chiến thắng Biên giới (1950) là một bước phát triển của cuộc kháng chiến.

Câu 9: Đường lối kháng chiến: toàn dân, toàn diện, lâu dài và tự lực cánh sinh được thể hiện trong các văn kiện nào của Đảng?

- Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến (19 - 12 - 1946), của Chủ tịch Hồ Chí Minh, là tiếng gọi của non sông đất nước, là mệnh lệnh cách mạng tiến công.

- Bản chỉ thị toàn dân kháng chiến của Trung ương Đảng ra ngày 22 - 12 - 1946 đã nêu rõ mục tiêu, tính chất, phương châm, cơ bản, chương trình của cuộc kháng chiến.

- Cuốn sách "Kháng chiến nhất định thắng lợi" của đồng chí Trường Chinh được xuất bản vào năm 1947, nhằm giải thích rõ hơn đường lối kháng chiến.

Câu 10: Trong lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của chủ tịch Hồ Chí Minh có đoạn viết: "Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa".

Hãy nêu những sự kiện lịch sử thể hiện thiện chí của ta và dã tâm xâm lược của thực dân Pháp trước ngày 19 - 12 - 1946.

- *Thiện chí của ta là muốn hòa bình :*

+ Chính phủ ta kí với đại diện Chính phủ Pháp bản Hiệp định sơ bộ ngày 6 - 3 - 1946.

+ Chủ tịch Hồ Chí Minh kí với Chính phủ Pháp bản Tạm ước 14 - 9 - 1946

- *Dã tâm xâm lược của thực dân Pháp ngang nhiên xé bỏ Hiệp định và Tạm ước :*

+ 27 - 11 - 1946, quân Pháp đánh chiếm Hải Phòng.

+ 17 - 12 - 1946, thực dân Pháp gây ra vụ thảm sát đồng bào ta ở phố Hàng Bún - Hà Nội.

+ 18 - 12 - 1946, chúng láo xược gởi tối hậu thư buộc Chính phủ ta giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu và giao quyền kiểm soát thủ đô cho chúng.

Câu 11: Trong chiến dịch Biên giới thu - đông 1950, trận đánh nào diễn ra ác liệt nhất? Diễn biến của trận đánh đó ?

- Trận đánh ác liệt nhất là trận Đông Khê:

- Diễn biến của trận đánh: Mờ sáng ngày 16-9-1950, quân ta nổ súng tấn công vào cứ điểm ở Đông Khê, mở màn cho chiến dịch. Sau 54 giờ chiến đấu, sáng ngày 18 - 9, bộ đội ta đã tiêu diệt hoàn toàn cụm cứ điểm Đông Khê, đẩy quân địch vào thế nguy khốn: Thất Khê bị uy hiếp, thị xã Cao Bằng bị cô lập; thế phòng thủ đường số 4 bị lung lay. Đến ngày 20-10-1950, địch phải rút khỏi các vị trí phòng ngự trên đường số 4.

Câu 12: So sánh chiến thắng Việt Bắc thu - đông 1947 và chiến dịch Biên giới thu - đông 1950, theo các tiêu chí sau:

Tiêu chí so sánh	*Chiến dịch Việt Bắc*	*Chiến dịch Biên giới*
1) Chủ động tấn công địch		
2) Quân địch bị loại khỏi vùng chiến		
3) Giải phóng đất đai		
4) Ý nghĩa quan trọng nhất của thắng lợi		

Trả lời:

Tiêu chí so sánh	*Chiến dịch Việt Bắc*	*Chiến dịch Biên giới*
1) Chủ động tấn công địch	Ta đánh bại của tấn công lên Việt Bắc của địch.	- Ta chủ động tiến công địch.
2) Quân địch bị loại khỏi vùng chiến	6000 tên địch.	- 8.300 địch ở biên giới Việt - Trung - 12.000 địch trong cả nước.
3) Qiải phóng đất đai	Ta bảo vệ được Việt Bắc.	Giải phóng biên giới Việt - Trung dài 750km.
4) Ý nghĩa quan trọng nhất của thắng lợi	- Bảo vệ được Việt Bắc, căn cứ đầu não của kháng chiến. - Làm phá sản âm mưu đánh nhanh, thắng nhanh của địch.	- Khai thông biên giới Việt - Trung. - Giành thế chủ động về chiến lược trên chiến trường chính.

Câu 13: Hãy nêu những tấm gương chiến đấy dũng cảm trong trận đánh Đông Khê của chiến dịch Biên giới thu - đông 1950 của quân dân ta ? Hành động cụ thể của họ?

- *Những tấm gương chiến đấu dũng cảm:* La Văn Cầu, Trần Cừ, Đinh Thị Dậu, Triệu Thị Soi.

- *Hành động cụ thể của họ:*

+ La Văn Cầu : Nhờ đồng đội chặt cánh tay bị thương rồi tiếp rục xông lên phá lô cốt địch.

+ Trần Cừ: Lấy thân mình lấp lỗ châu mai, mở đường cho đơn vị xông lên diệt địch.

+ Đinh Thị Dậu, Triệu Thị Soi: Nhiều lần lăn mình vào lửa đạn, cứu thương binh, tiếp đạn cho bộ đội.

Câu 14: Ngoài việc chiến đấu tiêu hao sinh lực địch, giam chân địch trong các đô thị, quân dân ta còn làm gì để thực hiện kháng chiến lâu dài ?

- Khẩn trương vận chuyển hàng vạn tấn máy móc, nguyên liệu, gạo, muối, vải từ những vùng địch có thể đánh chiếm về các khu an toàn để xây dựng cơ sở vật chất kháng chiến.

- Ngay từ những ngày đầu kháng chiến Đảng và Chính phủ đã chủ trương phá hoại để kháng chiến lâu dài, thực hiện lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Phá cho rộng, phá cho sâu, phá cho bọn Pháp không lợi dụng được".

Câu 15: Từ sau chiến thắng Việt Bắc thu - đông 1947, đến chiến thắng Biên giới thu - đông 1950, quân dân ta đã giành thắng lợi trên mặt trận kinh tế và văn hóa như thế nào? (trả lời theo bảng kê sau).

Lĩnh vực	*Chủ trương của Đảng và Chính phủ*	*Ý nghĩa*
Kinh tế	- 3-1948: Phát động thi đua ái quốc đẩy mạnh sản xuất. - Xây dựng nền kinh tế kháng chiến tự cấp, tự túc.	- Đảm bảo phục vụ nhu cầu kháng chiến. - Đảm bảo được kháng chiến lâu dài.
Văn hóa - giáo dục	- Hội nghị văn hóa toàn quốc (1948). - Phong trào Bình dân học vụ tiếp tục hoạt động. - Giáo dục phổ thông ngày càng mở rộng.	- Đảm bảo kháng chiến lâu dài. - Văn hóa văn nghệ cũng là mặt trận kháng chiến.

Câu 16: Những thắng lợi quan trọng của quân dân ta từ tháng 12 năm 1946 đền chiến dịch Biên giới thu - đông 1950?

- Từ khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân dân ta tiến hành cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện giành được những thắng lợi ngày càng to lớn trên các mặt trận quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa.

- Từ năm 1946 đến 1947 là giai đoạn cuộc kháng chiến bắt đầu được triển khai và mở rộng trên quy mô toàn quốc. Giai đoạn này chúng ta giành được những thắng lợi đầu tiên rất quan trọng: chiến thắng ở Hà Nội và các thành phố lớn trong cuộc chiến đấu kìm chân địch, tiêu hao sinh lực địch, tạo điều kiện cho cơ quan đầu não kháng chiến của Đảng và Chính phủ rút về chiến khu Việt Bắc an toàn. Phát động chiến tranh du kích ở vùng sau lưng địch, chống chính sách "Dùng người Việt đánh người Việt", "Lấy chiến tranh, nuôi chiến tranh". Đập tan cuộc tấn công vào mùa đông của giặc Pháp lên Việt Bắc, đánh bại âm mưu "đánh nhanh thắng nhanh" của Pháp, buộc chúng phải chuyển sang đánh lâu dài với ta.

- Từ năm 1948 đến 1950, cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện tiếp tục phát triển mạnh mẽ, vững chắc: Đảng chủ trương xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang với ba thứ quân, thực hiện từng bước từ chỗ phân tán bộ đội chủ lực với ba thứ quân, từng bước phân tán bộ đội chủ lực toả về các vùng sau lưng địch làm nòng cốt phát triển chiến tranh du kích. Tăng cường xây dựng cơ sở đảng, cơ sở quần chúng, đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị, phá hoại kinh tế địch trong các thành phố tạm bị chiếm. Xây dựng và phát triển kinh tế, văn hoá kháng chiến nhằm bồi dưỡng sức dân và đáp ứng nhu cầu cấp thiết cho đời sống, sản xuất và chiến đấu. Đẩy mạnh hoạt động quân sự, bẻ gãy các cuộc càn quét của địch vào vùng tự do, chủ động mở chiến dịch Biên giới thu – đông 1950, tiêu diệt bộ phận sinh lực địch, khai thông biên giới để nối liền cách mạng nước ta với các nước xã hội chủ nghĩa và lực lượng dân chủ hoà bình thế giới.

- Những thắng lợi toàn diện của quân dân ta trong hơn bốn năm đầu của cuộc kháng chiến đã làm thay đổi từng bước so sánh lực lượng giữa ta và địch, tạo thế lực mới để đưa cuộc kháng chiến tiến lên.

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Nguyên nhân dẫn đến sự bùng nổ cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp?

A. Hội nghị ở Phông-ten-nơ-blô không thành công.

B. Pháp đánh chiếm Hải phòng (27- 11 - 1946); Pháp gây ra sự thảm sát ở Hà Nội (17 - 12 - 1946); Pháp gởi tối hậu thư (18 - 12 - 1946).

C. Pháp đã kiểm soát thủ đô Hà Nội.

D. Tất cả đều đúng.

Câu 2. Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp bắt đầu từ lúc nào?

A. Ngày 18 - 12 - 1946. B. Đêm 19 - 12 - 1946.

C. Đêm 20 - 12 - 1946. D. Ngày 22 - 12 - 1946.

Câu 3. Hiệu lệnh kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp nổ ra đầu tiên ở đâu?

A. Thái Bình. B. Hải Phòng. C. Hà Nội. D. Thanh Hoá.

Câu 4. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp thể hiện trong các văn kiện lịch sử nào?

A. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19 - 12 - 1946).

B. Chỉ thị "Toàn dân kháng chiến" của Ban Thường vụ Trung ương Đảng (22 - 12 - 1946).

C. Tác phẩm "Kháng chiến nhất định thắng lợi" của Trường Chinh.

D. Tất cả các văn kiện trên.

Câu 5. Trong cuộc chiến đấu ở các đô thị , thành phố nào kìm chân địch lâu nhất?

A. Hải Phòng, Đà Nẵng. B. Hải Phòng, Huế, Nam Định.

C. Hà Nội. D. Vinh.

Câu 6. Cuộc chiến đấu ở các đô thị diễn ra trong khoảng thời gian nào?

A. Từ 19 - 12 - 1946 đến 2 - 1947. B. Từ 19 - 12 - 1946 đến 10 - 1947.

C. Từ 19 - 12 - 1946 đến 12 - 1947. D. Từ 19 - 12 - 1946 đến 8 - 1950.

Câu 7. Vì sao ta phải thực hiện đường lối kháng chiến lâu dài?

A. Ta cần có thời gian để chuẩn bị lực lượng.

B. Từ đầu của cuộc kháng chiến ta yếu hơn địch.

C. Hậu phương của ta chưa vững mạnh.

D. Tất cả các lý do trên.

Câu 8. Chiến dịch Việt Bắc diễn ra trong thời gian nào?

A. Từ 16 - 8 đến 19 - 12 - 1947. B. Từ 7 - 10 đến 20 - 12 - 1947.

C. Từ 7 - 10 đến 19 - 12 - 1947. D. Từ 7 - 11 đến 19 - 12 - 1947.

Câu 9. Cánh quân đầu tiên Pháp tấn công lên Việt Bắc là cánh quân nào?

A. Một bộ phận nhảy dù xuống thị xã Bắc Cạn.

B. Một binh đoàn lính thủy từ Hà Nội dọc theo sông Hồng, sông Lô lên Thái Nguyên rồi vòng về Bắc Cạn.

C. Một bộ phận từ Lạng Sơn đến Cao Bằng rồi vòng về Bắc Cạn.

D. Một bộ phận từ Thái Nguyên đánh lên Bắc cạn.

Câu 10. Điền các địa danh trong chiến dịch Việt Bắc vào chỗ trống trong câu sau đây: "Trên sông Lô, quân và dân ta phục kích tại................".

A. Khoan Bộ, Bông Lau. B. Khoan Bộ, Đoan Hùng, Bông Lau.

C. Khoan Bộ, Đoan Hùng, Khe Lau. D. Đoan Hùng, Bông Lau, Khe Lau.

Câu 11. Chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947 là chiến dịch ta chủ động tấn công địch, đúng hay sai?

A. Đúng. B. Sai.

Câu 12. Từ sau chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947, Pháp tăng cường thực hiện chính sách gì ở Việt Nam?

A. "Mở rộng địa bàn chiếm đóng khắp cả nước".

B. "Phòng ngự đồng bằng Bắc Bộ".

C. "Dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh".

D. "Tập trung quân Âu - Phi, mở cuộc tấn công lên Việt Bắc lần thứ hai".

Câu 13. Trong những năm 1947 - 1948, Đảng và Chính phủ ta đã có chủ trương gì để đối phó với những âm mưu và hành động của thực dân Pháp?

A. Mở các cuộc tấn công đánh địch trên các mặt trận chính diện.

B. Phát động chiến tranh du kích rộng rãi ở các vùng tạm chiếm.

C. Tạm thời rút vào hoạt động bí mật.

D. Câu B và C đúng.

Câu 14. Cuộc biểu tình khổng lồ của 300.000 đồng bào ở Sài Gòn diễn ra vào thời gian nào?

A. 9 - 1 - 1950. B.15 - 2 - 1950. C. 19 - 3 - 1950. D. 16 - 8 - 1950.

Câu 15. Việc hoàn thành cơ bản thống nhất hai mặt trận Việt Minh và Liên Việt vào thời gian nào?

A. Năm 1948. B. Năm 1949. C. Năm 1950. D. Năm 1951.

Câu 16. Chủ trương cơ bản nhất của Đảng và Chính phủ trong những năm 1948 - 1950 trên lĩnh vực kinh tế là gì?

A. Phát động phong trào thi đua ái quốc, đẩy mạnh sản xuất.

B. Xây dựng kinh tế kháng chiến, tự cấp tự túc.

C. Bảo vệ mùa màng.

D. Câu A và B đúng.

Câu 17. Hãy điền những thời gian vào chỗ trống ở các câu sau đây cho thích hợp:

A.................... cách mạng Trung Quốc thành công, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời.

B.................... các nước XHCN lần lượt công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với ta.

C. .... Uỷ ban dân tộc giải phóng Cam-pu-chia thành lập.

D. .... Chính phủ kháng chiến Lào ra đời.

Câu 18. Hai hệ thống phòng ngự mà Pháp thiết lập ở Việt Nam năm 1950 là:

A. Tăng cường hệ thống phòng ngự trên đường số 4 và thiết lập "hành lang Đông Tây" (Hải Phòng, Hà Nội, Hoà Bình, Sơn La).

B. Xây dựng hệ thống phòng ngự ở đồng bằng Bắc Bộ và Trung du.

C. Lập phòng tuyến "boong ke" và "vành đai trắng" xung quanh trung du và đồng bằng Bắc Bộ.

D. Tất cả đều sai.

Câu 19. - Tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch.

- Khai thông biên giới Việt - Trung.

- Củng cố và mở rộng căn cứ địa Việt Bắc.

Đó là 3 mục đích trong chiến dịch nào của ta?

A. Chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947.

B. Chiến dịch Biên giới thu - đông 1950.

C. Chiến dịch Hoà Bình - Tây Bắc - Thượng Lào.

D. Câu A và B đúng.

Câu 20. Chiến dịch Biên giới thu - đông 1950 là chiến dịch thực dân Pháp chủ động đánh ta để thực hiện âm mưu tấn công lên Việt Bắc lần hai, đúng hay sai?

A. Đúng.   B. Sai.

Câu 21. Khẩu hiệu nào dưới đây được nêu ra trong chiến dịch Biên giới thu đông 1950?

A. "Phải phá tan cuộc tấn công vào mùa đông của giặc Pháp lên Việt Bắc"

B. "Tất cả để đánh thắng giặc Pháp xâm lược".

C. "Tất cả cho chiến dịch được toàn thắng!".

D. "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng".

Câu 22. Từ lúc bùng nổ đến khi kết thúc chiến dịch Biên giới thu - đông 1950, thời gian nào dưới đây là đúng?

A. 16 - 8 - 1950 đến 20 - 10 - 1950.   B. 16 - 8 - 1950 đến 22 - 10 - 1950.

C. 16 - 9 - 1950 đến 22 - 10 - 1950.   D. 18 - 9 - 1950 đến 20 - 10 - 1950.

Câu 23. Trận đánh nào có tính chất quyết định trong chiến dịch Biên giới thu đông 1950?

A. Trận đánh ở Cao Bằng.   B. Trận đánh ở Đông Khê.

C. Trận đánh ở Thất Khê.   D. Trận đánh ở Đình Lập.

Câu 24. Kết quả lớn nhất mà quân dân ta giành được thắng lợi trong chiến dịch Biên giới thu - đông 1950 là:

A. Ta đã giành thế chủ động trên chiến trường chính (Bắc Bộ).

B. Tiêu diệt và bắt 8.300 tên địch, thu trên 3.000 tấn vũ khí và phương tiện chiến tranh.

C. Giải phóng dải biên giới Việt - Trung với chiều dài 750 km từ Cao Bằng đến Đình Lập.

D. Bộ đội ta đã phát triển với ba thứ quân.

Câu 25. Điền các sự kiện cho phù hợp với thời gian đã cho sẵn sau đây:

Niên đại	*Sự kiện*
1/ 7 - 10 - 1947	A..
2/ 9 - 10 - 1947	B..
3/ 15 - 10 - 1947	C..
4/ 19 - 12 - 1947	D..

Câu 26. Điền vào chỗ trống trong các câu sau đây cho đúng:

A. Theo kế hoạch của Pháp, Bắc Cạn là điểm gặp nhau giữa.................... để tạo nên gọng kìm toàn bộ mặt sau Việt Bắc.

B. Theo kế hoạch của Pháp, Đại Thi là điểm gặp nhau giữa ....

C. Thu - đông 1947, quân Pháp bị tiêu hao nhiều sinh lực ở....................

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 21

1. B   2. B   3. C   4. D   5. C   6. A   7. D
8. C   9. A   10. C   11. B   12. C   13. B
14. C   15. C   16. D   17 A: 1-10-1949; B: 1-1950;
C: 6 - 1950; D: 8 - 1950.
18. A   19. B   20. B   21. C   22. C   23. B   24. A

25. A. Thực dân Pháp huy động 12.000 quân, mở cuộc tấn công lên Việt Bắc.

B. Binh đoàn hỗn hợp bộ binh và lính thủy đánh bộ từ Hà Nội ngược sông Hồng, sông Lô đánh lên Tuyên Quang bao vây Việt Bắc.

C. Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị: "Phải phá tan cuộc tấn công vào mùa đông của giặc Pháp".

D. Đại bộ phận quân pháp rút khỏi Việt Bắc.

26 A. Giữa binh đoàn bộ binh hành quân theo đường số 4 và nhảy xuống Bắc Cạn.

B. Giữa binh đoàn hỗn hợp bộ binh và lính thủy từ Hà Nội theo đường sông Hồng lên và binh đoàn bộ binh theo số đường 4.

C. Ở Bắc Cạn, Đoan Hùng, Bông Lau.

Bài 22. BƯỚC PHÁT TRIỂN MỚI CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG PHÁP (1951 – 1953)

I. CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Từ sau chiến dịch Biên giới thu - đông 1950, đế quốc Pháp - Mĩ có âm mưu và hành động gì?

- Âm mưu của đế quốc Pháp - Mĩ :

+ Sau thất bại nặng nề ở mặt trận Biên giới thu - đông 1950, thực dân Pháp lâm vào một thế vô cùng khó khăn, lúng túng. Vì vậy, dù mâu thuẫn với Mĩ, Pháp vẫn dựa vào Mĩ, cầu xin viện trợ của Mĩ để tiếp tục chiến tranh xâm lược.

+ Về phía Mĩ, tích cực giúp Pháp nhằm rằng buộc và từng bước hất cẳng Pháp để độc chiếm Đông Dương làm thuộc địa kiểu mới.

- Hành động để thực hiện âm mưu đó:

Được sự giúp đỡ của Mĩ, tháng 12-1950, Chính phủ Pháp cử Đại tướng Đờ Lát đơ Tát-xi-nhi sang làm Tổng chỉ huy quân viễn chinh kiêm chức Cao ủy Pháp ở Đông Dương, rồi đề ra kế hoạch mới gồm 4 điểm :

+ Gấp rút tập trung quân Âu - Phi, xây dựng một lực lượng cơ động mạnh và ra sức phát triển quân ngụy.

+ Lập tuyến phòng thủ "boong ke" và một "vành đai trắng" bao quanh trung du và đồng bằng Bắc Bộ.

+ Tiến hành chiến tranh tổng lực, bình định cho được vùng lấn chiếm.

+ Đánh phá ác liệt căn cứ và hậu phương ta, chuẩn bị tiến công vào vùng tự do để gây thanh thế và giành lại quyền chủ động chiến lược.

Câu 2: Ảnh hưởng của các âm mưu và hành động đó đối với cuộc kháng chiến của nhân dân ta?

- Mục tiêu chính của kế hoạch Đờ Lát là nhằm giữ cho được những vùng đông dân, nhiều của, nhất là đồng bằng Bắc Bộ.

- Kế hoạch của Đờ Lát đề ra nhằm thực hiện âm mưu tiếp tục chiến tranh, đã gây cho cuộc kháng chiến của ta nhiều khó khăn mới, đặc biệt là ở vùng sau lưng địch :

+ Càn quét khốc liệt làm cho cơ sở của ta bị tổn thất, cuộc đấu tranh của nhân dân ta ở vùng sau lưng địch bị giảm sút.

+ Hành động triệt phá kinh tế như: Nghiền nát hoa màu, đốt thóc lúa, bắn chết trâu bò... trực tiếp làm ảnh hưởng tới sản xuất và đời sống của nhân dân ta ở vùng sau lưng địch và việc tiếp tế cho bộ đội.

+ Sử dụng các thủ đoạn chính trị lừa bịp như: tuyên truyền chống cộng, đề cao "độc lập", "quốc gia" giả hiệu... làm ảnh hưởng xấu đến nhân dân ta, làm cho phong trào đấu tranh của ta cũng bị giảm sút.

Câu3: Nội dung cơ bản và ý nghĩa lịch sử Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ II ?

- Nội dung của Đại hội nêu lên các vấn đề sau:

+ Đại hội đã thảo luận và thông qua Báo cáo chính trị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, báo cáo đã tổng kết những thắng lợi, kinh nghiệm của cách mạng và nêu rõ nhiệm vụ chủ yếu của cách mạng Việt Nam lúc này và những việc cần làm để thực hiện nhiệm vụ đó.

+ Đại hội đã thảo luận và thông qua báo cáo "Bàn về cách mạng Việt Nam" do đồng chính Trường Chinh trình bày, báo cáo đã vạch ra đường lối cụ thể của cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân Việt Nam.

+ Đại hội đưa Đảng ra hoạt động công khai và đổi tên Đảng thành Đảng Lao động Việt Nam. Hai nước Lào, Cam-pu-chia phải xây dựng ở mỗi nước một đảng cách mạng riêng cho phù hợp.

+ Đại hội thông qua tuyên ngôn, chính cương và điều lệ mới và quyết định nhiều chính sách cơ bản về công tác xây dựng chính quyền, mặt trận, quân đội, tài chính...

+ Đại hội bầu ra Ban chấp hành Trung ương Đảng cho Hồ Chí Minh làm Chủ tịch Đảng và đồng chí Trường Chinh làm Tổng bí thư.

- Ý nghĩa của Đại hội:

+ Đánh dấu mốc quan trọng trong quá trình lãnh đạo và trưởng thành của Đảng ta.

+ Tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với quần chúng, tạo niềm tin của quần chúng đối với Đảng.

+ Thúc đẩy cuộc kháng chiến tiến lên giành thắng lợi ngày một lớn hơn.

Câu 4: Trong kháng chiến chống Pháp, hậu phương kháng chiến được quan tâm xây dựng như thế nào? Tác dụng của hậu phương đối với cuộc kháng chiến?

- Quá trình xây dựng hậu phương trong kháng chiến được thể hiện :

** Về chính trị :*

+ Ngày 3 - 3 - 1951, thống nhất mặt trận Việt Minh và Liên Việt thành mặt trận Liên Việt. Khối đoàn kết toàn dân được củng cố và tăng cường.

+ Chính quyền dân chủ nhân dân các cấp được kiện toàn, trở thành công cụ động viên toàn dân tham gia kháng chiến, kiến quốc.

** Về kinh tế :*

+ Đẩy mạnh phong trào thi đua sản xuất, tiết kiệm, xây dựng kinh tế trong nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp...

+ Đấu tranh kinh tế với địch để bảo vệ mùa màng.

** Về bồi dưỡng sức dân:*

+ Chủ trương phát động quần chúng triệt để giảm tô, thực hiện giảm tức cải cách ruộng đất.

+ Ngày 1 - 5 - 1952, Đại hội anh hùng và chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ I họp đã biểu dương những thành tích rực rỡ của phong trào thi đua ái quốc, cổ vũ tinh thần lao động sáng tạo của nhân dân.

** Về văn hóa giáo dục :*

+ Thực hiện cải cách giáo dục năm 1950.

+ Phong trào Bình dân học vụ và bổ túc văn hóa tiếp tục phát triển.

+ Công tác vận động phòng bệnh, thực hiện đời sống mới, bài trừ mê tín dị đoan... ngày càng lan rộng và ăn sâu trong nhân dân.

- Tác dụng của hậu phương:

+ "Hậu phương" là nhân tố thường xuyên quyết định đến thắng lợi của chiến trường trực tiếp góp phần vào thắng lợi trên mặt trận quân sự trong những năm 1951 - 1953; chiến cuộc Đông - Xuân 1953 - 1954 và chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ.

+ Đáp ứng nhu cầu bức thiết của cuộc kháng chiến, đẩy mạnh sự nghiệp quốc phòng, tạo tiền đề (chính quyền, cơ sở kinh tế, văn hóa xã hội) để tiến lên chủ nghĩa xã hội sau này.

Câu 5: Từ sau chiến dịch Biên giới thu - đông 1950, quân ta luôn giữ vững và phát triển thế chủ động chiến lược trên chiến trường chính như thế nào?

- Từ cuối 1950 đến giữa 1951, quân ta liên tiếp mở các chiến dịch đánh vào phòng tuyến địch ở trung du và đồng bắc Bắc Bộ:

+ Chiến dịch Trung du (Trần Hưng Đạo) từ 25 - 12 - 1950 đến 17- 1 - 1951, quân ta đánh vào hệ thống phòng ngự của địch ở Vĩnh Yên, Phúc Yên.

+ Chiến dịch Đường số 18 (Hoàng Hoa Thám) từ 20 - 3 đến 7 - 4 - 1951, Quân ta tấn công địch từ Phả Lại đến Uông Bí, tiêu diệt 14 vị trí địch.

+ Chiến dịch Hà - Nam - Ninh (Quang Trung), từ 28 - 5 đến 20 - 6 - 1951, quân ta tấn công địch ở các tỉnh Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình.

+ Chiến dịch Hòa Bình: Từ ngày 9 đến 14 - 11 - 1951, Đờ Lát tập trung 20 tiểu đoàn mở chiến dịch đánh Hòa Bình. Địch dùng một bộ phận nhảy dù xuống Chợ Bến, Xuân Mai. Đồng thời cho hai cánh quân bộ thủy theo đường số 6 và sông Đà tiến ra thị xã Hòa Bình.

- Ta xác định, địch đánh Hòa Bình là cơ hội để ta tiêu diệt chúng, vì thế ta quyết định mở chiến dịch Hòa Bình. Toàn bộ lực lượng địch đến Hòa Bình bị ta bao vây trong "vành đai lửa".

- Sau ba tháng chiến đấu, quân ta đã giành được thắng lợi to lớn. Đến 23 - 2 - 1952, địch phải rút khỏi Hòa Bình.

+ Chiến dịch Tây Bắc: Vào 14 - 10 - 1952, ta mở chiến dịch Tây Bắc, tiêu diệt nhiều cứ điểm quan trọng của địch ở Nghĩa Lộ, giải phóng Nghĩa Lộ, gần hết tỉnh Sơn La và một phần tỉnh Lai Châu. Cuối 12 - 1952, chiến dịch Tây Bắc thắng lợi.

+ Chiến dịch Thượng Lào: Tháng 4 - 1953, bộ đội ta phối hợp với bộ độ Pathét Lào mở chiến dịch Thượng Lào, giải phóng toàn bộ tỉnh Sầm Nưa, một phần Xiêng Khoảng và Phong Xa-lì.

- Nhìn chung từ sau chiến dịch Biên giới thu - đông 1950:

+ Ta giành, giữ và phát triển quyền chủ động về chiến lược trên chiến trường chính (Bắc Bộ).

+ Ta tiêu hao thêm nhiều sinh lực địch, giải phòng nhiều vùng đất đai rộng lớn.

+ Lực lượng của ta ngày càng lớn mạnh với ba thứ quân.

Câu 6: Vì sao nói giặc Pháp đánh ra Hòa Bình là một cơ hội tốt để cho ta tiêu diệt địch? Kết quả và ý nghĩa lịch sử của chiến dịch Hòa Bình?

- Giặc Pháp đánh ra Hòa Bình là một cơ hội để ta tiêu diệt địch vì:

+ Sau một năm ra sức củng cố thế phòng ngự, tích cực bình định, tăng cường lực lượng và thu được một số kết quả, thực dân Pháp cho rằng đến lúc có thể phản công ta để giành lại quyền chủ động về chiến lược. Chúng đã đánh chiếm Hòa Bình.

+ Để đánh ra Hòa Bình, địch phải rút bớt quân ở vùng đồng bằng là cơ hội tốt để ta đánh địch. Ta vừa cho quân vây hãm, truy kích tiêu diệt địch trên mặt trận Hòa Bình, vừa đẩy mạnh hoạt động chống phá kế hoạch bình định đồng bằng Bắc Bộ của chúng, thúc đẩy phong trào chiến tranh du kích ở cùng sau lưng địch.

- Kết quả và ý nghĩa của chiến dịch Hòa Bình:

+ Kết quả: Tính chung cả mặt trận (chính diện và sau lưng địch), ta đã tiêu diệt 22.000 tên địch; tiêu diệt, bức hàng và bức rút hơn 1.000 đồn bốt, tháp canh. Các căn cứ du kích của ta được mở rộng và nối liền với nhau thành thế liên hoàn vững chắc.

+ Ý nghĩa: Đây là thắng lợi của nghệ thuật chỉ đạo phối hợp chiến đấu giữa mặt trận chính diện và mặt trận sau lưng địch, chiến trường chính với các chiến trường phối hợp, kết hợp giữa vận động chiến với du kích chiến, giữa tiến công quân sự với nổi dậy của quần chúng.

Câu 7: Hãy nêu những thuận lợi và khó khăn của ta sau chiến dịch Biên giới thu - đông 1950? Để tiếp tục đưa cuộc kháng chiến tiên lên cần phải làm gì?

- Những thuận lợi:

+ Sau chiến dịch Biên giới thu - đông 1950, ta đã giành thế chủ động chiến trường chính (Bắc Bộ).

+ Bộ đội của ta ngày càng trưởng thành và lớn mạnh.

+ Các nước tiếp tục ủng hộ của kháng chiến của ta.

- Những khó khăn:

+ Thực dân Pháp dựa vào sự viện trợ của Mĩ, ra sức mở các cuộc càn quét gây cho ra những khó khăn nhất định.

+ Những tư tưởng sai lầm của ta nảy sinh trong quá trình kháng chiến.

- Để tiếp tục đưa kháng chiến trên lên cần:

+ Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng.

+ Phê phán những sai lầm nảy sinh trong quá trình kháng chiến.

+ Xác định nhiệm vụ cụ thể của cách mạng lúc bấy giờ.

Câu 8: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (2 - 1951), có quyết định gì mới về Đảng so với các thời kì trước?

- Đổi tên Đảng thành Đảng Lao động Việt Nam.

- Đưa Đảng ra hoạt động công khai.

- Mỗi nước ở Đông Dương phải có một Đảng riêng của mình.

Câu 9: So với kế hoạch Rơ-ve, kế hoạch Đờ Lát đơ Tát-xi-nhi là một bước tiến hay một bước lùi trong cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp ở Đông Dương? Vì sao ?

- Kế hoạch Rơ-ve thực hiện trong hoàn cảnh thực dân Pháp bị thất bại trong chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947, kế hoạch mà chúng chủ động tấn công ta. Hệ thống phòng ngự trong kế hoạch Rơ-ve được xây dựng trên đường số 4 từ Lạng Sơn đến Cao Bằng, gần chiến khu Việt Bắc của ta. Dự kiến của Pháp, sau khi xây dựng hệ thống phòng ngự trên đường số 4 sẽ tấn công lên Việt Bắc lần thứ hai để giành thắng lợi quyết định về quân sự.

- Kế hoạch Đờ Lát đơ Tát-xi-nhi thực hiện trong hoàn cảnh Pháp bị thất bại trong chiến dịch Biên giới thu - đông 1950, chiến dịch mà ta chủ động đánh Pháp. Hệ thống phòng ngự của Pháp trong kế hoạch Đờ Lát chủ yếu xây dựng ở trung du và đồng bằng, xa căn cứ của ta.

- Như vậy, so với kế hoạch Rơ-ve, kế hoạch Đờ Lát đơ Tát-xi-nhi là một bước thụt lùi trong quá trình thực hiện các kế hoạch chiến tranh của Pháp ở Đông Dương. Vì đây là kế hoạch xây dựng trong thế yếu và thế thua của thực dân Pháp.

- Trong các chiến dịch trên, chiến dịch Hòa Bình là những thắng lợi lớn nhất của quân dân ta. Vì, với chiến dịch Hoà Bình thắng lợi ta đã phá tan âm mưu của địch trong việc cố gắng giành lại thế chủ động trên chiến trường Đông Dương. Ta đã buộc địch phải co cụm về phòng ngự ở Bắc Bộ. Thắng lợi này đưa cuộc kháng chiến của ta tiếp tục giành thế chủ động trên chiến trường chính ở Bắc Bộ để tiến lên giành thắng lợi quyết định trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, kết thúc chiến tranh xâm lược của chúng ở Đông Dương.

Câu 10: Để thực hiện kế hoạch mới gồm 4 điểm chính của mình, Đờ Lát đơ Tát-xi-nhi đã làm gì?

- Tập trung phần lớn các tiểu đoàn cơ động chiến thuật thuộc lực lượng chiếm đóng ở Bắc Bộ, xây dựng, binh đoàn cơ động chiến lược và 4 tiểu đoàn dù.

- Địch xúc tiến xây dựng phòng tuyến "boong ke" ở Bắc Bộ với 113 vị trí, chạy từ Hòn Gai, Đông Triều, Lục Nam, Bắc Giang: Bắc Ninh và Vĩnh Phúc, Sơn Tây, Hà Đông đến Ninh Bình.

- Đẩy mạnh hơn nữa cuộc "chiến tranh tổng lực" ở vùng chiếm đóng, nhất là vùng châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long.

- Kích động các thổ phỉ dọc biên giới Việt - Trung cấu kết với toàn quân Tưởng Giới Thạch phá hoại hậu phương kháng chiến.

Câu 11: Hãy trình bày những thắng lợi tiêu biểu của quân dân ta trong những năm 1951 –1953?

Sau chiến dịch Biên giới thu – đông 1950, đặc biệt là sau Đại hội lần thứ hai của Đảng, cuộc kháng chiến của nhân dân ta tiếp tục giành được những thắng lợi to lớn, đưa cuộc kháng chiến tiến lên. Những thắng lợi đó là:

- *Trên mặt trận chính trị:*

+ Tăng cường hiệu lực và vai trò của chính quyền cách mạng, phát huy sức mạnh chính trị của toàn Đảng, toàn dân.

+ Mặt trận Việt Minh và Liên Việt hợp nhất thành Mặt trận Liên Việt.

+ Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương được triệu tập, đánh dấu bước phát triển mới của khối liên minh chiến lược của ba nước Đông Dương.

- *Trên mặt trận kinh tế, văn hoá:*

+ Công cuộc xây dựng kinh tế, văn hoá tiếp tục được đẩy mạnh. Cùng với tăng cường phát triển nông nghiệp, công nghiệp quốc phòng, tiểu thủ công nghiệp, Đảng và Nhà nước đã có nhưng biện pháp thiết thực đẩy mạnh các hoạt động tài chính, thương nghiệp phục vụ chiến đấu.

+ Đến cuối năm 1953, Đảng ta chủ trương cải cách ruộng đất. Thắng lợi bước đầu của cải cách ruộng đất đã có ý nghĩa rất lớn đối với việc củng cố và phát huy sức mạnh toàn diện của hậu phương và động viên tinh thần chiến đấu, sản xuất của quân dân ta.

- *Trên mặt trận quân sự:*

+ Lực lượng vũ trang gồm ba thứ quân đã triển khai thế phản công cục bộ trên chiến trường chính và chiến trường sau lưng giành được những thắng lợi quan trọng.

+ Từ cuối tháng 12 - 1950 đến tháng 4 - 1953, quân dân ta chủ động mở các chiến dịch đánh địch ở trung du, đồng bằng và miền núi: Chiến dịch Trung du (9 - 12- 1950 đến 1 - 1951); chiến dịch Đường số 18 (3 đến 4 - 1951); chiến dịch Hà – Nam – Ninh (5 đến 6 - 1951); chiến dịch Hoà Bình (11 - 1951 đến 2 - 1952); chiến dịch Tây Bắc (10 đến 12 - 1952) ; chiến dịch Thượng Lào (4 - 1953).

+ Qua các chiến dịch trên đã tạo điều kiện cho quân dân ta giữ gìn và phát triển thế chủ động trên chiến trường chính ở Bắc Bộ. Vùng giải phóng được mở rộng. Bộ đội của ta phát triển với ba thứ quân.

- Những thắng lợi to lớn và toàn diện của quân dân ta trong những năm 1951 - 1953 đã làm cho thế và lực của ta hơn hẳn địch, tạo điều kiện để đến Đông - Xuân 1953 - 1954, ta chủ động tiến hành cuộc tiến công chiến lược, đưa sự nghiệp kháng chiến chống thực dân Pháp đến thắng lợi cuối cùng.

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. “Gấp rút tập trung quân Âu - Phi, xây dựng lực lượng cơ động chiến lược mạnh, ra sức phát triển ngụy quân”. Đó là một trong bốn điểm chính của kế hoạch nào?

A. Rơ ve.
B. Na-va.
C. Đờ lát đơ Tát-xi-nhi.
D. Đờ-cát.

Câu 2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần II của Đảng họp vào thời gian nào? Ở đâu?

A. Từ 09 đến 19 - 2 - 1951. Tại Bắc Pó (Cao Bằng).
B. Từ 10 đến 20 - 2 - 1951. Tại Hà Nội.
C. Từ 10 đến 19 - 5 - 1951. Tại Tân Trào (Tuyên Quang).
D. Từ 11 đến 19 - 2 - 1951. Tại Chiêm Hóa (Tuyên Quang).

Câu 3. “Tiêu diệt thực dân Pháp và đánh bại bọn can thiệp Mĩ, giành thống nhất, độc lập hoàn toàn, bảo vệ hòa bình thế giới”. Đó là nhiệm vụ được nêu ra trong văn kiện nào?

A. Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng do Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày.
B. Báo cáo “Bàn về cách mạng Việt Nam” do Tổng Bí thư Trường Chinh trình bày.
C. Tuyên ngôn của Đảng.
D. Chính cương và Điều lệ mới của Đảng .

Câu 4. Đại hội lần thứ II của Đảng đã nêu rõ lực lượng của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân gồm các thành phần nào?

A. Công nhân, nông dân, tiểu tư sản.
B. Công nhân, nông dân, tiểu tư sản, tư sản dân tộc.
C. Công nhân, nông dân.
D. Công nhân, nông dân, tiểu tư sản, tiểu tư sản dân tộc và địa chủ.

Câu 5. Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần II quyết định đổi tên Đảng thành:

A. Đảng Cộng sản Đông Dương.
B. Đảng Lao động Việt Nam.
C. Đảng Cộng sản Việt Nam.
D. Tất cả cùng đúng.

Câu 6. Vì sao Đại hội lần II của Đảng đánh dấu một mốc quan trọng trong qúa trình lãnh đạo và trưởng thành của Đảng ta?

A. Đưa Đảng tiếp tục hoạt động cách mạng.
B. Đảng ta tiếp tục lãnh đạo cuộc kháng chiến.
C. Đảng ta đã hoạt động công khai.
D. Đưa Đảng ra hoạt động công khai và đổi tên Đảng thành Đảng Lao động Việt Nam.

Câu 7. Mặt trận Liên Việt ra đời vào thời gian nào?

A. 19 - 2 - 1950.
B. 3 - 3 - 1951.
C. 3 - 6 - 1951.
D. 5 - 6 - 1951.

Câu 8. Trong 7 anh hùng được chọn để biểu dương trong phong trào thi đua ái quốc (1-5-1952), có anh hùng nào tham gia trong chiến dịch Biên giới thu - đông 1950?

A. Cù Chính Lan, Trần Đại Nghĩa.
B. La Văn Cầu.
C. Nguyễn Thị Chiên, Nguyễn Quốc Trị.
D. Ngô Gia Khảm, Hoàng Oanh.

Câu 9. Để thực hiện bồi dưỡng sức dân, nhất là nông dân, năm 1953, Đảng và Chính phủ có chủ trương gì?

A. Triệt để giảm tô, thực hiện giảm tức và cải cách ruộng đất .
B. Thực hiện khai hoang với khẩu hiệu “Tất đất tất vàng”.

C. Thực hành tiết kiệm.

D. Tất cả các chủ trương trên.

Câu 10. Từ cuối năm 1950 đến giữa năm 1951, quân ta liên tiếp mở các chiến dịch đánh địch ở trung du và đồng bằng, Đó là những chiến dịch nào?

A. Chiến dịch Trung du, chiến dịch Đường số 18 và chiến dịch Hoà Bình.

B. Chiến dịch Trung du, chiến dịch Tây Bắc, chiến dịch Đường số 18.

C. Chiến dịch Trung du, chiến dịch Đường số 18 và chiến dịch Hà - Nam - Ninh.

D. Chiến dịch Đường số 18, chiến dịch Hà - Nam - Ninh.

Câu 11. Chiến dịch Hòa Bình diễn ra và kết thúc trong thời gian nào?

A. Từ tháng 11 - 1950 đến tháng 2 - 1951.

B. Từ tháng 11 - 1951 đến tháng 2 - 1952.

C. Từ tháng 11 - 1951 đến tháng 2 - 1953.

D. Từ tháng 11 - 1951 đến tháng 10 - 1952.

Câu 12. Trong chiến dịch Tây Bắc, quân ta đã giải phóng được các tỉnh nào?

A. Toàn bộ tỉnh Nghĩa Lộ, gần hết tỉnh Sơn La và một phần tỉnh Lai Châu.

B. Gần hết tỉnh Nghĩa Lộ, toàn bộ tỉnh Sơn La và một phần tỉnh Lai Châu.

C. Gần hết tỉnh Lai Châu, một phần tỉnh Nghĩa Lộ và Sơn La.

D. Gần hết các tỉnh Nghĩa Lộ, Sơn La, Lai Châu.

Câu 13. Trong chiến dịch Thượng Lào, quân dân Việt- Lào đã giải phóng:

A. Toàn bộ tỉnh Xiêng Khoảng, một phần tỉnh Sầm Nưa và Phong Xa-lì.

B. Toàn bộ tỉnh Phong Xa-lì, gần hết tỉnh Sầm Nưa và Xiêng Khoảng.

C. Toàn bộ tỉnh Sầm Nưa, một phần tỉnh Xiêng Khoảng và Phong Xa-lì.

D. Toàn bộ tỉnh Sầm Nưa, gần hết tỉnh Xiêng Khoảng và một phần tỉnh Phong Xa-lì.

Câu 14. Điền các niên đại vào các chiến dịch sau:

A. .... Chiến dịch Trung du.

B. ....Chiến dịch Đường số 18.

C. ....Chiến dịch Hà - Nam - Ninh.

D. ....Chiến dịch Hòa Bình.

E. ....Chiến dịch Tây Bắc.

F. ....Chiến dịch Thượng Lào.

Câu 15. Người anh hùng dân tộc Trần Hưng Đạo được đặt tên cho chiến dịch nào?

A. Chiến dịch Đường số 18.

B. Chiến dịch Hà - Nam - Ninh.

C. Chiến dịch Hòa Bình.

D. Chiến dịch Trung du.

Câu 16. Lực lượng vũ trang của ta ngày càng lớn mạnh với ba thứ quân: Bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích, trong thời gian nào?

A. Từ sau chiến dịch Biên giới thu - đông 1950 đến 1951 - 1953.

B. Từ sau chiến dịch Việt Bắc thu- đông 1947 đến 1953.

C. Từ những năm 1953 - 1954.

D. Câu A và B đúng.

Câu 17. Hãy cho biết tên của Đảng ta qua các thời kì cách mạng theo bảng kê sau đây.

Thời gian	Tên Đảng ta
1/ 2 - 3 - 1930	A..
2/ 10 - 1930	B..
3/ 2 - 1951	C..

Câu 18. Hãy nối sự kiện ở cột B cho phù hợp với thời gian ở cột A sau đây:

A	B
1/ 2 - 1951	A. Đại hội anh hùng và chiến sĩ thi đua toàn quốc .
2/ 3 - 1951	B. Đại hội thống nhất mặt trận Việt Minh và Liên Việt.
3/ 5 - 1952	C. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II.

Câu 19. Nối danh hiệu ở cột A cho phù hợp với những người được biểu dương ở Đại hội anh hùng và chiến sĩ thi đua toàn quốc ở cột B.

A	B
1. Anh hùng lực lượng vũ trang. 2. Anh hùng công nhân. 3. Anh hùng nông dân. 4. Anh hùng trí thức.	A. Ngô Gia Khảm B. Cù Chính Lan, La Văn Cầu, Nguyễn Quốc Trị, Nguyễn Thị Chiên C. Trần Đại Nghĩa. D. Hoàng Oanh

Câu 20. Sau khi chiến dịch Biên giới thu - đông 1950, quân dân ta giành những thắng lợi trên mặt trận quân sự. Hãy cho biết chiến dịch nào là thắng lợi lớn nhất?

A. Chiến dịch Trung du (Trần Hưng Đạo), từ 25 - 12 - 1950 đến 17 - 1 - 1951.

B. Chiến dịch Đường số 18 (Hoàng Hoa Thám), từ 30 - 3 đến 7 - 4 - 1951.

C. Chiến dịch Hà - Nam - Ninh (Quang Trung), từ 20 - 5 đến 20 - 6 - 1951.

D. Chiến dịch Hòa Bình, từ 10 - 11 - 1951 đến 23 - 2 - 1952.

E. Chiến dịch Tây Bắc, từ tháng 10 - 1952 đến 12 - 1952.

F. Chiến dịch Thượng Lào vào tháng 4 - 1953.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 22

1. C 2. D 3. A 4. B 5. B 6. D 7. B 8. B

9. A 10. C 11. B 12. A 13. C

14 A. 25 - 12-1950 đến 17 - 1 – 1951; B. 30 - 3 đến 7 - 4-1951;
C. 28 - 5 - 1951 đến 20 - 6- 1951; D.10 - 11- 1951 đến 23 - 2 – 1952;
E. 10 - 1952 đến 12 – 1952; F. 4 - 1953.

15. D 16. A

17 A. 3 - 2 - 1930 : Đảng Cộng sản Việt Nam.
B. 10 - 1930 : Đảng Cộng sản Đông Dương.
C. 2 - 1951 : Đảng Lao động Việt Nam.

18. 1: C, 2: B, 3: A. 19. 1: B, 2: A, 3: D, 4: C. 20. D

Bài 23. CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP KẾT THÚC (1953 – 1954)

I. CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Kế hoạch quân sự Na-va ra đời trong hoàn cảnh nào? Mục đích và nội dung của kế hoạch đó?

- *Hoàn cảnh:*

+ Sau 8 năm kháng chiến, lực lượng của ta ngày càng lớn mạnh, thu được nhiều thắng lợi trên các mặt trận chính trị, kinh tế, quân sự và ngoại giao.

+ Thực dân Pháp càng tiếp tục chiến tranh, càng suy yếu và thất bại nặng nề.

+ Mĩ lợi dụng khó khăn của Pháp ngày càng can thiệp sâu hơn vào Đông Dương.

+ Trước tình thế đó, Pháp phải dựa vào sự viện trợ của Mĩ, để kéo dài chiến tranh, tìm "thắng lợi" trong quân sự và ra đi trong "danh dự". Vì vậy, ngày 7 - 5 - 1953, với sự thỏa thuận của Mĩ, Chính phủ Pháp cử Tướng Na-va sang làm Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương. Kế hoạch quân sự Na-va ra đời từ đó.

- *Mục đích:* Cả Pháp và Mĩ đều nhằm thực hiện kế hoạch để "chuyển bại thành thắng".

- Nội dung : Chia làm 2 bước.

+ Bước 1: (thu - đông 1953 và xuân 1954): giữ thế phòng ngự chiến lược ở chiến trường miền Bắc, thực hiện tiến công chiến lược ở chiến trường miền Nam; ra sức mở rộng ngụy quân, xây dựng một lực lượng cơ động mạnh.

+ Bước 2: (từ thu 1954): chuyển lực lượng ra chiến trường miền Bắc, thực hiện tiến công chiến lược, cố giành thắng lợi quyết định, buộc ta phải đám phán theo những điều kiện có lợi cho chúng.

- Để thực hiện kế hoạch, thực dân Pháp tập trung quân cơ động ở chiến trường Đông Dương gồm 84 tiểu đoàn, trong đó ở đồng bằng Bắc Bộ 44 tiểu đoàn, hành động theo khẩu hiệu: "Luôn luôn chủ động, luôn luôn tiến công", mở nhiều cuộc hành quân càn quét lớn ở Bắc Bộ, Bình - Trị - Thiên, Nam Bộ, Bình Định, giáp giới Ninh Bình, Thanh Hóa.

Câu 2: Tại sao ta mở chiến dịch Điện Biên Phủ? Chiến dịch Điện Biên Phủ diễn ra và thắng lợi như thế nào?

- *Tại sao*

+ Trước sự phá sản bước đầu trong kế hoạch quân sự Na-va, địch quyết định xây dựng tập đoàn cứ điểm mạnh ở Điện Biên Phủ, biến Điện Biên Phủ thành một "pháo đài không thể công phá", "một vecđoong" của thế kỉ XX, "một con nhím khổng lồ" ở rừng núi Tây Bắc. Và biến Điện Biên Phủ thành trung tâm điểm của kế hoạch Na-va. Vì vậy, muốn kết thúc chiến tranh phải tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

+ Vào ngày 6 - 12 - 1953, Trung ương Đảng đã họp và nhận định: Điện Biên Phủ là tập đoàn cứ điểm mạnh nhưng thế yếu của địch ở Điện Biên Phủ dễ bị cô lập, chỉ tiếp tế được bằng đường không.

+ Quân đội ta đã trưởng thành và có kinh nghiệm có thể đánh địch ở tập đoàn cứ điểm.

+ Hậu phương của ta đã vững mạnh, có thể khắc phục những khó khăn đảm bảo chi viện cho chiến trường.

Trên cơ sở phân tích tình hình, Trung ương Đảng đã quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ, biến Điện Biên Phủ thành điểm "Quyết chiến chiến lược giữa ta và địch".

- *Chiến dịch Điện Biên Phủ diễn ra và thắng lợi:*

+ Chiến dịch Điện Biên Phủ diễn ra qua 3 đợt:

Đợt 1 (từ 13 đến 17 - 3 - 1954): Quân tá tấn công vào Him Lam và toàn bộ phân khu phía Bắc (Độc Lập, Bản Kéo).

Đợt 2 (từ 30 - 3 đến 26 - 4 - 1954): Quân ta đồng loạt tấn công vào các cao điểm phía đông khu trung tâm Mường Thanh. Cuộc chiến đấu diễn ra vô cùng ác liệt, nhất là đồi A_1, C_1. Vùng vây khép chặt, dần dần đường tiếp tế bằng hàng không bị cắt đứt.

Đợt 3 (từ 1 - 5 đến 7 - 5 - 1954): Quân ra đồng loạt tấn công vào khu trung tâm Mường Thanh và phân khu phía Nam, chiều ngày 7- 5 quân ta đánh vào Sở chỉ huy địch. Đến 7 giờ 30 ngày 7 - 5, lá cờ "Quyết chiến, quyết thắng" bay lên nóc hầm chỉ huy của Tướng Đờ Cát. Chiến dịch toàn thắng.

Kết quả của chiến dịch: Sau 56 ngày đêm liên tục chiến đấu, quân ta tiêu diệt và bắt sống toàn bộ quân địch ở tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ: 16.200 tên, hạ 62 máy bay, thu toàn bộ vũ khí, cơ sở vật chất kĩ thuật. Đập tan kế hoạch Na-va và mọi mưu đồ của đế quốc Pháp - Mĩ.

Câu 3: Âm mưu của Pháp - Mĩ trong việc chiếm đóng, xây dựng tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

- Ngày 20 - 11 - 1953, thực dân Pháp cho quân nhảy dù xuống Điện Biên Phủ, khi đến Điện Biên Phủ các tướng tá Pháp - Mĩ thấy rằng, Điện Biên Phủ là một địa bàn rất quan trọng nằm giữa cánh đồng Mường Thanh, xung quanh có núi bao bọc.

- Với vị trí địa lý của Điện Biên Phủ, về lâu dài chúng muốn biến nơi đây thành một căn cứ lục quân và không quân có tác dụng lợi hại trong âm mưu xâm lược Đông Nam Á.

- Để thực hiện ý đồ đó, Pháp cho xây dựng Điện Biên Phủ thành tập đoàn cứ điểm mạnh gồm 49 cụm cứ điểm được chia thành 3 phân khu: phân khu phía Bắc, phân khu trung tâm Mường Thanh và phân khu Hồng Cúm với phía Nam.

- Với cách bố phòng như vậy, các tướng tá của Pháp - Mĩ đều chủ quan cho rằng Điện Biên Phủ là một "pháo đài không thể công phá", một "vecđoong" của thế kỉ XX, một "con nhím khổng lồ" của núi rừng Tây Bắc và từ đó chúng ngạo mạn tuyên bố rằng: Nếu bộ đội ta đánh lên Điện Biên Phủ sẽ không tránh khỏi bị nghiền nát.

Câu 4: Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

- *Nguyên nhân:*

+ Có sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vạch ra đường lối kháng chiến "Toàn dân, toàn diện, lâu dài và tự lực cánh sinh".

+ Toàn Đảng, toàn quân, toàn dân đã đoàn kết một lòng, quyết tâm chiến đấu vì độc lập, tự do, với tinh thần: "Thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ".

+ Nhờ ra sức xây dựng hậu phương kháng chiến vững mạnh về mọi mặt, cho phép phát huy cao nhất sức người, sức của phục vụ kháng chiến.

+ Đó còn là thắng lợi của tình đoàn kết chiến đấu của quân dân ba nước Việt Nam - Lào - Cam-pu-chia.

+ Là thắng lợi của sự giúp đỡ của nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa và sự đồng tình ủng hộ của nhân dân tiến bộ toàn thế giới trong đó có nhân dân Pháp.

- *Ý nghĩa lịch sử:*

+ Buộc thực dân Pháp phải thừa nhận: Độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Đông Dương, phá tan âm mưu kéo dài và mở rộng chiến tranh Đông Dương và quốc tế hóa chiến tranh của đế quốc Mĩ.

+ Đã bảo vệ được thành quả của Cách mạng tháng Tám, giải phóng hoàn toàn miền Bắc.

+ Đã giáng một đòn mạnh mẽ vào hệ thống thực dân, mở đầu cho sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ, cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

+ Đã chứng minh một chân lí thời đại.

Câu 6: Trước những âm mưu và hành động mới của Pháp - Mĩ, Đảng ta đề ra chủ trương như thế nào trong Đông - Xuân 1953 - 1954?

- *Phương hướng chiến lược:* Tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giải phóng đất đai. Buộc địch phải phân tán lực lượng để đối phó với ta ở những vùng xung yếu mà chúng không thể bỏ.Tạo cho ta có những điều kiện thuận lợi mới để tiêu diệt thêm từng bộ phận sinh lực địch.

- *Phương châm tác chiến:* Tích cực chủ động, cơ động linh hoạt, đánh chắc, tiến chắc.

Câu 7: Những sự kiện nào chứng tỏ chủ trương chiến lược của Đảng ta trong Đông - Xuân 1953 -1954 là đúng đắn?

- Những thắng lợi đầu tiên: Tiêu diệt nhiều sinh lực địch, giải phóng 2 thị xã, 2 tỉnh, buộc địch phải phân tán thành 5 nơi tập trung quân, kế hoạch Na-va bước đầu bị phá sản.

- Khi địch biến Điện Biên Phủ thành trung tâm của kế hoạch Na-va, ta quyết định tiêu diệt địch ở Điện Biên Phủ, chiến dịch thắng lợi rực rỡ.

- Tất cả điều đó chứng tỏ sự đúng đắn của phương hướng chiến lược trong Đông - Xuân 1953 - 1954 của Đảng ta.

Câu 8: Nêu điểm khác nhau cơ bản giữa Hiệp định sơ bộ (6 - 3 - 1946) với Hiệp định Pa-ri (21 -7 -1954) để thấy bước tiến của ta trong đấu tranh ngoại giao?

- Điểm khác nhau cơ bản: Hiệp định sơ bộ (6 - 3 - 1946), chính phủ Pháp công nhận nước ta là một quốc gia tự do, nằm khối trong Liên hiệp Pháp và trong liên bang Đông Dương. Còn trong Hiệp định Giơ-ne-vơ (21 - 7 - 1954), Pháp và các nước tham dự hội nghị cam kết tôn trọng độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ ba nước Đông Dương.

- Trong lúc kí Hiệp định sơ bộ do ta còn yếu hơn địch nên ta phải chấp nhận điều khoản đó. Đây là sách lược mềm dẻo để phân hoá kẻ thù. Còn trong khi kí Hiệp định Giơ-ne-vơ ta đã giành được thắng lợi quyết định ở Điện Biên Phủ, quyết định sự thất bại của thực dân Pháp ở Đông Dương.

- So với Hiệp định sơ bộ, Hiệp định Giơ-ne-vơ là một bước tiến vượt bậc trong đấu tranh ngoại giao của ta.

Câu 9: Hãy nêu vắn tắt chiến công của anh hùng Tô Vĩnh Diện và Phan Đình Giót trong chiến dịch Điện Biên Phủ?

- *Tấm gương hy sinh của anh hùng Tô Vĩnh Diện:*

"Khi quân ta kéo pháo vào trận địa, pháo đang kéo lên dốc, bỗng nhiên dây cáp đứt, khẩu pháo đang trên đà lăn xuống vực, làm thế nào để ngăn khẩu pháo lại? Trong phút nguy nan ấy, Tô Vĩnh Diện đã lao mình vào bánh pháo. . .".

- Tấm gương hy sinh của anh hùng Phan Đình Giót: "Ngày 13 - 3, quân ta tấn công Him Lam. Sau một đợt pháo bắn yểm hộ, bộ binh ta tiến lên chiếm các cứ điểm. Đại đội bộc phá của anh hùng Phan Đình Giót được lệnh tiến lên trước. Địch bắn ráo riết, tuy bị thương vong nhiều nhưng các chiến sĩ bộc phá vẫn tiến và phá được 4 hàng rào, một mảng lô cốt số 1. Anh Giót đã bị thương song lô cốt 3 vẫn phụt lửa như mưa, ngăn bước tiến của đồng đội. Anh quyết định bò lên dưới làn mưa đạn, đến tận chân tường lô cốt 3, rồi nhổm lên áp chặt lưng vào lỗ châu mai. Hoả lực của địch tắt hẳn, xung kích của ta ào ạt xông lên. Nửa giờ sau lá cờ chiến thắng của ta phất cao trên cứ điểm Him Lam".

Câu 10: Những thắng lợi trên mặt trận quân sự của quân dân ta từ năm 1946 đến 1954.

- Mở đầu kháng chiến toàn quốc chống Pháp (19 - 12 - 1946), quân dân ta chủ động tiến công quân Pháp ở thủ đô Hà Nội và các đô thị khác ở phía Bắc (từ Đà Nẵng trở ra Bắc) nhằm tiêu hao, giam chân địch, phá tan âm mưu "đánh úp" của chúng, chuyển đất nước sang thời chiến, chuẩn bị cho cuộc chiến lâu dài, toàn dân, toàn diện.

- Chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947, là chiến dịch phản công đầu tiên của ta giành thắng lợi. Trong những năm 1948 - 1949, ta phân tán phần lớn bộ đội chủ lực chính quy thành những " đại đội độc lập" đi sâu vào vùng địch tạm chiếm, giúp địa phương xây dựng cơ sở kháng chiến, tổ chức lực lượng vũ trang với ba thứ quân, phát động chiến tranh du kích, biến hậu phương của địch hành tiền phương của ta.

- Chiến dịch Biên giới thu – đông 1950 là chiến dịch tiến công lớn đầu tiên mà quân dân ta đã giành được thắng lợi.

- Sau chiến dịch Biên giới thu- đông 1950, quân dân ta mở liên tiếp những chiến dịch tiến công vào quân địch ở chiến trường rừng núi, cả các chiến trường trung du và đồng bằng, nhằm phá tan âm mưu đẩy mạnh chiến tranh của thực dân Pháp và can thiệp Mĩ, giữ vững thế chủ động chiến lược trên chiến trường chính ở Bắc Bộ.

- Thắng lợi lớn nhất là chiến cuộc Đông – Xuân 1953 - 1954, mà đỉnh cao là chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ (từ 13 - 3 - 1954 đến 7 – 5 - 1954) đã giành được thắng lợi hoàn toàn. Chiến thắng quyết định này đã chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp có đế quốc Mĩ giúp sức.

- Thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ, cùng với sự ủng hộ của nhân dân thế giới buộc thực dân Pháp phải kí Hiệp định Giơ-ne-vơ về lập lại hòa bình ở Đông Dương.

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Na-va là một tên tướng tài của Mĩ được cử sang Đông Dương để làm cố vấn kiêm Tổng chỉ huy quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương, đúng hay sai?

A. Đúng. B. Sai.

Câu 2. Hội đồng chính phủ và Hội đồng quốc phòng Pháp thông qua kế hoạch quân sự Na-va vào thời gian nào?

A. Tháng 5 - 1953. B. Tháng 6 - 1953.

C. Tháng 7 - 1953. D. Tháng 8 - 1953.

Câu 3. Nội dung cơ bản trong bước 1 của kế hoạch quân sự Na-va là gì?

A. Phòng ngự chiến lược ở miền Bắc, tấn công chiến lược ở miền Nam.

B. Phòng ngự chiến lược ở miền Nam, tấn công chiến lược ở miền Bắc.

C. Tấn công chiến lược ở hai miền Bắc - Nam.

D. Phòng ngự chiến lược ở hai miền Bắc - Nam.

Câu 4. Nội dung nào sau đây thuộc về chủ trương của ta trong Đông - Xuân 1953-1954?

A. Trong vòng 18 tháng chuyển bại thành thắng.

B. Tập trung lực lượng tiến công vào những hướng chiến lược quan trọng mà địch tương đối yếu.

C. Tránh giao chiến ở miền Bắc với địch để chuẩn bị đàm phán.

D. Giành thắng lợi nhanh chóng về quân sự trong đông xuân 1953-1954.

Câu 5. Việc tập trung xây dựng Điện Biên Phủ thành một tập đoàn cứ điểm mạnh có nằm trong kế hoạch ngay từ đầu của Na-va không?

A. Có. B. Không.

Câu 6. Từ cuối 1953 đến đầu 1954, ta phân tán lực lượng địch ra những vùng nào?

A. Lai Châu, Điện Biên Phủ, Sê-nô, Luông Pha-băng.

B. Điện Biên Phủ, Sê-nô, Playcu, Luông Pha-băng.

C. Điện Biên Phủ, Thà-khẹt, Playcu, Luông Pha-băng.

D. Điện Biên Phủ, Sê-nô, Playcu, Sầm Nưa.

Câu 7. Khẩu hiệu mà ta nêu ra trong chiến dịch Điện Biên Phủ là gì?

A. "Tất cả cho chiến dịch được toàn thắng".

B. "Thà hy sinh tất cả để đánh thắng địch ở Điện Biên Phủ".

C. "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng!"

D. Câu B và C đúng.

Câu 8. Niên đại nào sau đây gắn với chiến dịch Điện Biên phủ?

A. 30 - 3 đến 26 - 4 - 1954. B. 30 - 3 đến 24 - 4 - 1954.

C. 01 - 5 đến 5 - 7 - 1954. D. Tất cả các niên đại trên.

Câu 9. Vì sao kết thúc thắng lợi chiến dịch Điện Biên Phủ ta thu toàn bộ vũ khí và cơ sở vật chất kĩ thuật?

A. Vì địch không vận chuyển kịp.

B. Vì cách xa hậu cứ của địch.

C. Vì địch bị tiêu diệt và bắt sống hoàn toàn.

D. Tất cả các lý do trên.

Câu 10. Hãy điền vào chỗ trống câu sau đây: "Chiến thắng Điện Biên Phủ ghi vào lịch sử dân tộc như........................ ...... của thế kỉ XX".

A. Một Chi Lăng, một Xương Giang, một Đống Đa.

B. Một Ngọc Hồi, một Hà Hồi, một Đống Đa.

C. Một Bạch Đằng, một Rạch Gầm - Xoài Mút, một Đống Đa.

D. Một Bạch Đằng, một Chi Lăng, một Đống Đa.

Câu 11. Từ lúc Hội nghị Giơ-ne-vơ khai mạc đến lúc những văn bản của Hội nghị được kí kết mất khoảng thời gian bao lâu?

A. 75 ngày. B. 85 ngày. C. 90 ngày. D. 95 ngày.

Câu 12. Trong các nội dung sau đây, nội dung nào không nằm trong Hiệp định Giơ-ne-vơ?

A. Các nước tham dự hội nghị cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản là độc lập, thống nhất, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhân dân Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia.

B. Hai bên thực hiện ngừng bắn ở Nam Bộ để giải quyết vấn đề Đông Dương bằng con đường hòa bình.

C. Việt Nam sẽ thực hiện thống nhất bằng cuộc tổng tuyển cử tự do trong cả nước vào tháng 7 - 1956.

D. Trách nhiệm thi hành Hiệp định thuộc về những người kí Hiệp định và những người kế tục nhiệm vụ của họ.

Câu 13. Trong các nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mĩ (1946 - 1954) nguyên nhân nào quyết định nhất?

A. Có một đường lối chính trị, quân sự đúng đắn của Đảng.

B. Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đoàn kết một lòng.

C. Có hậu phương vững chắc.

D. Có tinh thần đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương.

Câu 14. "Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh....". Đó là câu nói của ai?

A. Võ Nguyên Giáp. B. Chủ tịch Hồ Chí Minh.

C. Trường Chinh. D. Phạm Văn Đồng.

Câu 15. Hãy nối niên đại và sự kiện lịch sử sau đây:

Niên đại	*Sự kiện*
1/ 2 - 1947	A. Quân ta tấn công thị xã Lai Châu.
2/ 19 - 12 - 1947	B. Chỉ thị của Ban Thường vụ Trung ương Đảng "Phải phá tan cuộc tấn công vào mùa đông của giặc Pháp lên Việt Bắc".
3/ 15 - 10 - 1947	
4/ 16 - 9 - 1950	C. Đội tự vệ của ta rút khỏi các đô thị .
5/ 3 - 3 - 1951	D. Đại hội thống nhất mặt trận Việt Minh và Liên Việt.
6/ 1 - 5 - 1952	E. Hiệp định Giơ-ne-vơ được kí kết.
7/ 10 - 12 - 1953	F. Khai mạc Hội nghị Giơ-ne-vơ.

8/ 3 - 12 - 1953	G. Quân ta nổ súng đánh cụm cứ điểm Đông Khê.
9/ 26 - 4 - 1954	H. Đại bộ phận quân Pháp rút khỏi Việt Bắc.
10/ 21 - 7 - 1954	I. Đại hội anh hùng chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ nhất.
	K. Na-va quyết định xây dựng Điện Biên Phủ thành tập đoàn cứ điểm.

Câu 16. Nối sự kiện ở cột B cho phù hợp với nội dung ở cột A sau đây:

A	B
1/ Kế hoạch quân sự Na-va bước đầu bị phá sản. 2/ Kế hoạch Na-va bị phá sản hoàn toàn.	A. Địch phân tán lực lượng ở đồng bằng Bắc Bộ ứng chiến cho Điện Biên Phủ. B. Địch điều quân từ Bắc Bộ sang Trung Lào ứng chiến cho Sê-nô. C. Ba đợt tấn công của ta giành thắng lợi trong chiến dịch Điện Biên Phủ. D. Địch điều quân từ Bình -Trị - Thiên lên tăng cường cho Tây Nguyên. E. Địch tăng cường lực lượng cho Luông Phabăng và Mường Sài.

Câu 17. Điền vào chỗ trông những câu sau đây nói về mục tiêu và các bước của kế hoạch Na-va?

A. Với kế hoạch Na-va, Pháp hy vọng trong vòng 18 tháng sẽ..........................

B. Bước 1 của kế hoạch Na-va từ thu - đông 1953 - xuân 1954 sẽ......................

C. Bước 2 của kế hoạch Na-va là trong thời gian............................sẽ đưa quân ra Bắc thực hiện tiến công chiến lược, giành thắng lợi quyết định.

Câu 18: Vì sao tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ trở thành trung tâm của kế hoạch Na-va?

A. Điện Biên Phủ có vị trí chiến lược quan trọng bậc nhất Đông Dương.

B. Điện Biên Phủ cách xa hậu phương của ta.

C. Thực dân Pháp cho rằng bộ đội chủ lực của ta không đủ sức đương đầu với chúng ở Điện Biên Phủ.

D. Tất cả cùng đúng.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 23

1. B	2. C	3. A	4. B	5. B	6. B	7. C	8. A
9. C	10. D	11. B	12. B	13. A	14. B		

15 1: C, 2: H, 3: B, 4:G, 5: D, 6: I, 7: A, 8: K. 9: F, 10: E.

16 1: A, B, D, E. 2: C

17 A. chuyển bại thành thắng.

B. giữ thế phòng ngự chiến lược ở miền Bắc, tiến công chiến lược miền Nam.

C. từ mùa thu 1954.

18.D

Chương IV. VIỆT NAM TỪ NĂM 1954 ĐẾN NĂM 1975

Bài 24. MIỀN BẮC THỰC HIỆN NHỮNG NHIỆM VỤ KINH TẾ - XÃ HỘI, MIỀN NAM ĐẤU TRANH CHỐNG CHẾ ĐỘ MĨ - DIỆM GIỮ GÌN HOÀ BÌNH (1954 – 1960)

I. CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1. Miền Bắc hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh (1954-1975) như thế nào?

* *Hoàn thành cải cách ruộng đất:*

- Người nông dân ở miền Bắc tuy đã được giải phóng khỏi ách thống trị của đế quốc nhưng vẫn còn bị giai cấp địa chủ bóc lột, ảnh hưởng không tốt đến việc phát triển sản xuất nông nghiệp.

- Căn cứ vào hoàn cảnh thực tế miền Bắc và nhằm đáp ứng yêu cầu về quyền lợi kinh tế, chính trị của nông dân, củng cố khối liên minh công nông, mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất, Uỷ ban Cải cách ruộng Trung ương ra Nghị quyết *"Đẩy mạnh phát động quần chúng thực hiện cải cách ruộng đất"*.

- Thực hiện chủ trương của Trung ương, trong hai năm (1954-1956), miền Bắc tiến hành đợt 6 giảm tô và tiếp 4 đợt cải cách ruộng đất còn lại (từ đợt 2 đến đợt 5) ở 3314 xã thuộc 22 tỉnh đồng bằng và trung du.

- Qua 5 đợt cải cách ruộng đất, đã tịch thu trưng mua khoảng 810000 hécta ruộng đất, 100 000 trâu bò, 1,8 triệu nông cụ từ tay giai cấp địa chủ đem cho trên 2 triệu hộ nông dân lao động. Giai cấp địa chủ căn bản bị xoá bỏ. Nông dân đã làm chủ nông thôn, nguyện vọng lâu đời của nông dân là *"người cày có ruộng"* đã được thực hiện.

* *Khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh:*

- Công cuộc khôi phục kinh tế được toàn dân tích cực hưởng ứng và triển khai trong tất cả các ngành.

+ Trong nông nghiệp, nông dân hăng hái khai khẩn ruộng đất bỏ hoang, bảo đảm cày cấy hết ruộng đất vắng chủ, tăng thêm đàn trâu bò, sắm thêm công cụ. Hệ thống đê điều đã được tu bổ. Nhiều công trình thuỷ nông mới được xây dựng, có tác dụng mở rộng diện tích tưới và tiêu nước.

+ Trong công nghiệp, giai cấp công nhân đã nhanh chóng khôi phục và mở hầu hết các cơ sở công nghiệp. Đến cuối năm 1957, miền Bắc có tất cả 97 nhà máy, xí nghiệp lớn nhỏ do Nhà nước quản lí.

+ Các ngành thủ công nghiệp miền Bắc cũng được khôi phục nhanh chóng. Đến năm 1957, ngành thủ công nghiệp đã cung cấp gần 59% số hàng hoá công nghiệp trong cả nước, giải quyết phần nào việc làm cho người lao động.

+ Trong thương nghiệp, hệ thống mậu dịch quốc doanh và hợp tác xã mua bán được mở rộng, đã cung cấp ngày càng nhiều mặt hàng cho nhân dân; giao giữa các địa phương ngày càng phát triển; hoạt động ngoại thương dần dần tập trung vào tay Nhà nước. Đến cuối năm 1957, miền Bắc đặt quan hệ buôn bán với 27 nước.

+ Giao thông vận tải được chú trọng, khôi phục gần 700 km đường sắt, sửa chữa và làm mới hàng nghìn kilômét đường ô tô, xây dựng và mở rộng thêm một số cảng như Hải Phòng, Cẩm Phả, Bến Thuỷ; đường hàng không dân dụng quốc tế được khai thông.

+ Văn hoá - giáo dục được đẩy mạnh. Nền giáo dục được phát triển theo hướng xã hội chủ nghĩa. Hệ thống giáo dục phổ thông theo chương trình 10 năm đã được khẳng định, giáo dục đại học được chú ý phát triển.

+ Hệ thống y tế chăm sóc sức koẻ cho nhân dân được Nhà nước quan tâm xây dựng. Nếp sống lành mạnh, giữ gìn vệ sinh được vận động thực hiện ở khắp mọi nơi.

- Trong giai đoạn này, chính quyền và quân đội được củng cố, tăng cường khả năng phòng thủ đất nước, mở rộng quan hệ ngoại giao. Mặt trận Tổ quốc thành lập tháng 9-1955 đã tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc xây dựng đất nước.

Câu 2. Công cuộc cải cách quan hệ sản xuất, bước đầu phát triển kinh tế - văn hoá (1958-1960) diễn ra như thê nào?

- Trong 3 năm tiếp theo (1958-1960), miền Bắc lấy cải tạo xã hội chủ nghĩa làm trọng tâm: cải tạo đối với công hiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp nhỏ, công thương nghiệp tư bản tư doanh, trong đó khâu chính là hợp tác hoá nông nghiệp.

- Thực hiện chủ trương trên, khắp nơi sôi nổi phong trào thi đua xây dựng hợp tác xã. Cuộc vận động hợp tác xã nông nghiệp được tiến hành theo nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi và quản lí dân chủ; từng bước đưa người nông dân vào làm ăn tập thể đi từ tổ đổi công lên hợp tác xã bậc thấp, đến bậc cao, từ quy mô nhỏ đến quy mô lớn.

+ Đối với tư sản dân tộc, cải tạo bằng phương pháp hoà bình, sử dụng mặt tích cực của tư sản dân tộc, đưa họ vào làm ăn tập thể dưới hình thức công tư hợp doanh.

+ Đối với lực lượng tiểu thương, tiểu chủ, thợ thủ công, đưa vào con đường làm ăn tập thể trong các hợp tác xã thủ công nghiệp, hợp tác xã mua bán.

- Kết quả cải tạo là đã xoá bỏ cơ bản chế độ người bóc lột người, có tác dụng thúc đẩy sản xuất phát triển, nhất là trong điều kiện chiến tranh, hợp tác xã đã bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần cho những người ra đi chiếm đất, phục vu chiến đấu.

- Đồng thời với nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa, công nghiệp quốc doanh được ưu tiên đầu tư xây dựng. Đến năm 1960, miền Bắc có 172 xí nghiệp lớn do trung ương quản lí, trên 500 xí nghiệp do địa phương quản lí.

Câu 3. Phong trào đấu tranh chống chế độ Mĩ - Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng (1954-1960).

- Ngay từ tháng 7 -1954, nhận rõ đế quốc Mĩ là trở lực chính ngăn cản việc lập lại hoà bình ở Đông Dương và đang trở thành kẻ thù chính, trực tiếp của nhân dân Đông Dương. Trung ương Đảng đề ra cho cách mạng miền Nam nhiệm vụ chuyển cuộc đấu tranh vũ trang chống Pháp trước đó sang đấu tranh chính trị chống Mĩ - Diệm, đòi chúng thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 về Đông Dương, giữ gìn và phát triển cách mạng.

- Mở đầu là *"phong trào hoà bình"* của trí thức và của tầng lớp nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn tháng 8-1954.

- Tháng 11-1954, Mĩ - Diệm tiến hành khủng bố, đàn áp, lùng bắt các nhà lãnh đạo phong traò. Nhưng phong trào đấu tranh vì mục tiêu hoà bình của các tầng lớp nhân dân tiếp tục dâng cao, lan rộng, lôi cuốn hàng triệu người tham gia, gồm tất cả các tầng lớp nhân dân, các đảng phái, các dân tộc ít người... hình thành nên mặt trận chống Mĩ - Diệm.

- *Mục tiêu phong trào:*

+ Đấu tranh vừa đòi Mĩ - Diệm thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ, đòi hiệp thương tổng tuyển cử do thống nhất đất nước.

+ Chống cái gọi là: *"trưng cầu dân ý"*... của Diệm, chống Mĩ - Diệm khủng bố, đàn áp, chống chiến dịch "tố cộng", "diệt cộng" của chúng, đòi các quyền tự do, dân sinh, dân chủ.

- *Hình thức:* Đấu tranh giữ gìn chính trị, hòa bình chuyển sang đấu tranh vũ trang tự vệ, rồi dùng bạo lực cách mạng.

Câu 4. Nguyên nhân, diễn biến, kết quả và ý nghĩa của phong trào "Đồng khởi" (1959-1960).

* *Nguyên nhân bùng nổ:*

- Trong những năm 1957-1959, cách mạng miền Nam gặp muôn vàn khó khăn. Ngô Đình Diệm ban hành Đạo luật đặt cộng sản ngoài vòng pháp luật. Luật 10/59 (tháng 5-1959) cho phép tay sai Diệm thẳng tay giết hại bất cứ người yêu nước nào hoặc bất cứ ai có biểu hiện chống lại chúng, làm cho hàng vạn cán bộ, đảng viên bị giết hại, hàng chục vạn đồng bào yêu nước bị tù đày. Cuộc đấu tranh của nhân dân ta ở miền Nam đòi hỏi có một biện pháp quyết liệt để đưa cách mạng vượt qua khó khăn thử thách.

- Tháng 1-1959, Hội nghị lần thứ 15 Ban chấp hành Trung ương quyết định nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng đánh đổ chính quyền Mĩ - Diệm, và nhấn mạnh, ngoài con đường dùng bạo lực cách mạng, nhân dân miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng con đường dựa vào lực lượng vũ trang đánh đổ ách thống trị của Mĩ - Diệm.

- Được Nghị quyết 15 của Trung ương soi sáng, phong trào nổi dậy từ chỗ lẻ tẻ ở từng địa phương

* *Diễn biến:*

- Cuộc nổi dậy ở Vĩnh Thạnh (Bình Định), Bác Ái (Ninh Thuận) tháng 2-1959. Ở Trà Bồng (Quảng Ngãi) tháng 8-1959, rồi lan ra khắp miền Nam thành cao trào cách mạng, tiêu biểu với cuộc "Đồng khởi" ở Bến Tre.

- Tại Bến Tre, ngày 17-1-1960, cuộc "Đồng khởi" nổ ra ở 3 xã điểm là Định Thuỷ, Bình Khánh và Phước Hiệp thuộc huyện Mỏ Cày rồi nhanh chóng lan ra các huyện lân cận.

- Hoà nhịp với cuộc "Đồng khởi" ở Bến Tre, nhân dân các tỉnh Tây Ninh, Mĩ Tho, Tân An, Trà Vinh, Bạc Liêu, Rạch Giá, Cà Mau, Châu Đốc, Long Xuyên, Sóc Trăng, Cần Thơ, Kiến Phong, Kiến Tường... đồng loạt nổi dậy, làm chủ 2/3 xã ấp. Từ giữa năm 1960 trở đi, phong trào "Đồng khởi" lan ra khắp các tỉnh từ Cà Mau các tỉnh ven biển miền Trung và Tây Nguyên.

* *Kết quả:*

- Thắng lợi của phong trào "Đồng khởi" mở ra vùng giải phóng rộng lớn, liên hoàn.

- Thắng lợi của phong trào "Đồng khởi" dẫn đến sự ra đời của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ngày 20-12-1960.

* *Ý nghĩa:*

- Phong trào "Đồng Khởi" thắng lợi đánh dấu bước ngoặt của cách mạng miền Nam, chuyển cách mạng từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

- Chấm dứt thời kì ổn định tạm thời chế độ thực dân mới của Mĩ ở miền Nam, mở rộng thời kì khủng hoảng của chế độ Sài Gòn.

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Nối sự kiện ở cột B cho phù hợp với niên đại ở cột A sau đây:

A	B
1. 10 - 10 - 1954	A. Pháp rút quân khỏi Hà Nội, quân ta tiến vào tiếp quản Thủ đô.
2. 01 - 01 - 1955	B. Tại quảng trường Ba Đình diễn ra cuộc mít tinh trọng thể của hàng chục vạn nhân dân Hà Nội chào mừng Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh về Thủ đô.
3. 16 - 5 - 1955	C. Toán lính Pháp cuối cùng rút khỏi Hải Phòng.
4. 22 - 5 - 1955	D. Toán lính Pháp rút khỏi Cát Bà, miền Bắc nước ta hoàn toàn giải phóng.

Câu 2. Ngô Đình Diệm được Mĩ dựng lên làm Thủ tướng chính phủ bù nhìn ở miền Nam Việt Nam để thay cho ai?

A. Thay cho Bảo Đại.
B. Thay cho Bửu Lộc.
C. Thay cho Đồng Khánh.
D. Thay cho Dương Văn Minh.

Câu 3. Nhiệm vụ nào sau đây không phải là nhiệm vụ của cách mạng miền Bắc sau 1954?

A. Tiếp tục thực hiện cách mạng dân tộc, dân chủ.
B. Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa.
C. Đấu tranh chống Mĩ, Diệm.
D. Câu A và C đúng.

Câu 4. Nhiệm vụ của cách mạng miền Nam sau 1954 là gì?

A. Tiến hành đấu tranh vũ trang để đánh bại chiến tranh xâm lược của Mĩ, Diệm.
B. Tiến hành cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ.
C. Cùng với miền Bắc tiến hành công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.
D. Không phải các nhiệm vụ trên.

Câu 5. Cách mạng miền Nam có vai trò như thế nào trong việc đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mĩ và tay sai của chúng, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước?

A. Có vai trò quan trọng nhất.
B. Có vai trò cơ bản nhất.
C. Có vai trò quyết định trực tiếp.
D. Có vai trò quyết định nhất.

Câu 6. Thủ đô Hà Nội được giải phóng vào thời gian nào?

A. 10 - 10 - 1954.
C. 25 - 10 - 1955.
D. 12 - 12 - 1954.
B. 18 - 10 - 1954.

Câu 7. Nhiệm vụ của cách mạng miền Bắc sau năm 1954 là gì?

A. Đấu tranh chống Mĩ – Diệm.
B. Tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

C. Chuyển sang làm cách mạng xã hội chủ nghĩa.
D. Không phải các nhiệm vụ trên.

Câu 8. Đường lối thể hiện sự sáng tạo, độc đáo của Đảng trong thời kì chống Mĩ cứu nước là gì?

A. Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.
B. Tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.
C. Tiến hành đồng thời cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.
D. Tất cả các đường lối trên.

Câu 9. Miền Bắc hoàn toàn được giải phóng vào thời gian nào?

A. 16 - 5 - 1954
B. 10 - 10 - 1954
C. 16 - 5 - 1955
D. 10 - 10 - 1955

Câu 10. Đế quốc Mĩ thực hiện ý đồ thâm độc biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới thể hiện ở sự kiện nào?

A. Mĩ ép Pháp đưa Ngô Đình Diệm lên làm Tổng thống (20-5-1954).
B. Lập khối quân sự SEATO, đặt miền Nam dưới sự bảo trợ của khối này.
C. Mĩ - Diệm tổ chức bầu cử riêng lẻ, lập nước Việt Nam Cộng hòa.
D. Mĩ - Diệm hô hào "Bắc tiến".

Câu 11. Thái độ nào sau đây của Ngô Đình Diệm trong những năm 1954 - 1957 làm cho nhân dân ta bất bình nhất?

A. Tiến hành bầu cử riêng lẻ, phế truất Bảo Đại lên làm Tổng thống.
B. Tuyên bố tại Oa-sinh-tơn: "Biên giới Hoa Kì kéo dài đến vĩ tuyến 17".
C. Phá hoại Hiệp định Giơ-ne-vơ.
D. Thực hiện chế độ "Gia đình trị".

Câu 12. Nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam từ sau 1954 là gì?

A. Miền Bắc hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, xây dựng chủ nghĩa xã hội.
B. Miền Nam tiếp tục cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tiến tới thống nhất nước nhà.
C. A và B đúng.
D. A và B sai.

Câu 13. Nhiệm vụ cơ bản nhất của cách mạng nước ta sau 1954 là gì?

A. Xây dựng CNXH ở miền Bắc, hỗ trợ cho cách mạng miền Nam.
B. Tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam chống Mĩ - Ngụy.
C. Miền Bắc xây dựng CNXH, miền Nam tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ, tiến tới thống nhất nước nhà.
D. Miền Bắc xây dựng CNXH, chi viện cho miền Nam, miền Nam tiến hành cách mạng dân chủ nhân dân, bảo vệ miền Bắc, thực hiện thống nhất nước nhà.

Câu 14. Vì sao miền Bắc tiến hành công cuộc cải cách ruộng đất?

A. Nông nghiệp còn lạc hậu, năng suất lao động thấp.
B. Chế độ chiếm hữu ruộng đất của địa chủ phong kiến vẫn còn phổ biến.
C. Để làm hậu phương lớn cho tiền tuyến lớn ở miền Nam.
D. Tất cả các lý do trên.

Câu 15. Miền Bắc tiến hành cải cách ruộng đất và khôi phục kinh tế trong thời gian nào?

A. 1954 - 1957. B. 1954 - 1958.

C. 1955 - 1958. D. 1955 - 1960.

Câu 16. Qua đợt cải cách ruộng đất ở miền Bắc đã thực hiện triệt để khẩu hiệu nào?

A. "Tấc đất, tấc vàng".

B. "Tăng gia sản xuất nhanh, tăng gia sản xuất nữa".

C. "Người cày có ruộng".

D. "Độc lập dân tộc" và "Ruộng đất dân cày".

Câu 17. Thắng lợi quan trọng nhất trong công cuộc cải cách ruộng đất ở miền Bắc là gì?

A. Đã đánh đổ toàn bộ giai cấp địa chủ phong kiến.

B. Giải phóng hoàn toàn nông dân khỏi ách áp bức, bóc lột của địa chủ phong kiến.

C. Đưa nông dân lên địa vị làm chủ ở nông thôn.

D. Bộ mặt nông thôn có nhiều thay đổi, khối liên minh công nông được củng cố.

Câu 18. Ý nghĩa nào là cơ bản nhất của những thành tựu đạt được trong thời kì khôi phục kinh tế ở miền Bắc (1954 - 1957)?

A. Nền kinh tế bị chiến tranh tàn phá được phục hồi.

B. Tạo điều kiện cho nền kinh tế miền Bắc phát triển.

C. Nâng cao đời sống của nhân dân.

D. Củng cố Miền Bắc, cổ vũ cách mạng miền Nam.

Câu 19. Đến năm 1960, ở miền Bắc có 85% hộ nông dân, 70% diện tích đất đai vào hợp tác xã nông nghiệp... Đó là kết qủa của:

A. Cải cách ruộng đất. B. Khôi phục kinh tế.

C. Cải tạo xã hội chủ nghĩa. D. Câu A và B đúng.

Câu 20. Đến năm 1960, miền Bắc có 172 xí nghiệp do nhà nước quản lý, hơn 500 xí nghiệp công nghiệp địa phương... Đó là kết qủa của:

A. Bước đầu phát triển kinh tế. B. Khôi phục kinh tế.

C. Cải tạo xã hội chủ nghĩa. D. Tất cả cùng đúng.

Câu 21. Đầu năm 1955, khi đã đứng được ở miền Nam Việt Nam, tập đoàn Ngô Đình Diệm mở chiến dịch nào?

A. "Tố cộng", "Diệt cộng" trên toàn miền Nam.

B. "Đả thực", "Bài phong", "Diệt cộng" trên toàn miền Nam.

C. "Tiêu diệt cộng sản không thương tiếc" trên toàn miền Nam.

D. "Thà bắn lầm hơn bỏ sót" trên toàn miền Nam.

Câu 22. Hình thức đấu tranh chống chế độ Mĩ - Diệm của nhân dân miền Nam trong những ngày đầu sau Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954, chủ yếu là gì?

A. Đấu tranh vũ trang. B. Đấu tranh chính trị, hòa bình.

C. Khởi nghĩa giành lại quyền làm chủ. D. Dùng bạo lực cách mạng.

Câu 23. Nguyên nhân cơ bản nhất dẫn đến phong trào "Đồng khởi" 1959 - 1960 là gì?

A. Mĩ - Diệm phá Hiệp định Giơ-ne-vơ, thực hiện chính sách "tố cộng", "diệt cộng".

B. Có Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 của Đảng về đường lối cách mạng miền Nam.

C. Do chính sách cai trị của Mĩ - Diệm làm cho cách mạng miền Nam bị tổn thất nặng nề.

D. Câu A và B đúng.

Câu 24. Tháng 2-1959, diễn ra cuộc nổi dậy của đồng bào miền Nam ở đâu?

A. Trà Bồng (Quảng Ngãi). B. Phước Hiệp (Bến Tre).

C. Bác Ái (Ninh Thuận). D. Chợ Được (Quảng Nam).

Câu 25. Ngày 17 – 1 – 1960 diễn ra sự kiện lịch sử gì ở miền Nam?

A. Cuộc Đồng khởi ở Trà Bồng (Quảng Ngãi). B. Cuộc Đồng khởi ở Bến Tre.

C. Cuộc Đồng khởi ở Ninh Thuận. D. Tất cả các sự kiện trên.

Câu 26. Kết quả lớn nhất của phong trào "Đồng khởi" là gì?

A. Phá vỡ từng mảng lớn bộ máy cai trị của địch ở 600 xã ở Nam Bộ, 904 thôn ở Trung Bộ, 3200 thôn ở Tây Nguyên.

B. Lực lượng vũ trang được hình thành và phát triển, lực lượng chính trị được tập hợp đông đảo.

C. Uỷ ban nhân dân tự quản tịch thu ruộng đất của bọn địa chủ chia cho dân cày nghèo.

D. Sự ra đời của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (20 - 12 -1960).

Câu 27. Ý nghĩa quan trọng nhất của phong trào " Đồng khởi" là gì?

A. Giáng một đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mĩ ở miền Nam.

B. Làm lung lay tận gốc chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm.

C. Đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tấn công địch.

D. Câu B và C đúng.

Câu 28. Phong trào "Đồng khởi" ở miền Nam đã góp phần đánh bại loại hình chiến tranh nào của Mĩ?

A. Chiến tranh một phía. B. Chiến tranh đặc biệt.

C. Chiến tranh cục bộ. D. Việt Nam hoá chiến tranh.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 24

1. 1: A, 2: B, 3: D, 4: C. 2. B 3. D 4. B 5. C 6. A
7. C 8. C 9. C 10. C 11. B 12. C 13. D 14. B 15. A
16. C 17. D 18. B 19. C 20. A 21. A 22. B 23. B 24. C
25. B 26. D 27. C 28. A

Bài 25. XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC, CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN LƯỢC "CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT" CỦA MĨ Ở MIỀN NAM (1961 – 1965)

I. CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1. Trình bày hoàn cảnh, nội dung và ý nghĩa Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng.

** Hoàn cảnh:*

- Giữa lúc cách mạng ở hai miền Nam - Bắc có những bước tiến quan trọng, Đảng Lao động Việt Nam tổ chức Địa hội đại biểu toàn quốc lần thứ III.

- Đại hội họp từ ngày 5 đến 10-9-1960 ở Hà Nội. Tham dự đại hội có 525 đại biểu chính thức và 51 đại biểu dự khuyết.

** Nội dung Đại hội:*

- Đại hội chỉ rõ vị trí, vai trò của cách mạng từng miền, mối quan hệ giữa cách mạng hai miền.

+ Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của cách mạng cả nước.

+ Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam có vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam.

+ Cách mạng hai miền có quan hệ mật thiết, gắn bó với tác động lẫn nhau nhằm hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thực hiện hoà bình thống nhất đất nước.

- Đại hội nghe thảo luận Báo cáo chính trị, báo cáo sửa chữa đổi Điều lệ Đảng và thông qua kế hoạch Nhà nước 5 năm thứ nhất (1961-1965) nhằm xây dựng bước đầu cơ sở vật chất - kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội, thực hiện một bước công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa.

- Đại hội bầu Ban chấp hành Trung ương mới của Đảng. Hồ Chí Minh được bầu làm Chủ tịch Đảng, Lê Duẩn giữ chức Bí thư thứ nhất của Đảng.

* Ý nghĩa: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng được coi "*Nguồn ánh sáng mới, lực lượng mới cho toàn Đảng và toàn dân ta xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà*".

Câu 2. Miền Bắc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1961-1965) như thế nào?

- Nhiệm vụ cơ bản của kế hoạch 5 năm là ra sức phát triển công nghiệp và nông nghiệp, tiếp tục công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, củng cố và tăng cường thành phần kinh tế quốc doanh, cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân lao động, củng cố quốc phòng, tăng cường trật tự và an ninh xã hội.

- Trong kinh tế, ngành công nghiệp được ưu tiên đầu tư xây dựng.

- Trong nông nghiệp, sau khi đưa đại bộ phận nông dân vào các hợp tác xã nông nghiệp, từ năm 1961, các địa phương thực hiện chủ trương xây dựng hợp tác xã sản xuất nông nghiệp bậc cao.

- Thương nghiệp quốc doanh được Nhà nước ưu tiên phát triển nên đã chiếm lĩnh thị trường, góp phần phát triển kinh tế. Củng cố quan hệ sản xuất mới, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân.

- Hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt, đường liên tỉnh, liên huyện, đường sống, đường hàng không được củng cố. Việc đi lại trong nước và giao thông quốc tế thuận lợi hơn.

- Hệ thống giáo dục từ phổ thông đến đại học phát triển mạnh.

- Hệ thống y tế, chăm lo sức khoẻ được đầu tư phát triển. Những loại dịch bệnh ở miền Bắc cơ bản được xoá bỏ.

- Quân đội nhân dân Việt Nam được xây dựng từng bước thành quân đội chính quy và bước đầu được trang bị hiện đại, đủ sức bảo vệ vững chắc miền Bắc và đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của cách mạng miền Nam.

Những thành tựu đạt được trong việc thực hiện kế hoạch 5 năm (1961-1965) và nói chung trong 10 năm (1954-1964) đã thay đổi bộ mặt xã hội miền Bắc. Tại *Hội nghị Chính trị đặc biệt tháng 3-1964,* chủ tịch Hồ Chí Minh nói: "*Trong 10 năm qua, miền Bắc nước ta đã tiến hành bước dài chưa từng thấy trong lịch sử dân tộc. Đất nước, xã hội và con người đều đổi mới*".

Câu 3. Mĩ thực hiện những âm mưu và thủ đoạn gì trong chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" Mĩ ở miền Nam.

- Chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" là một hình thức chiến tranh xâm lược thực dân mới, được tiến hành bằng quân đội tay sai, dưới sự chỉ huy của hệ thống "cố vấn" Mĩ, dựa vào vũ khí, trang bị kĩ thuật, phương tiện chiến tranh của Mĩ, nhằm chống lại các lực lượng cách mạng và nhân dân ta. Âm mưu cơ bản của Mĩ trong chiến lược "chiến tranh đặc biệt" là "dùng người Việt đánh người Việt".

- Mĩ đề ra "kế hoạch Xta-lây-Tay-lo" với nội dung chủ yếu là bình định miền Nam trong vòng 18 tháng.

- Thực hiện kế hoạch, Mĩ tăng cường viện trợ cho quân sự Diệm, tăng nhanh lực lượng quân đội Sài Gòn, tiến hành dồn dân lập "ấp chiến lược", sử dụng phổ biến các chiến thuật mới "*trực thăng vận*", "*thiết xa vận*".

- Viện trợ quân sự của Mĩ tăng gấp đôi. Bộ chỉ huy quân sự Mĩ (MACV) được thành lập tại Sài Gòn ngày 8-12-1962.

+ "Ấp chiến lược" được xem như xương sống của "chiến tranh đặc biệt" và nâng lên thành "quốc sách". Chúng coi việc lập "ấp chiến lược" như một cuộc chiến tranh tổng lực nhằm đẩy lực lượng cách mạng ra khỏi các ấp, tách dân ra khỏi cách mạng, tiến tới nắm dân, thực hiện chương trình "bình định" miền Nam.

Câu 4. Quân dân miền Nam chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ như thế nào?

- Đáp ứng yêu cầu của cách mạng từ khởi nghĩa từng phần phát triển lên chiến tranh cách mạng, chống "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ và chính quyền Sài Gòn, ngày 15-2-1961, các lực lượng vũ trang cách mạng thống nhất thành *Quân giải phóng miền Nam.* Đây là sự kiện quan trọng tiếp sau sự kiện Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam ra đời (20-12-1960) và Trung ương Cục miền Nam Việt Nam thành lập (1-1-1961) thay cho Xứ uỷ Nam Bộ cũ.

- Dưới ngọn cờ đoàn kết cứu nước của Mặt trận Dân tộc giải phóng do Đảng lãnh đạo, quân giải phóng miền Nam cùng với nhân dân đẩy mạnh đấu tranh chống Mĩ và chính quyền Sài Gòn, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, nổi dậy với tiến công trên cả ba vùng chiến lược (rừng núi, nông thôn, đồng bằng, đô thị), tiến công địch bằng cả ba mũi chính trị, quân sự, binh vận.

- Trong những năm 1961-1962, quân giải phóng đã đẩy lùi nhiều cuộc chiến công, đồng thời với tiến công tiêu diệt nhiều đồn bốt lẻ của địch. Năm 1962, quân dân ta đã tiến hành nhiều cuộc càn quét lớn của địch vào chiến khu D, căn cứ U Minh, Tây Ninh và Tây Bắc Sài Gòn.

- Cuộc đấu tranh chống và phá "ấp chiến lược" diễn ra gay go, quyết liệt giữa ta và địch, có hàng chục triệu lượt người tham gia phá "ấp chiến lược" đi đôi với xây dựng làng chiến tranh. Với quyết tâm "một tấc đất không đi, một li không rời", nhân dân miền Nam kiên quyết bám đất, giữ làng, phá đế kìm kẹp của địch.

- Mĩ và chính quyền Sài Gòn dù tập trung sức vào dồn dân lập "ấp chiến lược" nhưng cũng chỉ thực hiện được một phần kế hoạch. Đến cuối năm 1962, cách mạng kiểm soát trên nửa tổng số đất với gần 70% nông dân.

- Chiến thắng Ấp Bắc đánh dấu bước trưởng thành của lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam, đã đánh bại các biện pháp chiến thuật: *"trực thăng vận"*, *"thiết xa vận"* của địch, đánh sập lòng tin của quân đội Sài Gòn vào trang bị vũ khí hiện đại của Mĩ. Chiến thắng này cũng chứng minh quân dân miền Nam hoàn toàn có khả năng đánh bại "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ và chính quyền Sài Gòn. Sau trận Ấp Bắc, phong trào "*thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công*" dấy lên khắp miền Nam.

- Phong trào đấu tranh chính trị của các tầng lớp nhân dân trong các đô thị, cả ở những thành phố lớn như Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng, có những bước phát triển mạnh mẽ, nổi bật là đấu tranh của "đội quân tóc dài" của các bà mẹ và các chị; của các tín đồ Phật giáo chống lại sự đàn áp, kì thị tôn giáo của chính quyền Diệm.

- Phong trào đấu tranh chính trị ở đô thị cùng với phong trào phá "ấp chiến lược" ở nông thôn và những đòn tiến công liên tiếp của các lực lượng vũ trang cách mạng đã đẩy nhanh quá trình suy sụp của chính quyền Ngô Đình Diệm.

- Phong trào đấu tranh chính trị phát triển trong các đô thị, nhất là ở các đô thị lớn Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng, càng làm rối loạn hậu phương của địch. Phong trào dâng cao, càng thu hút nhiều người tham gia. Sau khi lên làm Tổng thống (thay Ken-nơ-đi bị ám sát ngày 22-11-1963), Giôn-xơn quyết định đẩy mạnh hơn nữa "Chiến tranh đặc biệt". Kế hoạch Giôn-xơn - Mác Na-ma-ra thay thế kế hoạch Xta-lây-Tay-lo

- Sau chiến Ấp Bắc, quân giải phóng nhanh chóng trưởng thành và tiến lên đánh những trận có quy mô lớn. Cuối năm 1964, quân và dân Đông Nam Bộ mở chiến dịch tiến công Đông - Xuân 1964-1965 với trận mở màn đánh vào ấp Bình Giã.

- Thừa thắng sau chiến thắng Bình Giã, quân giải phóng và nhân dân miền Nam đẩy mạnh tiến công Xuân - Hè 1965 và giành nhiều thắng lợi trong các chiến dịch An Lão (Bình Định), Ba Gia (Quảng Ngãi), Đồng Xoài (Biên Hoà). Từng đơn vị lớn của địch bị tiêu diệt gọn, hoặc thiệt hại nặng. Quân đội Sài Gòn, lực lượng nòng cốt của "Chiến tranh đặc biệt", không còn đủ sức đương đầu với cuộc tiến công lớn của quân giải phóng và đứng trước nguy cơ tan rã.

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần III của Đảng họp ở đâu vào thời gian nào?

A. Ở Chiêm Hóa (Tuyên Quang) - Từ 11 đến 19 - 2 - 1955.

B. Ở Tân Trào (Tuyên Quang) - Từ 10 đến 19 - 5 - 1960.

C. Ở Hà Nội - Từ 5 đến 10 - 9 - 1960.

D. Ở Hà Nội - Từ 6 đến 10 - 10 - 1960.

Câu 2. Để thực hiện mục tiêu đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, miền Bắc ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp, đồng thời phải làm gì?

A. Phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

B. Phát triển công nghiệp tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

C. Phát triển nông nghiệp và hàng xuất khẩu.

D. Phát triển thương nghiệp và công nghiệp nhẹ.

Câu 3. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng thông qua kế hoạch 5 năm lần thứ nhất nhằm:

A. Đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

B. Xây dựng bước đầu cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội.

C. Thực hiện một bước công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa.

D. Câu B và C đúng.

Câu 4. Đại hội lần III của Đảng đã bầu ai làm Chủ tịch Đảng và Bí thư thứ nhất?

A. Hồ Chí Minh làm Chủ tịch Đảng, Trường Chinh làm Bí thư thứ nhất Ban chấp hành Trung ương Đảng.

B. Hồ Chí Minh làm Chủ tịch Đảng, Lê Duẩn làm Bí thư thứ nhất Ban chấp hành Trung ương Đảng.

C. Hồ Chí Minh làm Chủ tịch Đảng, Võ Nguyên Giáp làm Bí thư thứ nhất Ban chấp hành Trung ương Đảng.

D. Hồ Chí Minh làm Chủ tịch Đảng, Đỗ Mười làm Bí thư thứ nhất Ban chấp hành Trung ương Đảng.

Câu 5. Đại hội lần III của Đảng được Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định vấn đề gì?

A. "Đại hội xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà".

B. "Đại hội thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất ở miền Bắc".

C. "Đại hội xây dựng miền Bắc thành hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn ở miền Nam".

D. "Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng dân tộc ở miền Nam".

Câu 6. Miền Bắc đề ra kế hoạch 5 năm lần thứ nhất vào thời gian nào?

A. 1960 - 1965. B. 1961 - 1965. C. 1960 - 1964. D. 1965 - 1968.

Câu 7. Trọng tâm của kế hoạch 5, năm lần thứ nhất (1961 - 1965) ở miền Bắc là gì?

A. Công nghiệp nhẹ
B. Công nghiệp nặng.
C. Cải tạo XHCN.
D. Xây dựng CNXH.

Câu 8. Trong giai đoạn 1961 - 1965 miền Bắc đã phát triển nhiều nhà máy công nghiệp nặng đó là:

A. Khu gang thép Thái Nguyên, khu công nghiệp Việt Trì, Thượng Đình (Hà Nội).
B. Khu gang thép Thái Nguyên, nhà máy nhiệt điện Uông Bí, thủy điện Thác Bà.
C. Khu công nghiệp Việt Trì, nhà máy đường Văn Điển, sứ Hải Dương.
D. Pin Văn Điển, Sứ Hải Dương, Dệt 8 - 3, dệt kim Đông Xuân.

Câu 9. Thành tựu lớn nhất miền Bắc đã đạt được trong thời kì kế hoạch 5 năm (1961 - 1965) là gì?

A. Công nghiệp, nông nghiệp đạt sản lượng cao đủ sức chi viện cho miền Nam.
B. Thương nghiệp góp phần phát triển kinh tế, củng cố quan hệ sản xuất, ổn định đời sống nhân dân.
C. Văn hóa, giáo dục, y tế phát triển. Số học sinh phổ thông tăng 2,7 triệu.
D. Bộ mặt miền Bắc thay đổi, đất nước, xã hội, con người đều đổi mới.

Câu 10. Ý nghĩa lớn nhất của kế hoạch 5 năm (1961 - 1965) là gì?

A. Bộ mặt miền Bắc thay đổi khác trước rất nhiều.
B. Nền kinh tế miền Bắc đủ sức chi viện cho miền Nam.
C. Miền Bắc đủ sức để tự bảo vệ sự nghiệp xây dựng CNXH.
D. Miền Bắc được củng cố và lớn mạnh, có khả năng tự bảo vệ và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ hậu phương.

Câu 11. Hạn chế lớn nhất của miền Bắc trong thời kì tiến hành kế hoạch 5 năm (1961 - 1965)?

A. Chủ trương phát triển chủ yếu thành phần kinh tế quốc doanh và hợp tác xã, hạn chế phát triển các thành phần kinh tế khác.
B. Chủ trương ưu tiên phát triển công nghiệp nặng, hiện đại hóa nền kinh tế vốn bé nhỏ.
C. Xóa bỏ thành phần kinh tế cá thể, tư nhân.
D. Có những sai lầm trong cải cách ruộng đất.

Câu 12. Đâu là hạn chế trong đường lối đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội?

A. Nông nghiệp được coi là cơ sở của công nghiệp.
B. Áp dụng khoa học - kĩ thuật, sử dụng cơ khí trong công nghiệp.
C. Phương châm tiến lên CNXH nhanh, mạnh, vững chắc.
D. Từng bước nâng cao đời sống vật chất và văn hóa cho nhân dân.

Câu 13. Miền Bắc phải chuyển hướng xây dựng và phát triển kinh tế cho phù hợp với điều kiện thời chiến bắt đầu từ lúc nào?

A. 5-8-1964
B. 7-1-1965
C. 7-2-1965
D. 7-3-1965

Câu 14. Tổng thống nào của Mĩ đề ra chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" ở miền Nam?

A. Ai-xen-hao.
B. Ken-nơ-đi.
C. Giôn-xơn.
D. Ru-dơ-ven.

Câu 15. "Chiến tranh đặc biệt" nằm trong hình thức nào của chiến lược toàn cầu mà Mĩ đề ra?

A. "Phản ứng linh hoạt".
B. "Ngăn đe thực tế".
C. "Bên miệng hố chiến tranh".
D. "Chính sách thực lực".

Câu 16. Âm mưu cơ bản của "Chiến tranh đặc biệt" mà Mĩ áp dụng ở miền Nam Việt Nam là gì?

A. Đưa quân chư hầu vào miền Nam Việt Nam.
B. "Dùng người Việt đánh người Việt".
C. Đưa quân Mĩ ào ạt vào miền Nam.
D. Đưa cố vấn Mĩ ào ạt vào miền Nam.

Câu 17. Chỗ dựa của "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ ở miền Nam là gì?

A. Ấp chiến lược.
B. Lực lượng ngụy quân, ngụy quyền.
C. Lực lượng cố vấn Mĩ.
D. Ấp chiến lược và ngụy quân, ngụy quyền.

Câu 18. Nội dung nào sau đây nằm trong công thức của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt"

A. Được tiến hành quân đội tay sai, do "cố vấn" Mĩ chỉ huy, dựa vào vũ khí, trang bị kĩ thuật, phương tiện chiến tranh của Mĩ.
B. Tiến hành hoạt động phá hoại miền Bắc, phong tỏa biên giới.
C. Đưa quân chư hầu của Mĩ vào miền Nam Việt Nam.
D. Thực hiện Đông Dương hóa chiến tranh.

Câu 19. Mĩ ngụy xây dựng hệ thống "ấp chiến lược" nhằm mục đích gì ?

A. Tách cách mạng ra khỏi dân, nhằm cô lập cách mạng.
B. Hỗ trợ chương trình "bình định" miền Nam của Mĩ - Ngụy.
C. Kìm kẹp, kiểm soát dân, nắm chặt dân.
D. A, B và C đúng.

Câu 20. Chiến thuật được sử dụng trong "Chiến tranh đặc biệt" là gì ?

A. Gom dân, lập "ấp chiến lược".
B. "Trực thăng vận", "thiết xa vận".
C. Càn quét tiêu diệt lực lượng cách mạng.
D. "Bình định" toàn bộ Miền Nam.

Câu 21. Mục tiêu cơ bản của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" là gì?

A. "Bình định" miền Nam trong 8 tháng.
B. "Bình định" miền Nam trong 18 tháng
C. "Bình định" miền Nam có trọng điểm.
D. "Bình định" trên toàn miền Nam.

Câu 22. Xương sống của "Chiến tranh đặc biệt" là gì?

A. Lực lượng ngụy quân, ngụy quyền.
B. Hệ thống "ấp chiến lược".
C. Lực lượng cố vấn Mĩ.
D. Chương trình "bình định".

Câu 23. Mĩ – Ngụy dự định thực hiện những mục tiêu của "Chiến tranh đặc biệt" trọng tâm là "bình định" trong vòng 18 tháng. Mục tiêu đó nằm trong kế hoạch nào?

A. Dồn dân lập "ấp chiến lược".
B. Sta-lây - Tay-lo.
C. Giôn-xơn - Mác-na-ma-ra.
D. Câu B và C đúng.

Câu 24. Ngày 15 – 2 – 1961 diễn ra sự kiện gì ở miền Nam?

A. Chiến thắng Ấp Bắc (Mĩ Tho).
B. Chiến thắng Ba Gia (Quảng Ngãi).

C. Trung ương Cục miền Nam thành lập.
D. Các lực lượng vũ trang thống nhất thành Quân giải phóng miền Nam.

Câu 25. Năm 1961, Trung ương Cục miền Nam thành lập thay cho:
A. Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.
B. Xứ ủy Nam Bộ cũ.
C. Quân giải phóng miền Nam.
D. Lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam.

Câu 26. Năm 1962, quân dân ta đánh tan nhiều cuộc càn quét lớn của địch ở đâu?
A. Căn cứ U Minh, trung tâm Sài Gòn.
B. Địa đạo Củ Chi và Tây bắc Sài Gòn.
C. Chiến khu D, căn cứ U Minh, Tây Ninh, Bắc và Tây Bắc Sài Gòn.
D. Câu A và B đúng.

Câu 27. Trên mặt trận quân sự chiến thắng nào của ta có tính chất mở màn cho việc đánh bại "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ ?
A. Bình Giã (Bà Rịa).
B. Ba Gia (Quảng Ngãi).
C. Đồng Xoài (Biên Hòa).
D. Ấp Bắc (Mĩ Tho).

Câu 28. Chiến thắng quân sự nào của ta đã làm phá sản về cơ bản "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ ?
A. Ấp Bắc.
B. Bình Giã.
C. Đồng Xoài
D. Ba Gia.

Câu 29. Cuộc đấu tranh chính trị tiêu biểu nhất trong năm 1963 của đồng bào miền Nam?
A. Cuộc biểu tình của 2 vạn tăng ni Phật tử Huế (8-5-1963).
B. Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu để phản đối chính quyền Diệm ở Sài Gòn (11- 6 -1963).
C. Cuộc biểu tình của 70 vạn quần chúng Sài Gòn (16 - 6 -1963).
D. Cuộc đảo chính lật đổ Ngô Đình Diệm (01-11-1963)

Câu 30. Nguyên nhân cơ bản nhất đưa đến cuộc đảo chính của Dương Văn Minh lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm?
A. Do nội bộ chính quyền Ngụy mâu thuẫn.
B. Do Mĩ giật dây cho tướng lĩnh Dương Văn Minh.
C. Do chính quyền Ngô Đình Diệm suy yếu.
D. Do phong trào đấu tranh thắng lợi vang dội của nhân dân miền Nam trên tất cả các mặt trận.

Câu 31. Chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ bị đánh bại bởi những thắng lợi trên mặt trận quân sự nào của ta?
A. Chiến thắng Ấp Bắc, Bình Giã, An Lão, Ba Gia, Đồng Xoài.
B. Chiến thắng Ấp Bắc, Bình Giã.
C. Chiến thắng Ấp Bắc, An Lão, Ba Gia, Đồng Xoài.
D. Chiến thắng Bình Giã, An Lão, Ba Gia, Đồng Xoài.

Câu 32. Ghi các sự kiện vào niên đại sau đây cho phù hợp:
A. 15 - 2 - 1961..
B. 1 - 1961..
C. 2 - 1 - 1963..

D. 8 - 5 - 1963..
E. 11 - 6 - 1963..
G. 16 - 6 - 1963..
H. 1 - 11 - 1963..
I. 2 - 12 - 1964..

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 25

1. C 2. A 3. A 4. B 5. A 6. B 7. D 8. B
9. D 10. D 11. A 12. C 13. C 14. B 15. A 16. B
17. D 18. A 19. D 20. B 21. B 22. B 23. D 24. D
25. B 26. C 27. D 28. B 29. C 30. D 31. A

32. A. Lực lượng vũ trang cách mạng thống nhất thành quân Giải phóng miền Nam Việt Nam.
B. Trung ương Cục miền Nam Việt Nam thành lập.
C. Chiến thắng Ấp Bắc –Mĩ Tho.
D. Hai vạn tăng ni Phật tử Huế biểu tình.
E. Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu.
G. 70 vạn quần chúng Sài Gòn biểu tình.
H. Ngô Đình Diệm bị lật đổ.
I. Chiến thắng Bình Giã (Bà Rịa).

Bài 26. CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN LƯỢC "CHIẾN TRANH CỤC BỘ" CỦA MĨ Ở MIỀN NAM VÀ CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI MIỀN BẮC LẦN THỨ NHẤT (1965 – 1968)

I. CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1. Thế nào là chiến lược "Chiến tranh cục bộ"? Âm mưu của đế quốc Mĩ trong việc thực hiện "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam.

- Sau thất bại chiến lược "Chiến tranh đặc biệt", Mĩ đẩy mạnh chiến tranh xâm lược miền Nam, chuyển sang chiến lược *"Chiến tranh cục bộ"* và mở rộng chiến tranh phá hoại" miền Bắc.

- "Chiến tranh cục bộ" là loại hình chiến tranh xâm lược thực dân mới, được tiến hành bằng lực lượng quân đội Mĩ, quân đồng minh của Mĩ, quân đội Sài Gòn nhằm chống lại cách mạng và nhân dân miền Nam.

- Vừa mới vào miền Nam, Mĩ đã cho quân mở ra ngay cuộc hành quân "tìm diệt" vào căn cứ của Quân giải phóng ở Vạn Tường (Quảng Ngãi). Tiếp đó, Mĩ mở liền hai cuộc phản công chiến lược mùa khô (đông - xuân) 1965-1966 và 1966-1967 bằng hàng loạt cuộc hành quân "tìm diệt" và "bình định" và vùng "đất thánh Việt Cộng".

Câu 2. Quân dân miền Nam chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ như thế nào?

- Với ý chí không gì lay chuyển *"Quyết chiến quyết thắng giặc Mĩ xâm lược"* được sự phối hợp chiến đấu và chi viện của miền Bắc, quân dân ta miền Nam đã anh dũng chiến đấu và liên tiếp giành thắng lợi.

- Ở Vạn Tường (Quảng Ngãi) vào ngày 18 - 8 - 1965, sau một ngày chiến đấu, một trung đoàn chủ lực của ta cùng với quân du kích và nhân dân địa phương đã đẩy lùi được cuộc hành quân của địch, loại khỏi vòng chiến đấu 900 địch, bắn cháy 22 xe tăng và xe bọc thép, hạ 13 máy bay.

- Vạn Tường được coi là "Ấp Bắc" đối với quân Mĩ và quân đồng minh, mở đầu cao trào "*Tìm Mĩ mà đánh lùng Nguỵ mà diệt*" trên khắp miền Nam.

- Sau trận Vạn Tường khả năng chiến thắng Mĩ trong "Chiến tranh cục bộ" của quân dân ta còn tiếp tục được chứng minh trong hai mùa khô.

- Bước vào khô thứ nhất (đông - xuân 1965-1966) với 720.000 quân, trong đó Mĩ và đồng minh hơn 220.000, địch mở đợt phản công với 450 cuộc hành quân, torng đó có 5 cuộc hành quân "tìm diệt" lớn, nhằm vào hai hướng chiến lược chính ở Đông Nam Bộ và Liên khu V, với mục tiêu đánh bại chủ lực quân giải phóng.

- Bước vào mùa khô thứ hai (đông - xuân 1966-1967), với lực lượng được tăng lên hơn 980.000 quân, trong đó Mĩ và đồng minh hơn 440.000, chúng mở đợt phản công với 895 cuộc hành quân, trong đó có 3 cuộc hành quân lớn "*tìm diệt*" và *bình định*", lớn nhất là cuộc hành quân Gian-xơ Xi-ti đánh vào căn cứ Dương Minh Châu (Bắc Tây Ninh), nhằm tiêu diệt quân chủ lực và cơ quan đầu não của ta.

- Cùng với những cuộc chủ động tiến công địch trên chiến trường Trị -Thiên, Đường số 9... quân ta mở hàng loạt trận phản công đánh bại các cuộc hành quân "tìm diệt" và "bình định" của địch.

- Ở hầu khắp các vùng nông thôn, quần chúng được sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang đã đứng lên đấu tranh chống ách kìm kẹp của địch, phá từng mảng "*ấp chiến lược*". Trong hầu khắp các thành thị, gia cấp công nhân, các tầng lớp nhân dân lao động khác, học sinh, sinh viên, Phật tử, binh sĩ Sài Gòn... đấu tranh đòi Mĩ rút về nước, đòi tự do dân chủ. Vùng giải phóng được mở rộng, uy tín của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam được nâng cao trên trường quốc tế.

- Đến cuối năm 1967, Mặt trận giải phóng có cơ quan thường trực ở hầu hết các nước xã hội chủ nghĩa và ở một số nước thế giới thứ ba. Cương lĩnh của Mặt trận được 41 nước, 12 tổ chức quốc tế, 5 tổ chức khu vực lên tiếng ủng hộ.

Câu 3. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968):

- Hoàn cảnh.
- Diễn biến.
- Kết quả.
- Ý nghĩa.

** Hoàn cảnh:*

- Bước vào mùa xuân 1968, xuất phát từ nhận định so sánh lực lượng thay đổi có lợi cho ta sau hai mùa khô.

- Năm 1968, ta lợi dụng mâu thuẫn ở Mĩ trong năm bầu cử tổng thống (1968), ta chủ trương mở một cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam, trọng tâm là đô thị.

** Diễn biến:*

- Cuộc tổng tiến công và nổi dậy được mở đầu bằng cuộc tập kích chiến lược của quân chủ lực vào hầu khắp các đô thị trong đêm 30 rạng sáng ngày 31-1-1968 (đêm giao thừa Tết Mậu Thân).

- Cuộc tổng tiến công và nổi dậy diễn ra ba đợt: 30-1 - 25-2; tháng 5 và 6; tháng 8 và 9 - 1968.

- Tại Sài Gòn, quân giải phóng tiến công vào các vị trí đầu não của địch, như Toà đại sứ Mĩ, Dinh Độc lập, Bộ Tổng tham mưu quân Sài Gòn, Bộ Tư lệnh biệt khu Thủ đô, Tổng nha cảnh sát, Đài phát thanh, sân bay Tân Sơn Nhất.

** Kết quả:*

- Từ trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy, có thêm nhiều lực lượng mới chống Mĩ, chống chính quyền Sài Gòn xuất hiện, mặt trận đoàn kết dân tộc, chống Mĩ cứu nước được mở rộng. Tổ chức *Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ hoà bình ở* Sài Gòn, Huế và toàn miền Nam, đại diện cho tầng lớp trí thức, tư sản dân tộc tiến bộ ở thành thị được thành lập.

- Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân đã đánh đòn bất ngờ, làm cho địch choáng váng. Nhưng do lực lượng địch còn đông (hơn nửa triệu lính Mĩ và đồng minh, gần 1 triệu quân đội Sài Gòn) cơ sở ở thành thị mạnh, nên chúng đã nhanh chóng tổ chức lại lực lượng phản công quân ta gặp không ít khó khăn và tổn thất. Quân cách mạng vào chiếm giữ thành phố trong đợt 1 bị đẩy ra ngoài.

** Ý nghĩa:* Mặc dù có những tổn thất và hạn chế đó, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy có ý nghĩa hết sức to lớn:

- Làm lung lay ý chí xâm lược của quân Mĩ, buộc Mĩ phải tuyên bố "phi Mĩ hoá" chiến tranh xâm lược (tức thừa nhận thất bại của "Chiến tranh cục bộ").

- Mĩ phải tuyên bố chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc, chịu đến bàn đàm phán ở Pa-ri để bàn về chấm dứt chiến tranh.

- Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đã mở ra bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của quân dân ta.

Câu 4. Duyên cớ và âm mưu của Mĩ tiến hành chiến tranh không quân và hải quân phá hoại miền Bắc lần thứ nhất (1965 – 1968).

* Duyên cớ:

- Ngày 5-8-1964, sau khi dựng lên "*sự kiện Vịnh Bắc Bộ*", Mĩ cho máy bay ném bom bắn phá một số nơi ở miền Bắc, như cửa sông Gianh (Quảng Bình), Vinh - Bến Thuỷ (Nghệ An), Lạch Trường (Thanh Hoá), thị xã Hòn Gai (Quảng Ninh).

- Ngày 7-2-1965, lấy cớ "trả đũa" việc quân giải phóng miền Nam tiến công doanh trại quân Mĩ ở Plâycu, Mĩ cho máy bay ném bom bắn phá thị xã Đồng Hới, đảo Cồn Cỏ (Quảng Bình)..., chính thức gây ra cuộc chiến tranh bằng không quân và hải quân phá hoại miền Bắc (lần thứ nhất).

** Âm mưu:*

- Tiến hành chiến tranh phá hoại lần thứ nhất ở miền Bắc Mĩ thực hiện âm mưu:

  + Phá tiềm lực kinh tế, quốc phòng, phá công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

  + Ngăn chặn nguồn chi viện từ bên ngoài vào miền Bắc và từ miền Bắc vào miền Nam;

  + Uy hiếp tinh thần, làm lung lay ý chí chống Mĩ của nhân dân ta ở hai miền đất nước.

Câu 5. Quân dân miền Bắc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mĩ như thế nào?

- Ngay từ có chiến tranh, miền Bắc chuyển mọi hoạt động sang thời chiến, thực hiện quân sự hoá toàn dân. Kết hợp vừa chiến đấu, vừa sản xuất.

- Trong sản xuất, đẩy mạnh kinh tế địa phương, chú trọng phát tiển nông nghiệp.

- Đẩy mạnh phong trào thi đua chống Mĩ cứu nước.
- *Kết quả:*

+ Trong 4 năm (từ 5 – 8 – 1964 đến 1 – 11 – 1968), miền Bắc bắn rơi và phá hủy 3243 máy bay, loại khỏi vòng chiến đấu hàng nghìn phi công Mĩ, bắn cháy, bắn chìm 143 tàu chiến.

+ Ngày 1 – 11 – 1968, Mĩ tuyên bố ngừng hẳn chiến tranh phá hoại miền Bắc.

Câu 6. Miền Bắc thực hiện nghĩa vụ hậu phương lớn

- Là hậu phương lớn của kháng chiến chống mĩ cứu nước, miền Bắc luôn hướng về miền Nam. Vì miền Nam ruột thịt, miền Bắc phấn đấu *"Mỗi người làm việc bằng hai"*. Vì tiền tuyến kêu gọi, hậu phương sẵn sàng đánh đáp lại *"Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người"*.
- Tuyến đường vận chuyển chiến lược Bắc - Nam mang tên Hồ Chí Minh trên bộ (dọc dãy núi Trường Sơn) và trên biển (dọc theo bờ biển) bắt đầu khai thông từ tháng 5-1959, dài hàng nghìn cây số, đã nối liền hậu phương với tiền tuyến.
- Qua hai tuyến đường vận chuyển chiến lược đó, trong 4 năm (1965-1968) miền Bắc đã đưa hơn 300.000 cán bộ, bộ đội vào miền Nam tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu, xây dựng kinh tế, văn hoá tại các vùng giải phóng, và cũng đã gửi vào Nam hàng chục vạn tấn vũ khí, đạn dược, quân trang, quân dụng, xăng dầu, lương thực, thực phẩm, thuốc men và nhiều vật dụng khác. Tính chung sức người, sức của từ miền Bắc chuyển vào Nam trong 4 năm đã tăng gấp 10 lần so với thời kì trước.

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Mĩ tiến hành chiến lược "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam vào thời gian nào?

A. Cuối năm 1964. B. Đầu năm 1965.
C. Giữa năm 1965. D. Cuối năm 1965.

Câu 2. Thời điểm nào lực lượng quân ngụy ở miền Nam tăng hơn một triệu quân?

A. Năm 1966 B. Năm 1967 C. Năm 1968 D. Năm 1969

Câu 3. Lực lượng giữ vai trò quan trọng và không ngừng tăng lên về số lượng và trang bị trong "Chiến tranh cục bộ" là lực lượng nào?

A. Lực lượng quân ngụy. B. Lực lượng quân viễn chinh Mĩ.
C. Lực lượng quân chư hầu. D. Tất cả các lực lượng trên.

Câu 4. "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ ở miền Nam (1965 - 1968) là loại chiến tranh xâm lược theo kiểu thực dân cũ?

A. Sai. B. Đúng.

Câu 5. Chiến lược "Chiến tranh cục bộ", được sử dụng theo công thức nào?

A. Cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới, tiến hành bằng quân ngụy là chủ yếu + vũ khí + trang thiết bị hiện đại của Mĩ.
B. Cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới, tiến hành bằng quân Mĩ là chủ yếu + quân ngụy + vũ khí + trang thiết bị hiện đại của Mĩ.
C. Cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới, tiến hành bằng lực lượng quân đội Mĩ + quân đồng minh + quân ngụy + trang thiết bị hiện đại của Mĩ.

D. Cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới, tiến hành bằng lực lượng quân đội Mĩ + quân đồng minh + trang thiết bị hiện đại của Mĩ.

Câu 6. Điểm nào trong các điểm sau đây là điểm khác nhau giữa "Chiến tranh cục bộ" và "Chiến tranh đặc biệt"?

A. Sử dụng lực lượng quân viễn chinh Mĩ, quân chư hầu và tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc.
B. Sử dụng cố vấn Mĩ, vũ khí và phương tiện chiến tranh của Mĩ.
C. Là loại hình chiến tranh thực dân mới nhằm chống lại cách mạng miền Nam.
D. Tất cả các điểm trên.

Câu 7. Cuộc hành quân mang tên "Ánh sáng sao" nhằm thí điểm cho "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ diễn ra ở đâu?

A. Núi Thành. B. Chu Lai. C. Vạn Tường D. Ba Gia.

Câu 8. Trận đọ sức giữa bộ đội chủ lực của ta và quân viễn chinh Mĩ ở Vạn Tường (Quảng Ngãi) diễn ra vào thời gian nào?

A. Ngày 16 - 5 - 1965. B. Ngày 18 - 6 - 1965.
C. Ngày 16 - 8 - 1965. D. Ngày 18 - 8 - 1965.

Câu 9. Chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi) chứng tỏ điều gì?

A. Lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam đủ sức đương đầu và đánh bại quân viễn chinh Mĩ.
B. Lực lượng vũ trang miền Nam đã trưởng thành nhanh chóng.
C. Quân viễn chinh Mĩ đã mất khả năng chiến đấu.
D. Cách mạng miền Nam đã giành thắng lợi trong việc đánh bại "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ.

Câu 10. Mở đầu cao trào "tìm Mĩ mà đánh, tìm Ngụy mà diệt" trên khắp chiến trường miền Nam là ý nghĩa của chiến thắng nào?

A. Ấp Bắc B. Mùa khô 1965 - 1966
C. Vạn Tường D. Mùa khô 1966 -1967

Câu 11. Cuộc hành quân nào của quân đội viễn chinh Mĩ nhằm mục đích tìm kiếm một thắng lợi quân sự để gây thanh thế cho lính thủy đánh bộ Mĩ?

A. Cuộc hành quân của Mĩ tấn công Vạn Tường - Quảng Ngãi (18.8.1965).
B. Cuộc phản công mùa khô 1965 - 1966.
C. Cuộc phản công mùa khô 1966 - 1967.
D. Cuộc hành quân Gian-xơn Xi-ty đánh vào căn cứ Dương Minh Châu (Bắc Tây Ninh).

Câu 12. Ý nghĩa quan trọng nhất của chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi) là gì?

A. Chiến thắng Vạn Tường được coi như là "Ấp Bắc" đối với quân Mĩ.
B. Cổ vũ quân dân cả nước quyết tâm đánh thắng Mĩ.
C. Khẳng định khả năng có thể đánh thắng Mĩ đã trở thành hiện thực.
D. Nâng cao uy tín của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

Câu 13. Cuộc phản công chiến lược mùa khô (1965-1966) của Mĩ kéo dài trong bao lâu, với bao nhiêu cuộc hành quân lớn nhỏ?

A. 4 tháng, với 450 cuộc hành quân. B. 5 tháng, với 540 cuộc hành quân
C. 6 tháng, với 450 cuộc hành quân. D. 7 tháng, với 550 cuộc hành quân.

Câu 14. Trong cuộc phản công chiến lược mùa khô (1965 - 1966) của Mĩ nhằm vào hướng chính nào?

A. Miền Đông Nam Bộ và Liên khu V.

B. Đồng bằng khu IV và miền Đông Nam Bộ.

C. Đồng bằng khu V và miền Tây Nam Bộ.

D. Miền Đông Nam Bộ và miền Tây Nam Bộ.

Câu 15. Trên toàn miền Nam, quân ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 104.000 địch, trong đó có 42.000 quân Mĩ, 3.500 quân đồng minh, bắn rơi 1.430 máy bay. Đó là kết quả của chiến thắng nào?

A. Ấp Bắc. B. Vạn Tường.

C. Mùa khô 1965 - 1966. D. Mùa khô 1966 - 1967.

Câu 16. Trong mùa khô thứ hai (1966 - 1967), Mĩ đã mở các cuộc hành quân vào miền Đông Nam Bộ. Cuộc hành quân nào lớn nhất?

A. At-tơn-bô-rô. B. Xê-đan-phôn.

C. Gian-xơn Xi-ty. D. Xê-đan-phôn và Gian-xơn Xi-ty.

Câu 17. Trong mùa khô lần hai (1966-1967), quân dân ta đã loại khỏi vòng chiến đấu bao nhiêu tên địch?

A. 140.000 tên. B. 151.000 tên. C. 160.000 tên. D. 175.000 tên.

Câu 18. Đến cuối năm 1967, Mặt trận giải phóng miền Nam Việt Nam có cơ quan thường trực ở đâu?

A. Ở Liên Xô, Trung Quốc và các nước trong thế giới thứ ba.

B. Ở các nước châu Á và châu Âu.

C. Ở hầu hết các nước xã hội chủ nghĩa và một số nước thế giới thứ ba.

D. Ở một số nước xã hội chủ nghĩa và hầu hết các nước thế giới thứ ba.

Câu 19. Nguyên nhân chủ yếu ta mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968)?

A. So sánh lực lượng thay đổi có lợi cho ta sau hai mùa khô.

B. Tình hình kinh tế, chính trị, xã hội Mĩ gặp nhiều khó khăn.

C. Phong trào phản đối chiến tranh xâm lược của nhân dân thế giới lên cao.

D. Tinh thần chiến đấu của binh lính Mĩ giảm sút.

Câu 20. Đâu là yếu tố bất ngờ nhất của cuộc tiến công và nổi dậy trong Tết Mậu Thân (1968)?

A. Mở đầu cuộc tiến công vào đêm giao thừa, đồng loạt ở 37 tỉnh, 5 thành phố.

B. Tiến công vào các vị trí đầu não của địch ở Sài Gòn.

C. Tiến công vào Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn.

D. Tiến công vào sân bay Tân Sơn Nhất.

Câu 21. Chiến thắng nào của quân dân miền Nam trong giai đoạn 1965 - 1968, tác động mạnh nhất đến nhân dân Mĩ?

A. Trận Vạn Tường (18-8-1965). B. Chiến thắng mùa khô (1965 - 1966).

C. Chiến thắng mùa khô (1966 - 1967). D. Tổng tiến công Tết Mậu Thân (1968).

Câu 22. Ghi thời gian ba đợt tấn công và nổi dậy của quân dân ta trong Tết Mậu Thân (1968)

A. Đợt 1: ....

B. Đợt 2: ....

C. Đợt 3: ....

Câu 23. Trong đợt 1 của cuộc tổng công kích, tổng khởi nghĩa Tết Mậu Thân 1968, ta đã loại khỏi vòng chiến đấu bao nhiêu tên địch?

A. 43.000 tên địch. B. 67.000 tên địch.

D. 175.000 tên địch. C. 147.000 tên địch.

Câu 24. Hạn chế lớn nhất làm mục tiêu của cuộc tổng công kích, tổng nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 không đạt được là gì?

A. Ta chủ quan trong việc đánh giá cao lực lượng của mình, đánh giá thấp lực lượng địch.

B. Do tư tưởng nóng vội, muốn giành thắng lợi lớn, kết thúc nhanh chiến tranh.

C. Chỉ đạo không chủ động, kịp thời điều chỉnh kế hoạch rút khỏi thành phố sau đợt 1.

D. Lực lượng của địch còn đông, cơ sở ở thành thị còn mạnh.

Câu 25. Cuộc tổng tiến công kích và Tổng nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 là thắng lợi và là bước nhảy vọt thứ mấy của cách mạng miền Nam?

A. Thắng lợi thứ ba và là bước nhảy vọt thứ hai.

B. Thắng lợi thứ ba và là bước nhảy vọt thứ nhất.

C. Thắng lợi thứ tư và là bước nhảy vọt thứ hai.

D. Thắng lợi thứ năm và là bước nhảy vọt thứ hai.

Câu 26. Ý nghĩa lớn nhất của cuộc tổng công kích, tổng nổi dậy Tết Mậu thân 1968 là gì?

A. Đã làm lung lay ý chí xâm lược của quân viễn chinh Mĩ, buộc chúng phải tuyên bố phi Mĩ hóa chiến tranh xâm lược.

B. Buộc Mĩ phải chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc.

C. Mĩ phải đến Hội nghị Pa-ri để đàm phán với ta.

D. Đây là đòn đánh bất ngờ, làm cho Mĩ không dám đưa quân Mĩ và quân chư hầu vào miền Nam.

Câu 27. Mĩ chính thức gây chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất vào thời gian nào?

A. Ngày 5 - 8 - 1964. B. Ngày 7 - 2 - 1965.

C. Ngày 8 - 5 - 1965. D. Ngày 2 - 7 - 1965.

Câu 28. Âm mưu nào dưới đây không nằm trong âm mưu chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất của Mĩ?

A. Phá tiềm lực kinh tế, phá công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

B. Cứu nguy cho chiến lược "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam.

C. Ngăn chặn nguồn chi viện từ bên ngoài vào miền Bắc và từ miền Bắc vào miền Nam.

D. Uy hiếp tinh thần, làm lung lay quyết tâm chống Mĩ của nhân dân ta ở hai miền đất nước.

Câu 29. Cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất của Mĩ kéo dài trong thời gian nào?

A. Từ 8 - 5 1964 đến 1 - 11 - 1968. B. Từ 2 - 7 - 1964 đến 11 - 1 - 1968.

C. Từ 5 - 8 - 1964 đến 1 - 11 - 1968. D. Từ 7 - 2 - 1965 đến 1 - 12 - 1968.

Câu 30. Âm mưu cơ bản nhất của việc Mĩ tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc?

A. "Trả đũa" việc quân giải phóng miền Nam tiến công doanh trại Mĩ ở Plây-cu.

B. Phá hoại hậu phương lớn của miền Nam (phá hoại tiềm lực kinh tế, quốc phòng, công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc).

C. Ngăn chặn nguồn chi viện từ bên ngoài vào miền Bắc ?

D. Uy hiếp tinh thần, làm lung lay ý chí chống Mĩ của nhân dân ta.

Câu 31. Tội ác tàn bạo nhất của đế quốc Mĩ trong việc đánh phá miền Bắc nước ta?

A. Ném bom vào các mục tiêu quân sự.

B. Ném bom vào các đầu mối giao thông (cầu cống, đường sá).

C. Ném bom vào các nhà máy, xí nghiệp, hầm mỏ, các công trình thủy lợi.

D. Ném bom vào khu đông dân, trường học, nhà trẻ, bệnh viện, khu an dưỡng.

Câu 32. Trong cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mĩ, miền Bắc đã bắn rơi bao nhiêu máy bay Mĩ?

A. 2.343 máy bay. B. 3.234 máy bay.

C. 2.334 máy bay. D. 3.243 máy bay.

Câu 33. Câu nói "Không có gì quý hơn độc lập tự do" được Bác Hồ nói trong thời gian nào?

A. Hội nghị Chính trị đặc biệt (3 - 1964).

B. Văn kiện Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 12 (12 - 1965).

C. Lời kêu gọi kháng chiến chống Mĩ (17 - 7 - 1966).

D. Kì họp thứ hai Quốc hội khóa III (4 - 1965).

Câu 34. Vì sao Mĩ buộc phải tuyên bố ngừng hẳn ném bom, bắn phá miền Bắc?

A. Bị thất bại trong "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam.

B. Bị thiệt hại nặng nề trong chiến tranh phá hoại miền Bắc.

C. Bị nhân dân Mĩ và nhân dân thế giới lên án.

D. Bị thiệt hại nặng nề ở cả hai miền Nam - Bắc cuối năm 1968.

Câu 35. Điền vào chỗ trống câu sau đây: "Nguồn lực chi viện cùng với thắng lợi của quân dân miền Bắc trong những năm 1965 – 1968 đã góp phần quyết định vào thắng lợi của quân dân miền Nam trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh ....của Mĩ - Ngụy.

A. Chiến tranh đơn phương. B. Chiến tranh đặc biệt.

C. Chiến tranh cục bộ. D. Việt Nam hoá chiến tranh.

Câu 36. Nhiệm vụ cơ bản của miền Bắc trong thời kì 1965 - 1968?

A. Chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mĩ.

B. Đảm bảo giao thông vận tải thường xuyên thông suốt, phục vụ chiến đấu, sản xuất và đời sống.

C. Vừa chiến đấu, vừa sản xuất và thực hiện nhiệm vụ hậu phương lớn.

D. Hỗ trợ cho cuộc chiến đấu của nhân dân miền Nam.

Câu 37. Tinh thần chiến đấu của quân dân miền Bắc chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mĩ được thể hiện qua khẩu hiệu nào?

A. Không có gì quý hơn độc lập tự do.

B. Nhằm thẳng quân thù mà bắn.

C. Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người.

D. Thanh niên "ba sẵn sàng", phụ nữ "ba đảm đang".

Câu 38. Thực hiện nghĩa vụ hậu phương lớn đối với tiền tuyến, miền Bắc sẵn sàng với tinh thần gì?

A. Tất cả vì tiền tuyến.

B. Tất cả để chiến thắng.

C. Mỗi người làm việc bằng hai.

D. Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người.

Câu 39. Ý nghĩa lớn nhất của việc miền Bắc đánh bại chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mĩ là gì?

A. Thể hiện quyết tâm đánh thắng giặc Mĩ của quân dân ta.

B. Làm lung lay ý chí xâm lược của đế quốc Mĩ.

C. Bảo vệ miền Bắc.

D. Đánh bại âm mưu phá hoại miền Bắc của đế quốc Mĩ, miền Bắc tiếp tục làm nhiệm vụ của hậu phương lớn.

Câu 40. Thắng lợi của quân dân miền Bắc trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mĩ đã có tác dụng như thế nào đối với cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta?

A. Khẳng định quyết tâm chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta, góp phần làm lung lay ý chí xâm lược của Mĩ.

B. Buộc Mĩ phải rút quân Mĩ và quân chư hầu của Mĩ về nước.

C. Buộc Mĩ phải chấp nhận đàm phán với ta ở Pa-ri.

D. Buộc Mĩ phải chấp nhận kí kết Hiệp định Pa-ri.

Câu 41. Nối niên đại ở cột A với sự kiện ở cột B:

A	B
1. 1965 - 1966	A. Mĩ tiến hành chiến lược "Chiến tranh cục bộ".
2. 5 - 8 - 1964	B. Mĩ tiến hành mùa khô thứ hai.
3. 30-1 - 25-2-1968	C. Tổng tiến công nổi dậy Tết Mậu Thân.
4. 7 -2 - 1965	D. Mĩ tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc.
5. 1965 - 1968	E. Khai thông đường Hồ Chí Minh.
6. 1966 - 1967	F. Mĩ tiến hành mùa khô thứ nhất.
7. 18 - 8 - 1965	G. Đợt tấn công thứ nhất Tết Mậu Thân.
8. 31 - 1 - 1968	H Chiến tranh phá hoại lần thứ nhất.
9. 1 - 11 - 1968	I. Mĩ dựng sự kiện "Vịnh Bắc Bộ"
10. 5 - 1959	K. Chiến thắng Vạn Tường.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 26

1. C 2. D 3. A 4. A 5. C 6. A 7. C 8. D
9. A 10. C 11. A 12. C 13. A 14. A 15. C 16. C
17. B 18. C 19. A 20. A 21. D
22. A. 30 - 1 đến 25 - 2 -1968; B. 4 - 5 đến 18 - 6 - 1968;
C. 17 - 8 đến 23 - 9 - 1968.
23. C 24. A 25. A 26. C 27. B 28. B 29. C 30. B
31. D 32. D 33. C 34. D 35. C 36. C 37. B 38. D
39. D 40. A
41. 1: F, 2: I, 3: G, 4: H, 5: A, 6: B, 7: K, 8: C, 9: D, 10:E

Bài 27. CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN LƯỢC "VIỆT NAM HOÁ CHIẾN TRANH" Ở MIỀN NAM VÀ CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI MIỀN BẮC LẦN THỨ HAI CỦA ĐẾ QUỐC MĨ (1969 – 1973)

I. CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1. Âm mưu và thủ đoạn của Mĩ trong chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh".

- Đầu năm 1969, Ních-xơn vừa lên nắm chính quyền đã đề ra chiến lược toàn cầu "*Ngăn đe thực tế*" (thay cho chiến lược "Phản ứng linh hoạt" của Ken-nơ-đi) và tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới; thực hiện chiến lược "*Việt Nam hoá chiến tranh*" ở miền Nam và mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương với chiến lược *"Đông Dương hoá chiến tranh"*

- Chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" được tiến hành bằng lực lượng quân đội Sài Gòn là chủ yếu, có sự phối hợp về hỏa lực và không quân Mĩ, và vẫn do Mĩ chỉ huy bằng hệ thống cố vấn.

- Chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh" của Mĩ nhằm thay màu da cho xác chết.

+ Ở Việt Nam thực hiện âm mưu "dùng người Việt đánh người Việt".

+ Ở Đông Dương "dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương".

Câu 2. Quân dân Việt Nam phối hợp với quân dân Lào, Cam-pu-chia chiến đấu chống chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh" của Mĩ như thế nào?

- Chiến đấu chống chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" là chống lại cuộc chiến tranh xâm lược toàn diện được tăng cường và mở rộng ra toàn Đông Dương, vừa chiến đấu chống chiến dịch trên chiến trường, vừa đấu tranh với địch trên bàn đàm phán.

- Trong hai năm 1970-1971, nhân dân ta cùng với nhân dân hai nước Cam-pu-chia và Lào giành những thắng lợi có ý nghĩa chiến lược trên mặt trận quân sự và chính trị.

+ Trong hai ngày 24 và ngày 25-4-1970, Hội nghị cấp cao ba nước Việt Nam - Lào - Cam-pu-chia họp nhằm biểu thị quyết tâm của nhân dân ba nước Đông Dương đoàn kết chiến đấu chống Mĩ.

+ Từ ngày 30-4 đến ngày 30-6-1970, quân đội Việt Nam có sự phối hợp của quân dân Cam-pu-chia đã đập tan cuộc hành quân xâm lược Cam-pu-chia và quân đội Sài Gòn, loại khỏi vòng chiến đấu 17.000 địch, giải phóng nhiều vùng rộng lớn đất đai với 4,5 triệu dân.

+ Từ ngày 12-2 đến ngày 23-3-1971, quân đội Việt Nam có sự phối hợp của quân dân Lào đã tập tan cuộc hành quân mang tên "Lam Sơn - 719" chiếm giữ đường 9 - Nam Lào của 4,5 vạn quân Mĩ và quân đội Sài Gòn, loại khỏi vòng chiến đấu 22.0000 địch, đuổi hết quân Mĩ và quân đội Sài Gòn khỏi đường 9 Nam Lào, giữ hành lang chiến lược cách mạng Đông Dương.

Câu 3. Cuộc tiến công chiến lược năm 1972 ở miền Nam diễn ra như thế nào?

- Bước vào năm 1972, quân ta mở cuộc tiến công chiến lược từ ngày 30-3 đánh vào Quảng Trị, lấy Quảng Trị làm hướng tiến công chủ yếu, rồi phát triển rộng ra khắp chiến trường miền Nam, kéo dài trong năm 1972.

- Quân ta tiến công địch với cường độ mạnh, quy mô lớn, trên hầu khắp các địa bàn chiến lược quan trọng. Chỉ trong thời gian ngắn (đến cuối tháng 6-1972), quân ta chọc thủng ba phòng tuyến mạnh nhất của địch, là Quảng Trị, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 20 vạn địch, giải phóng nhiều vùng đất đai rộng lớn và đông dân.

- Sau đòn mở đầu bất ngờ của quân ta, quân đội Sài Gòn có sự yểm trợ của Mĩ đã phản công lại, gây cho ta nhiều thiệt hại; còn Mĩ trở lại chiến tranh phá phá hoại miền Bắc.

- Cuộc tiến công chiến lược năm 1972 đã giáng đòn nặng nề vào chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh", buộc Mĩ phải tuyên bố "Mĩ hoá" trở lại chiến tranh xâm lược (tức thừa nhận thất bại của "Việt Nam hoá chiến tranh").

Câu 3. Những thành tựu đạt được ở miền Bắc trong thời kì khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội.

- Trong nông nghiệp, ta có một số chủ trương khuyến khích sản xuất. Chăn nuôi được đưa lên thành ngành chính. Các hợp tác xã tích cực áp dụng tiến bộ khoa học kĩ thuật, nhiều biện pháp thâm canh tăng vụ. Nhờ đó, nhiều hợp tác xã đạt được mục tiêu 5 tấn, một số hợp tác xã đạt từ 6 đến 7 tấn. Sản lượng lương thực năm 1970 tăng hơn 60 vạn tấn so với năm 1968.

- Trong công nghiệp, nhiều cơ sở công nghiệp trung ương và địa phương bị tàn phá được khôi phục nhanh chóng. Nhiều công trình đang làm dang dở được ưu tiên đầu tư xây dựng tiếp, đưa vào hoạt động.

- Hệ thống giao thông vận tải, nhất là các tuyến giao thông chiến lược, bị phá hoại nặng nề được khẩn trương khôi phục.

- Văn hoá, giáo dục, y tế, cũng nhanh chóng được khôi phục và phát triển. Đời sống nhân dân ổn định. Một số khó khăn do sai lầm khuyết điểm của ta trong chỉ đạo, quản lí kinh tế - xã hội bước đầu được khắc phục.

Câu 4. Quân dân miền Bắc đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mĩ như thế nào?

- Ngày 6-4-1972, Mĩ cho máy bay ném bom bắn phá một số nơi thuộc khu IV cũ. Ngày 16-4-1972, Ních-xơn tuyên bố chính thức gây ra cuộc chiến tranh không quân và hải quân phá hoại miền Bắc (lần thứ hai); đến ngày 9-5-1972, tuyên bố phong toả cảng Hải Phòng cùng các cửa sông, luồng lạch, vùng biển miền Bắc.

- Nhờ được chuẩn bị trước và với tư thế luôn luôn sẵn sàng chiến đấu, miền Bắc đã có thể chủ động, kịp thời chống trả địch ngay từ trận đầu.

- Ngày 14-12-1972, gần 2 tháng sau khi tuyên bố ngừng ném bom bắn phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra, để hỗ trợ cho mưu đồ chính trị - ngoại giao mới, Nich-xơn phê chuẩn kế hoạch mở cuộc tập kích không quân bằng máy bay B52 vào Hà Nội và Hải Phòng bắt đầu từ chiều tối 18 đến hết ngày 29-12-1972.

- Quân dân ta ở miền Bắc đã đánh trả địch những đòn đích đáng từ trận đầu và đã đánh bại hoàn toàn cuộc tập kích không quân của Mĩ, làm nên trận "*Điện Biên Phủ trên không*". Ta đã bắn rơi 81 máy bay (trong đó 34 máy bay B52, 5 máy bay F111), bắt sống 43 phi công Mĩ. Tính chung, trong cả cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai (từ 6-4-1972 đến 15-1-1973), miền Bắc bắn rơi 735 máy bay Mĩ (trong đó có 61 máy bay B52, 10 máy bay F111), bắn chìm 125 tàu chiến loại khỏi vòng chiến đấu hàng trăm phi công Mĩ.

- "*Điện Biên Phủ trên không*" là trận thắng quyết định của ta, đã buộc Mĩ phải tuyên bố ngừng hẳn các hoạt động chống phá miền Bắc (15-1-1973) và Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam (27-1-1973).

Câu 5. Cuộc đấu tranh đòi Mĩ xuống thang chiến tranh và thương lượng ở Hội nghị Pa-ri diễn ra như thế nào?

- Đầu 1967, sau thắng lợi trong hai mùa khô 1965-1966 và 1966-1967, ta chủ trương mở thêm mặt trận tiến công ngoại giao, nhằm tố cáo tội ác của bọn xâm lược Mĩ, vạch trần luận điệu hoà bình bịp bợm của chúng, nêu tính chất chính nghĩa, lập trường đúng đắn của ta, tranh thủ rộng rãi sự đồng tình ủng hộ của dư luận quốc tế.

- Mục tiêu đấu tranh ngoại giao trước mắt của ta là đòi Mĩ chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc, coi đó là điều kiện tiên quyết để đi đến thương lượng ở bàn hội nghị.

- Ngày 31-3-1968, sau đòn bất ngờ của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân của quân ta, Giôn-xơn tuyên bố ngừng ném bom bắn phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra và bắt đầu nói đến thương lượng với Việt Nam.

- Ngày 13-5-1968, cuộc thương lượng chính thức hai bên, giữa đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và đại diện Chính phủ Hoa Kì ở Pa-ri họp phiên đầu tiên.

- Ngày 1-11-1968, Giôn-xơn tuyên bố ngừng ném bom bắn phá trên toàn miền Bắc. Từ đây, đấu tranh giữa ta và Mĩ chủ yếu xoay quanh vấn đề hình thức, thành phần hội nghị và đã đi đến thống nhất về hình thức Hội nghị bốn bên giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (sau đó là Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam), Hoa Kì và Việt Nam Cộng hoà (Chính quyền Sài Gòn).

- Hội nghị bốn bên về Việt Nam chính thức họp phiên đầu tiên ngày 25-1-1969 tại Pa-ri.

Câu 6. Trình bày hoàn cảnh, nội dung và ý nghĩa của Hiệp định Pa-ri 1973 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam.

** Hoàn cảnh:*

- Quan điểm của ta: đòi Mĩ rút hết quân của mình và quân đồng minh khỏi miền Nam và đòi họ tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam và quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam.

- Phía Mĩ có quan điểm ngược lại, nhất là vấn đề rút quân, đòi quân đội miền Bắc cũng rút khỏi miền Nam, và từ chối ký dự thảo Hiệp định do phía Việt Nam đưa ra (10-1972) để mở cuộc tập kích không quân bằng máy bay B52 và Hà Nội, Hải Phòng trong 12 ngày đêm cuối năm 1972 với ý đồ buộc phía Việt Nam kí dự thảo Hiệp định do Mĩ đưa ra.

- Nhưng Mĩ đã thất bại, Việt Nam đã đập tan cuộc tập kích không quân bằng máy bay B52 của Mĩ, làm nên trận *"Điện Biên Phủ trên không"* , sau đó buộc Mĩ trở lại kí dự thảo Hiệp định Pa-ri do ta đưa ra trước đó.

- Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam được kí tắt ngày 23-1-1973 giữa đại diện hai chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Hoa Kì, và kí chính thức ngày 27-1-1973 giữa bốn Bộ trưởng đại diện cho các chính phủ tham dự hội nghị tại Pa-ri. Hiệp định Pa-ri bắt đầu có hiệu lực từ ngày kí chính thức.

** Nội dung Hiệp định gồm những điều khoản cơ bản:*

- Hoa Kì và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

- Cuộc ngừng bắn ở miền Nam Việt Nam được thực hiện vào 24 giờ ngày 27-1-1973. Hoa Kì cam kết chấm dứt mọi hoạt động quân sự chống miền Bắc Việt Nam.

- Hoa Kì rút hết quân đội của mình và quân đồng minh trong thời hạn 60 ngày kể từ khi kí hiệp định, huỷ bỏ các căn cứ quân sự Mĩ, cam kết không tiếp tục dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam.

- Nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị thông qua tổng tuyển cử tự do, không có sự can thiệp của nước ngoài.

- Hai miền Nam - Bắc Việt Nam sẽ thương lượng về việc thống nhất đất nước không có sự can thiệp của nước ngoài.

- Hai bên tiến hành trao trả tù binh và dân thường bị bắt.

- Các bên công nhận thực tế miền Nam Việt Nam có hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát và ba lực lượng chính trị (lực lượng cách mạng, lực lượng hoà bình trung lập và lực lượng chế đội Sài Gòn).

- Hoa Kì cam kết góp phần vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh ở Việt Nam và Đông Dương tiến tới thiết lập quan hệ mới, bình đẳng và cùng có lợi giữa hai nước.

** Ý nghĩa:*

- Hiệp định Pa-ri về Việt Nam là thắng lợi của sự kết hợp giữa đấu tranh quân sự đấu tranh chính trị và đấu tranh ngoại giao, là kết quả của cuộc đấu tranh kiên cường, bất khuất của quân dân ta ở hai miền đất nước, mở ra bước ngoặt mới của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của dân tộc.

- Với hiệp định Pa-ri, Mĩ phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta, phải rút hết quân về nước. Đó là thắng lợi lịch sử quan trọng, tạo ra thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên giải phóng toàn miền Nam.

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Chiến lược toàn cầu mà Nich-xơn đề ra đầu 1969 là gì?

A. "Bên miệng hố chiến tranh". B. "Phản ứng linh hoạt".
C. "Học thuyết Ních-xơn". D. "Ngăn đe thực tế".

Câu 2. Chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Ních-xơn có gì giống so với chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Giôn-xơn?

A. Về mục đích của chiến tranh.
B. Về vai trò của quân đội Mĩ.
C. Vai trò cuả quân đội ngụy.
D. Về vai trò của "ấp chiến lược"

Câu 3. Mĩ thực hiện chiến lược "Đông Dương hoá chiến tranh" trong thời điểm nào dưới đây:

A. Cùng với chiến lược "Chiến tranh cục bộ".
B. Cùng với chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh ".
C. Cùng với chiến lược "Chiến tranh đặc biệt".
D. Cùng với chiến lược "Chiến tranh cục bộ và Việt Nam hoá chiến tranh".

Câu 4. Thực chất của chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" mà Mĩ áp dụng ở Việt Nam là:

A. Thực hiện âm mưu mở rộng chiến tranh trên toàn lãnh thổ Việt Nam.
B. Giảm bớt sự đổ máu của quân Mĩ và quân đồng minh của Mĩ.
C. Tiếp tục thực hiện âm mưu "dùng người Việt đánh người Việt".
D. Đánh lừa dư luận thế giới và dư luận của nhân dân Mĩ.

Câu 5. Trong "Việt Nam hóa chiến tranh", lực lượng nào là chủ yếu để tiến hành chiến tranh?

A. Quân đội Mĩ.
B. Quân đội ngụy Sài Gòn.
C. Quân đội Mĩ và các đồng minh.
D. Quân đội Mĩ và quân đội ngụy.

Câu 6. Âm mưu cơ bản của chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" là gì?

A. Rút dần quân Mĩ về nước.
B. Tận dụng người Việt Nam vì mục đích thực dân mới của Mĩ.
C. Đề cao học thuyết Ních-xơn.
D. "Dùng người Việt đánh người Việt".

Câu 7. Chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" có gì mới so với các chiến lược chiến tranh trước?

A. Tìm cách chia rẽ Việt Nam với các nước XHCN.
B. Gắn "Việt Nam hóa" với "Đông Dương hóa chiến tranh"
C. Được tiến hành bằng quân đội tay sai là chủ yếu, có sự phối hợp đáng kể của quân đội Mĩ.
D. A, B và C đúng.

Câu 8. Thủ đoạn trong chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" là gì?

A. Tăng số lượng ngụy quân.
B. Rút dần quân Mĩ về nước.
C. Mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc, tiến hành chiến tranh xâm lược Lào, Cam-pu-chia.
D. Cô lập cách mạng Việt Nam.

Câu 9. Để đánh bại chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh", quân dân ta phải đánh địch trên các mặt trận nào?

A. Mặt trận quân sự phối hợp với mặt trận ngoại giao.
B. Mặt trận quân sự phối hợp với mặt trận chính trị.

C. Mặt trận chính trị phối hợp với mặt trận ngoại giao.
D. Tất cả các mặt trận trên.

Câu 10. Điểm khác nhau giữa "Chiến tranh đặc biệt" và "Việt Nam hoá chiến tranh" là gì?

A. Hình thức chiến tranh thực dân mới của Mĩ.
B. Có sự phối hợp của một bộ phận đáng kể lực lượng chiến đấu Mĩ.
C. Dưới sự chỉ huy của một hệ thống cố vấn quân sự Mĩ.
D. Câu A và B đúng.

Câu 11. Để quân ngụy có thể tự đứng vững, tự gánh vác lấy chiến tranh, Mĩ đã làm gì?

A. Tăng viện trợ kinh tế, giúp quân ngụy đẩy mạnh chính sách "bình định".
B. Tăng đầu tư vốn, kĩ thuật phát triển kinh tế ở miền Nam.
C. Tăng viện trợ quân sự, giúp quân đội tay sai tăng số lượng và trang bị hiện đại.
D. Mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc, tăng cường và mở rộng chiến tranh sang Lào và Cam-pu-chia.

Câu 12. Ngày 6-6-1969 gắn với sự kiện lịch sử nào của dân tộc ta?

A. Mặt trận dân tộc giảiui phóng miền Nam Việt Nam đến Hội nghị Pa-ri.
B. Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương.
C. Mĩ mở rộng tấn công phá hoại miền Bắc lần thứ hai.
D. Chính phủ lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nan ra đời.

Câu 13. Đầu năm 1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã động viên tinh thần chiến đấu của quân dân ta như thế nào?

A. "Hễ còn một thằng Mĩ thì ta phải chiến đấu quét sạch nó đi".
B. "Vì độc lập tự do, đánh cho Mĩ cút, đánh cho ngụy nhào".
C. "Năm mới thắng lợi mới".
D. "Tiến lên! toàn thắng ắt về ta".

Câu 14. Ngày 24, 25-4-1970, Hội nghị cấp cao 3 nước Đông Dương họp nhằm mục đích gì?

A. Bắt tay nhau cùng kháng chiến chống Mĩ.
B. Vạch trần âm mưu "Đông Dương hóa chiến tranh" của đế quốc Mĩ.
C. Đối phó với âm mưu của đế quốc Mĩ và biểu thị quyết tâm đoàn kết chiến đấu chống Mĩ của nhân dân ba nước Đông Dương.
D. Xây dựng căn cứ địa kháng chiến của nhân dân ba nước Đông Dương.

Câu 15. Từ ngày 30 – 4 đến ngày 30 – 6 – 1970, diễn ra sự kiện lịch sử gì có liên quan đến tinh thần đoàn kết chiến đấu của quân dân Việt Nam – Cam-pu-chia?

A. Quân dân Việt Nam phối hợp với quân dân Cam-pu-chia đập tan cuộc hành quân của 10 vạn quân Mĩ và quân đội Sài Gòn xâm lược Cam-pu-chia.
B. Quân dân Việt Nam và quân dân Cam-pu-chia đánh bại cuộc đảo chính lật đổ Chính phủ Xi-ha-núc.
C. Chính phủ Việt Nam kí kết hiệp ước quan hệ ngoại giao với Chính phủ Cam-pu-chia.
D. Quân tình nguyện Việt Nam sang giúp nhân dân Cam-pu-chia đánh bại cuộc hành quân của quân viễn chinh Mĩ.

Câu 16. Đập tan cuộc hành quân "Lam Sơn 719" (12 đến 23-3-1971) có sự phối hợp của quân đội nước nào?

A. Quân đội Việt Nam, quân dân Lào.
B. Quân đội Việt Nam, quân dân Cam-pu-chia.
C. Quân đội Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia.
D. Quân dân Lảo, Cam-pu-chia.

Câu 17. Thắng lợi của quân ta phối hợp với quân Lào trong việc đánh bại cuộc hành quân Lam Sơn 719 tại Đường 9 Nam Lào đã mang lại kết quả như thế nào?

A. Loại khỏi vòng chiến đấu 45.000 tên Mĩ - Ngụy, giữ vững hành lang chiến lược cách mạng ở Đông Dương.
B. Loại khỏi vòng chiến đấu 22.000 tên Mĩ.
C. Làm thất bại chiến lược "Đông Dương hóa chiến tranh" của Mĩ.
D. Làm thất bị chiến lược "Việt Nam hóa" ra "Đông Dương hóa" chiến tranh của Mĩ.

Câu 18. Hãy điền niên đại vào các sự kiện sau cho phù hợp:

A. ....Quân đội Việt Nam có sự phối hợp của quân dân Cam-pu-chia đập tan cuộc hành quân xâm lược Cam-pu-chia của 10 vạn quân Mĩ và quân đội Sài Gòn.
B. ....Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương.
C. .... Đập tan cuộc hành quân Lam Sơn 719, tại Đường 9 Nam Lào.
D. ....Ních-xơn tuyên bố chính thức gây chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai.

Câu 19. Thắng lợi của quân dân ta phối hợp với quân dân Lào trong việc đánh bại cuộc hành quân Lam Sơn 719 tại Đường 9 Nam Lào đã:

A. Loại khỏi vòng chiến đấu 22.000 tên Mĩ- ngụy, quét sạch quân Mĩ - ngụy còn lại ở đường 9 Nam Lào, giữ hành lan chiến lược của cách mạng ở Đông Dương.
B. Làm thất bại hoàn toàn chiến lược "Đông Dương hoá" chiến tranh của Mĩ - ngụy.
C. Loại khỏi vòng chiến đấu 45.000 tên Mĩ - ngụy, giữ vững hành lang chiến lược cách mạng ở Đông Dương.
D. Câu B và C đúng.

Câu 20. Phong trào đấu tranh chính trị trong thời kì chống chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mĩ ở miền Nam diễn ra khắp Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng... trong đó vai trò quan trọng nhất thuộc về giai cấp hay tầng lớp nào?

A. Công nhân, nông dân. B. Dân nghèo thành thị.
C. Tuổi trẻ, học sinh, sinh viên. D. Các tổ chức Phật tử.

Câu 21. Đến đầu 1971, cách mạng đã giành được quyền làm chủ thêm bao nhiêu ấp chiến lược? Với bao nhiêu dân?

A. 36.000 ấp với 6 triệu dân. B. 3.600 ấp với 3 triệu dân.
C. 6.300 ấp với 4 triệu dân. D. 3.400 ấp với 3 triệu dân.

Câu 22. Mở đầu cuộc Tổng tiến công chiến lược 1972, quân ta tấn công vào:

A. Tây Nguyên B. Đông Nam Bộ. C. Nam Trung Bộ. D. Quảng Trị.

Câu 23. Nguyên nhân cơ bản nhất để ta mở cuộc tiến công chiến lược 1972?

A. Ta giành thắng lợi trên các mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao trong 3 năm 1969, 1970, 1971.
B. Nước Mĩ nảy sinh nhiều mâu thuẫn qua cuộc bầu cử tổng thống (1972).
C. Địch chủ quan do phán đoán sai thời gian, quy mô và hướng tiến công của ta.
D. Ngụy quyền Sài Gòn gặp nhiều khó khăn.

Câu 24. Vì sao Mĩ buộc phải tuyên bố "Mĩ hóa" trở lại chiến tranh xâm lược và thừa nhận sự thất bại của "Việt Nam hóa chiến tranh"?

A. Do thắng lợi liên tiếp của ta trên các mặt trận quân sự, trong ba năm 1969, 1970, 1971.
B. Sau đòn tấn công bất ngờ, choáng váng của ta trong cuộc tiến công chiến lược 1972 (mở đầu 30-3-1972).
C. Thắng lợi của ta trên mặt trận ngoại giao ở Pa-ri.
D. Do thắng lợi của nhân dân miền Bắc khắc phục hậu quả chiến tranh phá hoại lần 1, tiếp tục chi viện không ngừng cho miền Nam.

Câu 25. Ý nghĩa lịch sử nào là cơ bản nhất của cuộc tiến công chiến lược 1972?

A. Đã mở ra một bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mĩ của nhân dân ta.
B. Đã giáng một đòn nặng nề vào chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh".
C. Đã giáng một đòn nặng nề vào quân ngụy (công cụ chủ yếu) của Mĩ.
D. Buộc Mĩ tuyên bố "Mĩ hóa" trở lại chiến tranh xâm lược, phải thừa nhận thất bại của chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh".

Câu 26. Cuộc tiến công chiến lược 1972, diễn ra trong thời gian nào?

A. Từ 3-1972 đến cuối 5-1972. B. Từ 3-1972 đến cuối 6-1972.
C. Từ 4-1972 đến cuối 6-1972. D. Từ 5-1972 đến cuối 6-1972.

Câu 27. Ý nghĩa nào dưới đây không nằm trong thắng lợi của cuộc Tổng tiến công chiến lược 1972?

A. Mở ra một bước ngoặt cho cuộc kháng chiến chống Mĩ.
B. Giáng một đòn mạnh mẽ vào quân ngụy và quốc sách "bình định" của "Việt Nam hoá" chiến tranh.
C. Buộc Mĩ ngừng ngay cuộc ném bom đánh phá miền Bắc 12 ngày đêm.
D. Buộc Mĩ tuyên bố "Mĩ hoá" trở lại chiến tranh xâm lược, thừa nhận sự thất bại của chiến lược "Việt Nam hóa" chiến tranh.

Câu 28. Ních-xơn đã tuyên bố chính thức cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai vào thời gian nào?

A. 30-3-1972. B. 6-4-1972. C. 16-4-1972. D. 9-5-1972.

Câu 29. Tập đoàn Ních-xơn thực hiện cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai với ý đồ gì?

A. Cứu nguy cho chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và tạo thế mạnh trên bàn đàm phán ở Pa-ri.
B. Ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc đối với miền Nam.

C. Làm lung lay ý chí quyết tâm chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta.
D. Phong tỏa cảng Hải Phòng và các sông, luồng lạch, vùng biển miền Bắc.

Câu 30. Quuân dân ta đã bắn rơi 735 máy bay, bắn cháy và bị thương 125 tàu chiến Mĩ, loại khỏi vòng chiến hàng trăm phi công Mĩ. Đó là kết quả của sự kiện lịch sử nào?

A. Đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mĩ ở miền Bắc.
B. Đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mĩ ở miền Bắc.
C. Đánh bại cuộc tập kích chiến lược 12 ngày đêm của Mĩ ra miền Bắc.
D. Đánh bại hai lần chiến tranh phá hoại của Mĩ ở miền Bắc.

Câu 31. Cuộc tập kích bằng không quân chiến lược của Mĩ trong 12 ngày đêm của Mĩ ở miền Bắc diễn ra vào thời gian nào?

A. Từ 12-8-1972 đến 29-12-1972.
B. Từ 18-12-1972 đến 20-12-1972.
C. Từ 20-12-1972 đến 20-12-1972.
D. Từ 18-12-1972 đến 29-12-1972.

Câu 32. Điền sự kiện vào niên đại sau:

A. 14 - 12 - 1972...
B. 30 - 12 - 1972...
C. 15 - 1 - 1973...
D. 27 – 1 – 1973..

Câu 33. Trong thời gian chống "Việt Nam hóa chiến tranh" (1969 - 1973), nhiệm vụ nặng nề nhất của miền Bắc là gì?

A. Làm nghĩa vụ hậu phương lớn đối với tiền tuyến miền Nam.
B. Làm nghĩa vụ quốc tế đối với Lào và Cam-pu-chia.
C. Vừa chiến đấu, vừa sản xuất, xây dựng hậu phương, bảo đảm cho cuộc chiến đấu tại chỗ và chi viện cho chiến trường.
D. Phải khắc phục kịp thời, tại chỗ hậu quả của những cuộc chiến tranh ác liệt, tiếp nhận sự viện trợ từ bên ngoài và chi viện theo yêu cầu của tiền tuyến miền Nam, Lào, Cam-pu-chia.

Câu 34. Thắng lợi lớn nhất của quân và dân miền Bắc trong trận "Điện Biên Phủ trên không" là gì?

A. Buộc Mĩ phải tuyên bố ngừng hẳn các hoạt động chống phá miền Bắc.
B. Đánh bại âm mưu phá hoại công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc.
C. Đánh bại âm mưu ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc cho miền Nam, Lào, Cam-pu-chia.
D. Buộc Mĩ kí Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam.

Câu 35. Vì sao Mĩ chấp nhận thương lượng với Việt Nam ở Hội nghị Pa-ri?

A. Bị thất bại trong chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất.
B. Bị đánh bất ngờ trong cuộc tập kích chiến lược của ta vào Tết Mậu Thân 1968.
C. Bị thất bại trong cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai.
D. Bị thua đau trong cuộc tập kích chiến lược 12 ngày đêm đánh phá miền Bắc.

Câu 36. Cuộc thương lượng chính thức hai bên giữa đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và đại diện Chính phủ Hoa Kì ở Pa-ri diễn ra vào thời gian nào?

A. 31 - 3 - 1968.
B. 15 - 5 - 1968.
C. 13 - 5 - 1968.
D. 15 - 3 - 1968.

Câu 37. Cuộc đàm phán giữa Chính phủ ta với Chính phủ Hoa Kì bị gián đoạn trong thời gian nào?

A. Từ 3 đến 9 - 1972.
B. Từ 3 đến 11 - 1972.
C. Câu A và B đúng.
D. Không hề bị gián đoạn.

Câu 38. Để đi đến dự thảo Hiệp định Pa-ri về Việt Nam (10-1972), Hội nghị bốn bên ở Pa-ri đã trải qua bao nhiêu phiên họp chung và bao nhiêu cuộc tiếp xúc riêng?

A. 120 cuộc họp chung và 20 cuộc tiếp xúc riêng.
B. 150 cuộc họp chung và 15 cuộc tiếp xúc riêng.
C. 180 cuộc họp chung và 26 cuộc tiếp xúc riêng.
D. 202 cuộc họp chung và 24 cuộc tiếp xúc riêng.

Câu 39. Sắp xếp lại các sự kiện sau đây theo thứ tự thời gian:

A. Hội nghị bốn bên chính thức họp phiên đầu tiên tại Pa-ri.
B. Ních-xơn tuyên bố ngừng mọi hoạt động chống phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra.
C. Hội nghị Pa-ri đưa ra dự thảo về việc chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam.
D. Văn bản Hiệp định được hoàn tất và hai bên thỏa thuận ngày ký chính thức Hiệp định Pa-ri.
E. Tập đoàn Ních-xơn trở mặt, đòi xét lại văn bản Hiệp định đã được thỏa thuận.
G. Hiệp định Pa-ri được kí chính thức.
H. Hiệp định Pa-ri được kí tắt giữa đại diện hai Chính phủ Việt Nam dân chủ Cộng hòa và Hoa Kì.
I. Hiệp định Pa-ri có hiệu lực thi hành.

Câu 40. Hãy xác định nội dung cơ bản của Hiệp định Pa-ri:

A. Hoa Kì và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.
B. Hoa Kì rút hết quân viễn chinh và quân chư hầu về nước.
C. Các bên để cho nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị của họ thông qua cuộc tổng tuyển cử tự do.
D. Các bên ngừng bắn tại chỗ, trao trả cho nhau tù binh và dân thường bị bắt.

Câu 41. Hãy điền vào chỗ trống câu sau đây cho đúng:

"Hiệp định Pa-ri về Việt Nam là kết qủa của cuộc đấu tranh kiên cường, bất khuất của..".

A. Quân dân miền Bắc đánh bại chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mĩ.
B. Quân dân miền Nam đánh bại chiến lược "Việt Nam hóa" chiến tranh của Mĩ.
C. Quân dân ta trên cả hai miền đất nước.
D. Quân dân miền Nam trong cuộc tiến công chiến lược 1972.

Câu 42. Thắng lợi quan trọng của Hiệp định Pa-ri đối với sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ cứu nước như thế nào?

A. Đánh cho "Mĩ cút", "ngụy nhào".
B. Phá sản hoàn toàn chiến lược "Việt Nam hóa" chiến tranh của Mĩ.

C. Tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên đánh cho "ngụy nhào".

D. Tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên đánh cho "Mĩ cút", "ngụy nhào".

Câu 43. Trong các điều khoản của nội dung Hiệp định Pa-ri (trong SGK), điều khoản nào có ý nghĩa nhất đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam?

A. Hoa Kì và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

B. Hoa Kì rút hết quân đội của mình và quân Đồng minh, phá hết căn cứ quân sự, cam kết không tiếp tục dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam.

C. Các bên để nhân dân miền Nam tự quyết định tương lai chính trị của họ thông qua tổng tuyển cử tự do.

D. Các bên ngừng bắn tại chỗ, trao trả tù binh và dân thường bị bắt.

Câu 44. Căn cứ vào lý do chủ yếu nào sau đây để nói rằng Mĩ "đã đặt ngang hàng kẻ đi xâm lược với người chống xâm lược"?

A. Mĩ thiếu thiện chí, muốn kéo dài chiến tranh ở Việt Nam.

B. Mĩ muốn duy trì chế độ tay sai để thực hiện chủ nghĩa thực dân mới

C. Mĩ đòi "có đi có lại", nếu Mĩ rút quân khỏi miền Nam thì quân đội miền Bắc cũng phải rút quân khỏi miền Nam.

D. Mĩ muốn giữ quân chư hầu của Mĩ ở lại miền Nam.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 27

1. D 2. A 3. B 4. C 5. B 6. D 7. D 8. C
9. A 10. B 11. C 12. D 13. B 14. C 15. A 16. A
17. B 18. A 19. A 20. C 21. B 22. D 23. A 24. B
25. D 26. B 27. C 28. D 29. A 30. B 31. D

32.A. Ních-xơn phê chuẩn kế hoạch đánh phá miền Bắc 12 ngày đêm.

B. Mĩ tuyên bố ngừng hoạt động đánh phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra.

C. Mĩ tuyên bố ngừng hoàn toàn các hoạt động chống phá miền Bắc để kí với Chính phủ ta Hiệp định Pa-ri.

D. Hiệp định Pa-ri được kí kết.

33. C 34. D 35. B 36. C 37. B 38. D
39. A:1 ; B:4 ; C: 2 ; D: 3 ; E: 5 ; G:7; H: 6; I: 8.
40. A 41. C 42. C 43. B 44. C

Bài 28. KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI MIỀN BẮC, GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM (1973 – 1975)

I. CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1. Sau Hiệp định Pa-ri về Việt Nam, miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế, ra sức chi viện cho miền Nam như thế nào?

- Sau hiệp định Pa-ri năm 1973 về Việt Nam, quân Mĩ buộc phải rút khỏi nước ta, làm thay đổi so sánh lực lượng ở miền Nam có lợi cho cách mạng. Miền Bắc trở lại hoà bình, tiến hành khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, ra sức chi viện cho tiền tuyến miền Nam.

- Đến cuối tháng 6-1973, miền Bắc căn bản hoàn thành việc tháo gỡ thuỷ lôi, bom mìn do Mĩ thả trên biển, trên sông, bảo đảm đi lại bình thường.

- Sau hai năm (1973-1974), về cơ bản miền Bắc khôi phục xong các cơ sở kinh tế, các hệ thống thuỷ nông, mạng lưới giao thông, các công trình văn hoá, giáo dục, y tế, kinh tế có bước phát triển.

- Đến cuối năm 1974, sản xuất công nghiệp, nông nghiệp trên một số mặt trận quan trọng đã đạt vượt mức năm 1964 và năm 1971 là hai năm đạt mức cao nhất trong 20 năm xây dựng chủ nghãi xã hội ở miền Bắc.

- Thực hiện nghĩa vụ hậu phương, trong hai năm 1973-1974, miền Bắc đưc vào chiến trường miền Nam, Cam-pu-chia, Lào gần 20 vạn bộ đội, hàng vạn thanh niên xung phong, cán bộ chuyên môn, nhân kĩ thuật đột xuất trong hai tháng đầu năm 1975. Miền Bắc gấp rút dưa vào miền Nam 57.000 bộ đội (trong tổng số 108.000 bộ đội của kế hoạch động viên 1975).

- Về vật chất - kĩ thuật, miền Bắc đã có những nỗ lực phi thường, đáp ứng đầy đủ và kịp thời nhu cầu to lớn và cấp bách của cuộc tổng tiến công chiến lược ở miền Nam.

Câu 2. Trong những năm đầu sau Hiệp định Pa-ri, cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam chống âm mưu và hàng động mới của Mĩ và chính quyền Sài Gòn diễn ra như thế nào?

- Với Hiệp định Pa-ri năm 1973, ta "*đánh cho Mĩ cút*". Ngày 29-3-1973, toán lính Mĩ cuối cùng đã rút khỏi nước ta. Nhưng Mĩ vẫn giữ lại hơn 2 vạn cố vấn quân sự, lập ra Bộ chỉ huy quân sự, tiếp tục viên trợ quân sự, kinh tế cho chính quyền Sài Gòn.

- Được cố vấn Mĩ chỉ huy và nhận viện trợ của Mĩ, chính quyền Sài Gòn ngang nhiên phá hoại Hiệp định Pa-ri, chúng huy động gần như toàn bộ lực lượng tiến hành chiến dịch "*tràn ngập lãnh thổ*", liên tiếp mở những cuộc hành quân "*bình định - lấn chiếm*" vùng giải phóng. Đây thực chất là hành động tiếp tục chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" của Ních-xơn.

- Về phía ta, việc kí Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam, việc quân đội xâm lược Mĩ rút khỏi nước ta, đã tạo nên sự thay đổi căn bản trong so sánh lực lượng giữa cách mạng và phản cách mạng có lợi cho cuộc đấu tranh của nhân dân ở miền Nam.

- Trong cuộc đấu tranh chống địch "*bình định - lấn chiếm*", chống âm mưu "*tràn ngập lãnh thổ*" của chúng vào những tháng đầu năm sau kí Hiệp định, quân dân ta đã đạt được một số kết quả nhất định. Nhưng do không đánh giá hết âm mưu phá hoại Hiệp định của địch, do quá nhấn mạnh đến hoà bình, hoà hợp dân tộc... nên trên một số địa bàn quan trọng, ta bị mất đất, mất dân.

- Tháng 7-1973, Ban chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 21. Hội nghị nêu rõ nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam trong gia đoạn hiện tại là tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Hội nghị nhấn mạnh trong bất cứ tình hình nào cũng phải tiếp tục con đường cách mạng bạo lực, phải nắm vững chiến lược tiến công, kiên quyết đấu tranh trên cả ba mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao.

- Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 21 của Đảng, từ cuối năm 1973 quân dân ta ở miền Nam vừa kiên quyết đánh trả quyết đánh địch, bảo vệ vùng giải phóng, vừa chủ động mở những cuộc tiến công địch, mở rộng vùng giải phóng.

- Cuối năm 1974 đầu năm 1975, ta mở đợt hoạt động quân sự Đông - Xuân vào hướng Nam Bộ, trọng tâm là đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ. Quân ta đã giành thắng lợi vang dội trong chiến dịch Đường 14 - Phước Long.

- Sau chiến thắng này của ta, chính quyền Sài Gòn phản ứng mạnh và đưa quân chiếm lại, nhưng đã thất bại. Còn Mĩ chỉ phản ứng yếu ớt, chủ yếu dùng áp lực từ xa đe doạ.

- Phối hợp với đấu tranh quân sự, nhân dân ta ở miền Nam đẩy mạnh đấu tranh chính trị, ngoại giao nhằm tố cáo hành động của Mĩ và chính quyền Sài Gòn vi phạm Hiệp định, phá hoại hoà bình, hoà hợp dân tộc, nêu cao tính chất chính nghĩa cuộc chiến đấu của nhân dân ta; đòi lật đổ chính quyền Nguyễn Văn Thiệu, thực hiện các quyền tự do, dân chủ...

Câu 3. Chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam của Bộ Chính trị Trung ương Đảng.

- Cuối năm 1974 đầu năm 1975, trong tình hình so sánh lực lượng ở miền Nam thay đổi mau lẹ có lợi cho cách mạng. Bộ Chính trị Trung ương Đảng đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam trong hai năm 1975 và 1976.

- Tuy nhiên, Bộ Chính trị nhấn mạnh "*cả năm 1975 là thời cơ*" và chỉ rõ "*nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975*". Bộ Chính trị cũng nhấn mạnh sự cần thiết tranh thủ thời cơ đánh thắng nhanh để đỡ thiệt hại về người và của cho nhân dân, giữ gìn tốt cơ sở kinh tế, công trình văn hoá... giảm bớt sự tàn phá của chiến tranh.

Câu 4. Trình bày tóm tắt cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975

Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 đã diễn ra trong gần 2 tháng (từ 4-3 đến 2-5) qua 3 chiến dịch lớn: Tây Nguyên, Huế - Đà nẵng và chiến dịch Hồ Chí Minh.

a. Chiến dịch Tây Nguyên (từ 3-4 đến 24-3)

- Tây Nguyên là địa bàn chiến lược hết sức quan trọng, cả ta và địch đều cố nắm giữ. Nhưng do nhận định sai hướng tiến công của quân dân ta, địch chốt giữ ở đây một lực lượng mỏng, bố phòng có nhiều cơ sở. Căn cứ vào đó, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ta quyết định chọn Tây Nguyên làm hướng tiến công chủ yếu trong năm 1975.

- Thực hiện kế hoạch, ta tập trung chủ lực mạnh với vũ khí kĩ thuật hiện đại, mở chiến dịch quy mô lớn ở Tây Nguyên. Trận then chốt mở màn ở Buôn Ma Thuột ngày 10-3-1975 đã giành thắng lợi, (Trước đó, ngày 4-3, quân ta đánh nghi binh ở Plâycu và Kontum nhằm thu hút quân địch vào hướng đó). Ngày 12-3-1975, địch phản công chiếm lại Buôn Ma Thuột nhưng không thành.

- Sau hai đòn ở Buôn Ma Thuột (vào các ngày 10 và 12-3), hệ thống phòng thủ của địch ở Tây Nguyên rung chuyển, quân địch mất tinh thần, hàng ngũ rối loạn.

- Ngày 14-3-1975, Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh rút toàn bộ quân Tây Nguyên về giữ vững duyên hải miền Trung. Trên đường rút chạy, chúng bị quân truy kích tiêu diệt. Đến ngày 24-3-1975, Tây Nguyên rộng lớn với 60 vạn dân hoàn toàn giải phóng.

Chiến dịch Tây Nguyên thắng lợi đã chuyển cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước sang giai đoạn mới: từ tiến công chiến lược ở Tây Nguyên phát triển thành tổng tiến công chiến lược trên toàn chiến trường miền Nam.

b. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng: (từ 21-3 đến 29-3)

- Nhận thấy thời cơ chiến lược đến nhanh, hết sức thuận lợi, ngay khi chiến dịch Tây Nguyên đang tiếp diễn, Bộ Chính trị có quyết định kịp thời kế hoạch giải phóng Sài Gòn và toàn miền Nam, trước tiên tiến hành chiến dịch giải phóng Huế - Đà Nẵng.

- Phát hiện địch co cụm ở Huế, ngày 21-3, quân ta đánh thẳng vào căn cứ địch, chặn các đường rút chạy của chúng, hình thành thế bao vay chúng trong Thành phố. Đúng 10 giờ 30 ngày 25-3, quân ta tiến vào cố đô Huế, đến hôm sau (26-3) thì giải phóng thành phố và toàn tỉnh Thừa Thiên.

- Đà Nẵng, thành phố lớn thứ hai ở miền Nam, một căn cứ quân sự liên hợp lớn nhất của Mĩ và quân đội Sài Gòn rơi vào thế cô lập. Hơn 10 vạn địch dồn ứ về đây trở nên hỗn loạn, mất khả năng chiến đấu. Sáng 29-3, quân ta từ ba phía Bắc, Tây, Nam tiến thẳng vào thành phố, đến 3 giờ chều thì chiếm toàn bộ Đà Nẵng.

- Trong cùng thời gian trên, từ cuối tháng 3 đến tháng 4, nhân dân các tỉnh còn lại ở ven biển miền Trung, Nam Tây Nguyên và một số tỉnh ở Nam Bộ, có sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang địa phương và quân chủ lực, đã nổi dậy giành quyền làm chủ.

c. Chiến dịch Hồ Chí Minh (từ 26-4 đến 30-4)

- Sau thắng lợi chiến dịch Tây Nguyên và chiến dịch Huế - Đà nẵng, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ta nhận định "*Thời cơ chiến lược đã đến, ta có điều kiện hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng miền Nam*"; từ đó đi đến quyết định "*Phải tập trung nhanh nhất lực lượng, binh khí kĩ thuật và vật chất giải phóng miền Nam trước mùa mưa (trước tháng 5 -1975)*". Chiến dịch giải phóng Sài Gòn được Bộ Chính trị quyết định mang tên *chiến dịch Hồ Chí Minh* (14-4-1975).

- Trước khi bắt đầu chiến dịch giải phóng Sài Gòn, quân ta tiến công Xuân Lộc và Phan Rang - những căn cứ phòng thủ trọng yếu của địch bảo vệ Sài Gòn từ phía Đông.

- 17 giờ ngày 26-4, quân ta được lệnh tổng nổ súng mở đầu chiến dịch, 5 cánh quân vượt qua tuyến phòng thủ vòng ngoài của địch tiến vào trung tâm Sài Gòn, đánh chiếm các cơ quan đầu não của chúng.

- 10 giờ 45 phút ngày 30-4, xe tăng của ta tiến thẳng vào dinh Độc Lập, bắt sống toàn bộ Chính phủ Trung ương Sài Gòn, Dương Văn Minh vừa lên chức Tổng thống Chính phủ Sài Gòn ngày 28-4 đã phải tuyên bố đầu hàng không điều kiện. 11 giờ 30 phút cùng ngày, lá cờ cách mạng tung bay trên nóc dinh Độc Lập báo hiệu sự toàn thắng chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Câu 5. Trình bày ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

** Ý nghĩa lịch sử:*

- Cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước thắng lợi đã kết thúc 21 năm chiến đấu chống Mĩ và 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc; chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc và chế độ phong kiến ở nước ta. Trên cơ sở đó, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thống nhất đất nước.

- Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước mở ra kỉ nguyên mới của lịch sử dân tộc - Kỉ nguyên đất nước độc lập, thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội.

- Thắng lợi của nhân dân ta, thất bại đế quốc Mĩ đã tác động mạnh đến tình hình nước Mĩ và thế giới nhất là đối với phong trào giải phóng dân tộc.

- Thắng lợi đó "Mãi mãi được ghi vào lịch sử của dân tộc ta một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỉ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc".

** Nguyên nhân thắng lợi:*

- Nhờ có sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối chính trị, quân sự độc lập, tự chủ; đường lối tiến hành đồng thời cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam đúng đắn, sáng tạo với phương pháp đấu tranh linh hoạt, kết hợp với đấu tranh quân sự - chính trị - ngoại giao.

- Nhân dân ta ở hai miền giàu lòng yêu nước, đoàn kết, nhất trí, lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, xây dựng bảo vệ miền Bắc, thống nhất nước nhà.

- Nhờ có hậu phương miền Bắc không ngừng lớn mạnh, có khả năng đáp ứng kịp thời các yêu cầu của cuộc chiến đấu ở hai miền.

- Nhờ sự phối hợp chiến đấu, đoàn kết giúp đỡ nhau trong quá trình đấu tranh chống kẻ thù chung của ba dân tộc ở Đông Dương.

- Nhờ có sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ to lớn của các lực lượng cách mạng, hòa bình, dân chủ trên thế giới, nhất là Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa khác; phong trào nhân dân Mĩ và nhân dân thế giới phản đối cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của đế quốc Mĩ.

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Tình hình nhiệm vụ của miền Bắc thời kì 1973 - 1975 có gì khác trước?

A. Khắc phục hậu quả chiến tranh.
B. Khôi phục phát triển kinh tế - văn hóa.
C. Tiếp tục chi viện cho miền Nam và chiến trường Lào, Cam-pu-chia.
D. Không làm nhiệm vụ chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của Mĩ.

Câu 2. Hoàn cảnh lịch sử nào sau Hiệp định Pa-ri có ảnh hưởng trực tiếp đến miền Bắc?

A. Quân Mĩ và Đồng minh rút hết về nước.
B. So sánh lực lượng ở miền Nam có lợi cho ta.
C. Miền Bắc trở lại hòa bình.
D. Miền Bắc tiếp tục chi viện cho miền Nam.

Câu 3. Điền niên đại thích hợp vào chỗ ô trống.

A. ...., miền Bắc căn bản hoàn thành việc tháo gỡ thủy lôi, bom mìn.
B. ...., về cơ bản miền Bắc khôi phục xong các cơ sở kinh tế, các hệ thống thủy nông.

C. ...., sản xuất công nghiệp, nông nghiệp trên một số mức quan trọng đã đạt mức năm 1964 và năm 1971.
D. ......, miền Bắc đưa vào các chiến trường miền Nam, Cam-pu-chia, Lào gần 20 vạn bộ đội.

Câu 4. Toán lính Mĩ cuối cùng rút khỏi nước ta ngày nào?

A. 25-3-1973　　B. 26-3-1973
C. 28-3-1973　　D. 29-3-1973

Câu 5. Âm mưu thâm độc nhất của Mĩ sau Hiệp định Pa-ri?

A. Rút quân Mĩ về nước.
B. Rút quân Đồng minh về nước.
C. Giữ lại hơn 2 vạn cố vấn quân sự.
D. Lập Bộ chỉ huy quân sự, tiếp tục viện trợ cho ngụy quyền Sài Gòn.

Câu 6. Điều nào sau đây chứng tỏ chính quyền, quân đội Sài Gòn phá hoại Hiệp định Pa-ri?

A. Tiến hành chiến dịch "tràn ngập lãnh thổ", mở những cuộc hành quân "bình định - lấn chiếm" vùng giải phóng.
B. Nhận viện trợ kinh tế của Mĩ.
C. Nhận viện trợ quân sự của Mĩ.
D. Lập Bộ chỉ huy quân sự.

Câu 7. Cuối 1974 đầu 1975, ta mở đợt hoạt động quân sự Đông - Xuân, trọng tâm ở đâu?

A. Đồng bằng Nam Bộ.　　B. Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ.
C. Trung bộ và Khu V.　　D. Mặt trận Trị - Thiên.

Câu 8. Thắng lợi tiêu biểu nhất trong các hoạt động quân sự Đông - Xuân 1974 - 1975 là gì?

A. Chiến thắng Đường 9 - Nam Lào.
B. Đánh bại cuộc hành quân "Lam Sơn 719" của Mĩ - Ngụy.
C. Chiến dịch Đường 14 - Phước Long.
D. Chiến dịch Tây Nguyên.

Câu 9. Sau Hiệp định Pa-ri, so sánh lực lượng giữa ta và địch đã thay đổi. Điều nào sau đây không đúng?

A. Quân Mĩ và Đồng minh rút về nước, ngụy quyền Sài Gòn mất chỗ dựa.
B. Viện trợ của Mĩ về quân sự, kinh tế, tài chính tăng gấp đôi.
C. Miền Bắc hòa bình có điều kiện đẩy mạnh sản xuất, tăng tiềm lực kinh tế, quốc phòng chi viện cho miền Nam.
D. Miền Nam vùng giải phóng được mở rộng, sản xuất đẩy mạnh, tăng nguồn lực tại chỗ.

Câu 10. Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 21 của Đảng, từ cuối 1973 đến 1-1975, quân dân ta ở miền Nam đã giành được nhiều thắng lợi. Thắng lợi nào sau đây chưa chính xác?

A. Đánh trả địch trong các cuộc hành quân "bình định - lấn chiếm".
B. Bảo vệ, mở rộng vùng giải phóng.
C. Giải phóng Đường 14, thị xã và toàn tỉnh Phước Long.
D. Giải phóng Buôn Ma Thuột.

Câu 11. Kế hoạch giải phóng miền Nam được Bộ Chính trị Trung ương Đảng đề ra trong 2 năm, đó là 2 năm nào?

A. 1972 - 1973 B. 1973 - 1974 C. 1974 - 1975 D. 1975 -1976

Câu 12. Chủ trương, kế hoạch giải phóng Miền Nam khẳng định tính đúng đắn và linh hoạt trong lãnh đạo của Đảng. Hãy chỉ ra tính nhân văn trong kế hoạch đó?

A. Trong năm 1975 tiến công địch trên quy mô rộng lớn.

B. Năm 1976, tổng khởi nghĩa, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

C. Nếu thời cơ đến đầu hoặc cuối 1975, thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975.

D. Tranh thủ thời cơ, đánh thắng nhanh để đỡ thiệt hại về người và của cho nhân dân, giữ gìn tốt cơ sở kinh tế, công trình văn hóa... giảm bớt sự tàn phá của chiến tranh.

Câu 13. Hoàn cảnh lịch sử nào là thuận lợi nhất để từ đó Đảng đề ra chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam?

A. Quân Mĩ và quân Đồng minh đã rút khỏi miền Nam, Ngụy mất chỗ dựa.

B. So sánh lực lượng thay đổi có lợi cho ta, nhất là sau chiến thắng Phước Long.

C. Khả năng chi viện của miền Bắc cho tiền tuyến miền Nam.

D. Mĩ cắt giảm viện trợ cho chính quyền Sài Gòn.

Câu 14. Bất kì trong tình huống nào, con đường giành thắng lợi của cách mạng miền Nam cũng là con đường bạo lực, ngoài ra không có con đường nào khác. Hãy nêu xuất xứ câu nói trên.

A. Trong Hội nghị lần thứ 15 của Đảng (1-1959).

B. Trong Hội nghị lần thứ 21 của Đảng (7-1973).

C. Trong Hội nghị Bộ Chính trị (30-9 đến 7-10- 973).

D. Trong Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng (18-12-1974 đến 8-1-1975).

Câu 15. Chiến dịch Đường 14- Phước Long nổ vào thời gian nào?

A. Ngày 6-1-1975. B. Ngày 8-1-1975.

C. Ngày 14-11-1974. D. Ngày 1- 2-1975.

Câu 16. Với thắng lợi Phước Long và tình hình chiến sự sau Phước Long, đã giúp Bộ Chính trị bổ sung và hoàn chỉnh kế hoạch giải phóng miền Nam như thế nào?

A. Giải phóng hoàn toàn miền Nam ngay trong năm 1975.

B. Tiến hành tổng công kích – tổng khởi nghĩa giải phóng miền Nam trong năm 1976.

C. Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975.

D. Đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam trong 2 năm (1975 - 1976), nhưng nhận định kể cả năm 1975 là thời cơ và chỉ thị rõ: "Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975".

Câu 17. Vì sao Hội nghị Bộ Chính trị 10-1974, quyết định chọn Tây Nguyên làm hướng tấn công chủ yếu trong năm 1975?

A. Tây Nguyên có vị trí chiến lược quan trọng, lực lượng địch tập trung dày đặc ở đây để bảo vệ miền Nam.

B. Tây Nguyên có vị trí chiến lược quan trọng, lực lượng địch tập trung ở đây mỏng, bố phòng có nhiều sơ hở.

C. Tây Nguyên có một căn cứ quân sự liên hợp mạnh nhất của Mĩ - Ngụy ở miền Nam.

D. Câu A và B đều đúng.

Câu 18. Ghi sự kiện vào niên đại sau đây cho phù hợp:

A. 4 - 3 - 1975:...

B. 10 - 3 - 1975...

C. 12 - 3 - 1975...

D. 14 - 3 - 1975...

E. 16 - 3 - 1975...

G. 24 - 3 - 1975...

Câu 19. Kết quả nào dưới đây thuộc kết quả của chiến dịch Tây Nguyên?

A. Tiêu diệt toàn bộ quân đoàn 2 trấn giữ Tây Nguyên, giải phóng toàn bộ Tây Nguyên rộng lớn với 60 vạn dân.

B. Tiêu diệt toàn bộ quân đoàn 4 trấn giữ Tây Nguyên và giải phóng toàn bộ Buôn Ma Thuột.

C. Tiêu diệt toàn bộ quân đoàn 3 trấn giữ Tây Nguyên và giải phóng toàn bộ Playcu, Kontum.

D. Tiêu diệt phần lớn quân đoàn 2 trấn giữ Tây Nguyên và giải phóng 1/2 diện tích Tây Nguyên với 4 vạn dân.

Câu 20. Ý nghĩa lớn nhất của chiến dịch Tây Nguyên là:

A. Là nguồn cổ vũ mạnh mẽ để quân dân ta tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Na

B. Làm cho tinh thần địch hốt hoảng, mất khả năng chiến đấu.

C. Chuyển cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước sang giai đoạn mới: Từ tiến công chiến lược phát triển thành tổng tiến công chiến lược trên toàn miền Nam.

D. Đó là thắng lợi lớn nhất, oanh liệt nhất trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta.

Câu 21. Tính từ lúc quân ta giải phóng Quảng Trị đến lúc giải phóng Đà Nẵng là bao nhiêu ngày?

A. 8 ngày. B.10 ngày. C. 15 ngày. D. 20 ngày.

Câu 22. Hãy điền niên đại vào sự kiện lịch sử dưới đây cho phù hợp:

A. ....Giải phóng Quảng Trị.

B. ....Giải phóng Thừa Thiên-Huế.

C. ....Giải phóng Đà Nẵng.

D. ....Giải phóng Quảng Ngãi.

E......................... .Giải phóng Tam Kì.

Câu 23. Sau khi thất thủ ở Tây Nguyên, Huế, Đà Nẵng, địch phải lùi về phòng thủ ở đâu?

A. Ở Cam Ranh. B. Ở Nha Trang. C. Ở Phan Rang. D. Ở Xuân Lộc.

Câu 24. "Thời cơ chiến lược mới đã đến, ta có điều kiện hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng miền Nam. . .". Đó là Nghị quyết nào của Đảng ta?

A. Hội nghị lần thứ 21 của Trung ương Đảng vào tháng 7-1973.

B. Hội nghị Bộ Chính trị họp từ 30-9 đến 7-10-1974.

C. Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng họp từ 18-12-1974 đến 8-1-1975.

D. Nghị quyết của Bộ Chính trị ngày 25-3-1975.

Câu 25. Tinh thần "Đi nhanh đến, đánh nhanh thắng" và khí thế "Thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng". Đó là tinh thần và khí thế ra quân của dân tộc ta trong:

A. Chiến dịch Tây Nguyên. B. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng.

C. Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. D. Tất cả các chiến dịch trên.

Câu 26. Xuân Lộc, một căn cứ phòng thủ trọng yếu của địch để bảo vệ Sài Gòn từ phía Đông, đã bị quân ta phá vỡ vào thời gian nào?

A. 9 - 4 - 1975. B. 16 - 4 - 1975. C. 17 - 4 -1975. D. 21 - 4 - 1975.

Câu 27. Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố từ chức Tổng thống sau ngày Tổng thống Pho của Mĩ ra lệnh di tản hết người Mĩ khỏi Sài Gòn. Đúng hay sai?

A. Đúng. B. Sai.

Câu 28. Từ lúc quân ta được lệnh nổ súng mở đầu cho chiến dịch Hồ Chí Minh đến khi giải phóng Sài Gòn - Gia Định là bao nhiêu ngày?

A. 5 ngày. B. 10 ngày. C. 15 ngày. D. 22 ngày.

Câu 29. Lúc 10 giờ 30 phút ngày 30- 4-1975, diễn ra sự kiện cơ bản nào ở Sài Gòn?

A. Dương Văn Minh kêu gọi "ngừng bắn để điều đình giao chính quyền".

B. Xe tăng ta tiến vào dinh Độc lập ngụy.

C. Lá cờ cách mạng tung bay trên phủ Tổng thống ngụy.

D. Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.

Câu 30. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975: mốc mở đầu và kết thúc?

A. Mở đầu 9-4-1975, kết thúc 30-4-1975.

B. Mở đầu 4-3-1975, kết thúc 30-4-1975.

C. Mở đầu 19-3-1975, kết thúc 2-5-1975.

D. Mở đầu 4-3-1975, kết thúc 2-5-1975.

Câu 31. Năm đời tổng thống Mĩ nối chân nhau điều hành qua 4 kế hoạch chiến lược thực dân mới và chiến tranh xâm lược của Mĩ . Vậy tổng thống nào ném chịu sự thất bại cuối cùng trong chiến tranh xâm lược Việt Nam?

A. Ních-xơn. B. Giôn-xơn. C. Pho. D. Ken-nơ-đi.

Câu 32. Ý nghĩa lớn nhất trong thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta là gì?

A. Chấm dứt vĩnh viễn ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc trên đất nước ta, rửa sạch nỗi nhục và nỗi đau mất nước hơn một thế kỉ.

B. Mở ra một kỉ nguyên mới cho lịch sử Việt Nam; cả nước độc lập thống nhất cùng xây dựng chủ nghĩa xã hội.

C. Là nguồn cổ vũ mạnh mẽ đối với phong trào cách mạng thế giới.

D. Câu A và B là ý nghĩa lớn nhất.

Câu 33. Nguyên nhân nào có tính chất quyết định đưa tới thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước?

A. Nhân dân ta có truyền thống yêu nước nồng nàn.

B. Sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng.

C. Có hậu phương vững chắc ở miền Bắc xã hội chủ nghĩa.

D. Sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa, tinh thần đoàn kết của nhân dân ba nước Đông Dương.

Câu 34. Hãy nối sự kiện ở cột B cho phù hợp với thời gian ở cột A sau đây:

A	B
1) Tháng 7 – 1973	A. Quân dân ta giải phóng thành phố Huế và toàn bộ tỉnh Thừa Thiên.
2) Ngày 6 – 1 – 1975	B. Quân ta giải phóng Buôn Ma Thuột.
3) Ngày 10 – 3 – 1975	C. Ban chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 21.
4) Ngày 12 – 3 – 1975	D. Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh rút toàn bộ quân khỏi Tây Nguyên.
5) Ngày 14 – 3 – 1975	E. Chiến thắng Phước Long.
6) Ngày 24 – 3 – 1975	F. Quân ta được lệnh nổ súng vượt phòng tuyến vòng ngoài của địch tấn công vào trung tâm Sài Gòn.
7) Ngày 26 – 3 – 1975	G. Quân ta giải phóng toàn bộ Tây Nguyên.
8) Ngày 26 – 4 - 1975	H. Địch phản công chiếm lại Buôn Ma Thuột như không thành.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 28

1. D 2. C

3. A: 6- 1973; B: Sau 2 năm 1973-1974;
C: Cuối 1974; D: Trong 2 năm 1973-1974.

4. D 5. D 6. A 7. B 8. C 9. B 10. D

11. D 12. D 13. B 14. B 15. A 16. B 17. B

18 A. Ta đánh nghi binh ở Playcu, Kontum nhằm thu hút địch vào hướng đó.

B. Quân ta tấn công vào thị xã Buôn Ma Thuột.

C. Quân địch mở cuộc phản công tái chiếm Buôn Ma Thuột nhưng bị đánh bại.

D. Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh rút khỏi Plâycu, Kontum và toàn bộ Tây Nguyên về giữ vùng duyên hải Nam Trung Bộ.

E. Quân ta được lệnh đánh chặn và truy kích địch trên đường chúng rút chạy khỏi Tây Nguyên.

G. Chiến dịch Tây Nguyên kết thúc.

19. A 20.C 21. B

22. A.19 - 3 - 1975; B. 26 - 3 -1975;
C. 29 - 3 - 1975; D. 25 - 3 - 1975 E. 24 - 3 - 1975.

23. C 24. D 25. C 26. D 27. A 28. A 29. B

30. D 31. C 32. D 33. B

34 1: C; 2: E; 3: B; 4: H; 5: D; 6: G; 7: A; 8: F.

Chương V. VIỆT NAM TỪ NĂM 1975 ĐẾN NĂM 2000

Bài 29. VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU SAU ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN 1975

I. CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1. Tình hình hai miền Bắc – Nam sau đại thắng mùa Xuân 1975 như thế nào?

** Miền Bắc:*

- Trải qua hơn hai mươi năm (1954-1975) tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, miền Bắc đạt được những thành tựu to lớn và toàn diện, đã xây dựng được những cơ sở vật chất - kĩ thuật ban đầu của chủ nghĩa xã hội.

- Nhưng cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của Mĩ hết sức ác liệt, đã tàn phá nặng nề gây hậu quả lâu dài đối với miền Bắc.

** Miền Nam:*

- Đã hoàn toàn giải phóng, chế độ thực dân mới của Mĩ cùng bộ máy chính quyền Sài Gòn ở trung ương bị sụp đổ, nhưng cơ sở chính quyền này ở địa phương cùng bao di hại xã hội vẫn còn tồn tại.

- Cuộc chiến tranh của Mĩ gây ra hậu quả nặng nề. Nhiều làng mạc, đồng ruộng bị tàn phá. Nửa triệu hécta ruộng đất bị bỏ hoang. Một triệu hécta bị chất độc hóa học và bom đạn cày xới. Vô số bom mìn còn vùi lấp trên các cánh đồng, ruộng vườn, nơi cư trú của nhân dân. Đội ngũ thất nghiệp có tới hàng triệu người. Số người mù chữ chiếm tỉ lệ lớn trong dân cư.

- Miền Nam có nhiều nền kinh tế trong chừng mực nhất định phát triển theo hướng tư bản, song về cơ bản vẫn mang tính chất của nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, sản xuất nhỏ và phân tán phát triển mất cân đối, lệ thuộc nặng nề vào viện trợ từ bên ngoài.

Câu 2. Hai miền Bắc – Nam khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội như thế nào?

- *Ở miền Bắc*, đến giữa năm 1976 mới căn bản hoàn thành nhiệm vụ và khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục kinh tế. Miền Bắc còn làm nghĩa vụ của căn cứ địa cách mạng cả và nghĩa vụ quốc tế đối với Lào, Cam-pu-chia trong giai đoạn mới

- *Ơ miền Nam,* công việc tiếp quản vùng mới giải phóng từ thành thị đến nông thôn, từ đất liền đến hải đảo, từ căn cứ quân sự đến các cơ sở sản xuất, hành chính, văn hóa được tiến hành khẩn trương.

+ Ở những vùng mới giải phóng, việc thành lập chính quyền cách mạng và đoàn thể quần chúng các cấp nhanh chóng thực hiện.

+ Hàng triện đồng bào ta trong thời gian chiến tranh bị dồn vào các "ấp chiến lược" hay bỏ chạy vào các thành phố không có việc làm được hồi hương, chuyển về nông thôn sản xuất hoặc đi xây dựng vùng kinh tế mới.

+ Chính quyền cách mạng tịch thu tài sản và ruộng đất của bọn phản động trốn ra nước ngoài, tuyên bố xóa bỏ hình thức bóc lột phong kiến, tiến hành điều chính ruộng đất trong nội bộ nông dân, quốc hữu hóa ngân hàng, thay đồng tiền cũ bằng đồng tiền mới của cách mạng.

Câu 3. Nêu những quyết định của Quốc hội khoá VI kì họp thứ nhất về nước Việt Nam thống nhất.

- Từ ngày 24-6 đến ngày 3-7-1976, Quốc hội nước Việt Nam thống nhất, họp kì đầu tiên tại Hà Nội.

+ Quốc hội thông qua chính sách đối nội và đối ngoại của nước Việt Nam thống nhất.

+ Quyết định tên nước là *Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam* (từ ngày 2-7-1976), quyết định Quốc huy, Quốc kì là cờ đỏ sao vàng, Quốc ca là *Tiến quân ca*, Thủ đô Hà Nội, thành phố Sài Gòn đổi tên là *Thành phố Hồ Chí Minh* .

+ Quốc hội bầu ra các cơ quan, chức vụ lãnh đạo cao nhất của nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bầu Ban dự thảo Hiến pháp .

- Với kết quả kì họp thứ nhất quốc hội khóa VI, công việc thống nhất đất nước về mặt Nhà nước đã hoàn thành. Từ đây việc tiếp tục hoàn thành thống nhất trên tất cả các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, văn hóa, xã hội sẽ gắn liền vơi việc thực hiện những nhiệm vụ của cách mạng xã hội chủ nghĩa trong phạm vi cả nước.

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Sau đại thắng mùa Xuân 1975, nhiệm vụ cấp thiết hàng đầu của cả nước ta là gì?

A. Khắc phục hậu quả chiến tranh và phát triển kinh tế.
B. Ổn định tình hình chính trị – xã hội ở miền Nam.
C. Thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước.
D. Mở rộng quan hệ giao lưu với các nước.

Câu 2. Nhiệm vụ trọng tâm của miền Bắc ngay sau 1975 là gì?

A. Hàn gắn vết thương chiến tranh.
B. Khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế - văn hóa.
C. Tiếp tục làm nhiệm vụ căn cứ địa của cách mạng cả nước.
D. Tiếp tục làm nghĩa vụ quốc tế đối với Lào và Cam-pu-chia.

Câu 3. Nhiệm vụ trọng tâm của miền Nam giai đoạn đầu sau 1975?

A. Thành lập chính quyền cách mạng và các đoàn thể quần chúng ở những vùng mới giải phóng.
B. Ổn định tình hình và khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế - văn hóa.
C. Tịch thu ruộng đất của bọn phản động, xóa bỏ bóc lột phong kiến.
D. Quốc hữu hóa ngân hàng.

Câu 4. Đến năm 1976, miền Bắc căn bản hoàn thành nhiệm vụ:

A. Khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục kinh tế.
B. Đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội.
C. Công nghiệp hoá, xây dựng cơ sở vật chất, kĩ thuật cho chủ nghĩa xã hội.
D. Tất cả các nhiệm vụ trên.

Câu 5. Sau năm 1975, miền Bắc còn làm nghĩa vụ quốc tế đối với:

A. Liên Xô, Trung Quốc. B. Các nước ở Đông Nam Á.
C. Đối với Lào, Cam-pu-chia. D. Các nước ở châu Á.

Câu 6. Ở miền Nam, ngay sau năm 1975, chính quyền cách mạng tuyên bố thành lập ở các thành phố nào?

A. Sài Gòn, Nha Trang, Đà Nẵng.
C. Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng.
C. Sài Gòn, Đà Nẵng, Huế.
D. Tất cả các thành phố trên.

Câu 7. Thuận lợi cơ bản nhất của đất nước sau 1975 là gì?

A. Nhân dân phấn khởi với chiến thắng vừa giành được.
B. Có miền Bắc XHCN, miền Nam hoàn toàn giải phóng.
C. Đất nước đã được độc lập, thống nhất.
D. Các nước XHCN tiếp tục ủng hộ ta.

Câu 8. Khó khăn cơ bản nhất của đất nước sau 1975 là gì?

A. Số người mù chữ, số người thất nghiệp chiếm tỷ lệ cao.
B. Bọn phản động trong nước vẫn còn.
C. Nền kinh tế nông nghiệp vẫn còn lạc hậu.
D. Hậu quả của chiến tranh và chủ nghĩa thực dân mới Mĩ để lại rất nặng nề.

Câu 9. Sau đại thắng mùa Xuân 1975, nhiệm vụ quan trọng cấp thiết hàng đầu của cả nước ta là gì?

A. Khắc phục hậu quả chiến tranh và phát triển kinh tế.
B. Ổn định tình hình chính trị - xã hội ở 2 miền Nam - Bắc.
C. Thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước.
D. Mở rộng quan hệ giao lưu với các nước.

Câu 10. Sự kiện nào là quan trọng nhất trong quá trình thống nhất đất nước về mặt Nhà nước sau 1975 ?

A. Hội nghị Hiệp thương của đại biểu 2 miền Bắc Nam tại Sài Gòn (11-1975).
B. Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung trong cả nước (25-4-1976).
C. Quốc hội khóa VI của nước Việt Nam thống nhất kì họp đầu tiên (24-6 đến 2-7-1976).
D. Đại hội thống nhất Mặt trận tổ quốc Việt Nam.

Câu 11. Cuộc tổng tuyển bầu Quốc hội chung của cả nước (25-4-1976) có ý nghĩa gì?

A. Lần thứ 2 cuộc tổng tuyển cử được tổ chức trong cả nước.
B. Kết quả thắng lợi của 30 năm chiến tranh giữ nước (1945 - 1975).
C. Là 1 bước quan trọng cho sự thống nhất đất nước về mặt Nhà nước.
D. Cả 3 ý trên đúng.

Câu 12. Quốc hội thống nhất cả nước là Quốc hội khóa mấy?

A. Khóa IV
B. Khóa V
B. Khóa VI
D. Khóa VII

Câu 13. Từ năm 1946 đến 1980, đã ba lần Quốc hội thông qua Hiến pháp, đó là những Hiến pháp nào?

A. Hiến pháp 1946; Hiến pháp 1959; Hiến pháp 1980.
B. Hiến pháp 1946; Hiến pháp 1960; Hiến pháp 1980.
C. Hiến pháp 1946; Hiến pháp 1975; Hiến pháp 1980.
D. Hiến pháp 1946; Hiến pháp 1976; Hiến pháp 1980.

Câu 14. Đến ngày 20-9-1977, nước ta trở thành hội viên thứ mấy của Liên Hiệp Quốc?

A.110.
B.149.
C.150.
D.160.

Câu 15. Tên nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua vào thời gian nào?

A. 21-11-1975.
B. 25- 4-1976.
C. 2- 7-1976.
D. 18-12-1980.

Câu 16. Người được bầu làm chủ tịch nước đầu tiên của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam là ai?

A. Hồ Chí Minh.
B. Tôn Đức Thắng.
C. Phạm Văn Đồng.
D. Trường Chinh.

Câu 17. Kì họp thứ I Quốc hội khóa VI có những quyết định nào liên quan với việc thống nhất đất nước về mặt Nhà nước?

A. Thống nhất tên nước, xác định Hà Nội là thủ đô của cả nước.
B. Bầu các cơ quan lãnh đạo cao nhất của cả nước.
C. Đổi tên thành phố Sài Gòn - Gia Định là thành phố Hồ Chí Minh.
D. A và B đúng.

Câu 18. Từ ngày 15 đến ngày 21 – 11 – 1975 gắn với sự kiện nào dưới đây?

A. Cuộc tổng tuyển cử của cả nước lần thứ nhất.
B. Cuộc tổng tuyển cử của cả nước lần thứ hai.
C. Hội nghị Hiệp thương thống nhất đất nước.
D. Quốc hội khóa VI của nước Việt Nam thống nhất.

Câu 19. Ngày 25-4-1976, Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung trong cả nước có bao nhiêu cử tri tham gia?

A. 20 triệu
B. 21 triệu
C. 22 triệu
D. 23 triệu

Câu 20. Việc thống nhất đất nước về mặt Nhà nước có ý nghĩa gì?

A. Đáp ứng nguyện vọng của mọi tầng lớp nhân dân.
B. Tạo điều kiện cho sự thống nhất dân tộc ở các lĩnh vực khác.
C. Tạo điều kiện thuận lợi để cả nước cùng nhau xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tiến lên chủ nghĩa xã hội.
D. Tất cả đều đúng.

Câu 21. Tại Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất đất nước ở Sài Gòn, đã nhất trí hoàn toàn các vấn đề gì?

A. Lấy tên nước là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
B. Chủ trương, biện pháp nhằm thống nhất đất nước về mặt Nhà nước.
C. Quốc kì là cờ đỏ sao vàng, Quốc ca là bài Tiến quân ca.
D. Đổi tên thành phố Sài Gòn - Gia Định là thành phố Hồ Chí Minh.

Câu 22. Điền niên đại vào các sự kiện sau:

1. 15-11-1975 A. .... Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung.
2. 24-6-1976 B. .... Quốc hội khóa VI bế mạc.
3. 2-7-1976 C. .... Hội nghị Hiệp thương chính trị bế mạc.
4. 21-11-1975 D. .... Hội nghị Hiệp thương chính trị tại Sài Gòn.
5. 25-4-1976 E. .... Quốc hội khóa VI họp tại Hà Nội.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 29

1. C 2. B 3. B 4. A 5. C 6. C 7. C 8. D
9. C 10. B 11. D 12. B 13. A 14. B 15. C 16. B
17. A 18. C 19. D 20. D 21. B 22. 1: D, 2: E, 3: B, 4: C, 5: D.

Bài 30. VIỆT NAM XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI, ĐẤU TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC (1976 – 1986)

I. CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1. Cách mạng Việt Nam chuyển sang cách mạng xã hội chủ nghĩa trong thời kì nào với những điều kiện gì?

- Sau thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước và hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước, cách mạng nước ta chuyển sang giai đoạn *đất nước độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.*

- Độc lập và thống nhất là điều kiện tiên quyết để đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Tiến lên chủ nghĩa xã hội sẽ đảm bảo cho độc lập dân tộc và thống nhất của đất nước thêm bền vững.

- Như vậy, độc lập và thống nhất không những gắn với nhau mà còn gắn với chủ nghĩa xã hội. Đó là con đường phát triển hợp quy luật của cách mạng nước ta.

Câu 2. Nhiệm vụ và mục tiêu kinh tế - xã hội của các kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 – 1980) và những thành tựu đạt được.

- *Nhiệm vụ và mục tiêu:*

+ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng Cộng sản Việt Nam họp từ ngày 14 đến ngày 20-12-1976 đã đề ra đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội trong phạm vi cả nước, đường lối chung cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng kinh tế trong thời kì quá độ.

+ Đại hội quyết định phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu của kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976-1980), là xây dựng xã hội chủ nghĩa, nhằm hai mục tiêu cơ bản: *xây dựng một bước cơ sở vật chất - kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội, bước đầu hình thành cơ cấu kinh tế mới trong cả nước mà bộ phận chủ yếu là cơ cấu công nghiệp - nông nghiệp và cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân lao động.*

- Thực hiện kế hoạch 15 năm, nhân dân ta đạt được những thành tựu quan trọng:

+ *Khôi phục và phát triển kinh tế:* Các cơ sở nông nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải về cơ bản đã được phục hồi và bước đầu phát triển. Năng lực sản xuất của các ngành kinh tế được nâng lên.

Trong *công nghiệp*, có nhiều nhà máy được gấp rút xây dựng, như các nhà máy xi măng, điện, cơ khí động lực, đường, giấy kéo, kéo sợi, *giao thông vận tải* được khôi phục và xây dựng mới 1700 kilômet đường sắt, 3800 kilômet đường bộ, 30 000 mét cầu, 4000 mét bến cảng, bổ sung thêm nhiều phương tiện vận tải. Tuyến đường sắt thống nhất từ Hà Nội đi thành phố Hồ Chí Minh sau 30 năm bị gián đoạn đã hoạt động trở lại.

+ *Cải tạo quan hệ sản xuất:* Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa được đẩy mạnh với tốc độ nhanh trong các vùng mới giải phóng ở miền Nam. Giai cấp tư sản mại bản bị xóa bỏ. Đại bộ phận nông dân miền Nam đi vào con đường làm ăn tập thể, tham gia những hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, như tổ đoàn kết sản xuất, tập đoàn sản xuất, hợp tác xã sản xuất.

+ *Văn hóa, giáo dục, y tế:* Ngành giáo dục mẫu giáo, giáo dục phổ thông, giáo dục đại học và trung học chuyên nghiệp phát triển mạnh, phong trào bình dân học vụ đã thu hút được nhiều người tham gia.

Mạng lưới các bệnh viện, phòng khám chữa bệnh, trạm y tế, nhà hộ sinh, cơ sở điều dưỡng được mở rộng. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao đã tạo thành phong trào quần chúng trong các địa phương, xí nghiệp, trường học.

Bên cạnh những thành tựu, chúng ta gặp rất nhiều khó khăn, hạn chế, nhất là trong lĩnh vực kinh tế - xã hội.

+ Kinh tế của ta mất cân đối lớn, kinh tế quốc doanh và tập thể trong sản xuất luôn bị thua lỗ, không phát huy được tác dụng;

+ Kinh tế tư nhân và cá thể bị ngăn cấm, không thể phát triển.

+ Sản xuất phát triển chậm, thu nhập quốc dân, năng suất lao động thấp, đời sống nhân dân gặp rất nhiều khó khăn.

Câu 3. Nhiệm vụ và mục tiêu kinh tế - xã hội của các kế hoạch Nhà nước 5 năm (1981 – 1985) và những thành tựu đạt được.

- *Nhiệm vụ và mục tiêu:*

+ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng họp từ ngày 27 đến ngày 31-3-1982 đề ra nhiệm vụ cách mạng giai đoạn tiếp theo nhằm xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa, hai nhiệm vụ chiến lược đó quan hệ mật thiết với nhau.

+ Đại hội khẳng định tiếp tục đường lối chung cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng kinh tế trong thời kì quá độ bắt đầu có sự điều chỉnh, bổ sung, phát triển, cụ thể hóa cho từng chặng đường, từng giai đoạn phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể.

+ Kế hoạch 5 năm có nhiệm vụ "*phát triển thêm một bước, sắp xếp lại cơ cấu và đẩy mạnh cải tại xã hội chủ nghĩa nền kinh tế quốc dân nhằm cơ bản ổn định tình hình kinh tế - xã hội, đáp ứng yêu cầu cấp bách thiết yếu nhất của đời sống nhân dân, giảm nhẹ sự mất cân đối nghiêm trọng của nền kinh tế.* "

- Thực hiện kế hoạch, nhân dân ta đạt được những thành tựu về tiến bộ đáng kể.

+ *Trong sản xuất nông nghiệp và công nghiệp* đã chặn được đà giảm sút của những năm 1976-1980.

+ *Về xây dựng cơ sở vật chất - kĩ thuật*, trong 5 năm đã hoàn thành hàng trăm công trình tương đối lớn, hàng nghìn công trình vừa và nhỏ, trong đó có những cơ sở quan trọng về điện, dầu khí, xi măng, cơ khí giao thông, thủy lợi, dệt... Các hoạt động khoa học - kĩ thuật được triển khai, góp phần thúc đẩy sản xuất , nhất là sản xuất nông nghiệp.

+ *Trong cải tại quan hệ sản xuất*, đại bộ phận nông dân miền Nam đi vào con đường làm ăn tập thể. Cùng với việc áp dụng những thành tựu về khoa học - kĩ thuật, việc thực hiện rộng rãi phương thức khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động theo địa Chỉ thị 100 (năm 1981) của Ban Bí Thư trung ương Đảng tuy chưa hoàn thiện và còn nhiều thiếu sót, song đã góp một phần quan trọng tạo nên bước phát triển sản xuất nông nghiệp, mở ra phương hướng đúng cho việc củng cố quan hệ kinh tế mới ở nông thôn.

+ *Chăm lo đời sống của nhân* là nhiệm vụ thường xuyên và hết sức khó khăn của Đảng và Nhà nước ta trong hoàn cảnh nền kinh tế còn yếu kém, thiên tai dồn dập, dân số tăng nhanh. Các nền kinh tế quốc dân đã có thu hút thêm 4 triệu lao động. Sự nghiệp văn hóa, giáo dục, ý tế, thể dục thể thao, văn học nghệ thuật phát triển và có những đóng góp nhất định vào việc xây dựng nền văn hóa mới, con người mới.

Câu 4. Cuộc đấu tranh chống bọn phản động Pôn Pốt, bảo vệ biên giới Tây – Nam diễn ra như thế nào?

- Do có âm mưu từ trước, tập đoàn Pôn Pốt - đại diện cho phái "Khơ-me đỏ" ở Cam-pu-chia lên nắm quyền sau thắng lợi trong kháng chiến chống Mĩ đã quay súng bắn vào nhân dân ta, người bạn chiến đấu thân thiết, thủy chung vừa góp phần làm nên chiến thắng ngày 17-4-1975 của nhân dân Cam-pu-chia.

- Quân Pôn Pốt mở đường cuộc hành quân khiêu khích, xâm phạm nhiều vùng lãnh thổ nước ta dọc biên giới từ Hà Tiên đến Tây Ninh. Ngày 3-5-1975, chúng cho quân đổ bộ đánh chiếm đảo Phú Quốc, đến ngày 10-5-1975 đánh chiếm đảo Thổ Chu.

- Từ tháng 4-1977, tập đoàn Pôn Pốt tăng cường những cuộc hành quân lấn chiếm lãnh thổ nước ta, từ những cuộc xung đột vũ trang lẻ tẻ chúng mở rộng dần thành cuộc chiến tranh lớn trên toàn tuyến biên giới Tây - Nam nước ta.

- Ngày 22-12-1978, tập đoàn Pôn Pốt huy động 19 sư đoàn bộ binh, cùng nhiều đơn vị pháo binh, xe tăng... đến biên giới phía đông, tiến vào khu vực bến sỏi thuộc tỉnh Tây Ninh, bắt đầu cuộc tiến công quy mô lớn, với ý đồ đánh chiếm thị xã Tây Ninh, mở đường tiến sâu vào lãnh thổ nước ta.

- Thực hiện quyền tự vệ chính đáng của mình, quân ta tổ chức phản công, tiêu diệt toàn bộ cánh quân xâm lược vào nước ta. Tiếp đó quân ta thừa thắng phát triển cuộc tiến công tiêu diệt làm tan rã đại bộ phận quân chủ lực của địch tại nơi xuất phát.

- Cuộc tiến công với quy mô lớn của tập đoàn Pôn Pốt hoàn toàn bị đập tan. Toàn bộ quân xâm lược bị đuổi khỏi bờ cõi nước ta, hòa bình lặp lại trên biên giới Tây Nam Tổ quốc.

Câu 5. Đấu tranh bảo vệ biên giới phía Bắc diễn ra như thế nào?

- Trung Quốc là nước láng giềng thân thiết của Việt Nam. Trong quá trình đấu tranh cách mạng, nhân dân hai nước đã từng gắn bó mật thiết, đoàn kết giúp đỡ nhau. Nhưng trong việc tập đoàn Pôn Pốt có hành động thù địch Việt Nam Trung Quốc lại đồng tình ủng hộ.

- Trung Quốc còn có những hành động làm tổn hại đến tình cảm giữa nhân dân hai nước, như cho quân khiêu khích quân sự dọc biên giới, dựng lên sự kiện "*nạn kiều*" cắt viện trợ, rút chuyên gia nhằm gây khó khăn cho Việt Nam. Nghiêm trọng hơn, từ sáng 17-2-1979, Trung Quốc cho quân đội với lực lượng 32 sư đoàn mở cuộc tiến công dọc biên giới phía Bắc nước ta từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Phong Thổ (Lai Châu) dài hơn nghìn cây số.

- Để bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc quân và dân ta, trực tiếp làm quân dân sáu tỉnh biên giới phía Bắc, đã đứng lên chiến đấu. Đến ngày 18-3-1979, quân Trung Quốc rút ra khỏi nước ta.

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội trong điều kiện như thế nào?

A. Đất nước đã hòa bình.
B. Miền Nam đã hoàn toàn giải phóng.
C. Đất nước độc lập, thống nhất.
D. Miền Bắc khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh.

Câu 2. Đại hội Đảng toàn quốc lần IV của Đảng Cộng sản Việt Nam họp vào lúc nào?

A. Từ 12 đến 18 - 12 - 1976.
B. Từ 14 đến 20 - 12 - 1976.
C. Từ 10 đến 20 - 12 - 1976.
D. Từ 15 đến 20 -12 -1976.

Câu 3. "Nước ta vẫn đang trong quá trình từ một xã hội mà nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa". Đó là đặc điểm lớn nhất được nêu ra trong Đại hội lần thứ mấy của Đảng?

A. Đại hội III.
B. Đại hội IV.
C. Đại hội V.
D. Đại hội VI.

Câu 4. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV (12-1976) có những quyết định quan trọng. Điều nào sau đây chưa phải là quyết định của Đại hội lần này?

A. Đổi tên Đảng Lao động Việt Nam thành Đảng Cộng sản Việt Nam.
B. Đề ra đường lối xây dựng CNXH trong cả nước.
C. Quyết định phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch nhà nước 5 năm (1976 - 1980).
D. Thực hiện đường lối đổi mới đất nước.

Câu 5. Nhiệm vụ cơ bản của kế hoạch 5 năm (1976 - 1980) là gì?

A. Khôi phục và phát triển kinh tế.
B. Cải thiện và nâng cao đời sống của nhân dân.
C. Vừa xây dựng đất nước, vừa cải tạo XHCN.
D. Xây dựng nền văn hóa mới.

Câu 6. Mục tiêu cơ bản của kế hoạch 5 năm (1975 - 1980) là gì?

A. Xây dựng một bước cơ sở vật chất - kĩ thuật của CNXH.
B. Cải tạo XHCN trong các vùng mới giải phóng ở miền Nam.
C. Cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân lao động.
D. A, C đúng.

Câu 7. Nền kinh tế của ta sau 5 năm vẫn còn mất cân đối, sản xuất phát triển chậm, thu nhập quốc dân và năng suất lao động thấp, đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn. Đó là những hạn chế của thời kì nào?

A. Thực hiện kế hoạch 5 năm lần 1 (1960 - 1965).
B. Thời kì khôi phục kinh tế miền Bắc (1968 - 1973).

C. Thực hiện kế hoạch 5 năm (1976 - 1980).

D. Thực hiện kế hoạch 5 năm (1981 - 1985).

Câu 8. Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng Cộng sản Việt Nam họp vào thời gian nào?

A. 27 đến 31 - 3 - 1980. B. 27 đến 31 - 3 - 1981.

C. 27 đến 31 - 3 - 1982. D. 27 đến 31 - 3 - 1985.

Câu 9. Đại hội lần thứ V của Đảng đã khẳng định điều gì?

A. Tiếp tục thực hiện đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa đã vạch ra từ Đại hội lần thứ IV.

B. Thực hiện công cuộc đổi mới đất nước.

C. Thực hiện công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

D. Tất cả đều đúng.

Câu 10. Kế hoạch 5 năm (1981 – 1985) do đại hội nào của Đảng đề ra?

A. Đại hội lần thứ III. B. Đại hội lần thứ IV.

C. Đại hội lần thứ V. C. Đại hội lần thứ VI.

Câu 11. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V (3 - 1982) có những quyết định quan trọng. Điều nào sau đây chưa phải là quyết định của Đại hội này?

A. Cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên CNXH.

B. Tiếp tục đường lối xây dựng CNXH trong phạm vi cả nước.

C. Thời kì quá độ lên CNXH ở nước ta phải trải qua nhiều chặng.

D. Phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch 5 năm (1981 -1985).

Câu 12. Điểm nào chưa phải là thành tựu chủ yếu của kế hoạch Nhà nước (1981-1985)?

A. Sản xuất lương thực tăng bình quân từ 13,4 triệu tấn trong thời kì 1976 - 1980 lên đến 17 triệu tấn.

B. Thu nhập quốc dân tăng bình quân hàng năm là 6,4 % so với 0,4 % trong thời kì 1976 - 1980.

C. Về cơ bản ổn định tình hình kinh tế - xã hội, ổn định đời sống nhân dân.

D. Hoàn thành hàng trăm công trình tương đối lớn.

Câu 13. Tình trạng khủng hoảng trầm trọng về kinh tế - xã hội của đất nước trong thời kì 1980 - 1985 được biểu hiện ở nhiều mặt. Điểm nào không đúng với thực tế nói trên?

A. Vấn đề lương thực chưa được giải quyết.

B. Đời sống nhân dân còn khó khăn, chưa ổn định.

C. Hàng tiêu dùng còn khan hiếm.

D. Văn hóa - giáo dục chưa được coi trọng.

Câu 14. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự khủng hoảng trầm trọng về kinh tế - xã hội trong những năm 1980 - 1985?

A. Do hậu quả chiến tranh.

B. Do sai lầm, khuyết điểm trong việc lãnh đạo, quản lý.

C. Do chính sách cấm vận của Mĩ.

D. Do quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc không bình thường.

Câu 15. Nguyên nhân của những khó khăn yếu kém trong việc thực hiện 2 kế hoạch 5 năm (1976 - 1980 và 1981 - 1985) là gì?

A. Do nền kinh tế nước ta vốn đã nghèo nàn lạc hậu lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề.

B. Do chính sách cấm vận của Mĩ đã làm cản trở quan hệ kinh tế giữa nước ta với các nước.

C. Sự khống chế, phá hoại của các lực lượng thù địch.

D. Cả 3 ý trên.

Câu 16. Mục tiêu của kế hoạch 5 năm (1981 - 1985) đề ra là "Về cơ bản ổn định tình hình kinh tế - xã hội, ổn định đời sống nhân dân" đã thực hiện được. Đúng hay sai.

A. Đúng B. Sai

Câu 17. Từ sau 30-4-1975, để bảo vệ an toàn lãnh thổ của Tổ quốc, Việt Nam phải đối đầu trực tiếp với những lực lượng nào?

A. Quân xâm lược Mĩ.

B. Tập đoàn Pôn Pốt (Cam-pu-chia).

C. Cuộc tiến công biên giới phía Bắc của quân Trung Quốc.

D. Câu B và C đúng.

Câu 18. Nối niên đại ở cột A với sự kiện ở cột B.

A	B
1. 17-4-1975	A. Chiến tranh xâm lược của "Khơ-me đỏ" biên giới Tây Nam bắt đầu.
2. 22-12-1978	B. Trung Quốc rút quân khỏi nước ta.
3. 17-2-1979	C. Trung Quốc bắt đầu rút quân.
4. 1978	D. Tập đoàn Pôn Pốt bắn vào nhân dân ta.
5. 5-3-1979	E. Trung Quốc cắt viện trợ, rút chuyên gia về nước.
6. 18-3-1979	F. Trung Quốc tấn công ta.

Câu 19. Ngày 3 – 5 – 1975, diễn ra sự kiện gì ở nước ta có liên quan đến việc chống quân Pôn Pốt?

A. Pôn Pốt cho quân đánh chiếm đảo Phú Quốc.

B. Pôn Pốt cho quân đánh chiếm đảo Thổ Chu.

C. Pôn Pốt cho quân đánh chiếm Hà Tiên.

D. Pôn Pốt cho quân đánh chiếm Tây Ninh.

Câu 20. Từ tháng 4 – 1877, tập đoàn Pôn Pốt mở rộng chiến tranh xâm lược vùng nào ở nước ta?

A. Toàn tuyến biên giới phía Bắc. B. Toàn tuyến biên giới Tây Nam.

C. Khắp các vùng đồng bằng Nam Bộ. D. Toàn tuyến biên giới Tây Bắc.

Câu 21. Chiến thắng biên giới Tây Nam của quân dân ta đã:

A. Tạo thời cơ thuận lợi để quét sạch tập đoàn phản động Pôn Pốt xâm lược nước ta.

B. Tạo thời cơ thuận lợi để giải phóng Cam-pu-chia.

C. Tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân Cam-pu-chia đánh đổ chế độ diệt chủng Pôn Pốt.

D. Tất cả cùng đúng.

Câu 22. Thủ đô Phnôm Pênh hoàn toàn giải phóng vào tời gian nào?

A. Ngày 7 – 1- 1979.
B. Ngày 17 – 1 – 1979.
C. Ngày 1 – 7 – 1979.
D. Ngày 11 – 7 – 1979.

Câu 23. Nước Cộng hoà Nhân dân Cam-pu-chia được thành lập vào thời gian nào?

A. Ngày 7 – 1 – 1979.
B. Ngày 17 – 1- 1979.
C. Ngày 10 – 7 – 1979.
D. Ngày 11 – 7 – 1979.

Câu 24. Trung Quốc mở cuộc tấn công dọc theo biên giới phía Bắc nước ta vào thời gian nào?

A. Ngày 17 – 2 – 1979.
B. Ngày 27 – 2 – 1979.
C. Ngày 12 – 7 – 1979.
D. Ngày 7 – 12 – 1979.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 30

1. C 2. B 3. B 4. D 5. C 6. D 7. C 8. C
9. A 10. C 11. A 12. C 13. D 14. B 15. D 16. B
17. D 18. 1: D, 2: A, 3: F, 4: C, 5: E, 6: B. 19. A 20. B 21. C
22. A 23. A 24. A

Bài 31. VIỆT NAM TRÊN CON ĐƯỜNG ĐỔI MỚI ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1986 – 2000)

I. CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1. Công cuộc đổi mới ở nước ta diễn ra trong hoàn cảnh nào?

- Trong hơn một thập kỉ thực hiện hai kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976-1985), cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta đạt được những thành tựu và ưu điểm đáng kể trên lĩnh vực của đời sống xã hội. Song cách mạng cũng gặp không ít khó khăn, đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng, trước hết là khủng hoảng kinh tế - xã hội. Một trong những nguyên nhân cơ bản của khó khăn, yếu kém là do mắc phải "sai lầm nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương, chính sách lớn, sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện".

- Để khắc phục sai lầm, khuyết điểm đưa đất nước vượt quan khủng hoảng và đấy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa tiến lên. Đảng và Nhà nước ta phải tiến hành đổi mới.

Như vậy, đổi mới là vấn đề cấp bách, có ý nghĩa sống còn đối với chủ nghĩa xã hội ở nước ta đồng thời là vấn đề phù hợp với xu thế chung của thời đại

Câu 2. Hãy trình bày đường lối đổi mới của Đảng ta từ Đại hội lần thứ VI.

Đường lối đổi mới của Đảng được đề ra đầu tiên tại Đại hội VI (12-1986), được điều chỉnh, bổ sung phát triển đại hội VII (6-1991), Đại hội VIII (6-1996), Đại hội IX (4-2001).

a) Đổi mới kinh tế:

- Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm phát huy sức mạnh của các thành phần kinh tế và tạo sức mạnh tổng hợp của nền kinh tế nhiều thành phần.

- Cải tạo quan hệ sản xuất, các thành phần kinh tế lạc hậu kìm hãm sự phát triển. Cải tạo đi đôi với sử dụng và thiết lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Cải tạo phải được coi là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục trong suốt thời kì quá độ.

- Xóa bỏ cơ chế quản lý kinh tế tập trung, bao cấp, hình thành cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

- Thực hiện chính sách mở cửa, mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, mở rộng sự phân công lao động và hợp tác kinh tế quốc tế, tích cực khai thác nguồn vốn, khai thác công nghệ khai thác thị trường

b) Đổi mới chính trị:

- Xây dựng lại Nhà nước xã hội chủ nghĩa, Nhà nước của nhân dân, do dân và vì dân lấy liên minh giai cấp công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng của Nhà nước do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

- Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

- Thực hiện quyền dân chủ của nhân dân, chuyên chính đối với mọi hành động xâm phạm lợi ích Tổ quốc của nhân dân.

- Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, tập hợp mọi lực lượng của dân tộc, phấn đấu sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

- Thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình, hữu nghị, hợp tác, "Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước".

Câu 3. Hãy nêu kết quả bước đầu của công cuộc đổi mới đất nước.

- Về lương thực, thực phẩm, từ chỗ thiếu ăn triền miên, chúng ta đã vươn lên đáp ứng nhu cầu trong nước, có dự trữ và xuất khẩu, góp phần quan trọng ổn định đời sống nhân dân và thay đổi cán cân xuất - nhập khẩu.

- Hàng hóa trên thị trường, nhất là hàng tiêu dùng, dồi dào, đa dạng và lưu thông tương đối thuận lợi.

- Kinh tế đối ngoại phát triển mạnh, mở rộng hơn trước về quy mô, hình thức... đã góp phần quan trọng vào việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội.

- Đã kìm chế được một bước đà lạm phát.

- Bước đầu hình thành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

- Những thành tựu, ưu điểm, tiến bộ đạt được chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng là đúng, bước đi của công cuộc đổi mới về cơ bản là phù hợp. Công cuộc đổi mới như một cuộc cách mạng, có thành tựu, ưu điểm, nhưng vẫn còn nhiều khó khăn.

Câu 4. Nhiệm vụ và mục tiêu của kế hoạch 5 năm 1991-1995, trong việc tiếp tục sự nghiệp đổi mới. Những tiến bộ và hạn chế của sự nghiệp đổi mới.

** Nhiệm vụ và mục tiêu:*

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (họp ngày 24 đến ngày 24-6-1991) đã tổng kết, đánh giá việc thực hiện đường lối đổi mới của Đại hội VI, đề ra chủ trương, nhiệm vụ nhằm kế thừa, phát huy những thành tựu, ưu điểm đã đạt được; khắc phục những khó khăn, yếu kém mắc phải trong bước đầu đổi mới; ngăn ngừa những lệch lạc phát sinh trong quá trình đó; điều chỉnh, bổ sung, phát triển đường lối đổi mới (đề ra Đại hội VI) để tiếp tục đưa sự nghiệp đổi mới đất nước tiến lên.

- Ngoài việc quyết định những nhiệm vụ cách mạng trong nhiệm kì, Đại hội VII của Đảng còn quyết định một số vấn đề về chiến lược lâu dài. Đó là thông qua "Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội" và "Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000".

- Xuất phát từ đặc điểm tình hình, căn cứ vào mục tiêu của chặng đường đầu thời kì quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội (đề ra Đại hội VI), Đại hội VII của Đảng đề ra nhiệm vụ, mục tiêu kinh tế - xã hội của kế hoạch 5 năm (1991-1995) là: Đẩy lùi và kiểm soát được lạm phát. Ổn định phát triển nâng cao hiệu quả nền sản xuất xã hội. Ổn định và từng bước cải thiện nâng cao đời sống nhân dân. Bắt đầu có tích lũy nội bộ kinh tế.

- Để thực hiện mục tiêu trên, phát huy sức mạnh của các thành phần kinh tế, đẩy mạnh Ba chương trình kinh tế với những nội dung cao hơn trước và từng bước xây dựng cơ cấu kinh tế theo yêu cầu công nghiệp hóa.

** Tiến bộ và hạn chế của sự nghiệp đổi mới:*

- Tiến bộ:

+ Nhịp độ phát triển kinh tế đẩy mạnh, nhiều mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm hoàn thành vượt mức.

+ Kinh tế đối ngoại phát triển, thị trường xuất nhập khẩu được mở rộng, nguồn vốn đầu tư của nước ngoài tăng nhanh.

+ Khoa học và công nghệ có bước phát triển mới, văn hóa xã hội có những chuyển biến tích cực.

+ Ổn định tình hình chính trị - xã hội được giữ vững, quốc phòng và an ninh được củng cố.

+ Mở rông quan hệ đối ngoại, phá thế bao vây, tham gia tích cực vào các hoạt động của cộng đồng quốc tế.

- Hạn chế:

+ Nước ta vẫn còn là một trong những nước nghèo nàn trên thế giới; lực lượng sản xuất nhỏ bé, cơ sở vật chất – kĩ thuật lạc hậu; trình độ khoa học – công nghệ chuyển biến chậm.

+ Tình trạng tham nhũng, lãng phí, buôn lậu, làm ăn phi pháp cũng như hiện tượng tiêu cực trong bộ máy nhà nước chưa được ngăn chặn triệt để.

+ Sự phân hoá giàu nghèo giữa các vùng, giữa thành thị và nông thôn, giữa các tầng lớp cư dân tăng nhanh. Đời sống của một bộ phận nhân dân, nhất là ở vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn.

Câu 5. Những thành tự và hạn chế trong thời kì đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa từ năm 1996 đến 2000.

- Những thành tựu đạt được:

+ Nền kinh tế vẫn giữ được nhịp độ tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch tích cực.

+ Cán cân đối chủ yếu trong nền kinh tế đã được điều chỉnh thích hợp.

+ Kinh tế đối ngoại phát triển.

+ Khoa học và công nghệ có bước chuyển biến tích cực. Giáo dục và đào tạo có bước phát triển mới cả về quy mô, chất lượng. Hình thức đào tạo và cơ sở vật chất.

+ Các lĩnh vực văn hóa - xã hội có bước phát triển đáng kể.

+ Tình hình chính trị - xã hội cơ bản ổn định; quốc phòng - an ninh được tăng cường; quan hệ đối ngoại không ngừng được mở rộng.

- Bên cạnh những thành tựu và ưu điểm, chúng ta gặp không ít khó khăn và yếu kém

+ Nếu nền kinh tế phát triển chưa vững chắc; năng suất lao động hiệu quả và sức cạnh tranh thấp.

+ Một số về văn hóa - xã hội bức xúc và gay gắt chậm được giải quyết.

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Trong quá trình thực hiện kế hoạch Nhà nước (1976 – 1985), đất nước ta vẫn còn có khó khăn nào?

A. Khủng hoảng về kinh tế - xã hội.
B. Khủng hoảng về chính trị - xã hội.
C. Khủng hoảng về kinh tế - chính trị.
D. Không hề còn khó khăn.

Câu 2. Những tác động nào đòi hỏi Đảng và Nhà nước ta phải tiến hành đổi mới?

A. Tác động của cách mạng khoa học – kĩ thuật.
B. Cuộc khủng hoảng toàn diện của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.
C. Tác động của hệ thống tư bản chủ nghĩa trên toàn thế giới.
D. Câu A và B đúng.

Câu 3. Đường lối đổi mới của Đảng ta được đề ra đầu tiên tại Đại hội:

A. Đại hội lần thứ V.
B. Đại hội lần VI.
C. Đại hội lần VII.
D. Đại hội lần VIII.

Câu 4. Hoàn cảnh nào đưa đến việc Đảng ta phải thực hiện đường lối đổi mới?

A. Đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng.
B. Do những sai lầm nghiêm trọng về chủ trương, chính sách, chỉ đạo và tổ chức thực hiện.
C. Những thay đổi của tình hình thế giới, nhất là trước sự khủng hoảng ngày càng trầm trọng ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.
D. Cả 3 ý trên.

Câu 5. Đường lối đổi mới của Đảng được điều chỉnh, bổ sung, phát triển tại các kì đại hội nào của Đảng?

A. Đại hội IV; Đại hội V; Đại hội VI.
B. Đại hội V; Đại hội VI; Đại hội VII.
C. Đại hội VI; Đại hội VII; Đại hội VIII.
D. Đại hội VII; Đại hội VIII; Đại hội IX.

Câu 6. Đại hội lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam họp vào thời gian nào?

A. 15 đến 18 - 12 - 1985.
B. 10 đến 18 - 12 - 1986.
C. 15 đến 18 - 12 – 1986
D. 20 đến 25 - 12 - 1986.

Câu 6. Mục tiêu của ba chương trình kinh tế: lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, được đề ra trong Đại hội nào của Đảng?

A. Đại hội IV.
B. Đại hội V.
C. Đại hội VI.
D. Đại hội VII.

Câu 7. Chủ trương đổi mới của Đại hội Đảng lần VI là gì?

A. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.
B. Thực hiện công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.
C. Phát triển nền kinh tế theo cơ chế thị trường.
D. Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

Câu 8. Điền những từ thích hợp vào câu sau đây: Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu chủ nghĩa xã hội mà là..

A. Làm cho chủ nghĩa xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.
B. Làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả.
C. Làm cho mục tiêu đã đề ra nhanh chóng được thực hiện.
D. Làm cho mục tiêu đã đề ra phù hợp với thực tiễn đất nước.

Câu 9. Trong những thành tựu quan trọng bước đầu của công cuộc đổi mới, thành tựu nào quan trọng nhất?

A. Thực hiện được ba chương trình kinh tế.
B. Phát triển kinh tế đối ngoại.
C. Kiềm chế được lạm phát.
D. Từng bước đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội.

Câu 10. Đường lối đổi mới của Đảng được hiểu như thế nào là đúng?

A. Đổi mới là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa.
B. Đổi mới không phải thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa.
C. Mục tiêu xã hội chủ nghĩa được thực hiện có hiệu quả bằng những quan điểm đúng đắn về chủ nghĩa xã hội, những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp.
D. B và C đúng.

Câu 11. Quan điểm đổi mới của Đảng ta tại Đại hội Đảng VI?

A. Đổi mới về kinh tế. B. Đối mới về chính trị.
C. Đổi mới về văn hóa. D. Đổi mới toàn diện và đồng bộ.

Câu 12. Đại hội Đảng VI đã xác định rõ quan điểm đổi mới của Đảng CSVN là đổi mới toàn diện và đồng bộ, nhưng quan trọng nhất là gì?

A. Đổi mới về chính trị. B. Đối mới về kinh tế và chính trị.
C. Đổi mới về kinh tế. D. Đổi mới về văn hóa.

Câu 13. Công cuộc đổi mới đất nước đã được định hình từ Đại hội lần thứ V của Đảng. Đúng hay sai.

A. Đúng B. Sai.

Câu 14. Trong số 3 chương trình kinh tế của kế hoạch 5 năm (1986 - 1990), chương trình nào phải được đưa lên hàng đầu?

A. Lương thực, thực phẩm. B. Hàng xuất khẩu.
C. Hàng tiêu dùng. D. Câu A và B đúng.

Câu 19. Hoàn thiện các hình thức khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động nhằm mục đích gì là chủ yếu nhất?

A. Để tiện lợi cho việc sản xuất.
B. Để giải phóng sức lao động ở nông thôn.
C. Để dễ dàng loại bỏ một số hiện tượng tiêu cực.
D. Để khuyến khích sản xuất ở nông thôn.

Câu 16. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng ta họp vào thời gian nào?

A. Từ ngày 20 đến ngày 27 tháng 6 năm 1991.
B. Từ ngày 24 đến ngày 27 tháng 6 năm 1991.
C. Từ ngày 24 đến ngày 28 tháng 7 năm 1991.
D. Từ ngày 26 đến ngày 29 tháng 7 năm 1991.

Câu 17. Ngoài việc quyết định những nhiệm vụ cách mạng trong nhiệm kì, Đại hội lần thứ VII của Đảng còn thông qua cương lĩnh gì?

A. Cương lĩnh phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.
B. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội.
C. Cương lĩnh về ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000.
D. Cương lĩnh về xây dựng đất nước trong thời kì đổi mới.

Câu 18. Tác động cơ bản của tình hình thế giới đối với nước ta trong nhiệm kì Đại hội lần thứ VII là gì?

A. Những thay đổi ở Liên Xô và Đông Âu.
B. Những thành tựu của cách mạng khoa học – kĩ thuật.
C. Những biến động của các nước tư bản chủ nghĩa.
D. Những biến động của các nước ở khu vực Đông Nam Á.

Câu 19. Nhiệm vụ và mục tiêu nào dưới đây không phải là nhiệm vụ và mục tiêu của kế hoạch 5 năm (1991 - 1995)?

A. Đẩy lùi và kiểm soát được lạm phát.
B. Ổn định, phát triển và nâng cao hiệu quả nền sản xuất.
C. Ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân.
D. Thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Câu 20. Ngày 11 – 7 – 1995, diễn ra sự kiện gì có gắn với chính sách đối ngoại của Đảng ta trong thời kì đổi mới?

A. Việt Nam chính thức gia nhập Hiệp hội các nước Đông Nam Á.
B. Việt Nam và Hoa Kì thiết lập quan hệ ngoại giao.
C. Việt Nam trở thành thành viên của Liên Hiệp Quốc.
D. Việt Nam thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước EU.

Câu 21. Ngày 28 – 7 – 1995, diễn ra sự kiện gì có gắn với chính sách đối ngoại của Đảng ta trong thời kì đổi mới?

A. Việt Nam chính thức gia nhập Hiệp hội các nước Đông Nam Á.
B. Việt Nam và Hoa Kì thiết lập quan hệ ngoại giao.
C. Việt Nam tuyên bố "muốn là bạn" với các nước".
D. Việt Nam thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước Tây Âu.

Câu 22. Đại hội đại biểu toàn quốc lần VIII của Đảng ta vào thời gian nào?

A. Từ ngày 21 – 6 đến ngày 1 – 7 – 1996.
B. Từ ngày 28 – 6 đến ngày 11 – 7 – 1996.
C. Từ ngày 28 – 6 đến ngày 1 – 7 – 1996.
D. Từ ngày 28 – 6 đến ngày 10 – 7 – 1996.

Câu 23. Đại hội lần thứ VIII của Đảng nhấn mạnh vấn đề gì?

A. Nước ta đang chuyển sang thời kì mới, thời kì đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

B. Nước ta đã thoát khỏi tình trạng khủng hoảng.
C. Nước ta đang thực hiện xóa đói, giảm nghèo.
D. Nước ta đang ra sức đẩy mạnh xuất khẩu lương thực.

Câu 24. "Đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ, tiếp tục phát triển kinh tế nhiều thành phần...", đó là mục tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội trong thời gian:

A. Từ năm 1986 đến năm 1990.   B. Từ năm 1996 đến năm 2000.
C. Từ năm 2000 đến 2005.   D. Từ năm 2001 đến 2005.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 31

1. A   2. D   3. B   4. D   5. D   6. C   7. D   8. B
9. D   10. D   11. D   12. C   13. B   14. A   15. B   16. B
17. B   18. A   19. D   20. B   21. A   22. C   23. A   24. B

TỔNG KẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM 1919 - 1991

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Hãy trình bày những sự kiện lịch sử nổi bật trong giai đoạn 1919-1930.

- Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai (1919-1929) của Pháp đã làm chuyển biến tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam, tạo cơ sở xã hội (giai cấp), điều kiện chính trị (phong trào yêu nước) để tiếp thu nguồn tư tưởng cách mạng vô sản.

- Nguyễn Ái Quốc và một số nhà yêu nước khác đến với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin và bài học Cách mạng tháng 10 về nước đã làm chuyển biến phong trào yêu nước chống Pháp từ lập trường tư sản sang lập trường vô sản.

- Phong trào yêu nước chống Pháp của bộ phận lớn tiểu tư sản và tổ chức, chuyển sang lập trường vô sản, cùng với phong trào công nhân chuyển sang tự giác, đòi hỏi có Đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo. Ba tổ chức cộng sản ra đời vào nửa sau năm 1929 từ hai tổ chức yêu nước - cách mạng (Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên và Tân Việt Cách mạng đảng) rồi thống nhất thành một Đảng duy nhất. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời năm 1930 đáp ứng yêu cầu đó.

Câu 2. Những thắng lợi của cách mạng Việt Nam từ 1930 đến 1975.

- Tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế trên thế giới 1929-1933 cùng với cuộc "khủng bố trắng" của Pháp sau khởi nghĩa Yên Bái (9-2-1930), đã làm bùng bổ phong trào cách mạng của quần chúng cả nước trong những năm 1930-1931. Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đưa phong trào lên tới đỉnh cao với sự thành lập Xô viết ở Nghệ Tĩnh. Phong trào từ cuối năm 1931 đi vào thoái trào, cách mạng Việt Nam chuyển sang đấu tranh nhằm phục hồi phong trào (1932-1935).

- Trong bối cảnh lịch sử những năm 1936-1939, khi chủ nghĩa phát xít xuất hiện, đe dọa hòa bình thế giới và phong trào chống phát xít ở Pháp giành thắng lợi bước đầu, ở nước ta dấy lên phong trào đấu tranh công khai rộng lớn. Phong trào đã thu hút đông đảo quần chúng tham gia dưới sự lãnh đạo của Đảng, đấu tranh đòi tự do dân sinh, dân chủ, cơm áo, hòa bình. Đây là phong trào quần chúng có mục tiêu, hình thức đấu tranh mới mẻ ở nước ta và rất hiếm có ở một nước thuộc địa.

- Cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945) đã tác động đến toàn thế giới. Cuộc chiến đấu của nhân dân Liên Xô và các lực lượng dân chủ thế giới chống phát xít thắng lợi đã tạo điều kiện thuận lợi cho cách mạng nước ta và nhiều nước tiến lên giải phóng dân tộc.

- Đầu năm 1941, Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng, tại Hội nghị Trung ương 8 (5-1941) đã hoàn chỉnh chủ trương chuyển hướng đấu tranh đề ra tại Hội nghị Trung ương 6 (11-1939): Giương cao hơn nữa ngọn cờ giải phóng dân tộc, giải quyết vấn đề dân tộc trong phạm vi từng nước ở Đông Dương. Từ đây, cách mạng nước ta đẩy mạnh chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền.

- Khởi nghĩa giành chính quyền đưa đến thắng lợi Cách mạng tháng Tám 1945 là kết quả của quá trình chuẩn bị và tập dượt trong 15 năm từ khi Đảng ra đời. Đảng đã lãnh đạo cuộc đấu tranh qua nhiều thời kìm toàn diện và trực tiếp nhất là thời kì tiến tới chuẩn bị tổng khởi nghĩa 1939-1945. Cuộc khởi nghĩa thắng lợi, chính quyền về tay nhân dân, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập.

- Trong hơn năm đầu sau Cách mạng tháng Tám, đất nước gặp muôn vàng khó khăn thử thách, tình thế hết sức hiểm nghèo khác nào *"ngàn cân treo sợi tóc"*. Nhân dân ta vừa xây dựng chính quyền cách mạng, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, giải quyết nạn đói, nạn dốt và những khó khăn về tài chính, vừa đấu tranh chống ngoại xâm nội phản, bảo vệ nền độc lập. Từ cuối năm 1946, toàn dân ta tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trên phạm vi cả nước.

- Cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954) tiến hành trong điều kiện nước ta đã giành được độc lập và chính quyền. Vì vậy, vừa kháng chiến vừa kiến quốc là hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng nước ta trong giai đoạn này:

+ Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, và từ năm 1950 chống cả sự can thiệp của đế quốc Mĩ, trải qua hai giai đoạn *phòng ngự* (từ đầu đến trước chiến dịch Biên giới thu-đông 1950) và *tiến công* (từ chiến dịch biên giới thu-đông 1950). Điện Biên Phủ là trận thắng quyết định đi đến việc kí kết Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 về Đông Dương.

+ Công cuộc kiến quốc nhằm xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân, phục vụ kháng chiến, phục vụ dân sinh tạo điều kiện tiến lên chủ nghĩa xã hội sau khi chiến tranh kết thúc.

- Xuất phát từ tình hình đất nước bị tạm thời chia cắt làm hai miền, Đảng đề ra nhiệm vụ cho cách mạng hai miền, mối quan hệ giữa cách mạng khác nhau và nhiệm vụ chung cho cách mạng hai miền, mối quan hệ giữa cách mạng hai miền. Nhiệm vụ chung, đó là *"nhiệm vụ kháng chiến chống Mĩ cứu nước"*.

- *Ở miền Nam*, tiến hành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân phát triển lên *khởi nghĩa* (từ 1959-1960) rồi *chiến tranh giải phóng* (từ giữa 1961), kết hợp khởi nghĩa với chiến tranh qua 5 thời kì ta lần lượt đánh bại 4 chiến lược thống trị và xâm lược thực dân mới của Mĩ 1954-1960 đánh bại chiến lược "Chiến tranh đơn phương" của Ai-xen-hao; 1961-1965 đánh bại "Chiến tranh đặc biệt" của Ken-nơ-đi; 1965-1968 đánh bại chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Giôn-xơn;

B. Nước ta đã thoát khỏi tình trạng khủng hoảng.
C. Nước ta đang thực hiện xóa đói, giảm nghèo.
D. Nước ta đang ra sức đẩy mạnh xuất khẩu lương thực.

Câu 24. "Đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ, tiếp tục phát triển kinh tế nhiều thành phần...", đó là mục tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội trong thời gian:

A. Từ năm 1986 đến năm 1990.
B. Từ năm 1996 đến năm 2000.
C. Từ năm 2000 đến 2005.
D. Từ năm 2001 đến 2005.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 31

1. A 2. D 3. B 4. D 5. D 6. C 7. D 8. B
9. D 10. D 11. D 12. C 13. B 14. A 15. B 16. B
17. B 18. A 19. D 20. B 21. A 22. C 23. A 24. B

TỔNG KẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM 1919 - 1991

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Hãy trình bày những sự kiện lịch sử nổi bật trong giai đoạn 1919-1930.

- Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai (1919-1929) của Pháp đã làm chuyển biến tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam, tạo cơ sở xã hội (giai cấp), điều kiện chính trị (phong trào yêu nước) để tiếp thu nguồn tư tưởng cách mạng vô sản.

- Nguyễn Ái Quốc và một số nhà yêu nước khác đến với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin và bài học Cách mạng tháng 10 về nước đã làm chuyển biến phong trào yêu nước chống Pháp từ lập trường tư sản sang lập trường vô sản.

- Phong trào yêu nước chống Pháp của bộ phận lớn tiểu tư sản và tổ chức, chuyển sang lập trường vô sản, cùng với phong trào công nhân chuyển sang tự giác, đòi hỏi có Đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo. Ba tổ chức cộng sản ra đời vào nửa sau năm 1929 từ hai tổ chức yêu nước - cách mạng (Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên và Tân Việt Cách mạng đảng) rồi thống nhất thành một Đảng duy nhất. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời năm 1930 đáp ứng yêu cầu đó.

Câu 2. Những thắng lợi của cách mạng Việt Nam từ 1930 đến 1975.

- Tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế trên thế giới 1929-1933 cùng với cuộc "khủng bố trắng" của Pháp sau khởi nghĩa Yên Bái (9-2-1930), đã làm bùng bổ phong trào cách mạng của quần chúng cả nước trong những năm 1930-1931. Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đưa phong trào lên tới đỉnh cao với sự thành lập Xô viết ở Nghệ Tĩnh. Phong trào từ cuối năm 1931 đi vào thoái trào, cách mạng Việt Nam chuyển sang đấu tranh nhằm phục hồi phong trào (1932-1935).

- Trong bối cảnh lịch sử những năm 1936-1939, khi chủ nghĩa phát xít xuất hiện, đe dọa hòa bình thế giới và phong trào chống phát xít ở Pháp giành thắng lợi bước đầu, ở nước ta dấy lên phong trào đấu tranh công khai rộng lớn. Phong trào đã thu hút đông đảo quần chúng tham gia dưới sự lãnh đạo của Đảng, đấu tranh đòi tự do dân sinh, dân chủ, cơm áo, hòa bình. Đây là phong trào quần chúng có mục tiêu, hình thức đấu tranh mới mẻ ở nước ta và rất hiếm có ở một nước thuộc địa.

- Cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945) đã tác động đến toàn thế giới. Cuộc chiến đấu của nhân dân Liên Xô và các lực lượng dân chủ thế giới chống phát xít thắng lợi đã tạo điều kiện thuận lợi cho cách mạng nước ta và nhiều nước tiến lên giải phóng dân tộc.

- Đầu năm 1941, Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng, tại Hội nghị Trung ương 8 (5-1941) đã hoàn chỉnh chủ trương chuyển hướng đấu tranh đề ra tại Hội nghị Trung ương 6 (11-1939): Giương cao hơn nữa ngọn cờ giải phóng dân tộc, giải quyết vấn đề dân tộc trong phạm vi từng nước ở Đông Dương. Từ đây, cách mạng nước ta đẩy mạnh chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền.

- Khởi nghĩa giành chính quyền đưa đến thắng lợi Cách mạng tháng Tám 1945 là kết quả của quá trình chuẩn bị và tập dượt trong 15 năm từ khi Đảng ra đời. Đảng đã lãnh đạo cuộc đấu tranh qua nhiều thời kìm toàn diện và trực tiếp nhất là thời kì tiến tới chuẩn bị tổng khởi nghĩa 1939-1945. Cuộc khởi nghĩa thắng lợi, chính quyền về tay nhân dân, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập.

- Trong hơn năm đầu sau Cách mạng tháng Tám, đất nước gặp muôn vàng khó khăn thử thách, tình thế hết sức hiểm nghèo khác nào *"ngàn cân treo sợi tóc"*. Nhân dân ta vừa xây dựng chính quyền cách mạng, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, giải quyết nạn đói, nạn dốt và những khó khăn về tài chính, vừa đấu tranh chống ngoại xâm nội phản, bảo vệ nền độc lập. Từ cuối năm 1946, toàn dân ta tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trên phạm vi cả nước.

- Cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954) tiến hành trong điều kiện nước ta đã giành được độc lập và chính quyền. Vì vậy, vừa kháng chiến vừa kiến quốc là hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng nước ta trong giai đoạn này:

+ Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, và từ năm 1950 chống cả sự can thiệp của đế quốc Mĩ, trải qua hai giai đoạn *phòng ngự* (từ đầu đến trước chiến dịch Biên giới thu-đông 1950) và *tiến công* (từ chiến dịch biên giới thu-đông 1950). Điện Biên Phủ là trận thắng quyết định đi đến việc kí kết Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 về Đông Dương.

+ Công cuộc kiến quốc nhằm xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân, phục vụ kháng chiến, phục vụ dân sinh tạo điều kiện tiến lên chủ nghĩa xã hội sau khi chiến tranh kết thúc.

- Xuất phát từ tình hình đất nước bị tạm thời chia cắt làm hai miền, Đảng đề ra nhiệm vụ cho cách mạng hai miền, mối quan hệ giữa cách mạng khác nhau và nhiệm vụ chung cho cách mạng hai miền, mối quan hệ giữa cách mạng hai miền. Nhiệm vụ chung, đó là *"nhiệm vụ kháng chiến chống Mĩ cứu nước"*.

- *Ở miền Nam,* tiến hành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân phát triển lên *khởi nghĩa* (từ 1959-1960) rồi *chiến tranh giải phóng* (từ giữa 1961), kết hợp khởi nghĩa với chiến tranh qua 5 thời kì ta lần lượt đánh bại 4 chiến lược thống trị và xâm lược thực dân mới của Mĩ 1954-1960 đánh bại chiến lược "Chiến tranh đơn phương" của Ai-xen-hao; 1961-1965 đánh bại "Chiến tranh đặc biệt" của Ken-nơ-đi; 1965-1968 đánh bại chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Giôn-xơn;

1969-1973 đánh bại hoàn toàn chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Ních-xơn và Pho, tiến lên *"Đánh cho ngụy nhào"*.

- *Ở miền Bắc*, thực hiện những nhiệm vụ của cách mạng trong thời kì quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội là sản xuất, lao động xây dựng, và khi Mĩ mở rộng chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân thì miền Bắc kết hợp chiến đấu và sản xuất. Đồng thời nhân dân miền Bắc còn làm nhiệm vụ của hậu phương chi viện cho tiền tuyến miền Nam và thực hiện nhiệm vụ quốc tế đối với Lào, Cam-pu-chia. Miền Bắc đã giành thắng lợi trong cuộc chiến đấu chống cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mĩ: lần thứ nhất bắt đầu từ ngày 5-8-1964, chính thức ngày 7-2-1965 đến ngày 1-11-1968; lần thứ hai bắt đầu ngày 6-4-1972, chính thức từ ngày 16-4-1972 đến ngày 15-1-1973.

- Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 đã giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, sau đó đưa cả nước tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Câu 3. Nêu nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm của cách mạng Việt Nam.

* *Nguyên nhân thắng lợi:*

- Nhân dân ta đoàn kết một lòng, giàu lòng yêu nước lao động cần cù sáng tạo, chiến đấu kiên cường vì độc lập tự do. Truyền thống đó của dân tộc được phát huy cao độ trong thời kì cách mạng do Đảng lãnh đạo.

- Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đại diện tiêu biểu cho quyền lợi của giai cấp và dân tộc. Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng với đường lối cách mạng đúng đắn, sáng tạo, độc lập, tự chủ là nhân tố thắng lợi hàng đầu, chi phối các nhân tố khác của cách mạng Việt Nam.

* *Bài học kinh nghiệm:*

- Nắm vững được ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, một bài học xuyên suốt quá trình cách mạng nước ta.

- Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì dân. Nhân dân là người làm nên thắng lợi lịch sử.

- Không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết: đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế.

- Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế.

- Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. GIAI ĐOẠN 1919 –1930:

Câu 1. Dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp làm cho xã hội Việt Nam có những mâu thuẫn cơ bản nào?

A. Mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp; mâu thuẫn giữa giai cấp nông dân với bọn địa chủ phong kiến.

B. Mâu thuẫn giữa nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp.

C. Mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân và nông dân Việt Nam với thực dân Pháp.

D. Mâu thuẫn giữa công nhân Việt Nam với đế quốc Pháp.

Câu 2. So với phong trào đấu tranh của công nhân Việt Nam trong những năm 1919-1925 thì phong trào công nhân trong những năm 1926-1929 có những điểm nào tiến bộ?

A. Đấu tranh đòi tăng lương giảm giờ làm.

B. Đấu tranh đòi nhỉ ngày chủ nhật có lương.

C. Đấu tranh đòi tất cả các quyền lợi về kinh tế.

D. Đấu tranh đòi quyền lợi về kinh tế kết hợp với đòi quyền lợi về chính trị.

Câu 3. Trong những năm 1919-1925 có sự kiện lịch sử nào tiêu biểu gắn với hoạt động của Nguyễn Ái Quốc?

A. Nguyễn Ái Quốc tìm đến Cách mạng tháng Mười Nga.

B. Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác –Lê-nin tìm ra con đường cứu nước đúng đắn.

C. Nguyễn Ái Quốc đưa yêu sách đến Hội nghị Vec-xay.

D. Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Liên hiệp thuuộc địa.

Câu 4. Đông Dương Cộng sản đảng và An Nam Cộng sản đảng ra đời từ các tổ chức chính trị nào?

A. Việt Nam Quốc dân đảng B. Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên

C. Tân Việt Cách mạng đảng. D. Cả ba tổ chức trên.

Câu 5. Sự kiện nào dưới đây gắn liền với hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở Liên Xô trong những năm 1923-1924?

A. Tham dự Đại hội lần thứ V của Quốc tế Cộng sản.

B. Thành lập Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên.

C. Thành lập Hội Liên hiệp thuộc địa.

D. Viết "Bản án chế độ thực dân Pháp".

Câu 6. Khi Cách mạng tháng Mười Nga thành công, Nguyễn Ái Quốc lần lượt đi đến các nước nào trong thời gian 1917-1927?

A. Pháp, Liên Xô, Trung Quốc. B. Pháp, Liên Xô, Việt Nam.

C. Pháp, Trung Quốc, Việt Nam. D. Liên Xô, Trung Quốc, Việt Nam.

Câu 7. Công lao đầu tiên to lớn nhất của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1911-1930 là gì?

A. Từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác – Lê-nin, tìm ra con đường cứu nước đúng đắn.

B. Thành lập Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên.

C. Hợp nhất ba tổ chức cộng sản.

D. Khởi thảo Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 8. Từ năm 1925 đến 1930, có sự kiện nào có tác dụng trực tiếp đối với sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam?

A. Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên.

B. Ba tổ chức cộng sản được thành lập ở Việt Nam.

C. Nguyễn Ái Quốc về nước truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê-nin

D. Sự chấm dứt hoạt động của Việt Nam Quốc dân đảng.

Câu 9. Chọn câu đúng để điền vào chỗ trống câu sau đây: "Muốn cứu nước, muốn giải phóng dân tộc không có con đường nào khác......................"

A. Con đường Cách mạng tháng Mười Nga.

B. Con đường cách mạng dân chủ tư sản.

C. Con đường cách mạng vô sản.
D. Con đường cách mạng thuộc địa.

Câu 10. Chọn sự kiện ở cột A cho phù hợp với cột B sau đây:

A	B
1. Phan Bội Châu	A. Bản án chế độ thực dân Pháp.
2. Phan Châu Trinh	B. Mưu sát tên toàn quyền Méc-lanh.
3. Phạm Hồng Thái	C. Khởi xướng phong trào Đông du.
4. Nguyễn Ái Quốc	D. Thực hiện chủ trương cải cách dân chủ. E. Lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Yên Bái. G. Tìm con đường cứu nước sang phương Tây. H. Bị bắt ở Trung Quốc.

Câu 11. Trong các sự kiện sau đây, sự kiện nào co liên hệ trực tiếp đến việc Nguyễn Ái Quốc sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam?
A. Nguyễn ái Quốc tham dự Đại hội Tua của Đảng Xã hội Pháp.
B. Nguyễn Ái Quốc viết Cương lĩnh Chính trị đầu tiên của Đảng.
C. Nguyễn Ái Quốc triệu tập Hội nghị thống nhất ba tổ chức cộng sản.
D. Tất cả các sự kiện trên.

Câu 12. Chủ nghĩa Mác – Lê-nin được truyền bá vào Việt Nam bằng con đường nào là cơ bản nhất?
A. Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc.
B. Hoạt động của các thủy thủ trên tàu viễn dương.
C. Thông qua sách báo từ nước ngoài gởi về.
D. Họat động của các tổ chức cộng sản.

Câu 13. Nội dung nào dưới đây không thuộc Cương lĩnh Chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam?
A. Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới.
B. Cách mạng Việt Nam phải trải qua 2 giai đoạn: cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng XHCN.
C. Lực lượng cách mạng Việt Nam là công nhân và nông dân.
D. Vai trò lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Câu 14. Vấn đề khác nhau giữa Cương lĩnh Chính trị và Luận cương Chính trị tháng 10-1930 là gì?
A. Về con đường cách mạng Việt Nam.
B. Về nhiệm vụ và lực lượng cách mạng Việt Nam.
C. Về vị trí của cách mạng Việt Nam.
D. Câu A và B đều đúng.

Câu 15. Xác định mối quan hệ cặp đôi giữa các niên đại và sự kiện sau đây:

Niên đại	*Sự kiện*
1/ 5-6-1911	A. Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên.
2/ 7-1920	B. Nguyễn Ái Quốc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
3/ 6-1925	C. Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước.
4/ 3-2-1930	D. Nguyễn Ái Quốc đọc Sơ thảo luận cương của Lê-nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa.

Câu 16. Các tổ chức chính trị sau đây, tổ chức nào của giai cấp vô sản?
A. Tân Việt Cách mạng đảng.
B. Việt Nam Quốc dân đảng.
C. Đảng Lập hiến.
D. Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên.

Câu 17. Đảng Cộng sản Việt Nam đổi tên thành Đảng Cộng sản Đông Dương vầ thời gian nào?
A. 3-1930. B. 8-1930. C. 10-1930. D. 3-1935.

Câu 18. Ý nghĩa lớn nhất về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là gì?
A. Là sự kết hợp tất yếu của quá trình đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp ở Việt Nam.
B. Mở ra một bước ngoặt lịch sử vô cùng quan trọng trong lịch sử Việt Nam.
C. Chấm dứt thời kì khủng hoảng về đường lối của cách mạng VIệt Nam.
D. Là bước chuẩn bị tất yếu đầu tiên có tính chất quyết định cho bước phát triển nhảy vọt về sau của cách mạng Việt Nam.

Câu 19. Vì sao cách mạng Việt Nam phải đi theo con đường cách mạng vô sản
A. Con đường phong kiến và tư sản đã lỗi thời, lạc hậu.
B. Giai cấp vô sản đại diện cho lực lượng sản xuất tiến tiến.
C. Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới.
D. Câu A và B đúng.

Câu 20. Tác phẩm nào của Nguyễn Ái Quốc nêu rõ mối quan hệ giữa cách mạng thuộc địa và cách mạng chính quốc?
A. “Người cùng khổ”.
B. “Bản án chế độ thực dân Pháp”
C. “Đường cách mệnh”.
D. Tất cả các tác phẩm trên.

2. GIAI ĐOẠN 1930-1945:

Câu 1. Điểm nổi bật nhất của phong trào cách mạng 1930-1931 là gì?
A. Vai trò lãnh đạo của Đảng và thực hiện liên minh công – nông.
B. Tập hợp đông đảo quần chúng thành lập đội quân chính trị.
C. Đảng kiên định trong đấu tranh.
D. Tất cả cùng đúng.

Câu 2. Hai khẩu hiệu “Độc lập dân tộc” và “Ruộng đất dân cày” được thể hiện rõ nét nhất trong thời kì cách mạng nào?
A. 1930-1931. B. 1932-1935 C. 1936-1939. D. 1939-1945

Câu 3. Hạn chế về lực lượng cách mạng mà Luận cương Chính trị tháng 10-1930 đã nêu ra được sửa chữa trong thời kì cách mạng nào?
A. 1930-1931. B. 1932-1935 C. 1936-1939. D. 1939-1945.

Câu 4. Tính chất cách mạng triệt để của phong trào cách mạng 1930-1931 được thể hiện như thế nào?
A. Phong trào thực hiện sự liên minh công – nông vững chắc.
B. Phong trào đấu tranh liên tục từ Bắc đến Nam.
C. Phong trào đã giáng một đòn quyết liệt vào bọn thực dân, phong kiến.
D. Phong trào đã sử dụng hình thức vũ trang khởi nghĩa, đã giành được chính quyền ở một số địa phương thuộc Nghệ Tĩnh và thành lập chính quyền cách mạng Xô viết Nghệ Tĩnh.

Câu 5. Phong trào cách mạng 1930-1931 đạt đến đỉnh cao trong thời điểm lịch sử nào?

A. Từ tháng 2 đến tháng 4-1930. B. Từ tháng 5 đến tháng 8-1930.
C. Từ tháng 9 đến tháng 10-1930. D. Từ tháng 1 đến tháng 5-1931.

Câu 6. Điểm hạn chế về nhiệm vụ cách mạng của Luận cương Chính trị tháng 10-1930 được sửa chữa trong thời kì nào?

A. 1930-1931. B. 1936-1939 C. 1939-1941. D. 1941-1945.

Câu 7. Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933 đã ảnh hưởng nặng nề nhất đối với thời kì cách mạng nào ở Việt Nam?

A. 1930-1931 và 1936-1939. B. 1930-1931 và 1932-1935.
C. 1936-1939 và 1939-1941. D. 1939-1945.

Câu 8. So với thời kì 1930-1931, kẻ thù trong thời kì cách mạng 1936-1939 chủ yếu, trước mắt là bọn nào?

A. Thực dân Pháp và phong kiến tay sai.
B. Thực dân Pháp và phát xít Nhật.
C. Thực dân Pháp là kẻ thù chủ yếu, trước mắt.
D. Bọn phản động thuộc địa Pháp và bọn tay sai của chúng.

Câu 9. Công tác mặt trận được xây dựng trong thời kì cách mạng 1930-1931 gọi tên là gì?

A. Mặt trận Nhân dân phản đế Đông Dương.
B. Mặt trận Dân chủ Đông Dương.
C. Hội Phản đế Đông Dương.
D. Mặt trận Dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương.

Câu 10. Trong các mặt trận sau đây, mặt trận nào thực hiện vai trò tập hợp quần chúng đấu tranh đòi các quyền dân sinh, dân chủ?

A. Mặt trận Việt Minh.
B. Mặt trận Dân chủ Đông Dương.
C. Mặt trận Dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương.
D. Tất cả các mặt trận trên.

Câu 11. Mục tiêu đấu tranh trong thời kì cách mạng 1930-1931 là gì?

A. Chống đế quốc và phong kiến đòi độc lập dân tộc và ruộng đất dân cày.
B. Chống bọn phản động thuộc địa và tay sai của chúng đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình.
C. Chống đế quốc và phát xít Pháp - Nhật đòi độc lập cho dân tộc.
D. Chống phát xít, chống chiến tranh, bảo vệ hòa bình.

Câu 12. Mục tiêu đấu tranh trong thời kì cách mạng 1936-1939 là gì?

A. Giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp.
B. Đòi các quyền tự do dân chủ.
C. Giải phóng dân tộc là mục tiêu hàng đầu.
D. Tất cả các mục tiêu trên.

Câu 13. Giương cao hơn nữa ngọn cờ giải phóng dân tộc, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu và cấp bách hơn bao giờ hết. Đó là nhiệm vụ cách mạng trong thời kì nào?

A. 1930-1931. B. 1936-1939. C. 1939-1941. D.1941-1945.

Câu 14. Chọn sự kiện ở cột B cho phù hợp với cột A sau đây:

A	*B*
1- 1930-1931	A. Giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu
2- 1932-1935	B. Đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình.
3- 1936-1939	C. "Độc lập dân tộc" và "Ruộng đất dân cày".
4-1939-1945	D. Đấu tranh bí mật để củng cố lực lượng cách mạng.

Câu 15. Chọn các niên đại sau đây thể hiện vai trò của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đối với Cách mạng tháng Tám 1945?

A. 10 đến 19-5-1941; 22-12-1944; 16 đến 18-8-1945.
B. 28-1-1941; 10-5-1941; 16-5-1945.
C. 13 đến 18-8-1945; 16-5-1945; 19-8-1945.
D. Tất cả các sự kiện trên.

Câu 16. Mặt trận Việt Minh ra đời trong sự kiện lịch sử nào dưới đây?

A. Hội nghị lần thứ 6 của Đảng (11-1939).
B. Hội nghị toàn quốc của Đảng (13 đến 15-8-1945.
C. Đại hội Quốc dân Tân Trào – Tuyên Quang (16 đến 18-8-1945).
D. Hội nghị lần thứ 8 của Đảng (10 đến 19-5-1941).

Câu 17. Mặt trận Dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương ra đời vào thời gian nào?

A. 1936-1939. B. 1939-1941. C. 1941-1945. D. 1930-1931.

Câu 18. Hãy điền niên đại vào sự kiện lịch sử sau đây:

A. 12-9-1930..
B. 3-1935...
C. 1-5-1938..
D. 28-1-1941..

Câu 19. Thời kì tiền khởi nghĩa trong Cách mạng tháng Tám được tính trong thời gian nào dưới đây?

A. Từ 5-1941 đến 9-3-1945. B. Từ 9-3-1945 đến trước tháng 8-1945.
C. Từ 13-8 đến 19-8-1945. D. Từ 9-3 đến 19-8-1945.

Câu 20. Chỉ thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" được Đảng ta đề ra trong thời điểm lịch sử nào?

A. Đêm 09-3-1945. B. Ngày 12-3-1945.
C. Ngày 14-8-1945. D. Ngày 19-8-1945.

Câu 21. Thời cơ trong Cách mạng tháng Tám được xác định vào thời điểm lịch sử nào?

A. 09-3-1945. B. 12- 8-1945. C. 14-8-1945. D. 16-8-1945.

Câu 22. Khi Cách mạng tháng Tám giành thắng lợi ở Hà Nội, Bác Hồ đang ở đâu?

A. Bắc Pó – Cao Bằng. B. Hà Nội.
C. Tân Trào – Tuyên Quang. D. Quảng Châu– Trung Quốc.

Câu 23. Sự kiện nào trong Chiến tranh thế giới thứ hai có tác động tạo thời cơ khách quan thuận lợi cho Cách mạng tháng Tám giành chính quyền nhanh chóng và ít đổ máu?

A. 19-5-1945, Hồng quân Liên Xô đánh bại phát xít Đức.
B. 08-8-1945, Hồng quân Liên Xô đánh bại một triệu quân Quan Đông Nhật.

C. 14-8-1945, phát xít Nhật bị Đồng minh đánh bại.
D. 15-8-1945, phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện.

Câu 24. Chiến tranh thế giới lần thứ hai kết thúc trước khi Cách mạng tháng Tám giành thắng lợi. Đúng hay sai?

A. Đúng. B. Sai.

Câu 25. Hãy điền vào chỗ trống câu sau đây cho đúng: "Chiều ngày 16 tháng 8, theo lệnh của Ủy ban khởi nghĩa, một đội quân giải phóng do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy, xuất phát từ ....về giải phóng thị xã Thái Nguyên.

A. Từ Bắc Pó. B. Từ Tân Trào.
C. Từ Tuyên Quang. D. Từ Cao Bằng.

Câu 26. Sự kiện lịch sử nào dưới đây nằm trong cao trào kháng Nhật cứu nước?

A. Khởi nghĩa Ba Tơ (11-3-1945).
B. Phá kho thóc Nhật để giải quyết nạn đói.
C. Khởi nghĩa giành chính quyền ở Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam.
D. Câu A và B đúng.

Câu 27. "Tôi thà làm dân nước tự do còn hơn làm vua nước nô lệ". Đó là câu nói của ai?

A. Trần Bình Trọng. B. Nguyễn Trung Trực.
C. Nguyễn Thái Học. D. Bảo Đại.

Câu 28. Mười lăm ngày Tổng khởi nghĩa thắng lợi trong Cách mạng tháng Tám được tính từ mốc lịch sử nào?

A. 14-8-1945 đến 28-8-1945. B. 15-8-1945 đến 30-8-1945.
C. 16-8-1945 đến 30-8-1945. D. 18-8-1945 đến 2-9-1945.

Câu 29. Cách mạng tháng Tám thắng lợi trên thực tế nhân dân ta giành chính quyền từ tay bọn nào?

A. Pháp - Nhật và bọn phong kiến tay sai. B. Nhật và bọn phong kiến tay sai.
C. Bọn phong kiến. D. Tất cả đều đúng.

Câu 30. Sự kiện lịch sử nào chứng tỏ Đảng ta đã hoàn thành việc chuẩn bị về chủ trương, đường lối cho Cách mạng tháng Tám?

A. Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (11-1939).
B. Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (5-1941).
C. Hội nghị toàn quốc (13 đến 15-8-1945).
D. Đại hội Quốc dân Tân Trào (16 đến 18-8-1945).

Câu 31. Ngày 30-8-1945 ghi dấu sự kiện lịch sử nào trong Cách mạng tháng Tám 1945?

A. Cách mạng tháng Tám thành công trong cả nước.
B. Tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở Sài Gòn.
C. Vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị.
D. Cách mạng tháng Tám giành thắng lợi ở Hà Nội.

Câu 32. Nguyên nhân quyết định nhất của thắng lợi Cách mạng tháng Tám là gì?

A. Phát xít Nhật bị Đồng minh đánh bại.
B. Đảng Cộng sảng Đông Dương lãnh đạo.

C. Dân tộc Việt Nam có truyền thống yêu nước chống ngoại xâm.
D. Tất cả các nguyên nhân trên.

Câu 33. Sự kiện lịch sử nào chứng tỏ Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đón nhận Đồng minh vào trong Cách mạng tháng Tám?

A. Hội nghị toàn quốc (13 đến 15-8-1945).
B. Đại hội Quốc dân Tân Trào (16 đến 18-8-1945).
C. Hội nghị Quân sự Bắc Kì (5-1945).
D. Câu A và B đúng.

Câu 34. Đội Việt Nam giải phóng quân ra đời trên cơ sở kết hợp giữa các lực lượng nào?

A. Đội du kích Bắc Sơn và du kích Thái Nguyên.
B. Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân và đội du kích Bắc Sơn.
C. Đội du kích Ba Tơ và đội Cứu quốc quân.
D. Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân và đội Cứu quốc quân.

Câu 35. Chọn một sự kiện không đồng nhất trong các sự kiện sau đây:

A. Khởi nghĩa Ba Tơ (11-3-1945). B. Khởi nghĩa ở Hà Nội (19-8-1945)
C. Khởi nghĩa ở Huế (23-8-1945). D. Khởi nghĩa ở Sài Gòn (25-8-1945).

Câu 36. Niên đại nào dưới đây không thuộc thời kì tiền khởi nghĩa trong Cách mạng tháng Tám 1945?

A. 9-3-1945. B. 12-3-1945.
C. 14-8-1945. D. Tất cả các niên đại trên.

Câu 37. Tên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời trong thời điểm lịch sử nào?

A. Trong Hội nghị toàn quốc 13 đến 15-8-1945.
B. Trong khởi nghĩa thắng lợi ở Hà Nội.
C. Trong Đại hội Quốc dân Tân Trào (16 đến 18-8-1945).
D. Trong Tuyên ngôn Độc lập (2-9-1945).

Câu 38. Nội dung nào dưới đây khẳng định độc lập chủ quyền của dân tộc ta trên phương diện pháp lý và thực tiễn?

A. Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của thực dân Pháp hơn 80 năm nay... dân tộc đó phải được tự do, dân tộc đó phải được độc lập.
B. Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do, độc lập và thật sự đã trở thành một nước tự do, độc lập.
C. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy.
D. Tất cả các nội dung trên.

Câu 39. "Hỡi quốc dân đồng bào! ...... Phát xít Nhật đã đầu hàng Đồng minh, quân Nhật đã bị tan rã tại khắp các mặt trận, kẻ thù chúng ta đã ngã gục...".

Câu nói đó thể hiện điều gì trong Cách mạng tháng Tám?

A. Thời cơ khách quan thuận lợi.
B. Thời cơ chủ quan thuận lợi.
C. Cách mạng tháng Tám đã thành công.
D. Thời kì tiền khởi nghĩa đã bắt đầu.

Câu 40. Tính chất của Cách mạng tháng Tám là gì?

A.Cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới. B. Cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân.

C. Cách mạng vô sản. D. Cách mạng cung đình.

3. GIAI ĐOẠN 1945-1954:

Câu 1. Nêu khó khăn lớn nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sau Cách mạng tháng Tám?

A. Giặc đói. B. Giặc dốt.

C. Khó khăn về tài chính. D. Khó khăn về giặc ngoại xâm.

Câu 2. Đối sách của Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện sách lược mềm dẻo với quân đội Tưởng ở miền Bắc như thế nào?

A. Độc lập chủ quyền của nước ta phải được giữ vững.

B. Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đứng đầu Đảng và Chính phủ.

C. Cung cấp lương thực cho 20 vạn quân Tưởng ở miền Bắc.

D.Tất cả các đối sách trên.

Câu 3. Vì sao Đảng ta chủ trương chuyển từ nhân nhượng với Tưởng sang hòa hoãn với Pháp?

A. Pháp - Tưởng kí Hòa ước Hóa- Pháp (28-2-1946).

B. Pháp mạnh hơn Tưởng.

C. Tưởng chuẩn bị rút quân về nước.

D. Pháp, Tưởng đang tranh chấp Việt Nam.

Câu 4. Nội dung nào dưới đây thể hiện tính nguyên tắc trong Hiệp định sơ bộ ngày 6-3-1946?

A. Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một quốc gia tự do nằm trong Liên hiệp Pháp.

B. Hai bên thực hiện ngừng bắn ở Nam Bộ.

C. Nước Việt Nam có chính phủ riêng, có quân đội riêng và nền tài chính riêng.

D. Chính phủ Việt Nam chấp nhận cho Pháp đưa 15.000 quân ra miền Bắc Việt Nam.

Câu 5. Việc kí kết Hiệp định sơ bộ ngày 6-3-1946 của ta nhằm mục đích gì?

A. Chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

B. Phân hóa kẻ thù, tập trung đánh kẻ thù chủ yếu.

C. Tạo điều kiện để xây dựng đất nước sau chiến tranh.

D. Thể hiện thiện chí của ta trên trường quốc tế.

Câu 6. "......Chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới..." Điều gì nói lên sự thật đó?

A. Pháp - Tưởng kí Hòa ước Hoa – Pháp (25-2-1946) để Pháp mở rộng chiến tranh xâm lược ra miền Bắc.

B. Pháp đánh chiếm Hải Phòng (27-11-1946).

C. Pháp gởi tối hậu thư đòi Chính phủ ta giải tán lực lượng vũ trang, giao quyền kểm soát thủ đô Hà Nội cho chúng (18-12-1946).

D. Câu A và B đúng.

Câu 7. Cuộc chiến đấu của quân dân ta ở các đô thị nhằm thực hiện mục đích gì?

A. Phá tan âm mưu xâm lược ngay từ đầu của thực dân Pháp.

B. Tiêu diệt sinh lực địch để kết thúc nhanh chiến tranh.

C. Tiêu hao sinh lực địch, giam chân địch trong thành phố, đảm bảo cho cơ quan đầu não của Đảng và Chính phủ rút về căn cứ cách mạng an toàn.

D. Tất cả các mục đích trên.

Câu 8. Cuộc chiến đấu ở các đô thị của quân dân ta đã phá tan được âm mưu nào của thực dân Pháp?

A. Đánh nhanh, thắng nhanh. B. Đánh úp.

C. Dùng người Việt trị người Việt. D. Lấy chiến tranh nuôi chiến tranh.

Câu 9. Trong các chiến thắng sau đây, chiến thắng nào đã đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân ta tiến lên bước phát triển nhảy vọt.

A. Cuộc chiến đấu ở các đô thị. B. Chiến dịch Việt Bắc thu – đông 1947.

C. Chiến dịch Biên giới thu – đông 1950. D. Câu A và B đúng.

Câu 10. Chiến dịch nào dưới đây thể hiện cách đánh du kích ngắn ngày của ta?

A. Cuộc chiến đấu ở các đô thị. B. Chiến dịch Việt Bắc thu- đông 1947.

C. Chiến dịch Biên giới thu- đông 1950. D. Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954.

Câu 11. Chiến dịch nào dưới đây thể hiện cách đánh diệt viện của ta?

A. Chiến dịch Hòa Bình. B. Chiến dịch Tây Bắc.

C. Chiến dịch Việt Bắc. D. Chiến dịch Biên giới.

Câu 12. Âm mưu "đánh nhanh, thắng nhanh" của Pháp bị thất bại hoàn toàn bởi chiến thắng nào của ta?

A. Chiến dịch Việt Bắc thu – đông 1947. B. Chiến dịch Biên giới thu – đông 1950.

C. Chiến cuộc Đông – Xuân 1953-1954. D. Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954.

Câu 13. Trận chiến đấu ác liệt nhất trong chiến dịch Biên giới thu – đông 1950 là trận nào?

A. Thất Khê. B. Cao Bằng. C. Đông Khê. D. Đình Lập.

Câu 14. Ai là người trực tiếp nghiên cứu, phê chuẩn, chỉ đạo kế hoạch tác chiến từ Trung ương đến địa phương phục vụ cho chiến dịch Biên giới thu – đông 1950?

A. Trường Chinh. B. Võ Nguyên Giáp. C. Phạm Văn Đồng. D. Hồ Chí Minh.

Câu 15. Ai là người nhờ đồng đội chặt cánh tay bị thương rồi tiếp tục xông lên phá lô cốt địch trong chiến dịch Biên giới thu – đông 1950?

A. La Văn Cầu. B. Trần Cừ. C. Triệu Thị Soi. D. Đinh Thị Dậu.

Câu 16. Ai là người lấy thân mình lấp lỗ châu mai, mở đường cho đơn vị xông lên đánh địch trong chiến dịch Biên giới thu - đông 1950.

A. Trần Cừ. B. La Văn Cầu. C. Phan Đình Giót. D. Bế Văn Đàn.

Câu 17. Chủ tich Hồ Chí Mih kêu gọi: "Phá cho rộng, phá cho sâu, phá cho bọn Pháp không lợi dụng được...". Lời kêu gọi ấy phục vụ cho đường lối kháng chiến nào của Đảng ta?

A. Toàn dân. B. Toàn diện. C. Lâu dài. D. Tự lực cánh sinh.

Câu 18. Tiến hành chiến tranh tổng lực, bình định cho được vùng lấn chiếm. Đó là kế hoạch nào của Pháp?

A. Đác-giăng-li-ơ. B. Rơ-ve.

C. Đờ Lát đơ Tát-xi-nhi. D. Na-va.

Câu 19. Na-va là tướng tài của Mĩ được điều động sang làm tổng chỉ huy quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương. Đúng hay sai?

A. Đúng. B. Sai.

Câu 20. Ngày 3-3-1951, diễn ra sự kiện tiêu biểu nào thể hiện việc xây dựng hậu phương trong kháng chiến chống Pháp?

A. Thành lập mặt trận Việt – Miên – Lào. B. Thành lập mặt trận Việt Minh.

C. Thành lập Hội Quốc dân Việt Nam. D. Thành lập mặt trận Liên Việt.

Câu 21. Trong các sự kiện chính trị sau đây, sự kiện nào có tính chất quyết định nhất có tác dụng đưa cuộc kháng chiến tiến lên?

A. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II (2-1951).

B. Đại hội thống nhất mặt trận Việt Minh và Liên Việt (3-1951).

C. Đại hội anh hùng và chiến sỹ thi đua toàn quốc (5-1951).

D. Tất cả các sự kiện trên.

Câu 22. Từ năm 1951 đến 1953, quân ta liên tiếp giành được thắng lợi trên mặt trận quân sự, hãy xác định chiến dịch quan trọng nhất trong các chiến dịch sau?

A. Chiến dịch Trung du. B. Chiến dịch Đường số 18.

C. Chiến dịch Hòa Bình D. Chiến dich Tây Bắc.

Câu 23. Ai là anh hùng trí thức đươc biểu dương trong Đại hội anh hùng và chiến sỹ thi đua toàn quốc (5-1951)?

A. Nguyễn Quốc Trị. B. Hoàng Oanh.

C. Ngô Gia Khảm. D. Trần Đại Nghĩa.

Câu 24. Chiến dịch nào của ta trong cuộc kháng chiến chống Pháp đã làm phá sản kế hoạch Rơ-ve?

A. Chiến dịch Việt Bắc thu – đông 1947. B. Chiến dịch Biên giới thu – đông 1950.

C. Chiến dịch Hòa Bình 1951-1952. D. Chiến dịch Tây Bắc 1952.

Câu 25. Chiến dịch nào của ta trong cuộc kháng chiến chống Pháp làm phá sản hoàn toàn kế hoạch Na-va?

A. Chiến dịch Biên giới thu – đông 1950.

B. Chiến cuộc Đông – Xuân 1953-1954.

C. Chiến dịch Hòa Bình, Tây Bắc, Thượng Lào (1951-1953).

D. Chiến dịch Điên Biên Phủ.

Câu 26. Điền vào chỗ trống câu sau đây: "Bước 1 của kế hoạch Na-va từ thu đông 1953 và xuân 1954 sẽ giữ vững phòng ngự chiến lược ở............"

A. Miền Bắc. B. Miền Nam.

C. Cả hai miền Nam- Bắc. D. Tây Bắc.

Câu 27. Vì sao tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ trở thành trung tâm của kế hoạch Na-va?

A. Điện Biên Phủ có vị trí chiến lược quan trọng và cách xa hậu phương của ta.

B. Điện Biên Phủ được địch chiếm từ lâu.

C. Điện Biên Phủ được Pháp xây dựng kiên cố.

D. Câu A và C đúng.

Câu 28. Hãy xác định nội dung ở cột A cho phù hợp với cột B sau đây:

A	*B*
1. Kế hoạch Na-va bước đầu bị phá sản.	A. Địch phân tán lực lượng ở đồng bằng Bắc Bộ ứng chiến cho Điện Biên Phủ, Sê-nô.
	B. Ba đợt tấn công của ta giành thắng lợi trong chiến dịch Điện Biên Phủ.
2. Kế hoạch Na-va bị phá sản hoàn toàn.	C. Địch điều quân từ Bình - Trị -Thiên lên tăng cường cho Tây Nguyên.
	D. Địch tăng cường lực lượng cho Tây Nguyên và Mường Sài.

Câu 29. Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, ai là người lấy thân mình lấp lỗ châu mai của địch?

A. Phan Đình Giót. B. Bế Văn Đàn.

C. Tô Vĩnh Diện D. La Văn Cầu.

Câu 30. Hội nghị Giơ-ne-vơ về vấn đề chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Đông Dương được khai mạc vào thời gian nào?

A. 24-4-1954. B. 26-4-1954 C. 24-6-1954 D. 8-5-1954.

Câu 31. Phái đoàn của ta do phó thủ tướng Phạm Văn Đồng dẫn đầu đến Hội nghị Giơ-ne-vơ lúc nào?

A. 26-4-1954. B. 7-5-1954. C. 8-5-1954. D. 21-7-1954.

Câu 32. Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một quốc gia tự do.....Đó là nội dung của văn bản nào?

A. Hiệp định Giơ-ne-vơ. B. Hiệp định sơ bộ.

C. Tạm ước 14-9-1946. D. Tất cả đều đúng.

Câu 33. Thời gian nào dưới đây gắn với kế hoạch Bô-la-ec?

A. 12-1946 đến 2-1947. B. 3-1947 đến 12-1947.

C. 12-1947 đến 9-1950. D. 10-1950 đến 5-1951.

Câu 34. Tên tướng nào của Pháp thực hiện kế hoạch đánh lên Việt Bắc lần thứ hai?

A. Bô-la-ec. B. Rơ-ve.

C. Đờ Lát đơ Tát-xi-nhi. D. Đác-giăng-li-ơ.

Câu 35. Từ khi chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc đến khi các văn bản cuối cùng của Hội nghị Giơ-ne-vơ được kí kết là bao nhiêu ngày?

A. 10 ngày. B. 15 ngày. C. 20 ngày. D. 21 ngày.

Câu 36. Trong ba đợt tấn công địch ở Điện Biên Phủ, đợt tấn công nào gay go, quyết liệt nhất?

A. Đợt 1. B. Đợt 2. C. Đợt 3. D. Đợt 1 và 3.

Câu 37. Phương châm "đánh chắc, tiến chắc" của Đảng ta được được đề ra trong thời gian nào?

A. Chiến cuộc Đông –Xuân 1953-1954. B. Chiến dịch Điện Biên Phủ.

C. Chiến dịch Biên giới thu – đông 1950. D. Tất cả đều đúng.

Câu 38. Thắng lợi quyết định nhất trong cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta thể hiện trên mặt trận nào?

A. Chính trị, ngoại giao. B. Kinh tế, văn hóa.

C. Quân sự. D. Chính trị, quân sự, văn hóa.

Câu 39. Chiến dịch Điện Biên Phủ thắng lợi được đánh giá như "Một mốc lịch sử bằng vàng". Đó là câu nói của ai?

A. Võ Nguyên Giáp. B. Hồ Chí Minh.

C. Phạm Văn Đồng. D. Trường Chinh.

Câu 40. ***"Chín năm làm một Điện Biên***
Nên vành hoa đỏ, nên thiêng sử vàng"

Hai câu thơ đó của nhà thơ nào?

A. Chế Lan Viên. B. Huy Cận. C. Tố Hữu. D. Tế Hanh.

4. GIAI ĐOẠN 1954 –1975:

Câu 1. Đời tổng thống nào của Mĩ thực hiện chiến lược Chiến tranh một phía ở miền Nam Việt Nam?

A. Ken-nơ-đi. B. Ai-xen-hao. C. Giôn-xơn. D. Ních-xơn.

Câu 2. Với chiến thắng trong phong trào Đồng khởi của quân dân miền Nam đã làm phá sản chiến lược chiến tranh nào của Mĩ?

A. Chiến tranh một phía. B. Chiến tranh đặc biệt.

C. Chiến tranh cục bộ. D. Việt Nam hóa chiến tranh.

Câu 3. Chiến lược Chiến tranh cục bộ là một loại hình chiến tranh thực dân cũ của Mĩ. Đúng hay sai?

A. Đúng. B. Sai.

Câu 4. Để thực hiện chiến lược "Chiến tranh đặc biệt", Mĩ đã sử dụng lực lượng nào là chủ yếu?

A. Lực lượng quân ngụy. B. Lực lượng quân viễn chinh Mĩ.

C. Lực lượng quân Mĩ và chư hầu. D. Tất cả các lực lượng trên.

Câu 5. Chiến thắng Bình Giã (12-1964) đã góp phần làm phá sản chiến lược chiến tranh nào của Mĩ?

A. "Chiến tranh cục bộ" B. "Chiến tranh đặc biệt"

C. "Chiến tranh một phía" D. "Việt Nam hóa" chiến tranh.

Câu 6. Đế quốc Mĩ tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất vào thời gian nào?

A. 1960-1964. B. 1965-1968 C. 1969-1973 D. 1965-1969.

Câu 7. Chiến thắng nào chủ ta chứng tỏ rằng quân dân miền Nam đủ khả năng đánh bại quân chủ lực Mĩ?

A. Chiến thắng Ấp Bắc – Mĩ Tho. B. Chiến thắng Bình Giã – Bà Rịa.

C Chiến thắng Vạn Tường - Quảng Ngãi. D. Chiến thắng Ba Gia - Quảng Ngãi.

Câu 8. Chiến thắng nào của ta có tính chất quyết định làm phá sản "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ?

A. Chiến thắng Vạn Tường - Quảng Ngãi.

B. Chiến thắng hai mùa khô 1965-1966; 1966-1967.

C. Cuộc Tổng công kích tổng nổi dậy Tết Mậu Thân 1968.

D. Tất cả các chiến thắng trên.

Câu 9. Ai-xen-hao là Tổng thống Mĩ thực hiện Chiến tranh đặc biệt tại Việt Nam. Đúng hay sai?

A. Đúng B. Sai.

Câu 10. Hãy xác định nội dung ở cột A cho phù hợp với cột B?

A	B
1. "Chiến tranh cục bộ"	A. Chiến thắng Ấp Bắc – Mĩ Tho (2-1-1963).
2. "Chiến tranh đặc biệt"	B. Chiến thắng Vạn Tường - Quảng Ngãi (18-8-1965).
3. "Việt Nam hóa" chiến tranh	C. Chiến thắng Bình Giã (12-1964).
	D. Cuộc tiến công chiến lược 1972.
	E. Chiến thắng hai mùa khô 1965-1966; 1966-1967.

Câu 11. Thất bại trong chiến lược chiến tranh nào buộc Mĩ phải chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán với ta ở Hội nghị Pa-ri?

A. Trong Chiến tranh đặc biệt.

B. Trong Chiến tranh cục bộ.

C. Trong Việt Nam hóa chiến tranh.

D. Trong chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai.

Câu 12. Trong lúc Mĩ tiến hành chiến tranh phá hoại lần thứ nhất ở miền Bắc, Mĩ đã áp dụng loại hình chiến lược chiến tranh nào ở miền Nam?

A. Chiến tranh một phía. B. Chiến tranh đặc biệt

C. Chiến tranh cục bộ. D. Việt Nam hóa chiến tranh

Câu 13. Loại hình chiến tranh nào của Mĩ ở Việt Nam được tiến hành bởi hai đời tổng thống?

A. Chiến tranh một phía. B. Chiến tranh đặc biệt.

C. Chiến tranh cục bộ. D. Việt Nam hóa chiến tranh

Câu 14. Nặm đời tổng thống Mĩ thực hiện chiến tranh xâm lược Việt Nam, đời tổng thống nào ném lấy thất bại cuối cùng, đau đớn nhất?

A. Ai-xen-hao. B. Giôn-xơn. C. Ních-xơn. D. Pho.

Câu 15. Tổng thống nào của Mĩ gắn với sự sụp đổ của chính quyền bù nhìn Ngô Đình Diệm?

A. Ken-nơ-đi. B. Giôn-xơn. C. Ních-xơn. D. Pho.

Câu 16. Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu để phản đối chính quyền Ngô Đình Diệm vào thời gian nào? Ở đâu?

A. 11-5-1963. Ở Hà Nội. B. 11-7-1963. Ở Huế.

C. 11-6-1963. Ở Sài Gòn. D. 1-11-1963. Ở Đà Nẵng.

Câu 17. Chiến thắng lớn nhất thể hiện tình đoàn kết keo sơn chiến đấu của quân dân Việt – Lào trong những năm 1969-1972 là:

A. Chiến thắng tại cánh đồng Chum – Xiêng khoảng Lào.

B. Chiến thắng trong việc đánh bại cuộc hành quân Lam Sơn 719, tại Đường 9 – Nam Lào.

C. Chiến thắng ở Sê-nô.

D. Chiến thắng ở Luông Pha-băng.

Câu 18. Phong trào đấu tranh chính trị của đồng bào miền Nam trong những năm 1969-1973 diễn ra rầm rộ nhất ở tỉnh, thành phố nào?

A. Sài Gòn, Đà Nẵng, Nha Trang. B. Huế, Đà Nẵng, Sài Gòn.

C. Sài Gòn, Hà Nội, Huế. D. Sài Gòn, Nha Trang, Huế.

Câu 19. Thắng lợi nào của quân dân miền Nam trong những năm 1970-1972 buộc Mĩ phải thừa nhận thất bại chiến lược "Việt Nam hóa" chiến tranh?

A. Cuộc tiến công chiến lược 1972, chủ yếu đánh vào Quảng Trị.
B. Đánh bại cuộc tập kích chiến lược bằng B52 của Mĩ trong 12 ngày đêm ở Hà Nội và Hải Phòng.
C. Trong chiến dịch Đông – Xuân 1969-1970.
D. Tất cả các thắng lợi trên.

Câu 20. Quá trình diễn biến của Hội nghị Pa-ri gắn với đời tổng thống nào của Mĩ?

A. Ken-nơ-đi, Ních-xơn. B. Giôn-xơn, Ních-xơn.
C. Ních-xơn, Pho. D. Giôn-xơn, Ních-xơn, Pho.

Câu 21. Hội nghị Pa-ri diễn ra trong khoảng thời gian nào?

A. 5-1968 đến 27-1-1973. B. Cuối năm 1969 đến đầu 1973.
C. 12-1972 đến 27-1-1973. D. 1970 đến 1973.

Câu 22. Thắng lợi trong Hội nghị Pa-ri ta đã đánh cho Mĩ cút, ngụy nhào. Đúng hay sai?

A. Đúng. B. Sai.

Câu 23. Để ép ta nhân nhượng, kí một hiệp định do Mĩ đặt ra, Ních-xơn đã cho máy bay B52 đánh vào đâu trong 12 ngày đêm năm 1972?

A. Hà Nội, Nam Định. B. Hà Nội. Hải Phòng.
C. Hà Nội Thanh Hóa. D. Nghệ An, Hà Tĩnh.

Câu 24. Ngày 2-3-1973, Hội nghị quốc tế về Việt Nam được triệu tại Pa-ri, gồm đại biểu các nước nào?

A. Liên Xô, Mĩ, Trung Quốc, Anh. B. Liên Xô, Trung Quốc, Pháp, Ca-na-đa.
C. Liên Xô, Trung Quốc, Anh, Pháp. D. Liên Xô, Pháp, Anh.

Câu 25. Sau khi Hiệp định Pa-ri kí kết tình hình ở miền Nam như thế nào?

A. Mĩ đã cút nhưng ngụy chưa nhào.
B. Cả Mĩ ngụy đều bị thất bại.
C. Ta đã giành thắng lợi mở nàn ở Tây Nguyên.
D. Ta kết thúc thắng lợi về quân sự và ngoại giao.

Câu 26. Sự kiện nào tác động đến Hội nghi Bộ chính trị (từ 18-12-1974 đến 9-1-1975) để Hội nghị quyết dịnh giải phóng miền Nam trong năm 1975?

A. Chiến thắng ở Buôn Ma Thuột. B. Chiến thắng Tây Nguyên.
C. Chiến thắng ở Quảng Trị. D. Chiến thắng Phước Long và Đường số 14.

Câu 27. Chiến thắng nào của ta trong năm 1975 đã chuyển cuộc tiến công chiến lược sang tổng tiến công chiến lược trên toàn miền Nam?

A. Chiến thắng Phước Long. B. Chiến thắng Tây Nguyên.
C. Chiến thắng ở Huế - Đà nẵng. D. Chiến thắng Quảng Trị.

Câu 28. Cùng thời gian với chiến dịch Tây Nguyên, ta còn mở chiến dịch đánh địch ở đâu?

A. Ở Phước Long. B. Ở Quảng Trị.
C. Ở Huế - Đà nẵng. D. Ở Nha Trang.

Câu 29. Chiến thắng nào của ta trong năm 1975 làm cho địch phải tháo chạy về hướng đông, tìm đường rút vào miền Nam?

A. Chiến Thắng ở Tây Nguyên. B. Chiến thắng ở Huế.
C. Chiến thắng ở Đà Nẵng. D. Chiến thắng ở Quảng Ngãi.

Câu 30. "Phải tập trung nhanh nhất binh khí kĩ thuật để giải phóng miền Nam trước mùa mưa ...". Chủ trương này ra đời trong thời điểm lịch sử nào?

A. Sau khi chiến dịch Tây Nguyên kết thúc.
B. Khi chiến dịch Huế - Đà Nẵng đang sôi động.
C. Ta chuẩn bị mở chiến dịch Hồ Chí Minh.
D. Khi chiến dịch Hồ Chí Minh đang tiếp diễn.

Câu 31. Sự kiện nào ở cột B gắn với cột A?

A	*B*
1. Nếu thời cơ đến đầu hoặc cuối năm 1975, thì giải phóng miền Nam ngay trong năm 1975.	A. Chiến dịch Tây Nguyên. B. Chiến dich Huế - Đà nẵng.
2. Tập trung nhanh nhất binh khí, kĩ thuật giải phóng miền Nam trước mùa mưa năm 1975.	C. Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Câu 32. Trận chiến đấu gay go, quyết liệt nhất trong chiến dịch Hồ Chí Minh là trận nào?

A. Trận Phước Long và Đường số 14. B. Trận đánh ở Phan Rang.
C. Trận đánh ở Xuân Lộc. D. Trận đánh ở sân bay Tân Sơn Nhất.

Câu 33. Thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta đã kết thúc bao nhiêu năm chiến tranh giải phóng dân tộc?

A. 15 năm. B. 21 năm. C. 20 năm. D. 30 năm.

Câu 34. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta đã có tác động mạnh mẽ nhất đối với phong trào giải phóng dân tộc ở khu vực nào trên thế giới?

A. Châu Á. B. Châu Phi.
C. Châu Mĩ La-tinh. D. Không phải các khu vực trên.

5. GIAI ĐOẠN 1975 – 2000

Câu 1. Điểm xuất phát đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta sau năm 1975 là

A. Một nền nông nghiệp đan xen với công nghiệp.
B. Một nền nông nghiệp lạc hậu.
C. Một nền kinh tế nhiều thành phần.
D. Một nền kinh tế phong kiến đan xen với tư bản chủ nghĩa.

Câu 2. Miền Nam phải đồng thời tiến hành cải tạo xã hội xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, đó là nguyên văn của:

A. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV.
B. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V.
C. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI.
D. Phiên họp đầu tiên Quốc hội khoá VI.

Câu 3. Tại phiên họp đầu tiên của Quốc hội khoá VI (1976), đã nêu nhiệm vụ của cách mạng miền Bắc là:

A. Tiếp tục hoàn thiện cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

B. Tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

C. Tiếp tục thực hiện công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa.

D. Thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa và bảo vệ Tổ quốc.

Câu 4. Đại hội lần thứ mấy của Đảng đã đề ra đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước?

A. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III.

B. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV.

C. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V.

D. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI.

Câu 5. Hai kế hoạch 5 năm (1976 – 1980 và 1981 – 1986) gắn với các đại hội nào của Đảng ta?

A. Đại hội lần thứ III và đại hội lần thứ IV.

B. Đại hội lần thứ III và đại hội lần thứ V.

C. Đại hội lần thứ IV và đại hội lần thứ V.

D. Đại hội lần thứ V và đại hội lần thứ VI.

Câu 6. Đến năm 1986, một yêu cầu cấp thiết cần phải tiến hành công cuộc đổi mới, đó là

A. Đất nước rơi vào tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội.

B. Đất nước chưa thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu.

C. Liên Xô và Đông Âu đã bị khủng hoảng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

D. Trung Quốc đang thực hiện công cuộc đổi mới.

Câu 7. Trong đường lối đổi mới, Đảng ta đã xác định lấy lĩnh vực nào dưới đây làm trọng tâm?

A. Kinh tế, chính trị.
B. Kinh tế.
C. Chính trị.
D. Kinh tế, chính trị, xã hội.

Câu 8. Đại hội lần thứ mấy của Đảng họp vào tháng 6 – 1991 nhằm bổ sung đường lối đổi mới?

A. Đại hội lần thứ VI.
B. Đại hội lần thứ VII.
C. Đại hội lần thứ VIII.
D. Đại hội lần thứ IX.

Câu 9. Ba chương trình kinh tế được nêu ra trong công cuộc đổi mới kinh tế là:

A. Lương thực, thực phẩm, hàng xuất khẩu.

B. Lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng.

C. Lương thực, thực phẩm, công nghiệp nặng.

D. Lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

Câu 10. Muốn thực hiện mục tiêu của ba chương trình kinh tế, phải làm gì?

A. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lí trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

B. Ưu tiên phát triển hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu trên cơ sở phát triển nông nghiệp.

C. Đặt nông nghiệp, kể cả lâm nghiệp và ngư nghiệp lên vị trí hàng đầu.

D. Chú trọng phát triển công, nông nghiệp một cách hợp lí.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. GIAI ĐOẠN 1919-1930:

1. A 2. D 3. B 4. B 5. A 6. A 7. A 8. B
9. C 10. 1: C, 2: D, H, 3: B. 4: A, G, H. 11. C 12. A 13. C 14. B
15. 1:C, 2: D, 3: A, 4: B
16. D 17. C 18. B 19. D 20. B

2. GIAI ĐOẠN 1930-1945:

1. A 2. A 3. C 4. D 5. C 6. C 7. A 8. D
9. C 10. B 11. A 12. B 13. D 14. 1: C, 2: D, 3: B, 4: A
15. A 16. D 17. B 18. 19. B 20. B 21. C 22. D
23. C 24. A 25. B 26. D 27. D 28. A 29. B 30. B
31. C 32. B 33. B 34. D 35. A 36. C 37. C 38. B
39. A 40. B

Câu 18:

Cuộc nổi dậy của hơn 2 vạn nông dân Hưng Nguyên – Nam Đàn- Nghệ An.
Đại hội lần thứ I của Đảng Cộng sản Đông Dương tại Ma Cao – Trung Quốc.
Cuộc biểu tình của hơn 2 vạn quần chúng tại Nhà Đấu xảo – Hà Nội.
Nguyễn Ái Quốc về nước tại Bắc Pó – Cao Bằng.

3. GIAI ĐOẠN 1945 – 1954:

1. D 2. C 3. A 4. C 5. B 6. D 7. C 8. B
9. C 10. B 11. D 12. A 13. C 14. D 15. A 16. A
17. C 18. C 19. B 20. D 21. A 22. C 23. D 24. B
25. D 26. A 27. D
28. 1:A, C, D. 2: B
29. A 30. B 31. C 32. B 33. B 34. B 35. B 36. B
37. A 38. C 39. B 40. C

4. GIAI ĐOẠN 1954 - 1975:

1. B 2. A 3. B 4. A 5. B 6. B 7. C 8. C
9. B 10. 1: B, E 2: A, C 3: D 11. B 12. C 13. D 14. C 15. A
16. C 17. B 18. B 19. A 20. B 21. A 22. B 23. B 24. C
25. A 26. D 27. B 28. B 29. C 30. C 31. 1: A, B. 2: C
32. C 33. D 34. C

5. GIAI ĐOẠN 1975 – 2000

1. B 2. D 3. B 4. B 5. C 6. A 7. B 8. B
9. D 10. C

MỤC LỤC

Lời mở đầu 3

PHẦN I: LỊCH SỬ THẾ GIỚI

***Chương I:* Bối cảnh quốc tế sau chiến tranh thế giới thứ hai**

Bài 1: Trật tự thế giới mới sau chiến tranh 5

***Chương II:* Liên xô và các nước Đông Âu (1945 – 1991) Liên bang Nga**

Bài 2: Liên xô và các nước Đông Âu (1945 – 1991) Liên bang Nga 10

***Chương III:* Các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh (1945 – 2000)**

Bài 3: Trung Quốc và bán đảo Triều Tiên 19
Bài 4: Các nước Đông Nam Á 25
Bài 5: Ấn Độ và khu vực Trung Đông 34
Bài 6: Các nước Châu Phi và Mĩ La-tinh 38

***Chương IV:* Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản (1945 – 2000)**

Bài 7: Nước Mĩ 46
Bài 8: Tây Âu 53
Bài 9: Nhật Bản 59

***Chương V:* Quan hệ quốc tế (1945 – 2000)**

Bài 10: Quan hệ quốc tế trong và sau thời kì chiến tranh lạnh 66

***Chương VI:* Cách mạng khoa học – công nghệ và xu thế toàn cầu hoá**

Bài 11: Cách mạng khoa học – công nghệ và xu thế toàn cầu hoá nửa sau thế kỉ XIX 73
Bài 12: Tổng kết lịch sử thế giới từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 2000 79

PHẦN II: LỊCH SỬ VIỆT NAM

***Chương I:* Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1930**

Bài 13: Những biến chuyển về kinh tế và xã hội ở Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất 84
Bài 14: Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ 1919 – 1925 92
Bài 15: Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1925 đến năm 1930 102

***Chương II:* Việt Nam từ năm 1930 đến năm 1945**

Bài 16: Phong trào cách mạng 1930 – 1935 118
Bài 17: Phong trào dân chủ 1936 – 1939 126
Bài 18: Phong trào giải phóng dân tộc 1939 – 1945 133
Bài 19: Cách mạng tháng Tám 1945 nước Việt Nam dân chủ cộng hoà được thành lập 148

***Chương III:* Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1954**

Bài 20: Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám 159
Bài 21: Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc (1946 – 1950) 165
Bài 22: Bước phát triển mới của cuộc kháng chiến toàn quốc chống pháp (1951 – 1953) 175
Bài 23: Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân pháp kết thúc (1953 – 1954) 184

***Chương IV:* Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975**

Bài 24: Miền Bắc thực hiện những nhiệm vụ kinh tế - xã hội, miền nam đấu tranh chống chế độ Mĩ - Diệm giữ gìn hoà bình (1954 – 1960) 191
Bài 25: Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ ở miền Nam (1981 – 1965) 198
Bài 26: Chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ ở miền Nam và chiến tranh phá hoại miền bắc lần thứ nhất (1965 – 1968) 205
Bài 27: Chiến đấu chống chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" ở miền Nam và chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai của đế quốc Mĩ (1969 – 1973) 214
Bài 28: Khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội miền bắc, giải phóng hoàn toàn miền Nam (1973 – 1975) 224

***Chương V:* Việt Nam từ năm 1975 đến năm 2000**

Bài 29: Việt Nam trong những năm đầu sau đại thắng mùa xuân 1975 234
Bài 30: Việt Nam xây dựng đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội, đấu tranh bảo vệ tổ quốc (1976 – 1986) 238
Bài 31: Việt Nam trên con đường đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội (1986 – 2000) 244

TỔNG KẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM 1919 - 1991 250